

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

J O N E S B Ø



C H I M

C Ồ

Đ Ồ



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI

LỜI ĐỀ TỪ

Nhưng rồi, dần dần, con chim có được can đảm, bay đến gần Chúa hơn, cái mỏ bé xíu nhỏ một cái gai đã ghim sâu vào trán của Đấng chịu Đóng đinh trên Thập giá. Khi nó làm thế, một giọt máu từ trên mặt Chúa nhỏ xuống ngực nó - nhanh chóng loang ra, nhuộm thắm đám lông trên khuôn ngực nhỏ mịn màng.

Thế rồi Chúa hé môi, thì thầm với con chim: “Nhờ lòng trắc ẩn của người, người đã có được tất cả những thứ mà giống loài của người vẫn hằng đeo đuổi, từ khi thế giới này được tạo ra.”

*Seltna Lagerloy, Chim cổ đỏ,
Những huyền thoại về Chúa Jesus,*

PHẦN I
ĐẤT ĐỐI ĐẤT

*Trạm thu phí tại Alnabru.**Ngày 1 tháng Mười một năm 1999.*

Một con chim lông xám chao lượn trong tầm nhìn của Harry. Mấy ngón tay anh gõ gõ trên vô lăng. Thời gian trôi chậm chạp. Hôm qua trên truyền hình ai đó đã nói về chuyện “thời gian trôi chậm chạp”. Đây là lúc thời gian trôi chậm lại. Như đêm Noel trước khi ông già Noel đến. Hay ngồi trên ghế điện trước khi dòng điện bật lên.

Anh gõ nhịp mạnh hơn.

Họ đỗ xe trong khu vực lộ thiên phía sau máy buồng bán vé tại cổng thu phí. Ellen vặn to radio lên một chút. Giọng của xướng ngôn viên vang lên đầy trang trọng và cung kính.

“Phi cơ đã hạ cánh cách đây năm mươi phút, và đúng 6 giờ 38 phút sáng ngài tổng thống đã đặt chân lên đất Na Uy. Ngài được thị trưởng Ullensaker nghênh tiếp. Hôm nay là một ngày thu tuyết vời ở Oslo: một khung cảnh Na Uy tráng lệ làm nền cho cuộc họp thượng đỉnh này. Chúng ta hãy cùng nghe lại những gì ngài tổng thống phát biểu tại cuộc họp báo nửa giờ trước.”

Lần thứ ba rồi. Một lần nữa Harry trông thấy các đoàn báo chí hò hét chen lấn bên hàng rào chắn. Mấy gã mặc com lê xám đứng phía bên kia hầu như chẳng buồn cố gắng sao cho khỏi giống Mật vụ, khom vai rồi lại thả lỏng khi theo dõi đám đông, kiểm tra tới lần thứ mười hai xem tai nghe đã ngay ngắn chưa, theo dõi đám ông, chú mục mấy giây vào tay chụp ảnh có ống kính tele hơi quá dài, tiếp tục theo dõi, kiểm tra tai nghe đến lần thứ

mười ba. Ai đó chào đón tổng thống bằng tiếng Anh, mọi thứ im bật. Rồi một tiếng lạo xạo trong micro.

“Trước hết, cho phép tôi nói rằng tôi rất vui mừng khi đến đây...” Tổng thống nói đến lần thứ tư bằng thứ tiếng Anh Mỹ nặng và khàn.

“Tôi đọc ở đâu đó có một nhà tâm lý học nổi tiếng người Mỹ cho rằng tổng thống mắc chứng MPD” Ellen nói.

“MPD?”

“Chúng rối loạn đa nhân cách. Theo kiểu *bác sĩ Jekyll và ông Hyde* ấy. Nhà tâm lý học đó nghĩ rằng nhân cách bình thường của ông ta không nhận thức được rằng nhân cách kia là con thú dâm dục, đang có quan hệ với tất cả những phụ nữ này. Và đó là lý do tại sao Tòa án không thể buộc tội ông ta dôi trá khi tuyên thệ trước tòa.”

“Lạy Chúa,” Harry nói, ngược nhìn lên chiếc trục thẳng đang lượn cao trên đầu họ.

Trên radio, ai đó nói tiếng Anh giọng Na Uy hỏi, “Thưa ngài tổng thống, đây là lần thứ tư một tổng thống Mỹ đương nhiệm đến thăm Na Uy. Cảm xúc của ngài thế nào?”

Khoảng dừng.

“Trở lại đây thật sự là tuyệt vời. Tôi thấy điều quan trọng hơn nữa là các vị lãnh đạo nhà nước Israel và nhân dân Palestin có thể gặp nhau tại đây. Đó là chìa khóa để...”

“Ngài còn nhớ được gì từ chuyến thăm trước đây đến Na Uy không, thưa ngài tổng thống?”

“Có chứ, dĩ nhiên rồi. Trong các cuộc hội đàm ngày hôm nay, tôi hy vọng rằng chúng tôi có thể...”

“Oslo và Na Uy có ý nghĩa gì đối với hòa bình thế giới, thưa ngài tổng thống?”

“Na Uy đóng một vai trò quan trọng.”

Một giọng tiếng Anh không mang âm Na Uy. “Ngài tổng thống coi những

kết quả đạt được nào là mang tính thực tiễn?”

Đoạn ghi âm bị cắt ngang và ai đó ở trường quay tiếp nói.

“Chúng ta vừa nghe tổng thống nói rằng Na Uy đóng một vai trò quyết định trong... ừm, tiến trình hòa bình Trung Đông. Ngay lúc này tổng thống đang trên đường đến...”

Harry lầm bầm rồi tắt radio. “Có chuyện gì với cái đất nước này vậy, Ellen?”

Cô nhún vai.

“Đã qua chốt 27,” chiếc bộ đàm trên bảng đồng hồ kêu lạch tạch.

Anh nhìn cô.

“Mọi người đều đã sẵn sàng ở vị trí rồi chứ?” anh hỏi. Cô gật đầu.

“Bắt đầu thôi!” anh nói. Cô đảo mắt. Đây là lần thứ năm anh nói thế kể từ lúc đoàn người xuất phát từ sân bay Gardermoen. Từ nơi đỗ xe họ thấy được đường cao tốc vắng tanh trải dài từ trạm thu phí lên phía Trosterud và Furuset. Ngọn đèn xanh trên nóc xoay uể oải. Harry hạ kính xe xuống, thò tay ra hắt chiếc lá vàng héo vương dưới cần gạt nước.

“Một con chim cổ đỏ kia!” Ellen nói, đưa tay chỉ. “Hiếm thấy một con như thế vào cuối thu thế này.”

“Ở đâu cơ?”

“Đằng kia. Trên nóc buồng bán vé.”

Harry cúi thấp đầu xuống, nhòm qua kính chắn gió.

“Ừ nhỉ. Thì ra đó là chim cổ đỏ à?”

“Phải. Nhưng tôi nghĩ có lẽ anh không nhìn ra được sự khác biệt giữa nó với chim két cánh đỏ đâu nhỉ?”

“Đúng.” Harry đưa tay che mắt. Có phải anh bị cận thị rồi không?

“Chim cổ đỏ là một loài chim hiếm,” Ellen nói, vắn chặt nắp bình giữ nhiệt.

“Đó là một dữ liệu à?” Harry hỏi.

“90% chim này di cư về phương Nam. Chỉ ít con chấp nhận mạo hiểm, có

thể nói vậy, ở lại đây.”

“Có thể nói vậy?”

Lại tiếng lạch tạch trên bộ đàm: “Chốt 62 gọi Sở chỉ huy. Có một chiếc xe cảnh sát không đèn và phù hiệu đang đỗ bên đường cách lối rẽ đi Larenskog 200 mét.”

Một giọng trầm đặc âm vùng Bergen trả lời từ Sở chỉ huy. “Đợi một chút, 62. Chúng tôi sẽ tìm hiểu!”. Im lặng.

“Cô đã kiểm tra dây nhà vệ sinh chưa?” Harry hỏi, hát hàm về phía cây xăng Esso.

“Rồi, đã giải tán hết khách hàng và nhân viên khỏi cây xăng. Chỉ còn mỗi tay sếp. Chúng tôi đã nhốt ông ta trong văn phòng.”

“Cả mấy buồng bán vé nữa chứ?”

“Rồi. Bình tĩnh đi, Harry, kiểm tra xong cả rồi. Phải, những con ở lại làm thế vì hy vọng mùa đông sẽ dễ chịu, đúng không? Nếu đúng thì tốt, nhưng nếu chúng sai, chúng sẽ chết. Vậy sao chúng không bay thẳng về phương Nam để phòng xa? Anh có thể thắc mắc như thế. Những con chim ở lại, có phải chỉ vì chúng lười không?”

Harry nhìn trong gương, thấy bảo vệ ở cả hai bên cầu đường sắt. Họ mặc đồ đen, đội mũ cối và súng máy MP5 choàng qua cổ. Ngay cả từ chỗ anh đứng, anh vẫn thấy được vẻ căng thẳng trong ngôn ngữ cơ thể của họ.

“Vấn đề là nếu mùa đông đó không quá khắc nghiệt, chúng có thể chọn nơi làm tổ tốt nhất trước khi những con khác quay về,” Ellen nói trong khi cố lèn cái bình giữ nhiệt vào hộc để găng tay đã đầy ắp. “Một sự mạo hiểm có tính toán, anh thấy đấy. Hoặc anh có thể nở nụ cười mãn nguyện hoặc anh sẽ ngạt trong rắc rối. Có nên mạo hiểm hay không. Nếu anh liều, một đêm nọ anh có thể ngã lộn cổ từ cành cây đông cứng, phải đến mùa xuân nó mới tan băng. Nhưng nếu chết nhất thì có thể anh sẽ không tìm được chỗ nào mà làm tổ khi quay về. Đó là những thế lưỡng nan muôn đời, mà anh phải đối mặt.”

“Cô mặc giáp chống đạn rồi đúng không?” Harry quay ngoắt người lại

kiểm tra. “Cô mặc rồi hay chưa?”

Cô đập đập vào ngực bằng mấy khớp ngón tay thay câu trả lời.

“Loại nhẹ à?”

Cô gật đầu.

“Mẹ kiếp, Ellen! Tôi đã ra lệnh phải mặc áo chống đạn tử tế cơ mà. Không phải mấy cái áo Chuột Mickey ấy.”

“Anh có biết mấy thằng cha Mật vụ mặc cái gì không?”

“Để tôi đoán. Áo loại nhẹ?”

“Đúng thế.”

“Cô có biết tôi cóc quan tâm cái gì không?”

“Để tôi đoán. Bọn Mật vụ?”

“Đúng vậy.”

Cô bật cười. Harry cũng cố nặn ra một nụ cười. Có tiếng lạch tách từ bộ đàm.

“Sở chỉ huy gọi chót 62. Mật vụ nói đó là xe của họ đậu trên đường rẽ về Lorenskog.”

“Chót 62. Đã nhận tin.”

“Cô thấy không!” Harry nói, tức tối đâm rầm xuống tay lái, “chẳng liên lạc gì cả. Lũ Mật vụ, chuyện chúng chúng làm. Cái xe đó đang làm gì trên ấy mà chúng ta không biết? Hả?”

“Kiểm tra xem ta có đang làm việc của mình không,” Ellen đáp.

“Theo chỉ thị bọn họ đưa ra.”

“Anh sẽ được phép đưa ra một vài quyết định, nên đừng có làu bàu nữa,” cô nói. “Và thôi ngay cái vụ gõ gõ lên vô lăng đi.”

Hai tay Harry ngoan ngoãn rút lại để xuống lòng. Cô mỉm cười. Anh phả ra một hơi dài: “Rồi, rồi, rồi.”

Những ngón tay anh sờ thấy bóng khẩu súng lục công vụ, một khẩu Smith & Wesson cỡ nòng 38, sáu viên đạn. Trong thắt lưng anh còn giắt thêm hai ổ đạn, mỗi ổ sáu viên. Anh vỗ nhẹ bóng súng, biết rằng nói cho đúng thì thực

ra anh không được phép mang vũ khí. Có lẽ anh bị cận thị thật rồi, sau khóa học bốn mươi giờ mùa đông năm ngoái anh đã trượt phần thi bắn. Cho dù đó không phải là điều bất thường cho lắm, nhưng đó là lần đầu tiên chuyện như vậy xảy ra với Harry nên anh chẳng thích chút nào. Anh chỉ cần làm mỗi một việc là thi lại - nhiều người phải thi những bốn, năm lần - nhưng vì lý do này khác mà Harry cứ lần lựa mãi.

Thêm nhiều tiếng lạch tạch nữa.

“Đã qua chót 28.”

“Còn qua một chót nữa trong địa phận cảnh sát Romerike,” Harry nói. “Chót tiếp theo là Karihaugen rồi sẽ đến chúng ta.”

“Tại sao họ không thể làm như ta vẫn làm? Chỉ việc nói đoàn xe hộ tống đang ở đâu, thay vì mấy con số ngu xuẩn này,” Ellen hỏi, giọng cầu nhàu.

“Đoán xem.”

Hai người đồng thanh trả lời: “Vì họ là Mật vụ!” Rồi cười vang.

“Đã qua chót 29.”

Anh nhìn đồng hồ tay.

“Được rồi, ba phút nữa là họ đến. Tôi sẽ chuyển tần số bộ đàm qua khu vực cảnh sát Oslo. Tiến hành kiểm tra lần cuối đi.”

Ellen nhắm mắt lại để tập trung kiểm tra lại cho chắc từng thứ một. Cô để micro lại chỗ cũ. “Mọi thứ đều đâu vào đấy và sẵn sàng cả rồi.”

“Cảm ơn. Đội mũ bảo hộ lên đi.”

“Hả? Nghiêm túc đấy hả Harry?”

“Cô nghe tôi nói rồi đấy.”

“Anh đội mũ của anh đi!”

“Mũ của tôi bé quá.”

Một giọng nói khác. “Qua chót 1.”

“Ôi khi thật, đôi khi anh đúng là... thiếu chuyên nghiệp.” Ellen kéo chiếc mũ lên đầu, thắt chặt dây ở cằm rồi nhìn gương chiếu hậu nhẵn nhó.

“Tôi cũng yêu cô,” Harry đáp, quan sát kỹ con đường trước mặt họ qua

ông nhòm. “Tôi thấy họ rồi.”

Trên đỉnh con dốc chạy đến Karihaugen, ánh mặt trời phản chiếu từ kim loại lấp lánh. Lúc đó Harry chỉ thấy được chiếc xe ô tô đầu tiên trong đoàn xe hộ tống, nhưng anh đã biết thứ tự của chúng: sáu chiếc mô tô trong đội cảnh sát hộ tống Na Uy; hai ô tô hộ tống của cảnh sát Na Uy; một xe của Mật vụ, rồi đến hai chiếc Cadillac Fleetwood giống hệt nhau (ô tô đặc chủng của Mật vụ được đưa bằng máy bay từ Mỹ sang) và tổng thống ngồi trên một trong hai chiếc ấy. Chiếc nào thì bí mật. *Cũng có thể ông ta đang ngồi trong cả hai xe*, Harry nghĩ. *Một chiếc cho Jekyll và một chiếc cho Hyde*. Sau đó đến những chiếc xe lớn hơn: xe cứu thương, xe liên lạc và vài xe Mật vụ.

“Mọi thứ dường như khá yên ắng,” Harry nói. Ông nhòm của anh di chuyển chậm từ phải sang trái. Không khí run rẩy bên trên lớp nhựa đường cho dù đó chỉ là một buổi sáng tháng Mười một mát mẻ.

• • •

Ellen thấy được hình dáng chiếc xe đi đầu. Ba mươi giây nữa chúng sẽ đi qua các cổng thu phí và vậy là xong được phân nửa công việc. Và trong vòng hai ngày nữa, cũng đoàn xe này sẽ đi qua trạm theo hướng ngược lại, cô và Harry có thể quay về với công việc thường nhật. Cô thích xử lý những vụ chết người ở Ban Trọng án hơn là thức dậy lúc 3 giờ sáng để ngồi trong chiếc Volvo lạnh cóng này cùng một gã Harry cáu bẳn rõ ràng đang coi trọng trách được giao là gánh nặng.

Ngoài tiếng thở đều của Harry, trong xe hoàn toàn im ắng. Cô kiểm tra đèn chỉ báo trên cả hai chiếc bộ đàm để chắc rằng chúng đều đã xanh. Đoàn xe hộ tống đã gần tới chân đồi. Cô quyết định xong việc sẽ đến Torst uống đến say thì thôi. Ở đây có một anh chàng mà cô đã liếc mắt đưa tình, anh ta có những lọn tóc đen quăn, đôi mắt màu nâu hơi nguy hiểm. Dong dỏng. Trông hơi tự do phóng túng, trí thức. Có lẽ...

Cái quái...

Harry đã chụp lấy micro. “Có người trong buồng bán vé thứ ba từ trái sang. Có ai nhận diện được người này không?” Đáp lại trên bộ đàm là sự im lặng lạ xạ, ánh mắt Ellen lướt nhanh từ buồng bán vé này tới buồng bán vé khác trong hàng. Kia rồi! Cô trông thấy tấm lưng một người đàn ông phía sau tấm kính nâu của buồng vé - chỉ cách chừng 40, 50 mét. Bóng người trông rõ ràng hơn nhờ ánh sáng từ phía sau, cũng như khúc nòng súng có ống ngắm nhô lên qua vai.

“Vũ khí!” cô hét lên. “Hắn có súng máy.”

“Khôn kiếp!” Harry đá tung cửa xe, nắm sườn xe lao ra. Ellen nhìn chăm chặp đoàn xe hộ tống. Chỉ còn cách nhiều nhất là vài trăm mét. Harry thò đầu vào xe.

“Hắn không phải người của ta, nhưng hắn có thể là bên Mật vụ,” anh nói. “Gọi Sở chỉ huy đi.” Trong tay anh đã sẵn khẩu súng lục.

“Harry...”

“Làm đi! Và hãy bấm còi nếu Sở chỉ huy bảo hắn là người của họ.” Harry cất bước chạy về phía buồng bán vé và tấm lưng người đàn ông mặc com lê. Căn cứ theo nòng súng thì Harry đoán đó là khẩu Uzi. Không khí rét căm căm buổi sáng sớm làm phổi anh buốt nhói.

“Cảnh sát đây!” anh hét lên bằng tiếng Na Uy, rồi tiếng Anh.

Không có phản ứng. Lốp kính dày của quầy bán vé được chế tạo nhằm làm giảm tiếng ồn xe cộ bên ngoài. Người đàn ông lúc này đã quay đầu về phía đoàn xe hộ tống nên Harry thấy cặp kính râm Ray-Bans màu tối. Mật vụ. Hay ai đó đang muốn tạo ấn tượng như thế.

Giờ thì còn cách 20 mét.

Làm sao hắn lọt vào trong buồng bán vé đã khóa nếu hắn không phải là người của họ? Chết tiệt thật! Harry đã nghe thấy tiếng xe mô tô. Anh sẽ không kịp tới chỗ buồng vé.

Anh tháo chốt an toàn và nhắm bắn, cầu cho tiếng còi xe phá tan không

khí tĩnh lặng của buổi sáng lạ lùng này, trên con đường cao tốc đóng kín chưa lúc nào anh muốn đến gần. Chỉ thị đã rõ ràng, nhưng anh không sao dập tắt được những suy nghĩ riêng: *Áo chống đạn mỏng. Không chịu liên lạc. Bắn đi, đó không phải là lỗi của anh. Nhưng hẳn ta có gia đình không?*

Đoàn xe hộ tống đang đến từ ngay phía sau buồng bán vé, và đang tiến đến rất nhanh. Trong vài giây hai chiếc Cadillac sẽ ngang hàng với dãy buồng bán vé. Từ khước mắt trái anh để ý thấy một sự chuyển động, một con chim nhỏ trên mái nhà vụt bay đi.

Có nên mạo hiểm hay không... thế lưỡng nan muôn đời.

Anh đã nghĩ về cái cổ rụt thấp trên áo chống đạn, hạ súng lục xuống một phen. Tiếng mô tô gầm lên đình tai.

2

Oslo.

Ngày 5 tháng Mười năm 1999.

“Đó là sự phản bội khủng khiếp,” người đàn ông đầu trọc nói, mắt nhìn xuống bản thảo. Đầu, cặp lông mày, hai cánh tay cuộn cuộn cơ bắp, ngay cả đôi bàn tay to bè đang nắm chặt bục đứng, tất cả đều nhăn nhui tinh tươm. Hắn cúi xuống micro.

“Kể từ năm 1945, kẻ thù của chủ nghĩa Quốc xã đã là những chúa đất; họ phát triển và đưa vào thực hành các nguyên tắc dân chủ và kinh tế của mình. Do vậy, không có một ngày nào mặt trời được lặn xuống trên một thế giới không có chiến tranh. Ngay cả ở châu Âu này, chúng ta cũng đã trải qua chiến tranh và tội diệt chủng. Ở các nước thế giới thứ ba, hàng triệu người chết đói - và châu Âu bị đe dọa bởi làn sóng nhập cư ồ ạt, với hậu quả tất yếu là hỗn loạn, đói nghèo và đấu tranh sinh tồn.”

Hắn dừng lại nhìn chằm chằm xung quanh. Trong phòng im lặng như hóa đá; chỉ có duy nhất một người trong đám cử tọa, ngồi trên mấy băng ghế dài sau lưng hắn, ngáp ngừng vỗ tay. Khi hắn tiếp tục, giờ đã hăng máu lên, ánh đèn đỏ bên dưới chiếc micro sáng lên báo điềm gở, cho thấy tín hiệu ghi âm đã bị chỉnh.

“Chẳng có mấy thứ có thể ngăn chúng ta khỏi sự thịnh vượng phù du và cái ngày chúng ta buộc phải dựa vào chính mình và cộng đồng xung quanh. Một cuộc chiến tranh, một thảm họa kinh tế hay sinh thái, vậy là toàn bộ mạng lưới luật lệ từng quá nhanh chóng biến chúng ta thành những khách

hàng thụ động trong xã hội bỗng chốc không còn ở đó nữa. Sự phản bội khủng khiếp trước kia đã diễn ra vào ngày 9 tháng Tư năm 1940, khi những kẻ gọi là lãnh đạo dân tộc của chúng ta chạy trốn phe địch để giữ mạng, mang theo các nguồn dự trữ vàng để chu cấp cho cuộc sống xa hoa của họ ở London. Bây giờ kẻ thù của chúng ta lại về đây. Và những kẻ lẽ ra phải bảo vệ quyền lợi của chúng ta lại một lần nữa làm chúng ta thất vọng. Họ để chúng xây dựng những nhà thờ Hồi giáo ngay giữa chúng ta, để chúng cướp bóc những đồng hương cũ của chúng ta và hòa trộn dòng máu của chúng với phụ nữ của chúng ta. Bản phận của chúng ta với tư cách người dân Na Uy là phải bảo vệ giống nòi và trừ khử những kẻ đã khiến chúng ta thất vọng.

Hắn lật trang. Nhưng một tiếng đằng hắng từ bục ngồi trước mặt khiến hắn dừng lại và ngẩng lên.

“Xin cảm ơn, tôi nghĩ chúng tôi đã nghe đủ rồi,” thẩm phán nói, nhưng mắt nhìn qua cặp kính. “Công tố viên còn câu hỏi nào dành cho bị cáo không?”

Ánh nắng chiếu ngang qua phòng xử án số 17 thuộc Tòa Đại hình Oslo, cho gã đầu trọc một quầng sáng ảo ảnh. Hắn mặc áo sơ mi trắng, cà vạt thanh mảnh, có lẽ là theo lời khuyên của tay luật sư bào chữa – Johan Krohn con – ngay lúc này đang ngả người ra ghế, nghịch nghịch cây bút giữa ngón trỏ và ngón giữa. Krohn ghét gần như mọi thứ trong tình huống này. Gã không thích chiều hướng các câu hỏi mà công tố viên đi theo, cái cách thân chủ của gã – Sverre Olsen, tuyên bố công khai cương lĩnh của mình, và việc trước mặt cả thẩm phán và các đồng nghiệp, Olson lại cho rằng việc xắn tay áo lên khoe mấy hình xăm mạng nhện trên cả hai khủy tay và dãy hình thập ngoặc trên cẳng tay trái là hợp lý. Trên cẳng tay phải có xăm một chuỗi biểu tượng Na Uy và Valkyria – một băng đảng Quốc xã mới, bằng chữ gothic đen.

Nhưng có một điều khác trong toàn bộ trình tự khiến gã nghĩ mãi. Chỉ là gã không chỉ ra được đó là gì.

Ủy viên công tố, một người đàn ông nhỏ nhắn tên là Herman Groth, đưa ngón tay nhỏ nhắn đeo chiếc nhẫn có biểu tượng của luật sư đoàn, đẩy chiếc micro ra xa.

“Chỉ vài câu hỏi nữa là xong, thưa quý tòa,” giọng nói nhẹ nhàng và khẽ. Đóm đèn dưới chiếc micro sáng lên màu xanh.

“Vậy vào lúc 9h ngày 3 tháng 1, khi bước vào nhà hàng pizza Dennis Kebab tại cổng Dronningens, có phải bị cáo đã có ý định rõ ràng là thực hiện bốn phạm bảo vệ nòi giống của chúng ta mà bị cáo vừa nói đến hay không?”

Johan Krohn chồm tới chiếc micro.

“Thân chủ của tôi đã trả lời rằng một cuộc tranh cãi dữ dội đã nổ ra giữa ông ấy và chủ quán người Việt Nam.” Đèn đỏ. “Ông ấy bị khiêu khích!” Krohn nói. “Tuyệt không có lý do gì để nói rằng đó là một hành động có chủ tâm.”

“Nếu những gì luật sư bào chữa của bị cáo nói là chính xác, thưa ông Olsen, thì lúc đó bị cáo đang cầm cây gậy đánh bóng chày là chuyện hoàn toàn tình cờ sao?”

“Đề tự vệ,” Krohn ngắt lời, tuyệt vọng vung hai cánh tay lên. “Thưa quý tòa, thân chủ của tôi đã trả lời những câu hỏi này rồi.”

Thẩm phán xoa xoa cằm khi quan sát tay luật sư bào chữa. Ai cũng biết rằng Johan Krohn con là ngôi sao bào chữa đang nổi - đặc biệt là ở chính cái tên Johan Krohn - và có lẽ điều này cuối cùng đã khiến thẩm phán tán thành kèm theo chút bực dọc. “Tôi đồng ý với luật sư bào chữa. Trừ phi công tố viên có bổ sung gì mới, nếu không tôi đề nghị ta đi tiếp, được chứ?”

Groth mở mắt ra để lộ một viền trắng mảnh phía trên và dưới tròng đen. Ông nghiêng đầu. Bằng cử chỉ mệt mỏi, ông giơ cao một tờ báo.

“Đây là tờ Dagbladet số ra ngày 25 tháng Một. Trong một bài phỏng vấn trên trang tám, một trong số những người đồng tư tưởng của bị cáo..

“Tôi phản đối...” Krohn cất tiếng.

Groth thở dài. “Cho phép tôi đổi câu đó thành một người bộc lộ những tư

tưởng phân biệt chủng tộc!”

Thẩm phán gật đầu, nhưng cùng lúc ném sang Krohn cái nhìn cảnh cáo. Groth nói tiếp.

“Người này, khi nhận xét về vụ tấn công tại nhà hàng Dennis Kebab, nói rằng chúng ta cần thêm những kẻ phân biệt chủng tộc như Sverre Olsen để giành lại quyền kiểm soát Na Uy. Trong bài phỏng vấn, từ ‘kẻ phân biệt chủng tộc’ được sử dụng đầy tôn trọng. Bị cáo có tự cho mình là một ‘kẻ phân biệt chủng tộc’ không?”

“Đúng, tôi là kẻ phân biệt chủng tộc,” Olsen nói trước khi Krohn kịp can thiệp. “Trong nghĩa mà tôi dùng từ đó.”

“Vậy còn có thể là nghĩa nào nữa chứ?” Groth mỉm cười.

Krohn siết chặt hai tay thành nắm đấm dưới gầm bàn và nhìn lên bục, có hai đồng thẩm phán ngồi hai bên. Ba người này sẽ quyết định số phận thân chủ của gã trong vài năm tới, cả địa vị của anh ta ở đoàn luật sư Tostrupkjeller trong vài tháng tới. Hai công dân bình thường đại diện cho nhân dân, đại diện cho công lý theo lương tri. Họ thường tự xưng là “thẩm phán không chuyên,” nhưng có lẽ họ đã nhận ra là như thế nghe quá giống “thẩm phán ham chơi”. Ngồi bên phải là một thanh niên mặc bộ com lê loại bền chắc, rẻ tiền, hầu như chẳng dám ngược mắt lên. Người phụ nữ trẻ tuổi, hơi đầy đà ngồi bên trái dường như đang giả vờ theo dõi phiên tòa, trong khi rướn cổ lên để từ dưới sàn không ai thấy được cái cằm bắt đầu có nọng. Những người Na Uy bình thường. Họ biết gì về những người như Sverre Olsen? Họ muốn biết điều gì?

Tám nhân chứng đã thấy Sverre Olsen bước vào quầy burger, nách kẹp cây gậy đánh bóng chày và, sau một chốc lời qua tiếng lại chửi rủa, đánh vào đầu chủ quán, Hồ Đại - một người Việt Nam bốn mươi tuổi - đến Na Uy cùng thuyền nhân vào năm 1978. Đánh mạnh đến nỗi Hồ Đại sẽ không bao giờ còn đi được nữa. Khi Olsen bắt đầu trình bày thì Johan Krohn con đã thảo sẵn trong đầu tờ đơn kháng cáo sẽ trình lên Tòa án Tối cao.

“Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc,” Olsen đọc sau khi tìm thấy phần định nghĩa trong đồng giấy tờ của mình, “là một cuộc đấu tranh vĩnh cửu nhằm diệt trừ bệnh tật di truyền, sự thoái hóa và hủy diệt, đồng thời là một ước mơ, một khao khát có một xã hội lành mạnh hơn, có chất lượng cuộc sống tốt hơn. Pha trộn chủng tộc là một kiểu diệt chủng song phương. Trong một thế giới đã có các dự án thành lập ngân hàng gen nhằm bảo tồn con bọ cánh cứng bé nhất, người ta nói chung đều công nhận rằng ta có thể hủy diệt các chủng tộc người phải mất hàng thiên niên kỷ để phát triển chỉ bằng cách pha trộn giống loài. Trong một bài viết trên tạp chí American Psychologist năm 1972, năm mươi nhà khoa học Mỹ và châu Âu đã cảnh báo những mối nguy hiểm khi dập tắt các tranh luận về lý thuyết di truyền.”

Olsen dừng, quét ánh mắt trùng trùng giập dũ một lượt khắp phòng xử án số 17 rồi giơ ngón trỏ tay phải lên. Hắn đã quay về phía công tố viên nên Krohn thấy được hình xăm hai chữ Sieg Heil(1) mờ mờ trên ngón mỡ nhẫn nhụi giữa gáy và cổ hắn - một tiếng hét câm lặng và một bức tranh kịch cỡm lạ lùng tương phản với lời nói hoa mỹ diêm dạm của tòa án. Trong sự im lặng sau đó, Krohn còn nghe được từ tiếng lao xao trong hành lang là phòng xử án số 18 đã nghỉ để ăn trưa. Vài giây nữa trôi qua. Krohn nhớ một chuyện đã đọc về Adolf Hitler: tại các cuộc mít tinh quần chúng, hắn thường ngừng lại đến ba phút để tạo ấn tượng. Khi Olsen nói tiếp thì mấy ngón tay hắn gõ nhịp, như thể đánh nhịp từng từ, từng câu vào não người nghe.

“Những ai trong các người đang cố gắng giả vờ như không có một cuộc chiến chủng tộc đang diễn ra ở đây thì hoặc là bị mù hoặc là những kẻ phản bội.”

Hắn uống nước trong cốc mà nhân viên trực cửa tòa án đặt trước mặt.

Công tố viên xen vào: “Và trong cuộc chiến chủng tộc này, bị cáo và những người ủng hộ bị cáo, một số trong đó có mặt tại tòa hôm nay, có phải là những người duy nhất có quyền tấn công không?”

Tiếng la ó từ bọn đầu trọc trong khu vực dành cho công chúng.

“Chúng tôi không tấn công, chúng tôi tự vệ,” Olsen đáp. “Đó là quyền hạn và bổn phận của mỗi chủng tộc.”

Một tiếng la từ phía mấy băng ghế dài, Olsen đón nhận rồi tiếp tục bằng một nụ cười. “Thực ra, ngay cả trong dân chúng từ các chủng tộc khác cũng tồn tại chủ nghĩa Quốc xã có ý thức chủng tộc.”

Tiếng cười, tiếng vỗ tay lác đác từ khu vực dành cho công chúng. Thẩm phán đề nghị im lặng trước khi nhìn công tố viên đặt câu hỏi.

“Chúng tôi đã hỏi xong,” Groth nói.

“Luật sư bên bị còn câu hỏi nào nữa không?”

Krohn lắc đầu.

“Vậy thì tôi muốn gọi nhân chứng đầu tiên của bên nguyên vào đây.”

Công tố viên gạt đầu với nhân viên gác cửa, anh ta mở cánh cửa sau phòng. Có tiếng ghế kéo ở bên ngoài, cánh cửa mở rộng và một người đàn ông cao lớn thong thả bước vào. Krohn để ý người này đang mặc áo vest quá chật, quần jean đen và giày cao cổ Dr Martens cỡ lớn. Đầu húi sát và thân hình gọn gàng, săn chắc cho thấy anh ta mới khoảng ba mốt, ba hai - cho dù đôi mắt đỏ ngẫu, có bông và nước da nhợt nhạt với đám mao mạch mỏng thỉnh thoảng vỡ thành những tam giác nhỏ màu đỏ cho thấy anh ta phải ngoài năm mươi rồi.

“Sĩ quan Harry Hole phải không?” thẩm phán hỏi khi người này đã ngồi vào ghế nhân chứng.

“Vâng.”

“Tôi thấy là anh không cung cấp địa chỉ nhà?”

“Giữ kín.” Hole trở ngón cái qua vai. “Bọn họ đã cố đột nhập vào nhà tôi.”

Thêm nhiều tiếng la ó.

“Anh đã từng đưa ra lời xác nhận chưa, sĩ quan Hole? Hay nói cách khác là tuyên thệ?”

“Rồi.”

Đầu Krohn lắc lư như mấy con chó đồ chơi gật gù mà một số tay mô tô hay để trên giá hành lý. Gã cuống quýt lật lật tài liệu.

“Anh điều tra các vụ án mạng cho Đội Hình sự đúng không?” Groth hỏi.
“Vì sao anh được giao vụ này?”

“Bởi vì chúng tôi đã đánh giá sai vụ này.”

“Vậy sao?”

“Chúng tôi không nghĩ rằng Hồ Đại lại sống sót. Thông thường người ta sẽ không sống nổi khi sọ bị đập nát và nội tạng đã lòi hết ra ngoài.”

Krohn trông thấy hai đồng thám phán bất giác nhăn mặt. Nhưng bây giờ chuyện đó chẳng quan trọng. Gã đã tìm được tài liệu có tên của họ. Và nó đây rồi: một sai lầm.

3

Phố Karl Johans.

Ngày 5 tháng Mười năm 1999.

Ông sắp chết rồi, ông già ạ.

Mấy lời đó vẫn còn văng vẳng bên tai khi lão già bước xuống mấy bậc thêm để ra về rồi đứng khựng lại, chói mắt vì ánh mặt trời mùa thu gay gắt. Khi đồng tử của lão từ từ co lại, lão bám chặt lan can và hít vào, chậm và sâu. Lão lắng nghe tạp âm của ô tô, xe điện, tiếng bíp còi cho khách bộ hành biết có thể qua đường. Và giọng nói - những giọng phấn khởi, vui vẻ vội vã lướt qua cùng tiếng đế giày lách cách. Và tiếng nhạc. Lão đã bao giờ được nghe nhiều tiếng nhạc như vậy chưa? Thế nhưng chẳng có gì át được tiếng những lời ấy vang lên: *Ông sắp chết rồi, ông già ạ.*

Đã bao lần rồi lão đứng đây trên những bậc thêm bên ngoài phòng khám của bác sĩ Buer? Mỗi năm hai lần trong vòng bốn mươi năm, vị chi là tám mươi lần. Tám mươi ngày bình thường như ngày hôm nay, nhưng trước hôm nay, lão chưa bao giờ để ý thấy phố xá đông đúc biết chừng nào, vui tươi hồ hởi biết bao, và niềm khao khát sống mạnh mẽ ra sao. Giờ là tháng Mười, nhưng có cảm giác như đang là một ngày tháng Năm. Cái ngày sự yên bình bị phá vỡ. Có phải lão đang nói quá không? Lão còn nghe được giọng nói của nàng, thấy bóng hình nàng đang bước ra từ ánh mặt trời, đường nét khuôn mặt tan trong quầng ánh sáng trắng.

Ông sắp chết rồi, ông già ạ.

Sắc trắng nhuốm màu và biến thành phố Karl Johans. Lão xuống tới bậc

cuối cùng, dừng bước, nhìn sang phải rồi lại nhìn sang trái như thể không quyết định được nên đi hướng nào, và chìm trong mơ màng. Lão giật nảy mình như thể bị ai đó đánh thức và cất bước về phía Hoàng cung. Dáng đi của lão ngập ngừng, mắt nhìn cắm xuống đất và dáng người gầy còm hom hem của lão càng xuống trong chiếc áo khoác len hơi quá khổ.

“Tế bào ung thư di căn rồi!” bác sĩ Buer nói.

Phải, lão đáp, nhìn bác sĩ và tự hỏi có phải họ đã học điều này ở trường y. Bỏ kính ra khi phải nói về những vấn đề nghiêm trọng hoặc giả đó là điều mấy bác sĩ cận thị hay làm để tránh nhìn thẳng vào mắt bệnh nhân. Bác sĩ Konrad Buer đã bắt đầu trông giống bố khi đường chân tóc chạy lên dần, và những bông mắt làm anh có được chút vẻ quan tâm của bố anh.

“Nói tóm lại?” lão hỏi bằng giọng của một người mà lão đã không còn nghe thấy tiếng suốt hơn năm mươi năm. Đó là những âm thanh khô, khàn, khùng khục của người đang sợ chết run run trong thanh quản.

“Vâng, thực ra vẫn còn một nghi vấn về...”

“Bác sĩ, làm ơn đi. Tôi đã từng tận mắt thấy cái chết rồi.”

Lão cao giọng lựa chọn những từ ngữ buộc giọng phải điềm tĩnh, theo cách lão muốn bác sĩ Buer nghe thấy. Theo cách mà chính lão muốn nghe.

Ánh mắt bác sĩ lia sang mặt bàn, qua mặt sàn gỗ đã mòn rồi ra ngoài ô cửa sổ bản thủ. Ánh mắt ấy trốn tránh ở ngoài đó một lúc rồi mới quay về và bắt gặp ánh mắt lão. Đôi tay bác sĩ tìm thấy một miếng vải và lau đi lau lại cặp kính.

“Tôi biết là ông cảm thấy...”

“Anh chẳng biết gì hết, bác sĩ ạ.” Lão già nghe thấy mình bật một tiếng cười khẩy khô khốc. “Xin đừng phật ý, bác sĩ Buer, nhưng tôi có thể đoán chắc với anh một điều: anh chẳng biết gì sất.”

Lão quan sát vẻ khó chịu của tay bác sĩ và cùng lúc đó nghe thấy tiếng vòi nước nhỏ tí tách xuống bồn rửa ở góc phòng. Đó là một âm thanh mới mẻ, thể rồi bất chợt và không thể hiểu nổi, dường như lão có lại thính lực thời đôi

mười.

Rồi bác sĩ Buer lại đeo kính vào, cầm lên một mảnh giấy như thẻ những gì anh ta sắp nói đã được viết trên đó, hắng giọng và cất tiếng: “Ông sắp chết rồi, ông già ạ.”

Lão sẽ thích hơn nếu cái lỗi thân tình thái quá ấy bớt đi một chút.

Lão dừng lại bên một đám người tụ tập, nghe thấy tiếng guitar bập bùng và một giọng đang ca một bài chắc ai cũng nghe qua từ lâu. Trước kia lão đã từng nghe bài đó, có thể là từ một phần tư thế kỷ trước, nhưng với lão có lẽ chỉ mới ngày hôm qua. Giờ thì mọi thứ đều giống như vậy - dường như càng ở xa về phía quá khứ, chúng trông càng gần hơn và rõ hơn. Lão có thể nhớ những thứ đã nhiều năm rồi không nghĩ đến. Giờ đây lão có thể nhắm mắt lại rồi thấy ngay trên võng mạc những thứ mà lão đã đọc trong các nhật ký chiến tranh của mình.

“Dù sao đi nữa, ông cũng còn được một năm!”

Một mùa xuân và một mùa hè. Lão sẽ được thấy từng chiếc lá ngả vàng trên những cây rụng lá ở Studenterlunden như thể lão đang đeo cặp kính mới. Cũng những cây ấy đã đứng đó hồi năm 1945, đúng không nhỉ? Ngày hôm đó trông chúng không rõ ràng lắm, chẳng có gì rõ ràng cả. Những khuôn mặt tươi cười, những bộ mặt tức tối, những tiếng reo hò lão hầu như không nghe thấy, tiếng cửa xe đóng sầm lại còn lão có lẽ đã ứa nước mắt vì khi lão nhớ lại những ngọn cờ người ta vừa vẫy vừa chạy dọc vỉa hè, chúng có màu đỏ và nhòa đi. Họ hô vang: *thái tử đã trở về!*

Lão đi lên đồi đến Hoàng cung nơi vài người đang xúm lại xem đôi phiên gác. Tiếng vọng của những khẩu lệnh, tiếng lách cách, rầm rập của báng súng trường và gót giày dội lên mặt tiền bằng gạch vàng nhạt. Có tiếng ro ro của máy quay phim và lão nghe được vài từ tiếng Đức. Một cặp vợ chồng trẻ người Nhật đứng đó khoác tay nhau, vui vẻ xem màn diễn. Lão nhắm mắt lại, cố gắng phát hiện mùi quân phục và dầu lau súng. Thật vớ vẩn, dĩ nhiên; ở đây chẳng có gì tỏa ra mùi cuộc chiến của lão.

Lão lại mở mắt ra. Chúng biết cái gì chứ, đám lính trẻ ranh mặc đồ đen, những hình nhân trên sân duyệt binh của chế độ quân chủ xã hội này, thực hiện những hành vi mang tính biểu tượng mà chúng còn quá ngây thơ để hiểu và còn quá trẻ để cảm nhận được gì. Lão lại nghĩ về ngày hôm đó, những thanh niên Na Uy ăn vận như quân nhân, hay “lính Thụy Điển” như họ tự gọi. Trong mắt lão, họ là những chú lính chì; họ không biết cách mặc quân phục, còn ít biết cách đối xử với tù nhân chiến tranh hơn. Họ đã khiếp sợ và tàn bạo: điều thuốc trên môi và mũ quân phục đội lệch ngang tàng; họ đã bám vào vũ khí mới có và cố vượt qua nỗi sợ hãi bằng cách nện báng súng trường vào lưng tù binh.

“Đồ lợn phát xít,” họ vừa quát vừa đánh, để nhận được tức thì sự tha thứ cho tội lỗi của mình.

Lão hít vào và nhâm nháp ngày thu ẩm áp, nhưng đúng lúc ấy cơn đau ập đến. Lão lão đảo lúi lại. Nước trong phổi của lão. Mười hai tháng nữa, có thể ít hơn, viêm tấy và mủ sẽ sinh ra nước, ứ lại trong phổi lão. Người ta nói đó là điều tồi tệ nhất.

Lão sắp chết rồi, lão già ạ.

Tiếp theo là cơn ho. Nó dữ dội đến mức những người đứng gần lão nhất bất giác tránh xa.

Bộ Ngoại giao, Viktoria Terrasse.

Ngày 5 tháng Mười năm 1999.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Bernt Brandhaug, sải bước dọc hành lang. Ông vừa rời văn phòng ba mươi giây trước; trong vòng bốn mươi năm giây nữa ông sẽ có mặt tại phòng họp. Ông vươn vai trong lớp áo khoác, cảm thấy hơi chật, cảm thấy mấy cơ lưng căng ép sát vào lớp vải. Latissimus dorsi - các cơ lưng trên. Ông đã sáu mươi tuổi, nhưng trông không quá năm mươi lăm một ngày. Không phải là ông luôn bận rộn chăm sóc vẻ ngoài. Ông biết thừa mình là người đàn ông nhìn hấp dẫn, dù sao cũng không cần phải làm gì nhiều hơn việc tập luyện ông vốn yêu thích, và thêm vài buổi tới phòng tắm nắng vào mùa đông và thường xuyên nhổ sợi bạc nơi cặp lông mày đã trở nên rậm rì.

“Chào Lise!” ông gọi lớn khi đi qua máy photocopy, cô nhân viên tập sự tại văn phòng Bộ Ngoại giao giật thót, chỉ kịp nở nụ cười yếu ớt trước khi Brandhaug rẽ vào góc tiếp theo. Lise là một luật sư còn chập chững và là con gái của người bạn từ thời đại học. Cô chỉ mới bắt đầu công việc ba tuần trước. Và từ lúc đó cô đã nhận thức được rằng ông thứ trưởng, viên chức cấp cao nhất trong tòa nhà này, biết cô là ai. Liệu ông có đủ sức có được cô không? Có thể. Không phải vì đó là điều sẽ xảy ra. Mà đó là điều tất yếu.

Ông nghe thấy giọng nói rì rầm từ trước khi mở cửa. Ông nhìn đồng hồ đeo tay. Bảy mươi năm giây. Rồi ông bước vào trong, ném nhanh cái nhìn quanh phòng để chắc chắn tất cả các quan chức được triệu tập đều đã có mặt.

“À, à, chắc anh là Bjarne Moller?” Ông nói lớn với một nụ cười rộng ngoác, chìa tay qua bên kia bàn cho người đàn ông cao, mảnh khảnh ngồi cạnh Anne Storksen, cảnh sát trưởng.

“Anh là PAS, đúng không? Tôi nghe nói anh đang ở chặng nhiều đoạn lên xuống dốc thuộc Giải chạy tiếp sức Holmenkollen?”

Đây là một trong số các tiêu xảo của Brandhaug. Kiểm được tí thông tin về những người ông mới gặp lần đầu. Thứ gì đó không nằm trong CV của họ. Điều đó khiến họ cảm thấy bất an. Sử dụng những chữ cái đầu PAS - lối viết tắt trong nội bộ để chỉ *Politiavdelingssjef*, sếp của Đội Hình sự - đặc biệt khiến ông hài lòng. Brandhaug ngồi xuống, nháy mắt với người bạn già Kurt Meirik, sếp của *Politiets overv akningstjeneste*, hoặc là POT, Cục An ninh, và dò xét những người khác đang ngồi quanh bàn.

Thế nhưng không ai biết ai sẽ là người chủ trì cuộc họp này, vì các đại diện đều có cấp bậc cao ngang nhau, ít nhất là về lý thuyết, từ Văn phòng Thủ tướng, cảnh sát Oslo, Cục An ninh Na Uy, Đội Hình sự và Bộ Ngoại giao của chính Brandhaug. Văn phòng Thủ tướng đã triệu tập cuộc họp này, nhưng không nghi ngờ gì nữa, cảnh sát Oslo, dưới cái lốt Anne Storksen, và POT, trong hình hài Kurt Meirik, muốn đảm nhận trách nhiệm điều hành khi mà các quy trình đã tiến xa đến vậy. Ông Thứ trưởng Ngoại giao từ Văn phòng Thủ tướng trông như thể đang trù tính việc chủ trì cuộc họp.

Brandhaug nhắm mắt lại, lắng nghe.

Mấy cuộc chuyện trò kiểu chào hỏi dửng, những giọng nói rì rầm từ từ lắng xuống và tiếng một chân bàn kéo dưới sàn. Chưa đâu. Có tiếng giấy tờ loạt soạt, tiếng bút lạch tạch - tại những cuộc họp quan trọng như thế này hầu hết những người đứng đầu phòng ban đều dẫn theo nhân viên ghi chép riêng, đề phòng trường hợp một lúc nào sau này họ quay ra đổ lỗi cho nhau về những chuyện đã xảy ra. Có người cất tiếng ho, nhưng nó xuất phát từ đầu kia phòng, ngoài ra thì đây không phải kiểu ho húng háng trước khi phát biểu. Có tiếng hít vào mạnh. Ai đó nói.

“Vậy thì ta bắt đầu thôi!” Bernt Brandhaug nói, mở mắt ra.

Những mái đầu hướng về phía ông. Lúc nào cũng thế cả. Một cái miệng mở hé, ông Thứ trưởng Ngoại giao, một nụ cười gượng từ Anne Storksen cho thấy cô ta hiểu chuyện gì đã diễn ra - nhưng trái lại, những bộ mặt lạnh tanh nhìn ông không cho thấy dấu hiệu nhận thức rằng cuộc chiến đã kết thúc rồi.

“Chào mừng đến cuộc họp phối hợp đầu tiên. Nhiệm vụ của chúng ta là đưa bốn trong những nhân vật quan trọng nhất thế giới đến và rời Na Uy mà ít nhiều được nguyên vẹn.”

Tiếng cười lịch sự vang lên quanh bàn.

“Hôm thứ Hai, ngày 1 tháng Mười một, ta sẽ đón tiếp nhà lãnh đạo PLO Yasser Arafat, thủ tướng Israel Ehud Barak, thủ tướng Nga Vladimir Putin đến thăm, và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, trái anh đào trên chiếc bánh ngọt; lúc 6 giờ 15 phút sáng, đúng hai mươi bảy ngày nữa, chuyên cơ Không Lực Một, chở tổng thống Mỹ, sẽ đáp xuống sân bay Gardermoen, Oslo.”

Ánh mắt của Brandhaug đưa từ khuôn mặt này sang khuôn mặt kia dọc theo bàn. Nó dừng lại ở khuôn mặt mới, Bjame Moller.

“Tức là nếu trời không quá nhiều sương mù!” ông nói, giành được một tiếng cười và hài lòng nhận thấy Moller đã quên đi được sự căng thẳng trong chốc lát mà cười theo mấy người kia. Brandhaug đáp lại bằng một nụ cười phô ra hàm răng chắc khỏe còn trắng hơn nữa từ sau lần thẩm mỹ vừa rồi ở nha sĩ.

“Chúng ta vẫn chưa biết chính xác bao nhiêu người sẽ đến!” Brandhaug nói. “Tổng thống Mỹ từng có đoàn tùy tùng 2.000 người ở Australia và 1.700 người ở Copenhagen.”

Những tiếng rì rầm quanh bàn.

“Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của tôi, một ước đoán vào khoảng 700 người thì có lẽ là thực tế hơn.”

Brandhaug hoàn toàn tự tin “ước đoán” của ông sẽ sớm được xác nhận vì một tiếng trước ông vừa nhận được bản fax danh sách 712 người sẽ đến.

“Vài người trong các vị có lẽ đang tự hỏi tại sao tổng thống Mỹ cần nhiều người đến thế cho một cuộc họp thượng đỉnh hai ngày. Câu trả lời đơn giản thôi. Điều chúng ta đang nói ở đây là sự phô trương quyền lực theo kiểu cũ rích. Bảy trăm người, nếu tôi suy đoán đúng, là bằng đúng số tùy tùng mà vua Kaiser Friedrich III mang theo khi đến Rome năm 1468 để cho giáo hoàng thấy ai là người hùng mạnh nhất thế giới.”

Thêm nhiều tiếng cười nữa quanh bàn. Brandhaug nháy mắt với Anne Storksen. Ông đã thấy chuyện này được nhắc đến trên tờ *Aftenposten*. Ông áp hai lòng bàn tay vào nhau.

“Tôi không cần phải nói với mọi người rằng thời gian hai tháng ngắn ngủi thế nào, nhưng điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ phải cần những cuộc họp phối hợp hằng ngày lúc mười giờ tại phòng này. Mọi người sẽ phải bỏ hết những việc khác cho đến khi nào bốn nhân vật này nằm ngoài tầm tay chúng ta. Có lệnh cấm nghỉ lễ và nghỉ phép. Cả nghỉ ốm nữa. Có câu hỏi nào không trước khi chúng ta tiếp tục?”

“Vâng, chúng tôi nghĩ...” Thứ trưởng Ngoại giao mở lời.

“Kể cả nghỉ vì trầm cảm cũng không,” Brandhaug cắt ngang, Bjame Moller không nhìn được mà bật cười.

“Chúng tôi, chúng tôi...” Thứ trưởng Ngoại giao lại mở miệng.

“Đến anh đấy, Meirik,” Brandhaug gọi.

“Gì cơ?”

Sếp Cục An ninh - POT - ngẩng mái đầu sáng bóng lên nhìn Brandhaug.

“Anh có muốn nói gì về bản đánh giá mối đe dọa của POT không?” Brandhaug hỏi.

“À, việc đó,” Meirik đáp. “Chúng tôi có mang theo bản sao đây!”

Meirik lớn lên ở Tromso nên hay nói pha lẫn đến kỳ lạ phương ngữ vùng Tromso với tiếng Na Uy chuẩn. Ông hát đầu về phía người phụ nữ ngồi bên

cạnh. Đôi mắt của Brandhaug nấn ná ở cô ta. Được rồi, cô ta không trang điểm, mái tóc nâu cắt kiểu bob cụp gọn lại bằng một chiếc kẹp không hợp. Còn bộ com lê, thứ đồ len may bằng vải màu xanh lam, thì hết sức tẻ nhạt. Nhưng mặc dù cô ta tự làm mình trông trang nghiêm thái quá, như kiểu những người phụ nữ có chuyên môn lo không được xem trọng thường làm, ông vẫn thích những gì mình nhìn thấy. Cặp mắt nâu dịu dàng và đôi gò má cao tạo cho cô ta một vẻ ngoài quý tộc, gần như không phải Na Uy. Ông từng gặp cô ta rồi, nhưng kiểu tóc này thì mới. Nhớ lại xem tên cô ta là gì ấy nhỉ - cái gì đó theo kiểu Kinh Thánh - Rakel à? Có lẽ cô ta mới vừa ly dị. Điều ấy có thể giải thích cho kiểu đầu mới. Cô ta cúi xuống chiếc cặp tùy viên giữa mình và Meirik, đôi mắt Brandhaug tự động tìm đường viền cổ áo trên áo khoác của cô, nhưng áo cài nút lên quá cao không cho thấy gì đáng chú ý. Cô ta có con ở tuổi đi học không nhỉ? Liệu cô ta có phản đối gì chuyện thuê một phòng khách sạn tại trung tâm thành phố trong ngày không? Quyền lực có làm cô ta thấy hứng thú?

Brandhaug: “Cứ cho chúng tôi bản tóm tắt ngắn gọn, Meirik.”

“Tốt thôi.”

“Trước tiên tôi muốn nói một chuyện...” Thứ trưởng Ngoại giao nói.

“Chúng ta sẽ để Meirik nói xong đã được không? Rồi sau đó anh cứ việc nói bao lâu tùy thích, Bjorn.”

Lần đầu tiên Brandhaug gọi tên thánh của ông Thứ trưởng Ngoại giao.

“POT cho rằng sẽ có nguy cơ tấn công hoặc gây ra thiệt hại khác,” Meirik nói.

Brandhaug mỉm cười. Từ khóe mắt, ông thấy cảnh sát trưởng cũng làm tương tự. Cô bé thông minh, có bằng luật và trong hồ sơ hành chính không một tí vết. Có lẽ một tối nào đó ông nên mời vợ chồng cô ta đến ăn bữa tối với cá hồi. Vợ chồng Brandhaug sống trong một căn nhà gỗ khang trang ở vành đai xanh tại Nordberg. Vào mùa đông ta chỉ việc bỏ ván trượt tuyết ra ngoài nhà và vậy là lên đường. Brandhaug yêu quý ngôi nhà. Vợ ông thì

nghĩ nó quá tồi tăm. Bà ấy bảo rằng cái thứ gỗ đen sì ấy khiến bà sợ, bà cũng không thích cánh rừng bao quanh nhà họ. Phải rồi, một lời mời đến ăn tối. Gỗ cứng, và cá hồi tươi ông sẽ tự bắt. Chúng là những tín hiệu đúng để phát đi.

“Tôi có thể nhắc các vị rằng bốn tổng thống Mỹ đã chết do bị ám sát. Abraham Lincoln vào năm 1865, James Garfield vào năm 1881, John F. Kennedy vào năm 1963 và...”

Ông quay sang người phụ nữ có đôi gò má cao, cô ta mấp máy một cái tên. “À phải rồi, William McKinley. Vào năm...”

“1901,” Brandhaug nói kèm một nụ cười âm áp và cái liếc mắt nhìn đồng hồ đeo tay.

“Chính xác. Nhưng cũng có rất nhiều vụ mưu sát nữa. Harry Truman, Gerald Ford và Ronald Reagan đều là mục tiêu của những cuộc tấn công nghiêm trọng khi họ còn tại vị.”

Brandhaug hắng giọng. “Anh quên rằng vài năm trước người đương nhiệm cũng bị bắn. Hoặc ít nhất thì cũng là nhà ông ta bị bắn.”

“Điều đó đúng. Nhưng chúng ta không bao gồm kiểu tình huống như thế vì nếu vậy sẽ có quá nhiều. Tôi không tin là trong vòng hai mươi năm qua có tổng thống Mỹ nào kết thúc nhiệm kỳ mà không có ít nhất mười cuộc mưu sát được phát hiện và thủ phạm bị bắt. Giới truyền thông thì không biết gì hơn!”

“Tại sao không?”

Sếp Đội Hình sự Bjame Moller hình dung ông chỉ vừa nghĩ đến câu hỏi nên cũng ngạc nhiên như những người khác khi nghe thấy giọng chính mình. Ông nuốt khan khi nhận thấy những mái đầu quay lại nhìn rồi cố gắng chú mục vào Meirik, nhưng không nhìn được đưa mắt về hướng của Brandhaug. Thứ trưởng Ngoại giao nháy mắt trấn an.

“Vâng, như các anh biết đấy, giữ kín về những kẻ mưu sát là điều bình thường,” Meirik đáp, bỏ kính xuống. Trông nó như loại kính tồi hơn khi ta ra

ngoài nắng, được Horst Tappert đeo khi đóng vai chánh thanh tra Derrick, rất nổi tiếng với catalog được đặt hàng qua thư của Đức.

“Những âm mưu ám sát đã tỏ ra ít nhất cũng có tính lây lan như tự sát. Thêm nữa, chúng tôi trong ngành không muốn tiết lộ quy trình tác nghiệp của mình.”

“Về giám sát thì đã có những kế hoạch nào rồi?” Thứ trưởng Ngoại giao hỏi.

Người phụ nữ có đôi gò má cao đưa qua cho Meirik một tờ giấy. Ông đeo kính lên lại rồi bắt đầu đọc.

“Tám người của Mật vụ sẽ đến vào thứ Năm. Sau đó chúng tôi sẽ bắt đầu kiểm tra khắp các khách sạn và lộ trình, rà soát chặt chẽ tất cả những ai sẽ tiếp xúc với tổng thống và huấn luyện cho các cảnh sát Na Uy mà chúng tôi sẽ triển khai. Chúng tôi sẽ cần kêu gọi các đơn vị từ Romerike, Asker và Baerum.”

“Sẽ sử dụng họ vào việc gì?” Brandhaug hỏi.

“Chủ yếu là các nhiệm vụ quan sát. Xung quanh đại sứ quán Mỹ, khách sạn nơi đoàn tùy tùng sẽ nghỉ trọ, điểm đỗ xe...”

“Nói ngắn gọn, tất cả những nơi không có tổng thống.”

“POT sẽ đảm nhận việc đó. Cùng với Cơ quan Mật Vụ Mỹ.”

“Tôi nghĩ anh không thích công tác theo dõi, đúng không Kurt?” Brandhaug nói với nụ cười tự mãn.

Hồi ức khiến Kurt Meirik nhăn mặt. Trong thời gian diễn ra Hội nghị Khai thác khoáng sản tại Oslo năm 1998, POT đã từ chối cung cấp nhiệm vụ theo dõi trên cơ sở đánh giá môi đe dọa của riêng họ. Họ kết luận rằng đó là *rủi ro an ninh từ trung bình đến thấp*. Đến ngày thứ hai của hội nghị, Ban giám đốc Cục Xuất nhập cảnh Na Uy khiến cả hội nghị chú ý đến sự việc là một trong số tài xế Na Uy mà POT đã kiểm tra cho phái đoàn Croatia thực ra là tín đồ Hồi giáo người Bosnia. Hắn ta đến Na Uy vào những năm 1970 và có quốc tịch Na Uy đã nhiều năm. Nhưng năm 1993 cả cha mẹ và bốn người

nhà hắn bị binh lính Croatia tàn sát tại Mostar, Bosnia Herzegovina. Khi khám xét căn hộ của hắn, người ta tìm thấy hai quả thủ pháo và một bức thư tuyệt mệnh. Dĩ nhiên, báo chí chẳng đánh hơi thấy gì, nhưng hậu quả của nó đã lan đến cấp chính phủ, và sự nghiệp của Kurt Meirik như chỉ mảnh treo chuông cho đến khi đích thân Bernt Brandhaug can thiệp. Sự vụ được im đi sau khi tay thanh tra cảnh sát phụ trách vấn đề hồ sơ an ninh từ chức. Brandhaug không thể nhớ tên anh ta, nhưng kể từ đó các quan hệ công tác với Meirik thật tuyệt vời.

“Bjorn!” Brandhaug thốt lên, vỗ đét hai tay vào nhau. “Giờ thì tất cả chúng tôi háo hức nghe xem anh muốn nói với chúng tôi chuyện gì. Nói đi nào!”

Brandhaug đưa mắt nhìn khắp phòng, lướt nhanh qua người trợ lý của Meirik, nhưng không nhanh đến mức không nhận thấy cô ta đang nhìn ông. Tức là cô ta đang nhìn về phía ông, nhưng đôi mắt cô ta vô cảm, lạnh tanh. Ông cân nhắc có nên đáp lại cái nhìn của cô ta không, để xem vẻ mặt nào sẽ xuất hiện khi cô ta nhận ra điều ông sắp làm, nhưng rồi bỏ ý đó đi. Tên cô ta là gì? Rakel à, đúng không nhỉ?

5

Vườn thượng uyển.

Ngày 5 tháng Mười năm 1999.

“Ông chết rồi hả ông?”

Lão già mở mắt thì thấy bóng dáng một cái đầu đang đứng trước mặt, nhưng khuôn mặt chìm trong quầng ánh sáng trắng. Có phải nàng không? Nàng đã đến đưa lão đi rồi sao?

“Ông chết rồi hả ông?” Giọng tươi vui lặp lại.

Lão không trả lời vì không biết mắt mình đang mở hay đơn giản là lão đang mơ. Hay, như giọng nói đã hỏi, lão đã chết rồi.

“Tên ông là gì?”

Cái đầu xê dịch rồi lão trông thấy những ngọn cây và bầu trời xanh ngắt. Lão đã nằm mơ. Cái gì đó trong một bài thơ. *Máy bay Đức ném bom trên đầu*. Nordahl Grieg. Nhà vua chạy trốn sang Anh. Hai đồng tử của lão điều tiết cho quen với ánh sáng và lão nhớ mình đã ngồi bệt xuống bãi cỏ trong Vườn thượng uyển để nghỉ. Chắc lão đã ngủ thiếp đi. Một thằng bé cúi xuống bên cạnh lão, cặp mắt nâu nhìn lão từ bên dưới mái tóc đen ngang trán.

“Tên cháu là Ali,” thằng bé nói.

Một thằng bé Pakistan à? Nó có cái mũi hếch, lạ lùng.

“Ali nghĩa là Thượng Đế,” nó nói. “Tên ông nghĩa là gì?”

“Tên ta là Daniel,” lão già nói mà nhoèn cười. “Đó là một cái tên trong Kinh Thánh. Nghĩa là *Thượng Đế là người phán xét ta.*”

Thằng bé nhìn lão.

“Thế tên ông là Daniel à?”

“Ừ,” người đàn ông đáp.

Thằng bé không rời mắt khỏi lão nên lão già cảm thấy bối rối. Có lẽ thằng bé nghĩ rằng lão là kẻ vô gia cư vì lão đang nằm đây còn mặc nguyên áo quần, dùng chiếc áo khoác len làm tấm dưới mặt trời nóng nực.

“Mẹ cháu đâu?” lão hỏi, nhằm lảng tránh ánh mắt dò hỏi của thằng bé.

“Đằng kia ạ.” Nó quay người lại, giơ tay chỉ.

Hai phụ nữ khỏe mạnh, làn da ngăm đen đang ngồi trên bãi cỏ cách đó một quãng. Bốn đứa trẻ đang nô đùa xung quanh, cười như nắc nẻ.

“Vậy thì cháu là người phán xét ông, cháu đấy,” thằng bé nói.

“Cái gì?”

“Ali là Thượng Đế, đúng không? Và Thượng Đế là người phán xét Daniel. Mà tên cháu là Ali còn ông là...”

Lão già thò tay véo mũi Ali. Thằng bé cười ré lên sung sướng. Lão thấy hai người phụ nữ quay đầu lại; một người đang đứng lên nên lão bỏ tay ra.

“Mẹ cháu kia, Ali,” lão nói, hất đầu về hướng người phụ nữ đang đi lại.

“Mẹ!” thằng bé kêu lên. “Nhìn này, con là người phán xét ông già đó.”

Người phụ nữ quát thằng bé bằng tiếng Urdu. Lão già mỉm cười, nhưng bà ta lảng tránh lão, nghiêm khắc nhìn thằng con, cuối cùng nó cũng nghe lời và rón rén đi về phía bà ta. Khi họ quay đi, ánh mắt bà ta nhìn tới và lướt qua lão như thể lão vô hình. Lão muốn phân trần với bà ta rằng mình không phải là kẻ vô công rồi nghề, nói với bà ta rằng lão cũng góp một tay vào việc định hình xã hội này. Lão đã đầu tư vào nó, theo cách tốt nhất có thể, cho đi mọi thứ mình có đến khi không còn gì để cho nữa, ngoài việc sụm xuống, nhượng bộ và đầu hàng. Nhưng lão không đủ sức làm chuyện đó, lão mệt và chỉ muốn về nhà. Nghỉ ngơi, và rồi lão sẽ thấy. Đã đến lúc một số kẻ khác phải trả giá.

Lão không nghe thấy tiếng thằng bé hét gọi theo khi lão bỏ đi.

6

Sở cảnh sát, Gronland.

Ngày 9 tháng Mười năm 1999.

Ellen Gjeltten ngược mắt nhìn người đang xồng xộc qua cửa.

“Chào buổi sáng, Harry.”

“Mẹ kiếp.”

Harry đá văng sọt rác cạnh bàn anh khiến nó đâm sầm vào tường cạnh ghế Ellen ngồi, lăn qua sàn nhà lót vải son, giấy rác bắn tung tóe khắp nơi: mấy tờ báo cáo cố gắng viết rồi vứt bỏ (vụ án mạng ở Ekeberg); một bao thuốc lá loại hai mươi điều rồng (Camel, nhãn hiệu được miễn thuế); một hộp sữa chua *Go'morn* xanh lá; tờ tạp chí *Dagsavisen*; một vé xem phim dùng rồi (Tên phim: *Sợ hãi và ghê tởm ở Las Vegas*); một phiếu thưởng cá độ bóng đá dùng rồi; một tạp chí âm nhạc (*MOJO*, số 69, tháng Hai năm 1999, có hình ban nhạc Queen trên trang bìa); một chai coca (bằng nhựa, loại nửa lít); và một tờ giấy nhớ màu vàng có số điện thoại anh đã cân nhắc gọi được một thời gian rồi.

Ellen ngược mắt khỏi máy tính và xem xét mớ rác trong sọt đồ giữa sàn.

“Anh vừa quăng tạp chí *MOJO* đi đấy à, Harry?” cô hỏi.

“Mẹ kiếp!” Harry lặp lại. Anh vùng vằng cởi phăng áo vest bó sát rồi ném qua văn phòng hai mươi mét vuông anh với Ellen Gjeltten dùng chung. Chiếc vest trúng giá áo, nhưng tuột xuống sàn.

“Làm sao thế?” Ellen hỏi, đưa tay ra đỡ cho cái giá áo đang lắc lư khỏi đồ xuống.

“Tôi tìm thấy cái này trong ngăn kéo bàn tôi.”

Harry vầy vầy một tài liệu.

“Trông như bản án của tòa.”

“Phải.

“Vụ Dennis Kebab à?”

“Đúng.”

“Rồi sao?”

“Sverre Olsen đã được tặng một bản án thích đáng. Ba năm rưỡi.”

“Lạy Chúa. Chắc tâm trạng anh hẳn phải tuyệt vời lắm.”

“Đúng vậy, trong khoảng một phút. Cho đến khi tôi đọc cái này.”

Harry giơ lên một bản fax.

“Thì sao?”

“Khi Krohn nhận được bản sao bản án hồi sáng nay, hẳn đáp lại bằng cách gửi cho chúng ta cảnh cáo rằng hẳn sẽ theo đuổi khiếu nại về sai lầm tố tụng.”

Ellen nhăn mặt như thể đang ngậm cái gì đó buồn nôn trong miệng.

“Eo ơi.”

“Hẳn muốn toàn bộ bản án bị hủy bỏ. Cô sẽ đêch tin được đâu, nhưng thằng cha Krohn lươn lẹo đó gây sức ép với chúng ta về việc tuyên thệ.” Harry đứng trước cửa sổ. “Các thẩm phán chỉ phải đọc lời tuyên thệ lần đầu tiên khi họ làm thẩm phán, nhưng việc đó phải diễn ra tại phòng xử án trước khi vụ án bắt đầu. Krohn để ý thấy rằng một thẩm phán là người mới. Và bà ta đã không đọc lời tuyên thệ trước tòa.”

“Đó được gọi là lời xác nhận!”

“Đúng. Bây giờ hóa ra căn cứ theo giấy chứng nhận bản án, thẩm phán đã nghe lời xác nhận của thẩm phán không chuyên trong văn phòng mình, ngay trước khi bắt đầu phiên xử. Ông ta đổ lỗi do thiếu thời gian và không biết những quy định mới!”

Harry vò tờ fax ném thành một vòng cung rộng, trượt cái sọt rác của

Hellen nửa mét.

“Hậu quả là gì?” Ellen hỏi, đá tờ fax sang bên nửa văn phòng của Harry.

“Lời kết án sẽ được xem là không có hiệu lực, Sverre Olsen sẽ là người tự do trong ít nhất cũng mười tám tháng, cho đến khi phiên tòa được mở lại. Theo kinh nghiệm thì bản án sẽ nhẹ đi rất nhiều do sự căng thẳng trong thời gian chờ đợi mà bị cáo phải gánh chịu này nọ. Bị quản thúc tám tháng rồi thì Sverre Olsen là người tự do mẹ nó rồi còn gì.”

Harry không nói với Ellen, cô biết mọi chi tiết của vụ án. Anh đang nói với hình ảnh phản chiếu của mình trong cửa sổ, nói rành rọt từng chữ để nghe xem chúng có nghĩa lý gì không. Anh đưa cả hai bàn tay lùa qua cái đầu dẫm mồ hôi, đến tận chỗ mái tóc vàng mới cắt sát rạt đã mọc lên lờm chờm. Lý do để anh cạo nhẵn thín phần còn lại rất đơn giản: tuần trước anh lại bị nhận mặt. Một gã thanh niên, đầu đội mũ len đen, đi giày Nike và mặc quần cỡ to rộng thùng thình đến nỗi đứng xệ xuống giữa hai đầu gối, đã bước lại chỗ anh trong khi lũ bạn hấn cười khẩy sau lưng mà hỏi Harry có phải “anh chàng kiểu Bruce Willis ở Úc hay không.” Đó là ba - ba! - năm trước khi mặt anh trang trí trang bìa các tờ báo và anh còn tự biến mình thành thẳng ngốc trên các sô truyền hình nói về một kẻ giết người hàng loạt anh bắn chết tại Sydney. Harry đã bỏ đi ngay và cạo trọc đầu luôn. Ellen còn gợi ý anh nên để râu.

“Điều tồi tệ nhất là tôi dám cá rằng tên khốn luật sư đó đã thảo sẵn đơn kháng cáo trước khi bản án được thông qua. Hắn đã có thể nói gì đó, và lời xác nhận có thể đã được thực hiện ngay tại chỗ. Nhưng hắn chỉ ngồi ì ra đó, xoa tay mà chờ.”

Ellen nhún vai.

“Chuyện kiểu đó vẫn xảy ra mà. Chiến công của luật sư bên bị. Thì cũng phải hiến tế cái gì đó lên bàn thờ luật pháp và trật tự chứ. Bình tĩnh lại đi, Harry.”

Cô phát biểu một thực tế bằng sự pha lẫn châm biếm với nghiêm túc.

Harry ghi trán vào lớp kính mát lạnh. Lại một ngày nữa trong những ngày tháng Mười ấm áp bất thường. Anh tự hỏi Ellen, nữ cảnh sát trẻ trung, mới vào nghề, có khuôn mặt xanh xao, dễ thương như búp bê, cái miệng nhỏ xinh và đôi mắt tròn xoe như viên bi này tạo được vẻ ngoài cứng rắn như thế từ đâu. Cô nàng xuất thân từ tầng lớp trung lưu, chính miệng cô nói, là con một và được nuông chiều, thậm chí còn theo học trường nữ sinh nội trú ở Thụy Sĩ. Ai biết được? Có lẽ sự dạy dỗ đó đã đủ cứng rắn rồi.

Harry ngửa cổ ra sau và thở ra. Rồi anh cởi một cúc áo sơ mi.

“Nửa đi, nửa đi,” Ellen vừa thì thầm vừa vỗ tay cổ vũ.

“Bọn Quốc xã mới gọi hấn là Người Dơi đấy.”

“Hiểu rồi. Gậy Bóng chày(2).”

“Không phải tên phát xít - gã luật sư ấy.”

“Phải rồi. Thú vị đấy. Có phải nghĩa là hấn đẹp trai, giàu có, nóng tính, bụng sáu múi và xe xịn không?”

Harry phá lên cười. “Cô cũng nên có chương trình truyền hình riêng đấy, Ellen. Đó là vì Người Dơi luôn thắng. Thêm nữa, hấn có vợ rồi.”

“Đó là điểm trừ duy nhất à?”

“Cái đó... và lần nào hấn cũng biến chúng ta thành trò cười!” Harry nói trong khi rót cho mình một cốc cà phê xay sẵn mà Ellen mang theo khi cô dọn đến văn phòng hai năm trước. Khó khăn bất ngờ đó là khẩu vị của Harry không chịu được loại đồ uống không có cồn thông thường này nữa.

“Hấn định leo lên chức thẩm phán Tòa án Tối cao à?” cô hỏi.

“Trước khi hấn được bốn mươi tuổi.”

“Cá một nghìn krone là hấn không thành công!”

“Xong.”

Họ cùng cười, cùng nâng cốc cà phê giấy.

“Thế tôi lấy tờ tạp chí MOJO này được không?” cô hỏi.

“Có mấy bức ảnh chụp mười tư thế khỏa thân khủng khiếp nhất của Freddie Mercury. Ngực trần, hai tay chống nạnh và phô ra hàm răng vâu.

Đúng là một thảm họa. Của cô đấy!”

“Tôi thích Freddie Mercury mà, thật đấy. Từng thích.”

“Tôi không nói là tôi không thích hẳn.”

Chiếc ghế văn phòng màu xanh, lỗ chỗ vón từ lâu được để ở mức thấp nhất, rít lên phản đối khi Harry ngã người ra sau, chìm trong suy tư. Anh cầm lên một tờ giấy nhớ màu vàng có dòng chữ của Ellen trên điện thoại trước mặt.

“Cái gì đây?”

“Anh biết đọc mà, đúng không? Moller muốn gặp anh.”

Harry chạy xuống hành lang, vừa đi vừa hình dung ra cái miệng mím chặt, hai nếp nhăn hằn sâu của sếp khi biết tin Sverre Olsen lại được sai bước tự do.

Cạnh chiếc máy photocopy, cô gái trẻ má hồng tức thì ngược mắt lên và mỉm cười khi Harry đi ngang. Anh chẳng buồn mỉm cười đáp lại. Có lẽ là một trong mấy cô gái văn phòng. Mùi nước hoa của cô ta thật ngọt và nồng, đơn giản là khiến anh thấy khó chịu. Anh nhìn xuống kim chỉ phút trên đồng hồ đeo tay.

Vậy là giờ đây mùi nước hoa bắt đầu làm anh khó chịu. Anh bị chuyện gì vậy? Ellen đã nói rằng anh thiếu nghị lực tự nhiên, hoặc bất kể nó nghĩa là gì mà hầu hết mọi người cố vùng vẫy mà trôi lên lại. Từ Bangkok về anh chán nản một thời gian dài đến mức đã tính chuyện bỏ cuộc không bao giờ còn trôi đầu lên nữa. Mọi thứ đều giá lạnh và tối đen, mọi cảm giác của anh không hiểu sao đã cùn nhụt đi. Như thể anh đã chìm sâu dưới nước. Đó từng là sự thình lặn tuyệt vời. Khi người ta nói chuyện với anh, từ ngữ như những bọt khí thoát ra từ miệng họ, hồi hải bay lên rồi tan mất. Anh đã nghĩ vậy ra chết đuối cũng giống thế, và anh chờ đợi. Nhưng chẳng xảy ra chuyện gì. Chỉ là khoảng chân không. Mà cũng tốt thôi. Anh đã sống sót.

Nhờ có Ellen.

Cô đã có mặt trong mấy tuần đầu tiên sau khi anh quay về, khi anh đã

phải thừa nhận mình thất bại và bỏ về nhà. Cô lo sao cho chắc rằng anh không đến mấy quán bar, bắt anh thở ra khi anh đi làm muộn, rồi căn cứ theo đó mà tuyên bố anh có say xỉn hay không. Đã vài lần cô buộc anh về nhà nhưng cô giữ kín chuyện đó. Chuyện này cần thời gian nhưng Harry chẳng có việc gì đặc biệt mà làm. Ellen gật đầu hài lòng hôm thứ Sáu đầu tiên họ khẳng định được rằng anh tỉnh táo đi làm năm ngày liên tiếp.

Cuối cùng anh đã hỏi thẳng cô. Với học viện cảnh sát và tấm bằng luật sau lưng, cả cuộc đời còn ở trước mặt, tại sao cô lại tình nguyện quàng vào cổ cái ách này? Chẳng lẽ cô không nhận ra làm thế cũng chẳng có lợi gì cho sự nghiệp của mình sao? Cô thấy khó tìm được những bạn bè bình thường và thành đạt hay sao?

Cô nhìn anh với vẻ mặt nghiêm túc, trả lời rằng cô làm thế chỉ nhằm học hỏi hết kinh nghiệm của anh mà thôi. Anh là điều tra viên xuất sắc nhất họ có trong Đội Hình sự. Nhảm nhí, dĩ nhiên, dẫu vậy anh thấy tự mãn vì cô lại chịu nói ra vậy. Thêm nữa, Ellen là một điều tra viên nhiệt tình, tham vọng đến mức không thể không lan truyền sang ta. Trong sáu tháng qua Harry thậm chí còn bắt đầu làm việc tốt trở lại. Một số vụ anh còn hoàn thành xuất sắc. Chẳng hạn như vụ Sverre Olsen.

Trước mắt anh là cửa văn phòng Moller. Harry gật đầu khi đi qua với một cảnh sát mặc đồng phục đang giả vờ như không nhìn thấy anh.

Harry nghĩ nếu hắn là thí sinh trên chương trình truyền hình Cuộc thám hiểm Robinson của Thụy Điển, họ sẽ chẳng mất đến hơn một ngày mới nhận ra ác nghiệp của hắn và tống cổ hắn về nhà. Tống cổ hắn về nhà ư? Lạy Chúa, anh đang bắt đầu tư duy theo thuật ngữ của mấy cái chương trình nhảm nhí trên đài TV3 rồi. Đó là chuyện xảy ra khi ta năm giờ mỗi tối lại ngồi trước màn hình ti-vi. Ý tưởng rằng nếu anh bị nhốt trước cái ti-vi tại phố Sofies, ít nhất anh sẽ không ngồi trong quán Schreder.

Anh đưa tay lên gõ hai cái ngay bên dưới tấm biển trên cửa: Bjame Moller, PAS.

“Vào đi!”

Harry nhìn đồng hồ đeo tay. Bảy giờ năm giây.

Văn phòng Moller.

Ngày 9 tháng Mười năm 1999.

Thanh tra Biame Moller đang nằm thì đúng hơn là ngồi trên ghế, hai cẳng chân dài thò ra giữa mấy chân bàn. Hai tay ông xếp sau đầu - một mẫu vật tuyệt đẹp cho thứ mà các nhà nghiên cứu chủng tộc thời đầu hay gọi là “sọ dài” - điện thoại kẹp chặt giữa tai và vai. Tóc ông cắt theo lối húi cua mà gần đây Hole ví von với kiểu tóc của Kevin Costner trong phim *Vệ Sĩ*. Moller chưa xem phim *Vệ sĩ*. Ông không đi xem phim đã mười lăm năm nay rồi vì số mệnh đã cho ông một ý thức trách nhiệm quá cỡ, quá ít thời gian, hai đứa con và một người vợ chỉ hiểu được ông phần nào.

“Vậy thì ta cứ theo chuyện đó,” Moller nói, bỏ điện thoại xuống và nhìn Harry qua cái bàn oằn xuống vì tài liệu, những gạt tàn thuốc đầy be và cốc giấy. Trên mặt bàn một tấm ảnh hai thằng bé ăn mặc như thổ dân da đỏ đánh dấu một trung tâm hợp lý giữa hỗn loạn.

“Cậu đây rồi, Harry”

“Tôi đây rồi, sếp.”

“Tôi đã đến dự một cuộc họp tại Bộ Ngoại giao có liên quan tới hội nghị thượng đỉnh trong tháng Mười một này ở Oslo. Tổng thống Mỹ sẽ đến...à mà cậu đọc tài liệu rồi nhì. Cà phê không, Harry?”

Moller đứng lên, chỉ cần hai sải chân bảy dặm ông đã tới được tủ hồ sơ mà trên đó, nằm ngay ngắn trên cùng một chồng tài liệu, máy pha cà phê đang phun ra thứ chất lỏng sền sệt.

“Cảm ơn sếp, nhưng tôi...”

Đã quá trễ nên Harry đưa tay đón lấy cốc cà phê nghi ngút khói.

“Tôi đặc biệt mong chờ chuyến viếng thăm của Mật vụ, tôi chắc chắn chúng ta sẽ có mối quan hệ thân ái với họ khi chúng ta và họ đã hiểu nhau rõ hơn!”

Moller chưa bao giờ học được cách vận dụng lối ăn nói mĩa mai. Đây chỉ là một trong nhiều điều Harry đánh giá rất cao ở sếp.

Moller co hai đầu gối vào cho đến khi đỡ đáy mặt bàn. Harry ngả người ra sau lấy bao Camel đã nhàu nát từ túi quần, nhướn một bên mày dò hỏi về phía Moller. Ông nhanh chóng đón bắt được tín hiệu, đẩy cái gạt tàn đầy ắp về phía anh.

“Tôi sẽ chịu trách nhiệm về an ninh dọc các tuyến đường đến và đi từ Gardermoen. Ngoài tổng thống ra còn có Barak.”

“Barak?”

“Edhud Barak. Thủ tướng Israel.”

“Trời ạ, vậy là lại sắp có thêm một thỏa thuận Oslo tuyệt vời nữa à?” Moller chán nản nhìn chăm chăm cột khói xanh đang cuộn lên trần nhà.

“Đừng bảo tôi cậu chưa nghe chuyện đó, Harry. Nếu không tôi sẽ còn lo lắng cho cậu hơn hiện giờ nữa. Chuyện này đã lên tất cả các trang nhất tuần trước rồi.”

Harry nhún vai.

“Thằng bé đưa báo không chịu đến đều đặn. Khiến kiến thức chung của tôi chịu những lỗ hổng nghiêm trọng. Một thứ cản trở trầm trọng cho đời sống giao tế của tôi.” Anh cẩn thận nhấp thêm một ngụm cà phê nữa, nhưng bỏ cuộc, đẩy cốc cà phê ra xa. “Và đời sống tình ái của tôi nữa.”

“Thật à?” Moller dò xét Harry với vẻ mặt cho thấy ông không biết nên thích thú hay khiếp sợ chuyện sắp xảy ra.

“Dĩ nhiên. Ai lại thấy một thằng đàn ông độ ba mươi lăm, biết tường tận cuộc sống của bao người trong chương trình *Cuộc thám hiểm Robinson*, thế

mà lại hầu như không nhớ được tên vị nguyên thủ nào, hay là tổng thống Israel, là hấp dẫn?”

“Thủ tướng.”

“Thì đây. Sếp hiểu ý tôi rồi đây.”

Moller nhin cười. Ông thường dễ cười. Và mềm lòng với viên sĩ quan có phần đau khổ với đôi tai to lộ ra từ mái đầu húi sát trông như hai cánh bướm đầy màu sắc. Cho dù đối với Moller, Harry chỉ gây cho ông nhiều rắc rối hơn niềm vui. Là người mới được thăng chức lên PAS, ông đã học được rằng lời răn thứ nhất đối với một công chức có các dự tính cho sự nghiệp là đề phòng. Khi Moller háng giọng chuẩn bị thốt ra những câu hỏi gây lo nghĩ, ông đã quyết định sẽ hỏi, và sợ phải hỏi, bước đầu tiên ông nhíu mày cho Harry thấy rằng mỗi bận tâm của ông có tính chất chuyên môn, không phải thân mật.

“Tôi nghe nói cậu vẫn đang giết thời gian ở quán Schreder, Harry?”

“Đỡ hơn xưa rồi sếp. Trên ti-vi cũng lắm chương trình hay mà.”

“Nhưng cậu vẫn đang ngồi đó mà nốc rượu?”

“Họ không thích ta đứng đâu.”

“Thôi ngay đi. Cậu đang uống trở lại sao?”

“Tôi thiếu thôi.”

“Tôi thiếu thế nào?”

“Họ sẽ quăng tôi ra ngoài nếu tôi uống ít hơn vậy.”

Lần này Moller không nhin được cười nữa. “Tôi cần ba sĩ quan liên lạc để giữ an ninh cho tuyến đường,” ông nói. “Mỗi người sẽ được tùy nghi sử dụng mười người từ các khu vực cảnh sát tại Akershus, cộng thêm hai học viên năm cuối trường sĩ quan. Tôi đã nghĩ đến Tom Waaler...”

Waalder. Thằng khôn phân biệt chủng tộc nhưng đang ở ngay trong danh sách đề bạt cho chức vụ thanh tra. Harry đã nghe nói đủ về các hoạt động chuyên môn của Waaler để biết chúng xác nhận tất cả các định kiến người dân có thể có đối với cảnh sát. Trừ một điều: thật không may, Waaler không

phải là thằng ngu. Những thành tích khi hắn làm điều tra viên ẩn tượng đến mức chính Harry phải thừa nhận hắn kiểu gì cũng xứng đáng được thăng chức.

“Và Weber...”

“Cái lão già bản tính ấy à?”

“... và cậu nữa, Harry.”

“Nói lại xem nào?”

“Cậu nghe rồi đấy.”

Mặt Harry nhăn nhó.

“Cậu có phản đối gì không?” Moller hỏi.

“Dĩ nhiên là có.”

“Tại sao? Đây là một nhiệm vụ vẻ vang, Harry. Niềm tự hào của cậu đấy.”

“Thế á?” Harry giận dữ dụi điều thuốc vào gạt tàn. “Hay đây là giai đoạn tiếp theo trong quá trình phục hồi?”

“Ý cậu là sao?” Bgame Moller có vẻ bị xúc phạm.

“Tôi biết rằng sếp đã bất chấp lời khuyên đúng, đã có bất đồng với một vài người khi sếp tiếp nhận tôi về lại đội sau vụ Bangkok. Và tôi mãi mãi biết ơn sếp vì điều đó. Nhưng cái gì thế này? Sĩ quan liên lạc sao? Nghe như một nỗ lực chứng minh với những kẻ còn nghi ngờ rằng sếp đã đúng, còn bọn họ thì sai. Rằng Hole đang trôi lên, rằng có thể giao trách nhiệm cho anh ta và đủ thứ.”

“Vậy sao?” Bgame Moller lại chấp hai tay sau đầu.

“Vậy sao á?” Harry nhại lại. “Có phải đằng sau chuyện này là thế không? Tôi lại chỉ là một con tốt?”

Moller buông tiếng thở dài thất vọng.

“Chúng ta đều là con tốt cả, Harry. Luôn luôn có một động cơ ngầm. Chuyện này không tồi tệ hơn bất kỳ chuyện gì khác. Hãy làm tốt công việc rồi điều đó sẽ tốt cho cả hai chúng ta. Chuyện này khó đến thế hay sao?”

Harry khịt mũi, định nói gì đó, kiềm chế, lấy đà lần nữa, nhưng rồi lại thôi. Anh búng một điều nữa trong bao ra.

“Chỉ là tôi cảm thấy mình như một con ngựa chết tiệt cho thiên hạ đặt cược. Và tôi ghét cay ghét đắng trách nhiệm.”

Harry để thông điều thuốc trên môi mà không châm lửa.

Anh nợ Moller ân huệ này, nhưng nếu anh làm hỏng bét thì sao? Moller đã nghĩ đến điều đó chưa? Sĩ quan liên lạc à? Bây giờ anh đã kiêng rượu được một thời gian rồi, nhưng anh vẫn phải thận trọng, từng ngày một. Chết tiệt, chẳng phải đó là một trong những lý do anh trở thành điều tra viên sao? Để tránh có người ở dưới mình, và càng ít người trên mình càng tốt? Harry cắn xuống đầu lọc điều thuốc.

Họ nghe thấy những giọng nói ngoài hành lang cạnh máy pha cà phê. Nghe giống như Waaler. Tiếp theo là những tràng cười. Có lẽ là của cô nhân viên văn phòng mới. Trong mũi anh vẫn còn mùi nước hoa của cô ta.

“Mẹ kiếp!” Harry nói. Mẹ-kiếp. Với hai chữ, khiến điều thuốc nảy lên hai lần trên miệng.

Moller nhắm mắt suốt lúc Harry chìm trong suy tư, rồi giờ ông hé mắt ra. “Tôi xem đó như một lời đồng ý nhé?”

Harry đứng dậy bước ra ngoài chẳng nói tiếng nào.

8

Trạm thu phí tại Alnabru.

Ngày 1 tháng Mười một năm 1999.

Con chim lông xám lọt vào tầm nhìn của Harry rồi lại đang bay ra. Anh ghi mạnh cò khẩu Smith & Wesson cỡ 38 trong khi nhìn qua mép ống ngắm về khoảng lưng bất động sau tấm kính. Ai đó đã nói về chuyện thời gian trôi chậm lại trên ti-vi ngày hôm qua.

Còi xe, Ellen. Nhấn cái còi chết tiệt ấy đi. Chắc hẳn ta là nhân viên Mật vụ.

Thời gian trôi chậm lại, như vào đêm Giáng sinh trước khi ông già Noel đến. Chiếc mô tô đầu tiên đã chạy đến ngang bùng bán vé, con chim cổ đỏ vẫn chỉ là một chấm đen bên rìa tầm nhìn của anh. Thời gian trên ghế điện trước khi dòng điện...

Harry siết cò. Một, hai, ba lần.

Rồi thời gian tăng tốc dữ dội. Lớp kính màu trắng xóa đi, bắn tung mảnh vụn xuống mặt đường nhựa, anh nhác thấy một cánh tay biến mất dưới đường viền bùng bán vé trước khi tiếng êm ru của những lớp xe Mỹ đất tiên xuất hiện - rồi đi mất.

Anh nhìn chăm chăm về phía bùng bán vé. Vài chiếc lá vàng xoáy tít lên bên đoàn xe mô tô vẫn lơ lửng trong không trung rồi mới hạ xuống gờ cỏ xám bản thiêu. Anh nhìn về phía bùng bán vé. Tất cả lại chìm vào im lặng, và trong một lúc anh chỉ nghĩ được một điều là anh đang đứng tại một trạm thu phí Na Uy bình thường vào một ngày thu Na Uy bình thường, với một

trạm xăng Esso bình thường làm phong nền. Thậm chí còn có mùi của một buổi sáng lạnh lẽo bình thường: mùi lá mục rữa và khói xe. Bỗng dưng anh chợt hiểu: có lẽ chẳng có gì trong những chuyện này đã thực sự xảy ra.

Anh vẫn đang nhìn chăm chăm về phía buồng bán vé thì tiếng rền rĩ không ngớt của còi xe Volvo sau lưng anh cửa ngày làm đôi.

PHẦN 2
KHỞI NGUYÊN

Năm 1942.

Những quả pháo sáng chiếu sáng bầu trời đêm xám xịt, khiến nó giống như tấm vải bạt bản thủ phủ lên một khung cảnh xám ngoét, trần trụi bao quanh họ ở mọi phía. Có lẽ quân Nga đã mở đợt tấn công, có lẽ chỉ là bịp; ta thực sự chẳng bao giờ biết được chừng nào nó chưa kết thúc. Gudbrand nằm trên mép hào, hai chân co lên ngực, cầm chắc cây súng bằng cả hai tay lắng nghe những tiếng nổ khô khốc xa xa khi nhìn pháo sáng rơi. Gã biết mình không nên nhìn pháo sáng. Mắt gã sẽ bị quáng gà rồi không thấy được những tên lính bắn tia Nga bò ra trong tuyết trong vùng trung lập. Nhưng dù gì gã cũng chẳng thể nhìn thấy họ, chưa từng trông thấy một tên nào; gã chỉ bắn theo lệnh. Như bây giờ gã đang làm.

“Hắn kia rồi!”

Đó là Daniel Gudeson, anh chàng thành thị duy nhất trong đơn vị. Những người khác đến từ những nơi có tên tận cùng bằng chữ dal. Một số vùng thung lũng thì rộng còn số khác thì sâu, hoang liêu và tối tăm, chẳng hạn như vùng đất quê nhà của Gudbrand. Nhưng với Daniel thì không. Daniel có vàng trán cao, trong sáng, đôi mắt xanh long lanh và nụ cười phô ra hàm răng trắng bóc. Cậu ta giống như hình trên áp phích tuyển quân. Cậu ta đến từ đâu đó có những đường chân trời.

“Hướng hai giờ, bên trái bụi rậm,” Daniel nói.

Bụi rậm? Không thể có bụi rậm nào trong quang cảnh toàn hố bom thế này? À mà có, vì mấy đũa kia đang bắn. Tàn tạch, pằng pằng, vèo vèo. Cứ năm viên đạn lại có một viên vút đi như đường parabol, như con đom đóm.

Đạn lửa. Viên đạn vút đi vào bóng tối nhưng dường như nó bỗng thấm mệt vì vận tốc viên đạn giảm rồi nó chìm xuống đâu đó ngoài kia. Dù sao đi nữa thì trông nó giống như vậy, Gudbrand nghĩ một viên đạn bay chậm như thế sẽ chẳng giết nổi ai,

“Hắn đang bỏ chạy!” một giọng cay đắng, đầy căm hận rít lên. Là giọng của Sinclre Fauke. Khuôn mặt hắn gần như lẫn vào bộ quân phục ngụy trang và đôi mắt nhỏ, sâu hoắm nhìn đăm đăm vào bóng tối. Hắn đến từ một trang trại xa xôi hẻo lánh tận trên vùng cao Gudbrandsdalen, có lẽ là một vùng đất hẹp bị bao bọc xung quanh nào đó mà ánh mặt trời không chiếu tới vì da hắn trông tái xanh. Gudbrand không biết tại sao Sindre lại tình nguyện đi chiến đấu trên Mặt trận phía Đông, nhưng gã nghe nói rằng cha mẹ và cả hai anh hắn đều gia nhập đảng Dân tộc Thống nhất phát xít. Họ đeo dải băng trên cánh tay đi khắp nơi, chỉ điểm dân làng đồng hương họ nghi ngờ là dân quân kháng chiến. Daniel nói rằng một ngày nào đó những kẻ chỉ điểm và tất cả những ai khai thác chiến tranh để mưu lợi cá nhân sẽ phải ăn đòn.

“Không, không đâu,” Daniel hạ thấp giọng, cảm thì lên súng. “Không thằng Bôn-sê-vích chết tiệt nào thoát được đâu.”

“Hắn biết bọn mình thấy hắn rồi” Sindre nói. “Hắn sẽ trốn vào chỗ trống dưới kia.”

“Không, không đâu!” Daniel đáp và nhắm bắn.

Gudbrand nhìn chằm chằm ra vùng tối đen màu trắng xám. Tuyết trắng, những bộ đồng phục ngụy trang trắng, ánh lửa trắng. Bầu trời lại sáng lên. Đủ kiểu bóng đen vụt qua lớp băng tuyết. Gudbrand lại nhìn chằm chằm lên. Những chớp sáng đỏ, vàng ở chân trời, tiếp theo là những tiếng ầm ầm xa xa. Nó không thật như ở rạp phim vậy, ngoại trừ một điều đang âm ba mươi độ và chẳng có ai để vòng tay ôm. Có lẽ lần này là đợt tấn công thật rồi?

“Mày chậm quá đấy, Gudson. Hắn biến rồi.” Sindre nhỏ toẹt xuống tuyết.

“Chưa, hắn chưa biến đâu!” Daniel đáp còn khễ hơn nữa và ngắm bắn, rồi

lại ngắm. Gần như miệng cậu ta không còn phả ra khói lạnh nữa.

Thế rồi một tiếng đạn rít chói tai, một tiếng thét cảnh báo, vậy là Gudbrand ném mình xuống đáy hào phủ đầy băng, đưa cả hai tay lên che đầu. Mặt đất rung chuyển. Từng hòn đất nâu đóng băng trút xuống như mưa; một hòn trúng mũ sắt của Gudbrand, trượt xuống ngay trước mặt gã. Gã đợi đến khi chắc rằng không còn hòn đất nào rơi nữa mới đẩy mũ lên lại. Yên ắng trở lại và một lớp tuyết trắng mịn bám đầy mặt gã. Họ nói ta chẳng bao giờ nghe thấy tiếng đạn pháo bắn trúng ta, nhưng Gudbrand đã thấy đủ kết quả của những trái đạn pháo vèo vèo để biết điều đó không đúng. Một quả pháo sáng làm lóe sáng con hào; gã trông thấy khuôn mặt trắng bệch của mấy đứa kia và bóng họ khi họ bò về phía gã, bám sát vào một bên con hào, đầu cúi thấp khi ánh sáng dần nhạt đi. Nhưng Daniel đâu? Daniel!

“Daniel!”

“Tóm được hấn rồi!” Daniel nói, vẫn đang nằm trên mép hào. Gudbrand không tin nổi tai mình.

“Cậu vừa nói gì?”

Daniel trượt xuống hào, giữ tuyết và đất. Cậu ta cười toét miệng.

“Tôi nay không thẳng chó Nga nào bắn trong phiên gác của bọn mình được đâu. Báo thù cho Tormod được rồi.” Hai gót chân cậu ta bám xuống mép hào để khỏi trượt trên băng.

“Nó chém đấy!” Là giọng Sindre. “Mày có bắn trúng hấn quái đâu, Gudeson. Tao thấy thằng Nga đó biến vào dưới chỗ trũng cơ mà.”

Đôi mắt ti hí của hấn hết nhìn người này lại nhìn người kia, như thể muốn hỏi có ai tin được lời khoác lác của Daniel.

“Chính xác!” Daniel nói. “Nhưng hai tiếng nữa là trời sáng, và hấn biết hấn sẽ phải bò ra trước lúc đó.”

“Đúng vậy, nên hấn đã cố làm thế sớm một chút!” Gudbrand lẹ làng nói thêm. “Hấn ló ra ở phía bên kia. Đúng không, Daniel?”

“Quá sớm hay không!” Daniel mỉm cười. “Dù sao thì tớ cũng sẽ tóm

được hẳn.”

Sindre rít lên: “Câm cái mỏ bẻ của mày lại đi, Gudeson.”

Daniel nhún vai, kiểm ổ đạn và lên đạn. Rồi cậu ta quay người, gác súng qua vai, đập một bên ủng vào thành hào đóng băng rồi phóng người lên trên mặt hào.

“Đưa tớ cái mai của cậu được không, Gudbrand.”

Daniel cầm lấy cái mai và đứng thẳng người lên. Trong bộ quân phục mùa đông trắng xóa, dáng người cậu ta in rõ nét trong bầu trời đêm và pháo sáng lơ lửng như ánh hào quang trên đầu.

Trông cậu ta như thiên thần ấy, Gudbrand nghĩ. “Cậu đang làm cái quái gì thế hả!” Edvard Mosken tiểu đội trưởng quát. Người lính điềm tĩnh quê Mjondol hiếm khi cao giọng với những quân nhân kỳ cựu như Daniel, Sindre và Gudbrand trong đơn vị này. Thường thì chỉ lính mới mỗi khi phạm sai lầm mới bị quát mắng. Họ càng nghe chửi nhiều thì sẽ càng nhiều người trong số họ giữ được mạng sống. Lúc này Edvard Mosken đang nhìn trừng trừng lên Daniel bằng một bên mắt mở to không bao giờ khép lại. Ngay cả khi anh ta đang ngủ cũng không. Chính mắt Gudbrand đã nhìn thấy điều đó.

“Xuống nấp đi, Gudeson,” tiểu đội trưởng nói.

Nhưng Daniel chỉ mỉm cười và loáng cái đã biến mất; khói lạnh từ miệng cậu ta lơ lửng bên trên họ trong giây lát. Rồi ánh pháo sáng sau đường chân trời chìm xuống và trời lại tối đen.

“Gudeson!” Edvard gào lên, trèo lên mặt hào. “Mẹ kiếp!”

“Cậu thấy nó không?” Gudbrand hỏi.

“Biến mất tiêu rồi.”

“Cái thằng điên này tính làm gì với cái mai nhỉ?” Sindre hỏi, nhìn Gudbrand.

“Không biết!” Gudbrand đáp. “Dời hàng rào thép gai chăng?”

“Tại sao nó lại muốn dời hàng rào thép gai?”

“Không biết!” Gudbrand không ưa cặp mắt hoang dại của Sindre. Chúng

nhắc gã nhớ đến một thằng nhà quê khác đã từng đến đó. Đến cuối cùng hẳn ta hóa điên, một đêm nọ đã đi tiểu ngay vào giày của mình trước khi đi tuần và sau đó buộc phải cắt bỏ hết mười đầu ngón chân. Nhưng bây giờ hẳn ta đã quay về quê nhà ở Na Uy rồi, nên suy cho cùng có lẽ hẳn cũng không điên cho lắm. Dù sao đi nữa, Sindre cũng có đôi mắt điên dại giống hệt như thế.

“Có lẽ cậu ta đi dạo trong vùng trung lập!” Gudbrand nói. “Tôi biết bên kia hàng rào thép gai là cái gì. Tôi đang tự hỏi cậu ta đang làm gì ở đó.”

“Có lẽ cậu ta bị đạn pháo bắn trúng đầu rồi!” Hallgrim Dale nói. “Chắc cậu ta hóa làm cảm rồi.”

Hallgrim là đứa trẻ nhất trong tiểu đội, mới mười tám tuổi.

Chẳng ai thực sự hiểu tại sao cậu ta lại đăng lính. Máu phiêu lưu, Gudbrand nghĩ vậy. Dale luôn mồm nói rằng cậu ta ngưỡng mộ Hitler, nhưng cậu ta chẳng biết gì về chính trị. Daniel thì nghĩ chắc vì cậu ta đã làm con gái nhà người ta mang thai.

“Nếu thằng Nga đó vẫn sống, Gudeson sẽ bị bắn chết trước khi cậu ta tiến được năm mươi mét,” Edvard Mosken nói.

“Daniel tóm được hẳn rồi!” Gudbrand thì thầm.

“Trong trường hợp đó một đứa khác sẽ bắn Gudeson,” Edvard đáp, thọc tay vào trong áo jacket rần rì, lôi ra điều thuốc lá mỏng manh trong túi áo ngực. “Đêm nay nó đang bò với chúng ở ngoài kia.”

Anh ta khum tay che que diêm khi quẹt diêm vào vỏ bao cứng. Lưu huỳnh bốc cháy ở lần quẹt thứ hai, Edvard đưa diêm lên châm lửa, hít một hơi dài rồi chuyền quanh không nói tiếng nào. Tất cả bọn họ chậm rãi rít vào, rồi chuyền điều thuốc sang cho người bên cạnh. Chẳng ai nói lời nào; dường như tất cả đều đang đắm chìm trong những suy tư riêng. Nhưng Gudbrand biết rằng, giống như gã, họ đang lắng nghe.

Mười phút trôi qua mà không có một tiếng động nào. “Nghe nói máy bay sắp đánh bom hồ Ladoga,” Hallgrim Dale nói.

Tất cả đều đã nghe đồn rằng lính Nga đang tháo chạy khỏi Leningrad qua

mặt hồ đóng băng. Nhưng điều tồi tệ hơn là mặt băng đồng nghĩa với việc tướng Tsjukov có thể kiếm được hàng tiếp tế vào thành phố bị bao vây.

“Đáng lẽ chúng phải ngất xỉu khắp phố vì đói ở đằng đó,” Dale nói, hát hàm về phía Đông.

Nhưng Gudbrand đã nghe nói điều này từ hồi gã được cử đến đó, gần một năm trước, vậy mà chúng vẫn đang ở ngoài đó bắn ta ngay khi ta thò đầu lên khỏi hào. Mùa đông năm ngoái, bọn đào ngũ Nga - đã chịu đủ rồi và sẵn sàng đổi phe vì chút thức ăn và lửa ấm - đã qua hào của họ, hai tay chấp sau đầu. Nhưng giờ đây mấy kẻ đào ngũ này cũng thừa thớt rồi, còn hai tên lính mắt trũng sâu Gudbrand thấy đến với họ tuần trước đã ngờ vực nhìn họ khi thấy lính Na Uy cũng gầy trơ xương như chúng.

“Hai mươi phút rồi. Nó sẽ không về đâu!” Sindre nói. “Nó tiêu rồi. Đồ bỏ đi.”

“Câm đi!” Gudbrand tiến một bước về phía Sindre, hấn ta liền đứng bật dậy. Dù Sindre có cao hơn gã cả một cái đầu nhưng rõ ràng hấn không có bụng dạ đâu mà đánh nhau. Có thể hấn nhớ tên lính Nga mà Gudbrand giết vài tháng trước. Ai mà ngờ một Gudbrand tốt tính, hiền từ lại có máu tàn bạo đến thế? Tên lính Nga đã lén vào chiến hào của họ nằm giữa hai chốt do thám hoạt động của địch mà không ai thấy, tàn sát tất cả những ai đang ngủ trong hai boong ke gần nhất, một đầy lính Hà Lan còn cái kia đầy lính Úc trước khi hấn xông vào boong ke của họ. Lũ rận đã cứu mạng họ.

Rận có mặt ở khắp nơi, nhưng đặc biệt là ở những chỗ ẩm áp, như ở nách, dưới thắt lưng, xung quanh đũng quần và mắt cá chân. Gudbrand là người nằm gần lối ra vào nhất, không tài nào ngủ nổi vì những cái họ gọi là vết loét rận cắn trên hai chân gã - những vết thương há miệng to bằng đồng xu nhỏ, các mép dày kín rận bu. Gudbrand rút lưỡi lê ra cố gắng vô vọng gạt hết lũ rận đi, đúng lúc đó tên người Nga đứng ở ngưỡng cửa để nhà đạn. Gudbrand chỉ nhìn thấy cái bóng của hấn, nhưng gã biết ngay đó là địch khi trông thấy bóng dáng khẩu súng trường Mosin-Nagant giơ lên. Chỉ bằng cái lưỡi lê cùn,

Gudbrand đã cứa cổ tên lính Nga điều luyện đến nỗi khi vùi hẳn vào trong tuyết sau đó, hẳn dường như đã khô kiệt máu.

“Bình tĩnh, mấy cậu!” Edvard nói, nói riêng với Gudbrand, “Cậu nên đi ngủ chút đi, Gudbrand. Cậu đôi ca một tiếng trước rồi cơ mà.”

“Tôi sẽ ra ngoài tìm cậu ấy,” Gudbrand đáp.

“Không, cậu sẽ không đi đâu hết!” Edvard nói.

“Có, tôi sẽ đi, tôi...”

“Đó là lệnh!” Edvard lắc mạnh vai gã. Gudbrand cố vùng ra, nhưng tiểu đội trưởng giữ gã chặt cứng.

Giọng Gudbrand cao hơn và run run tuyệt vọng: “Có lẽ cậu ta bị thương! Có lẽ cậu ta bị mắc kẹt vào hàng rào thép gai!”

Edvard vỗ vai gã. “Trời sắp sáng rồi!” anh ta nói. “Lúc ấy ta sẽ xem xem chuyện gì đã xảy ra.”

Gã liếc nhanh về mấy người đang im lặng theo dõi cảnh này. Họ bắt đầu giậm chân xuống tuyết và thì thầm với nhau.

Gudbrand trông thấy Edvard đi lại chỗ Hallgrim Dale và thì thầm mấy từ vào tai cậu ta. Dale lắng nghe rồi quắc mắt nhìn Gudbrand. Gudbrand thừa hiểu điều đó nghĩa là gì. Đó là lệnh phải để mắt đến gã. Đã một thời gian rồi, ai đó rêu rao rằng gã và Daniel còn hơn cả bạn thân. Và rằng không thể tin tưởng họ được. Mosken đã hỏi thẳng có phải họ đang trù tính cùng nhau đào ngũ không. Dĩ nhiên họ phủ nhận, nhưng có lẽ lúc này Mosken cho rằng Daniel lợi dụng cơ hội để chạy trốn. Rằng Gudbrand sẽ “đi tìm” đồng chí như là một phần trong kế hoạch cùng nhau sang phía bên kia. Điều đó khiến Gudbrand phá lên cười. Quả thật là thế, mơ về những lời hứa hẹn tuyệt vời nào là đồ ăn, lửa ấm và đàn bà mà mấy loa phóng thanh Nga vẫn phun ra trên chiến trường tro trụi bằng tiếng Đức để lấy lòng thì hấp dẫn đấy, nhưng tin vào điều đó sao?

“Ta cá cược xem nó có quay về không?” Đó là Sindre. “Ba khẩu phần ăn. Bọn mày thấy sao?”

Gudbrand xuôi hai tay xuống bên sườn và cảm thấy được lưỡi lê thò ra bên thắt lưng dưới bộ quân phục ngụy trang.

“Nicht *schieB* en, bitte!(3)”

Gudbrand quay ngoắt lại và kia, ngay trên đầu, gã thấy khuôn mặt hồng hào dưới chiếc mũ Nga đang mỉm cười với gã từ mép chiến hào. Rồi người này nhảy xuống hào, đáp xuống mặt băng sau một cú lượn hình vòng cung thật êm.

“Daniel!” Gudbrand hét lên.

“Da da da dum!” Daniel hát, bỏ chiếc mũ Nga xuống. “Dobry vyecher(4).” Đám đàn ông đứng chôn chân tại chỗ, ngậy nhìn cậu ta. “Này, Edvard!” Daniel kêu lên. “Tốt hơn anh nên thắt chặt với những người bạn Hà Lan của chúng ta đi. Họ đã tiến được ít nhất cũng 50 mét giữa các điểm do thám đằng kia kia!”

Edvard cũng im lặng và sững sờ như mấy người kia.

“Cậu chôn tên người Nga rồi à, Daniel?” Khuôn mặt Gudbrand sáng lên háo hức.

“Chôn hẳn?” Daniel đáp. “Tớ thậm chí còn đọc kinh Lạy Cha và hát cho hẳn nghe. Các cậu bị lãng tai hết rồi hay sao thế? Tớ chắc chắn ở phía bên kia chúng còn nghe thấy.”

Nói rồi cậu ta nhảy lên mép hào, ngồi xuống với hai cánh tay giơ lên trên không và bắt đầu hát bằng một giọng trầm, “Một pháo đài uy nghi là Chúa Trời của chúng ta...”

Những người khác hoan hô còn Gudbrand cười đến chảy nước mắt.

“Cậu quỷ lắm, Daniel!” Dale thốt lên.

“Không phải Daniel... Hãy gọi tớ là...” Daniel bỏ mũ Nga xuống, đọc cái tên bên trong lớp lót. “Uriah. Hẳn còn biết viết nữa chứ. Chà, chà, nhưng hẳn vẫn là một thằng Bôn sê vích.”

Cậu ta nhảy xuống hào nhìn xung quanh. “Tớ hy vọng không ai phản đối cái tên Do Thái phổ biến này chứ hả?”

Tiếp theo đó là sự im lặng bao trùm trước khi một tràng cười rộ lên. Rồi người đầu tiên trong đám tiến đến phát mạnh vào lưng cậu ta.

*Leningrad.**Ngày 31 tháng Mười hai năm 1942.*

Tại chốt súng máy trời lạnh cắt da cắt thịt. Gudbrand mặc hết số quần áo gã có lên người. Tuy thế, hàm răng gã vẫn đánh vào nhau lập cập, toàn bộ mấy đầu ngón tay và ngón chân gã đã mất cảm giác. Tồi tệ nhất là đôi chân. Gã phải quấn thêm giẻ rách quanh hai bàn chân, nhưng cũng chẳng ăn thua.

Gã nhìn chằm chằm vào bóng tối bên ngoài. Họ đã không nghe thấy gì nhiều từ các chàng Ivan tối hôm ấy. Có thể chúng đang đón đêm Giao thừa. Có thể chúng đang ăn uống no say. Thịt cừ hầm. Hoặ cừ cừ. Dĩ nhiên, Gudbrand biết rằng quân Nga chẳng có tí thịt nào, nhưng gã không thể ngăn mình nghĩ đến những món ăn. Về phần mình, họ cũng chẳng có gì hơn món xúp đậu lảng và bánh mì. Bánh mì có mốc xanh, nhưng họ đã quen. Và nếu nó mốc đến mức nát vụn, họ chỉ cần đun sôi xúp cùng với bánh mì ấy là xong.

“Ít nhất bọn mình cũng còn xúc xích cho đêm Giáng sinh,” Gudbrand nói.

“Im nào!” Daniel nói.

“Tôi nay chẳng có ma nào ngoài kia đâu, Daniel. Chúng đang bận ăn thịt nai. Với nước xốt thịt thú đặc màu nâu nhạt và quả việt quất. Cùng khoai tây hạnh nhân.”

“Đừng lại bắt đầu nói về đồ ăn nữa đi. Im lặng xem cậu có phát hiện ra gì không.”

“Tôi chẳng nhìn thấy gì cả, Daniel. Chẳng thấy gì cả.”

Họ ngồi chụm vào nhau, cứ cúi đầu xuống. Daniel đang đội chiếc mũ Nga. Mũ sắt có phù hiệu Lực lượng Vũ trang SS nằm bên cạnh. Gudbrand hiểu tại sao. Có điều gì đó ở hình dạng chiếc mũ khiến tuyết lạnh luôn đi qua dưới vành mũ và tạo nên tiếng vi vu liên tục bên trong mũ, tra tấn thần kinh.

Điều này đặc biệt khôn khéo nếu ta đang canh gác tại điểm do thám.

“Mắt cậu có bị làm sao không đấy?” Daniel hỏi.

“Không sao. Chỉ là tầm nhìn ban đêm hơi kém.”

“Thế thôi à?”

“Tớ cũng hơi bị mù màu.”

“Hơi bị mù màu à?”

“Màu đỏ và xanh lá. Tớ không thể nhìn ra sự khác biệt. Thấy hai màu như nhau. Chẳng hạn tớ chưa bao giờ thấy được những trái việt quất, khi nhà tớ vào rừng hái nam việt quất để ăn thịt nướng vào ngày Chủ nhật...”

“Không nói về đồ ăn nữa, bảo rồi mà lại!”

Họ bèn giữ im lặng. Xa xa, một tiếng súng máy vang lên lạch tạch. Nhiệt kế chỉ hai mươi năm độ âm. Mùa đông năm ngoái họ gặp bốn mươi năm độ âm vài đêm liền. Gudbrand tự an ủi mình với ý nghĩ rằng lũ rận sẽ ít hoạt động trong tiết trời lạnh giá này. Gã sẽ không cảm thấy ngứa cho đến khi canh gác xong và chui vào dưới tấm chăn bông len trong chỗ ngủ của mình. Nhưng lũ rận chịu rét giỏi hơn gã. Có lần gã làm một thí nghiệm: gã để áo lạnh ra ngoài tuyết trong cái lạnh thấu xương suốt ba ngày liền. Khi gã mang áo lạnh vào lại boong ke, nó thành một tấm băng. Nhưng khi gã cởi áo trước lò sưởi, lũ rận lại lúc nhúc, bò lổm ngổm sống lại nên gã ném luôn cái áo vào lửa chỉ vì ghê tởm.

Daniel hắng giọng.

“Thế rồi nhà cậu bắt đầu xơi thịt nướng ngày Chủ nhật thế nào?”

Gudbrand không cần được mời đến lần thứ hai.

“Trước hết, bỏ tớ cắt súc thịt ra, một cách trang trọng, như mục sư ấy, trong khi lũ con trai bọn tớ ngồi im phăng phắc và nhìn. Sau đó mẹ tớ bỏ lên

mỗi đĩa hai lát thịt, rồi tưới nước thịt lên, xốt đặc đến mức bà phải để ý khuấy vừa đủ để nó không đông lại. Và có rất nhiều cái Brussel tươi và giòn. Cậu nên đội mũ sắt lên đi, Daniel. Ngộ nhỡ dính một mảnh đạn pháo lên mũ mềm thì sao hả?”

“Thử tưởng tượng một mảnh đạn bắn vào mũ tớ xem. Tiếp đi”

Gudbrand nhắm mắt lại, một nụ cười nở trên môi gã.

“Món tráng miệng thì có mận khô ninh. Hoặ bánh sô cô la hạnh nhân. Đó không phải bữa ăn thường xuyên đâu. Mẹ tớ học được truyền thống ấy ở Brooklyn đấy.”

Daniel nhỏ toẹt xuống tuyết. Theo lệ, vào mùa đông, ca gác là một giờ. Nhưng cả Sindre Fauke lẫn Hailgrim Dale đều đang sốt ngủ li bì, nên Edvard Mosken đã quyết định tăng giờ canh gác lên hai tiếng, cho đến khi cả đơn vị phục sức hoàn toàn.

Daniel đặt tay lên vai Gudbrand.

“Cậu nhớ bà ấy, đúng không? Mẹ cậu ấy.”

Gudbrand phá lên cười, cũng nhỏ toẹt xuống đúng chỗ Daniel đã nhỏ, nhìn chăm chăm lên những ngôi sao băng giá trên bầu trời. Có tiếng lạo xạo trên tuyết nên Daniel ngẩng đầu lên.

“Cáo,” cậu ta nói.

Không thể tin nổi, nhưng ngay ở đây, nơi mà từng mét vuông đều bị đánh bom còn mìn thì dày đặc hơn cả cuội ở phố Karl Johans, vẫn có đời sống động vật. Không nhiều nhưng cả hai đều từng thấy thỏ rừng và cáo. Và con chồn hôi lạc lõng. Hiển nhiên là họ cố gắng bắn vào bất kỳ thứ gì nhìn thấy. Cái gì cũng đem nấu được sắt. Nhưng sau khi một lính Đức bị bắn chết lúc ra ngoài bắt thỏ, viên chỉ huy phải tạc vào đầu họ rằng bọn Nga đang thả thỏ ra trước các chiến hào nhằm dụ họ tiến vào vùng trung lập. Như thể quân Nga tự nguyện tặng thỏ vậy!

Gudbrand đưa ngón tay lên đôi môi khô nẻ, nhìn đồng hồ đeo tay. Còn một tiếng nữa mới đến phiên gác tiếp theo. Gã đồ rằng Sindre đã nhét thuốc

lá lên trực tràng để cho sốt; hẳn là kiêu người sẽ làm thế.

“Tại sao cậu lại bỏ nước Mỹ mà về?” Daniel hỏi.

“Phố Wall sụp đổ. Bỏ tớ bị mất việc ở nhà máy đóng tàu.”

“Thấy chưa,” Daniel nói. “Đó là cái chủ nghĩa tư bản cho cậu đấy. Những thằng thấp cổ bé họng thì cặm cụi làm việc, trong khi những thằng giàu thì luôn béo lên, bất kể là vào giai đoạn thịnh vượng hay đình trệ.”

“Ừ, thì vẫn thế mà.”

“Cho đến giờ thì vẫn thế, nhưng rồi sẽ có thay đổi thôi. Khi chúng ta thắng trận, Hitler đã thủ sẵn chút ngạc nhiên cho người dân. Và bố cậu sẽ không phải lo đến chuyện thất nghiệp nữa. Cậu nên gia nhập Dân tộc Thống nhất đi.”

“Cậu có thực sự tin tất cả những chuyện đó không

Gudbrand không thích tranh cãi với Daniel nên chỉ trả lời bằng cái nhún vai, nhưng Daniel vẫn hỏi lại.

“Dĩ nhiên tớ tin vào điều đó” Gudbrand đáp. “Nhưng trên hết tớ nghĩ đến Na Uy. Nghĩ đến chuyện không còn bóng dáng tên Bôn sê vích nào ở đất nước này. Nếu chúng đến, gia đình tớ nhất định sẽ quay về Mỹ.”

“Đến một nước tư bản à?” Bây giờ giọng Daniel đã trở nên khắc nghiệt hơn một chút. “Một nền dân chủ nằm trong tay những kẻ giàu có, phó mặc cho may rủi và những kẻ cầm quyền tham nhũng à?”

“Thà như thế còn hơn chủ nghĩa cộng sản.”

“Các quốc gia dân chủ đã hết hữu dụng rồi, Gudbrand. Thử nhìn châu Âu xem. Anh và Pháp đều đã lâm vào cảnh khốn khổ rất lâu trước khi chiến tranh bắt đầu: nào là thất nghiệp, bóc lột. Giờ đây chỉ có hai người đủ sức ngăn chặn châu Âu không rơi chúi mũi vào cảnh hỗn loạn: Hitler và Stalin. Đó là sự lựa chọn chúng ta có.”

Gudbrand gật đầu. Không chỉ là về những gì Daniel nói, mà với cách cậu ta nói. Rất là thuyết phục.

Bất chợt cả địa ngục xông ra và bầu trời trước mặt họ trắng lóa pháo sáng,

mặt đất rung chuyển, ánh lóe vàng tiếp theo là đất nâu và tuyết dường như bắn tung lên không nơi đạn pháo rơi xuống.

Gudbrand đã nằm ngay dưới đáy chiến hào, hai tay đưa lên che đầu, nhưng mọi thứ kết thúc rất nhanh như khi bắt đầu.

Gã nhìn lên thì kia rồi, đằng sau chiến hào, phía sau khẩu súng máy, Daniel đang ồ lên cười.

“Cậu đang làm cái gì thế?” Gudbrand hét lên. “Nổi còi báo động đi chứ! Gọi mọi người dậy!”

Nhưng Daniel chẳng buồn để ý.

“Anh bạn thân mến của tôi ơi!” cậu ta thét lên, nước mắt giàn giụa vì cười. “Chúc mừng năm mới nhá!”

Daniel chỉ vào đồng hồ đeo tay rồi Gudbrand mới hiểu ra mọi chuyện. Rõ ràng Daniel đã chờ đợi loạt đạn chào mừng năm mới của quân Nga, vì giờ đây cậu ta vùi tay vào tuyết đã chất đóng cạnh chốt gác giấu súng máy.

“Brandy,” cậu ta hét lên, đắc thắng giơ lên cái chai đựng thứ chất lỏng màu nâu. “Tớ cất cái này hơn ba tháng rồi đấy. Mời.”

Gudbrand đã bò dậy quỳ gối và mỉm cười với Daniel.

“Cậu trước!” Gudbrand hô.

“Chắc không?”

“Chắc như bắp, anh bạn. Cậu đã cất nó mà. Nhưng đừng uống hết đấy!” Daniel gõ mạnh vào một bên nút bần cho đến khi nó bật ra, rồi giơ cao chai lên.

“Đến Leningrad. Vào mùa xuân chúng ta sẽ cùng cạm ly tại Cung điện Mùa Đông,” cậu ta tuyên bố, bỏ cái mũ Nga xuống. “Rồi đến hè chúng ta sẽ trở về nhà, được chào đón như những anh hùng ở Na Uy yêu dấu.”

Cậu ta đưa chai lên môi, ngửa đầu ra sau. Thứ chất lỏng màu nâu ồng ộc, sóng sánh trong cổ chai. Nó lấp lánh khi thủy tinh phản chiếu ánh sáng từ những quả pháo sáng đang rơi xuống, và nhiều năm sau nữa Gudbrand sẽ phải tự hỏi liệu đó có phải là cái tên bắn tia người Nga nhìn thấy: ánh lấp

lánh từ chai ấy. Tiếp đó Gudbrand nghe tiếng nổ bốp inh tai và thấy cái chai nổ tung trong tay Daniel. Một chùm mảnh thủy tinh cùng rượu brandy trút xuống và Gudbrand nhắm mắt. Gã cảm thấy mặt mình ướt: nó chảy xuống má gã, theo bản năng gã thè lưỡi ra liếm được vài giọt. Hầu như nó chẳng có mùi vị gì, chỉ là cồn và một thứ khác nữa - thứ gì đó ngòn ngọt và như kim loại. Nổ đặc sệt, có lẽ là vì lạnh, Gudbrand nghĩ, rồi gã lại mở mắt ra. Từ trong hào gã không thể nhìn thấy Daniel. Gudbrand đoán hẳn cậu ta đã thụp xuống đằng sau khẩu súng máy khi biết rằng mình bị phát hiện, nhưng gã cảm thấy được tim mình đang đập dồn.

“Daniel?”

Không có tiếng đáp lại.

“Daniel?”

Gudbrand đứng dậy bò ra khỏi chiến hào. Daniel đang nằm ngửa với thắt lưng đạn dưới đầu và chiếc mũ Nga úp trên mặt. Rượu brandy lẫn máu loang lổ trên tuyết. Gudbrand cầm mũ lên. Daniel đang nhìn trừng trừng bằng đôi mắt mở to hướng lên bầu trời đầy sao. Giữa trán cậu ta có một lỗ thủng to, đen ngòm và toang hoác. Trong miệng Gudbrand vẫn còn nguyên vị kim loại ngòn ngọt và gã cảm thấy buồn nôn.

“Daniel.”

Nó gần như một lời thì thầm giữa đôi môi khô nẻ của gã. Gudbrand nghĩ trông Daniel như một thằng bé muốn vẽ những thiên thần trên tuyết nhưng rồi lại ngủ thiếp đi. Gã nức nở lão đảo bước về phía còi báo động và kéo cần quay tay. Khi những quả pháo sáng chìm xuống những nơi ẩn náu của họ, tiếng còi rền rĩ lạnh lạnh vọng thấu trời xanh.

“Chuyện này không thể diễn ra như thế,” Gudbrand chỉ nói được đến thế.

Edvard và những người khác bước ra ngoài, đứng sau lưng gã. Ai đó hét gọi tên Gudbrand nhưng gã không nghe thấy. Gã cứ tiếp tục quay vòng vòng cái cần quay tay. Cuối cùng Edvard bước đến, nắm lấy cái cần. Gudbrand buông tay, nhưng không quay lại; gã vẫn đứng yên tại chỗ, nhìn trừng trừng

con hào, bầu trời, còn nước mắt đã đóng băng trên đôi má. Lời than van của cái còi đã tắt.

“Chuyện này không thể diễn ra như thế,” gã thì thầm.

*Leningrad.**Ngày 1 tháng Một năm 1943.*

Tinh thể nước đá găm vào dưới mũi, trong khóe mắt và miệng Daniel khi họ đưa cậu ta đi. Thường thì người ta để họ đó cho đến khi xác đông cứng để dễ mang đi hơn, nhưng Daniel đang nằm chần lồi súng máy. Nên hai người phải kéo cậu ta đến một nhánh xa chiến hào chính, ở đó họ đặt cậu ta nằm trên hai hòm đạn dự trữ. Hallgrim Dale buộc miếng vải gai quanh đầu cậu ta, để họ khỏi phải trông thấy mặt nạ thần Chết với cái cười nhăn nhở xấu xí. Edvard đã gọi cho mộ tập thể bên Quân khu Bắc giải thích Daniel ở đâu. Họ đã hứa cử hai người mang xác lúc nào đó trong đêm. Sau đó Mosken ra lệnh cho Sindre rời khỏi giường bệnh đến hoàn thành nốt phiên gác cùng Gudbrand. Việc đầu tiên họ phải làm là lau sạch chiếc súng máy bê bết máu.

“Chúng đã đánh bom Cologne nát vụn như cám!” Sindre nói.

Hai người nằm bên nhau trên mép chiến hào, trong hố chật hẹp nhìn ra được vùng trung lập. Gudbrand không thích quá gần Sindre như thế.

“Còn Stalingrad sẽ tiêu tùng.”

Gudbrand không thể cảm thấy cái lạnh; như thể đầu và cơ thể gã nhồi đầy vải bông nên chẳng còn gì làm gã bận tâm nữa. Gã chỉ cảm thấy mỗi lớp kim loại lạnh như đá rát buốt trên làn da cùng mấy ngón tay tê cóng không tuân lệnh gã. Gã cố thử lại. Báng súng và bộ kích hỏa nằm trên miếng thảm len bên cạnh gã trong tuyết, nhưng tháo mảnh cuối cùng còn khó gấp bội. Ở Sennheim họ đã được huấn luyện tháo lắp súng máy khi bị bịt mắt.

Sennheim, ở vùng Elsass xinh đẹp, ấm áp của Đức. Đó là sự khác biệt khi ta không thể cảm thấy những ngón tay mình đang làm cái gì.

“Chưa nghe nói à?” Sindre nói. “Bọn Nga sẽ tóm được chúng ta. Hệt như chúng tóm Gudeson.”

Gudbrand nhớ lại tay đại úy Lực lượng Vệ quốc(5) đã buồn cười khi Sindre nói hắn ta xuất thân từ một trang trại ở ngoại ô một nơi tên là Toten.

“Toten. Wie im Totenreich(6)?” tay đại úy phá lên cười.

Gã tuột tay giữ chốt.

“Mẹ kiếp!” Giọng Gudbrand run run. “Toàn là máu dính bết mọi thứ lại với nhau.”

Gã kê miệng ống dầu lau súng be bé lên chốt và nặn ra. Cái lạnh đã khiến thứ chất lỏng vàng vàng đặc lại và lờ đờ: gã biết rằng dầu làm tan được máu. Khi một bên tai gã sưng tấy lên, gã đã dùng đến dầu súng.

Sindre nghiêng người qua, nghịch nghịch mấy vỏ đạn.

“Lạy Chúa!” hắn nói. Hắn nhìn lên mà cười toét, phô ra vết ó nâu giữa kẽ răng. Mặt nhợt nhạt, râu ria lởm chởm của hắn gần đến mức Gudbrand nghĩ thấy hơi thở hôi hám ai ai cũng có sau khi ở đây một thời gian. Sindre giơ lên một ngón tay.

“Ai mà nghĩ được Daniel lại thông minh thế chứ hả?”

Gudbrand quay mặt đi.

Sindre sẫm soi đầu ngón tay. “Nhưng nó lại không chịu dùng đến trí thông minh ấy. Nếu không nó đã chẳng quay về từ vùng trung lập đêm đó. Tao đã nghe chúng mày nói đến chuyện bỏ sang bên kia. Ừ thì, hai đứa chúng mày chắc chắn là... những người bạn tốt, đúng không?”

Mới đầu Gudbrand chẳng nghe thấy gì; những từ ngữ rất xa xôi. Rồi những từ ngữ ấy vọng đến tai gã, gã cảm thấy sức nóng lại dâng trong người.

“Bọn Đức sẽ chẳng bao giờ cho chúng ta rút lui đâu!” Sindre nói. “Chúng ta sẽ chết ở đây, từng thằng một. Lẽ ra mày phải chuồn đi. Bọn Bôn sẽ vịch không đối xử tàn bạo với những thằng như mày và Daniel tàn bạo bằng

Hitler đâu. Ý tao là những người bạn thân thiết đến thế mà.”

Gudbrand không đáp. Giờ gã có thể cảm thấy sức nóng nơi đầu ngón tay.

“Bọn tao đã nghĩ đến việc đêm nay lên ra ngoài kia!” Sindre nói, “Hallgrim Dale với tao. Trước khi quá muộn.”

Hắn trở mình trong tuyết, mắt dò xét Gudbrand.

“Đừng trông bàng hoàng thế Johansen,” hắn cười toét. “Mày nghĩ sao bọn tao lại cáo ốm hả?”

Gudbrand cụp ngón chân trong giày. Bây giờ gã cảm nhận được chúng rồi. Cảm giác thật ấm và ổn. Còn một cảm giác khác nữa.

“Muốn đi cùng bọn tao không, Johansen?” Sindre hỏi.

Con rận! Gã thấy ấm, nhưng không cảm nhận được con rận. Ngay cả tiếng rít dưới mũ sắt cũng đã ngừng.

“VẬY CHÍNH MÀY LÀ THẲNG ĐÃ PHẠO TIN ĐỒN!” Gudbrand đáp.

“Tin đồn nào?”

“Daniel và tao đã nói về chuyện sẽ đến Mỹ, chứ không phải qua với bọn Nga. Và không phải bây giờ, mà là sau chiến tranh.”

Sindre nhún vai, nhìn đồng hồ tay, nhồm dậy ngồi quỳ.

“Tao sẽ bắn mày nếu mày cố thử!” Gudbrand nói.

“Bằng cái gì?” Sindre hỏi, ra dấu về phía mấy bộ phận súng trên mảnh vải. Súng trường của họ đều để trong boong ke và cả hai đều biết Gudbrand sẽ không thể đến đó rồi kịp quay lại trước khi Sindre đi mất.

“Cứ ở lại đây mà chết nếu mày muốn, Johansen. Cho tao gửi lời hỏi thăm Dale nhé, và nhớ bảo nó đi theo tao.”

Gudbrand thọc tay vào bộ quân phục rút lưỡi lê ra. Ánh trăng soi trên lưỡi thép mờ xỉn. Sindre lắc đầu.

“Những thằng như mày và Gudson toàn rặt một lũ mơ mộng. Cát lưỡi lê đi rồi theo tao này. Giờ bọn Nga đang được nhận thực phẩm dự trữ qua hồ Ladoga đấy. Có thịt tươi.”

“Tao không phải quân phản bội!” Gudbrand nói.

Sindre đứng lên.

“Nếu mày cố giết tao bằng cái lưỡi lê đó, điếm do thám Hà Lan sẽ nghe thấy và kéo còi báo động. Vận dụng trí não của mày đi. Mày nghĩ họ sẽ tìm ai là kẻ đang cố bỏ trốn hả? Mày, cùng bấy nhiêu lời đồn thổi đã sẵn về các tính toán đào ngũ, hay tin tào, một đảng viên hả?”

“Ngồi xuống, Sindre Fauke.”

Sindre phá lên cười.

“Mày không quen giết người, Gudbrand. Tao biết đây. Cho tao năm chục mét rồi mày hãy kéo còi báo động nhé, làm thế mày sẽ vô tội!”

Họ nhìn nhau dò xét. Những bông tuyết nhỏ, nhẹ tênh bắt đầu rơi xuống giữa hai người. Sindre mỉm cười: “Ánh trăng và tuyết cùng một lúc. Một khung cảnh hiếm thấy, đúng không?”

*Leningrad.**Ngày 2 tháng Một năm 1943.*

Chiến hào bốn người đàn ông đang đứng cách tiểu đội tiền tuyến của họ hai cây số về phía Bắc, tại nơi chiến hào vòng lại, gần như tạo thành một đường vòng. Đại úy đang đứng trước mặt Gudbrand, giậm giậm chân. Tuyết đang rơi, một lớp tuyết mỏng mịn đã hình thành trên chóp mũ ông ta. Edvard Mosken đang đứng cạnh đại úy và quan sát Gudbrand với một mắt mở thao láo, con mắt bên kia gần như nhắm lại.

“VẬY,” đại úy nói. “Er ist binuber zu dent Russen geflohen? Hấn chạy sang phía quân Nga rồi đúng không?”

“Ja(7),” Gudbrand đáp.

“Warum(8)?”

“Das weifi ich nicht(9).”

Đại úy ngậy nhìn về phía xa, rít rít qua kẽ răng và giậm giậm chân. Rồi ông gật đầu với Edvard, lẩm bầm một vài từ với Rottenfuhrer của mình, tay hạ sĩ Đức tháp tùng, rồi cả hai cùng giơ tay chào. Tuyết kêu lạo xạo khi họ đi.

“VẬY ĐÂY!” Edvard nói. Anh vẫn đứng đó nhìn Gudbrand.

“Phải,” Gudbrand đáp. “Chẳng điều tra gì nhiều.”

“Đúng.”

“Ai mà ngờ được chứ?” Một con mắt mở to trơ trơ nhìn Gudbrand.

“Ở đây lúc nào chẳng có kẻ đào ngũ!” Gudbrand đáp. “Họ không thể điều

tra được hết...”

“Ý tôi là ai lại nghĩ Sindre như vậy? Ai mà ngờ được hắn lại làm một chuyện như thế?”

“Vâng, anh nói vậy cũng đúng!” Gudbrand nói.

“Do tình thế bức bách. Cứ vậy đứng lên và bỏ trốn.”

“Phải.”

“Đáng tiếc cho khẩu súng máy!” giọng Edvard lạnh lùng về chầm biểm.

“Vâng.”

“Mà cậu cũng không thể gọi lính gác Hà Lan?”

“Tôi hét lên, nhưng đã quá muộn. Trời lại tối.”

“Trăng đang chiếu sáng mà.”

Họ kinh nhau. “Cậu biết tôi nghĩ gì không?” Edvard hỏi.

“Không.”

“Có, cậu biết mà. Tôi thấy được điều đó trên mặt cậu. Tại sao, hả Gudbrand?”

“Tôi không giết hắn.” Gudbrand nhìn chăm chặp kiên định vào con mắt chột của Edvard. “Tôi đã cố gắng nói chuyện với hắn. Hắn chẳng thèm nghe tôi. Hắn cứ thế chạy đi. Tôi còn biết làm gì chứ?”

Cả hai đều thở phì phì, khom người trong cơn gió giạt hơi nước từ miệng họ.

“Tôi nhớ lần trước nét mặt cậu cũng hết thế này, Gudbrand. Đó là đêm cậu giết chết tên người Nga trong boong ke.”

Gudbrand nhún vai. Edvard đặt bàn tay đeo găng tay hở ngón lạnh cồng lên cánh tay Gudbrand.

“Nghe này. Sindre không phải là một người lính tốt, có lẽ hắn còn chẳng phải là người tốt nữa, nhưng chúng ta là những người có đạo đức nên ta phải cố duy trì một chuẩn mực và phẩm giá nhất định trong tất cả những chuyện này. Cậu hiểu không?”

“Giờ tôi đi được chưa?”

Edvard nhìn Gudbrand. Lúc này tin đồn Hitler không còn giành thắng lợi trên khắp các mặt trận đã tới tai họ. Tuy nhiên, dòng lính tình nguyện Na Uy vẫn cứ tăng, đã có hai anh chàng từ vùng Tynset thế chỗ cho Daniel và Sindre. Lúc nào cũng là những gương mặt búng ra sữa. Vài khuôn mặt ta nhớ, vài khuôn mặt ta quên ngay khi họ đi. Daniel là một gương mặt Edvard sẽ nhớ, anh biết điều đó. Cũng như anh biết rằng, sớm thôi, khuôn mặt của Sindre sẽ bị xóa nhòa trong trí nhớ của anh. Xóa sạch, ít ngày nữa là Edvard con sẽ lên hai. Anh không tiếp tục dòng suy nghĩ này nữa.

“Ừ, đi đi,” anh nói. “Và cứ cúi đầu xuống.”

“Vâng, dĩ nhiên!” Gudbrand nói. “Tôi chắc chắn sẽ luôn cúi đầu xuống!”

“Cậu còn nhớ Daniel đã nói gì không?” Edvard hỏi, hơi mỉm cười. “Cậu ta đã nói chúng ta bước đi cúi lom khom lâu đến mức, đến lúc về nhà, chúng ta sẽ là một lũ lưng gù.”

Một khẩu súng máy lạch tạch ở đằng xa.

*Leningrad.**Ngày 3 tháng Một năm 1943.*

Gudbrand giật mình choàng tỉnh. Gã chớp chớp mắt mấy cái và chỉ trông thấy đường nét dãy ván giường ngủ tầng trên. Có mùi gỗ chua và đất. Có phải gã đã thét lên không? Mấy gã kia cứ khăng khăng rằng họ không còn dám thức vì những tiếng thét của gã. Gã nằm đó, cảm thấy nhịp đập từ từ thong thả lại. Gã gãi gãi bên sườn - bọn rận không bao giờ ngủ.

Lại giấc mơ ấy lúc nào cũng làm gã choàng tỉnh. Gã vẫn còn cảm thấy được những móng vuốt trên ngực mình, nhìn thấy cặp mắt vàng khè ấy trong bóng tối, hàm răng trắng nhọn của con thú săn mồi tanh mùi máu và nước dãi ròn ròn. Nghe thấy tiếng thở khò khè khủng khiếp. Là của gã hay của con thú săn mồi? Giấc mơ như thế này: gã đang nửa tỉnh nửa mê, nhưng gã không cử động được. Hàm con thú sắp ngoạm quanh cổ họng gã thì tiếng lạch tạch của súng máy ngoài cửa làm gã sực tỉnh. Gã trông thấy con thú đang bị nhắc bổng khỏi tấm chắn, ném vào vách đất boong ke như thể bị đạn xé tan ra từng mảnh. Tiếp theo đó là im lặng, và trên sàn là một mớ lông không rõ hình dạng, loang lổ máu. Một con chồn hôi. Thế rồi người đứng ở ngưỡng cửa bước ra khỏi bóng tối vào vệt ánh trăng hẹp, hẹp đến mức chỉ đủ soi nửa mặt anh ta. Nhưng có điều gì đó đã khác trong giấc mơ đêm ấy. Họng súng vẫn bốc khói như vậy còn người đàn ông mỉm cười vẫn như mọi lần, nhưng trên trán anh ta có một lỗ to đen ngòm. Gudbrand còn thấy vầng trăng qua lỗ thủng trên cái sọ ấy khi anh ta quay lại đối mặt gã.

Gudbrand cảm thấy làn khí lạnh thổi vào từ cửa để mở, quay đầu lại thì sững người khi trông thấy bóng người đen lấp kín khung cửa. Có phải gã vẫn đang mơ không? Bóng người sải bước vào phòng, nhưng tối quá nên Gudbrand không thấy được là ai.

Bóng người đứng phắt lại.

“Cậu còn thức hả Gudbrand?” Giọng nói to và rõ. Là Edvard Mosken. Một tiếng lằm bằm khó chịu vẳng ra từ các giường bên cạnh. Edvard đến thẳng giường của Gudbrand.

“Cậu phải dậy đi,” anh ta nói.

Gudbrand rên rỉ. “Anh không đọc danh sách cho kỹ, Tôi vừa mới gác xong mà. Đến lượt Dale...”

“Cậu ấy quay về rồi.”

“Ý anh là sao?”

“Dale vừa đến đánh thức tôi dậy. Daniel về lại rồi.”

“Anh đang nói gì thế?”

Trong bóng tối, Gudbrand chỉ thấy hơi thở trắng xóa của Edvard. Rồi gã tung chân xuống giường, lôi đôi ủng dưới tấm chăn ra. Khi ngủ gã thường để ủng ở đó để cái đế ẩm ướt khỏi đóng băng. Gã mặc vào người chiếc áo khoác để trên tấm chăn len mỏng, rồi theo Edvard ra ngoài. Những vì sao lấp lánh trên đầu họ, nhưng bầu trời đêm đang mỗi lúc một nhạt đi ở đằng Đông. Đâu đó gã nghe thấy tiếng thỏ thức khùng khiếp. Còn lại chỉ là sự im lặng lạ lùng.

“Đám tân binh Hà Lan mới,” Edvard nói. “Bọn họ đến hôm qua và vừa đi vào vùng trung lập về.”

Dale đứng ở giữa chiến hào trong một thế đứng kỳ quặc, đầu ngoẹo sang một bên, hai cánh tay dang xa thân người. Cậu ta buộc khăn quàng cổ quanh cằm. Khuôn mặt hốc hác với đôi mắt nhắm trong hai hốc sâu hoắm khiến cậu ta trông như gã ăn mày.

“Dale!” Edvard thốt ra một mệnh lệnh sắc lạnh. Dale bưng tỉnh. “Cho

chúng tôi xem đi.”

Dale dẫn đường. Gudbrand cảm thấy tim mình đập nhanh hơn. Khí lạnh cắt vào má gã; gã vẫn chưa rũ bỏ được cái ấm áp, cảm giác mộng mị gã còn mang theo từ giường ngủ. Chiến hào hẹp đến mức cả ba phải đi thành hàng một và gã cảm thấy đôi mắt của Edvard nhìn như dán vào lưng mình.

“Đây này!” Dale nói, đưa tay chỉ.

Gió rít lên một thanh âm khàn khàn dưới vành mũ cối. Trên mấy thùng đạn là một tấm thân, tứ chi cứng đờ xoạc ra hai bên. Tuyết dạt vào chiến hào để lại một lớp mỏng trên bộ quân phục. Miếng vải gai buộc quanh đầu xác chết.

“Mẹ kiếp!” Dale nói. Cậu ta lắc đầu, giậm giậm chân.

Edvard không nói lời nào. Gudbrand nghĩ anh đang đợi gã.

“Tại sao mấy người dọn xác không đến đưa cậu ấy đi?”. Cuối cùng Gudbrand hỏi.

“Họ đến rồi,” Edvard đáp. “Chiều hôm qua họ đã ở đây”

“Vậy tại sao họ lại mang trả cậu ấy?” Gudbrand nhận thấy Edvard đang dò xét mình.

“Không ai trong ban tham mưu nhận được lệnh mang cậu ta về cả.”

“Một sự hiểu lầm à?” Gudbrand nói.

“Có thể.” Edvard búng một điếu thuốc lá mỏng, còn dở trong bao ra, quay người tránh gió và khum tay đốt bằng một que diêm. Anh chuyền điếu thuốc đi khi đã rít vài hơi.

“Những người nhận thi thể xác nhận đã đặt cậu ấy trong một mộ tập thể ở Quân khu Bắc.”

“Nếu đúng là vậy, chẳng phải nên chôn cậu ấy sao?”

Edvard lắc đầu.

“Khi nào hỏa táng rồi họ mới được chôn. Và họ chỉ được hỏa táng trong ngày để bọn Nga không thể lợi dụng ánh sáng. Ban đêm các ngôi mộ tập thể mới đều để mở, không ai canh gác. Chắc phải có ai đó mang Daniel từ đó về

đây.”

“Mẹ kiếp!” Dale nhắc lại, nhận điều thuốc và rít một cách tham lam.

“Vậy thì chuyện họ đốt xác là có thật rồi!” Gudbrand nói. “Để làm gì chứ? Trong tiết trời lạnh giá này à?”

“Tớ biết điều đó,” Dale nói. “Đó là vì mặt đất bị đóng băng. Đến mùa xuân khi nhiệt độ tăng lên, mặt đất sẽ đẩy các thi thể lên trên.” Cậu ta miễn cưỡng đưa điều thuốc đi. “Mùa đông năm ngoái chúng ta đã chôn Vorpenes sau chiến tuyến của chúng ta rất xa. Mùa xuân đến chúng ta lại vấp phải cậu ấy. À, vào cái phần của cậu ấy mà lũ cáo bỏ lại.”

“Câu hỏi là,” Edvard nói. “Làm thế nào mà cuối cùng Daniel lại ở đây được?”

Gudbrand nhún vai.

“Cậu là người gác cuối cùng, Gudbrand.” Edvard nheo một bên mắt, hướng con mắt chột về phía gã. Gudbrand thong thả hút điều thuốc. Dale húng hắng ho.

“Tôi đã đi qua đây bốn lần,” Gudbrand đáp, chuyển điều thuốc đi. “Lúc đó cậu ấy không có ở đây!”

“Trong phiên gác cậu có thể lên Quân khu Bắc. Nên có dấu xe trượt tuyết trên tuyết ở đằng này!”

“Có thể do những người dọn xác để lại,” Gudbrand nói.

“Mấy vết này đè lên trên những dấu ủng sau cùng. Và cậu nói cậu đã đi qua đây bốn lần.”

“Chết tiệt, Edvard. Tôi cũng thấy được đằng kia là Daniel mà!” Gudbrand nổi xung. “Dĩ nhiên ai đấy đã đặt cậu ấy ở đó, và có lẽ dùng xe trượt tuyết. Nhưng nếu anh đang nghe lời tôi nói, anh phải đủ sức thấy rằng ai đó đã mang cậu ấy đến đây sau khi tôi đi qua đây lần cuối cùng.”

Edvard không đáp; thay vào đó, khó chịu ra mặt, anh giật khúc thuốc cuối cùng trên cặp môi mím chặt của Dale, bực mình nhìn chằm chằm những vết ướt trên giấy thuốc lá. Dale nhặt mấy sợi thuốc lá trên đầu lưỡi ra, cau có.

“Sao tôi lại rồi hơi đi làm chuyện như thế làm gì?” Gudbrand hỏi. “Và làm sao tôi có thể kéo một cái xác từ Quân khu Bắc về đây mà không bị lính tuần tra chặn lại?”

“Cậu có thể đi qua vùng trung lập!”

Gudbrand lắc đầu không tin. “Anh cho rằng tôi hóa điên rồi phải không Edvard? Tôi cần thi thể của Daniel để làm gì?”

Edvard rút hai hơi thuốc cuối cùng, thả đầu thuốc lá xuống tuyết và đưa ủng dập tắt. Anh luôn làm thế, anh chẳng hiểu tại sao, nhưng anh không chịu được cảnh hút đầu mẩu thuốc lá còn thừa. Tuyết phát ra tiếng rên rĩ khi anh xoay gót giày.

“Không, tôi không nghĩ cậu kéo Daniel tới đây!” Edvard nói. “Vì tôi không nghĩ đó là Daniel.”

Dale và Gudbrand giật mình lùi lại.

“Dĩ nhiên đó là Daniel mà!” Gudbrand nói.

“Hay là ai đó có cùng khổ người!” Edvard nói. “Và mang cùng phù hiệu đơn vị như thế trên quân phục.”

“Miếng vải gai...”

“Vậy là cậu thấy được điểm khác biệt ở miếng vải gai, đúng không?” Edvard cười nhạo, nhưng anh đang nhìn Gudbrand.

“Đó là Daniel,” Gudbrand nói và nuốt khan. “Tôi nhận ra đôi giày!”

“Vậy cậu nghĩ rằng chúng ta chỉ cần gọi những người dọn xác đến đây bảo họ mang cậu ta đi, đúng không?” Edvard hỏi. “Mà không cần phải nhìn cho rõ hơn. Âm mưu của cậu là thế, đúng không?”

“Chết đi, Edvard.”

“Tôi không chắc lần này đã đến lượt tôi chưa, Gudbrand. Tháo miếng vải gai ra đi, Dale.”

Dale há hốc nhìn hai người kia. Họ đang nhìn nhau trừng trừng như hai con bò đực hùng hổ.

“Cậu có nghe không hả?” Edvard hét lên. “Cắt miếng vải gai ra đi.”

“Tốt hơn tôi không nên...”

“Đó là lệnh. Làm ngay đi!”

Dale tiếp tục chân chừ. Cậu ta hết nhìn người này lại nhìn người kia, rồi nhìn cái xác đông cứng trên mấy thùng đạn. Rồi cậu ta nhún vai, tháo cúc áo khoác và thọc tay vào.

“Đội đã!” Edvard hét lên. “Hỏi xem cậu có mượn được lưỡi lê của Gudbrand không đã.”

Bây giờ thì Dale hoang mang thực sự. Cậu ta nhìn Gudbrand dò hỏi, gã lắc đầu.

“Ý cậu là sao?” Edvard hỏi, vẫn đang mặt đối mặt với Gudbrand. “Chỉ thị chung cho các cậu là các cậu phải luôn mang theo lưỡi lê, thế mà cậu không có à?”

Gudbrand không đáp.

“Cậu là cỗ máy giết người siêu đẳng bằng lưỡi lê cơ mà, Gudbrand. Cậu không đơn giản là đánh mất nó, đúng không?”

Gudbrand vẫn không đáp.

“Thế thì trong trường hợp này, cậu sẽ phải dùng lưỡi lê của mình thôi, Dale.”

Gudbrand cảm thấy một thôi thúc không thể cưỡng lại là móc cái con mắt thao láo nhìn chăm chăm kia nơi đầu người tiểu đội trưởng. *Rottenyuhrer*, anh ta là người như thế! Hay đúng hơn là một “Hạ sĩ Chuột”. Một con chuột với cặp mắt chuột và bộ não chuột. Anh ta chẳng hiểu cái gì hay sao vậy?

Họ nghe thấy tiếng xé toạc sau lưng khi lưỡi lê cắt qua miếng vải gai, tiếp theo đó là tiếng thở dốc của Dale. Cả hai vụt quay lại. Ngay đó, trong ánh sáng đỏ của ngày sắp rạng, một gương mặt trắng bệch với nụ cười ngoác ra góm ghiếc nhìn trừng trừng lên họ qua con mắt thứ ba rộng hoác đen ngòm trên trán. Đó đúng là Daniel, không nghi ngờ gì nữa.

*Bộ Ngoại giao.**Ngày 4 tháng Mười một năm 1999.*

Bernt Brandhaug nhìn đồng hồ đeo tay và nhú mày. Tám mươi hai giây, hơn thường lệ bảy giây. Sau đó ông sải bước qua ngưỡng cửa vào phòng họp, oang oang câu “Chào buổi sáng” vui vẻ, nhoẻn nụ cười trắng lóa trứ danh với bốn gương mặt quay nhìn về phía ông.

Kurt Meirik, POT, ngồi một bên bàn với Rakel (đủ cả cặp cài tóc không hợp, bộ vest và vẻ mặt nghiêm nghị). Điều làm ông chú ý là bộ vest có vẻ quá đắt tiền đối với một thư ký. Ông vẫn tin vào trực giác của mình rằng cô ta đã ly dị, nhưng có lẽ cô ta cưới chồng giàu. Hay là do cô ta có bố mẹ giàu? Chuyện cô ta ngồi đây, tại một cuộc họp mà Brandhaug đã ngầm dặn phải diễn ra hoàn toàn kín, cho thấy chức vụ cô ta giữ trong POT cao hơn ban đầu ông phỏng đoán. Ông quyết tâm tìm hiểu thêm về cô.

Anne Sterksen ngồi bên kia bàn với ông sếp Đội Hình sự cao, gầy gò, tên là gì nhỉ? Trước hết, mất hơn tám mươi giây ông mới tới được phòng họp, rồi bây giờ ông không thể nhớ nổi một cái tên - có phải ông đang già đi không?

Ông còn chưa nghĩ cho đến cùng chuyện này thì những sự kiện đêm qua vụt hiện về trong tâm trí. Ông đã mời Lise, cô nhân viên thực tập Văn phòng Ngoại giao trẻ trung, đến cái ông gọi là một bữa trưa văn phòng nho nhỏ. Sau đó ông mời cô đi uống nước tại khách sạn Continental, nơi được sự bảo trợ của Văn phòng Đối ngoại, ông được tùy nghi sử dụng một phòng thường

trực cho những cuộc họp cần kín đáo hơn một chút. Không khó mời Lise đi chơi, cô là một cô gái có tham vọng. Nhưng mọi chuyện hóa ra lại tồi tệ. Việc này chỉ xảy ra một lần, có lẽ vì ông đã uống quá chén, nhưng chắc chắn không phải là ông đã quá già. Brandhaug xô ý thức này vào sâu trong tiềm thức rồi ngồi xuống.

“Cảm ơn vì có thể đến khi được thông báo gấp như vậy,” ông bắt đầu. “Dĩ nhiên, không cần phải nhấn mạnh tính chất bảo mật của cuộc họp này, nhưng dẫu sao tôi vẫn sẽ làm thế vì không phải ai cũng có nhiều kinh nghiệm trong chuyện này!”

Ông liếc mắt nhìn nhanh mọi người trừ Rakel, cho thấy rõ ràng thông điệp này nhằm vào cô. Sau đó ông quay sang Anne Sterksen.

“À mà người của cô sao rồi?”

Cô cảnh sát trưởng nhìn ông có chút bối rối.

“Tên cảnh sát của cô?” Brandhaug nhanh nhẩu nói. “Hole, phải anh ta tên thế không?”

Cô gật đầu với Meller, ông hắng giọng hai lần trước khi bắt đầu.

“Trong hoàn cảnh này thì ổn. Dĩ nhiên cậu ấy có bị lung lay một chút. Nhưng... OK rồi.” Ông nhún vai cho thấy chẳng còn gì nhiều để nói.

Brandhaug nhướng một bên lông mày mới tía.

“Tôi tin là không lung lay đến mức có thể có nguy cơ rò rỉ?”

“E hèm!” Moller lên tiếng. Ông trông thấy cảnh sát trưởng quay nhanh về phía ông với cái liếc ngụ ý. “Tôi không tin là như vậy. Cậu ấy nhận thức được tính chất nhạy cảm của vấn đề. Và tất nhiên cậu ấy đã thề giữ bí mật về chuyện xảy ra.”

“Cũng vậy với các cảnh sát khác có liên quan tại hiện trường,” Anne Sterksen sốt sắng nói thêm.

“Vậy hãy cùng hy vọng chuyện này trong tầm kiểm soát!” Brandhaug nói. “Tôi sẽ cho mọi người biết vấn đề tin mới về tình hình. Tôi vừa có cuộc nói chuyện dài với đại sứ Mỹ. Tôi tin mình có thể nói rằng chúng tôi đã đạt được

thỏa thuận về các điểm mấu chốt nhất trong sự vụ bi thảm này.”

Ông nhìn lần lượt từng người một. Họ nhìn ông chăm chăm trong bầu không khí chờ đợi căng thẳng. Đợi chờ những gì mà ông, Bernt Brandhaug, có thể nói với họ. Sự tuyệt vọng ông cảm thấy vài giây trước dường như tan biến.

“Ông đại sứ có thể cho tôi biết rằng nhân viên Mật vụ mà người của các vị,” - ông ra dấu về phía Moller và cảnh sát trưởng - “đã bắt tại trạm thu phí đang trong tình hình ổn định và được loại khỏi danh sách nguy hiểm. Cột sống lưng của anh ta bị tổn thương và có xuất huyết trong, nhưng áo gi lê chống đạn đã cứu mạng anh ta. Tôi lấy làm tiếc rằng chúng ta không phát hiện thông tin này sớm hơn, nhưng vì những lý do dễ hiểu, chúng ta đã cố giữ cho mọi thông tin về sự vụ này ở mức tối thiểu. Chỉ những chi tiết thiết yếu nhất mới được trao đổi giữa một số ít người các bên có liên quan.”

“Anh ta đang ở đâu?” Moller hỏi.

“Nói đúng ra thì anh không cần phải biết điều đó, thanh tra Moller.”

Ông nhìn Moller, khuôn mặt ông ta có một biểu hiện lạ. Trong giây lát sự im lặng ngọt ngào bao trùm căn phòng.

Bao giờ cũng lúng túng đôi chút khi ai đó bị nhắc nhở rằng họ không được phép biết nhiều hơn những gì họ cần biết cho công việc của mình. Brandhaug mỉm cười, xòe hai tay ra điều hối tiếc như thể muốn nói: *Tôi có thể hiểu rõ tại sao anh hỏi, nhưng phải vậy thôi.* Moller gật đầu và cúi nhìn xuống bàn.

“Được rồi!” Brandhaug nói. “Tôi chỉ có thể nói với các vị bấy nhiêu - sau cuộc phẫu thuật anh ta được chở tới một bệnh viện quân y ở Đức.”

“Được.” Moller đưa tay gãi gãi sau gáy. “E hèm..!”

Brandhaug chờ đợi.

“Tôi cho rằng để Hole biết chuyện này thì không sao? Ý tôi là biết rằng tay Mật vụ đó đang bình phục. Việc đó sẽ khiến cho tình hình... à... dễ dàng hơn cho cậu ấy.”

Brandhaug nhìn Moller. Ông ta đang gặp khó khăn giải quyết chuyện làm sếp Đội Hình sự.

“Tốt thôi.”

“Vậy ông và ông đại sứ đã thỏa thuận với nhau về chuyện gì?” Raket là người hỏi.

“Tôi đang sắp nói đến đây!” Brandhaug nhẹ nhàng đáp.

Thực sự đó là vấn đề tiếp theo của ông, nhưng ông lại không thích bị chen ngang như thế này. “Trước hết, tôi muốn được tuyên dương Moller và cảnh sát Oslo vì đã đánh giá nhanh chóng hiện trường. Nếu các báo cáo là chính xác thì chỉ sau mười hai phút là tay mật vụ đã nhận được sự chăm sóc y tế chuyên nghiệp.”

“Hole và đồng nghiệp của cậu ấy, Ellen Gjelten, đã đưa anh ta đến bệnh viện Aker,” Anne Storksen đáp.

“Những phản ứng nhanh đáng ngưỡng mộ,” Brandhaug nói. “Và đó là một quan điểm được ông đại sứ Mỹ chia sẻ”

Moller và cảnh sát trưởng liếc nhìn nhau. “Hơn nữa, ông đại sứ đã nói chuyện với Mật vụ và sẽ không có chuyện kiện cáo gì từ phía Mỹ. Tất nhiên rồi.”

“Tất nhiên rồi!” Meirik phụ họa.

“Chúng tôi cũng đồng ý rằng sai sót chủ yếu nằm ở phía người Mỹ. Tay mật vụ trong buồng bán vé lẽ ra không nên có mặt ở đó. Nghĩa là, việc đó là được phép, nhưng lẽ ra sĩ quan liên lạc Na Uy ở hiện trường phải được thông báo. Cảnh sát viên Na Uy tại chốt gác đã để tay mật vụ lọt vào khu vực kiểm soát, và lẽ ra - xin lỗi, đã có thể - thông báo cho sĩ quan liên lạc, lại chỉ xem xét rồi cho qua khi tay mật vụ trình thẻ. Chỉ thị chung đó là nhân viên của Mật vụ có quyền tiếp cận tất cả các khu vực an toàn, do đó viên cảnh sát thấy chẳng có lý do gì phải báo cáo thêm. Nhìn lại, chúng ta có thể nói rằng lẽ ra anh ta cần phải làm thế!”

Ông nhìn Anne Storksen, cô ta không tỏ vẻ sẽ phản đối.

“Tin tốt đó là vào lúc này dường như chưa có thông tin gì bị lộ ra ngoài. Tuy nhiên, tôi không triệu tập cuộc họp này để thảo luận chúng ta nên làm gì thì tốt nhất, chuyện đó không quý giá gì hơn ngồi yên. Tôi cho rằng chúng ta không cần cần nhắc một chuyện như vậy. Sẽ là ngây thơ đến ngớ ngẩn nếu tin rằng vụ bắn nhảm này sẽ không rò rỉ ra ngoài, chẳng sớm thì muộn.”

Bernt Brandhaug úp hai lòng bàn tay lên nhau, như thể muốn gói các câu lại thành từng miếng âm thanh.

“Ngoài hơn hai mươi người từ POT, Văn phòng Đối ngoại và nhóm điều phối biết về vấn đề này, còn khoảng mười lăm cảnh sát chúng kiến tại trạm thu phí. Tôi không mong phải nói từ tôi tẹ nào về bất kỳ ai trong số họ. Tôi chắc chắn, nhìn chung họ sẽ tuân thủ những cam kết bảo mật thường lệ. Tuy nhiên, họ chỉ là những cảnh sát bình thường không hề có kinh nghiệm về mức độ bảo mật cần thiết trong những tình huống này. Hơn nữa, còn có các nhân viên tại bệnh viện Rikshospital, nhân viên hàng không, nhân viên Công ty Thu phí Giao thông Fjellinje AS và khách sạn Plaza, tất cả những người mà, ít nhiều gì cũng có lý do để nghi ngờ về chuyện xảy ra. Cũng chẳng có gì bảo đảm rằng đoàn mô tô hộ tống không bị theo dõi bằng ống nhòm từ một tòa nhà xung quanh. Một tiếng từ bất kỳ ai có liên quan đến việc này và...” ông phồng má lên biểu thị một sự bùng nổ.

Quanh bàn mọi người im bật đi cho đến khi Meller hắng giọng.

“Vậy tại sao lại... à... nguy hiểm đến vậy nếu tin này bị lộ ra ngoài?”

Brandhaug gật đầu cho thấy rằng đây không phải câu hỏi ngu ngốc nhất ông từng nghe, ngay lập tức tạo cho Meller cái cảm giác như đã định rằng điều đó đúng là như vậy.

“Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ còn hơn cả một đồng minh!” Brandhaug nói kèm một nụ cười khó hiểu. Ông nói với ngữ điệu ta dùng để giải thích cho một người không phải dân Na Uy rằng Na Uy có vua, rằng thủ đô của nó là Oslo.

“Năm 1920, Na Uy là một trong những quốc gia nghèo nhất châu Âu, và

có khả năng vẫn là như thế, nếu không nhờ có sự trợ giúp của Mỹ. Hãy quên hết mỹ từ của các chính trị gia đi. Di dân, Chương trình Viện trợ Marshall, Elvis và viện trợ tài chính đầu cơ dầu mỏ đã biến Na Uy thành có lẽ là một trong những nước thân Mỹ nhất trên thế giới. Ai trong số chúng ta ngồi đây cũng đều đã phải phấn đấu nhiều năm mới đạt được địa vị sự nghiệp ngày hôm nay. Nhưng nếu chuyện đến tai các chính trị gia của chúng ta rằng ai đó trong phòng này chịu trách nhiệm về việc gây nguy hiểm cho tính mạng tổng thống...”

Brandhaug để phần câu còn lại lửng lơ trong không khí, đảo mắt qua khắp bàn.

“May mắn cho chúng ta,” ông nói. “Người Mỹ họ thà thừa nhận một trục trặc với một mật vụ của họ hơn là thừa nhận sự thiếu hợp tác căn bản với một trong những đồng minh thân cận nhất!”

“Điều đó nghĩa là,” Rakel nói mà không ngược mắt khỏi xấp giấy trước mặt,”... chúng ta không cần một kẻ giơ đầu chịu báng Na Uy.” Nói rồi cô ngược mắt lên nhìn thẳng vào Bernt Brandhaug. “Hoàn toàn ngược lại. Chúng ta cần một người hùng Na Uy, đúng không?”

Ánh mắt Brandhaug dừng ở cô, vừa ngạc nhiên vừa thích thú. Ngạc nhiên vì cô đã biết rất nhanh ông đang tiến đến đâu, thích thú vì ông nhận ra cô chắc chắn là người cần phải để mắt đến.

“Chính xác. Cái ngày mà thông tin rằng một cảnh sát Na Uy bắn một mật vụ rò rỉ ra, chúng ta phải công khai lời giải thích các sự kiện của mình,” ông đáp. “Và lời giải thích của chúng ta phải là không có gì không hay từ phía chúng ta. Sĩ quan liên lạc của chúng ta tại hiện trường đã hành động đúng theo chỉ dẫn, có trách thì chỉ trách tay mật vụ kia thôi. Đây là lời giải thích mà cả chúng ta lẫn người Mỹ đều chấp nhận được. Thách thức là làm sao khiến giới truyền thông tin. Và đó là lý do tại sao...”

“... chúng ta cần một người hùng,” cảnh sát trưởng đế thêm vào.

“Xin lỗi!” Moller lên tiếng. “Tôi có phải người duy nhất ở đây không hiểu

được phần trọng yếu của chuyện này không?” Ông cố thêm vào một tiếng cười khẽ nhưng khá là không thành công.

“Viên sĩ quan đã cho thấy sự nhanh trí trước một tình huống được xem là có khả năng gây nguy hiểm cho tổng thống,” Brandhaug nói. “Nếu người trong buồng bán vé là một kẻ ám sát, mà anh ta buộc lòng phải giả dụ thế, căn cứ theo những hướng dẫn đặt ra trong tình huống đặc biệt ấy, hẳn anh ta đã cứu mạng tổng thống. Chuyện kẻ đó hóa ra lại không phải là kẻ ám sát cũng chẳng thay đổi được gì.”

“Đúng vậy!” Anne Storksen nói. “Trong những tình huống như vậy, các hướng dẫn phải được ưu tiên hơn đánh giá cá nhân.”

Meirik không nói gì, chỉ gật đầu tán thành.

“Tốt,” Brandhaug nói. “Phần ‘trọng yếu’, như anh vừa gọi thế, Bjame, đó là thuyết phục báo chí, các cấp trên của chúng ta và tất cả những ai có liên quan đến vụ này rằng chúng ta không hề nghi ngờ lấy một giây nào là sĩ quan liên lạc của chúng ta đã hành động đúng. Phần ‘trọng yếu’ đó là chúng ta phải hành xử như thể anh ta gần như đã thực hiện một chiến công anh hùng.

Brandhaug có thể thấy sự kinh ngạc của Moller.

“Chúng ta sẽ không tưởng thưởng viên sĩ quan. Chúng ta đã gần như thừa nhận rằng anh ta phạm sai lầm về nhận định trong việc bắn tay mật vụ, và, do vậy, công tác thu xếp an ninh trong chuyến viếng thăm của tổng thống đã thiếu sót.”

Những cái gật đầu đồng tình lan đi khắp bàn.

“Vậy thì...” Brandhaug nói. Ông thích từ này. Đó là một từ có áo giáp, gần như bất khả chiến bại vì nó viện đến uy quyền logic. Từ cái này mà có cái kia.

“Vậy thì, chúng ta trao huân chương cho anh ta?” Lại là Rakel.

Brandhaug cảm thấy nhói bực bội. Cách cô ta nói từ “huân chương”. Như thể họ đang soạn kịch bản phim hài để rồi sôt sắng vô lấy đủ mọi kiểu đề

ngộ hải hươc. Rằg bài trình bày của ông là một bộ phim hải.

“Không,” ông chậm rãi nói, cố nhấn mạnh. “Không có huân chương gì cả. Huân chương và biệt đấi đều không có vẽ trang trọng. Cũng như chúng không mang lại cho chúng ta sự tín nhiệm mà chúng ta theo đũi.” Ông ngả người trên ghé, hai tay để sau đầu. “Hãỷ thăng chức cho anh ta. Đưa anh ta lên làm thanh tra.”

Một quãg im lặg thật lâu theo sau.

“Thanh tra ư?” Bjame Moller nhìn Brandhaug chặm chặm ngờ vực. “Vĩ bắn một mật vụ ư?”

“Điều đó có thể nghe hơi rùng rợn, nhưng suy nghĩ về nó chút đi.”

“Chuyện đó...” Miller chớp mắt và dường như định nói nhiều điều, nhưng ông lại chọn cách ngậm miệg.

“Anh ta không phải thực hiện các nghĩa vụ thường thuộc về cấp thanh tra.” Brandhaug nghe cảnh sát trưởng nói. Những từ ngữ thốt ra với chút ngập ngừng. Như thể đang xỏ sợi chỉ qua lỗ kim.

“Chúng tôi cũng đã suy nghĩ đôi chút về chuyện này, Anne,” ông trả lời mà nhấn nhẹ ở tên cô. Đây là lần đầu tiên ông sử dụng tên thánh của cô. Một bên lông mày cô khế giặ, nhưng ông không nhận ra được điều gì khác cho thấy rằng cô phản đối. Ông tiếp tục: “Vấn đề là nếu tất cả các đồng nghiệp của viên sĩ quan liên lạc hung hãg này của cô cho rằng thăng chức là để được chú ý rồi đặ ra nghĩ chức danh như một thứ tô vẽ thì tức là chúng ta vẫn chưa đi được xa. Tức là chúng ta chẳng đi đến đâu cả. Nếu họ nghĩ ngờ có sự che đặ, tin đồn sẽ ngay lập tức lan rất xa, và chúng ta sẽ tạo ấn tượng rằng chúng ta đã cố gắg che đặ một cách có ý thức sự thật rằng chúng ta, cô, tay cảnh sát này, đã phạm phải một sai lầm ngớ ngắn. Nói cách khác, chúng ta phải trao cho anh ta một vị trí mà không ai có thể soi mói quá sâu vào những gì anh ta thực sự đang làm. Nói cách khác, một sự thăng chức kèm thuyện chuyển sang một hoạt độn kín đáo.”

“Một hoạt độn kín đáo. Một kẻ được tự do hành độn.” Rakel nở nụ

cười chế giễu. “Nghe có vẻ như ông đang tính chuyện gửi anh ta sang chỗ chúng tôi.”

“Anh nghĩ sao Kurt?” Brandhaug hỏi.

Kurt Meirik gãi gãi sau tai trong khi tủm tủm cười.

“Vâng,” ông đáp. “Tôi cho rằng chúng tôi luôn có thể tìm được mái nhà cho một thanh tra.”

Brandhaug khẽ cúi chào. “Điều đó rất hữu ích.”

“Vâng, chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau mỗi khi có thể.”

“Tuyệt vời,” Brandhaug nói với một nụ cười rộng ngoác, liếc mắt lên đồng hồ treo tường để chỉ rằng cuộc họp kết thúc. Tiếng bàn ghế kéo loạt soạt.

*Sanksthansaugen.**Ngày 4 tháng Mười một năm 1999.*

Qua mấy chiếc loa, Prince(10) đang mở tiệc tung bừng như vẫn thế vào năm 1999.

Ellen nhìn qua Tom Wadler, phút trước anh ta vừa nhét cuốn băng cassette vào máy nghe và mở to đến nỗi tiếng bass khiến băng đồng hồ trên xe rung bần bật. Giọng gió chói tai của Prince đâm thủng màng nhĩ cô.

“Có bánh bao không nào?” Tom gào át tiếng nhạc. Ellen thực sự không muốn xúc phạm anh ta, nên cô chỉ lắc đầu. Không phải cô có định kiến nào rằng Tom Waaler là người rất dễ bực mình, mà cô đã quyết định không làm trái ý anh ta chừng nào còn được. Cô hy vọng cho đến chừng nào chuyện ghép đôi Tom Waaler với Ellen Gjeltten đến hồi kết thúc. Bjame Moller, sếp Đội Điều tra của họ, đã nói dứt khoát rằng chuyện này chỉ là tạm thời. Ai cũng biết rằng Tom sẽ đảm nhận vị trí thanh tra mới vào mùa xuân.

“Thằng da đen đồng tính,” Tom hét lên. “Quá thể.”

Ellen không đáp. Trời mưa nặng hạt đến nỗi hai cần gạt nước có quét hết cỡ, nước vẫn nằm đó như một bộ lọc mềm mại trên kính chắn gió, khiến những tòa nhà trên đường Ullevalsveien trông như nhà đồ chơi nhẹ bồng nhấp nhô. Sáng nay Moller sai họ ra ngoài tìm Harry. Họ đã bấm chuông cửa căn hộ của anh tại phố Sofies và biết anh không có nhà. Hoặc anh không muốn mở cửa. Hoặc anh không có khả năng mở cửa. Ellen lo sợ điều tồi tệ nhất. Cô nhìn theo mọi người đang đi hồi hải dọc vỉa hè. Họ cũng biến thành

những bóng hình méo mó, kỳ dị, như trong mấy tấm gương biến dạng ở hội chợ.

“Rẽ trái ở đây rồi tấp vào lề bên ngoài quán Schreder đi” cô nói. “Anh cứ chờ trong xe còn tôi sẽ vào trong.”

“Được thôi,” Waaler đáp. “Bọn say là tệ nhất.”

Cô liếc xéo anh ta, nhưng vẻ mặt anh ta không để lộ rằng anh ta đang ám chỉ chung chung khách hàng buổi sáng trong quán Schroder, hay chỉ riêng Harry. Anh ta cho xe vào trạm xe buýt bên ngoài và khi xuống xe cô thấy một quán Kaffebrenneri mới mở phía bên kia con phố. Hoặc cũng có thể nó đã mở ở đó lâu rồi mà cô không để ý. Trên dãy ghế đầu quầy bar dọc theo các cửa sổ, mấy thanh niên mặc áo len dài tay cổ lọ đang ngồi đọc báo nước ngoài ngồi nhìn chăm chăm ra màn mưa, cốc cà phê to màu trắng giữa hai bàn tay, có lẽ đang tự hỏi mình có chọn đúng môn ở trường đại học không, chiếc sofa hàng hiệu liệu có phù hợp, người yêu có xứng đôi, câu lạc bộ bóng đá có đáng để hâm mộ hoặc một thành phố ở châu Âu có đáng để đi thăm.

Bên cửa vào quán Schroder cô suýt va phải một người đàn ông mặc áo len Iceland dài tay. Rượu đã xóa sạch sắc xanh trên hai tròng mắt gã; hai bàn tay to như cái chảo rán bám đen đất. Ellen ngửi thấy mùi mỡ hơi ngòn ngọt và mùi rượu đã cũ khi gã ta lướt qua. Bên trong là một bầu không khí buổi sáng chậm chạp. Chỉ bốn bàn là có người ngồi. Ellen đã từng đến đây, lâu rồi, và theo như cô xác định được thì chẳng có gì thay đổi cả. Những bức tranh lớn về Oslo trong những thế kỷ đã qua vẫn treo trên tường, lớp sơn nâu cùng trần giả bằng thủy tinh ở giữa tạo chút hơi hướm một quán rượu ở Anh. Chút thôi, nếu phải nói hoàn toàn thật lòng. Những bàn và ghế dài bằng nhựa làm quán trông giống quầy rượu cho người hút thuốc trên một chiếc phà dọc bờ biển More hơn. Phía cuối phòng, một nữ phục vụ mặc tạp dề đang đứng dựa vào quầy thu tiền và hút thuốc, trong khi khước mắt liếc về phía Ellen. Harry đang ngồi ngay trong góc gần cửa sổ, đầu gục xuống bàn. Một cốc bia uống

hết phân nửa nằm trước mặt.

“Chào,” Ellen nói, ngồi xuống đối diện anh. Harry ngược mắt lên và gạt đầu. Như thể anh đang đợi riêng cô mà thôi. Đầu anh lại gục xuống.

“Bọn tôi đã cố gắng tìm anh. Bọn tôi đã bấm chuông cửa căn hộ của anh.”

“Tôi có ở nhà không?” anh hỏi bằng giọng đều đều, không mỉm cười.

“Tôi không biết. Anh có nhà không, Harry?” Cô hát đầu về phía cốc bia.

Anh nhún vai.

“Hắn sẽ sống!” cô nói.

“Nghe rồi. Moller có để lại tin nhắn trên máy trả lời tự động của tôi.” Cách phát âm của anh rõ ràng đến ngạc nhiên. “Ông ta không nói thương tích của hắn nặng đến thế nào. Trên lưng có nhiều dây thần kinh và này nọ, đúng không?”

Anh nhếch đầu, nhưng Ellen không đáp. “Có lẽ hắn sẽ bị liệt thôi?” Harry nói, gõ gõ vào cốc bia giờ đã cạn. “Skal(11).”

“Hạn nghỉ ốm của anh ngày mai là hết đấy. Chúng tôi sẽ đợi thấy anh quay lại với công việc.”

Anh ngẩng đầu lên. “Tôi đang nghỉ ốm sao?”

Ellen đẩy một bìa hồ sơ bằng nhựa nhỏ qua bàn. Bên trong lộ rõ mặt sau một mẫu giấy màu hồng.

“Tôi đã nói chuyện với Moller. Và bác sĩ Airne. Chăm tờ đơn xin nghỉ ốm này đi. Moller bảo có vài ngày nghỉ để tinh trí lại sau vụ bắn theo trách nhiệm là điều bình thường. Ngày mai anh hãy đi làm nhé.”

Ánh mắt anh dịch sang phía cửa sổ với tấm kính sần sặc sỡ. Có lẽ là vì những lý do thận trọng nào đó, để người bên ngoài không thể nhìn vào trong. *Ngay đối diện Kaffebränneri*, Ellen nghĩ.

“Sao? Anh sẽ đến chứ?”

“Ồ,” anh nhìn cô cũng với ánh mắt đờ đẫn cô còn nhớ vào những buổi sáng sau khi anh từ Bangkok về. “Tôi không chắc chuyện này đâu.”

“Đến đi mà. Có vài điều ngạc nhiên thú vị đang chờ anh đấy.”

“Ngạc nhiên ư?” Harry cười khẽ. “Tôi tự hỏi có thể là cái gì? Về hưu non? Sa thải trong danh dự? Hay Tổng thống Mỹ sẽ ban tặng tôi một Trái tim tím(12)?”

Anh ngẩng đầu lên đủ để Ellen thấy đôi mắt đỏ ngầu của anh. Cô thở dài, quay ra phía cửa sổ. Phía sau tấm kính sần những chiếc xe không rõ hình thù lao vút qua, như trong một cuốn phim tạo ảo giác.

“Sao anh làm vậy với bản thân, Harry? Anh biết, tôi biết, ai ai cũng biết đó không phải là lỗi của anh cơ mà! Ngay cả bên Mật vụ cũng thừa nhận lỗi của họ đã không thông báo cho chúng ta. Rằng chúng ta - anh - đã hành động đúng.”

Harry nói thấp giọng mà không nhìn cô: “Cô có cho rằng gia đình hẳn sẽ nghĩ thế khi hẳn về nước trên xe lăn không?”

“Lạy Chúa tôi, Harry!” Ellen cao giọng và thấy người phụ nữ bên quầy đang nhìn họ mỗi lúc một thêm hứng thú. Có lẽ cô ta đã đánh hơi thấy một mẻ cãi vã lý thú đang âm ỉ.

“Luôn luôn có những người thiếu may mắn, những kẻ thất bại, Harry. Đời là thế đấy. Chẳng phải là lỗi của ai cả. Anh có biết mỗi năm có đến 60% chim chích bờ giậu chết không? 60% đấy! Nếu chúng ta nghỉ việc rồi trầm tư về ý nghĩa của nó, chưa kịp hiểu chuyện gì đang diễn ra thì cuối cùng chính chúng ta nằm trong số 60% ấy đấy, Harry.”

Harry không đáp. Anh ngồi đó đầu nhấc lên gục xuống trên tấm khăn trải bàn kê ca rô có những vết cháy thuốc lá đen sì.

“Tôi sẽ căm ghét chính mình khi nói điều này, Harry, nhưng nếu ngày mai anh đến tôi sẽ xem nó như một ân huệ cá nhân. Chỉ cần anh xuất hiện thôi. Tôi sẽ không nói chuyện với anh và anh đừng cố thở vào mặt tôi. Được chứ?”

Harry chọc ngón tay nhỏ bé qua một lỗ thủng trên tấm trải bàn. Rồi anh dịch cốc bia che đi một lỗ thủng khác. Ellen chờ đợi.

“Có phải Waaler đang đợi ngoài xe không?” Harry hỏi.

Ellen gật đầu. Cô biết chính xác hai người họ học hặc với nhau thế nào. Cô nảy ra một ý, ngập ngừng rồi quyết định mạo hiểm: “Anh ta được hai trăm krone nếu anh không xuất hiện đấy.”

Harry lại cười khế. Đưa hai bàn tay lên đỡ đầu, anh nhìn cô.

“Cô thực sự là kẻ nôi dối cực dở đây, Ellen. Nhưng cảm ơn vì đã cố công.”

“Mẹ kiếp anh.”

Cô hít vào một hơi, định nói gì đó nhưng lại đổi ý và quan sát Harry thêm một lúc. Cô hít vào lần nữa.

“Được rồi, lẽ ra chính Moller phải nói với anh điều này, nhưng giờ tôi sẽ nói cho anh biết: họ sắp cho anh sang làm thanh tra bên POT đấy.”

Tiếng cười của Harry kêu khùng khục như tiếng động cơ xe Cadillac Fleetwood.

“Được rồi, chịu khó thực hành tí chút, có lẽ cuối cùng cô không còn là kẻ nói dối kém cỏi nữa.”

“Là thật đấy!”

“Không thể nào.” Anh mắt anh lại lang thang ra ngoài cửa sổ.

“Tại sao chứ? Anh là một trong những điều tra viên giỏi nhất của chúng ta. Anh vừa chứng tỏ mình là một cảnh sát cực giỏi. Anh thuộc luật. Anh...”

“Không thể đâu, tôi cho cô biết. Ngay cả nếu có ai nảy ra một ý tưởng điên rồ.”

“Nhưng tại sao?”

“Vì một lý do rất đơn giản. Chẳng phải cô vừa nói tỷ lệ 60% lũ chim đấy thôi?”

Anh kéo tấm khăn trải bàn cùng cốc bia qua bàn.

“Chúng được gọi là chim chích bờ giậu.”

“Phải. Và chúng chết vì cái gì?”

“Ý anh là sao?”

“Chúng không thể cứ nằm xuống rồi chết, đúng chưa?”

“Vì đói. Thú săn mồi. Cái lạnh. Kiệt sức. Có lẽ là đâm vào cửa sổ. Vì mọi thứ.”

“OK. Tôi dám cá là không con nào bị một tay cảnh sát Na Uy, không được cấp phép sử dụng súng vì trượt trong kỳ thi bắn, găm một viên đạn vào lưng. Ngay sau khi chuyện này bị phát giác, tay cảnh sát đó sẽ bị truy tố và có khả năng bị tuyên án từ một đến ba năm tù. Một cơ sở khá lấu cá để thăng chức lên thanh tra, cô không thấy vậy sao?”

Anh cầm cốc lên, đập cái rầm xuống tập hồ sơ.

“Kỳ thi bắn nào cơ?” cô hỏi.

Anh ném sang cô cái nhìn sắc lạnh. Cô nhìn thẳng vào mắt anh một cách tự tin.

“Ý cô là sao hả?” anh hỏi.

“Tôi không biết anh đang nói về chuyện gì, Harry.”

“Cô biết quá rõ rằng...”

“Theo như tôi biết, anh đã qua được kỳ thi bắn năm nay. Và Moller cũng có cùng ý kiến đó. Sáng nay ông ấy thậm chí còn cuộc bộ đến văn phòng cấp phép sử dụng súng để kiểm tra với hướng dẫn viên bắn súng. Họ đã xem qua các hồ sơ và, theo như họ thấy, anh đã đạt quá số điểm rồi. Họ sẽ không cất nhắc những người nổ súng bắn mật vụ vào vị trí thanh tra ở POT nếu không có công trạng thích hợp, anh biết mà.”

Cô nhoen cười toét với Harry, giờ đây anh trông ngơ ngác hơn là say.

“Nhưng tôi còn chưa có giấy phép sử dụng súng mà!”

“Anh có chứ. Anh chỉ đánh mất. Anh sẽ tìm thấy nó, Harry, anh sẽ tìm thấy nó.”

“Giờ nghe này, tôi...”

Anh ngáp ngừng, nhìn chằm chằm xuống cặp nhựa đựng hồ sơ trên bàn trước mặt. Ellen đứng lên.

“Hẹn gặp anh lúc chín giờ nhé, thanh tra.”

Harry chỉ biết im lặng gật đầu.

Khách sạn Radisson SAS, Holbergs Plass.

Ngày 5 tháng Mười một năm 1999.

Betty Andresen có mái tóc vàng, xoăn, giống Dolly Parton đến mức trông như tóc giả. Tuy nhiên, đó không phải là tóc giả, và tất cả những nét tương đồng với Dolly Parton đã dừng lại ở mái tóc. Betty Andresen cao và mảnh mai, khi cô mỉm cười như lúc này, khe hở trên môi cô rất mỏng và gần như không để lộ răng. Nụ cười này hướng về lão già phía bên kia bàn trong khu vực tiếp tân của khách sạn Radisson SAS tại Holbergs Plass. Đó không phải bàn tiếp tân hiệu theo nghĩa thông thường của từ này, mà là một trong vài “đảo” đa năng với các màn hình máy tính, cho phép họ phục vụ vài khách hàng cùng một lúc.

“Chào buổi sáng,” Betty Andresen nói. Đây là điều cô học được tại trường quản lý khách sạn ở Stavanger, phân biệt những thời điểm khác nhau trong ngày khi chào đón mọi người. Qua đó trong thời gian sáu tiếng cô sẽ nói “Chào buổi chiều,” rồi hai tiếng sau là “Chào buổi tối.” Sau đó cô sẽ về nhà, căn hộ hai phòng của cô tại Torshove, và ước rằng có ai ở đó để nói “Chúc ngủ ngon.”

“Tôi muốn xem một phòng càng trên cao càng tốt.”

Betty Andresen nhìn vai áo choàng ướt nhỏ giọt của lão già. Bên ngoài trời đang mưa xối xả. Một giọt mưa run run trên vành mũ của lão.

“Ông muốn xem một phòng à?”

Nụ cười của Betty Andresen không nao núng. Cô đã được huấn luyện

theo nguyên tắc mà cô tuân thủ thật cẩn thận, đó là đối xử với mọi người như khách, cho đến khi không thể bác bỏ điều ngược lại. Nhưng cô cũng biết rõ như vậy rằng trước mặt mình là một ví dụ về bậc kỳ tài: lão già-đi-thăm-thủ-đô-muốn- được-ngắm-cảnh-từ-khách-sạn-SAS-mà-không-phải-tôn-tiền.

Họ vẫn còn đến đây, đặc biệt là vào mùa hè. Và không chỉ để ngắm quang cảnh. Có lần một bà đã đề nghị xem phòng Palace Suite trên tầng 21 để bà ta còn mô tả cho bạn bè và khoe rằng bà ta đã ở lại đó. Bà ta còn đề nghị cho Betty năm mươi krone nếu cô điền tên bà ta vào trong sổ đăng ký để bà ta dùng làm bằng chứng.

“Phòng đơn hay phòng đôi ạ?” Betty hỏi. “Phòng hút thuốc hay không hút thuốc ạ?” Hầu hết mọi người đều sẽ ngập ngừng về điểm này.

“Chẳng khác biệt gì đâu!” lão già đáp. “Điều quan trọng nhất là quang cảnh. Tôi muốn xem phòng quay về hướng Tây Nam.”

“Vâng, ông sẽ ngắm được toàn bộ thành phố từ đó.”

“Đúng thế. Phòng tốt nhất cô có là phòng gì?”

“Phòng tốt nhất rõ ràng là phòng Palace Suite, nhưng xin đợi một chút ạ. Tôi sẽ kiểm tra xem còn phòng thường nào không.”

Cô gõ lách cách trên bàn phím và đợi xem lão già có cần câu không. Không cần đợi lâu.

“Tôi muốn được xem phòng suite.”

Dĩ nhiên là thế rồi, cô nghĩ. Mắt cô liếc nhìn lão già một lượt. Betty không phải là người phụ nữ không biết lý lẽ. Nếu nguyện ước lớn nhất của một lão già là nhìn ngắm quang cảnh từ khách sạn SAS, cô sẽ không cản trở.

“Thế thì cùng đi xem thôi ạ,” cô nói, nhoen nụ cười rạng rỡ nhất, thường được dành cho những vị khách quen.

“Có phải ông đang đến thăm ai ở Oslo không ạ?” cô hỏi theo phép lịch sự khi đi thang máy.

“Không,” lão già đáp. Lão có hàng lông mày bạc rậm rì giống cha cô. Betty nhấn nút cầu thang máy, hai cánh cửa khép vào nhau và thang máy bắt

đầu chuyên động. Cô chưa bao giờ quen với nó - như kiểu đang bị hút lên thiên đường. Hai cánh cửa mở ra và, như thường lệ, cô có phần mong đợi mình sẽ bước vào một thế giới mới và khác biệt, ít nhiều giống như cô bé trong phim *Phù thủy xứ Oz*. Nhưng nó vẫn luôn là thế giới cũ ấy. Họ bước qua các hành lang có giấy dán tường và thảm đồng bộ và tác phẩm nghệ thuật đắt tiền trên tường. Cô tra thẻ từ vào khóa cửa phòng suite và nói, “Mời quý khách đi trước,” rồi giữ cửa mở cho lão già. Lão lướt vào trong với cái vẻ mặt mà cô hiểu là sự háo hức.

“Phòng Palace Suite rộng 105 mét vuông,” Betty nói, “có hai phòng ngủ, mỗi phòng đều có một giường cỡ lớn, hai phòng tắm. Mỗi phòng đều có bồn tắm Jacuzzi và điện thoại!”

Cô bước vào phòng nơi lão già đã chọn một vị trí gần cửa sổ.

“Nội thất theo thiết kế của Poul Henrilaen, một nhà thiết kế Đan Mạch!” cô nói, vuốt lên mặt kính thủy tinh mỏng như giấy trên bàn cà phê. “Có lẽ ông muốn xem các phòng tắm chẳng?”

Lão già không đáp. Lão vẫn đang đội trên đầu cái mũ ướt sũng, và trong sự câm lặng theo sau đó Betty nghe thấy tiếng một giọt nước rỏ xuống mặt sàn lát gỗ anh đào. Cô đứng cạnh lão. Từ đây họ có thể nhìn thấy mọi thứ đáng để chiêm ngưỡng: tòa thị chính, nhà hát quốc gia, Hoàng cung, nghị viện Na Uy - Storting - và pháo đài Akershus. Phía dưới là Vườn thượng uyển, cây cối đâm thẳng lên tận bầu trời xám màu chì, với những bàn tay phù thủy đen ngòm xò ra.

“Lẽ ra ông nên đến đây vào một ngày mùa xuân đẹp trời ỉ!” Betty nói.

Lão già quay lại ném về cô ánh mắt không cảm thông nên Betty nhận ra điều mình vừa nói. Cô cũng nên thêm vào cho tròn câu: Vì ông chỉ đến đây để ngắm cảnh thôi mà.

Cô đánh trống lảng bằng cách cố nhoẻn cười thật tử tế, “Khi cỏ có màu xanh và lá đã mọc trên cây trong vườn thượng uyển. Quang cảnh lúc đó sẽ cực kỳ đẹp.”

Lão dò xét khuôn mặt cô. Nhưng ý nghĩ của lão như đang ở tận đâu. “Cô nói đúng,” cuối cùng lão đáp, “Cây cối có lá. Tôi đã không nghĩ đến điều ấy.”

Lão chỉ tay về cửa sổ. “Cửa này có mở ra được không?”

“Một chút ạ,” Betty đáp, nhẹ nhõm khi đổi chủ đề, “Ông xoay tay cầm ở đó ạ!”

“Tại sao chỉ một chút thôi?”

“Phòng trường hợp ai đó có những ý tưởng đại dột”

“Những ý tưởng đại dột?”

Cô liếc lão thật nhanh. Lão già này có hơi bị lão suy không nhỉ? “Biển đi,” cô đáp. “Ý tôi là tự sát ấy. Có rất nhiều người bất hạnh họ...” Bàn tay cô phác một cử chỉ nhằm minh họa điều những người bất hạnh hay làm.

“Vậy đó là một ý tưởng đại dột đúng không?” Lão già xoa xoa cằm. Có phải cô vừa phát hiện một thoáng cười giữa những nếp nhăn không nhỉ? “Ngay cả nếu ta đang bất hạnh à?”

“Vâng.” Betty quả quyết nói. “ít nhất là trong khách sạn này, trong ca của tôi.”

“Trong ca của tôi.” Lão già tùm tùm. “Một lý do chính đáng đây, Betty Andresen.”

Nghe nhắc đến tên mình cô giật thót. Dĩ nhiên, lão đọc được nó trên bảng tên của cô. Vậy thì thị lực của lão không có gì bất ổn; các chữ cái viết tên cô nhỏ tí còn chữ nhân viên lễ tân thì lớn. Cô giả vờ kín đáo liếc nhìn đồng hồ.

“Phải rồi!” lão nói. “Có lẽ cô còn nhiều việc quan trọng hơn nữa phải làm.”

“Tôi cho là vậy ạ,” cô nói.

“Tôi sẽ lấy nó,” lão già nói.

“Xin lỗi tôi chưa nghe rõ?”

“Tôi sẽ lấy phòng này. Không phải đêm nay, nhưng..!”

“Ông sẽ lấy phòng này ạ?”

“Đúng. Nó đang trống, đúng không?”

“À, vâng ạ, nhưng... nó đắt kinh khủng đấy ạ.”

“Tôi thích được trả trước.”

Lão già rút từ túi áo trong cái ví, lấy ra một xấp tiền.

“Không, không, tôi không có ý như thế, nhưng 7.000 krone một đêm.

Ông không muốn xem...”

“Tôi thích phòng này,” lão già nói. “Xin cô cứ đếm đi, để phòng khi.”

Betty nhìn ngây mảy tờ một nghìn krone lão vầy vầy trước mặt mình.

“Khi nào ông đến rồi ta giải quyết chuyện thanh toán cũng được ạ,” cô nói. “À, khi nào thì ông muốn...”

“Như cô đã nói đấy, Betty. Vào một ngày mùa xuân.”

“Được ạ. Cụ thể ngày nào không ạ?”

“Dĩ nhiên rồi.”

*Sở Cảnh sát.**Ngày 5 tháng Mười một năm 1999.*

Bjame Moller thở dài, ngâi nhìn ra cửa sổ. Những suy nghĩ của ông dạo gần đây thường lan man. Con mưa đã ngớt, mặc dù bầu trời xám xịt như chì vẫn sà thấp trên Sở Cảnh sát tại Gronland. Một con chó chạy lon ton trên bãi cỏ ngả nâu, không còn sức sống. Có một vị trí còn khuyết trong Đội Hình sự ở Bergen. Hạn chót nộp đơn ứng cử là tuần tới. Ông nghe một đồng nghiệp đồng đố nói rằng ở Bergen mỗi mùa thu trời chỉ mưa hai lần: từ tháng Chín đến tháng Mười một, và từ tháng Mười một sang năm mới. Dân vùng Bergen luôn phóng đại. Ông đã ở đó và ông thích thành phố ấy. Nó cách xa đám chính trị gia ở Oslo và nó nhỏ bé. Ông thích cái gì nhỏ bé.

“Gì vậy?” Moller quay lại và bắt gặp nét mặt cam chịu của Harry.

“Sếp đang giải thích cho tôi là một sự chuyển chuyển sẽ tốt cho tôi.”

“Vậy sao?”

“Lời của sếp đấy, sếp.”

“À phải. Phải, đúng thế đấy. Chúng ta phải chắc chắn mình không đi mãi một lối mòn, quần quanh với những thói quen và lề lối cũ. Chúng ta phải tiến lên và phát triển. Chúng ta phải cất cánh!”

“Cất cánh và cất cánh. POT ở trên đầu có ba tầng thôi mà.”

“Ý tôi là tránh xa mọi thứ. Sếp Cục An ninh Meirik nghĩ rằng cậu hoàn toàn phù hợp với vị trí ông ta dành sẵn cho cậu trên đó.”

“Những việc như thế không cần đăng tuyển sao?”

“Đừng lo về chuyện đó, Harry.”

“Không lo ư? Nhưng tôi có được phép hỏi vì lý do quái nào mà Sếp muốn tôi làm công tác giám sát không? Trông tôi giống cảnh sát chìm lắm à?”

Không. Không”

“Không ư?”

“Không hẳn là có, nhưng mà... tại sao không?”

“Tại sao không ư?”

Moller tức giận gãi gãi sau đầu. Mặt ông đỏ tía.

“Mẹ kiếp, Harry. Chúng tôi đang mời cậu một chức vụ thanh tra, thêm năm bậc nữa trên bảng lương, không phải cày đêm và được mấy thằng tân binh chết tiệt tôn trọng một chút. Đây là một việc tốt, Harry.”

“Tôi thích làm ca đêm mà.”

“Chẳng ma nào thích làm ca đêm cả.”

“Tại sao không cho tôi vị trí thanh tra còn khuyết ở đây?”

“Harry! Giúp tôi một việc mà, nói đồng ý đi.”

Harry nghịch cái cốc giấy. “Sếp,” anh nói. “Ta biết nhau đã bao lâu rồi?”

Moller giơ một ngón tay cảnh cáo. “Đừng thử cái trò đó với tôi. Cái trò chúng-ta-đã-cùng-vào-sinh-ra-tử...”

“Bảy năm. Và trong suốt bảy năm thăm vấn người trong thành phố này, những kẻ có lẽ là những sinh vật hai chân ngu xuẩn nhất. Vậy mà tôi vẫn chưa gặp ai nói dối tôi tệ hơn sếp. Có lẽ tôi ngu thật, nhưng tôi vẫn còn vài tế bào não vẫn đang làm hết công suất, và chúng nói với tôi rằng chính xác không phải vì thành tích của tôi mà tôi có được vị trí này. Tôi thật sừng sốt, cũng chả phải vì tôi bất ngờ ghi được điểm số cao nhất phòng trong kỳ thi bán hằng năm. Chúng đang nói với tôi rằng chuyện tôi cho một nhân viên của Mật vụ ăn đạn có thể liên quan gì đó tới chuyện này. Nên sếp không cần phải nói gì hết, sếp ạ.”

Moller há miệng, nhưng ngậm lại mà khoanh tay trước ngực một cách cời mở.

Harry nói tiếp, “Tôi biết sếp không chịu trách nhiệm về chuyện bày ra màn kịch này. Và cho dù tôi không thấy được toàn cục, tôi cũng có chút trí tưởng tượng nên đoán được phần còn lại. Nếu tôi đúng thì điều đó có nghĩa là, những mong muốn của tôi liên quan đến các lựa chọn khác cho sự nghiệp cảnh sát của tôi chỉ có tầm quan trọng thứ yếu. Nên chỉ cần trả lời tôi câu này thôi: tôi có lựa chọn nào không?”

Moller chớp mắt, rồi chớp liên tục. Ông lại đang nghĩ về Bergen. Nghĩ về những mùa đông không có tuyết. Nghĩ về những ngày Chủ nhật đi chơi cùng vợ và mấy cậu nhóc trên ngọn Floyen. Một nơi tử tế để trưởng thành. Một vài trò đùa tinh nghịch vô hại, một chút lộn xộn, không có các băng đảng tội phạm và không có đũa mười bốn tuổi nào dùng ma túy quá liều. Đồn cảnh sát Bergen. Phải, tốt thật.

“Không!” ông nói.

“Được,” Harry nói. “Tôi không nghĩ vậy.” Anh vò cái cốc giấy và nhắm về phía sọt rác. “Sếp vừa mới nói tăng thêm năm bậc lương à?”

“Và một văn phòng riêng!”

“Ngăn cách tế nhị với các văn phòng khác, tôi hình dung được mà.” Anh ném bằng động tác tay chậm và cân nhắc. “Còn làm thêm giờ?”

“Ở mức lương đó thì không có đâu.”

“Vậy thì tôi sẽ phải mau mau về nhà lúc bốn giờ.” Chiếc cốc giấy rơi trên sàn cách thùng rác nửa mét.

“Tôi tin chắc chuyện đó ổn thôi!” Moller kèm theo vẻ gì đó gần như một nụ cười.

*Vườn thượng uyển.**Ngày 10 tháng Mười một năm 1999.*

Đó là một buổi tối trời trong, lạnh lẽo. Điều đầu tiên khiến lão già chú ý khi bước ra khỏi nhà ga tàu điện ngầm là vẫn còn đầy người trên phố. Lão đã mừng tượng là trung tâm này sẽ gần như vắng hoe, tuy nhiên mấy chiếc taxi ở phố Karl Johans đang vụt qua vụt lại dưới ánh đèn neon, từng đám đông người xuôi ngược trên những vỉa hè. Lão đứng ở vạch đường dành cho khách bộ hành cùng một nhóm thanh niên da ngăm đen đang nói liến thoắng một thứ tiếng khác và chờ hình người xanh lá. Lão đoán rằng chúng là người Pakistan. Hay có lẽ là Ả Rập. Những suy nghĩ của lão bị cắt ngang khi đèn giao thông chuyển màu, lão quả quyết bước qua đường đi lên ngọn đồi về phía mặt tiền được soi sáng của Hoàng cung. Ngay cả ở đây cũng có người, đa phần là thanh niên, đang trên đường đến hoặc đi khỏi một thứ mà Chúa mới biết là cái gì. Lão dừng lại trên đồi nghỉ xả hơi, ngay trước bức tượng Karl Johans ngồi trên lưng ngựa, nhìn mơ màng xuống phía Storting và quyền lực mà ông ta đã cố đưa về Hoàng cung sau lưng mình.

Đã hơn một tuần rồi trời không hề mưa, những chiếc lá khô xào xạc khi lão già rẽ phải giữa đám cây trong khu vườn. Lão ngả người ra sau nhìn kỹ những cành cây trơ trụi in hình trên nền trời đầy sao. Một câu thơ chợt đến với lão:

Cây du và cây dương, cây bu lô và cây sồi,

Tắm áo choàng đen thẫm, nhợt nhạt như thây ma.

Nếu tôi nay không trắng thì hẳn là tốt hơn nhiều, lão nghĩ. Nhưng có trắng cũng giúp lão dễ dàng tìm thấy thứ lão đang tìm: cây sồi lớn nơi lão đã tựa đầu vào cái ngày lão biết cuộc đời mình đang đến hồi kết. Lão đưa mắt nhìn theo thân cây lên đến tận ngọn. Cái cây này có thể bao nhiêu tuổi nhỉ? Hai trăm? Hay ba trăm? Ất cây này đã trưởng thành khi Karl Johans được tuyên bố là vua của Na Uy. Thế nhưng kiếp sống nào rồi cũng chấm hết. Sự sống của lão, sự sống của cây, phải rồi, ngay cả sự sống của đức vua. Lão đứng ra sau cây để không bị ai từ lối đi nhìn thấy và bỏ ba lô xuống. Rồi lão khom xuống, mở ba lô bày ra những thứ bên trong: ba chai dung dịch diệt cỏ glyphosate, được người bán hàng tại tiệm đồ gia dụng ở Kirkeveien gọi là thuốc diệt cỏ Round-Up. Và một ống tiêm cho ngựa có đầu kim bằng thép chắc lão mua ở tiệm thuốc. Lão bảo mình sẽ dùng ống tiêm này vào việc nấu ăn, tiêm chất béo vào thịt, nhưng điều đó là không cần thiết vì anh ta ném sang lão cái nhìn chán ngán, và có lẽ đã quên bằng lão trước khi lão ra khỏi cửa.

Lão già liếc thật nhanh xung quanh trước khi chọc đầu mũi kim thép dài qua nút bần trên một chai, chậm rãi rút pit- tông để thứ chất lỏng óng ả vào đầy ống tiêm. Lão đưa mấy ngón tay lằn mò cho đến khi tìm thấy một kẽ hở trên vỏ cây, rồi cắm kim tiêm vào. Mọi việc không diễn ra dễ dàng như lão hình dung. Lão phải ấn thật mạnh cho ống tiêm xuyên qua lớp gỗ cứng. Nếu lão chỉ tiêm vào lớp ngoài cùng thì sẽ không hiệu quả; lão phải chạm tới được lớp gỗ thịt, bên trong cây, những cơ quan tạo sự sống. Lão ấn ống tiêm mạnh hơn nữa. Cây kim rung lên bần bật. Khốn thật! Lão không được làm gãy nó, lão chỉ có mỗi một cây thôi. Mũi kim tiêm trượt vào trong, nhưng chỉ được vài phân rồi đứng chết gí tại chỗ. Mặc dù thời tiết lạnh cắt da thịt, người lão đang toát mồ hôi. Lão nắm thật chặt ống tiêm, vừa định ấn sâu thêm nữa thì nghe tiếng lá cây lạo xạo đàng lối đi. Lão buông tay khỏi ống tiêm. Tiếng động đến gần hơn. Lão nhắm mắt lại, nín thở. Những bước chân đi sát bên cạnh. Khi mở mắt ra lại lão thoáng thấy hai bóng người đang

khuất sau mây bụi rậm, cạnh trạm gác nhìn ra phố Frederiks. Lão thở hắt ra, lại chú mục vào ống tiêm. Lão quyết tâm liều một phen, rồi hết sức bình sinh lão lại ấn kim tiêm. Đúng lúc lão nghĩ sẽ nghe tiếng mũi kim gãy tách, kim tiêm đã đâm ngập thân cây. Lão già quẹt trán. Việc còn lại quá đơn giản.

Sau mười phút lão đã tiêm xong hai chai hỗn hợp, đang tiêm nốt chai thứ ba thì nghe thấy những giọng nói đến gần. Hai bóng người đi vòng chỗ đám bụi rậm tại trạm gác nên lão cho rằng họ cũng là những người lão đã thấy lúc này.

“Xin chào!” Đó là giọng người đàn ông.

Lão già phản ứng theo bản năng. Lão đứng thẳng người dậy trước cây để đuôi áo choàng của lão che khuất ống tiêm vẫn đang cắm chặt trong thân cây. Giây phút sau, lão bị ánh sáng làm lóa mắt. Lão đưa hai tay lên che mặt.

“Chiếu đèn ra chỗ khác đi Tom.” Một phụ nữ.

Ánh sáng không còn, lão trông thấy một ánh sáng hình nón đang nhảy nhót giữa cái cây trong khu vườn.

Cặp đôi bước đến bên lão và người phụ nữ tuổi mới đầu ba mươi, có những đường nét quyến rũ mặc dù không nổi bật, giơ tấm thẻ trước mặt lão gần đến mức ngay cả dưới ánh trăng mờ lão cũng thấy được ảnh cô ta. Rõ ràng bức hình được chụp khi cô ta trẻ hơn một chút, đang giữ nét mặt nghiêm nghị. Cộng thêm một cái tên. Ellen nào đó.

“Cảnh sát đây,” cô ta nói. “Tôi xin lỗi nếu chúng tôi có làm ông kinh hoàng.”

“Ông đang làm gì ở đây giữa đêm hôm thế này, ông ngoại?” người đàn ông hỏi. Cả hai người đều đang mặc thường phục. Dưới chiếc mũ len đen của anh ta, lão thấy một thanh niên có gương mặt ưa nhìn, đôi mắt xanh lạnh lẽo đang nhìn chằm chằm lại lão.

“Tôi chỉ ra ngoài đi dạo thôi,” lão già đáp, hy vọng sự run rẩy trong giọng nói không lộ ra quá rõ.

“Thế sao?” người tên Tom hỏi. “Đằng sau một cái cây trong công viên,

mặc một chiếc áo choàng dài. Ông biết chúng tôi gọi như thế là gì không?”

“Dừng lại đi, Tom! Một lần nữa, tôi xin lỗi,” người phụ nữ nói, quay về phía lão già. “Vài tiếng trước vừa xảy ra một vụ tấn công trong khu vườn này. Một cậu thanh niên đã bị hành hung. Ông có trông thấy hay nghe thấy gì không?”

“Tôi chỉ vừa mới đến đây!” lão già nói, tập trung vào người phụ nữ nhằm lảng tránh ánh mắt dò xét của gã đàn ông, “Tôi chẳng trông thấy gì cả. Chỉ thấy chòm sao Đại Hùng Tinh và Tiểu Hùng Tinh thôi.” Lão chỉ tay lên trời. “Tôi rất tiếc khi nghe chuyện đó. Thằng bé bị thương có nặng không?”

“Khá nặng. Rất xin lỗi vì đã quấy rầy,” cô mỉm cười. “Chúc ông buổi tối tốt lành.”

Họ bỏ đi. Lão già nhắm mắt lại, lại ngã người dựa thân cây. Giây phút sau hai ve áo lão bị xốc lên, lão cảm thấy hơi thở nóng hổi phả vào tai mình. Sau đó là giọng nói của gã thanh niên.

“Nếu tôi mà bắt quả tang lão làm trò này nữa, tôi sẽ cắt phăng nó đi. Nghe không hả? Tôi căm ghét những kẻ như lão.”

Hai bàn tay buông ve áo lão ra, rồi biến mất.

Lão già sụm xuống, cảm thấy hơi ẩm lạnh ngất từ dưới đất thấm đẫm qua quần áo. Trong đầu lão, một giọng nói cứ ngâm nga đúng vần thơ ấy lặp đi lặp lại.

Cây du và cây dương, cây bulô và cây sồi,

Tấm áo choàng đen thẫm, nhợt nhạt như thây ma.

Tiệm pizza Herbert, Youngstorget.

Ngày 12 tháng Mười một năm 1999.

Sverre Olsen bước vào, gật đầu với mấy gã ngồi ở bàn trong góc, mua một chai bia tại quầy bar và đến bàn ngồi. Không phải cái bàn trong góc mà là bàn của riêng hắn. Đó là bàn của hắn được hơn một năm rồi, kể từ ngày hắn đánh toi tả thẳng mắt hí tại quán Dennis Kebab. Hắn đến sớm và trong chốc lát không có ai ngồi ở đó, nhưng chẳng mấy chốc tiệm bánh pizza nhỏ trên góc đường Torggata và Youngstorget sẽ đông khách. Hôm nay là ngày lãnh tiền trợ cấp. Hắn liếc mắt về mấy thằng ngồi trong góc. Ba trong số lực lượng nòng cốt đang ngồi đó nhưng hắn không nói chuyện với chúng vào lúc này. Chúng thuộc về một đảng mới - Liên minh Quốc gia - và có những bất đồng ý kiến thuộc ý thức hệ giữa chúng, có thể nói như vậy. Hắn biết chúng từ hồi trong đội thiếu niên của đảng Tổ quốc; chúng từng khá là yêu nước, nhưng giờ đây chúng sắp gia nhập tổ chức ly khai.

Roy Kvinset, đầu cạo nhẵn thín, mặc quần jean bó bạc phếch, đi bột và mặc áo thun trắng in logo đảng Liên minh Quốc gia ba màu đỏ, trắng và xanh. Halle là người mới. Hắn đã nhuộm tóc đen và dùng dầu vuốt tóc giữ tóc ép sát. Hàng ria mép - rõ ràng là thứ khiêu khích người ta nhất - một hàng ria mép như bàn chải đánh răng tĩa tốt gọn gàng, một bản sao chính xác râu của Quốc trưởng. Hắn đã ngừng diện quần ống túm và đi ủng; thay vào đó là bộ đồ dã chiến xanh lá. Gregersen là đứa duy nhất có dáng dấp một thanh niên bình thường: áo khoác bo chun, để râu dê và cặp kính râm kéo lên

trán. Không nghi ngờ gì hẳn là thằng thông minh nhất trong bộ ba.

Ánh mắt của Sverre quét căn phòng. Một cặp nam nữ trẻ đang chén bánh pizza. Hẳn chưa từng gặp họ nhưng trông họ không có vẻ là cảnh sát chìm. Cũng không giống phóng viên.

Hay là chúng là người của tạp chí chống phái xít Molilior mới? Mùa đông năm ngoái hẳn đã lật mặt một kẻ của Motilior, một gã với ánh mắt sợ sệt đến đây đôi lần, giá vờ say mềm rồi bắt chuyện với vài khách quen. Sverre đánh hơi thấy có mùi gian trá, và chúng đã kéo gã ra ngoài, vạch áo len của gã ra. Gã có mang theo máy ghi âm. Gã thú nhận rằng mình là người của tờ Monitor khi chúng còn chưa chạm tay vào người gã. Sợ cứng người. Máy gã ở Monitor này rất một phường ngu xuẩn. Thử nghĩ xem trò của bọn này, cái trò tình nguyện theo dõi những phần tử phát xít, là cực kỳ quan trọng và nguy hiểm. Rằng chúng là mật vụ mà tính mạng luôn gặp nguy hiểm. A phải rồi, trong chuyện đó thì có lẽ chúng không khác vài kẻ trong hàng ngũ của chính hẳn là máy, hẳn phải thừa nhận như thế. Dù sao, thằng cha đó đã tin chắc mình sắp bị giết nên sợ đến mức tè ra quần. Nói đúng nghĩa đen. Sverre đã nhìn thấy một vệt đậm đen đang chảy từ ống quần xuống rồi lan qua mặt đường. Đó là cái hẳn nhớ rõ nhất về tối hôm ấy. Dòng nước tiểu nhỏ tí đó lung linh khi tìm tới điểm thấp nhất trong hẻm sâu sáng lờ mờ.

Sverre Olsen quyết định rằng cặp đôi kia chỉ là hai thanh niên đói khát tình cờ đi ngang qua. Tốc độ ăn của họ cho thấy giờ đây họ đã nhận thức được khách trong nhà hàng là những ai chỉ nên muốn ra khỏi đây càng nhanh càng tốt. Ngồi cạnh cửa sổ là một lão già đội mũ và mặc áo choàng cổ có lẽ là một kẻ nát rượu cho dù quần áo lão ta phát đi một thông điệp khác. Nhưng nghĩ kỹ thì, họ thường trông như thế trong ít ngày đầu, sau khi Cứu Tế quân cho họ ăn mặc - những áo khoác và comple dùng rồi nhưng loại tốt và tươm tăt. Khi hẳn đang quan sát, lão già bắt đồ ngẩng đầu lên và gặp ánh mắt hẳn. Lão ta không phải một kẻ nát rượu. Người này có đôi mắt xanh sáng lấp lánh nên Sverre tự động nhìn ra chỗ khác. Sao cái lão khộm này cứ nhìn chằm

chăm thế!

Sverre tập trung vào cốc bia của mình. Đến lúc đi kiểm chút tiền mặt rồi. Để tóc cho dài ra phủ hình xăm trên cổ. Mặc áo sơ mi dài tay vào rồi ra ngoài kia. Có đủ việc để làm. Công việc chết tiệt. Bọn da đen chiếm hết những việc ngon, lương hậu. Lũ gay ẻo lả, lũ ngoại đạo và lũ da đen.

“Tôi có thể ngồi được không?”

Sverre ngược mắt lên. Chính là lão già đó; đang đứng trước mặt hắn. Sverre không để ý thấy lão ta đến gần.

“Đây là bàn của tôi!” Sverre khước từ.

“Tôi chỉ muốn nói chuyện chút thôi!” Lão già đặt một tờ báo lên bàn giữa hai người rồi ngồi xuống chiếc ghế đối diện. Sverre thận trọng nhìn lão.

“Bình tĩnh đi. Tôi là người của anh mà,” lão nói.

“Người của ai?”

“Một trong những người đến đây. Những người theo đảng Quốc xã.”

“Thế sao?”

Sverre liếm môi, đưa cốc bia lên miệng. Lão già ngồi đó, bất động, nhìn hắn. Bình thản, như thể lão ta có cả đồng thời gian trên đời này. Mà có lẽ lão ta có thật. Trông lão ta khoảng bảy mươi tuổi. Ít nhất là thế. Liệu lão ta có thể là một trong những kẻ cực đoan già ở Khu 88 không? Một trong những kẻ hỗ trợ tài chính nhút nhát Sverre đã nghe nói đến nhưng chưa từng gặp?

“Tôi cần anh giúp một việc.” lão già nói thấp giọng.

“Thế sao?” Sverre đáp. Nhưng hắn đã bót thái độ hách dịch ra mặt một tí. Suy cho cùng, ta chẳng bao giờ biết được.

“Súng,” lão già nói.

“Súng làm sao?”

“Tôi cần một khẩu. Anh giúp tôi được không?”

“Tại sao tôi phải giúp ông?”

“Mở tờ báo ra đi. Trang hai mươi tám.”

Sverre kéo tờ báo lại gần, vừa để mắt canh chừng lão già vừa lật trang.

Trên trang hai mươi tám có một bài viết về bọn Quốc xã mới ở Tây Ban Nha. Bên cạnh là bức hình gã Kháng chiến chết tiệt, Even Juul. Cảm ơn nhiều. Bức ảnh đen trắng lớn chụp một thanh niên đang giơ lên bức vẽ tổng tư lệnh Franco, bị tờ một nghìn krone che lấp một phần.

“Nếu anh có thể giúp tôi...” lão già nói.

Sverre nhún vai.

“... thì sẽ có thêm chín nghìn krone nữa!”

“Thế sao?” Sverre uống thêm ngụm bia nữa. Đảo mắt nhìn quanh căn phòng. Đôi trẻ đã rời quán, nhưng Halle, Gregersen và Kvinset vẫn còn ngồi trong góc. Và chẳng bao lâu những kẻ khác sẽ đến, sẽ không thể trò chuyện kín đáo được. Mười nghìn krone.

“Loại súng gì?”

“Một khẩu súng trường.”

“Phải biết sử dụng nó.

Lão già lắc đầu. “Súng trường Marklin.”

“Marklin à? Như trong huấn luyện hiện đại à?” Sverre hỏi.

Một nếp nhăn giãn ra trên khuôn mặt nhăn nheo dưới cái mũ. Lão già lẩm cẩm này hẳn đã cười.

“Nếu anh không thể giúp tôi thì nói luôn đi. Anh cứ giữ một nghìn và chúng ta sẽ không bàn chuyện này nữa. Tôi sẽ đi và chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau nữa.”

Sverre thấy adrenalin tràn qua người trong chốc lát. Đây không phải là chuyện phiếm hăng ngày về riu rạ, súng săn hay lẻ loi một que thuốc nổ. Mà là đô xịn hẳn hoi. Thằng cha này muốn hàng xịn.

Cánh cửa bật mở. Sverre liếc qua vai về phía ông già đang bước vào. Chỉ là một con ma men mặc áo len dài tay Iceland đỏ. Gã có thể là mỗi phiên khi xoáy trộm rượu, còn ngoài ra gã gần như vô hại.

“Để xem tôi có thể làm được gì,” Sverre đáp, chụp lấy tờ một nghìn krone.

Sverre không nhìn thấy chuyện xảy ra tiếp theo. Bàn tay của lão già bở xuống tay hắn như vuốt đại bàng, găm chặt xuống mặt bàn.

“Đó không phải cái tôi yêu cầu.” Giọng nói lạnh giá và khô khốc, như thể một lớp băng.

Sverre cố giật tay ra mà không được. Không thể rút tay ra khỏi nắm tay của một lão già ốm yếu!

“Tôi đã hỏi anh giúp tôi được không, và tôi muốn có câu trả lời. Được hay không. Hiểu chưa hả?”

Sverre cảm nhận được cơn giận của hắn, người bạn và kẻ thù cũ của hắn, đang trôi lên. Tuy nhiên, tạm thời lúc này nó không lấn át được một ý nghĩ khác: mười nghìn krone. Có một người có thể giúp được hắn, một người rất đặc biệt. Giá sẽ không rẻ nhưng hắn có cảm giác lão khom này sẽ không kì kèo về giá cả.

“Tôi... Tôi có thể giúp ông.”

“Khi nào?”

“Ba ngày. Ở đây. Giờ này.”

“Nhảm nhí! Làm sao có được khẩu súng trường như thế trong ba ngày.” Lão già buông tay hắn ra. “Nhưng anh hãy đến chỗ người có thể giúp anh, bảo hắn chạy đến chỗ người có thể giúp hắn, sau đó ba ngày nữa anh gặp tôi ở đây để ta có thể thu xếp thời gian và địa điểm giao hàng.”

Sverre có thể nâng 120 cân trên ghế nâng tạ. Làm thế nào lão già gầy nhẳng này...?

“Anh cho tôi biết có cần phải trả tiền mặt ngay khi giao hàng không. Anh sẽ nhận được số tiền còn lại trong vòng ba ngày.”

“Thế à? Vậy nếu như tôi chỉ lấy tiền thôi?”

“Vậy thì tôi sẽ quay lại và giết chết anh.”

Sverre xoa xoa hai cổ tay. Hắn không hỏi thêm bất kỳ câu nào nữa.

• • •

Một cơn gió lạnh cắt da thổi qua mặt đường ngoài bất điện thoại trên đường Torggata Baths khi Sverre Olsen nhấn phím số với những ngón tay run lập cập. Mẹ kiếp, lạnh thật đấy! Cả hai bên mũi giày của hắn đều thủng lỗ. Ở đầu kia có người nhắc máy nghe.

“A lô?”

Sverre Olsen nuốt khan. Tại sao cái giọng này lúc nào cũng làm hắn thấy bất an?

“Là em. Olsen đây.”

“Nói.”

“Có thằng cần súng. Một khẩu Marklin.”

Không trả lời.

“Như trong huấn luyện hiện đại!” Sverre nói thêm.

“Tao biết Marklin là gì, Olsen.” Giọng nói ở đầu dây bên kia đều đều, lưng chừng; Sverre cảm nhận được sự khinh khi. Mặc dù căm ghét người ở đầu dây nhưng hắn không phản ứng vì hắn còn cảm thấy khiếp sợ nhiều hơn - hắn không xấu hổ khi thừa nhận chuyện đó. Người này có tiếng là nguy hiểm. Chỉ vài người nghe nói về gã, ngay cả trong giới của Sverre, hắn cũng không biết tên thật của gã. Nhưng gã đã nhiều lần cứu Sverre và băng của hắn khỏi tình huống nguy hiểm. Tất cả vì sự nghiệp dĩ nhiên, chứ không phải vì gã có cảm tình gì đặc biệt với Sverre Olsen. Sverre mà biết có ai khác có thể cung cấp cho hắn thứ hắn tìm, hắn đã tìm cách liên lạc với họ rồi.

Giọng nói: “Đứa nào hỏi và chúng cần súng làm gì?”

“Một thằng già nào đó. Em chưa từng gặp lão. Lão nói lão là người của chúng ta. Em cũng không hỏi chính xác cái thứ gã sắp bắn vỡ sọ, ta cứ nói thế đã. Có lẽ chẳng có ai đâu. Có lẽ lão chỉ muốn dùng nó để..!”

“Câm mồm đi, Olsen. Trông lão ấy có giống loại lăm tiền không?”

“Lão ăn mặc đàng hoàng lắm. Lão còn tặng em một nghìn chỉ để cho lão biết rằng em có thể giúp được lão không.”

“Lão ấy cho mày một nghìn để mày câm cái mồm lại, chứ không phải để

trả lời câu hỏi nào cả.”

“Đúng vậy.”

“Thú vị đấy.”

“Ba ngày nữa em sẽ gặp lại lão. Lão muốn biết chúng ta có kiếm được súng không!”

“Chúng ta”

“Vâng, à...”

“Ý mày là tao có kiếm được súng không ấy hả?”

“Dĩ nhiên, nhưng...”

“Lão ấy trả cho mày vụ này bao nhiêu?”

Sverre dừng lại. “Mười nghìn.”

“Tao sẽ làm. Mười. Nếu vụ này thành công. Hiểu chứ?”

“Hiểu rồi”

“Vậy mười nghìn để làm gì?”

“Để em cầm mồm lại.”

Khi bỏ điện thoại xuống, mười đầu ngón chân của Sverre đã không còn cảm giác. Hắn cần mua đôi giày mới. Hắn vẫn đứng nguyên đó, nhìn chăm chú một gói khoai tây chiên lơ lờ bị gió hất tung lên không và giờ đang bay giữa đám xe theo hướng đi Storgata.

*Tiệm pizza Herbert.**Ngày 15 tháng Mười một năm 1999.*

Lão già để mặc cánh cửa kính vào tiệm pizza Herbert đóng lại sau lưng. Lão đứng trên vỉa hè và chờ đợi. Một phụ nữ Pakistan tay đẩy chiếc xe nôi, đầu quấn khăn choàng đi ngang qua. Xe cô phóng vút qua trước mặt, lão còn thấy hình ảnh phản chiếu của mình chập chờn trên cửa kính xe, trong những tấm kính lớn của tiệm pizza sau lưng. Cửa sổ bên trái lối vào có dán một chữ thập lớn màu trắng; trông như thể ai đó đã cố đá vào kính. Hình thù những vết rạn trắng nơi kính trông như mạng nhện. Phía sau lão có thể thấy Sverre Olsen, vẫn ngồi tại bàn họ đã thỏa thuận các chi tiết. Năm tuần. Bến cảng Container. Cầu tàu số 4. 2 giờ sáng. Mật khẩu: Giọng nói thiên thần. Có lẽ là tên một ca khúc pop. Lão chưa bao giờ nghe đến nó, nhưng cái tên này thích hợp. Thật không may, cái giá thì không thích hợp như thế: 750.000 krone Na Uy. Nhưng lão không định thảo luận chuyện đó. Câu hỏi bây giờ chỉ là chúng có giữ đúng thỏa thuận phần chúng không hay chúng sẽ cướp của lão tại cảng Container. Lão đã kêu gọi ý thức trung thành của tên thanh niên Quốc xã mới bằng cách tiết lộ lão đã chiến đấu trên Mặt trận phía Đông, nhưng lão không chắc hẳn có tin lão không. Cũng như không chắc chuyện đó thay đổi được gì. Lão thậm chí còn bịa ra một câu chuyện về nơi mình đã phục vụ phòng trường hợp hấn hỏi han. Nhưng hấn không hỏi gì cả.

Thêm vài chiếc xe nữa chạy qua. Sverre Olsen vẫn ngồi tại chỗ trong quán pizza, nhưng một người khác đã đứng dậy, đang loạng choạng bước ra

cửa vào đúng lúc này. Lão già nhớ ra người này; lần trước gã cũng có mặt ở đây. Và hôm nay gã cứ để mắt đến họ suốt. Cửa mở. Lão chờ. Xe cộ ngừng lại và lão nghe người này dừng bước sau lưng mình. Rồi gã đến bên cạnh.

“Chà, là hấn đấy ư?”

Giọng nói mang đúng cái điệu lè khè đặc biệt chỉ có thể có sau nhiều năm lạm dụng rượu nặng, thuốc lá cộng với thiếu ngủ.

“Tôi có biết ông không?” lão già hỏi mà không quay lại.

“Có, tôi cho là vậy.”

Lão già ngoái đầu lại, dò xét hấn một thoáng rồi quay đi.

“Không thể nói rằng tôi nhận ra ông.”

“Lạy Chúa! Ông không nhận ra đồng đội cũ à?”

“Cuộc chiến nào?”

“Chúng ta đã chiến đấu cho cùng một chính nghĩa, ông và tôi.”

“Nếu ông nói thế. Ông muốn gì?”

“Hả?” gã say hỏi, một tay đưa lên che vành tai. “Tôi đã hỏi là ông muốn gì,” lão già lặp lại, lần này cao giọng hơn. “À, thì muốn cái nọ muốn cái kia. Chẳng có gì bất thường khi tán chuyện với những người quen cũ chứ hả? Đặc biệt là những người quen cũ đã lâu quá ta không gặp. Và đặc biệt là những người mà ta tưởng rằng đã chết.”

Lão già quay người lại.

“Trông tôi giống đã chết chưa?”

Gã mặc chiếc áo len dài tay Iceland màu đỏ nhìn lão chăm chăm, với đôi mắt màu xanh sáng như những viên cẩm thạch màu ngọc bích. Thật không thể đoán được tuổi gã. Bốn mươi hay tám mươi. Nhưng lão già biết chính xác gã say này bao nhiêu tuổi. Nếu lão tập trung, thậm chí lão còn nhớ được cả ngày sinh của gã. Trong chiến tranh họ rất cầu kỳ trong chuyện kỷ niệm ngày sinh nhật.

Gã say tiến gần hơn một bước. “Không, trông ông không giống chết rồi. Ôm yếu thì đúng, nhưng chưa chết.”

Gã chìa ra bàn tay to lớn, cẩu ghét ra. Lão già nhận ra mùi mồ hôi ngòn ngọt, mùi nước tiểu và nôn mửa.

“Chuyện gì thế? Không muốn bắt tay đồng chí cũ à?” Giọng gã nghe như một tiếng nấc hấp hối.

Lão già đưa bàn tay đeo găng siết nhanh bàn tay chìa ra.

“Thế nhé!” lão nói. “Bây giờ chúng ta bắt tay rồi. Nếu ông chẳng còn điều gì thắc mắc nữa, tôi sẽ đi tiếp đường của tôi”

“À, thắc mắc, có chứ.” Gã say lão đảo tới lui khi cố gắng tập trung vào lão già. “Tôi đang thắc mắc một người như ông thì đang làm gì trong cái hang như thế này. Không lạ chút nào khi thắc mắc chuyện đó, đúng không? Lần trước thấy ông ở đây tôi đã nghĩ ‘Hắn chỉ đi lạc thôi’. Nhưng ông ngồi đó nói chuyện với thằng khốn nạn kia, một thằng đi khắp nơi đánh đập người ta bằng gậy bóng chày. Và hôm nay ông cũng ngồi đó..”

“Sao?”

“Tôi đã nghĩ hẳn tôi sẽ phải hỏi một trong số mấy phóng viên thi thoảng vẫn đến đây, ông biết đấy. Họ có biết một người đáng kính như ông đang làm gì với hạng người như thế không. Họ biết mọi thứ đấy, ông biết không. Còn điều gì họ không biết họ sẽ tìm hiểu. Ví dụ làm sao một người mà ai cũng ngỡ rằng đã chết trong chiến tranh sống lại được. Họ tìm kiếm thông tin nhanh như gió ấy. Chẳng hạn thế.”

Gã say thủ búng tróc ngón tay mà không được.

“Và rồi những thông tin lên trang báo, ông biết đấy.”

Lão già thở dài. “Có chuyện gì tôi có thể giúp được ông không?”

“Trông tôi giống cần cái gì lắm à?” Gã say dang rộng hai tay, toét miệng cười khoe cả hàm răng sún.

“Tôi hiểu!” lão già đáp, quan sát tình hình xung quanh. “Cùng đi dạo chút. Tôi không thích có khán giả.”

“Hả?”

“Tôi không thích có khán giả.”

“Không, chúng ta cần gì họ chứ?”

Lão già đặt nhẹ tay lên vai gã say.

“Ta vào trong này đi.”

“Chỉ đường cho tôi đi, đồng chí!” gã say ngâm nga bằng giọng khàn khàn và cười khanh khách.

• • •

Họ đi qua cổng vòm kế tiệm pizza Herbert, nơi một dây thùng rác nhựa có bánh xe, to màu xám đầy tràn rác chắn tầm nhìn ra con phố.

“Ông vẫn chưa nói với bất kỳ ai rằng ông đã gặp tôi đây chứ?”

“Ông có điên không? Mới đầu tôi còn tưởng mình trông gà hóa cuốc. Một hồn ma giữa thanh thiên bạch nhật. Tại tiệm Herbert!” Gã say cất lên một tràng cười, nhưng nó nhanh chóng biến thành một cơn ho khùng khục, đầy nước dãi. Gã cúi gập người tới trước, vịn vào tường cho đến khi cơn ho dịu đi. Rồi gã đứng thẳng người lên, lau khô nước dãi hai bên khóe miệng. “Không, may thật đấy, nếu không họ đã nhốt tôi lại rồi.”

“Ông nghĩ cái giá phù hợp để mua sự im lặng của ông là bao nhiêu?”

“À, một cái giá phù hợp hả, à, phải rồi. Tôi thấy con vượn đó lấy một nghìn krone từ tờ báo của ông...”

“Hả?”

“Một vài tờ như vậy thì sẽ được việc đấy, chắc chắn rồi.”

“Bao nhiêu?”

“Ồ, thế ông có bao nhiêu?”

Lão già thở dài, nhìn quanh một lần nữa cho chắc rằng không có ai chứng kiến. Rồi lão cởi cúc áo choàng, thò tay vào trong.

• • •

Sverre Olsen sai bước băng qua đường Youngstorget, vung vẩy một túi nhựa xanh. Hai mươi phút trước hắn đã ngồi một xu không có, giày thì thủng lỗ trong tiệm Herbert, còn giờ hắn đang bước đi với đôi ủng đã chiến mới tinh, có dây buộc cao, mỗi bên mười hai lỗ xỏ, mua ở cửa hàng Top Secret tại phố Henrik Ibsens. Cộng thêm vào đó là một phong bì vẫn còn đựng tám tờ tiền lớn mới sáng bóng. Và sắp có thêm mười tờ nữa. Thật lạ khi mọi chuyện thay đổi từ phút này qua phút khác. Mùa thu này hắn sắp chịu ngồi tù thụ án ba năm thì luật sư của hắn phát hiện ra bà thẩm phán béo đã đọc lời tuyên thệ không đúng chỗ.

Sverre đang trong tâm trạng vui đến mức hắn nghĩ rằng nên mời Halle, Gregersen và Kvinset qua bàn mình. Thết chúng một châu. Xem chúng phản ứng thế nào. Phải, chắc chắn hắn sẽ làm thế.

Hắn băng qua phố Ploens trước mặt một phụ nữ Pakistan đang đẩy xe nôi. Hắn mỉm cười với cô ta chỉ vì muốn đùa một chút. Trên đường đến cửa hàng Herbert, hắn tự nhủ xách túi nhựa có đôi giày bỏ đi này đi quanh thật chẳng ra gì. Hắn đi qua mái vòm, nhắc nắp một thùng rác có bánh xe lên quãng luôn cái túi nhựa vào đấy. Khi quay ra hắn chợt chú ý đến đôi chân đang thò ra giữa hai thùng rác nằm xa hơn ở phía sau. Hắn nhìn quanh. Trên phố không một bóng người. Trong ngõ cũng chẳng có ai. Cái gì thế nhỉ? Một con ma men? Một thằng nghiện? Hắn đến gần hơn. Nơi hai cái chân thò ra, mấy thùng rác bị đẩy dồn lại với nhau. Hắn cảm thấy mạch mình đập dồn dập. Bọn nghiện rất khó chịu khi ta quấy rầy chúng. Sverre bước lùi lại đá một thùng rác sang bên.

“Ôi, chết tiệt.”

Thật lạ lùng khi mà Sverre Olsen, kẻ đã suýt chính tay giết người, lại chưa bao giờ trông thấy người chết. Và cũng lạ lùng không kém, xác chết khiến đôi chân hắn khụy xuống. Người đàn ông đang ngồi dựa tường, hai mắt nhìn trừng trừng đi hai hướng đã chết hẳn rồi. Nguyên nhân cái chết là rõ ràng. Vết thương há miệng đỏ lôm trên cổ cho thấy họng gã bị cứa. Cho

dù lúc này máu chỉ chảy nhỏ giọt nơi mà rõ ràng ban đầu máu đã phun ra xối xả, bởi chiếc áo len dài tay Iceland màu đỏ của gã đầm ướt và nhớp nháp. Mùi hôi thối của rác thải và nước tiểu nồng nặc, rồi Sverre cảm thấy vị đắng của dịch mật trước khi hai cốc bia và miếng pizza trào lên miệng. Tiếp theo, hắn dựa người vào mấy thùng rác nôn thốc nôn tháo xuống mặt đường. Hai mũi giày mới của hắn vàng khè chất nôn, nhưng hắn không nhận thấy. Hắn chỉ để mắt tới dòng chất lỏng màu đỏ mỏng manh loang loáng trong bóng tối khi tìm tới điểm thấp nhất ở ngõ sau.

*Leningrad.**Ngày 17 tháng Một năm 1944.*

Một chiếc chiến đấu cơ YAK 1 của Nga đang lượn âm âm trên đầu Edvard Mosken khi anh chạy dọc chiến hào, người cúi gập.

Nói chung, các chiến đấu cơ không gây ra nhiều thiệt hại. Quân Nga dường như đã dùng hết bom. Tin mới nhất anh nghe được là chúng đã trang bị lựu đạn cho phi công và bọn chúng đang cố rớt xuống chiến hào khi bay trên đầu.

Edvard đã đến Quân khu Bắc để lấy thư từ cho anh em và biết tin tức mới. Cả mùa thu đã biến thành một chuỗi dài những báo cáo gây chán nản về những tổn thất rồi rút lui trên khắp Mặt trận phía Đông. Quân Nga đã chiếm lại được Kiev vào tháng Mười một, trong tháng Mười quân Đức suýt bị bao vây ở phía Bắc Biển Đen. Tình hình không dễ chịu hơn chút nào khi Hitler lại điều quân đến Mặt trận phía Tây. Nhưng điều đáng lo ngại nhất là những gì Edvard nghe được hôm nay. Hai ngày trước, trung tướng Gusev đã mở đợt tấn công ác liệt từ Oranienbaum trên bờ Nam vịnh Phần Lan. Edvard còn nhớ Oranienbaum vì đó là khu vực nhỏ bị địch chiếm họ đã đi qua trên đường hành quân đến Leningrad. Họ đã để quân Nga chiếm giữ nó vì cây cầu không có tầm quan trọng chiến lược. Bây giờ các chàng Ivan đã xoay xở bí mật tập trung toàn bộ lực lượng xung quanh pháo đài Kronstadt, và theo các báo cáo thì những khẩu đại bác Katusha đang không ngừng oanh kích các vị trí của quân Đức. Những rừng cây vân sam từng rậm rạp bị đốn trụi

làm củi. Đúng là họ nghe thấy tiếng nhạc từ pháo binh của Stalin xa xa đã vài đêm rồi, nhưng chẳng ai nghĩ được tình hình lại tồi tệ đến thế.

Nhân chuyến đi này, Edvard tranh thủ đến bệnh viện dã chiến thăm một anh em bị mất một chân trên bãi mìn trong vùng trung lập. Nhưng cô y tá, một phụ nữ Estonia nhỏ nhắn có đôi mắt đờ đẫn trong hai hốc mắt xanh đen đến mức như thể đeo mặt nạ, chỉ biết lắc đầu và nói một từ tiếng Đức mà có lẽ cô thực hành nhiều nhất: “Tot(*).”

Chắc là trông Edvard có vẻ tủi thân đến nỗi cô ta cố gắng làm anh vui lên bằng cách trở về cái giường hình như có một người Na Uy khác đang nằm.

“Leben(*),” cô nói mà mỉm cười. Nhưng đôi mắt cô vẫn đờ đẫn như thế.

Edvard không biết người đang ngủ trên giường, nhưng khi anh thoáng thấy tấm áo khoác da trắng bóng lộn máng trên ghế, anh biết đó là ai: chỉ huy đại đội, chính là Lindig, từ Trung đoàn Na Uy, Một huyền thoại. Và giờ thì ông ấy ở đây. Anh đã quyết định sẽ tránh cho anh em khỏi phải nghe tin này.

• • •

Thêm một chiến đấu cơ nữa gầm rú trên đầu họ. Cả lũ máy bay bất thần này từ đâu ra vậy? Năm ngoái hình như những chàng Ivan chẳng còn chiếc nào cơ mà.

Anh rẽ vào góc thì trông thấy Hallgrim Dale đứng lom khom quay lưng về phía anh.

“Dale!”

Dale không nhúc nhích. Sau khi một quả đạn pháo khiến cậu ta bất tỉnh nhân sự tháng Mười một năm ngoái, Dale không còn nghe được rõ nữa. Cậu ta cũng không nói nhiều nữa, với đôi mắt đờ đẫn, nhút nhát mà những người bị chấn thương vì đạn pháo thường có. Ban đầu thì Dale kêu ca nhức đầu, nhưng người hộ lý chăm sóc cho cậu ta nói rằng họ chẳng làm được gì nhiều nữa; rằng họ chỉ còn biết chờ xem cậu ta có phục hồi không. Binh sĩ chiến

đầu đã thiếu hụt trầm trọng rồi, không cần đưa thêm người khỏe mạnh đến bệnh viện dã chiến nữa.

Edvard khoác vai Dale. Nhưng Dale xoay vọt lại thành linh và mạnh đến nỗi khiến Edvard mất thăng bằng trên mặt băng đã trở nên ẩm ướt, trơn trượt dưới ánh nắng. *Ít nhất thì mùa đông này cũng dễ dãi*, Edvard nghĩ, và anh đã phải phá lên cười khi nằm ngửa trên băng, nhưng tiếng cười vụt tắt khi anh nhìn thấy nòng súng trường của Dale.

“Pass w ort!” Dale hét lên. Bên trên ống ngắm súng trường Edvard trông thấy một con mắt trợn trừng.

“Này, là tôi đây mà, Dale.”

“Xoay súng ra chỗ khác đi! Là tôi Edvard đây, vì Chúa!”

“Pass w ort!

“Gluthaufen(*).”

Edvard càng lúc càng hốt hoảng khi thấy ngón tay Dale co lại quanh cò súng. Cậu ta không nghe được à?

“Gluthaufen!” anh hét lên hết sức bình sinh. “Vì Chúa, Gluthaufen.”

“Falsch! Ich schieBe!(*).”

Lạy Chúa, gã này hóa điên rồi! Bỗng Edvard chợt nhớ rằng họ đã đổi mặt khẩu súng hôm ấy. Sau đó anh đã đến Quân khu Bắc. Ngón tay Dale siết mạnh thêm lên cò súng, nhưng không tiến thêm nữa. Bên trên mắt của cậu ta có một nếp nhăn lạ lùng. Rồi cậu ta nhả chốt an toàn và lại lên cò. Chuyện này sẽ kết thúc như thế này ư? Sau tất cả những gì anh đã qua khỏi, anh sẽ chết bởi viên đạn bắn ra từ nòng súng một người đồng hương bị sóc đạn pháo? Edvard nhìn chăm chăm vào họng súng đen ngòm và chờ nó khạc đạn. Liệu anh có thật sự thấy nó không? Lạy Chúa. Anh đưa ánh mắt qua khẩu súng trường lên bầu trời xanh trên đầu họ và thấy một chữ thập đen in trên nền trời, một chiến đấu cơ của Nga. Nó ở quá cao họ không nghe thấy. Rồi anh nhắm mắt lại.

“Engelstimme” ai đó sát bên cạnh hét lên.

Edvard mở bừng mắt thì thấy Dale chớp chớp mắt sau ống ngắm. Đó là Gudbrand. Gã ghé đầu sát đầu Dale và hét vào tai cậu ta.

“Engelstimme!(*)”

Dale hạ súng trường xuống, cười toét với Edvard và gật đầu. “Etigelstimme!” cậu ta lặp lại.

Edvard nhắm mắt lại lần nữa, thở hắt ra.

“Có lá thư nào không?” Gudbrand hỏi.

Edvard gắng gượng đứng lên, trao xấp thư cho Gudbrand. Dale vẫn giữ nụ cười toét trên môi, và cả đôi mắt vô hồn ấy. Edvard chụp nòng súng của Dale và nghiêm mặt lại.

“Ở nhà cậu còn ai không, Dale?”

Anh đã định nói câu này bằng giọng bình thường, nhưng tất cả những gì bật ra chỉ là tiếng thều thào khàn khàn, cộc lốc.

“Nó chẳng nghe được cái gì đâu!” Gudbrand nói, lật lật xấp thư. “Tôi đã không nhận ra nó bị nặng thế này!”. Edvard nói, vẫy vẫy bàn tay trước mặt Dale.

“Lẽ ra cậu ta không nên ở đây. Có một lá thư từ gia đình cậu ta này. Cho cậu ta xem đi, rồi anh sẽ hiểu ý tôi.”

Edvard cầm lấy bức thư và giơ lên trước mặt Dale, nhưng cậu ta chẳng phản ứng gì ngoài một nụ cười thoáng qua. Thế rồi cậu ta lại há hốc nhìn vào vô tận, hay bất kỳ cái gì ngoài kia thu hút ánh mắt của cậu ta.

“Cậu nói đúng!” anh đáp. “Cậu ta bị nặng lắm rồi.”

Gudbrand trao một lá thư cho Edvard. “Tình hình ở nhà thế nào?” gã hỏi.

“À, cậu biết đấy...” Edvard nói, nhìn chăm chăm lá thư.

Gudbrand không biết, vì gã với Edvard đã không nói chuyện nhiều với nhau từ mùa đông năm ngoái. Chuyện này thật lạ nhưng ngay cả ở đây, trong hoàn cảnh này, hai con người có thể dễ dàng xoay sở tránh mặt nhau nếu họ muốn. Không phải Gudbrand không ưa gì Edvard; trái lại, gã tôn trọng người đàn ông vùng Mjodal mà gã cho là một người thông minh, một người lính

dũng cảm và luôn hỗ trợ các chàng tân binh non trẻ trong tiểu đội. Hồi mùa thu Edvard đã được thăng chức lên *Scharführer*, tương đương với cấp bậc trung sĩ trong quân đội Na Uy, nhưng các trách nhiệm của anh vẫn vậy. Edvard đùa rằng anh ta được thăng chức vì những người khác ngòm cả rồi, thế nên họ còn thừa lại cả đồng mũ trung sĩ.

Gudbrand thường xuyên nghĩ rằng trong những hoàn cảnh khác, hai người họ đã có thể trở thành những người bạn tốt. Tuy nhiên, các sự kiện trong mùa đông năm ngoái ở vụ Sindre đào ngũ và sự tái xuất bí ẩn cái xác của Daniel - vẫn còn là vấn đề giữa hai người.

Một tiếng nổ âm xa xa phá tan sự im lặng, theo sau là một tràng súng máy.

“Đối phương đang củng cố,” Gudbrand nói, nghe như một câu hỏi hơn là phát biểu.

“Phải!” Edvard đáp. “Vì cái thời tiết âm chó chết này. Các xe tải cung cấp quân nhu của ta đang mắc kẹt trong bùn.”

“Ta sẽ phải rút lui chứ?”

Edvard khom vai lại. “Có lẽ một vài cây số thôi. Nhưng chúng ta sẽ quay lại.”

Gudbrand đưa tay lên che mắt và nhìn về phía Nam. Gã chẳng mong gì quay lại. Gã muốn trở về nhà xem ở nơi ấy còn đời sống cho gã không.

“Anh có thấy tám biển chỉ đường Na Uy ở ngã tư ngoài bệnh viện đã chiến không, cái biển có biểu tượng mặt trời ấy?” gã hỏi. “Có một mũi tên chỉ xuống đường về phía Đông, ghi là: Leningrad năm cây số?”

Edvard gật đầu.

“Anh có nhớ trên mũi tên chỉ về phía Tây ghi gì không?”

“Oslo,” Edvard đáp. “2.611 cây số.”

“Một chặng đường dài đây.”

“Phải, một chặng đường dài.”

Dale đã cho phép Edvard giữ khẩu súng trường rồi ngồi giữa đất, vùi hai

bàn tay trong đám tuyết trước mặt. Đầu cậu ta gục xuống như cọng cỏ công anh gãy giữa đôi vai hẹp. Họ nghe thấy một tiếng nổ nữa, lần này gần hơn.

“Cảm ơn rất nhiều vì...”

“Có gì đâu!” Gudbrand nói nhanh.

“Tôi đã thấy Olaf Lindvig trong bệnh viện!” Edvard nói. Anh không hiểu tại sao lại nói chuyện đó. Có thể vì Gudbrand là người duy nhất trong tiểu đội này, ngoài Dale, đã từng ở đó lâu như anh.

“Ông ấy có...?”

“Thương tích nhẹ thôi, tôi tin là thế. Tôi đã trông thấy bộ quân phục trắng của ông ấy.”

“Tôi nghe nói ông ấy là một người tốt.”

“Phải, chúng ta có rất nhiều người tốt.”

Họ đứng đối mặt nhau im lặng.

Edvard húng hắng ho, thọc tay vào túi. “Tôi có vài điều thuốc lá Nga từ Quân khu Bắc. Nếu cậu có lửa...”

Gudbrand gạt đầu, cởi cúc áo khoác nguy trang, tìm được hộp diêm và quẹt một que vào lớp giấy nhám. Khi gã ngược nhìn lên, điều đầu tiên gã thấy là con mắt duy nhất của Edvard trợn trừng. Nó đang nhìn qua vai gã. Thế rồi gã nghe thấy một tiếng rít.

“Nằm xuống!” Edvard hét lên inh tai.

Giây phút sau họ đang nằm trên lớp băng, bầu trời trên đầu họ nổ tung với âm thanh xé toạc. Gudbrand thoáng thấy cánh đuôi lái một chiến đấu cơ của Nga đang bay thấp trên chiến hào đến mức tuyết tung lên từ mặt đất bên dưới. Rồi chúng bay đi và tất cả trở lại yên tĩnh.

“À, tôi...” Gudbrand thì thầm.

“Lạy Chúa tôi!” Edvard rên rỉ, trở người sang và mỉm cười với Gudbrand.

“Tôi thấy thằng phi công. Hấn kéo cửa kính xuống và vươn người ra khỏi khoang lái. Máy thằng Ivan này chắc điên hết rồi.” Anh vừa thở hỏn hển vừa cười. “Cái này đang thành đúng kiểu ngày xưa, đúng rồi.”

Gudbrand nhìn chăm chăm que diêm gãy gã vẫn cầm trong tay. Rồi gã cũng bật cười.

“Ha, ha,” Dale cũng cười, nhìn hai người từ chỗ cậu ta đang ngồi trên tuyết một bên chiến hào. “He, he.”

Gudbrand bắt gặp ánh mắt Edvard và cả hai cũng ồ lên cười. Họ cười đến mức phải thở hồng hộc, và mới đầu họ không nghe thấy một âm thanh khác lạ, đến mỗi lúc một gần hơn.

Keng... Keng...

Nghe như tiếng ai đẩy đang kiên nhẫn dùng cuốc gõ xuống mặt băng.

Keng...

Tiếp theo là tiếng kim loại va vào nhau. Gudbrand với Edvard quay lại thì thấy Dale từ từ đổ vật xuống tuyết.

“Chuyện quái gì...,” Gudbrand mở miệng.

“Lựu đạn!” Edvard thét lên.

Gudbrand theo bản năng phản ứng lại tiếng thét của Edvard và cuộn người, nhưng khi nằm đó gã thoáng thấy cái chết đang quay vòng vòng cách gã một mét. Một đầu có gắn miếng kim loại. Gã cảm thấy cơ thể mình đang đóng băng khi nhận ra chuyện gì sắp diễn ra.

“Tránh đi!” Edvard thét lên sau lưng gã.

Thế là đúng rồi, quả là bọn phi công Nga ném lựu đạn cầm tay từ máy bay xuống. Gudbrand đang nằm ngửa cố gắng lùi ra xa, nhưng hai cánh tay và hai chân gã trượt trên lớp băng ướt.

“Gudbrand!”

Âm thanh lạ lùng đó là tiếng trái lựu đạn cầm tay nảy tung tung qua lớp băng xuống đáy chiến hào. Chắc là nó đã rơi xuống trúng mũ sắt của Dale!

“Gudbrand!”

Trái lựu đạn vẫn cứ quay vòng vòng, nảy tung, Gudbrand không thể rời mắt khỏi nó. Từ lúc tháo ngòi cho đến lúc nổ là bốn giây, chẳng phải họ đã được dạy như thế ở Sennheim hay sao? Lựu đạn của Nga có thể khác. Có thể

là sáu? Hay là tám? Trái lựu đạn vẫn quay vù vù, giống những con quay to màu đỏ bố đã làm cho gã ở Brooklyn. Gudbrand thường cho nó quay, còn Sonny và cậu em nhỏ của gã đứng nhìn và đếm xem nó quay được bao nhiêu vòng. “Hai mươi một, hai mươi hai...” Mẹ gọi từ cửa sổ lầu hai nói rằng bữa tối đã sẵn sàng rồi. Gã phải vào trong nhà; bố sẽ về bây giờ. “Chỉ một phút thôi ạ,” gã kêu lên với bà, “con quay vẫn đang quay!” Nhưng bà không nghe thấy; bà đã khép cửa sổ rồi. Edvard không còn hét lên nữa; và xung quanh chợt im bật.

Phòng mạch bác sĩ Buer.

Ngày 22 tháng Mười hai năm 1999.

Lão già nhìn đồng hồ đeo tay. Lão đã ngồi trong phòng khách được mười lăm phút rồi. Lão chưa bao giờ phải chờ đợi trong ngày làm việc của Konrad Buer. Konrad không tiếp nhiều bệnh nhân hơn anh ta có thể tiếp theo lịch của mình.

Một người đàn ông đang ngồi ở đầu kia phòng. Da đen, gốc Phi. Gã đang lật xem một tờ tuần san. Lão già khẳng định rằng ngay cả ở khoảng cách này lão vẫn đọc được rõ từng chữ trên trang bìa. Điều gì đó về gia đình hoàng tộc. Có phải gã người Phi đang ngồi đọc tin đó không? Một bài viết về gia đình hoàng tộc Na Uy à? Ý đó thật là vô lý.

Gã người Phi lật trang. Gã có kiểu ria mép quặp xuống hai bên, giống hệt tên đưa tin mà lão già đã gặp đêm hôm qua. Đó là một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi. Tay đưa tin đến cảng Container trong chiếc Volvo, có lẽ là xe thuê. Hắn chạy xe lại, hạ cửa kính xe xuống tạo tiếng kêu ro ro, và nói ra một khẩu: *Giọng nói thiên thần*. Hàng ria của hắn cũng giống hệt thế này. Cộng thêm đôi mắt u buồn. Hắn nói ngay rằng mình không mang theo súng trong xe vì những lý do an toàn, nhưng họ sẽ đến một nơi hắn cất súng. Lão già ngần ngừ. Rồi lão nghĩ rằng nếu chúng đã muốn cướp của lão, hẳn chúng đã làm thế ở bến cảng Container. Thế nên lão vào xe và chẳng ngờ đâu họ lại đến khách sạn Radisson SAS, trên đường Holbergs Plass. Lão thấy Betty Andresen đằng sau quầy khi họ đi ngang qua quầy lễ tân, nhưng cô không

nhìn về phía họ.

Tên đưa tin vừa đếm tiền trong va li vừa lảm nhảm những con số bằng tiếng Đức. Lão già bèn hỏi han hẩn. Tên đưa tin nói rằng bố mẹ hẩn là dân vùng nào đó ở Elsass. Nghe vậy lão già chợt nảy ra một ý, nói rằng mình đã từng đến đó, ở Sennheim.

Một con bốc đồng.

Sau đó lão đã đọc rất nhiều về khẩu súng trường Marklin trên Internet tại thư viện trường đại học, bản thân vũ khí đó đã là một sự tụt dốc. Trông nó giống một khẩu súng săn loại thường, có điều to hơn một chút. Tên đưa tin chỉ cho lão cách tháo lắp nó; hẩn ta gọi lão là “ông Uriah.” Sau đó lão già cất khẩu súng đã tháo rời vào một túi khoác vai lớn rồi đi thang máy xuống quây lễ tân. Lão đã thoáng tính chuyện đến nhờ Betty Andresen gọi taxi cho lão. Một con bốc đồng khác.

“Chào ông!”

Lão già ngược mắt lên. “Tôi nghĩ chúng tôi sẽ phải kiểm tra cả thánh giá cho ông nữa đây.”

Bác sĩ Buer đứng ở ngưỡng cửa cố nhoẻn cười vui vẻ. Anh ta dẫn lão vào phòng khám. Những bông mắt của tay bác sĩ đã to hơn.

“Tôi gọi tên ông ba lần rồi!”

Mình quên tên mình rồi, lão già ngẫm nghĩ. Mình quên hết tên mình rồi.

Theo bàn tay bác sĩ diu thì lão già suy ra mình có tin xấu.

“À, tôi đã có kết quả xét nghiệm các mẫu chúng tôi đã lấy!” anh ta nói, rất nhanh, trước khi ngồi xuống ghế. Để thông báo cái tin xấu này cho xong càng nhanh càng tốt. “Và tôi e rằng nó đã di căn.”

“Dĩ nhiên là nó di căn rồi,” lão già đáp. “Chẳng phải các tế bào ung thư toàn thế sao? Di căn ấy?”

“Ha ha. Vâng, đúng vậy.” Bác sĩ Buer phủi một vết bụi vô hình trên mặt bàn.

“Ung thư giống như chúng ta,” lão già nói. “Nó chỉ làm việc nó phải làm

thôi.”

“Vâng!” bác sĩ Buer đáp. Trông anh ta có vẻ thoải mái gượng gạo, trong dáng ngồi xuôi xị trên ghế.

“Giống như anh thôi, bác sĩ. Anh chỉ làm những gì cần phải làm.”

“Ông nói đúng, rất đúng,” bác sĩ Buer mỉm cười, đeo kính lên. “Chúng tôi vẫn đang cân nhắc dùng hóa trị. Nó sẽ làm ông yếu đi, nhưng nó có thể kéo dài... à...”

“Mạng sống của tôi à?”

“Vâng.

“Tôi còn bao nhiêu thời gian nữa nếu không dùng hóa trị?”

Yết hầu của Buer chạy lên chạy xuống. “Ít hơn chúng ta dự liệu ban đầu một chút.”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là ung thư đã di căn từ gan theo đường máu tới.”

“Vì Chúa, anh chỉ việc nói tôi còn bao lâu nữa?”

Bác sĩ Buer ngậy ra.

“Anh ghét công việc này, đúng không?” ông già nói.

“Ông nói gì cơ?”

“Không có gì. Làm ơn, cho tôi một cái ngày.”

“Thật là không thể...”

Bác sĩ Buer giật thót trên ghế khi nắm đấm của lão già giáng xuống bàn mạnh đến nỗi ông nghe điện thoại văng khỏi giá. Anh ta há miệng định nói gì đó, nhưng rồi ngưng bật khi trông thấy ngón trỏ run run của lão già. Rồi anh ta thở dài, bỏ kính xuống, bàn tay mệt mỏi vuốt mặt.

“Mùa hè năm nay. Tháng Sáu, có lẽ là sớm hơn. Chậm nhất là tháng Tám.”

“Tuyệt,” lão già đáp. “Vậy là đủ. Có đau đớn không?”

“Ông cứ đến bất cứ lúc nào. Ông sẽ được phát thuốc.”

“Liệu tôi còn khả năng hoạt động không?”

“Khó nói lắm. Còn phụ thuộc vào những cơn đau.”

“Tôi cần có thuốc để hoạt động được. Điều này quan trọng lắm. Anh có hiểu không?”

“Tất cả các loại thuốc giảm đau...”

“Tôi chịu đau đớn giời lắm. Đơn giản là tôi cần một thứ giúp tôi tỉnh táo để có thể suy nghĩ và hành động chính xác.”

Giáng sinh vui vẻ. Đó là điều cuối cùng bác sĩ Buer nói. Lão già đứng trên mấy bậc thềm. Ban đầu lão không hiểu tại sao thành phố lại đông người đến thế, nhưng khi lão được nhắc về một kỳ nghỉ lễ mang tính tôn giáo sắp đến thì lão trông thấy nổi hốt hoảng trong mắt những người đang lướt nhanh dọc các vỉa hè tìm mua quà Giáng sinh vào phút chót. Vài người mua hàng đứng túm tụm quanh một ban nhạc pop đang chơi ở Egerstorget. Một người đàn ông mặc bộ đồng phục Cứu Tế quân cầm thùng lạc quyên đi quanh. Một thằng nghiện giậm chân xuống tuyết, đôi mắt hấn đảo liên hồi như những ngọn nến bằng mỡ bò stearin sắp tắt. Hai con bé tuổi teen, khoác tay nhau đi qua lão, má đỏ hồng, nóng lòng kể những chuyện về bọn con trai, và những kỳ vọng của chúng về cuộc sống mới sắp đến. Và những ngọn nến. Cửa sổ chết tiệt nào cũng có nến. Lão ngẩng mặt lên bầu trời Oslo; một vòm ánh sáng vàng ấm áp phản chiếu từ thành phố. Ôi lạy Chúa, lão mong mỗi nàng làm sao. *Giáng sinh sang năm, lão nghĩ. Giáng sinh sang năm chúng ta sẽ kỷ niệm cùng nhau, em yêu nhé.*

PHẦN 3

URIAH

Bệnh viện Rudoli II, Vienna.

Ngày 7 tháng Sáu năm 1944.

Helena Lang bước thoăn thoắt, đẩy xe đến buồng bệnh số 4. Các cửa sổ đều mở. Cô hít vào đầy hai lá phổi và đầu mũi cỏ mới cắt tươi mát. Ngày hôm nay không có mùi chết chóc và tàn phá. Đã một năm kể từ khi Vienna bị đánh bom lần đầu tiên. Trong những tuần gần đây, khi thời tiết quang đấng, đêm nào họ cũng bị ném bom. Dù cho bệnh viện Rudoli II vốn nằm cách trung tâm thành phố vài cây số, vươn cao khỏi cuộc chiến trong cánh rừng Vienna xanh mượt, mùi khói nồng nặc từ các đám cháy trong thành phố vẫn bao trùm lên những mùi hương mùa hè.

Helena rẽ vào một góc hành lang và mỉm cười với bác sĩ Brockhard, anh ta như muốn dừng lại nói chuyện, nhưng rồi lại tắt tả đi. Brockhard với đôi mắt nghiêm khắc, nhìn chăm chăm sau cặp kính, lúc nào cũng khiến cô căng thẳng và lúng túng khi họ mặt đối mặt. Đôi khi cô có cảm tưởng rằng những cuộc gặp gỡ trong hành lang này không phải tình cờ. Mẹ cô hẳn sẽ gặp rắc rối hô hấp ngay nếu thấy cách Helena lảng tránh một bác sĩ trẻ hứa hẹn như thế, nhất là vì Brockhard xuất thân từ một gia đình Vienna đặc biệt xuất chúng. Tuy nhiên, Helena không ưa cả Brockhard lẫn gia đình anh ta, không thích cách mẹ cô cố dùng cô như tấm vé để về lại tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Mẹ cô đổ lỗi cho chiến tranh về mọi chuyện xảy ra. Bà oán trách chiến tranh đã khiến bố của Helena, ông Henrik Lang, bị mất những người Do Thái cho vay tiền quá đọt ngọt, nên không có khả năng thanh toán cho

các chủ nợ như đã hẹn. Hệ quả của cuộc khủng hoảng tài chính đã khiến ông phải ứng biến bằng cách ép các chủ ngân hàng Do Thái chuyển nhượng các cổ phần trái phiếu của họ, vốn đã bị nhà nước Áo tịch thu, cho gia đình Lang. Và bây giờ Henrik Lang đang ngồi tù do đồng lõa với các kẻ thù Do Thái của nhà nước.

Không như mẹ, Helena nhớ bố nhiều hơn nhớ địa vị xã hội mà gia đình cô từng được hưởng. Chẳng hạn, cô không nhớ những bữa tiệc, những cuộc trò chuyện thú vị mới lớn nông cạn và những nỗ lực liên tục gả cô cho một trong những chàng nhóc nhà giàu hư đốn.

Cô nhìn đồng hồ đeo tay và chạy hồi hải. Một chú chim nhỏ rõ ràng đã bay vào qua một cửa sổ mở và giờ đang tản nhiên đậu trên một ngọn đèn hình cầu thòng xuống từ trần nhà cao mà hót líu lo. Có những ngày Helena không thể hiểu nổi rằng có một cuộc chiến tranh đang diễn ra ác liệt ngoài kia. Có lẽ đó là do cánh rừng, những hàng cây vân sam san sát, che hết đi những gì họ không muốn thấy. Nhưng nếu ta bước vào buồng bệnh, ta sẽ sớm biết rằng hòa bình chỉ là ảo tưởng. Những thương binh với cơ thể bị cưa cắt và linh hồn rách nát mang theo chiến tranh về nhà. Mới đầu, cô lắng nghe những câu chuyện của họ, gần như tin chắc rằng bằng sức mạnh ý chí và niềm tin của mình, cô có thể đưa họ ra khỏi nỗi đau. Thế nhưng tất cả bọn họ dường như chỉ kể cùng một câu chuyện ác mộng về con người có thể và phải chịu đựng nhiều đến thế nào trên đời, và về chuyện mất phẩm giá khi chỉ đơn giản là muốn sống. Chỉ có chết mới được nguyên vẹn. Thế nên Helena không lắng nghe nữa. Cô giả vờ lắng nghe khi thay băng, kiểm tra thân nhiệt, phát thuốc hoặc đồ ăn. Và khi họ đã ngủ say, cô cố gắng không nhìn họ, bởi ngay cả lúc đó khuôn mặt của họ vẫn tiếp tục kể những câu chuyện. Cô đọc thấy nỗi đau đốn trên những gương mặt còn trẻ măng, nhợt nhạt, sự tàn khốc trên những khuôn mặt chai sạn, nhắm nghiền, và một mong mỏi được chết nơi những vẻ mặt méo mó vì đốn đau của một người vừa biết rằng mình sẽ bị cắt bỏ bàn chân.

Tuy nhiên, hôm nay cô bước vào đây bằng những bước chân nhanh nhẹn, nhẹ nhàng. Có lẽ vì mùa hè. Có lẽ vì sáng nay một bác sĩ đã nói với cô rằng trông cô thật xinh đẹp biết bao. Hay có lẽ vì bệnh nhân người Na Uy trong buồng bệnh số 4 sắp nói *Guten Morgen*(*) bằng thứ tiếng Đức buồn cười.

Rồi anh sẽ ăn bữa sáng trong khi nấn ná nhìn cô khi cô đi hết giường này sang giường khác, chăm sóc những bệnh nhân khác, nói vài lời khích lệ với từng người. Cứ chăm sóc được năm sáu giường cô lại liếc mắt nhìn anh. Và nếu anh mỉm cười với cô, cô sẽ nhanh chóng mỉm cười lại rồi tiếp tục làm việc như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Chẳng có gì. Nhưng nó lại là tất cả.

Giờ đây chính những khoảnh khắc ngắn ngủi này giúp cô qua được tháng ngày; nó cho phép cô cười khi đại úy Hadler bị bóng nặng nằm giường cạnh cửa ra vào hỏi đùa rằng liệu họ có sớm trả dương vật từ Mặt trận phía Đông về cho anh ta hay không.

Cô đẩy mở cánh cửa vào buồng bệnh số 4. Ánh nắng tràn vào phòng khiến mọi thứ có màu trắng sáng lên - những bức tường, trần nhà, ga giường. Khi ta lên thiên đường, chắc hẳn mọi thứ cũng như thế này, cô nghĩ.

“Guten Morgen, Helena.”

Cô mỉm cười với anh. Anh đang ngồi trên chiếc ghế cạnh giường, đọc một cuốn sách.

“Anh ngủ ngon không, Uriah?” cô vui vẻ hỏi anh.

“Như gấu ấy,” anh đáp.

“Gấu à?”

“Đúng. Trong... trong tiếng Đức ngủ suốt mùa đông gọi là gì ấy nhỉ?”

“À, ngủ đông.”

“Đúng rồi, ngủ đông.”

Cả hai cùng cười ồ. Helena biết rằng các bệnh nhân khác đang nhìn họ. Cô không được dành nhiều thời gian cho anh hơn người khác.

“Đầu anh sao rồi? Bây giờ mỗi ngày mỗi khá hơn một chút đúng không?”

“Vâng, thật sự là vậy, ngày càng khá hơn. Một ngày nào đó tôi sẽ lại đẹp

traí như xưa kia, rồi em sẽ thấy!”

Cô nhớ lại khi họ mang anh vào đây. Dường như là trái với tự nhiên khi có ai sống sót nổi với lỗ thủng như trên trán anh. Âm trà trên tay cô vương vào chén trà của anh khiến nó suýt đổ.

“Ái chà!” anh phá lên cười. “Đêm qua em ra ngoài khiêu vũ đến tận mờ sáng đây à?”

Cô ngược mắt lên. Anh nháy mắt với cô. “Ừm,” cô đáp, thấy bối rối vì đang nói dối về một chuyện ngớ ngẩn như vậy.

“Ở Vienna này người ta khiêu vũ điệu gì?”

“Ý tôi là không. Tôi không khiêu vũ mà chỉ ngủ muộn thôi.”

“Có lẽ mọi người nhảy những điệu valse, đúng không? Nhưng điệu valse của Vienna và nhiều điệu khác.”

“Đúng, tôi nghĩ vậy!” cô nói, chăm chú vào nhiệt kế.

“Như thế này à,” anh nói và đứng lên. Rồi anh cất tiếng hát. Những người khác nằm bên giường nhìn lên. Bài hát bằng thứ tiếng không quen, nhưng anh có giọng hát thật ấm và hay. Những bệnh nhân khỏe mạnh nhất thì bật cười, reo hò khi anh xoay tròn với những bước valse nhỏ và thận trọng, mấy dây áo ngủ không cột xoay cùng anh.

“Quay lại đây, Uriah, nếu không tôi trả anh về lại ngay Mặt trận phía Đông đây!” cô nghiêm khắc quát.

Anh ngoan ngoãn quay lại và ngồi xuống. Tên của anh không phải là Uriah, nhưng anh cứ khăng khăng bắt họ dùng cái tên đó.

“Em có biết điệu Polka Rhineland không?” anh hỏi.

“Điệu Polka Rhineland?”

“Đó là một điệu nhảy chúng tôi mượn từ vùng Rhineland. Tôi nhảy cho xem nhé?”

“Anh cứ ngồi yên đó đi cho đến khi bình phục hẳn đã.”

“Rồi tôi sẽ đưa em ra ngoài Vienna này và dạy em điệu Polka Rhineland.”

Những giờ ngồi dưới ánh mặt trời mùa hè trên hàng hiên vài ngày qua đã

cho anh một nước da khỏe mạnh. Lúc này hàm răng trắng của anh sáng lấp lánh trên gương mặt hạnh phúc.

“Tôi nghĩ anh đã đủ khỏe để quay lại mặt trận rồi đấy!” cô phản đối, nhưng không thể ngăn hai má đỏ ửng lên. Cô đang đứng sẵn sàng tiếp tục thăm bệnh thì cảm thấy bàn tay anh chạm tay mình.

“Nói đồng ý đi,” anh thì thầm.

Cô xua anh đi kèm một tiếng cười trong trẻo mà sang giường kế tiếp. Trong lồng ngực cô; trái tim đang hát vang như con chim nhỏ.

• • •

“Thế nào?” bác sĩ Brockhard nói, ngẩng lên từ xấp giấy tờ khi cô vào văn phòng anh ta, và như thường lệ cô không hề biết hai chữ “thế nào?” này là một câu hỏi, một lời dẫn nhập cho một câu hỏi dài hơn hay chỉ đơn giản là cách nói của anh ta. Nên cô chỉ đứng ở cửa ra vào.

“Anh muốn gặp tôi à bác sĩ?”

“Sao cô cứ khăng khăng giữ thái độ trang trọng với tôi thế nhỉ, Helena?” Brockhard thở dài và mỉm cười. “Trời ạ, chúng ta đã biết nhau từ khi còn là con nít mà, đúng không?”

“Anh cần tôi chuyện gì vậy?”

“Tôi đã quyết định báo cáo bệnh nhân Na Uy trong buồng bệnh số 4 đủ sức khỏe để làm nhiệm vụ rồi.”

“Tôi hiểu.”

Cô không nao núng. Tại sao cô phải thế? Bệnh nhân đến đây là để khỏe lại, rồi họ đi. Khả năng khác là cái chết. Đó là cuộc sống trong một bệnh viện.

“Tôi đã chuyển báo cáo lên Lực lượng Vệ quốc năm ngày trước. Và chúng ta đã nhận được quyết định nhiệm vụ mới của hấn ta.”

“Nhanh thật đấy.” Giọng cô chắc nịch và điềm tĩnh.

“Phải, họ đang rất cần thêm người mà. Chúng ta đang có chiến tranh, cô biết đấy.”

“Vâng,” cô đáp. Nhưng không nói ra điều cô đang nghĩ: *Chúng ta đang có chiến tranh còn anh đang ngồi đây xa chiến trường hàng trăm cây số, hai mươi hai tuổi, đang làm công việc mà một lão già bảy mươi cũng làm được. Nhờ có ngài Brockhard cha.*

“Tôi nghĩ sẽ nhờ cô trao lệnh cho hắn ta, vì dường như hai người đang rất hòa hợp.”

Cô cảm thấy được anh ta đang dò xét phản ứng của mình.

“Mà này, ở hắn ta có gì đặc biệt khiến cô thích vậy hả Helena? Điều gì khiến hắn ta khác biệt với bốn trăm người lính khác chúng ta phục vụ ở bệnh viện này?”

Cô định phản pháo, nhưng anh ta đã đón trước.

“Xin lỗi, Helena, dĩ nhiên đây không phải là chuyện của tôi. Chỉ vì tính tôi tò mò. Tôi..!” Anh ta nhón lấy cây bút trước mặt bằng hai đầu ngón trỏ, quay lưng lại và nhìn ra ngoài cửa sổ. “... chỉ thắc mắc cô thấy gì ở một gã nước ngoài hám lợi phản bội tổ quốc mình để van xin ân huệ từ kẻ thù đang chinh phục. Nếu cô hiểu tôi muốn nói gì. À mà mẹ cô thế nào rồi?”

Helena nuốt khan trước khi trả lời.

“Anh không cần phải lo lắng cho mẹ tôi, bác sĩ ạ. Nếu anh trao cho tôi các tờ lệnh, tôi sẽ chuyển đi.”

Brockhard quay người lại nhìn cô. Anh ta cầm lên một lá thư nằm trên bàn.

“Hắn ta sẽ được gửi đến Sư đoàn Thiết giáp số 3 ở Hungary. Tôi cho rằng cô hiểu thế nghĩa là gì?”

Cô nhú mày. “Sư đoàn Thiết giáp số 3 sao? Anh ấy tình nguyện đăng lính vào Lực lượng Vũ trang SS cơ mà. Tại sao anh ấy lại được sung vào Lực lượng Vệ quốc chính quy?”

Brockhard nhún vai. “Vào những lúc thế này chúng ta phải hoàn thành

những gì chúng ta có thể, và thực thi những nhiệm vụ chúng ta được bố trí làm. Hay cô không đồng ý, Helena?”

“Anh nói thế là có ý gì?”

“Hắn ta thuộc đơn vị bộ binh đúng không? Nói cách khác, hắn ta phải chạy sau đuôi các xe tăng chiến đấu, chứ không phải ngồi trong buồng lái. Một người bạn của tôi ở Ukraina cho tôi biết rằng từng ngày một, họ bắn quân Nga bằng súng máy cho đến khi súng nóng rực lên và thân chất chồng cao ngất, nhưng chúng cứ tràn đến như thể không bao giờ dứt.”

Helena phải cố lắm mới không giằng lá thư trong tay Brockhard ra xé tan.

“Có lẽ một phụ nữ trẻ như cô nên thực tế một chút, đừng nảy sinh tình cảm gắn bó quá mức với một người mà nhiều khả năng cô sẽ không gặp lại nữa. À mà này, cái khăn choàng ấy hợp với cô thật đấy, Helena. Có phải của gia bảo không?”

“Tôi ngạc nhiên và hạnh phúc khi nghe được những lời ý tứ của anh, bác sĩ ạ. Nhưng tôi có thể cam đoan rằng những điều anh nói là thừa. Tôi không hề có bất kỳ tình cảm đặc biệt nào với bệnh nhân này. Đã đến giờ phục vụ bữa ăn rồi, nếu anh cho phép, bác sĩ...”

“Helena, Helena...” Brockhard lắc đầu và mỉm cười. “Cô thật sự tin rằng tôi là thằng mù sao? Cô có nghĩ rằng tôi có thể bàng quan trước nỗi đau chuyện này sẽ gây ra cho cô sao? Tình bạn khăng khít giữa hai gia đình khiến tôi cảm thấy có những mối ràng buộc gắn bó chúng ta với nhau, Helena. Nếu không tôi đã chẳng nói chuyện riêng với cô thế này. Tha lỗi cho tôi nhưng hẳn cô đã nhận ra rằng tôi có những tình cảm yêu thương nồng nàn đối với cô, và...”

“Dừng lại đi!”

“Cái gì?”

Helena đã khép cửa lại sau lưng và giờ cô mới cao giọng.

“Tôi làm tình nguyện ở đây, Brockhard. Tôi không phải một trong những y tá của anh để anh mặc sức đùa cợt đâu. Trao lá thư đó cho tôi và chớ nói

những gì anh phải nói. Bằng không, tôi sẽ đi ngay lập tức.”

“Helena thân mến ơi,” Brockhard ra vẻ quan tâm. “Cô không hiểu rằng chuyện này tùy thuộc vào cô à?”

“Tùy thuộc vào tôi?”

“Tờ giấy chứng nhận sức khỏe hoàn toàn là một thứ cực kỳ chủ quan. Đặc biệt liên quan đến chấn thương đầu theo kiểu đó.”

“Tôi hiểu.”

“Tôi có thể cung cấp cho hấn một giấy chứng nhận y khoa thêm ba tháng nữa, và ai mà biết được trong ba tháng nữa có còn Mặt trận phía Đông nào hay không?”

Cô nhìn Brockhard, bối rối.

“Cô là người đọc Kinh Thánh rất chăm chỉ, Helena. Cô biết câu chuyện về vua David đấy chứ? Ông ta thèm muốn Bathsheba dù cho nàng đã làm vợ một trong những tên lính của ông ta? Thế nên ông ta ra lệnh cho các tướng cử anh ta ra tiền tuyến để anh ta tử trận. Như thế đức vua có thể thoải mái ve vãn Bathsheba mà không bị cản trở.”

“Chuyện đó thì liên quan gì đến điều này?”

“Không có gì. Không có gì, Helena. Tôi chẳng dám mơ chuyện cử nỗi khao khát của lòng cô ra tiền tuyến nếu hấn chưa đủ sức khỏe đâu. Hoặc bất kỳ ai khác cũng vậy. Đó chính xác là điều tôi muốn nói. Và vì ít nhất cô cũng biết tình hình sức khỏe của bệnh nhân này rõ như tôi, tôi nghĩ mình nên hỏi ý kiến cô trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Nếu cô cho rằng hấn chưa đủ khỏe, có lẽ tôi nên gửi thêm một giấy chứng nhận sức khỏe nữa cho Lực lượng Vệ quốc.”

Cô dần dần hiểu được bản chất tình hình.

“Hay thế nào hả Helena?”

Cô hầu như không tin nỗi tai mình: *anh ta muốn lợi dụng Uriah để tìm cách lên giường với cô. Anh ta đã mất bao lâu để bày ra kế hoạch này? Có phải anh ta đã đợi hàng tuần rồi cho đến đúng thời cơ? Và thực ra anh ta*

muốn cô như thế nào? Làm vợ hay nhân tình?

“Thế nào?” Brockhard hỏi.

Đầu cô nghĩ thật nhanh khi cố gắng tìm đường thoát ra khỏi mê cung. Nhưng tất cả các lối ra đã bị bịt kín. Tự nhiên thôi. Brockhard không phải một thằng ngu. Miễn là anh ta có một giấy chứng nhận cho Uriah, như một ân huệ cho cô, thì cô sẽ phải tuân thủ mọi ý muốn của anh ta. Lệnh nhận nhiệm vụ sẽ được hoãn lại, nhưng chỉ khi Uriah đi rồi thì Brockhard mới không còn quyền lực nào đối với cô. Quyền lực ư? Chúa lòng lành, cô hầu như chẳng biết gì về anh chàng Na Uy đó. Và cô còn chẳng biết anh ta cảm thấy như thế nào về cô.

“Tôi...” cô mở miệng.

“Vâng?”

Anh ta đã rướn người tới trước háo hức. Cô muốn nói tiếp, muốn nói những gì cô biết mình sẽ phải nói để được tự do, nhưng có điều gì đó ngăn cô lại. Phải mất giây lát cô mới hiểu đó là gì. Những điều đó là dối trá. Dối là cô muốn được tự do, dối là cô không biết Uriah cảm thấy như thế nào về cô, dối là ta luôn phải quy phục và biến chất chỉ để sống còn. Tất cả đó đều là dối trá. Cô cắn môi dưới vì cảm thấy nó bắt đầu run run.

Bislett.

Đêm Giao thừa 1999.

Harry Hole xuống xe điện tại khách sạn Radisson SAS ở phố Holbergs lúc giữa trưa thì thấy nắng sáng hắt nhẹ lên các cửa sổ khối nhà ở bệnh viện Rikshospital, trước khi biến mất sau những đám mây. Anh đến văn phòng lần cuối cùng, tự nhủ để thu dọn, để chắc chắn anh đã thu nhặt hết mọi thứ. Nhưng một chút ít ỏi tạo nên vật dụng riêng của anh bỏ vừa trong túi đồ siêu thị anh mang từ Kiwi về ngày hôm trước. Những ai không trực đều ở nhà, chuẩn bị cho bữa tiệc cuối cùng của thiên niên kỷ. Một sợi ruy băng giấy nằm vắt ngang lưng ghế nhắc anh nhớ bữa tiệc chia tay nho nhỏ hôm qua, dĩ nhiên dưới sự chỉ đạo của Ellen. Mấy lời chia tay trang nghiêm của Bjame Moller không thực sự phù hợp với những quả bong bóng xanh, ổ bánh bông lan cắm nến, dù sao thì một bài phát biểu ngắn gọn cũng khá tử tế. Có lẽ sếp Đội Hình sự biết rằng Harry sẽ không bao giờ tha thứ cho ông nếu ông dồng dài, ủy mị. Và Harry phải thừa nhận anh đã cảm thấy chút kiêu hãnh khi Moller chúc mừng anh trở thành thanh tra, và chúc anh may mắn ở POT. Ngay cả cái cười mỉa mai của Tom Waaler và những cái lắc đầu nhẹ từ những dãy khán giả bên cửa phía sau cũng chẳng làm hỏng được dịp này.

Ý định khi anh quay lại văn phòng là được ngồi đó một lần cuối, trên chiếc ghế văn phòng cốt kết, xập xệ trong căn phòng anh đã trải qua gần bảy năm. Harry rùng mình. Anh tự hỏi, tính ủy mị này không phải là một dấu hiệu nữa cho thấy anh đang tiến bộ sao?

Harry bước tới phố Holbergs rồi rẽ trái vào phố Sofies. Phần lớn nhà cửa trên con phố chật hẹp này là căn hộ của công nhân có tuổi thọ từ cuối thế kỷ trước sang đầu thế kỷ này, và tình trạng không tươm tất. Nhưng sau khi giá căn hộ tăng lên, và khi những thanh niên trẻ tầng lớp trung lưu không đủ sức sống ở Majorstuen chuyển về đây, khu vực này đã mang diện mạo mới. Bây giờ chỉ còn một nhà gần đây vẫn chưa được cải tạo mặt tiền: số 8, của Harry. Nhưng anh chẳng buồn bận tâm đến chuyện đó.

Anh tự mở cửa vào nhà và mở hộp thư trong hành lang. Một quảng cáo bánh pizza và một phong bì từ trưởng phòng tài chính thành phố Oslo, mà anh ngay lập tức cho rằng có kèm theo nhắc nhở thanh toán vé phạt đỗ xe từ tháng trước. Anh chửi thề khi đi lên cầu thang. Anh đã mua một chiếc Ford Escort mười lăm năm tuổi với mức giá phải chăng từ một người chủ mà nói đúng ra, anh cũng chẳng biết ông ta là ai. Xe tuy hơi gi và khớp ly hợp đã mòn, đúng thế, nhưng mui đẩy gọn gàng. Tuy nhiên, các khoản tiền phạt đỗ xe và hóa đơn ga ra cho đến giờ đã nhiều hơn tóc trên đầu anh. Ngoài ra, cái đồng hồ đi không khởi động được, cho nên anh phải nhớ đỗ xe trên đỉnh đồi để nhờ sức đẩy cho xe nổ máy.

Anh mở khóa cửa trước. Đó là một căn hộ hai phòng được trang bị sơ sài. Sạch sẽ và ngăn nắp, không có thảm trên sàn gỗ sáng bóng. Những món đồ trang trí duy nhất trên bốn bức tường là một bức ảnh mẹ và Sis, một tấm áp phích phim *Bố già* mà anh thó từ rạp phim Symra hồi mười sáu tuổi. Không có cây cảnh, không có nến cũng chẳng có đồ trang trí linh tinh dễ thương nào. Có lần anh từng treo một bảng thông báo vì nghĩ có thể dùng để dán những tấm bưu thiếp, ảnh chụp hay bất kỳ câu châm ngôn nào anh nghĩ ra. Anh đã từng thấy những tấm bảng như thế ở nhà người khác. Khi nhận ra rằng mình chẳng bao giờ được nhận bưu thiếp, cơ bản là cũng chẳng chụp ảnh bao giờ, anh đành cắt ra một câu trích dẫn của nhà văn Bjorneboe:

Và sự tăng tốc trong việc tạo ra mã lực này lại một lần nữa chỉ là biểu hiện sự tăng tốc hiểu biết của chúng ta về cái gọi là các quy luật tự nhiên. Sự

hiểu biết này = cảm giác bất an.

Chỉ liếc mắt một cái Harry cũng khẳng định được rằng chẳng có tin nhắn trên máy trả lời tự động (một khoản đầu tư vô bổ khác). Anh cởi cúc áo sơ mi bỏ vào giỏ giặt và lấy một áo sạch từ chồng áo xếp ngăn nắp trong tủ.

Harry không tắt máy trả lời điện thoại (có lẽ ai đó từ tổ chức Gallup Na Uy sẽ gọi), khóa cửa rồi lại đi.

Không một chút ủy mị, anh mua những tờ báo cuối cùng của thiên niên kỷ ở tiệm của Ali, sau đó khởi hành lên Dovregata. Ở phố Waldemar Thranes mọi người đang gấp gấp về nhà cho một đêm trọng đại. Harry run cầm cập trong áo khoác cho đến khi bước vào quán Schroder, hơi ẩm người ẩm ướt phả vào mặt anh. Quán đã khá đông, nhưng anh thấy cái bàn yêu thích của mình sắp trống nên bước về phía đó. Ông già từ bàn đứng lên đội mũ, ném nhanh cái nhìn dò xét sang Harry từ dưới đôi lông mày bạc rậm, làm lì gật đầu chào, rồi bước đi. Bàn nằm gần cửa sổ, nên trong ngày đây là một trong số vài bàn trong căn phòng sáng mờ có đủ ánh sáng để đọc sách. Anh vừa ngồi xuống thì Maja đã đến bên cạnh.

“Chào Harry.” Cô đập phạch tấm giẻ lau xám xuống khăn trải bàn. “Món đặc biệt ngày hôm nay chứ?”

“Nếu đầu bếp không say.”

“Không say đâu. Uống không?”

“Nói mới nhớ.” Anh nhìn lên. “Hôm nay cô giới thiệu thử.”

“Được.” Cô ta đặt một tay lên hông, tuyên bố bằng một giọng to và rõ. “Trái với suy nghĩ của mọi người, thành phố này thực ra có loại nước uống tinh khiết nhất nước. Và những điều thuốc ít độc nhất sẽ được tìm thấy trong các tòa nhà được xây dựng khoảng vào thời điểm chuyển giao thế kỷ, chẳng hạn như nhà này.”

“Ai nói với cô điều đó hả Maja?”

“Có lẽ là anh đấy, Harry.” Tiếng cười của cô khàn khàn và thành thật. “À mà kiêng rượu thì có lợi cho anh đấy.” Cô nói câu này lí nhí, ghi lại món anh

gọi rồi bỏ đi.

Những tờ báo khác đều dày đặc tin tức về thiên niên kỷ, nên Harry đọc tờ Dagsavisen. Trên trang sáu mắt anh bắt gặp tám ảnh lớn có tám biển chỉ đường bằng gỗ được sơn biểu tượng mặt trời. Trên một mũi tên có ghi *Oslo 2.611 km* và *Leningrad 5 km* trên mũi tên bên kia.

Bài viết bên dưới được cho là của Even Juul, giáo sư sử học.

Phần tit phụ rất ngắn gọn: *Những điều kiện cho chủ nghĩa phát xít nhìn từ tình trạng thất nghiệp gia tăng ở Tây Âu.*

Harry đã từng thấy tên của Juul trên báo chí; ông ta như một kiểu quân sự liên quan đến việc chiếm đóng Na Uy và đảng Dân tộc Thống nhất. Anh lật sang phần còn lại của tờ báo nhưng chẳng tìm được thông tin gì đáng chú ý. Anh bèn quay về bài viết của Juul. Đó là bài nhận xét một tường thuật trước đó về vị thế mạnh mẽ mà chủ nghĩa Quốc xã mới nắm giữ ở Thụy Điển. Juul mô tả làm sao chủ nghĩa Quốc xã mới, vốn đã chứng kiến sự xuống dốc thê thảm vào những năm tăng trưởng kinh tế thập kỷ chín mươi, giờ đây đang quay lại với sức sống mới mẻ. Ông cũng viết rằng một đặc điểm của làn sóng mới chính là cơ sở ý thức hệ vững chắc của nó. Trong khi chủ nghĩa Quốc xã mới trong những năm tám mươi chủ yếu là về thời trang và bản sắc nhóm, chuẩn mực đồng nhất trong ăn mặc, đầu trọc cùng những khẩu hiệu cổ lỗ như “Sieg Heil,” làn sóng mới này được tổ chức tốt hơn nhiều. Có một mạng lưới hỗ trợ tài chính và nó không dựa trên các nhà lãnh đạo và nhà tài trợ giàu có theo cùng mức độ. Ngoài ra, Juul viết, phong trào mới không đơn thuần chỉ phản ứng lại những nhân tố trong tình hình xã hội hiện tại, như thất nghiệp và nhập cư, mà còn muốn thiết lập một sự lựa chọn thay thế cho nền dân chủ xã hội. Khẩu hiệu là tái vũ trang - về đạo đức, quân sự và chủng tộc. Sự suy tàn của đạo Cơ Đốc được dùng làm ví dụ về sự suy đồi đạo đức, cũng như HIV và sự gia tăng lạm dụng thuốc. Hình ảnh kẻ thù cũng lên một mức độ mới: những nhà đấu tranh cho EU đã triệt hạ các biên giới quốc gia và chủng tộc; những người dân NATO chia tay ra giúp đỡ người Nga và người

Xlavor sống dưới mức con người; và những ông trùm tư bản châu Á mới đảm nhận vai trò của người Do Thái làm các chủ ngân hàng thế giới.

Maja mang bữa trưa tới.

“Bánh hấp à?” Harry hỏi, nhìn chằm chằm xuống mấy miếng xam xám trên bẹ cải thìa rưới sốt trộn.

“Phong cách Schroder,” Maja đáp. “Những gì còn lại từ hôm qua. Chúc mừng năm mới.”

Harry giơ cao tờ báo lên để ăn, anh mới cắn được một miếng bánh bao giàu chất xơ thì nghe thấy giọng nói từ phía sau tờ báo.

“Tôi dám nói nó thật đáng sợ.”

Harry cố nhìn qua tờ báo. Người Mohican ngồi ở bàn bên cạnh đang nhìn thẳng vào anh, có lẽ nãy giờ ông ta ngồi đó nhưng dứt khoát là Harry đã không nhận thấy ông ta đi vào. Có lẽ họ gọi ông ta là người Mohican vì ông là người cuối cùng của giống nòi ông. Ông ta từng là thủy thủ trong thời chiến, bị tấn công ngư lôi hai lần và tất cả anh em đồng chí của ông ta đã chết từ lâu. Maja đã nói với Harry như thế. Chòm râu dài, bù xù của ông ta thông cả vào cốc bia. Ông ta ngồi đó, vẫn mặc áo choàng, ông ta vẫn luôn làm thế, đông cũng như hè. Khuôn mặt ông ta hốc hác đến mức nổi rõ hình dạng mạch máu trông như tia chớp đỏ sẫm trên nền trắng toát. Đôi mắt ướt, đỏ ngầu nhìn Harry trùng trùng sau lớp nếp nhăn trên làn da chảy xệ.

“Đáng sợ thật!”

Trong đời mình Harry đã nghe đủ những câu ba la bô lô say xỉn, nên anh chẳng buồn chú ý đặc biệt đến những gì khách quen quán Schroder nói, nhưng lần này thì khác. Suốt bao nhiêu năm đến nơi này, đây chính là những lời nói đầu tiên của người Mohican mà anh nghe hiểu được. Ngay cả sau cái đêm mùa đông năm ngoái, khi Harry bắt gặp người Mohican đang ngủ tựa lưng vào một tường nhà tại Dovregata và gần như đã cứu sống ông bạn già khỏi bị chết cồng. Nhưng người Mohican đến một cái gập đầu chào anh trong những dịp hiếm cũng không. Và bây giờ có vẻ người Mohican đã bày tỏ ý

kiến đủ cho thời điểm hiện tại, và lại chăm chú vào cốc bia. Harry nhìn quanh rồi mới vươn người sang bàn của người Mohican.

“Ông còn nhớ tôi không, Konrad Asnes?”

Ông già làu bàu, nhìn chăm chăm vào khoảng không mà không trả lời.

“Năm ngoái tôi thấy ông nằm ngủ trong đống tuyết trên phố. Nhiệt độ lúc đó là âm mười tám độ.”

Người Mohican trợn tròn mắt.

“Lúc ấy không có đèn đường, nên rất có thể tôi đã không thấy ông. Ông có thể ngoẻo rồi đấy, Asnes.”

Người Mohican nheo một con mắt đỏ ngầu, nhìn Harry giận dữ rồi nâng cốc lên.

“Phải, tôi muốn cảm ơn anh về chuyện đó.”

Ông ta thận trọng uống, rồi chậm rãi đặt cốc xuống bàn. Như thể quan trọng là phải đặt cốc vào đúng một chỗ cụ thể trên bàn.

“Nên đem bán hết bọn gãngxtơ này đi!” ông ta nói.

“Thật ư? Ai cơ?”

Ngón tay cong cong của người Mohican chỉ về phía tờ báo của Harry. Anh bèn lật tờ báo qua. Trang nhất in rõ nét bức ảnh lớn chụp một tên đầu trọc Quốc xã mới người Thụy Điển.

“Cho chúng dựa cột hết đi!” Người Mohican đập tay xuống mặt bàn cái rầm, một vài gương mặt quay về phía ông ta. Harry đưa tay ra hiệu cho ông ta bình tĩnh lại.

“Chúng còn trẻ dại thôi, Asnes. Giờ thì hãy cố vui vẻ đi. Đêm Giao thừa mà.”

“Còn trẻ dại ư? Thế anh nghĩ chúng ta là ai hả? Như thế thì không ngăn được cản được bọn Đức đâu. Kjell đã mười chín tuổi. Oscar đã hai mươi hai. Bán chúng đi trước khi chúng lây lan, tôi nói thế đấy. Đó là một căn bệnh, ta phải chặn đứng nó từ sớm.”

Ngón trỏ của ông run run chỉ vào Harry.

“Một trong số chúng đã ngồi chỗ anh đang ngồi bây giờ. Chúng không chết hết mẹ gì đâu! Anh là cảnh sát, anh phải ra mà bắt chúng!”

“Làm sao ông biết tôi là cảnh sát?” Harry ngạc nhiên hỏi.

“Tôi có đọc báo mà. Anh đã bắn ai đó ở một vùng nào đó dưới phía Nam. Điều đó thì tốt rồi, nhưng còn bắn hai thằng ở đây nữa thì sao?”

“Hôm nay ông lắm mồm thật đấy, Asnes.”

Người Mohican ngậm miệng lại, cúi kính liếc nhìn Harry lần cuối rồi quay qua tường ngắm nghía bức tranh vẽ Youngstorget. Harry hiểu rằng cuộc nói chuyện đã kết thúc, anh gọi Maja mang cho mình cốc cà phê rồi xem đồng hồ. Một thiên niên kỷ mới sắp đến rồi. Quán Schroder sẽ đóng cửa lúc bốn giờ để chuẩn bị “tiệc Giao thừa nội bộ” như tấm áp phích treo trên cửa ghi. Harry dò xét những khuôn mặt quen thuộc trong phòng. Theo anh thấy, tất cả khách đều đã đến.

Bệnh viện Rudolf II, Vienna.

Ngày 8 tháng Sáu năm 1944.

Buồng bệnh số 4 tràn đầy những âm thanh của giấc ngủ. Đêm nay tĩnh lặng hơn thường lệ, chẳng có ai rên rỉ đau đớn hay thét lên choàng tỉnh khỏi ác mộng. Helena cũng chẳng nghe thấy báo động không kích ở Vienna. Nếu đêm nay chúng không đánh bom, cô hy vọng điều đó sẽ khiến mọi chuyện dễ dàng hơn. Cô lên vào phòng ngủ tập thể, đứng cuối giường và nhìn ngắm anh. Ngay ở đó, trong chùm sáng hình nón từ ngọn đèn bàn, anh ngồi, mãi mê theo cuốn sách đang đọc chẳng để ý đến thứ gì khác. Còn cô đứng đó bên ngoài chùm sáng, trong bóng tối. Biết mọi điều về bóng tối.

Khi anh vừa định lật trang thì nhận ra cô. Anh mỉm cười và ngay lập tức bỏ sách xuống.

“Chào buổi tối, Helena. Tôi không nghĩ đêm nay em cũng trực.”

Cô đưa ngón trỏ lên môi, bước lại gần anh.

“Anh biết gì về ca đêm thế?” cô thì thầm.

Anh mỉm cười. “Tôi không biết người khác thế nào. Tôi chỉ biết những đêm em trực thôi.”

“Phải không đấy?”

“Thứ Tư, thứ Sáu và Chủ nhật, rồi thứ Hai và thứ Năm. Rồi lại thứ Tư, thứ Sáu và Chủ nhật. Đừng có hoảng thế, đó là một lời khen đấy. Ở đây cũng chẳng còn gì khác mà dùng đến trí óc. Tôi còn biết khi nào Hadler được thụt ruột nữa cơ.”

Cô cười khẽ.

“Nhưng anh không biết người ta đã tuyên bố anh đủ khỏe để chiến đấu, đúng không?”

Anh ngạc nhiên ngây nhìn cô.

“Anh đã được cử sang Hungary!” cô thì thầm. “Súng và Sư đoàn Thiết giáp số 3.”

“Sư đoàn Thiết giáp? Nhưng đó là Lực lượng Vệ quốc. Họ không thể tuyển tôi vào được. Tôi là người Na Uy mà.”

Em biết.

“Hơn nữa tôi biết làm gì ở Hungary cơ chứ? Tôi...”

“Khẽ nào, anh sẽ đánh thức người khác dậy mất. Uriah này, em đã đọc lệnh rồi. Em e rằng chúng ta chẳng làm được gì đâu.”

“Nhưng chắc phải có nhầm lẫn rồi. Đó là...”

Anh vô tình làm rơi cuốn sách xuống sàn, đánh rầm. Cô cúi xuống nhặt sách lên. Trên bìa sách, dưới nhan đề *Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn* có bức vẽ một thằng bé ăn mặc rách rưới ngồi trên cái bè gỗ. Uriah rõ ràng rất giận dữ.

“Đây không phải cuộc chiến của tôi!” anh nói qua đôi môi mím chặt.

“Em cũng biết vậy đó” cô thì thầm, nhét cuốn sách vào túi xách của anh dưới gầm ghế.

“Em làm gì thế?” anh thì thầm.

“Anh phải nghe em này, Uriah. Không còn nhiều thời gian đâu.”

“Thời gian?”

“Nửa tiếng nữa y tá trực sẽ đi thăm bệnh. Anh phải quyết định trước lúc đó.”

Anh kéo chao đèn xuống để nhìn thấy cô rõ hơn trong bóng tối. “Chuyện gì vậy, Helena?”

Cô nuốt khan. “Và tại sao hôm nay em không mặc đồng phục?” anh hỏi.

Đây chính là điều cô sợ nhất. Không phải là nói dối mẹ rằng mình sẽ đến

nhà chị gái ở Salzburg vài ngày. Không phải là thuyết phục con trai của người kiểm lâm - lúc này đang đợi trên đường ngoài cổng - lái xe đưa cô đến bệnh viện. Thậm chí cũng không phải chuyện nói lời tạm biệt với những gì cô có, nhà thờ và cuộc sống an toàn của cô trong những cánh rừng ở Vienna. Mà là chuyện nói với anh mọi thứ: rằng cô yêu anh và rằng cô sẽ sẵn sàng mạo hiểm cả cuộc sống, tương lai của mình vì anh. Bởi vì cô có thể làm. Không phải về cảm nhận của anh đối với cô - điều đó thì cô chắc chắn - mà về tính cách của anh. Liệu anh có đủ can đảm và động lực để làm điều cô sắp đề nghị không? Ít ra anh cũng biết rõ rằng cuộc chiến chống Hồng Quân ở phía Nam không phải là cuộc chiến của anh.

“Lẽ ra chúng ta phải có thời gian hiểu rõ nhau hơn,” cô nói, đặt tay lên bàn tay anh. Anh nắm lấy, cầm chặt.

“Nhưng chúng ta không có được sự xa xỉ ấy,” cô nói, siết chặt tay anh. “Có một chuyến xe lửa đi Paris sẽ khởi hành trong một tiếng nữa. Em đã mua hai vé. Thầy giáo của em sống ở đó.”

“Thầy giáo của em?”

“Chuyện dài và phức tạp lắm. Nhưng ông ấy sẽ tiếp nhận chúng mình.”

“Ý em nói tiếp nhận chúng mình là sao?”

“Chúng ta có thể ở lại với ông ấy. Ông ấy sống một mình. Và theo như em biết được, ông ấy không có nhiều bạn bè. Anh có hộ chiếu chưa?”

“Cái gì? À có...”

Dường như anh không biết nói gì, như thể đang tự hỏi phải chăng anh đã ngủ thiếp đi khi đọc cuốn sách về một thằng bé ăn mặc rách rưới, và tất cả chuyện này chỉ là giấc mơ.

“Có, anh có hộ chiếu.”

“Tốt. Chuyến đi sẽ mất hai ngày. Chúng ta có ghé ngồi rồi, em đã mua rất nhiều thức ăn rồi đây.”

Anh hít một hơi sâu. “Tại sao lại là Paris?”

“Đó là một thành phố lớn, một thành phố anh có thể ẩn mình. Nghe này,

em có một ít quần áo của bố trong xe ô tô - anh có thể thay qua quần áo dân sự trong xe. Cỡ giày của bố...”

“Không.” Anh giơ một bàn tay lên nên dòng mạch lạc thì thảm, căng thẳng của cô chững lại chốc lát. Cô nín thở chăm chú nhìn khuôn mặt trầm ngâm của anh.

“Không,” anh thì thảm lặp lại. “Chuyện đó thật ngu ngốc.”

“Nhưng...” Trong bụng cô như có cả tảng băng.

“Tốt nhất là mặc quân phục khi đi đường!” anh nói. “Một thanh niên mặc thường phục chỉ gây nghi ngờ thôi.”

Cô hạnh phúc đến không nói thành lời nên siết chặt tay anh hơn. Trái tim cô reo vui đến nỗi cô phải bảo nó im lặng.

“Còn một chuyện nữa!” anh nói, bỏ hai chân xuống giường.

“Vâng?”

“Em có yêu anh không?”

“Có.”

“Tốt.”

Anh đã mặc áo khoác vào rồi.

POT, Sở Cảnh sát.

Ngày 21 tháng Hai năm 2000.

Harry liếc mắt nhìn quanh. Trên các giá gọn gàng ngăn nắp để những hàng bìa cứng trình bày gọn gàng theo thứ tự thời gian. Trên các bức tường treo bằng khen và danh hiệu trong sự nghiệp thăng tiến tron tru. Một tấm ảnh đen trắng chụp Kurt Meirik lúc trẻ, mặc quân phục, cấp bậc thiếu tá, đang chào mừng vua Olav treo phía sau bàn làm việc, thu hút ánh mắt của tất cả những ai bước vào. Harry đang ngồi xem bức ảnh đó thì cánh cửa ra vào bật mở sau lưng.

“Xin lỗi đã khiến cậu phải chờ, Hole. Cứ ngồi đi.”

Đó là Meirik. Harry cũng chẳng buồn đứng lên.

“VẬY,” Meirik nói, ngồi xuống cái ghế sau bàn. “Tuần đầu tiên cậu làm cùng chúng tôi thế nào?”

Meirik ngồi thẳng người trên ghế, khoe ra hàm răng to vàng ó, khiến bạn ngờ rằng trong đời mình ông ta đã luyện cười hơi quá.

“Khá chán,” Harry đáp.

“He, he. Chắc không tồi đến thế chứ, đúng không?” Meirik có vẻ ngạc nhiên.

“À, cà phê của ông ngon hơn cà phê của chúng tôi dưới nhà.”

“Ý cậu là Đội Hình sự hả?”

“Xin lỗi,” Harry đáp. “Phải có thời gian mới quen với chuyện đó. Cái từ ‘chúng tôi’ bây giờ thành POT rồi.”

“Phải, chúng ta chỉ cần kiên nhẫn một chút thôi. Điều đó cũng đúng đối với một số việc. Đúng không, Hole?”

Harry gật đầu đồng tình. Đánh nhau với cối xay gió chẳng ích gì cả. Dù sao cũng không phải trong tháng đầu tiên. Như đã thấy trước, anh được cấp một phòng làm việc nằm cuối hành lang dài, có nghĩa anh không phải gặp nhiều người cùng làm việc ở đó quá mức cần thiết. Công việc của anh gồm đọc báo cáo từ các văn phòng POT khu vực, và chỉ việc đánh giá xem đó có phải là hồ sơ vụ án nên chuyển lên cấp cao hơn trong hệ thống hay không. Meirik đã chỉ thị hết sức rõ ràng: trừ phi chúng ta rắc rối, bằng không mọi thứ phải được chuyển lên trên. Một cách khác, việc của Harry là sàng lọc rác. Tuần trước, anh nhận ba báo cáo. Anh cố đọc thông thả, nhưng cũng có giới hạn cho anh được kéo rê bao lâu. Một trong số này là từ Trondheim, đề cập đến thiết bị giám sát điện tử mới mà không ai biết cách vận hành, bởi chuyên gia giám sát của họ đã nghỉ việc. Harry chuyển báo cáo đi. Báo cáo thứ hai liên quan đến một doanh nhân người Đức tại Bergen, giờ đây họ tuyên bố ông ta “không đáng nghi nữa” vì ông ta đã nói mình đến đó để giao lô hàng thanh treo rèm. Harry cũng chuyển đi. Báo cáo thứ ba là từ khu Ostland, từ một đồn cảnh sát ở Skien. Họ đã nhận được một số khiếu nại của các chủ nhân nhà gỗ nhỏ tại Siljan vì nghe thấy tiếng súng nổ cuối tuần trước. Vì mùa này không phải là mùa săn bắn, nên một sĩ quan được cử đến điều tra và tìm thấy những vỏ đạn rỗng có cấu tạo lạ lùng trong rừng. Họ đã gửi các vỏ đạn này tới phòng giám định pháp y của Kripos, Cơ quan Điều tra Tội phạm của Na Uy. Báo cáo trả lời là đạn có lẽ cho khẩu súng trường Marklin, một loại vũ khí rất khác thường.

Harry chuyển báo cáo đi, nhưng anh cũng kịp giữ lại một bản sao cho mình.

“Đúng, điều tôi muốn bàn với cậu là một áp phích chúng ta bắt được. Bọn Quốc xã mới đang lên kế hoạch gây náo loạn bên ngoài các nhà thờ Hồi giáo tại Oslo vào ngày 17 tháng Năm. Có một ngày lễ Hồi giáo không cố định

nào đó nhằm vào ngày 17 năm nay. Và có rất nhiều phụ huynh ngoại kiều không muốn con em họ tham gia vào lễ diễu hành cho trẻ em vào ngày Quốc khánh vì muốn chúng đến thánh đường.”

“Eid.”

“Xin lỗi cậu nói gì cơ?”

“Eid. Ngày lễ của họ. Đó là đêm Noel của người Hồi giáo.”

“Vậy là cậu cũng hứng thú chuyện này à?”

“Không, nhưng năm ngoái tôi được một người hàng xóm mời đến ăn tối. Họ là người Pakistan. Họ cho rằng vào ngày Eid mà tôi ngồi nhà một mình thì thật là buồn.”

“Thật không? Hừm”. Meirik đeo kính chánh thanh tra Derrick lên

“Tôi giữ tấm áp phích đây. Bọn chúng viết rằng nước chủ nhà mà kỷ niệm ngày gì khác ngoài ngày Quốc khánh Na Uy 17 tháng Năm thì đều là một sự sỉ nhục. Chúng còn nói đám da đen rất vui vẻ khi lên tiếng đòi phúc lợi, nhưng lại né tránh mọi trách nhiệm của mỗi công dân Na Uy.”

“Đó là ngoan ngoãn mà hét vang ‘Hurrah’ cho Na Uy khi đoàn diễu hành đi qua!” Harry đáp, rút bao thuốc lá ra. Để ý thấy cái gạt tàn trên đầu giá sách, anh đưa ánh mắt dò hỏi, Meirik gạt đầu. Harry châm thuốc, rít một hơi khói vào sâu trong phổi, cố hình dung những mạch máu trong thành phổi đang tham lam ngấu ngiến chất nicotine. Cuộc sống đang ngày càng ngắn đi, và cái ý nghĩ rằng anh sẽ không bao giờ ngừng hút khiến anh tràn trề nỗi mãn nguyện lạ lùng. Tảng lờ đi lời cảnh báo trên vỏ bao thuốc có lẽ không phải là một hành động nổi loạn khoa trương nhất mà đàn ông có thể cho phép mình, nhưng ít nhất là một hành động anh có thể làm.

“Để xem cậu có thể tìm được gì,” Meirik nói.

“Được thôi, nhưng tôi nói trước với ông, động đến bọn đầu trọc là tôi dễ cáu lắm đấy.”

“He, he,” Meirik lại phô ra hàm răng to vàng khè, Harry nhận ra ông ta nhắc anh nhớ đến cái gì: ngựa biểu diễn.

“He, he.”

“Còn một điều nữa,” Harry nói. “Là báo cáo về loại đạn tìm thấy ở Siljan. Đạn của súng trường Marklin.”

“Trí nhớ của tôi khi nghe mấy chuyện này mơ hồ lắm, à đúng rồi.”

“Tôi đang tự tiến hành kiểm tra một chút.”

“Hả?”

Harry nhận thấy một giọng điệu lạnh lùng.

“Tôi đã tự kiểm tra với bên Cơ quan Đăng ký Vũ khí Quốc gia. Không thấy có khẩu súng trường Malrkin nào đăng ký ở Na Uy năm ngoái!”

“Điều đó không làm tôi ngạc nhiên. Danh sách này hẳn đã được những người ở đây kiểm tra sau khi cậu chuyển báo cáo đi, Hole ạ. Không phải việc của cậu, cậu biết mà.”

“Có lẽ vậy. Nhưng tôi muốn chắc chắn rằng bất kể là ai xử lý việc này đi nữa thì cũng phải theo sát báo cáo của Interpol về buôn lậu vũ khí.”

“Interpol? Tại sao chúng ta phải làm thế?”

“Chẳng ai đi nhập khẩu những khẩu súng trường này vào Na Uy cả, thế nên khẩu này hẳn đã được nhập lậu.”

Harry rút một tờ fax từ trong túi áo.

“Đây là bản sao danh sách những lô hàng Interpol đã phát hiện trong đợt bố ráp một tên buôn vũ khí trái phép ở Johannesburg vào tháng Mười một. Nhìn đây này. Một khẩu súng trường Marklin. Và có điểm đến đấy, Oslo.”

“Hừm. Cậu lấy được cái này ở đâu thế?”

“Hồ sơ Interpol trên mạng. Có sẵn cho bất cứ ai trong POT xem. Bất cứ ai thấy bận lòng.”

“Thật sao?” Ánh mắt Meirik ngưng lại trên mặt Harry một lúc, trước khi chăm chú nhìn tờ fax kỹ hơn.

“Tất cả những việc này rất tốt, nhưng buôn lậu vũ khí không phải việc của chúng ta, Hole ạ. Nếu cậu biết có bao nhiêu vũ khí trái phép cảnh sát tịch thu trong suốt một năm..

“Sáu trăm mười một,” Harry đáp.

“Thế sao?”

“Năm ngoái. Mà đó chỉ mới là thẩm quyền cảnh sát ở Oslo thôi. Cứ ba vũ khí thì hết hai là tước từ bọn tội phạm. Chủ yếu là những vũ khí nhỏ, súng trường kiểu bom và các khẩu súng săn cưa nòng. Tính trung bình mỗi ngày tịch thu một khẩu. Trong những năm chín mươi, con số này gần gấp đôi.”

“Tốt, vậy thì cậu hiểu rằng chúng ta đang ở POT không thể dành ưu tiên cho một khẩu súng trường không đăng ký tại Buskerud.”

Meirik đang cố gắng giữ bình tĩnh. Harry thở khói qua miệng, nhìn nó cuộn lên tận trần nhà.

“Siljan không phải ở Buskerud,” anh nói.

Các cơ hàm của Meirik nghiền trèo trẹo.

“Cậu đã gọi cho Cục Hải quan và Thuế chưa?”

“Chưa.”

Meirik xem đồng hồ đeo tay, một thứ bằng thép thô cứng, cục mịch mà Harry đoán ông ta được tặng vì quá trình phục vụ lâu dài và trung thành.

“Thế thì tôi đề nghị cậu gọi đi. Đây là vụ của họ. Ngay bây giờ tôi có việc khẩn thiết hơn...”

“Ông có biết một khẩu súng trường Marklin là gì không, Meirik?”

Harry nhìn đôi lông mày của ông sếp POT nhướng lên hạ xuống, tự hỏi có phải đã quá trễ rồi không. Anh có thể cảm thấy những cối xay gió quất vùn vụt.

“Cũng chẳng phải việc của tôi, Hole. Tốt nhất cậu bàn bạc chuyện này với...”

Dường như Kurt Meirik đã bất chợt nhận ra mình là cấp trên trực tiếp duy nhất của Hole.

“Một khẩu súng trường Marklin,” Harry nói, “là một khẩu súng săn bán tự động của Đức sử dụng đạn 16 li, to hơn hẳn đạn của bất kỳ khẩu súng trường nào. Súng này được dùng cho những cuộc săn thú lớn, như săn trâu

nước hoặc voi. Khẩu đầu tiên được sản xuất vào năm 1970, nhưng chỉ mới làm được ba trăm khẩu thì chính quyền Đức ban lệnh cấm bán vũ khí vào năm 1973. Lý do là vì loại súng trường này, với vài sự điều chỉnh đơn giản cùng với các kính ngắm tầm xa Marklin, là một loại vũ khí giết người chuyên nghiệp tột bậc. Và đến năm 1973 nó đã trở thành loại vũ khí ám sát được săn lùng nhiều nhất trên thế giới. Trong ba trăm khẩu thì ít nhất có một trăm khẩu đã rơi vào tay những kẻ giết thuê, và các tổ chức khủng bố như Baader Meinhof và Lữ đoàn Đỏ.”

“Hừm. Cậu vừa nói một trăm à?” Meirik trả lại tờ fax cho Harry. “Điều đó nghĩa là cứ ba người là có hai dùng súng theo đúng mục đích ban đầu của nó. Tức là đi săn.”

“Đây không phải loại vũ khí để săn nai sừng tấm hay bất kỳ hoạt động săn bắn thường thấy nào ở Na Uy.”

“Thật không? Tại sao không?”

Harry tự hỏi cái gì đang kiềm chế Meirik. Tại sao ông ta không bảo anh hút cho xong điều thuốc đi rồi biến? Và tại sao chính anh lại hăng hái gọi ra phản ứng này như vậy. Có lẽ cũng chẳng có gì, có lẽ anh chỉ đang ngày càng già đi và gặt gồng. Dù là gì đi nữa, Meirik đang hành xử như kiểu một vú em được trả lương hậu, không dám động đến thằng nhóc hỗn xược. Harry quan sát tàn thuốc dài cong xuống sàn.

“Trước hết, săn bắn không phải là một môn thể thao của triệu phú ở Na Uy. Một khẩu súng trường Marklin có kính ngắm tầm xa giá vào khoảng 150.000 mác Đức - nói cách khác gần ngang một chiếc Mercedes mới cáu. Và mỗi viên đạn tốn 90 mác Đức. Thứ hai, một con nai sừng tấm mà dính phải viên đạn 16 li này thì sẽ trông chẳng khác gì bị xe lửa đâm. Một đồng bầy nhầy kinh khủng.”

“Chà, chà.” Rõ ràng Meirik đã quyết định thay đổi chiến thuật. Bây giờ ông ta đang ngả người ra sau, hai tay xếp sau cái đầu bóng nhoáng, như một dấu hiệu cho thấy ông ta không phiền phải nghe Hole mua vui thêm một lúc

nữa. Harry đứng dậy, lấy cái gạt tàn từ trên giá xuống rồi quay lại chỗ ngồi.

“Dĩ nhiên các vỏ đạn đó có thể thuộc sở hữu của một tay sưu tầm vũ khí cuồng tín nào đó. Hẳn đã thử nghiệm xong khẩu súng trường mới, và giờ đang treo nó vào tủ kính trong một dinh thự nào đó ở Na Uy này, không bao giờ dùng lại nữa. Nhưng chúng ta có dám giả định như vậy không?” Harry lắc đầu. “Tôi đề nghị là tôi sẽ làm một chuyến đến Skien và xem qua chỗ đó một chút. Tiện thể, tôi không tin là có một tay chuyên nghiệp trên đó.”

“Thật không?”

“Những kẻ chuyên nghiệp thường xóa sạch dấu vết. Bỏ lại đó những vỏ đạn rỗng chẳng khác gì để lại tấm danh thiếp. Nhưng dẫu có là một kẻ a-ma-tơ với một khẩu súng trường Marklin thì điều đó cũng chẳng khiến tôi cảm thấy an tâm hơn chút nào.”

Meirik phát ra vài tiếng ậm ừ nữa. Rồi ông ta gật đầu.

“Được rồi. Và nhớ liên tục cho tôi biết tin nếu tìm thấy gì về các kế hoạch ngày Quốc khánh của bọn Quốc xã mới nhé!”

Harry dụi tắt điếu thuốc đang hút. Bên hông chiếc gạt tàn có hình con thuyền đáy bằng ghi dòng chữ *Venice, Italia*.

Linz.

Ngày 9 tháng Sáu năm 1944.

Một gia đình năm người xuống tàu nên họ được một mình cả toa tàu. Khi gia đình kia chậm rãi đi xuống, Helena đã chiếm một chỗ gần cửa sổ, cho dù cô không thấy được nhiều trong bóng tối, ngoại trừ hình dáng các tòa nhà kề con tàu. Anh ngồi đối diện cô, ngắm cô với nụ cười nở trên môi.

“Người Áo các em thật giỏi khi quan sát được trong bóng tối thế này!” anh nói. “Anh không thấy một ánh đèn nào hết.”

Cô thở dài. “Người ta chỉ giỏi làm những gì được bảo thôi.”

Cô nhìn đồng hồ đeo tay. Đã gần hai giờ sáng.

“Thành phố tiếp theo là Salzburg!” cô nói. “Gần đến biên giới Đức rồi. Và sau đó...”

“Là Munich, Zurich, Basle, Pháp và Paris. Em đã nói câu đó đến ba lần rồi!”

Anh nhoài tới trước, siết chặt bàn tay cô.

“Sẽ ổn cả thôi, rồi em sẽ thấy. Qua đây ngồi đi.”

Cô chuyển chỗ nhưng vẫn nắm chặt tay anh, nhẹ nhàng gối đầu lên vai anh. Bây giờ khi đang mặc quân phục trông anh rất khác.

“VẬY tên Brockhard này đã nộp một giấy chứng nhận y tế khác, có giá trị trong vòng một tuần à?”

“Vâng, hắn nói hắn sẽ gửi theo đường bưu điện trong chiều qua.”

“Tại sao thời gian gia hạn lại ngắn thế?”

“À thì để hắn kiểm soát tình hình và em tốt hơn. Mỗi lần em phải cho hắn nghe một lý do chính đáng để hắn gia hạn phép nghỉ ốm cho anh. Anh hiểu không?”

“Có, anh hiểu,” anh nói và cô trông thấy quai hàm anh nghiến chặt.

“Thôi lúc này đừng nói thêm gì về Brockhard nữa!” cô nói. “Kể chuyện em nghe đi.”

Cô vuốt má anh, anh thốt ra tiếng thở dài nặng nề. “Em thích nghe chuyện gì?”

“Bất kỳ chuyện gì anh thích.”

Những câu chuyện. Đó là cách anh thu hút sự chú ý của cô tại bệnh viện Rudolf II. Chúng rất khác so với các câu chuyện những người lính khác kể. Chuyện kể của Uriah thường có nội dung về lòng can đảm, tình đồng đội và niềm hy vọng. Như có lần anh vừa rời ca trực thì bỗng phát hiện ra một con chồn hôi trên ngực người bạn thân nhất, nó đang định xé toạc cổ họng cậu ấy khi cậu ấy đang ngủ say. Khoảng cách lúc đó là gần mười mét, và boong ke với những bức tường đất đen gần như chìm trong bóng tối. Nhưng anh không còn lựa chọn nào khác. Anh phải kê súng lên sát má và liên tục nhả đạn cho đến khi ổ đạn hết sạch. Và con chồn hôi ấy đã trở thành bữa ăn tối cho họ vào ngày hôm sau.

Có một vài câu chuyện khác như thế nữa. Helena không thể nhớ hết, nhưng cô nhớ rằng mình đã bắt đầu lắng nghe. Chuyện anh kể rất sống động và vui nhộn; một vài chuyện cô không chắc liệu mình có tin được không. Nhưng cô muốn tin vì chúng chính là liều thuốc giải chất độc của các câu chuyện khác về những số phận không thể cứu vãn, và những cái chết vô nghĩa.”

Khi con tàu tối om rùng mình và rung lắc xuyên qua màn đêm trên những đường ray mới sửa, Uriah kể chuyện lúc anh bắn chết một lính bắn tỉa người Nga trong vùng trung lập. Anh còn liêu ra ngoài đó làm lễ chôn cất theo đạo Thiên Chúa cho tên Bôn sê vích vô thần đó nữa, bằng những bài thánh ca và

đủ cả.

“Đêm đó anh hát hay đến mức!” Uriah nói, “anh còn nghe thấy cả tiếng vỗ tay từ phía quân Nga.”

“Thật á?” cô cười ồ.

“Còn hay hơn bất kỳ bài hát nào em từng nghe ở *Staatsoper* đây.”

“Nói xạo.”

Uriah kéo cô lại sát bên anh hơn, rồi dịu dàng hát vào tai cô.

Hỡi chiến hữu quây quần bên đống lửa, nhìn đuốc vàng sáng rực, giục binh sĩ ngắm bắn cao hơn nữa, nguyện đem thân đứng lên chiến đấu.

Trong ánh lửa bập bùng lấp lánh, thấy Na Uy từ thuở xa xưa, thấy nhân dân từ tro tàn đứng dậy, thấy họ hàng trong thời bình, lúc chiến tranh.

Thấy cha ông chiến đấu vì tự do, chịu mất mát, dù nam hay nữ, thấy hàng nghìn người đứng lên để đánh lại, dâng tất cả cho mảnh đất thân yêu.

Thấy nam nhi ngoài kia tuyết lạnh, kiêu hãnh vui mừng vì chiến đấu gian nguy, tim hừng hực ý chí và sức mạnh, đứng vững vàng trên mảnh đất cha ông.

Thấy tuổi tên những người lính Na Uy, sống mãi trong trường thiên sáng chói, người muôn năm cũ mà vẫn đâu đây, vẫn được nhớ từ đăm lầy tới vịnh hẹp.

Những người giương lá cờ đỏ, vàng của những người vĩ đại, Chúng tôi chào ngài trung úy đầy nhiệt huyết: Quisling, người lãnh đạo ba quân và cả quốc gia.

• • •

Sau đó Uriah im lặng, nhìn chăm chăm vô hồn ra ngoài cửa sổ. Helena biết rằng những suy tư của anh đang trôi đi rất xa nên để mặc anh với những suy nghĩ của mình. Cô quàng tay quanh ngực anh.

Ra ta ta tat - ra ta ta tat - ra ta ta tat.

Nghe như thể ai đó đang chạy phía dưới họ vậy, ai đó đang cố gắng bắt họ.

Cô thấy khiếp sợ. Không phải vì lãnh thổ xa lạ đang trải ra trước mắt họ, mà đúng hơn là vì người đàn ông xa lạ cô đang ngồi nép vào. Lúc này anh thật gần gũi, mọi thứ cô đã thấy và quen thuộc từ khoảng cách xa dường như không còn nữa.

Cô lắng nghe nhịp đập tim anh, nhưng tiếng đoàn tàu xịch xịch trên đường ra y quá âm ỉ, nên cô đành cứ tin rằng trái tim anh vẫn nằm trong lồng ngực. Cô mỉm cười với mình; những ngọn sóng hân hoan vỗ khắp người cô. Ôi mình mới ngớ ngẩn làm sao, ngớ ngẩn quá đi thôi! Cô hoàn toàn chẳng biết gì về anh: anh nói với cô quá ít về bản thân, mà thay vào đó chỉ kể cô nghe những câu chuyện này.

Quân phục của anh có mùi nấm mốc. Trong một giây cô chợt nhận ra đó đó cũng là thứ mùi sẽ vương trên quân phục người lính khi anh nằm chết trên chiến trường được một thời gian. Hoặc khi anh đã được chôn. Nhưng những ý tưởng này từ đâu đến? Cô đã căng thẳng quá lâu đến mức tận bây giờ cô mới nhận ra mình mệt mỏi thế nào.

“Ngủ đi,” anh nói, đáp lại dòng suy nghĩ của cô.

“Vâng,” cô đáp. Cô mơ hồ nhớ là mình đã nghe thấy tiếng còi báo động máy bay ném bom xa xa, khi cả thế giới xung quanh cô dần khép lại.

• • •

“Cái gì thế?”

Helena nghe thấy giọng chính mình, cảm thấy Uriah đang lay người cô, và cô giật mình, điều đầu tiên xuất hiện trong đầu khi cô trông thấy người đàn ông mặc đồng phục đứng ở ngưỡng cửa là họ đã bị bắt.

“Vui lòng cho xem vé.”

“À,” cô thốt lên, cố gắng lấy lại bình tĩnh và cảm thấy đôi mắt soi mói của

người soát vé nhìn mình khi luống cuống lục lọi trong túi xách. Cuối cùng cô tìm thấy hai tấm vé bằng bìa cứng màu vàng cô đã mua ở Vienna, trao cho người soát vé. Ông ta xem xét hai tấm vé trong khi vẫn lắc lư trên hai gót chân theo nhịp điệu đoàn tàu. Ông ta soát vé lâu đến mức khiến Helena bắt đầu thấy khó chịu.

“Hai người sẽ đến Paris,” ông ta hỏi, “Cùng nhau à?”

“Ganz Genau(*),” Uriah đáp.

Người soát vé là một ông lớn tuổi. Ông ta nhìn họ.

“Cậu không phải là người Áo, nghe giọng cậu tôi đoán được”

“Không, tôi là người Na Uy.”

“À, Na Uy. Tôi nghe nói nơi đó rất đẹp.”

“Vâng, cảm ơn ông. Ông có thể nói vậy.”

“Vậy là cậu tình nguyện tòng quân chiến đấu cho Hitler à?”

“Tôi đã làm rồi. Tôi đã chiến đấu tại Mặt trận phía Đông. Ở khu Bắc.”

“Thật sao? Ở đâu khu Bắc?”

“Gần đồi Leningrad.”

“Hừm. Và giờ thì cậu đi Paris. Đi cùng với...”

“Bạn gái.”

“Bạn gái, chính xác rồi. Nghỉ phép à?”

“Vâng.”

Ông soát vé đục lỗ vé cho họ. “Cô từ Vienna à?” ông ta hỏi Helena, trả lại vé. Cô gật đầu. “Tôi có thể thấy cô là người theo đạo Thiên Chúa,” ông ta nói, chỉ tay vào cây thập giá trên sợi dây chuyền cô đeo ngoài áo choàng. “Vợ tôi cũng thế.”

Ông ta ngả người ra sau quan sát hành lang. Rồi quay về phía Uriah, ông ta hỏi. “Bạn gái cậu đã dẫn cậu đi xem Stephansdom(*) ở Vienna chưa?”

“Không, tôi đã phải nằm viện, thế nên thật không may là tôi không có nhiều dịp đi ngắm cảnh thành phố.”

“Đúng rồi. Không tình cờ là một bệnh viện Thiên Chúa giáo đấy chứ?”

“Vâng, bệnh viện Rudo...”

“Vâng,” Helena cướp lời. “Một bệnh viện Thiên Chúa giáo.”

“Hừm.”

Sao ông ta còn chưa biến đi nhỉ? Helena nghĩ.

Ông soát vé lại hăng giọng.

“Vâng?” Cuối cùng Uriah hỏi.

“Không phải là việc của tôi, nhưng tôi hy vọng cô cậu nhớ rằng cô cậu có giấy tờ chứng minh được rằng cô cậu đang nghỉ phép.”

Giấy tờ? Helena nghĩ. Trước kia cô đã hai lần đến Pháp cùng với bố, trong đầu cô chưa từng nghĩ họ cần phải có thứ giấy tờ gì khác ngoài hộ chiếu.

“Vâng, đó không phải là vấn đề đối với cô, *Fraulein*(*), nhưng với anh chàng mặc quân phục này, điều cơ bản là cậu ấy phải mang theo giấy tờ chứng minh chỗ cậu ấy trú quân, và cậu ấy đang đi đâu!”

“Dĩ nhiên chúng tôi có giấy tờ chứ!” cô nói lớn tiếng. “Chắc ông không nghĩ chúng tôi đi du lịch mà lại thiếu giấy tờ chứ?”

“Không, không, dĩ nhiên là không,” ông soát vé hấp tấp trả lời. “Tôi chỉ muốn nhắc nhở hai người thôi. Vài ngày trước...” Ông hướng sự chú ý sang người Na Uy. “... họ đã bắt giữ một thanh niên rõ ràng không có lệnh phải đến nơi anh ta định đến. Do vậy anh ta bị xử như một kẻ đào ngũ. Họ đưa anh ta xuống sân ga và bắn chết anh ta.”

“Ông không nói thật đâu.”

“Tôi e rằng có đấy. Tôi không muốn làm hai người sợ, nhưng chiến tranh là chiến tranh. Và vì hai cô cậu có giấy tờ chính thức, tôi hy vọng cô cậu sẽ không có vấn đề gì khi chúng ta đến biên giới ngay sau khi rời Salzburg.”

Toa tàu tròng trành, ông soát vé phải bám chặt vào khung cửa. Ba người im lặng nhìn nhau.

“VẬY ĐÓ LÀ CHỐT KIỂM SOÁT ĐẦU TIÊN À?” Cuối cùng Uriah hỏi. “Sau Salzburg?” Ông soát vé gật đầu. “Cảm ơn ông,” Uriah đáp.

Ông soát vé hăng giọng: “Tôi có một con trai bằng tuổi cậu. Nó hy sinh ngoài mặt trận, gần Dnepr.”

“Tôi rất tiếc khi nghe điều đó.”

“Thôi, xin lỗi đã đánh thức cô dậy, *Fraul ein. MeinHerr(*)*.”

Ông ta đứng nghiêm chào rồi bỏ đi.

Helena kiểm cho chắc cửa đã đóng hẳn rồi mới vùi mặt vào hai bàn tay.

“Làm sao em lại có thể ngây thơ đến thế chứ?” Cô nức nở.

“Đừng khóc mà,” anh quàng tay qua vai cô. “Lẽ ra anh nên nghĩ đến chuyện giấy tờ. Suy cho cùng thì anh đã biết mình không thể tự do muốn đi đâu thì đi.”

“Thế nếu anh nói với họ anh đang nghỉ ốm, và nói rằng anh thấy muốn đi Paris? Đó là một phần của Đệ tam Đế chế. Đó là...

“Thì họ sẽ gọi cho bệnh viện, và Brockhard sẽ nói rằng anh đã bỏ trốn.”

Cô ngả người vào anh, khóc nức nở trong lòng anh. Anh nhẹ nhàng vuốt ve mái tóc nâu mượt mà của cô.

“Thêm nữa, lẽ ra anh nên biết rằng điều này tốt đẹp đến mức không thể là thật được,” anh nói. “Ý anh là -... anh và Schwester Helena ở Paris ư?”

Cô còn nghe được nụ cười trong giọng của anh.

“Không, anh sẽ thức dậy trên giường bệnh sớm thôi, nghĩ rằng đây chỉ là một giấc mơ mà. Và trông chờ em mang cho anh bữa sáng. Dù sao thì em cũng có ca trực vào đêm mai. Em chưa quên điều đó mà, đúng không? Thế thì anh có thể kể em nghe chuyện Daniel thó được hai mươi khẩu phần ăn của một đơn vị lính Thụy Điển.”

Cô ngược lên nhìn anh, khuôn mặt đăm lệt.

“Hôn em đi, Uriah.”

*Silian, Telemark.**Ngày 22 tháng Hai năm 2002.*

Harry xem đồng hồ đeo tay lần nữa rồi thận trọng nhân chân. Giờ hẹn là bốn giờ, nếu anh đến nơi sau khi hoàng hôn xuống, toàn bộ chuyến đi này sẽ phí hoài. Phần lớp xe mùa đông còn nghiền vào lớp băng kêu lạo xạo. Cho dù chỉ mới chạy bốn mươi cây số trên đường rừng quanh co, đóng băng nhưng anh có cảm tưởng như đã vài giờ rồi từ khi rẽ khỏi đường chính. Cặp kính râm giá rẻ anh mua tại cây xăng cũng chẳng giúp được nhiều, đôi mắt anh nhức nhối vì ánh sáng chói chang hắt lên tuyết.

Cuối cùng anh thoáng thấy xe cảnh sát có biển đăng ký Skien bên vệ đường. Anh thận trọng phanh xe lại, cho xe vào lề và lấy đôi ván trượt tuyết trên nóc xe xuống. Đôi ván này là sản phẩm của một nhà sản xuất ván trượt ở Trondheim bị phá sản mười lăm năm trước. Chắc cũng gần bằng khoảng thời gian anh thêm vào ván trượt chút sáp, để bây giờ nó tạo thành một khối cứng xám xám ở đuôi ván trượt. Anh tìm được lối đi từ con đường mòn dẫn lên căn nhà gỗ như được mô tả. Đôi ván trượt găm chặt xuống lối đi như thể bị dán keo; có muốn anh cũng không thể di chuyển sang hai bên được. Khi anh tới điểm đến thì mặt trời đã hạ thấp trên những cây vân sam. Trên mấy bậc thềm của căn nhà gỗ ghép màu đen, hai người đàn ông mặc áo ngoài có mũ trùm đầu đang ngồi cùng một thằng bé. Harry vốn không quen biết bất kỳ trẻ vị thành niên nào, anh đoán chừng nó vào khoảng, từ mười hai đến mười sáu tuổi.

“Ove Bertelsen?” Harry dò hỏi, tì vào hai cọc trượt tuyết. Anh hết cả hơi.

“Là tôi,” một trong hai người đàn ông đáp, đứng dậy bắt tay, “Còn đây là sĩ quan Folldal.”

Người kia dè dặt gật đầu.

Harry nghĩ chắc thằng bé là người đã bắt gặp các vỏ đạn.

“Tôi chắc thật tuyết vùi khi thoát khỏi bầu không khí Oslo nhỉ!” Bertelsen nói. Harry rút ra bao thuốc lá. “Tôi sẽ cho rằng thậm chí còn tuyết vùi hơn khi thoát được bầu không khí ở Skien.” Folldal bỏ mũ xuống, thẳng lưng lên.

Bertelsen mỉm cười: “Trái với những gì người ta nói, không khí ở Skien này còn trong lành hơn bất kỳ thành phố nào khác ở Na Uy.”

Harry khum hai bàn tay quanh que diêm và châm thuốc. “Đúng không đấy? Tôi sẽ ghi nhớ điều đó. Anh có tìm được gì không?”

“Đằng kia.”

Ba người kia đi ván trượt tuyết vào, rồi có Folldal dẫn đường họ chậm chạp lê bước dọc lối đi đến một khoảng rừng thưa. Folldal đưa gậy trượt tuyết chỉ vào một tảng đá đen sì đang nhô lên trên tuyết khoảng hai mươi phân.

“Thằng bé phát hiện những vỏ đạn trong tuyết cạnh tảng đá đó. Tôi cho rằng chắc của thợ săn nào đó đang tập bắn súng. Anh có thể thấy những dấu vết của ván trượt gần đó. Hơn một tuần rồi trời không có tuyết, thế nên chỉ có thể là dấu vết của hắn. Có vẻ như hắn đã dùng ván trượt rộng Telemark(*).”

Harry khom xuống. Một ngón tay anh dò theo tảng đá thì gặp dấu của ván trượt tuyết rộng.

“Hoặc là ván trượt bằng gỗ loại cũ.”

“Vậy à?”

Anh giơ lên một mảnh gỗ bé xíu.

“Ồ, tôi không tìm thấy,” Folldal đáp, đưa mắt sang Bertelsen.

Harry quay về phía thằng bé. Nó mặc chiếc quần đi săn rộng thùng thình,

túi quần ở khắp nơi cùng chiếc mũ len kéo sụp xuống che kín đầu.

“Cháu tìm thấy những viên đạn ở bên phía nào của tảng đá?”

Thằng bé đưa tay chỉ. Harry tháo ván trượt tuyết ra, bước vòng quanh tảng đá và nằm ngửa ra trên tuyết. Bầu trời bây giờ có màu xanh sáng, như trong những ngày đông quang đãng ngay trước khi mặt trời lặn. Anh lặn mình sang bên và nhìn qua tảng đá, theo hướng khoảng rừng thưa nơi họ đã đi vào. Ở đó có bốn gốc cây.

“Cháu có tìm thấy viên đạn hoặc dấu hiệu săn bắn nào không?”

Folldal đưa tay lên gãi gãi sau gáy. “Ý anh là chúng tôi đã khám xét từng thân cây trong vòng bán kính nửa cây số chưa chứ gì?”

Bertelsen kín đáo đặt một bàn tay đeo găng lên miệng Folldal. Harry búng tàn thuốc, xem xét đầu điều thuốc đang cháy.

“Không, ý tôi là hai người đã kiểm tra các gốc cây đằng kia chưa?”

“Tại sao chúng tôi lại phải kiểm tra riêng những gốc cây đó?” Folldal hỏi.

“Vì Marklin làm ra loại súng trường nặng nhất thế giới. Một khẩu súng nặng mười lăm cân không phải là lựa chọn lý tưởng cho tư thế đứng bắn. Thế nên sẽ là tự nhiên khi cho rằng hắn phải kê súng lên tảng đá này mà nhắm bắn. Súng trường Marklin đẩy vỏ đạn ra bên phải. Vì đã tìm thấy vỏ đạn dùng rồi bên phải tảng đá, chắc hắn phải bắn theo hướng chúng ta vừa từ đó đến đây. Thế nên sẽ không hề vô lý khi cho rằng hắn đặt cái gì đó trên một gốc cây đằng ấy để nhắm bắn đúng không?”

Bertelsen và Folldal nhìn nhau. “À, tốt nhất là chúng tôi sẽ đi kiểm tra xem.”

“Trừ phi đây là một con bọ cánh cứng to đùng chết tiệt...” Ba phút sau Bertelsen nói. “... nếu không thì phải là một lỗ đạn to chết tiệt.”

Ông ta quỳ xuống tuyết và thọc ngón tay vào một trong mấy gốc cây. “Chết tiệt, viên đạn đi vào sâu quá. Tôi không sờ thấy nó.”

“Nhìn vào trong đi,” Harry nói.

“Tại sao?”

“Để xem nó có bắn xuyên qua không.” Harry đáp.

“Xuyên qua cả cây vân sam to đùng này ư?”

“Cứ nhìn thử xem anh có thấy được ánh sáng không.”

Harry nghe thấy Folldal khịt mũi sau lưng mình. Bertelsen ghé mắt nhìn vào lỗ.

“Đức Mẹ ơi...”

“Anh có thấy gì không?” Folldal hét lên.

“Chỉ là cả nửa dòng sông Siljan chết tiệt.”

Harry quay về phía Folldal, gã đang quay lưng lại anh để nhỏ bọt.

Bertelsen đứng lên. “Áo chống đạn cũng chẳng giúp được nhiều nếu ăn phải một viên khôn này!” ông ta rên rỉ.

“Đúng vậy,” Harry nói. “Thứ duy nhất giúp được chính là tấm bọc thép chống đạn.” Anh dụi tắt điếu thuốc vào gốc cây, tự đánh chính: “Một tấm bọc thép chống đạn dày.”

Anh đứng trên đôi ván, trượt tới lui trong tuyết.

“Chúng ta sẽ phải nói chuyện với người dân trong các nhà gỗ bên cạnh!” Bertelsen đáp. “Có thể họ nghe thấy, nhìn thấy cái gì đó. Hoặc họ có thể thấy muốn thừa nhận rằng mình sở hữu khẩu súng trường từ địa ngục này!”

“Sau khi chúng ta đạt được thỏa thuận về sử dụng vũ khí với tổ chức Ân xá quốc tế vào năm ngoái..!” Folldal mở miệng, nhưng đổi ý khi Bertelsen trừng mắt nhìn anh ta.

“Còn điều gì chúng tôi có thể giúp nữa không?” Bertelsen hỏi Harry.

“À,” Harry đáp, cau có nhìn theo hướng con đường rừng. “Hai người giúp tôi đẩy xe để khởi động được chứ?”

Bệnh viện Rudoli II, Vienna.

Ngày 23 tháng Sáu năm 1944.

Mọi chuyện cứ như một thứ ký ức ảo giác với Helera. Mùi cỏ mới cắt tràn vào hành lang qua những ô cửa sổ mở trong buổi sáng mùa hè ấm áp. Đã hai tuần đêm nào cũng có đánh bom, nhưng cô cũng chẳng nghĩ thấy mùi khói. Cô đang nắm trong tay một bức thư. Một bức thư tuyệt vời! Ngay cả bà y tá trưởng vốn khó chịu, cộc cằn cũng phải mỉm cười khi Helena reo vang *Guten Morgen*.

Bác sĩ Brockhard ngược mắt từ giấy tờ lên ngạc nhiên khi thấy Helena xộc vào văn phòng mình.

“Ồ?” anh ta nói.

Brockhard bỏ kính xuống, hướng cái nhìn không tự nhiên về phía cô. Cô bắt gặp hình ảnh cái miệng ẩm ướt đang ngậm hai đầu cặp kính. Cô ngồi xuống ghế.

“Christopher,” cô mở lời. Từ nhỏ tới giờ cô mới gọi anh ta bằng tên thánh. “Tôi có chuyện muốn nói với anh!”

“Tốt,” anh ta nói. “Đó chính xác là điều tôi đang mong chờ.”

Cô biết anh ta đang mong chờ cái gì: một lời giải thích tại sao vẫn chưa đáp ứng nguyện vọng của anh ta mà đến căn hộ của anh ta ở tòa nhà chính, mặc dù anh ta đã gia hạn giấy chứng nhận y tế của Uriah đến hai lần. Helena đổ lỗi cho vụ đánh bom, nói rằng cô không dám ra ngoài. Anh ta bèn ngỏ lời đến thăm cô tại nhà nghỉ mát của mẹ cô, nhưng cô đã từ chối thẳng.

“Tôi sẽ nói với anh mọi thứ!” cô nói.

“Mọi thứ?” anh ta hỏi mà nhếch mép cười.

À, cô nghĩ, gần như mọi thứ thôi. “Buổi sáng, Uriah...”

“Tên hẳn không phải Uriah, Helena.”

“Buổi sáng anh ta biến mất và anh rung chuông báo động, còn nhớ chứ?”

“Tất nhiên.”

Brockhard bỏ kính xuống bàn, song song với tờ giấy trước mặt. “Tôi đã tính đến chuyện báo cáo việc hẳn biến mất cho quân cảnh. Thế nhưng hẳn lại xuất hiện như một phép màu, với một câu chuyện đi lang thang trong rừng cả nửa đêm.”

“Anh ấy không ở trong rừng. Mà là đã bắt chuyến tàu đêm từ Salzburg.

“Thật không?” Brockhard ngả người ra lưng ghế, vẻ mặt đăm đăm, cho thấy anh ta không phải kiểu người thích tỏ ra ngạc nhiên.

“Anh ấy đã bắt chuyến tàu đêm từ Vienna trước nửa đêm, xuống tàu tại Salzburg trong khi chờ một tiếng rưỡi để chuyến tàu đêm quay lại. Anh ấy đã đến Hauptbahnhof lúc 9 giờ sáng hôm đó.”

“Hừm!” Brockhard chăm chú nhìn vào cây bút anh ta cầm giữa mấy đầu ngón tay. “Hẳn có nói lý do nào cho chuyến du ngoạn ngu ngốc này không vậy?”

“Ừm,” Helena đáp, không biết rằng mình đang mỉm cười, “anh có thể nhớ rằng sáng hôm đó tôi cũng đi làm muộn.”

“Có...”

“Tôi cũng từ Salzburg về!”

“Là thế sao?”

“Là thế đấy!”

“Tôi nghĩ cô sẽ phải giải thích đấy, Helena.”

Cô giải thích khi nhìn chăm chặp mấy đầu ngón tay của Brockhard. Một giọt máu đã tụ lại dưới ngòi bút.

“Tôi hiểu rồi,” Brockhard nói khi cô giải thích xong. “Cô đã nghĩ cô sẽ

đến Paris. Và cô nghĩ mình có thể trốn ở đó được bao lâu?”

“Có lẽ rõ ràng là chúng tôi chẳng nghĩ ngợi gì hết. Uriah nghĩ rằng chúng tôi nên đến Mỹ. Đến New York.”

Brockhard cười nhạt. “Cô là một cô gái rất nhạy cảm, Helena. Tôi có thể thấy chắc hẳn kẻ lật lọng này đã khiến cô lóa mắt bằng những lời lừa mị lý thú về nước Mỹ. Nhưng cô biết gì không?”

“Biết gì cơ?”

“Tôi tha thứ cho cô.”

Thấy cô trở mắt nhìn, anh ta nói tiếp, “Phải, tôi tha thứ cho cô. Có lẽ cô đáng bị trừng phạt, nhưng tôi biết trái tim những thiếu nữ trẻ thao thức thế nào.”

“Đó không phải sự tha thứ mà tôi...”

“Mẹ cô thế nào? Giờ bà ấy chỉ còn một mình thì hẳn khó khăn lắm nhỉ. Có phải bố cô bị tuyên án tù ba năm không?”

“Bỏn. Anh vui lòng lắng nghe được không, Christopher?”

“Tôi xin cô, đừng nói hay đừng làm gì có thể khiến cô phải hối tiếc, Helena. Những gì cô đã nói với tôi chẳng thay đổi được gì đâu. Thỏa thuận vẫn như thế.”

“Không!” Helena đứng lên nhanh đến mức làm ghế lật úp và giờ cô mới dần mạnh xuống bàn lá thư cô đã vò trong tay từ nãy giờ.

“Tự anh xem đi! Anh không còn quyền thế đối với tôi nữa đâu. Hay Uriah.” Brockhard liếc nhìn lá thư. Phong bì nâu đã mở chẳng có ý nghĩa gì với anh ta. Lấy lá thư ra, anh ta đeo kính lên rồi bắt đầu đọc.

Lực lượng Vũ trang SS Berlin, ngày 22 tháng Sáu

Chúng tôi vừa nhận được yêu cầu của cảnh sát trưởng Na Uy, Jemas Lie, chuyển giao anh cho cảnh sát Oslo để tiếp tục phục vụ, và điều này có hiệu lực ngay lập tức. Vì anh là công dân Na Uy nên chúng tôi chẳng có lý do gì mà không tuân theo: Do đó lệnh này hủy bỏ các mệnh lệnh trước đó cho anh gia nhập Lực lượng Vệ quốc. Anh sẽ được những người có thẩm quyền thuộc

cảnh sát Na Uy thông báo chi tiết về thời gian và địa điểm gặp.

Heinrich Himmler

Chỉ huy trưởng Lực lượng (SS)

Brockhard phải nhìn chữ ký đến hai lần. Đích thân Heinrich Himmler ký! Anh ta giờ lá thư ra chỗ sáng để soi.

“Anh có thể kiểm tra nếu muốn, nhưng tôi cam đoan với anh nó là thật đấy!” Helena nói.

Qua ô cửa sổ mở, cô nghe thấy chim hót ngoài vườn. Brockhard hắng giọng hai cái rồi mới nói.

“Vậy là cô đã viết thư gửi cho cảnh sát trưởng Na Uy à?”

“Uriah đã viết cho ông ấy. Tôi chỉ đi gửi nó thôi.”

“Cô gửi thư đi à?”

“Đúng. Thực ra là không. Tôi đánh điện gửi đi.”

“Cả lá đơn à? Vậy chắc phải tốn...”

“Việc khẩn cấp.”

“Heinrich Himmler...” anh ta nói, với chính mình hơn là với cô.

“Tôi rất tiếc, Christopher.”

Một lần nữa là tiếng cười khô khốc. “Cô thấy tiếc à? Chẳng phải cô đã có được đúng điều cô muốn rồi sao, Helena?”

Cô gượng một nụ cười thân thiện.

“Tôi có việc muốn nhờ anh, Christopher?”

“Ồ!”

“Uriah muốn tôi sang Na Uy với anh ấy. Tôi cần thư giới thiệu của bệnh viện để xin giấy thông hành.”

“Và bây giờ cô sợ tôi sẽ thọc gậy bánh xe à?”

“Cha anh đang làm trong ban quản lý.”

“Phải, nên tôi có thể gây rắc rối cho cô.” Anh ta xoa cằm. Cái nhìn chú mục vào giữa trán cô.

“Dù xảy ra bất cứ chuyện gì, Christopher ạ, anh cũng không ngăn được

chúng tôi đâu. Uriah và tôi yêu thương nhau. Anh có hiểu không?”

“Tại sao tôi lại phải đi giúp con điếm của một tên lính nhỉ?”

Miệng Helena há hốc. Ngay cả khi nghe từ miệng một người cô khinh bỉ, một người rõ ràng hành động trong cơn giận dữ, cái từ đó vẫn đau đớn như một cái tát. Nhưng cô chưa kịp trả lời thì khuôn mặt Brockhard đã nhăn nhúm lại như thể anh ta mới là người bị tát.

“Tha lỗi cho tôi, Helena. Tôi... chớ chết thật!” Anh ta bất thần quay lưng lại phía cô. Helena muốn đứng lên bỏ đi, nhưng cô không tìm ra từ nào tự giải phóng mình. Giọng anh ta căng thẳng khi nói thêm: “Tôi không có ý làm tổn thương em, Helena.”

“Christopher..”

“Em không hiểu đâu. Tôi không nói thế này chỉ vì ngạo mạn, nhưng tôi có những tính tốt mà rồi dần dà em sẽ yêu mến. Có thể tôi đã đi quá xa, nhưng hãy nhớ rằng, tôi luôn luôn hành động vì lợi ích của em.”

Cô nhìn chăm chặp vào lưng anh ta. Chiếc áo choàng bác sĩ quá khổ so với đôi vai hẹp, xuôi. Hình ảnh ấy nhắc cô nhớ về một Christopher ngày thơ bé. Cậu ấy có những lọn tóc đen mềm mại và một bộ com lê hằn hoi dù chỉ mới mười hai tuổi. Có một mùa hè cô đã đem lòng yêu cậu ấy. Phải không nhỉ?

Anh ta buông một tiếng thở dài, run run. Cô bước một bước về phía anh ta, nhưng lại đổi ý. Sao cô phải thông cảm với con người này? Phải, cô biết tại sao. Vì trái tim cô đang ngập tràn hạnh phúc, cho dù cô chẳng làm gì nhiều để có được. Nhưng Christopher Brockhard, một người đã cố gắng từng ngày trong đời kiếm tìm hạnh phúc, thế mà vẫn luôn là một kẻ đơn độc.

“Christopher, tôi phải đi rồi.”

“Phải, dĩ nhiên. Cô phải làm những gì cô phải làm, Helena.”

Cô đứng lên, bước ra cửa.

“Còn tôi phải làm những gì tôi phải làm,” anh ta nói.

*Sở Cảnh sát.**Ngày 24 tháng Hai năm 2000.*

Wright chửi thề. Ông đã thử hết tất cả các núm trên máy chiếu để làm nổi bật hình ảnh mà không được.

Có tiếng người húng hắng.

“Tôi nghĩ có lẽ chính hình ảnh không được rõ, trung úy ạ. Ý tôi là không phải tại máy chiếu.”

“Ừ, thì dù sao đi nữa, đây cũng là Andreas Hochner,” Wright nói, đưa tay lên che mắt để thấy được những người có mặt. Căn phòng không có cửa sổ, nên vào những lúc thế này khi đèn đóm tắt hết, căn phòng tối như mực. Theo như Wright biết, phòng còn được thiết kế chống nghe trộm, dù như vậy nghĩa là thế nào đi nữa.

Ngoài ông ta, Andreas Wright, trung úy thuộc Cơ quan Tình báo Quân đội, chỉ có ba người nữa: thiếu tá Bard Ovesen của Cơ quan Tình báo Quân đội, Harry Hole, người mới của bên POT và Kurt Meirik, sếp POT. Chính Hole là người đã gửi fax cho ông tên của tay buôn vũ khí tại Johannesburg. Kể từ hôm đó, Harry không ngừng hỏi ông để lấy thông tin. Không nghi ngờ gì rất nhiều người ở POT dường như cho rằng Tình báo Quân đội chỉ đơn thuần là một bộ phận nhỏ thuộc POT. Rõ ràng họ đã không đọc quy định nêu rõ cả hai đều là tổ chức có cấp bậc ngang nhau cùng cộng tác làm việc. Nhưng Wright thì có. Thế nên cuối cùng ông đã giải thích cho người mới rằng những vụ án có mức độ ưu tiên thấp thì phải đợi. Nửa tiếng sau Meirik

gọi nói rằng đây là vụ có mức ưu tiên hàng đầu. Tại sao họ không chịu nói thể ngay từ đầu nhỉ?

Hình ảnh đen trắng mờ mịt trên màn hình cho thấy một người đàn ông đang bước từ nhà hàng ra; dường như được chụp từ cửa kính xe ô tô. Hắn ta có khuôn mặt to bè, lỗ mũi, cặp mắt đen với cái mũi to, không rõ nét và hàng ria mép đen rậm rì quặp xuống.

“Andreas Hochner, sinh năm 1954 tại Zimbabwe có bố mẹ là người Đức!” Wright đọc từ bản fax ông mang theo. “Từng làm lính đánh thuê ở Congo và Nam Phi, có lẽ dính líu đến buôn lậu vũ khí từ giữa những năm tám mươi. Mười chín tuổi hắn đã nằm trong số bảy tên bị kết tội sát hại một thằng bé da đen ở Kinshasa, nhưng được tha bổng do thiếu bằng chứng. Đã kết hôn và ly dị hai lần. Kẻ thuê hắn tại Johannesburg bị tình nghi đứng đằng sau việc tuần tên lửa phòng không vào Syria và mua vũ khí hóa học từ Iraq. Bị cho là đã cung cấp các khẩu súng trường đặc biệt cho Karadzic trong chiến tranh Bosnia. Huấn luyện các tay súng bắn tỉa trong cuộc bao vây Sarajevo. Phần cuối cùng vẫn chưa được xác nhận.”

“Làm ơn bỏ qua chi tiết đi,” Meirik nói, liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Nó lúc nào cũng chạy chậm nhưng được cái có dòng đề tặng tuyệt vời của Bộ Tư lệnh Quân đội ở mặt sau.

“Được rồi!” Wright đáp, lật lật qua các trang tài liệu còn lại. “Vâng, đây rồi. Andreas Hochner là một trong số bốn tên bị bắt giữ trong một cuộc truy kích những tên buôn vũ khí tại Johannesburg vào tháng Mười hai. Trong dịp này họ đã tìm thấy một danh sách đơn hàng được mã hóa. Một trong số các món hàng được yêu cầu là khẩu súng trường Marklin, gửi thẳng đến Oslo. Và ngày nhận đơn hàng: 21 tháng Mười hai. Hết.”

Cả phòng im lặng, chỉ nghe thấy tiếng ro ro của máy chiếu. Ai đó trong bóng tối cất tiếng húm háng. Nghe như là Bard Ovesen. Wright đưa tay che mắt.

“Sao ta có thể chắc rằng Hochner là nhân vật chủ chốt trong vụ án của

ta?” Ovesen hỏi.

Giọng nói của Harry Hole vang lên từ bóng tối.

“Tôi đã nói chuyện với thanh tra Isaiah Bume tại Hillbrow, Johannesburg. Anh ta có thể nói với tôi rằng sau các đợt bắt giữ, họ đã khám xét căn hộ của những kẻ có liên quan và tìm thấy một hộ chiếu thú vị trong căn hộ của Hochner. Ảnh là của hắn, nhưng tên thì hoàn toàn khác.”

“Một kẻ buôn vũ khí dùng tên giả thì không hẳn là... thuốc nổ,” Ovesen đáp.

“Tôi thì nghĩ nhiều hơn đến một con dấu họ đã tìm thấy trong đó. Oslo, Na Uy, ngày 10 tháng Mười hai.”

“Vậy là hắn đã đến Oslo,” Meirik đáp. “Có một người Na Uy trong danh sách khách hàng của công ty, và chúng tôi đã tìm thấy những vỏ đạn bắn ra từ khẩu súng trường khủng này. Như vậy Andreas Hochner đã đến Na Uy và chúng ta có thể giả sử một thương vụ đã được xúc tiến. Nhưng người Na Uy có tên trong danh sách là ai?”

“Thật không may, danh sách không cung cấp đầy đủ họ tên và địa chỉ!” giọng Harry cất lên. “Người khách hàng ở Oslo có tên là Uriah. Nhất định là một mật danh. Và theo lời thanh tra Bume tại Johannesburg, Hochner không có hứng nói chuyện cho mấy.”

“Tôi tưởng cảnh sát Johannesburg có những phương pháp thẩm vấn hiệu quả chứ!” Ovesen đáp.

“Có lẽ, nhưng chắc Hochner cảm mồm thì đỡ mạo hiểm hơn là nói. Một danh sách khách hàng rất dài...”

“Tôi nghe nói ở Nam Phi họ dùng điện!” Wright nói “Dưới bàn chân, trên hai núm vú và... Đau đớn kinh khủng lắm. Ai đó bật đèn lên được không?”

Harry: “Trong một vụ có liên quan đến việc mua vũ khí hóa học từ Saddam thì một chuyến công tác đến Oslo cùng một khẩu súng trường là khá nhỏ nhặt. Tôi nghĩ không may là người Nam Phi họ để dành điện cho những vấn đề quan trọng hơn, hãy nghĩ theo cách đó. Ngoài ra, vẫn chưa chắc chắn

Hochner biết Uriah là ai. Và do không có thông tin gì về Uriah, chúng ta phải đặt câu hỏi: kế hoạch của hắn là gì? Âm sát? Hay khủng bố?”

“Hoặc là ăn cướp,” Meirik đáp.

“Bằng một khẩu súng trường Marklin sao?” Ovesen nói. “Thế có khác gì giết gà dùng dao mổ trâu đâu.”

“Hay là bắn nhau vì ma túy?” Wright gợi ý.

“À,” Harry nói. “Một khẩu súng ngắn là đã đủ để giết người được bảo vệ nghiêm ngặt nhất Thụy Điển rồi. Và kẻ ám sát Olaf Palme(*) không bao giờ bị bắt. Vậy tại sao một khẩu súng trị giá hơn nửa triệu krone lại được dùng để bắn ai đó tại đây?”

“Cậu gợi ý thế nào, Harry?”

“Có lẽ mục tiêu không phải là người Na Uy, mà là ai đó từ nước ngoài đến. Ai đó không ngừng là mục tiêu của những kẻ khủng bố, nhưng được bảo vệ quá nghiêm ngặt tại quê nhà khiến âm mưu ám sát bất thành. Là người mà chúng nghĩ rằng chúng có thể giết hại dễ dàng hơn ở một đất nước nhỏ bé thanh bình mà chúng cho rằng các biện pháp an ninh sẽ tương ứng theo.”

“Nhưng là ai?” Ovesen hỏi. “Làm gì có ai ở đất nước này khớp với nhân vật đó.”

“Và cũng chẳng có ai sắp đến cả,” Meirik nói thêm.

“Có lẽ là về lâu dài hơn!” Harry nói.

“Nhưng vũ khí này đã đến đây hai tháng trước rồi!” Ovesen nói. “Thật vô lý nếu những kẻ khủng bố nước ngoài đến Na Uy hai tháng trước khi đến thời hạn hành động.”

“Có lẽ chúng không phải là người nước ngoài, mà là người Na Uy.”

“Chẳng ai ở Na Uy này có khả năng làm điều cậu đang gợi ý đâu,” Wright nói, mò mẫm tìm công tắc trên tường.

“Chính xác!” Harry đáp. “Đó là vấn đề.”

“Vấn đề?”

“Tuồng tượng một kẻ khùng bố nước ngoài khét tiếng muốn lấy mạng ai đó tại chính đất nước của hắn, và người này sẽ đến Na Uy. Các cơ quan mật vụ tại quốc gia hắn sống bám sát nhất cử nhất động của hắn, thế nên thay vì đích thân mạo hiểm hắn ta liên hệ với một nhóm những kẻ cùng chí hướng ở Na Uy này. Chuyện chúng có thể là những kẻ nghiệp dư thực ra lại là một lợi thế, vì kẻ khùng bố biết rằng nhóm này sẽ không thu hút sự chú ý của cảnh sát.”

Meirik: “Những vỏ đạn rơi rớt lại có thể cho thấy chúng là những kẻ nghiệp dư, đúng rồi.”

“Tên khùng bố và kẻ nghiệp dư thỏa thuận rằng kẻ khùng bố tài trợ để mua một thứ vũ khí đắt tiền, và sau đó cắt đứt mọi liên lạc. Chẳng thể nào lần được dấu vết tên khùng bố. Theo cách này hắn đã khởi động một quá trình, liều mất nhiều tiền mặt hơn một chút.”

“Nhưng chuyện gì xảy ra nếu gã nghiệp dư này không có khả năng thực hiện phi vụ?” Ovesen hỏi. “Hoặc nếu chúng quyết định bắn súng rồi ôm tiền bỏ trốn thì sao?”

“Dĩ nhiên có bao gồm một rủi ro nhất định, nhưng chúng ta phải giả sử rằng tên khùng bố cho rằng kẻ nghiệp dư này có động cơ rất cao. Chính hắn cũng có thể có động cơ cá nhân buộc hắn phải đưa thân ra làn đạn để thực hiện nhiệm vụ này.”

“Giả thiết thú vị,” Ovesen nói. “Và cậu sẽ thử nghiệm giả thiết này thế nào đây?”

“Ta không thể làm thế. Tôi đang nói đến một kẻ mà chúng ta chẳng biết gì về hắn. Chúng ta không biết hắn suy nghĩ như thế nào; chúng ta không thể trông cậy hắn hành động một cách duy lý.”

“Tốt” Meirik nói. “Chúng ta có giả thiết nào khác về việc vũ khí này cuối cùng lại có mặt ở Na Uy như thế không?”

“Vô số,” Harry đáp. “Nhưng đây là kịch bản tồi tệ nhất có thể có”

“Hừm,” Meirik thờ dãi. “Rốt cuộc việc của chúng ta là truy đuổi những

bóng ma, nên tốt nhất là ta xem có nói chuyện với tên Hochner này được không. Tôi sẽ gọi vài cuộc cho... aaaaa!”

Wright đã tìm thấy công tắc, ánh sáng trắng chói mắt tràn ngập căn phòng.

*Biệt thự mùa hè của gia đình Lang, Vienna.**Ngày 25 tháng Sáu năm 1944.*

Helena đang ngắm nghía trước gương trong phòng ngủ. Giá như cô được phép mở cửa sổ để nghe thấy tiếng bước chân trên đường lái xe vào nhà rải sỏi, nhưng mẹ cô rất nghiêm ngặt về chuyện tắt hết đèn đóm. Cô ngắm tấm ảnh bố trên bàn trang điểm. Cô vẫn luôn kinh ngạc khi thấy ông trông trẻ trung, hồn nhiên đến vậy trong ảnh.

Cô kẹp tóc lại bằng một cái kẹp trâm, như cô luôn làm. Có nên làm khác không nhỉ? Beatrice đã thu nhỏ lại chiếc váy vải muslin đỏ của mẹ cô, sao cho vừa khít dáng người cao gầy của Helena. Khi gặp bố, mẹ cô đã mặc nó. Ý nghĩ này thật kỳ lạ, xa xôi và khá đau lòng theo một cách nào đó. Có thể là vì khi mẹ kể với cô về quãng thời gian này, như thể bà đang nói về hai con người khác - hai con người quyến rũ, hạnh phúc luôn biết rằng họ đang đi về đâu.

Helena tháo trâm, lắc lắc đầu cho đến khi mái tóc nâu lòa xòa trước mặt. Chuông cửa reo vang. Cô nghe thấy tiếng bước chân Beatrice ở hành lang. Helena buông người xuống giường và cảm thấy nôn nao, bồn chồn. Cô không thể không thể - như thể cô đang trở lại là một đứa trẻ mười bốn tuổi tương tự một chuyện tình lãng mạn ngày hè! Cô nghe thấy tiếng nói chuyện khẽ từ dưới văng lên, giọng mũi gay gắt của mẹ, tiếng mặc áo lách cách khi bà Beatrice treo chiếc áo choàng của anh lên. Một chiếc áo choàng! Helena nghĩ. Anh ấy mặc áo choàng ngay cả khi tối nay là một trong những buổi tối

hè âm áp, oi bức họ không thường thấy trước thánɡ Tám.

Cô đợi và cứ đợi mãi, rồi nghe thấy tiếng mẹ gọi: “Helena!”

Cô nhòm dậy khỏi giường, cài lại chiếc trâm, nhìn xuống hai bàn tay, lặp lại với chính mình: *Bàn tay mình không to bè đâu.*

Cô liếc nhìn lại lần cuối vào gương - cô thật quyến rũ. Hít một hơi run run, cô bước ra khỏi cửa. “Hele...”

Mẹ ngừng gọi khi thấy Helena xuất hiện ở đầu cầu thang. Cô thận trọng đặt một chân xuống bậc trên cùng; đôi giày gót cao cô vừa chạy xuống cầu thang bỗng đâu trở nên loạng choạng không vững.

“Khách của con đến rồi!” mẹ nói.

Khách của con, nếu là trong bối cảnh khác thì có lẽ Helena đã bực với cách lựa chọn từ ngữ của mẹ, nhấn mạnh rằng bà không xem một tên lính đánh thuê nước ngoài là khách trong nhà. Nhưng đây là những thời điểm ngoại lệ, và Helena có thể hôn mẹ vì đã không tỏ ra khó chịu hơn. Ít nhất bà đã ra đón chào anh trước khi Helena xuất hiện.

Helena liếc qua Ueatrice. Bà quản gia mỉm cười, nhưng đôi mắt bà cũng thoáng vương nét u buồn như mẹ cô, Helena đưa mắt nhìn sang anh. Đôi mắt anh rực sáng và cô dường như cảm thấy sức nóng của chúng thiêu đốt trên má cô. Cô đành phải hạ ánh mắt xuống cái cổ da ngăm nâu, đã cạo nhẵn nhụi, cổ áo có những chữ “s” kép và bộ quân phục màu xanh lúc trên xe lửa còn nhăn nhúm nhưng giờ mới được là ủi. Trên tay anh cầm một bó hồng. Cô biết Beatrice đã ngỏ lời đưa bà cầm vào bình nhưng anh chỉ cảm ơn và bảo bà đợi để Helena nhìn thấy đã.

Cô dần thêm một bước. Bàn tay cô vịn nhẹ lên lan can. Giờ thì đơn giản hơn rồi. Cô ngẩng đầu lên, nhìn cả ba người một vòng. Và bất chợt, thật lạ lùng làm sao cô nhận ra đây là khoảnh khắc đẹp nhất đời mình. Vì cô đã biết những gì họ thấy và điều ấy hiện lên trong ánh mắt họ thế nào.

Mẹ cô đã nhìn thấy chính mình, nhìn thấy tuổi trẻ đã mất của mình, thấy những giấc mơ của bà đang bước xuống cầu thang, Beatrice trông thấy cô bé

bà đã nuôi lớn như chính con mình. Anh trông thấy người phụ nữ anh yêu nhiều đến mức không thể che giấu điều đó phía sau những ngượng ngùng và cách ứng xử tử tế của người Scandinavia.

“Trông con tuyệt lắm!” Beatrice nói không thành tiếng. Helena nháy mắt đáp lại, bước xuống cầu thang.

“Vậy là anh vẫn tìm được đường ngay cả trong cảnh tối như mực à?” cô mỉm cười với Uriah.

“Đúng,” anh trả lời bằng giọng to và rõ, trong hành lang trần cao, lát đá, câu trả lời vang vọng như trong nhà thờ.

• • •

Mẹ cô nói chuyện bằng giọng lạnh lạnh, gay gắt trong khi giọng Beatrice vắng ra vọng vào phòng ăn như một hồn ma thân thiện. Helena không thể rời mắt khỏi sợi dây chuyền kim cương mẹ cô đang đeo, món đồ trang sức quý giá nhất bà chỉ đeo vào những dịp đặc biệt.

Như một ngoại lệ, mẹ cô để cánh cửa dẫn ra vườn khép hờ. Màn mây buông xuống thấp đến mức họ có thể thoát được trận đánh bom đêm nay. Gió lùa qua cánh cửa mở khiến ánh lửa trên những ngọn nến stearin leo lét, những bóng sáng nhảy nhót trên chân dung những ông những bà nghiêm nghị cùng mang họ Lang. Mẹ cô đã chịu khó giải thích cho anh biết ai là ai, họ đã đạt được những gì và họ chọn chồng chọn vợ từ những gia đình thế nào. Uriah lắng nghe với cái mà Helena nghĩ rằng giống một thoáng cười mỉa mai, nhưng rất khó nhìn rõ trong cảnh tranh tối tranh sáng thế này. Mẹ đã giải thích rằng họ cảm thấy có trách nhiệm tiết kiệm điện khi đang có chiến tranh. Dĩ nhiên bà không nói đến tình hình kinh tế hiện thời của gia đình, rằng Beatrice là người hầu cuối cùng còn lại trong số bốn người hầu ban đầu.

Uriah bỏ đĩa xuống và hắng giọng. Mẹ cô đã xếp cho họ ngồi ở đầu bàn

ăn dài. Những người trẻ ngồi đối mặt nhau còn bà ngồi ở đầu kia bàn.

“Món ăn ngon lắm, thưa bác Lang.”

Đó chỉ là một bữa ăn giản dị: Không đơn sơ đến mức có thể hiểu như một sự xúc phạm, nhưng cũng không quá phô trương để khiến anh tin rằng mình là vị khách danh dự.

“Do Beatrice làm đấy!” Helena nồng nhiệt đáp. “Bác ấy làm món Wienerschnitzelw ngon nhất nước Áo. Anh đã thử qua chưa?”

“Theo như anh biết thì chỉ một lần thôi. Và nó không thể sánh được với món này.”

“Schioein,” mẹ cô nói. “Món mà cậu đã ăn có lẽ làm từ thịt lợn. Trong nhà này chúng tôi chỉ ăn thịt bê thôi, hoặc lúc túng thiếu thì gà tây.”

“Cháu không nhớ có tí thịt nào cả,” anh nói và mỉm cười. “Cháu nghĩ nó chỉ toàn trứng với vụn bánh mì thôi.”

Helena cười khẽ, chợt nhận được cái trừng mắt thật nhanh của mẹ.

Cuộc đối thoại trở nên nhạt nhẽo vài bận trong suốt bữa ăn, nhưng sau những khoảng lặng dài, Uriah cũng thường tiếp nối câu chuyện như Helena hay mẹ cô. Trước khi mời anh đến ăn tối, Helena quyết tâm sẽ không để những gì mẹ cô nghĩ làm mình bận tâm. Uriah tuy lịch thiệp, nhưng anh xuất thân từ gia đình làm nông giản dị, không hề có sự tinh tế trong bản tính và cung cách đi kèm khi được nuôi dạy trong một ngôi nhà trang nhã. Tuy nhiên, hầu như cô không cần phải lo. Helena ngạc nhiên trước thái độ cư xử tự nhiên, lịch duyệt của anh.

“Có lẽ cậu đang dự tính tìm việc làm khi chiến tranh kết thúc?” mẹ cô hỏi, đưa miếng khoai tây cuối cùng vào miệng.

Uriah gật đầu, trong khi bà đang nhai nốt thì anh kiên nhẫn đợi câu hỏi tiếp theo không tránh khỏi.

“Nếu không phiền tôi có thể hỏi đó sẽ là công việc gì không?”

“Bưu tá ạ. Dù sao trước khi chiến tranh bùng nổ cháu đã được hứa một chỗ rồi.”

“Phát thư à? Chẳng phải ở nước cậu người ta ở cách xa nhau với vợ hay sao?”

“Không tệ đến thế ạ. Chúng cháu định cư ở bất kỳ nơi đâu có thể. Dọc theo những con vịnh hẹp, trong các thung lũng và những nơi khác được che mưa che gió. Sau đó dĩ nhiên là cũng có một số thành phố và những nơi rộng rãi hơn nữa.”

“Thế sao. Thú vị nhỉ. Cho phép tôi hỏi cậu có phải là người giàu có không?”

“Mẹ!” Helene ngậy người nhìn mẹ sừng sốt.

“Sao hả con yêu?” Mẹ cô đưa khăn ăn lên lau miệng, ra hiệu cho Beatrice dọn dẹp bát đĩa.

“Mẹ ăn nói nghe cứ như một buổi thẩm vấn ấy!” Đôi lông mày đen của Helena nhíu lại thành hình chữ V trên trán.

“Đúng đấy,” mẹ cô đáp, nâng ly lên, mỉm cười vẻ thanh thản với Uriah. “Đây là một buổi thẩm vấn mà.”

Uriah cũng nâng ly lên, mỉm cười lại.

“Cháu hiểu mà, bác Lang. Cô ấy là con gái duy nhất của bác. Bác hoàn toàn có quyền. Cháu muốn nói thậm chí bác có phận sự phải tìm hiểu rõ ràng cô ấy đã tìm cho mình loại đàn ông nào.”

Đôi môi mỏng của bà Lang hơi trễ ra để uống rượu, nhưng cốc rượu đưa lên nửa chừng bỗng khựng lại.

“Cháu không phải là người khá giả gì,” Uriah nói tiếp. “Nhưng cháu rất chăm chỉ làm việc. Đầu óc cháu cũng không tệ nên cháu sẽ tự xoay xở để nuôi sống bản thân, Helena và đương nhiên là vài người nữa. Cháu hứa sẽ chăm sóc cô ấy hết sức mình, thưa bác Lang.”

Helena vừa cảm thấy muốn cười lảm lảm, lại vừa cảm thấy phẫn khích đến lạ lùng.

“Ôi trời ơi!” mẹ cô thốt lên, đặt ly xuống lại. “Cậu đang đi hơi quá xa rồi, đúng không? Chàng trai trẻ.”

“Vâng.” Uriah top một ngum lớn rồi nhìn chăm chăm cái ly. “Và cháu phải nhắc lại rằng đây là loại rượu thực sự rất ngon, thưa bác Lang.”

Helena cố gắng đá vào chân anh, nhưng không thể với tới dưới gầm bàn bằng gỗ sồi.

“Thời gian này thật quá lạ lùng. Và cũng thật là ít ỏi.” Anh bỏ ly xuống, nhưng vẫn không rời mắt khỏi ly. Bóng dáng nụ cười Helena tưởng mình đã thấy giờ không còn nữa.

“Cháu từng ngồi trò chuyện với các đồng chí vào những buổi tối như thế này, bác Lang ạ. Nói về tất cả những gì mình sẽ làm trong tương lai, về đất nước Na Uy mới trông sẽ như thế nào, và về tất cả những giấc mơ mình sẽ thực hiện, một số giấc mơ vĩ đại và một số giấc mơ nhỏ bé. Một vài tiếng sau thì chúng cháu nằm chết trên chiến trường, chẳng còn tương lai gì nữa.”

Anh ngược mắt lên, nhìn thẳng bà Lang.

“Cháu tiến nhanh vì cháu đã tìm thấy người phụ nữ cháu mong muốn, và cô ấy cũng mong muốn cháu. Một cuộc chiến đang diễn ra ác liệt nên tất cả những gì cháu kể cho bác nghe về các kế hoạch tương lai chỉ là lời nói vô nghĩa. Cháu có một giờ để sống một đời, thưa bác Lang. Và có lẽ cả bác cũng chỉ có chừng ấy.”

Helena liếc rất nhanh sang phía mẹ. Dường như bà sững sờ.

“Hôm nay cháu vừa nhận được thư của cảnh sát Na Uy. Cháu phải trình diện với bệnh viện dã chiến ở trường Sinsen tại Oslo để kiểm tra. Ba ngày nữa cháu sẽ đi. Và cháu đang nghĩ đến việc đưa con gái bác đi cùng.”

Helena nín thở. Tiếng tích tắc chậm chạp của chiếc đồng hồ treo tường vang lên như tiếng bom. Kim cương của mẹ cô vẫn lấp lánh khi các cơ dưới làn da nhăn nheo trên cổ bà căng lên rồi dần ra. Một cơn gió mạnh bất ngờ từ cánh cửa dẫn ra vườn lùa vào khiến những ánh lửa nằm rạp xuống, những bóng đen nhảy múa giữa bàn ghế tối. Chỉ có cái bóng của Beatrice bên cửa bếp dường như đứng im phắc.

“Apfelstrudel” mẹ cô nói, vẫy tay với Beatrice. “Một đặc sản của

Vienna.”

“Cháu rất muốn bác biết rằng cháu thật sự mong chờ món này,” Uriah nói.

“Phải, và cậu nên thế,” mẹ cô nói, nặn ra một nụ cười mỉa mai nữa. “Bánh được làm từ táo trong vườn nhà chúng tôi.”

*Johannesburg.**Ngày 28 tháng Hai năm 2000.*

Đồn cảnh sát Hillbrow nằm ở trung tâm Johannesburg, trông như một pháo đài với dây thép gai trên bờ tường, lưới thép giáng trước những ô cửa sổ bé đến mức trông giống lỗ châu mai.

“Hai người đàn ông, da đen, bị giết chết tối qua, chỉ riêng trong khu vực cảnh sát này thôi,” sĩ quan Isaiah Bume nói khi dẫn Harry đi qua một mê cung các hành lang, những bức tường sơn trắng tróc lở và lớp vải lót sàn nhà đã mòn. “Anh có trông thấy khách sạn Carlton to đùng kia không? Nó đóng cửa rồi. Người da trắng đã dọn ra vùng ngoại ô từ lâu lắm rồi, nên giờ chỉ còn mỗi chúng tôi bắn nhau thôi.”

Isaiah xốc quần lên. Anh ta là người da đen, cao, chân vòng kiềng và hơi thừa cân. Chiếc áo sơ mi ni lông màu trắng có vòng mồ hôi đen sì ở hai bên nách.

“Andreas Hochner thường bị giam trong nhà tù mà chúng tôi hay gọi là *Thành phố Tội lỗi nằm ngoài thị trấn*. Hôm nay chúng tôi mang hấn tới đây tham gia các buổi thẩm vấn này.”

“Còn những cuộc thẩm vấn khác ngoài của tôi sao?” Harry hỏi.

“Đến nơi rồi,” Isaiah đáp, bật mở một cánh cửa. Họ bước vào một căn phòng có hai người đàn ông đứng khoanh tay, nhìn chăm chăm qua ô cửa sổ màu nâu.

“Gương hai chiều!” Isaiah thì thầm. “Hắn không thể thấy chúng ta đâu.”

Hai người đàn ông phía trước cửa sổ gật đầu với Isaiah và Harry rồi tránh đi.

Họ nhìn vào trong một căn phòng nhỏ, ánh sáng mờ mờ có cái ghế cùng một cái bàn nhỏ. Trên bàn có một gạt tàn đầy ắp đầu mẩu thuốc lá, một chiếc micro để trên giá. Người đàn ông đang ngồi trên ghế có cặp mắt đen và hàm ria đen rậm quặp xuống trên hai khóe miệng. Harry nhận ra ngay hấn từ những tấm ảnh mở của Wright.

“Người Na Uy à?” Một trong hai người kia lẩm bẩm, nghiêng đầu về phía Harry. Isaiah gật đầu xác nhận.

“Được rồi!” người này nói, quay về phía Harry, nhưng vẫn không rời mắt khỏi người đàn ông đang ngồi tại bàn. “Hấn là của anh đấy, người Na Uy. Anh có hai mươi phút.”

“Nhưng tờ fax nói là...”

“Vứt mẹ nó tờ fax đi, người Na Uy. Anh có biết có bao nhiêu nước muốn thăm vấn thằng cha này, hoặc muốn chúng tôi giao nộp hấn không?”

“À, không!”

“Cứ mừng là anh cũng được nói chuyện với hấn rồi đi,” anh ta nói.

“Tại sao hấn lại muốn nói chuyện với tôi?”

“Làm sao chúng tôi biết được? Anh đi mà hỏi hấn.”

Harry cố gắng hít thở từ bụng khi bước vào căn phòng thăm vấn chật hẹp, thiếu dưỡng khí. Trên tường, nơi những vệt gỉ sắt màu đỏ tạo thành hình như lưới sắt, treo một chiếc đồng hồ. Nó chỉ 10 giờ 30 phút. Tâm trí Harry đang hướng về hai cảnh sát đi theo sau, họ rất tinh mắt; chắc vì điều này mà tay anh rịn mồ hôi. Bóng người ngồi trên ghế đang cúi khom, mắt khép hờ.

“Andreas Hochner?”

“Andreas Hochner?” người đàn ông trên ghế lặp lại thì thầm. Mắt ngược lên tạo ấn tượng rằng hấn vừa nhận ra thứ hấn muốn giẫm nát dưới gót giày.

“Không, hấn đang ở nhà ngủ với mẹ mày đấy!”

Harry thận trọng ngồi xuống ghế. Anh tưởng như nghe thấy những tràng

cười hô hô từ phía bên kia tấm gương tối.

“Tôi là Harry Hole từ lực lượng cảnh sát Na Uy,” anh nhẹ nhàng nói. “Anh đã đồng ý nói chuyện với chúng tôi.”

“Na Uy à?” Hochner hỏi với một chút hoài nghi. Hắn cúi người tới trước, kiểm tra tấm thẻ cảnh sát Harry giơ lên. Rồi hắn mỉm cười hơi ngoan ngoãn.

“Xin lỗi, Hole. Chúng không nói với tôi hôm nay là ngày Na Uy, anh thấy đấy. Tôi đang đợi anh.”

“Luật sư của anh đâu?” Harry đặt chiếc cặp xuống bàn mở cặp lấy ra một tờ giấy ghi câu hỏi và một tập giấy ghi chép

“Quên gã đi. Tôi không tin tưởng gã đó. Micro có bật không thế?”

“Tôi không biết. Có vấn đề à?”

“Tôi không muốn mấy thằng mọi kia nghe thấy. Tôi có hứng thú muốn làm một thỏa thuận. Với anh. Với Na Uy.”

Harry nhìn lên từ tờ giấy có những câu hỏi. Đồng hồ trên đầu Hochner đang tích tắc. Đã ba phút rồi. Có điều gì đó mách bảo rằng anh sẽ không có được thời gian đã phân chia.

“Thỏa thuận kiểu gì?”

“Micro có bật không?” Hochner lí nhí qua kẽ răng.

“Thỏa thuận kiểu gì?”

Hochner trợn mắt. Rồi hắn chồm người qua bàn, nói tiếng thì thầm gấp gáp. “Ở Nam Phi, vì những thứ chúng cứ khăng khăng cho rằng tôi đã làm, tôi sẽ bị xử tội chết. Anh có hiểu tôi đang cố nói điều gì không hả?”

“Có thể. Tiếp tục đi.”

“Tôi có thể nói với anh đôi điều về kẻ ở Oslo, miễn là anh có thể bảo đảm chính phủ của anh sẽ yêu cầu chính phủ của lũ mọi kia ân xá cho tôi. Vì tôi đã giúp anh, đúng chưa nào. Nữ thủ tướng của nước anh, bà ta đang ở đây, đúng không? Bà ta và Mandela đã đi khắp nơi ôm hôn nhau. Đám đứng đầu Đại hội Dân tộc Phi hiện nay đang nắm quyền, họ thích Na Uy. Các anh ủng hộ họ. Các anh đã tẩy chay chúng tôi khi những thằng mọi kia muốn chúng

tôi bị tẩy chay. Chúng sẽ lắng nghe các anh, đúng không?”

“Tại sao anh không thể có thỏa thuận tương tự bằng cách giúp đỡ cảnh sát ở đây?”

“Mẹ nó!” Năm đấm của Hochner giáng xuống bàn, mạnh đến nỗi cái gạt tàn nảy tung lên bắn hết mấy đầu mẩu thuốc lá ra ngoài. “Mày không hiểu gì hết, con lợn này! Chúng nghĩ tao đã giết mấy thằng nhóc da đen.”

Hai bàn tay hấn bấu chặt lấy mép bàn, đôi mắt trợn tròn hết cỡ trừng trừng nhìn Harry. Rồi như thể khuôn mặt hấn rạn vỡ, nhăn nhúm như một quả bóng bị đâm xì. Hấn giấu mặt trong hai bàn tay.

“Chúng chỉ muốn nhìn tôi bị treo cổ, đúng không?”

Có một tiếng nức nở cay đắng. Harry dò xét hấn. Anh tự hỏi hai tay cảnh sát đã mất bao nhiêu giờ trong này để giữ Hochner tỉnh táo với những câu hỏi, trước khi anh tới đây. Anh hít một hơi sâu. Rồi anh cúi người qua bàn, một tay chộp lấy cái micro còn tay kia rút dây dẫn ra.

“Thỏa thuận xong, Hochner. Chúng ta có mười giây. Uriah là ai?”

Hochner nhìn anh giữa những kẽ ngón tay. “Cái gì?”

“Nhanh lên, Hochner. Họ sẽ vào ngay đây.”

“Ông ta... ông ta là một ông già, chắc chắn trên bảy mươi tuổi. Tôi chỉ gặp ông ta có một lần, lúc giao hàng.”

“Hấn ta trông thế nào?”

“Già, như tôi đã nói.”

“Mô tả đi!”

“Ông ta mặc áo choàng và đội mũ. Lúc đó đang giữa đêm, tại một bến cảng Container ánh sáng yếu lắm. Có đôi mắt xanh, tôi nghĩ vậy, tầm thước... ừm.”

“Hai người đã nói chuyện gì hả? Nhanh lên!”

“Chuyện linh tinh thôi. Ban đầu chúng tôi nói tiếng Anh, nhưng lại đổi khi ông ta nhận ra tôi nói được tiếng Đức. Tôi nói với ông ta rằng bố mẹ tôi dân vùng Elsass. Ông ta nói rằng ông ta đã đến đó, ở nơi nào đó có tên là

Sennheim.”

“Hắn có mưu đồ gì?”

“Không biết, nhưng ông ta là kẻ nghiệp dư. Ông ta nói chuyện rất nhiều, và khi ông ta có được súng, ông ta nói đó là lần đầu tiên ông ta cầm vũ khí sau hơn năm mươi năm. Ông ta nói ông ta căm ghét...”

Cánh cửa vào phòng mở toang. “Căm ghét cái gì?” Harry gào lên.

Đúng lúc đó, anh cảm thấy một cánh tay siết chặt xương đòn. Một giọng nói thô lỗ vọng vào tai anh.

“Ông đang làm cái quái gì thế hả?”

Harry vẫn nhìn thẳng vào mắt Hochner khi họ kéo giật lùi anh tới cửa. Đôi mắt Hochner đờ đẫn, vô hồn và yết hầu của hắn nhấp nhô. Harry thấy môi hắn cử động, nhưng không nghe được hắn nói gì.

Rồi cánh cửa đóng sầm lại trước mắt anh.

Harry xoa xoa cổ khi Isaiah lái xe đưa anh ra sân bay. Họ chạy xe được hai mươi phút rồi anh mới lên tiếng.

“Chúng tôi đã lo vụ này suốt sáu năm rồi. Danh sách các cuộc giao nhận vũ khí đã phủ khắp hai mươi quốc gia. Chúng tôi đã lo lắng về đúng chuyện xảy ra ngày hôm nay; rằng có ai đó dùng trợ giúp ngoại giao như trước mặt hắn để lấy thông tin.”

Harry nhún vai. “Thế thì sao? Các anh đã tóm được hắn và các anh đã làm việc của mình, Isaiah. Chỉ còn mỗi việc nhận huân chương thôi. Bất kể thỏa thuận gì, do ai lập ra giữa Hochner với chính phủ đều không liên quan gì đến các anh.”

“Anh là cảnh sát; Harry. Anh biết rõ để những tên tội phạm tự do là như thế nào, những kẻ chẳng chớp mắt khi xuống tay giết người. Những kẻ anh biết chúng sẽ tiếp tục công việc dang dở, ngay sau khi chúng lại được thả ra phố.”

Harry không đáp.

“Anh biết điều đó, đúng không? Tốt, bởi vì thỏa thuận là thế này. Nghe có

về như anh đã có thỏa thuận từ phía anh với Hochner. Như thế có nghĩa là tùy thuộc vào anh có muốn giữ phần mình không hoặc từ bỏ. Đúng không?”

“Tôi chỉ đang làm việc của mình thôi, Isaiah, và một lúc nào đó tôi có thể sử dụng Hochner làm nhân chứng. Xin lỗi.”

Isaiah đấm một cú xuống tay lái, mạnh đến nỗi Harry nhảy dựng lên.

“Để tôi nói cho anh nghe một chuyện, Harry. Trước cuộc bầu cử năm 1994, khi thiểu số người da trắng vẫn còn quyền cai trị, Hochner đã bắn chết hai con bé da đen, cả hai đều mới mười một tuổi, từ một tháp nước bên ngoài sân trường trong một thị trấn của người da đen có tên là Alexandra. Chúng tôi đã tưởng là kẻ nào đó trong tổ chức Afrikaner Volkswag(*), một đảng apacthai, đứng đằng sau vụ này. Có một vụ cãi lộn nào đó quanh trường vì trong trường có ba học sinh da trắng. Hẳn sử dụng các viên đạn sản xuất tại Singapore, cùng loại đạn được sử dụng ở Bosnia. Đạn này mở sau khi đi một trăm mét, xuyên qua bất kỳ cái gì cản đường, như một mũi khoan. Cả hai con bé bị trúng đạn vào cổ. Và chỉ duy nhất lần này, chuyện những chiếc xe cứu thương như thường lệ phải mất hơn một tiếng mới vào được thị trấn người da đen, không còn quan trọng nữa.”

Harry không đáp.

“Nhưng nếu anh nghĩ chúng tôi làm thế này chỉ vì muốn trả thù thì anh nhầm đấy Harry. Chúng tôi hiểu rằng không thể xây dựng một xã hội mới dựa trên báo thù. Đó là lý do tại sao chính phủ đa số là người da đen đầu tiên đã lập một ủy ban, có trách nhiệm đưa ra ánh sáng những vụ tấn công, quấy rối trong những giai đoạn apacthai. Đó không phải là trả thù; mà là thú tội và tha thứ. Nó đã giúp hàn gắn rất nhiều vết thương và làm được vài điều tốt đẹp cho cả xã hội này. Tuy vậy, chúng tôi cũng đồng thời đang thua trong cuộc chiến chống lại tội phạm, và đặc biệt là ở đây, tại Johannesburg này, nơi mọi thứ đang hoàn toàn vượt khỏi vòng kiểm soát. Chúng tôi là một quốc gia non trẻ, dễ bị tổn thương, Harry, và nếu chúng tôi muốn đạt một bước tiến nào, chúng tôi phải cho thấy rằng an ninh trật tự có một ý nghĩa

nào đó, rằng sự hỗn loạn có thể được sử dụng như một cái cớ cho tội ác. Chưa ai quên được những vụ thảm sát vào năm 1994. Giờ ai ai cũng đang theo dõi vụ án đó trên báo chí. Đó là lý do tại sao nó quan trọng hơn cả động cơ cá nhân của anh hay của tôi đây, Harry.”

Anh ta siết chặt nắm đấm, lại giáng xuống tay lái một cú nữa.

“Đây không phải là chuyện quan tòa phán xét sinh tử, mà là chuyện trả lại niềm tin vào công lý cho người dân bình thường. Đôi khi để mang lại cho họ niềm tin đó, cần phải dùng đến án tử hình.”

Harry vồ ra một điều trong bao thuốc, mở hé cửa kính xe, nhìn chăm chăm những đồng xỉ màu vàng phá tan sự đơn điệu của khung cảnh khô cằn.

“Vậy anh nói sao hả Harry?”

“Anh sẽ phải tăng ga để tôi còn bắt kịp chuyến bay đó, Isaiah.”

Isaiah thoi một quả đấm xuống trục tay lái, mạnh đến nỗi Harry kinh ngạc khi thấy xe vẫn chạy được.

Vườn thú Lainz, Vienna.

Ngày 27 tháng Sáu năm 1944

Helena ngồi một mình trên ghế sau chiếc Mercedes đen của André Brockhard. Chiếc xe xóc nhẹ giữa những cây dẻ ngựa to xếp hàng hai bên đại lộ. Họ đang trên đường đến thăm các chuồng ngựa tại vườn thú Lainz.

Cô nhìn ra ngoài những khoảng rừng thưa xanh ngắt. Đằng sau họ, một đám mây bụi đang bốc lên từ lối đi rải sỏi khô khốc. Ngay cả khi cửa kính xe mở, trong xe vẫn nóng đến không chịu nổi.

Một bầy ngựa đang gặm cỏ trong bóng râm tỏa ra từ bìa rừng sồi, chúng ngẩng đầu lên khi chiếc xe đi ngang qua.

Helena yêu vườn thú Lainz. Trước chiến tranh họ thường xuyên dùng những ngày Chủ nhật để ở trong khu rừng rậm rạp, rộng rãi về phía Nam rừng Vienna, đi dã ngoại cùng bố mẹ, các cô dì chú bác hoặc cưỡi ngựa cùng bạn bè.

Sáng sớm nay khi nữ y tá trưởng chuyển cho cô tin nhắn André Brockhard muốn nói chuyện, cô đã chuẩn bị tâm lý cho mọi thứ. Ông sẽ cho xe đến trước bữa ăn trưa. Kể từ khi cô nhận được giấy giới thiệu của bệnh viện và giấy th ông hà nh, cô như đang dạo bước trên chín tầng mây. Điều đầu tiên cô nghĩ đến đó là sẽ tận dụng cơ hội này để cảm ơn bố của Christopher đã giúp cô được ban quản trị cấp phép. Ý nghĩ thứ hai của cô đó là gần như không có khả năng Andre Brockhard gọi cô đến để nghe lời cảm ơn.

Bình tĩnh nào, Helena cô tự nhủ. Bây giờ họ không thể cản trở bọn mình

được nữa, sáng sớm mai bọn mình đã đi rồi.

Hôm trước cô đã gói ghém ít quần áo và đồ tùy thân quý giá vào hai va li. Chiếc thánh giá trên đầu giường cô là thứ cuối cùng cô bỏ vào. Chiếc hộp nhạc bố cô mua tặng vẫn đang nằm trên bàn trang điểm. Những thứ cô không bao giờ tin rằng mình sẽ chia xa nhẹ nhàng đến thế; thật lạ lùng làm sao khi giờ đây chúng như không còn ý nghĩa nữa. Beatrice đã giúp cô chuẩn bị, và nói chuyện với cô rất nhiều về những ngày xưa cũ, trong khi nghe tiếng bước chân của mẹ cô đi tới đi lui dưới nhà. Đó sẽ là một cuộc chia tay lúng túng, khó khăn. Bây giờ cô chỉ đang trông tới chiều. Uriah bảo sẽ đáng tiếc kinh khủng nếu anh không nhìn thấy gì ở Vienna trước khi ra đi, nên anh đã mời cô đi ăn tối. Ở đâu thì cô không biết. Anh chỉ nháy mắt bí hiểm với cô và hỏi cô xem họ có mượn được xe của ông kiểm lâm không.

• • •

“Chúng ta tới nơi rồi, cô Lang,” người tài xế nói, chỉ tay về phía đài phun nước ở cuối đại lộ. Một bức tượng thần ái tình mạ vàng đứng thẳng bằng một chân trên đỉnh quả cầu bằng hoạt thạch trên mặt nước. Một lâu đài lớn bằng đá xám đứng đằng sau. Kết nối với hai bên tòa nhà chính là những dãy nhà bằng gỗ đỏ, dài và thấp cùng một ngôi nhà làm bằng đá đơn sơ quây lấy sân trong.

Tài xế dừng xe, bước ra ngoài và mở cửa xe cho Helena.

André Brockhard đang đứng trên mấy bậc thềm trước cửa lâu đài. Bây giờ ông tiến đến phía họ, chân đi đôi ủng cưỡi ngựa sáng loáng lấp lánh dưới ánh nắng. André Brockhard đã ngoài năm mươi, nhưng những bước chân ông vẫn thoăn thoắt như thanh niên. Ông đã cởi cúc chiếc áo choàng len đỏ, thừa biết sẽ khoe được hết lợi thế của phần thân trên lực lưỡng. Chiếc quần ông túm cưỡi ngựa bó sát quanh cặp hông rắn chắc. Brockhard bố hầu như không kém gì con trai.

“Helena!” Giọng nói vui vẻ và nồng hậu, đúng kiểu giọng của những người đàn ông mạnh mẽ đến mức sẽ quyết định được khi nào thì một tình huống sẽ vui vẻ và nồng hậu. Đã lâu rồi cô mới gặp lại ông, nhưng trông ông vẫn luôn như thế, Helena nghĩ: mái tóc bạc, dáng thẳng, đôi mắt xanh đang nhìn cô từ hai bên chiếc mũi to, quý phái. Khuôn miệng hình trái tim như muốn cho thấy người đàn ông này cũng có mặt mềm mỏng, nhưng đối với hầu hết những gì còn lại thì điều này vẫn cần phải chứng minh.

“Mẹ cháu thế nào rồi? Ta hy vọng mình không quá vô lý khi kéo cháu ra khỏi công việc như thế này!” ông nói, chìa tay ra cho cô để nhận lại cái bắt tay thoáng qua, lạnh nhạt. Ông tiếp tục nói không đợi cô đáp lời.

“Ta có một câu cần phải nói với cháu, mà ta nghĩ ta không thể đợi được.” ông chỉ tay về phía ngôi nhà. “Đúng, cháu từng đến đây rồi.”

“Chưa ạ,” Helena đáp, nhìn lên ông mà mỉm cười.

“Chưa ư? Ta tưởng hẳn là Christopher đã mang cháu tới đây rồi mới phải. Khi cháu còn bé hai đứa đã rất thân thiết còn gì.”

“Hồi ức của ngài chắc đang đánh lừa ngài rồi, thưa ngài Brockhard. Christopher và cháu từng khá thân thiết, nhưng...”

“Thật không? Nếu vậy thì ta sẽ dẫn cháu đi một vòng. Cùng xuống chuồng ngựa thôi.”

Bàn tay ông nhẹ đặt lên giữa lưng cô, hướng cô đi về những tòa nhà bằng gỗ. Sỏi kêu lạo xạo dưới chân khi họ bước.

“Chuyện xảy ra với cha cháu thật đáng buồn, Helena. Ta thực sự rất tiếc. Ta ước gì có thể làm gì đó cho mẹ con cháu.”

Lẽ ra ông đã có thể mời chúng tôi đến dự tiệc Giáng sinh mùa đông năm ngoái như ông vẫn làm, Helena nghĩ nhưng cô không nói gì. Nếu vậy thì hẳn cô đã vui vì không phải chịu đựng việc mẹ cô cứ khăng khăng đòi đi như thế.

“Janjic!” Brockhard kêu một thằng bé tóc đen đang đứng dưới nắng đánh bóng bộ yên cương ngựa. “Đi dẫn con Venezia ra đây.”

Thằng bé đi vào trong chuồng ngựa trong khi Brockhard đứng nguyên đó, quất nhẹ cây roi vào đầu gối và nhún nhảy trên hai gót ủng. Helena liếc trộm đồng hồ tay.

“Cháu e rằng mình không thể ở đây lâu được, ngài Brockhard. Ca làm việc của cháu...”

“Phải, dĩ nhiên. Ta hiểu mà. Để ta vào đề luôn vậy.”

Từ trong chuồng ngựa họ nghe thấy tiếng hí chói tai, tiếng móng guốc khua lạch cạch trên ván gỗ.

“Cha cháu và ta từng làm ăn với nhau khá nhiều. Dĩ nhiên là trước vụ phá sản đáng buồn ấy.”

“Cháu biết.”

“Đúng, và có lẽ cháu cũng biết rằng cha cháu đã nợ như chúa chổm. Một cách gián tiếp, đó là lý do tại sao mọi chuyện xảy ra như đã xảy ra. Ý ta là cái...” Ông ta tìm từ thích hợp. Và ông ta đã tìm được. “... quan hệ bất hạnh này với những tên cho vay nặng lãi Do Thái dĩ nhiên đã khiến ông ấy chịu thiệt hại rất nhiều.”

“Ý ngài là Joseph Bernstein?”

“Ta không nhớ được tên những kẻ này!”

“Ngài phải nhớ chứ, ông ta đã đến dự bữa tiệc Giáng sinh của ngài.”

“Joseph Bernstein à?” André Brockhard mỉm cười, nhưng nụ cười không kéo lên đến mắt. “Chắc là phải nhiều năm trước rồi.”

“Giáng sinh năm 1938. Trước chiến tranh.”

Brockhard gật đầu, ném cái nhìn sốt ruột về phía cửa chuồng ngựa.

“Cháu có trí nhớ tốt thật đấy, Helena. Thế là tốt. Christopher sẽ được nhờ một cái đầu thông minh. Ý ta là đôi khi nó cũng mất trí. Ngoài chuyện đó ra, nó là một chàng trai tốt, cháu sẽ thấy điều đó.”

Helena cảm thấy tim mình bắt đầu đập thành thịch. Rốt cuộc có chuyện gì không ổn đây? Brockhard bố đang nói chuyện với cô như thể cô là con dâu tương lai của ông ta vậy. Thay vì cảm thấy khiếp đảm, cô lại thấy cơn giận

dữ đang thẳng thê. Khi cô nói tiếp, cô có ý muốn tỏ ra thân thiện, nhưng con giận bốp nghệt thanh quản cô, khiến giọng nói của cô nghe nặng nề, như tiếng kim loại.

“Cháu hy vọng không có sự hiểu lầm ở đây, thưa ngài Brockhard.”

Brockhard hẳn đã nhận ra âm sắc trong giọng nói của cô; dù sao đi nữa, sự nồng ấm của ông khi đến chào cô lúc này đã không còn, khi ông cất lời:

“Trong trường hợp đó ta hãy cùng làm sáng tỏ những hiểu lầm này. Ta muốn cho cháu xem cái này.”

Ông rút ra một tờ giấy từ túi trong chiếc áo khoác đỏ, vuốt thẳng tờ giấy và trao cho cô.

Bu rgenschaft, nó ghi trên đầu tờ giấy trông như một hợp đồng. Đôi mắt cô chạy dọc theo đoạn văn bản chi chít. Cô không hiểu lắm toàn bộ những gì viết trong đó, ngoại trừ phần đề cập đến ngôi nhà trong rừng Vienna, tên của cha cô và tên của André Brockhard nằm bên dưới với chữ ký tương ứng. Cô ném sang ông cái nhìn dò hỏi.

“Đây có vẻ như một tờ bảo lãnh.”

“Nó là một tờ bảo lãnh,” ông thừa nhận. “Khi cha cháu nghĩ rằng những khoản vay người Do Thái sẽ bị thu hồi và do vậy là của chính mình, ông ấy đã đến tìm ta hỏi xem ta có thể đứng ra bảo đảm cho một khoản vay đảo nợ khá lớn ở Đức không. Đáng tiếc là lúc đó ta đã mềm lòng đủ để nhận lời. Cha cháu là một người kiêu hãnh, và để bảo đảm rằng sự bảo lãnh này không có vẻ như sự bố thí đơn thuần, ông ấy cứ khẳng khẳng rằng ngôi nhà mùa hè mẹ con cháu đang sống bây giờ phải được dùng để bảo đảm cho việc đứng ra bảo lãnh.”

“Tại sao lại bảo đảm cho việc đứng ra bảo lãnh, mà không phải bảo đảm cho khoản vay?”

Brockhard bị bất ngờ.

“Một câu hỏi hay. Câu trả lời đó là giá trị của ngôi nhà không đủ để bảo đảm cho khoản vay mà cha cháu cần.”

“Nhưng chữ ký của André Brockhard là đã đủ rồi mà?”

Ông ta mỉm cười, đưa tay vuốt dọc cái cổ bò mạnh mẽ mà do hơi nóng giờ đây bao phủ một lớp mồ hôi lấp lánh.

“Ta sở hữu bất động sản lẻ tẻ tại Vienna này.”

Một sự nói giảm nhẹ khủng khiếp. Ai mà không biết trong tay André Brockhard nắm tài sản cổ phần lớn của hai trong số những công ty công nghiệp lớn nhất Áo. Sau vụ Anschluss(*) - cuộc *chiếm đóng* của Hitler năm 1938 - các công ty đã chuyển hướng từ sản xuất đồ chơi và máy móc sang sản xuất vũ khí cho các cường quốc thuộc phe Trục, và Brockhard đã trở thành triệu phú. Rồi giờ Helena biết rằng ông ta còn sở hữu cả ngôi nhà mà cô đang sống. Cô cảm thấy một cục nghẹn đang lớn dần lên trong bụng.

“Đừng tỏ ra lo lắng thế, Helena yêu dấu của ta,” Brockhard thốt lên, sự nồng ấm bất ngờ trở lại trong giọng nói của ông ta. “Ta không tính chuyện lấy của mẹ cháu căn nhà đâu, cháu hiểu mà.”

Nhưng cục nghẹn trong bụng Helena cứ lớn dần. Ông ta cũng nên nói luôn: “Hoặc của con dâu ta.”

“Venezia!” ông hét lên.

Helena quay về phía cửa chuồng ngựa nơi cậu bé giữ ngựa từ bóng tối ló ra, dắt theo một con bạch mã sáng chói. Cho dù cơn bão ý nghĩ đang quay cuồng trong đầu Helena, cảnh tượng này cũng khiến cô tạm quên đi một lúc. Đó là con ngựa đẹp nhất cô từng thấy; giống như một sinh vật siêu nhiên đang đứng trước mặt cô.

“Một con Lippizaner,” Brockhard nói. “Giống ngựa được huấn luyện tốt nhất thế giới. Được vua Maximilian II nhập khẩu từ Tây Ban Nha vào năm 1562. Mẹ con cháu hẳn đã có dịp xem nó trình diễn tại Spanische Reitschule(*) rồi đúng không?”

“Vâng, dĩ nhiên ạ.”

“Giống như xem vũ ba lê ấy nhỉ?”

Helena gật đầu. Cô không thể rời mắt khỏi con vật này. “Chúng nghỉ hè ở

đây tại công viên Lainzer này cho đến cuối tháng Tám. Không may là không còn ai khác ngoài những người cưỡi ngựa tại Trường đua Tây Ban Nha được phép cưỡi chúng. Những kỵ sĩ chưa qua đào tạo có thể làm ngựa nhiễm những thói quen xấu. Bao nhiêu năm nuôi dạy ngựa tí mĩ sẽ phí hoài hết.”

Ngựa đã được thả yên cương. Brockhard nắm lấy dây cương rồi người giữ ngựa bỏ đi chỗ khác. Con vật vẫn đứng bất động.

“Một số người cho rằng dạy ngựa những bước nhảy là điều tàn nhẫn. Họ bảo rằng động vật thường rất khó khăn khi phải làm những thứ trái ngược với bản chất của chúng. Những ai nói điều này hẳn là chẳng bao giờ đi xem việc huấn luyện mấy con ngựa này, nhưng ta thì có. Và tin ta đi, lũ ngựa thích thế. Cháu có biết tại sao không?”

Ông vuốt ve mõm con ngựa. “Vì điều đó là trật tự của tự nhiên. Bằng sự sáng suốt của mình, Chúa đã ban lệnh rằng một sinh vật thấp kém hơn coi việc phục tùng, tuân lệnh một sinh vật cao cấp hơn là điều hạnh phúc hơn hết thảy. Cháu chỉ việc nhìn trẻ con và người lớn. Nam và nữ. Ngay cả ở cái gọi là những quốc gia dân chủ, kẻ yếu luôn sẵn sàng nhường quyền hành cho tầng lớp ưu tú mạnh và thông minh hơn họ. Đó chỉ là chuyện tự nhiên phải vậy. Và bởi vì tất cả chúng ta đều là tạo vật của Chúa, nên trách nhiệm của những kẻ ưu việt đó là bảo đảm rằng những kẻ hạ đẳng phải tuân phục mình.”

“Để khiến họ thấy hạnh phúc?”

“Chính xác, Helena. Một phụ nữ còn trẻ như cháu... mà hiểu biết nhiều đấy.”

Cô không thể hiểu nổi ông ta muốn nhấn mạnh phần nào.

“Biết vị thế của mình là điều rất quan trọng, cả đối với cấp cao lẫn cấp thấp. Nếu ta cưỡng lại điều đó, về lâu về dài ta sẽ không bao giờ hạnh phúc được!”

Ông ta vỗ vỗ vào cổ ngựa và nhìn vào đôi mắt nâu to của Venezia.

“Mày không phải loại kháng cự, đúng không?”

Helena biết rằng câu hỏi này dành cho mình, cô nhắm mắt lại trong khi cố gắng thở sâu và bình tĩnh. Cô nhận thức được rằng những gì cô nói lúc này, hoặc những gì cô không nói có thể mang tính quyết định cho cuộc đời còn lại của cô; cô không thể cho phép cơn giận lúc này trở thành yếu tố quyết định.

“Phải không?”

Bất ngờ Venezia hí vang, quấy đầu sang bên khiến Brockhard bị hụt chân, mất thăng bằng. Ông ta bám vào sợi dây cương dưới cổ ngựa. Người giữ ngựa vội lao tới đỡ, nhưng cậu ta chưa đến kịp thì Brockhard, mặt đỏ au và đầm mồ hôi, vấp và đứng dậy và giận dữ xua cậu ta đi. Helena không nhìn được cười, và có lẽ Brockhard đã trông thấy. Bất luận thế nào, ông ta bèn vung roi lên trước con ngựa, nhưng rồi tỉnh táo lại, ông ta buông roi xuống. Khuôn miệng hình trái tim của ông ta phát âm rõ ràng một vài từ khiến Helena càng thấy tức cười hơn nữa. Rồi ông bước đến chỗ Helena, lại nhẹ nhàng nhưng trịch thượng đặt tay lên sau eo cô:

“Chúng ta đã xem đủ rồi, và cháu còn công việc quan trọng đang chờ nữa, Helena. Cho phép ta được hộ tống cháu ra xe.”

Họ đứng cạnh những bậc thềm dẫn vào nhà trong khi người tài xế lái xe đến.

“Ta hy vọng và cho rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau sớm, Helena,” ông ta nói, cầm bàn tay cô. “Nhân tiện, vợ ta đã nhờ ta chuyển lời hỏi thăm đến mẹ cháu. Thực ra ta tin rằng bà ấy đã nói sẽ sớm mời cháu đến vào kỳ nghỉ cuối tuần. Ta không nhớ là lúc nào nhưng cháu sẽ sớm nhận được tin của bà ấy.”

Helena đợi cho đến khi người tài xế xuống xe, mở cửa cho cô, rồi mới đáp: “Ngài có biết tại sao con ngựa được dạy dỗ tỉ mỉ kia hát ngài xuống đất không, ngài Brockhard?”

Cô có thể thấy trong đôi mắt ông ta nhiệt độ đang tăng trở lại

“Bởi vì ngài nhìn vào mắt nó, ngài Brockhard. Một con ngựa hiểu sự tiếp xúc bằng mắt như một lời khiêu khích, như thế nó và địa vị của nó trong bầy

không được tôn trọng. Nếu nó không tránh được tiếp xúc bằng mắt, nó sẽ phản ứng lại theo một cách khác, như nổi loạn chẳng hạn. Trong việc huấn luyện ngựa, ngài sẽ chẳng đi đến đâu nếu không cho thấy sự tôn trọng, dù giống loài của ngài có thể ưu việt ra sao. Bất kỳ người dạy thú nào cũng có thể nói cho ngài nghe điều đó. Trên vùng núi ở Argentina có một con ngựa hoang sẽ nhảy xuống vách núi đá gần nhất nếu có bất kỳ ai muốn cưỡi nó. Tạm biệt, ngài Brockhard.”

Cô ngồi vào sau chiếc Mercedes và, run run, hít vào thật sâu khi cánh cửa xe nhẹ nhàng đóng lại sau lưng. Khi chiếc xe chạy xuống đại lộ trong vườn thú Lainz, cô nhắm mắt lại khi thấy hình bóng cứng đờ của André Brockhard bị làn mây bụi che mờ sau lưng.

Vienna.

Ngày 28 tháng Sáu năm 1944.

“*Guten Abend, meine herrschaften(*)*.”

Người trưởng phục vụ mảnh mai, nhỏ nhắn cúi đầu chào thật thấp. Helena néo cánh tay Uriah khi anh không nhìn được cười. Họ đã cười suốt quãng đường từ bệnh viện vì cảnh náo loạn họ gây ra. Hóa ra Uriah là một tài xế kinh khủng nên Helena phải nhắc anh dừng mỗi khi họ gặp xe trên con đường hẹp đến Hauptstra B e. Nhưng Uriah lại tì lên còi, kết quả là các xe đang chạy đến đều phải dạt sang bên hoặc tấp vào lề. May mắn là trên đường phố Vienna lúc ấy không còn nhiều xe, nên họ đến Weihburggasse ở trung tâm thành phố bình an vô sự trước 7 giờ 30.

Trưởng phục vụ liếc nhìn quân phục của Uriah trước khi kiểm tra sổ đặt bàn, trán hần sâu. Helena nhìn qua vai ông ta. Tiếng trò chuyện và tiếng cười rì rầm dưới những chùm đèn pha lê rủ xuống từ trần nhà hình vòm màu vàng, với những trụ trắng theo phong cách Corinth, chỉ bị át đi nhờ ban nhạc đang chơi.

Vậy ra đây là nhà hàng Husaren, Helena ngắm nhìn thích thú. Như thể bậc tam cấp ngoài kia là nấc thang kỳ diệu, dẫn họ từ một thành phố đang bị chiến tranh giày xéo vào một thế giới mà bom đạn và những nỗi thống khổ khác đều chỉ còn có ý nghĩa thứ yếu. Hẳn Richard Strauss và Arnold Schonberg đều đã từng là khách quen ở nhà hàng này. Vì đây là nơi những người có tư duy tự do, có học thức và giàu có ở Vienna họp mặt. Tư duy tự

do đến mức cha cô chưa từng nghĩ, dù chỉ thoáng qua, đến việc đưa gia đình đến đây.

Trưởng phục vụ háng giọng. Helena nhận ra ông ta không hề thấy ấn tượng trước quân hàm Vizekorporal(*) của Uriah mà có lẽ ông ta bối rối trước cái tên nước ngoài lạ lùng trong sổ.

“Bàn của ông bà đã sẵn sàng. Vui lòng theo tôi!” Ông ta nói với nụ cười gượng gạo, lấy lên cuốn thực đơn trên đường đi. Nhà hàng đông nghịt khách.

“Của ông bà đây.”

Uriah mỉm cười cam chịu với Helena. Họ được dành cho một bàn chưa trải khăn cạnh cánh cửa xoay dẫn vào bếp.

“Phục vụ của ông bà sẽ đến ngay ạ,” trưởng phục vụ nói rồi lặn mắt tăm.

Helena nhìn xung quanh rồi bật cười khúc khích.

“Nhìn này!” cô nói. “Đó là bàn ban đầu của mình.”

Uriah quay lại. Hoàn toàn đúng: ngay trước mặt ban nhạc, một người bồi bàn đang lau dọn một bàn dành cho hai người.

“Xin lỗi em!” anh nói. “Anh nghĩ lẽ ra anh có thể thêm từ thiếu tá trước tên mình khi gọi điện đặt bàn. Anh quá tin nhan sắc rực rỡ của em sẽ khóa lấp được chuyện thiếu cấp bậc của anh!”

Cô nắm lấy tay anh, đúng lúc đó dàn nhạc tấu một vũ khúc *Csardas* Hungary vui tươi.

“Chắc họ đang chơi cho chúng ta đấy,” anh nói.

“Có thể là vậy.” Cô cụp mắt xuống. “Nếu không cũng chẳng sao mà. Họ đang chơi nhạc của dân du mục. Nếu do dân du mục chơi thì thật là tuyệt vời. Anh có thấy ai không?”

Anh lắc đầu, mắt chăm chú nhìn kỹ khuôn mặt cô, như thể điều quan trọng là anh phải ghi nhớ từng đường nét, từng vết nhăn trên da và từng sợi tóc.

“Họ đều đi cả rồi,” cô nói. “Những người Do Thái cũng thế. Anh có nghĩ những lời đồn là có thật không?”

“Lời đồn nào?”

“Về trại tập trung.”

Anh nhún vai.

“Trong chiến tranh có đủ lời đồn đại. Về phần mình, anh sẽ cảm thấy khá an toàn nếu bị Hitler giam giữ.”

Ban nhạc bắt đầu chơi một bản cho ba giọng ca bằng một thứ ngôn ngữ lạ. Vài người trong đám khán giả ngồi dưới hát theo.

“Họ hát gì vậy?” Uriah hỏi.

“Một bài Verbunkos,” Helena đáp. “Kiểu một bài hát của lính, giống hệt bài hát Na Uy mà anh hát trên xe lửa ấy. Những bài hát để tuyên mộ thanh niên Hungary tham gia cuộc chiến giành độc lập Rákcóczi. Anh cười gì thế?”

“Về tất cả những điều lạ lùng mà em biết. Em có hiểu luôn họ đang hát cái gì không?”

“Một chút. Đừng cười nữa!” cô cười thẳm. “Beatrice là người Hungary, bác ấy thường hát cho em nghe. Tất cả đều là về những anh hùng và lý tưởng bị lãng quên.”

“Bị lãng quên à?” Anh siết chặt tay cô. “Như cuộc chiến này một ngày kia.”

Một người phục vụ đã kín đáo đến bên bàn họ, anh ta dè dặt hắng giọng để ra hiệu rằng mình có mặt.

“Meine Herrschafte n, ông bà đã sẵn sàng gọi món chưa ạ?”

“Chắc là rồi,” Uriah đáp. “Hôm nay các anh giới thiệu món gì?”

“*Hähnchen*.”

“Món gà à. Nghe hay đấy nhỉ. Em có thể chọn loại rượu ngon cho tụi mình không? Helena?”

Đôi mắt Helena lướt qua danh sách.

“Tại sao lại không có giá?” cô hỏi.

“Chiến tranh, Fraulein. Giá thay đổi từng ngày.”

“Vậy thì món Hahnchen là bao nhiêu?”

“Năm mươi si linh.”

Từ khước mắt cô chợt thấy mặt Uriah tái nhợt đi.

“Xúp ragu,” cô nói. “Ngày hôm nay chúng tôi đã ăn rồi, và tôi nghe nói rằng những món Hungary của các anh rất ngon. Anh có muốn thử không, Uriah? Hai bữa tối trong một ngày không quá nặng đâu.”

“Anh...!” Uriah mở miệng.

“Và một rượu vang nhẹ!” Helena đáp.

“Hai xúp ragu và một rượu vang nhẹ ạ?” anh phục vụ hỏi, lông mày nhướng lên.

“Tôi chắc chắn anh hiểu tôi muốn nói gì,” cô trả lại thực đơn cho anh ta và cười tươi, “anh phục vụ ạ.”

Mắt cô và Uriah nhìn nhau cho đến khi anh phục vụ khuất sau cánh cửa bếp, rồi họ bật cười rúc rích.

“Em điên thật đấy!” anh phá lên cười.

“Em á? Em đâu có đặt chỗ ở Zu den drei Husaren này mà trong túi có chưa tới năm mươi si linh đâu!”

Anh rút ra chiếc khăn tay, rướn người qua bàn. “Tiểu thư biết gì không, Fraulein Lang?” anh nói khi lau những giọt nước mắt vì cười của cô. “Anh yêu em. Thật sự yêu đấy.”

Đúng vào lúc đó vang lên tiếng còi báo động không kích.

Khi Helena nghĩ về buổi tối hôm ấy, cô luôn phải tự hỏi mình đã nhớ chính xác tới đâu; bom có rơi sát như cô nhớ, có phải ai cũng quay lại khi họ bước lên dọc lối đi giữa nhà thờ Stephansdom hay không. Cho dù đêm cuối cùng của họ ở Vienna vẫn phủ một bức màn phi thực, vào những ngày lạnh giá hồi ức ấy vẫn không ngừng sưởi ấm trái tim cô. Và cô chỉ có thể nghĩ đến đúng giây phút nhỏ nhoi ấy, trong đúng cái đêm hè ấy, nhưng hôm nay nó sẽ gọi lên tiếng cười còn mai lại là nước mắt, mà cô cũng chẳng hiểu nổi tại sao.

Khi tiếng còi báo động vang lên, tất cả những thanh âm khác đều im bật. Trong một giây toàn bộ nhà hàng như bị hóa đá trong thời gian. Thế rồi những tiếng chửi thề đầu tiên vang vọng bên dưới trần nhà hình vòm mạ vàng.

“*Hundel*(*).”

“*ScheiBei*(*). Mới tám giờ mà!”

Uriah lắc đầu.

“Chắc người Anh họ mất trí rồi,” anh nói. “Trời thậm chí còn chưa tối!”

Các nhân viên phục vụ ngay lập tức loay hoay bên các bàn, trong khi tay phục vụ trưởng gào lên những mệnh lệnh cộc lốc cho thực khách.

“Nhìn kia,” Helena nói. “Nhà hàng này cũng sắp bị phá hủy rồi, thế mà họ chỉ quan tâm đến việc hét khách thanh toán tiền trước khi họ chạy trốn.”

Một người đàn ông mặc com lê sẫm màu nhảy lên bục, nơi ban nhạc đang gói ghém nhạc cụ của họ.

“Nghe đây!” anh ta hét lên. “Yêu cầu tất cả những ai đã thanh toán xong ra ngay chỗ ăn náu gần nhất, xuống đường hầm gần Weihburggasse 20. Vui lòng im lặng và lắng nghe! Khi đi ra nhớ rẽ phải sau đó đi bộ thêm hai trăm mét nữa. Đi tìm những người đàn ông cánh tay đeo băng đỏ. Họ sẽ chỉ đường cho mọi người. Và hãy bình tĩnh. Tạm thời các máy bay vẫn chưa đến đây đâu!”

Đúng lúc đó họ nghe thấy tiếng nổ của loạt bom đầu tiên trút xuống. Người đàn ông trên bục cố nói thêm điều gì nữa, tuy nhiên những giọng nói, tiếng la hét đã át tiếng anh ta. Anh ta bỏ cuộc, làm dấu thánh giá, nhảy xuống rồi tự tìm nơi trú ẩn.

Khách dự tiệc xô đẩy nhau đến lối ra đã ken đặc một đám đông người hoảng loạn. Một phụ nữ trong phòng giữ mũ áo gào lên: “*Mein Regenschirm!* - ô của tôi!” Nhưng chẳng thấy người phục vụ nào đứng trong phòng. Thêm nhiều tiếng nổ nữa, lần này gần hơn. Helena nhìn qua bàn ăn bỏ trống kê bên họ có hai ly rượu uống dở chạm nhau lạnh canh khi cả căn

phòng rung lên trong bản giao hưởng hai màn âm ỉ. Hai phụ nữ trẻ và một người đàn ông trông như con hà mã vui tươi đi sau đuôi đang trên lối đến cửa ra. Áo sơ mi của ông ta xộc xệch, một nụ cười vui sướng nở trên môi.

Trong có mấy phút, nhà hàng vắng hoe, toàn bộ nơi này bao trùm trong sự câm lặng kỳ quái. Tất cả những gì họ có thể nghe thấy là những tiếng nức nở khẽ từ phía phòng giữ mũ áo, nơi người phụ nữ đã ngừng la hét đòi cái ô và đang ghi trán lên mặt quây. Những bữa ăn còn dở dang, những chai rượu đã khai bỏ lại trên khăn trải bàn trắng. Uriah đang nắm chặt bàn tay của Helena. Một tiếng nổ mới khiến chùm đèn rung lên, người phụ nữ trong phòng giữ mũ áo choàng tỉnh và vừa thét vừa chạy ra khỏi phòng.

“Cuối cùng cũng được một mình!” Uriah nói.

Mặt đất dưới chân họ rung chuyển, lớp vữa lác đác rơi xuống từ trần mạ vàng sáng lấp lánh trong không khí. Uriah đứng dậy, chìa tay ra.

“Bàn tốt nhất của chúng ta vừa được trống, Fraulein. Nếu quý cô không phiền...”

Cô nắm lấy cánh tay anh, đứng dậy cùng anh bước lên bục. Cô không còn nghe thấy tiếng còi đang hú. Tiếp theo là tiếng nổ âm âm đình tai, vữa từ các bức tường biến thành một trận bão cát, những ô cửa sổ lớn nhìn ra đường Weihburggasse bẹp rúm. Những ánh đèn vụt tắt.

Uriah thấp nền trong ngọn chúc đài trên bàn, kéo ghế ra cho cô, ngón cái và ngón trỏ nhón lấy một chiếc khăn ăn đã xếp, giữ thẳng rồi nhẹ nhàng đặt trên lòng cô.

“*Hahnchen und Pradikatwein*(*)? anh hỏi, kín đáo phủi mấy vụn kính vỡ ra khỏi bàn, đĩa ăn và tóc cô.

Có lẽ là do những ngọn nến và lớp bụi vàng lấp lánh trong không khí khi ngoài kia chìm trong bóng tối, có lẽ là do luồng gió lùa mát rượi từ ngoài cửa sổ mở giúp họ dễ chịu trong đêm hè vùng Pannonia, hay có lẽ đơn giản vì trái tim của chính cô, với máu như đang chảy giần giật trong huyết quản khi cô cố trải nghiệm khoảnh khắc này mãnh liệt hơn. Nhưng cô nhớ là có tiếng

nhạc, dù đó là điều không thể khi ban nhạc đã gói ghém nhạc cụ chạy trốn rồi. Có phải cô đã mơ thấy nó, tiếng nhạc này? Chỉ nhiều năm sau, trước khi cô hạ sinh một bé gái, cô mới nhận ra đó là loại nhạc gì. Trên chiếc nôi mới người cha đưa bé của cô đã treo lên một chiếc chuông gió có những viên bi thủy tinh sắc sỡ nhiều màu. Một buổi tối cô lướt tay qua chiếc chuông gió và nhận ra ngay âm thanh. Và biết rằng nó từ đâu ra. Chính là chùm đèn pha lê trong nhà hàng Husaren đã chơi nhạc cho họ nghe. Những tiếng chuông gió trong vát, thanh tao của chùm đèn khi nó đung đưa theo tiếng rung dưới sàn nhà, còn Uriah vào ra nhà bếp mang theo món Salzburger Nockerlro(*) và ba chai rượu Heuriger lấy từ trong hầm, ở đó anh cũng bắt gặp bếp trưởng đang ngồi trong góc với một chai rượu. Ông ta chẳng buồn động chân động tay ngăn cản Uriah lấy thực phẩm dự trữ; trái lại, ông ta còn nghiêng đầu biểu lộ sự đồng tình khi Uriah cho biết anh chọn loại rượu nào.

Rồi anh đặt bốn mươi si linh lẻ dưới ngọn chúc đài và họ cùng bước vào buổi tối tháng Sáu êm dịu. Tại Weihburggasse xung quanh hoàn toàn tĩnh mịch, nhưng bầu không khí đầy mùi khói, bụi và đất.

“Ta đi dạo nhé!” Uriah nói.

Không ai nói lời nào về việc sẽ đi đâu. Họ rẽ phải đi lên Kamtner Strape thì bất ngờ đã đứng trước quảng trường Stephansplatz tối om, hoang vắng.

“Lạy Chúa tôi!” Uriah nói. Thánh đường đồ sộ trước mặt họ choán hết bầu trời đầu đêm.

“Stephansdom à?” anh hỏi.

“Vâng.” Helena ngả đầu ra sau, đôi mắt cô dõi theo *Sudturm*, ngọn tháp nhà thờ màu xanh đen, cao mãi, vươn cao đến tận trời nơi những vì sao đầu tiên mới nhú.

Điều tiếp theo Helena còn nhớ là họ đứng bên trong thánh đường, bao quanh họ là gương mặt trắng bệch của những người tìm nơi trú ẩn tại đó, tiếng trẻ con khóc và tiếng đàn organ. Họ đã bước đến điện thờ, tay trong tay, hay là cô chỉ mơ thấy? Nó có thực sự xảy ra không? Phải anh đã bắt thần

ôm lấy cô và nói rằng cô sẽ là của anh? Phải chăng cô đã không thì thầm *ja, ja, ja* khi khoảng không trong nhà thờ chụp lấy lời của cô, tung lên tận mái vòm, con bò câu và tượng Chúa trên thập giá, nơi những chữ ấy lặp đi lặp lại mãi cho đến khi phải trở thành sự thật? Cho dù điều đó có xảy ra hay không, những chữ đó còn chân thực hơn cả những lời nói cô đã mang theo, kể từ cuộc nói chuyện với André Brockhard.

“Em không thể đi cùng anh.”

Lời ấy đã nói ra, nhưng khi nào và ở đâu?

Cô đã nói với mẹ vào đúng buổi chiều hôm đó, rằng cô sẽ không đi mà chẳng đưa ra lý do tại sao. Mẹ cô đã cố gắng an ủi cô nhưng Helena không chịu nổi giọng nói the thé, tự cho mình đúng của bà, nên cô nhốt mình trong phòng ngủ. Rồi Uriah đến, gõ cửa, và cô đã quyết định không nghĩ gì nữa, mặc cho mình rơi mà không sợ hãi gì, không tưởng tượng bất kỳ cái gì ngoại trừ một vực thẳm khôn cùng. Có lẽ anh đã thấy ngay điều đó khi cô mở cửa. Có lẽ hai người họ đang đứng trên ngưỡng cửa với một thỏa thuận ngầm, họ sẽ sống nốt phần đời còn lại của mình trong những giờ đồng hồ họ có trước khi tàu hỏa rời đi.

“Em không thể đi cùng anh.”

Cái tên André Brockhard có vị đắng ngắt như mật trên đầu lưỡi cô, nên cô đã khắc nhổ nó đi. Cùng với phần còn lại: tờ bảo lãnh, người mẹ đang có nguy cơ bị tống cổ ra đường, người cha không còn muốn quay về với cuộc sống tử tế, Beatrice không còn một gia đình nào khác. Phải, tất cả đã nói ra rồi, nhưng khi nào? Phải chăng cô đã nói hết với anh trong thánh đường? Hay là sau khi họ chạy qua những con phố xuống Filharmoniker straBe? Nơi vỉa hè ngổn ngang gạch và mảnh thủy tinh vỡ, và ngọn lửa vàng liếm ra ngoài những ô cửa sổ ở Konditorei cũ, soi đường cho họ chạy ào vào trong sảnh tiếp tân của khách sạn tối om, hoang vắng đã từng rất sang trọng, thấp một que diêm, tự tiện lấy một chìa khóa trên tường rồi chạy vù lên cầu thang trải thảm dày đến mức họ chẳng gây nên tiếng động nào, những bóng ma

lượn qua lượn lại dọc các hành lang tìm phòng số 342. Rồi họ trong vòng tay nhau, xé toạc áo quần của nhau ra như thể hai người đang bốc cháy, hơi thở của anh bỏng rát trên làn da cô; cô cào cấu anh đến khi anh chảy máu rồi sau đó áp môi lên hôn. Cô lặp đi lặp lại câu ấy cho đến khi nghe như niệm chú: “Em không thể đi cùng anh.”

Khi còi báo động ném bom vang lên, báo hiệu rằng lần này trận đánh bom đã kết thúc, họ đang nằm quăn lẩy nhau trong những tấm vải trải giường dính máu, cô cứ thế nức nở mãi không thôi.

Sau đó mọi thứ hòa tan vào một vòng xoáy của thân thể, giấc ngủ và những cơn mộng mị. Khi nào thì họ đang làm tình và khi nào cô chỉ mơ rằng họ đang làm tình, cô cũng chẳng biết. Cô thức giấc lúc nửa đêm vì tiếng mưa rơi, theo bản năng cô biết rằng anh không còn bên cô nữa; cô bước đến bên cửa sổ nhìn chằm chằm xuống những con phố bên dưới được gột sạch tro và đất. Nước chảy trên những mép vỉa hè, và một chiếc ô vô chủ mở bung đang trôi xuống con phố hướng về sông Danube. Cô lại quay vào giường. Khi cô thức giấc một lần nữa, bên ngoài trời đã sáng, những con phố đã khô ráo và anh đang nằm bên cô, nín thở. Cô nhìn lên đồng hồ trên chiếc bàn bên giường ngủ. Còn hai giờ nữa tàu chạy. Cô vuốt trán anh.

“Tại sao anh không thở?” cô thì thầm.

“Anh vừa mới dậy. Em cũng không thở nữa này.”

Cô nép vào anh. Anh hoàn toàn trần truồng, nhưng nóng bỏng và đẫm mồ hôi.

“Thế thì chắc chúng ta chết rồi.”

“Ừ,” anh đáp.

“Anh đã đi đâu đấy?”

“Phải.”

Cô cảm thấy anh đang run lên. “Nhưng giờ thì anh đã về rồi,” cô nói.

PHẦN 4
LUYỆN NGỰC

*Cảng Container, Bjorvika.**Ngày 29 tháng Hai năm 2000.*

Harry dừng xe cạnh một lán trại của công nhân trên đỉnh ngọn đồi duy nhất anh có thể tìm thấy trong khu bên cảng bằng phẳng Bjorvika. Một đợt thời tiết âm lên bất ngờ bắt đầu làm tuyết tan chảy, mặt trời đang sáng rực rỡ và hôm nay đơn giản là một ngày tuyệt vời. Anh bước đi giữa các Container chồng lên nhau như những khối xếp hình Lego khổng lồ dưới ánh mặt trời, hắt những cái bóng lờm chớm xuống mặt đường nhựa. Các chữ cái và biểu tượng cho biết chúng đến từ những miền xa xôi như Đài Loan, Buenos Aires và Cape Town. Harry đứng trên mép bên cảng, nhắm mắt lại và tưởng tượng mình đang ở những nơi này khi hít vào sự pha trộn của mùi nước biển, nhựa đường được sưởi nắng và dầu diesel. Khi mở mắt ra lại, chuyến phà đi Đan Mạch lướt vào trường nhìn của anh. Trông như một chiếc tủ lạnh. Một chiếc tủ lạnh vận chuyển đúng những con người đó đến và đi trong dịch vụ vận tải đường ngắn ngành giải trí.

Anh biết đã quá muộn để lượm lặt manh mối từ cuộc gặp giữa Hochner và Uriah. Thậm chí còn không thể chắc chắn rằng đây có phải là cảng Container chúng đã gặp nhau không; cũng có thể là tại Filipstad. Tuy nhiên anh vẫn hy vọng rằng nơi này sẽ có thể cho anh biết điều gì đó, cho trí tưởng tượng của anh một sự kích bầy cần thiết.

Anh đá một cái lốp xe đang nhô lên trên mép bên cảng. Có lẽ anh nên mua một chiếc xuồng đưa bố và Sis ra biển vào mùa hè? Bố cần được ra

ngoài. Người đàn ông đã từng rất quảng giao đã suy sụp sau cái chết của mẹ anh tám năm trước. Và cho dù Sis không thể tự mình đi đâu quá xa, ta vẫn thường có thể quên mất rằng cô bé mắc hội chứng Down.

Một con chim sung sướng lượn xuống giữa hai Container.

Con chim sẻ ngô màu xanh có thể đạt tốc độ 28 km/giờ. Ellen đã nói anh nghe điều đó. Một con vịt trời có thể đạt vận tốc 62 km/giờ. Cả hai người đều có thể xoay sở tốt. Không, Sis không phải là vấn đề; thực ra anh lo cho bố mình nhiều hơn.

Harry cố gắng tập trung. Tất cả mọi thứ Hochner đã nói anh đều viết ra trong báo cáo, đúng từ chữ, nhưng giờ đây anh tập trung vào khuôn mặt gã đó, để cố nhớ cái hấn ta không nói. Uriah trông như thế nào nhỉ? Hochner không thể nói được nhiều, nhưng khi ta phải mô tả ai đó thì ta thường bắt đầu từ những đường nét gây ấn tượng nhất, bất kể là gì nổi bật. Điều đầu tiên Hochner nói về Uriah đó là hấn ta có đôi mắt xanh.

Trừ phi Hochner nghĩ rằng chuyện có đôi mắt xanh là điều đặc biệt khác thường, nếu không thì chi tiết này cho thấy rằng Uriah không có bất kỳ khuyết tật nào dễ thấy, cũng không đi đứng hay ăn nói có điều gì khác thường. Hấn nói được cả hai thứ tiếng Anh và Đức, đã đến một nơi nào đó ở Đức gọi là Sennheim. Harry theo dõi con phà Đan Mạch đang tiến về hướng Drobak.

Đi đây đi đó nhiều. Uriah có đi ra biển không? anh tự hỏi. Harry đã tra cứu một cuốn atlas, thậm chí là một cuốn atlas của Đức, cũng không tìm ra nơi nào có tên Sennheim. Có lẽ là Hochner bịa chuyện. Có khả năng nó chẳng có ý nghĩa gì.

Hochner đã nói rằng Uriah ôm lòng hận thù. Vậy có lẽ điều anh đoán là đúng - rằng người mà họ đang tìm có một động cơ cá nhân. Nhưng hấn ta căm ghét cái gì?

Mặt trời khuất sau hòn đảo Hovedoya thì lập tức đã có cái lạnh như cắt trong làn gió từ ngoài khơi vịnh hẹp Oslo thổi vào. Harry quấn chặt áo

choàng quanh người, quay bước về xe. Lại còn khoản tiền nửa triệu? Uriah nhận từ một ông lớn nào đó hay đây là công việc hẩn tự làm bằng tiền của mình?

Anh rút điện thoại di động ra. Một chiếc Nokia, kiểu dáng nhỏ nhắn, mới mua được hai tuần. Anh đã phản đối suốt một thời gian dài, nhưng rồi cuối cùng Ellen đã thuyết phục được anh mua một cái. Anh bấm số gọi cho cô.

“Chào, Ellen. Harry đây. Cô có ở một mình không? Được rồi. Tôi muốn cô tập trung nghe này. Ừ, một trò chơi nhỏ thôi. Cô sẵn sàng chưa?”

Trước kia họ từng chơi khá nhiều. “Trò chơi” bắt đầu bằng việc anh cho cô những gợi ý bằng lời. Không có thông tin nền tảng, không có đầu mối liên quan đến việc anh bị vướng ở đâu, chỉ là những mẩu thông tin - tối đa là năm từ - theo trật tự bất kỳ. Họ đã mất khối thời gian để tìm ra cách chơi. Luật chơi quan trọng nhất đó là phải có ít nhất năm mẩu thông tin, nhưng không được quá con số mười. Harry có được ý tưởng đó khi anh cược Ellen một ca làm việc rằng cô không thể nhớ được trật tự các lá bài trong cỗ bài sau khi nhìn chúng trong hai phút, mỗi lá bài nhìn trong hai giây. Anh đã thua ba lần trước khi bỏ cuộc. Sau đó cô mới mách cho anh cách thức cô đã dùng. Cô không xem chúng là những lá bài đơn thuần, mà liên tưởng mỗi lá bài với một người hay một hành động và bịa ra một câu chuyện khi lật lá bài lên. Sau đó anh đã cố gắng áp dụng những kỹ năng liên tưởng của cô vào công việc. Đôi khi kết quả thật đáng kinh ngạc.

“Đàn ông, bảy mươi tuổi,” Harry nói chậm rãi. “Người Na Uy. Nửa triệu curon. Cay đắng. Mắt xanh. Súng trường Marklin. Nói tiếng Đức. Khỏe mạnh. Buôn lậu vũ khí tại cảng Container. Tập bắn tại Skien. Thế thôi.”

Anh vào xe.

“Không tìm được gì à? Cũng đã nghĩ vậy. Được rồi. Cứ xem như nó đáng để thử. Dù sao cũng cảm ơn nhé. Bảo trọng.”

Harry đang dừng xe trên đường giao nhau nâng cao - trong vùng người ta gọi là bùng binh - phía trước bưu điện thì chợt nảy ra một ý, và gọi lại cho

Ellen.

“Ellen à? Lại là tôi đây. Còn một điều nữa mà tôi quên mất. Vẫn nghe đây chứ? Không cầm một vũ khí nào đã hơn năm mươi năm nay. Lặp lại này. Không cầm một... Phải, tôi biết nó hơn năm từ. Vẫn không tìm được à? Chết tiệt, tôi vừa chạy quá chỗ cần rẽ rồi. Gọi lại cô sau nhé, Ellen.”

Anh bỏ điện thoại xuống ghế hành khách và tập trung vào lái xe. Anh vừa rẽ khỏi bùng binh thì chuông điện thoại reo.

“Harry đây. Cái gì? Cái quái gì khiến cô nghĩ thế? Đúng rồi, đúng rồi, bây giờ thì đừng nổi điên nhé, Ellen. Đôi khi tôi quên mất rằng cô không biết cái gì đang diễn ra trong đầu cô. Bộ não ấy. Trong cái bộ não vĩ đại, xinh đẹp và chải phòng của cô đấy, Ellen. Và được rồi, giờ cô nói vậy thì rõ ràng rồi. Cảm ơn nhiều nhé.”

Anh bỏ điện thoại xuống, và đúng lúc đó anh nhớ ra mình nợ cô ba ca làm đêm. Giờ thì anh không còn trong Đội Hình sự nữa, nên sẽ phải tìm cho cô một thứ khác. Anh cân nhắc chuyện mình có thể làm, trong khoảng ba giây.

Irisveien.

Ngày 1 tháng Ba năm 2000.

Cửa mở, Harry ló nhìn thấy một cặp mắt xanh sắc sảo trên gương mặt nhăn nhúm.

“Harry Hole, cảnh sát đây!” anh nói. “Sáng nay tôi đã gọi điện tới.”

“Được.”

Mái tóc muối tiêu của ông già chải mượt ngang vàng trán cao, ông ta có đeo cà vạt bên trong chiếc áo len đen. Trên hộp thư bên ngoài lối vào căn nhà hai tầng màu đỏ nằm ở khu ngoại ô giàu có yên tĩnh phía Bắc Oslo có ghi dòng chữ EVEN & SIGNE JUUL.

“Xin mời vào, thanh tra Hole.”

Giọng ông ta điềm tĩnh và chắc nịch, có gì đó trong phong cách của ông ta mà nói cho đúng ra khiến giáo sư Even Juul trông trẻ hơn tuổi. Harry đã tìm hiểu và biết rằng vị giáo sư sử học này từng tham gia phong trào Kháng chiến. Cho dù Even Juul đã nghỉ hưu, ông vẫn được xem là một chuyên gia hàng đầu Na Uy về lịch sử thời Đức chiếm đóng và đảng Dân tộc Thống nhất.

Harry cúi xuống cởi giày. Trên bức tường ngay trước mặt anh treo những tấm ảnh đen trắng cũ đã hơi mờ lờn trong khung nhỏ. Một bức ảnh trong số này chụp một thiếu phụ mặc đồng phục y tá. Tấm ảnh khác chụp một thanh niên mặc áo choàng trắng.

Họ bước vào phòng khách nơi con chó xám Airedale đã ngừng sủa mà lại

theo bốn phận người người đưng quần của Harry rồi bước đến nằm xuống bên cạnh ghế bành của Juul.

“Tôi đã đọc một vài bài viết của ông về chủ nghĩa Phát xít và chủ nghĩa Quốc xã trên tờ Dagsavisen,” Harry nói sau khi họ cùng ngồi.

“Chúa ơi, vậy là độc giả của tờ Dagsavisen cũng tồn tại cơ à?” Juul mỉm cười.

“Có vẻ ông thiết tha muốn cảnh báo chúng tôi về chủ nghĩa Quốc xã mới ngày nay?”

“Không phải để cảnh báo, tôi chỉ vạch ra một số cái song song mang tính lịch sử. Phận sự của sử gia là phát hiện, chứ không phải phán xét.” Ông châm tẩu thuốc. “Nhiều người tin rằng đúng sai là những chân lý cố định. Điều đó không đúng, chúng thay đổi theo thời gian. Nhiệm vụ của sử gia trước hết là tìm kiếm sự thật lịch sử, nhìn vào những gì các nguồn nói ra và trình bày chúng, một cách khách quan và bình thản. Nếu các sử gia phải đại diện cho sự phán xét hành động điên rồ của nhân loại thì đối với thế hệ bây giờ, công việc của chúng tôi đối với hậu thế có vẻ như vật hóa thạch - những gì còn lại của tính chính thống trong thời đại của họ.”

Một làn khói xanh bốc lên không. “Nhưng tôi nghĩ đây không phải là thứ cậu đến đây hỏi đúng không?”

“Chúng tôi đang tự hỏi liệu ông có thể giúp chúng tôi tìm một người.”

“Cậu đã nói thế trên điện thoại rồi. Là ai vậy?”

“Chúng tôi không biết. Nhưng chúng tôi suy luận rằng hẳn ta có đôi mắt xanh, là người Na Uy và đã bảy mươi tuổi. Và hẳn nói tiếng Đức!”

“Và?”

“Hết rồi ạ!”

Juul phá lên cười. “Chắc, vậy thì cũng có một số để chọn đấy!”

“Đúng, có đến 158000 người ở đất nước này quá bảy mươi tuổi. Và tôi đoán chừng có khoản 100000 người trong số này có mắt xanh, và nói được tiếng Đức.”

Juul nhướng mày. Harry nở nụ cười ngượng ngùng.

“Văn phòng Thống kê Quốc gia. Tôi đã kiểm tra rồi, để cho vui thôi ạ.”

“Vậy cậu nghĩ tôi có thể giúp được gì?”

“Tôi đang sắp nói đến điểm đó đây. Theo báo cáo người này đã không sử dụng loại vũ khí nào suốt hơn năm mươi năm qua. Tôi nghĩ, à, tức là đồng nghiệp của tôi nghĩ, rằng hơn năm mươi năm tức là lớn hơn năm mươi nhưng chưa đến sáu mươi.”

“Hợp lý.”

“Vâng, cô ấy nói rất là... ờ, hợp lý. Như vậy thì ta cứ giả sử rằng đó là năm mươi năm trước, như vậy thì ta rơi trúng giữa Thế chiến II. Hắn vào khoảng hai mươi tuổi và biết sử dụng vũ khí. Người Na Uy - ai bí mật sở hữu một khẩu súng cũng đều phải giao nộp cho người Đức. Vậy thì hắn ở đâu?”

Harry giơ ra ba ngón tay. “Hoặc là hắn trong hàng ngũ Kháng chiến, hoặc là hắn đã trốn sang Anh, hoặc hắn ở Mặt trận phía Đông chiến đấu sát cánh với quân Đức. Hắn nói tiếng Đức tốt hơn tiếng Anh. Theo đó thì...”

“Vậy cô bạn đồng nghiệp của cậu đi đến kết luận rằng chắc hẳn hắn đã chiến đấu ngoài mặt trận, đúng không?” Juul hỏi.

“Đúng vậy ạ.”

Juul rít tẩu thuốc.

“Nhiều người trong phong trào Kháng chiến phải học tiếng Đức,” ông nói, “để tiến hành thâm nhập, theo dõi và còn nhiều nữa. Và cậu đang quên rằng còn những người Na Uy trong lực lượng cảnh sát Thụy Điển nữa.”

“Thế là kết luận này không đứng vững?”

“Để tôi nói suy nghĩ ra thành lời một chút!” Juul nói. “Gần mười lăm nghìn người Na Uy đã tình nguyện đăng lính ra chiến trường, bảy nghìn người trong số này được động viên và do đó họ được phép dùng vũ khí. Và còn số lượng nhiều hơn thế đã trốn sang Anh và nhập ngũ tại đó. Và cho dù vào cuối cuộc chiến, số lượng người trong lực lượng Kháng chiến nhiều hơn,

rất ít trong số họ cầm vũ khí.”

Juul mỉm cười.

“Tạm thời lúc này cứ giả sử rằng cậu nói đúng. Bây giờ rõ ràng những người chiến đấu tại mặt trận này không có tên trong danh bạ điện thoại là cựu chiến binh Lực lượng Vũ trang ss, nhưng tôi cho là cậu đã biết phải tìm kiếm ở đâu rồi?”

Harry gật đầu.

“Hồ sơ lưu về ‘Những kẻ phản bội’. Họ được sắp xếp theo tên họ, cùng với tất cả dữ liệu từ các vụ án. Tôi đã xem hết tất cả suốt mấy ngày qua. Tôi đang hy vọng rằng họ đã chết kha khá để có tổng số dễ xoay xở, nhưng tôi đã lầm.”

“Đúng, bọn họ là những con chim già dai sức,” Juul phá lên cười.

“VẬY là tôi đã nói đến chỗ tại sao chúng tôi gọi cho ông. Ông biết về lý lịch những người lính này rõ hơn bất kỳ ai. Tôi muốn được ông giúp tôi hiểu những người như vậy suy nghĩ ra sao, hiểu được điều gì kích bẫy họ.”

“CẢM ơn sự tin tưởng của cậu, thanh tra; nhưng tôi là sử gia và cũng chẳng biết nhiều hơn ai về động cơ cá nhân. Như có lẽ cậu cũng biết, tôi phục vụ trong phong trào Kháng chiến, tại *Milorg*, và điều đó không có nghĩa là tôi có đủ trình độ đi guốc trong bụng ai đó tình nguyện đến Mặt trận phía Đông.”

“Tôi lại nghĩ ông biết được rất nhiều đấy, ông Juul!”

“Đúng thế không?”

“Tôi nghĩ ông hiểu ý tôi. Tôi đã nghiên cứu triệt để rồi.”

Juul rút tẩu thuốc và nhìn Harry. Trong sự im lặng theo sau, Harry nhận ra rằng ai đó đang đứng bên ngưỡng cửa phòng khách. Anh xoay lại thì thấy một bà già. Đôi mắt bà dịu dàng, bình thản nhìn Harry.

“Bọn anh chỉ chuyện vãn thôi, Signe,” Even Juul nói.

Bà trao cho Harry cái gật đầu vui vẻ, mở miệng như định nói gì đó, nhưng lại thôi khi ánh mắt bà gặp ánh mắt của Even Juul. Bà lại gật đầu, lặng lẽ

khép cửa lại và bỏ đi.

“Vậy là cậu biết à?” Juul hỏi.

“Vâng. Bà ấy là một y tá trên Mặt trận phía Đông, đúng không ạ?”

“Ở Leningrad. Từ năm 1942 đến cuộc rút lui vào tháng Ba năm 1944.” Ông bỏ tẩu thuốc xuống. “Tại sao cậu lại sẵn lòng người đàn ông này?”

“Nói thật, chúng tôi cũng không biết điều đó. Nhưng có thể có một âm mưu ám sát.”

“Hừm.”

“Vậy chúng tôi nên đi tìm cái gì? Một kẻ lập dị? Một người vẫn là tên Phát xít tận tâm? Một tên tội phạm?”

Juul lắc đầu.

“Hầu hết những người trên mặt trận đều đã thụ án và sau đó quay trở lại xã hội. Nhiều người trong số họ tiến bộ đáng ngạc nhiên ngay cả sau khi bị dán nhãn là phản bội. Có thể cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhiều khi hóa ra những kẻ có tài chính là kẻ biết đưa ra quyết định trong những tình huống then chốt như chiến tranh.”

“Tức là người chúng tôi đang tìm có thể đúng là một trong những người thành đạt.”

“Hoàn toàn đúng.”

“Một rường cột của xã hội à?”

“Cánh cửa dẫn đến những chức vụ quan trọng của quốc gia trong lĩnh vực tài chính và chính trị có lẽ đã đóng lại với người này.”

“Nhưng hẳn có thể là một thương gia độc lập, một doanh nhân. Nhất định là ai đó kiếm được đủ tiền mà mua một thứ vũ khí giá nửa triệu. Hẳn có thể săn đuổi ai cơ chứ?”

“Chuyện này có nhất thiết liên quan gì đến chuyện chiến đấu ngoài mặt trận không?”

“Trực giác của tôi cho rằng có thể.”

“Thế thì động cơ để trả thù à?”

“Nghe vô lý lắm sao?”

“Không, không hề. Nhiều người quay từ mặt trận về nhìn nhận mình như những người ái quốc thật sự trong chiến tranh. Họ nghĩ rằng, xét theo cách thế giới nhìn vào năm 1940, họ đã hành động vì những lợi ích cao nhất của quốc gia. Họ cho rằng việc chúng ta tuyên án họ là những kẻ phản bội hoàn toàn là một sự bôi bác công lý.”

“Thì sao?”

Juul đưa tay gãi gãi sau tai.

“À. Phần lớn những thẩm phán có liên quan tới việc đưa họ ra công lý giờ đây đã chết cả rồi. Và cũng vậy đối với các chính trị gia đã đặt nền móng cho những phiên xử này. Giả thiết báo thù do đó xem ra không vững!”

Harry thở dài. “Ông nói đúng. Tôi chỉ đang cố tạo nên một bức tranh bằng vài mảnh ghép tôi có.”

Juul liếc nhanh đồng hồ đeo tay. “Tôi hứa sẽ suy nghĩ về chuyện đó, nhưng tôi thật sự không chắc có giúp gì cậu được không.”

“Dù sao cũng cảm ơn ông,” Harry đáp, đứng lên. Rồi chợt nhớ ra điều gì, anh rút ra một xấp giấy gấp đôi từ túi áo khoác.

“Nhân tiện, tôi có mang theo bản sao báo cáo của tôi về cuộc thẩm vấn một nhân chứng tại Johannesburg. Phiên ông nhìn qua xem liệu có điều gì quan trọng trong đó không?”

Juul nhận lời, nhưng lại lắc đầu như thể muốn nói từ chối.

Khi Harry đang xỏ giày vào trên hành lang, anh chỉ vào tấm ảnh người đàn ông mặc áo choàng trắng.

“Phải ông kia không?”

“Đúng, vào nửa đầu thế kỷ trước!” Juul phá lên cười. “Anh chụp ở Đức trước chiến tranh. Đáng lẽ tôi phải nối nghiệp cha và ông nội tôi mà học y ở đó. Khi chiến tranh bùng nổ, tôi trở về nhà và thực ra đã bắt tay vào những cuốn sách lịch sử đầu tiên trên tàu. Sau đó thì đã quá muộn: tôi say mê luôn.”

“Vậy nên ông bỏ nghề y?”

“Tùy thuộc vào cách cậu nhìn nhận nó thế nào. Tôi muốn cố gắng tìm một lời giải thích tại sao một người và một ý thức hệ lại có thể mê hoặc nhiều người đến thế. Và có lẽ cũng là để tìm một loại thuốc giải độc.” Ông cười. “Khi ấy tôi còn rất, rất trẻ mà.”

Tầng 1, khách sạn Continental.

Ngày 1 tháng Ba năm 2000.

“Chúng ta có thể gặp nhau thế này thì quý quá,” Bernt Brandhaug nói, nâng ly rượu.

Họ cùng nâng ly, Aud Hilde mỉm cười với ông Thứ trưởng Ngoại giao.

“Mà không chỉ vì việc công,” ông nói, nhìn vào mắt cô cho đến khi cô sụp mắt xuống. Brandhaug dò xét cô. Cô không hẳn là hấp dẫn, nét của cô hơi quá thô không thể coi là hấp dẫn được và dứt khoát là cô tròn trĩnh, nhưng cô có cái vẻ duyên rũ, kêu gọi và cô là một nàng mập trẻ trung.

Sáng nay cô đã gọi cho ông từ văn phòng tham mưu nói rằng họ cần lời khuyên của ông về một vụ bất thường, nhưng cô chưa kịp nói gì ông đã đề nghị cô lên văn phòng mình. Khi cô đến nơi ông đã lập tức quyết định rằng ông không có thời gian và họ có thể thảo luận chuyện đó vào bữa ăn sau giờ làm.

“Công chức chúng ta cũng nên có thêm vài đặc quyền,” ông đã nói vậy. Cô cho rằng ông muốn nói về bữa ăn.

Đến giờ mọi thứ đã tiến triển tốt. Trưởng phục vụ đã dành cho họ bàn ăn thường lệ của Brandhaug, và như ông biết, trong phòng chẳng có ai ông quen.

“Vâng, ngày hôm qua chúng tôi gặp phải vụ lạ lùng này,” cô nói, để phục vụ trải khăn ăn trên lòng cô. “Có một ông già đến chỗ chúng tôi cứ khẳng khẳng cho rằng chúng ta nợ tiền ông ta. Tức là Văn phòng Ngoại giao. Ông

ta nói là gần hai triệu krone, nhắc đến lá thư ông ta đã gửi vào năm 1970.”

Cô đảo mắt. *Lẽ ra cô không nên dùng nhiều lớp trang điểm thế, Brandhaug nghĩ.*

“Vậy chúng ta nợ tiền ông ấy làm gì?”

“Ông ta bảo rằng ông ta là một thủy thủ của thương hạm trong chiến tranh. Nó có liên quan đến Nortraship. Họ đã giữ lại khoản tiền lương của ông ta!”

“À, đúng rồi. Tôi nghĩ tôi biết nó là về cái gì rồi. Ông ta còn nói gì nữa?”

“Rằng ông ta không thể đợi được nữa. Rằng chúng ta đã lừa dối ông ta và tất cả các thủy thủ thương hạm khác. Chúa sẽ trừng phạt chúng ta vì những tội lỗi của mình. Tôi không biết ông ta đang say rượu hay bị bệnh, nhưng trông ông ta mệt mỏi chán nản lắm. Ông ta mang theo một lá thư, có chữ ký của tổng lãnh sự Na Uy tại Bombay năm 1944, người đã thay mặt cho nhà nước Na Uy, bảo đảm hoàn trả tiền thưởng rủi ro chiến tranh cho bốn năm phục vụ như một sĩ quan trong thương hạm Na Uy. Không có lá thư đấy thì chúng tôi đương nhiên đã hò dô mà kéo ông ta ra khỏi cửa, và chúng tôi đã không làm phiền ông với chuyện vật thể này.”

“Cô có thể đến gặp tôi bất cứ lúc nào cô muốn mà, Aud Hilde,” ông đáp, bất chợt hốt hoảng: *tên cô ấy có phải là Aud Hilde không nhỉ?*

“Tội ông già!” Brandhaug nói, ra hiệu cho phục vụ mang thêm rượu. “Điều đáng buồn trong vụ này đó là thực ra ông ta đúng. Nortraship được thành lập nhằm quản lý các tàu trong thương hạm mà quân Đức đã không chiếm dụng. Đó là một tổ chức phục vụ một phần các lợi ích thương mại, một phần cho các lợi ích chính trị. Chẳng hạn như người Anh đã trả những khoản tiền lớn trong các khoản tiền thưởng rủi ro cho Nortraship này để được sử dụng tàu biển vận chuyển của Na Uy. Nhưng tiền, thay vì để trả cho thủy thủ đoàn, thì lại đi thẳng vào túi các chủ tàu và các kho bạc nhà nước. Ở đây ta đang nói đến vài trăm triệu krone. Các thủy thủ thương hạm đã cố gắng đòi lại tiền thông qua những vụ kiện cáo, nhưng họ đã thua kiện tại Tòa

án Tối cao năm 1954. Năm 1972, Quốc hội Na Uy đã thông qua một đạo luật quy định rằng các thủy thủ thương hạm có quyền đòi lại số tiền này.”

“Đường như người này chẳng nhận được cái gì. Vì theo lời ông ta nói, ông ta đã ở Biển Đông và bị ngư lôi của hải quân Nhật Bản tấn công, chứ không phải quân Đức.”

“Ông ta có nói tên ông ta là gì không?”

“Konrad Asnes. Đợi chút tôi sẽ cho ông xem lá thư. Ông ta đã tính được chúng ta nợ bao nhiêu kèm theo lãi suất kép.”

Cô cúi xuống tìm trong túi. Hai cánh tay trên của cô run run. *Cô ta cần tập luyện nhiều hơn nữa*, Brandhaug nghĩ. Giảm bốn cân thì Aud Hilde sẽ có thân hình đầy đặn thay vì... béo.

“Được rồi!” ông nói. “Tôi không cần xem đâu. Nortraship trực thuộc Bộ Thương mại mà.”

Cô ngược mắt nhìn ông.

“Ông ta cứ khẳng khẳng rằng chúng ta là những người nợ tiền ông ta. Ông ta cho chúng ta hạn chót là hai tuần.”

Brandhaug phá lên cười.

“Phải không đấy? Sau sáu mươi năm sao giờ ông ta gấp thế?”

“Ông ta không nói, mà chỉ bảo rằng chúng ta phải hứng chịu hậu quả nếu không trả tiền cho ông ta.”

“Lạy Chúa tôi.” Brandhaug đợi đến khi phục vụ rót thêm rượu vào ly cho họ xong rồi mới rướn người qua bàn. “Tôi ghét phải hứng chịu hậu quả lắm, cô thì sao?” Môi cô thoáng cười ngập ngừng.

Brandhaug nâng ly.

“Tôi đang tự hỏi chúng ta nên làm gì với vụ này?” cô nói.

“Quên nó đi,” ông đáp. “Nhưng tôi cũng đang tự hỏi một câu, Aud Hilde.”

“Là gì thế ạ?”

“Rằng cô đã thấy phòng khách sạn chúng ta được tùy ý dùng ở đây chưa?”

Aud Hilde lại mỉm cười, nói rằng cô chưa thấy.

*Trung tâm thể hình Focus, Ila.**Ngày 2 tháng Ba năm 2000.*

Harry vừa đạp xe vừa đổ mồ hôi. Phòng khám tim mạch được trang bị mười tám xe đạp thể dục cơ công kế siêu hiện đại, tất cả đang được các cư dân “thành thị,” hay nói chung là những người hấp dẫn sử dụng, mắt họ dán chặt vào màn hình ti-vi tắt tiếng treo trên trần nhà. Harry đang xem Elisa trên chương trình *Cuộc thám hiểm Robinson* mấp máy môi nói rằng cô ta không chịu nổi Poppe. Harry biết. Đó là chương trình phát lại.

Ca khúc *That don't impress me much!* chọt vang lên từ những cái loa.

Không, ngạc nhiên đấy chứ, Harry nghĩ, người vốn thích những bản nhạc âm ỉ cũng như mấy tiếng khò khè nghe được từ đâu đó trong phổi mình. Anh có thể tập luyện miễn phí tại phòng tập thể hình ở Sở Cảnh sát, nhưng Ellen đã thuyết phục anh đi tập ở trung tâm Focus. Anh làm theo, nhưng vạch rõ giới hạn khi cô cố xúi anh đăng ký vào một lớp aerobics. Chuyển động hòa nhịp với nhạc phát đĩa cùng một đám người thích nghe nhạc phát đĩa trong khi người hướng dẫn có nụ cười nhếch mép luôn mồm thúc giục họ nỗ lực hơn nữa, gắng sức hơn nữa, kèm câu đùa hóm hỉnh “có công mài sắt, có ngày nên kim.” Đối với Harry đó là một kiểu tình nguyện tự hạ mình không thể hiểu nổi. Theo anh nhìn nhận, lợi thế lớn nhất của Focus đó là anh có thể vừa tập vừa xem *Cuộc thám hiểm Robinson* mà không phải chung phòng tập với Tom Waaler, hẳn luôn thích dành toàn bộ thời gian rảnh trong phòng tập gym của cảnh sát. Harry liếc nhanh xung quanh và khẳng định, như thường

lệ, tối nay anh là người già nhất ở đó. Hầu hết người tập trong phòng là con gái, tai nghe nhạc trên máy Walkman, chốc chốc lại liếc mắt về phía anh. Không phải họ đang nhìn anh mà là nhìn tay diễn viên tấu hài nổi tiếng nhất Na Uy ngồi kế bên anh, mặc chiếc áo có mũ trùm đầu xám, dưới chùm tóc tinh nghịch trên trán chẳng đọng giọt mồ hôi nào. Một tin nhắn xuất hiện trên bảng đồng hồ đo tốc độ của Harry: *Bạn đang tập luyện rất tốt.*

Nhưng ăn mặc thì dở tệ, Harry nghĩ, nhìn xuống chiếc quần dài chạy bộ bạc màu, ẻo uột mà anh luôn phải kéo xéch lên vì chiếc điện thoại di động mắc tòng teng ở eo lưng. Đôi giày thể thao Adidas nhàm chán của anh không đủ mới để gọi là hiện đại, cũng không đủ cũ để theo đúng xu hướng thời trang retro nữa. Chiếc áo thun Joy Division vốn từng được tin nhiệm giờ đang phát đi thông điệp rằng anh không còn theo kịp những gì đang diễn ra trên sân khấu âm nhạc đến mấy năm. Nhưng Harry không cảm thấy hoàn toàn - hoàn toàn - cô độc, cho đến khi di động của anh bắt đầu bíp bíp anh mới để ý thấy cặp mắt oán trách mười bảy tuổi đó, kể cả ánh mắt của tay diễn viên tấu hài kia, nhắm thẳng vào mình. Anh bèn tháo móc cục gạch quý quái đen đũi bé xíu ấy ra khỏi thắt lưng.

“Hole nghe.”

Ca khúc *That don't impress me much!* lại vang lên.

“Juul đây mà. Tôi có quấy rầy anh không?”

“Không, là do nhạc thôi.”

“Cậu đang thờ khò khè như con hà mã ấy. Gọi lại cho tôi vào lúc nào thuận tiện nhé.”

“Bây giờ tiện mà. Tôi đang ở phòng tập gym.”

“Được rồi. Tôi có tin tốt đây. Tôi đã xem báo cáo từ Johannesburg của cậu rồi. Tại sao cậu lại không nói hấn đã từng đến Sennheim?”

“Uriah ấy à? Có quan trọng không? Tôi cũng không chắc mình nghe đúng cái tên? Tôi đã tìm nó trên bản đồ nước Đức nhưng không tìm ra một Sennheim nào hết.”

“Câu trả lời cho câu hỏi của cậu là có đấy, nó quan trọng. Nếu cậu có tí nghi ngờ nào liên quan đến việc liệu hẳn có chiến đấu trên mặt trận không, bây giờ cậu có thể an tâm rồi. Chắc chắn một trăm phần trăm. Sennheim nhỏ thoi và những người Na Uy duy nhất mà tôi nghe nói từng đến đó đều đi trong thời chiến. Để đến trại huấn luyện trước khi ra Mặt trận phía Đông. Lý do cậu không tìm ra được Sennheim trên bản đồ nước Đức là vì nó không nằm ở Đức, mà nằm trong vùng Alsace thuộc Pháp.”

“Vâng, nhưng...”

“Trong suốt lịch sử của nó, Alsace luân phiên nhau khi thì thuộc Pháp khi thì về Đức, đó là lý do tại sao ở đó người ta nói tiếng Đức. Việc người của chúng ta đã đến Sennheim làm giảm đáng kể số lượng ứng cử viên tiềm năng đấy. Cậu thấy đấy, chỉ những người từ các trung đoàn Nordland và Norge mới được huấn luyện tại đó. Thậm chí còn tốt hơn thế - tôi có thể cho cậu tên một người đã từng ở Sennheim, và gần như chắc chắn sẽ sẵn lòng giúp cậu.”

“Thật không?”

“Mọi người lính từ trung đoàn Nordland đã chiến đấu ngoài mặt trận. Anh ta tình nguyện gia nhập phong trào Kháng chiến của chúng tôi năm 1944.”

“Tuyệt quá.”

“Anh ta lớn lên ở một trang trại hẻo lánh cùng bố mẹ và các anh trai, bọn họ đều là những người theo chủ nghĩa Phát xít cuồng tín, anh ta bị buộc phải tòng quân và phục vụ ngoài mặt trận. Bản thân anh ta chưa bao giờ là người tin vào Phát xít, và năm 1943 anh ta đã đào ngũ gần Leningrad. Anh ta bị quân Nga bắt một thời gian ngắn, và chiến đấu bên phe người Nga trước khi xoay sở về lại được Na Uy qua đường Thụy Điển.”

“Ông có tin tưởng một người lính từ Mặt trận phía Đông không?”

Juul phá lên cười. “Tuyệt đối luôn!”

“Sao ông lại cười vậy?”

“Chuyện dài lắm.”

“Tôi có nhiều thời gian mà.”

“Chúng tôi đã ra lệnh cho anh ta trừ khử một thành viên trong gia đình.”

Harry ngừng đập. Juul háng giọng.

“Khi chúng tôi tìm thấy anh ta ở Nordmarka, ngay phía Bắc Ullev a lseter, ban đầu chúng tôi không tin câu chuyện của anh ta. Chúng tôi nghĩ rằng anh ta là một kẻ thâm nhập và đã nhất trí bắn chết anh ta. Chúng tôi có những đầu mối liên lạc trong bộ phận hồ sơ lưu trữ của cảnh sát Oslo, có nghĩa là chúng tôi có thể kiểm tra câu chuyện của anh ta, và hóa ra thực tế là anh ta được báo cáo mất tích trên mặt trận. Anh ta được cho là đã đào ngũ. Lý lịch gia đình anh ta được kiểm tra. Anh ta có mang theo giấy tờ chứng minh rằng anh ta là người như anh ta đã nói. Tất nhiên tất cả những điều này có thể được người Đức dựng lên, nên chúng tôi quyết định phải thử thách anh ta.”

Tạm dừng.

“Và?”

“Chúng tôi giấu anh ta trong một cái lán, tránh xa cả chúng tôi lẫn quân Đức. Ai đó đề nghị rằng chúng tôi nên ra lệnh cho anh ta giết chết một anh trai của mình trong đảng Dân tộc Thống nhất. Ý chính là để xem anh ta phản ứng thế nào. Khi chúng tôi ban lệnh cho anh ta, không thấy anh ta nói gì, nhưng ngày hôm sau khi chúng tôi đi xuống lán của anh ta thì thấy anh ta đã biến mất. Chúng tôi chắc chắn rằng anh ta đã trốn, nhưng hai ngày sau anh ta lại xuất hiện. Anh ta nói rằng anh ta đã đến trang trại gia đình mình ở Gudbrandsdalen. Một vài ngày sau chúng tôi nhận được các báo cáo từ người dân của chúng tôi trên đó. Người ta phát hiện một người anh trai trong chuồng bò, một người nữa trong kho thóc. Bố mẹ anh ta nằm trên sàn phòng khách.”

“Lạy Chúa tôi,” Harry nói. “Tên này chắc mất trí rồi.”

“Có lẽ. Tất cả chúng tôi đều thế. Chiến tranh mà. Và lại chúng tôi không bao giờ nhắc đến chuyện này, kể cả hồi đó và đến tận bây giờ cũng không. Vậy cậu cũng không nên...”

“Dĩ nhiên là không. Ông ta sống ở đâu ạ?”

“Ở Oslo này. Tôi nghĩ là ở Holmenkollen.”

“Tên ông ta là gì?”

“Fauke. Sindre Fauke.”

“Tuyệt quá. Tôi sẽ liên hệ với ông ta. Cảm ơn nhiều, ông Juul.”

Trên màn hình ti-vi có cảnh quay cận ảnh Poppe đang gửi lời chào đón trở về đầm nước mắt. Harry gài chặt chiếc di động vào đai lưng chiếc quần dài thể thao, kéo quần lên rồi sải bước ra ngoài đến phòng cân nặng.

Shania Twain vẫn chưa thấy ấn tượng.

Cửa hiệu bán đồ nam giới, Hegdehaugsveien.

Ngày 2 tháng Ba năm 2000.

“Chất liệu len, cỡ 110,” người bán hàng nói, đưa chiếc áo vest cho lão già.

“Loại tốt nhất. Nhẹ và bền.”

“Chỉ mặc một lần thôi,” lão già nói mà mỉm cười.

“Ôi,” cô nói, hơi lúng túng. “Chúng tôi có vài cái rẻ hơn...”

Lão ngắm mình trong gương. “Cái này được rồi.”

“Kiểu may cổ điển,” cô bán hàng cam đoan với lão. “Kiểu may cổ điển nhất chúng tôi từng có.”

Cô kinh hãi nhìn lão già, lão đang gập cả người lại.

“Ông có ốm không? Liệu tôi...?”

“Không, chỉ nhói một chút thôi. Sẽ qua mà.” Lão già đứng thẳng người lên. “Sớm nhất thì khi nào cô lên gấu quần xong?”

“Đến thứ Tư tuần sau ạ. Nếu không vội. Ông có cần quần cho dịp đặc biệt nào không?”

“Có, nhưng thứ Tư cũng được.”

Lão trả cho cô mấy tờ 100 krone.

Khi lão đếm tiền, cô nói, “Tôi có thể nói với ông rằng ông sẽ có một bộ com lê dùng đến hết đời.”

Tiếng cười của lão già vẫn vang vọng bên tai cô rất lâu sau khi lão đã đi khỏi.

*Holmenkollen.**Ngày 3 tháng Ba năm 2000.*

Tại Holmenkollveien ở Besserud, Harry tìm thấy số nhà anh đang tìm trong bóng tối, trên một ngôi nhà gỗ thẫm màu bẽ thế, dưới những cây linh sam cao. Một đường xe rải sỏi dẫn lên ngôi nhà, Harry lái lên ngay một chỗ bằng phẳng rồi vòng xe lại. Ý tưởng là đỗ xe trên đường dốc, nhưng khi lùi về số một, chiếc xe ho sụ một tiếng và thở hắt. Harry chửi thề, xoay chìa khóa trong ổ khóa điện, nhưng bộ phận kh ở i động chỉ phát ra tiếng rên rĩ.

Anh ra khỏi xe, đi bộ lên ngôi nhà thì một người phụ nữ bước ra ngoài cửa. Cô rõ ràng không nghe thấy tiếng anh lái xe lên, nên dừng chân trên mấy bậc thềm với một nụ cười dò hỏi.

“Chào buổi sáng,” Harry nói, hất đầu về phía chiếc xe. “Có chút tái mét, cần... ít thuốc men!”

“Thuốc á?” Giọng cô ấm và trầm.

“Vâng, tôi nghĩ nó mắc phải dịch cúm giờ đang hoành hành quanh đây.”

Cô cười toét miệng. Người phụ nữ khoảng ba mươi, mặc chiếc áo choàng đen bằng vải trơn, trang nhã tự nhiên mà Harry dư biết là rất đắt.

“Tôi đang định ra ngoài,” người phụ nữ nói. “Anh đến đây à?”

“Tôi nghĩ vậy. Ông Sindre Fauke có nhà không?”

“Suýt nữa thì có,” cô nói. “Anh đến chậm vài tháng rồi. Cha tôi đã dọn vào thành phố.”

Harry tiến đến gần hơn và thấy cô là người hấp dẫn. Điều gì đó trong cách

ăn nói thoải mái, cách cô nhìn thẳng vào mắt anh, cho thấy cô còn là người tự tin. Một phụ nữ có học thức, anh đoán. Cô phải làm nghề gì đó đòi hỏi một trí tuệ điềm tĩnh, duy lý. Công ty môi giới bất động sản, đứng đầu một phòng ban trong ngân hàng, một chính trị gia hay điều gì đó tương tự.

Bất luận thế nào cũng là gia đình khá giả, về điều này thì anh hoàn toàn chắc chắn. Không phải chỉ vì chiếc áo khoác và ngôi nhà bề thế sau lưng, mà nó toát ra từ thái độ và khuôn xương gò má cao, quý phái. Cô bước xuống bậc thềm như thể đang bước dọc theo một đường thẳng tắp, khiến nó dường như thật dễ dàng. *Những bài học ba lê*, Harry nghĩ.

“Tôi có thể giúp gì được không?”

Những phụ âm được phát âm rõ ràng, âm điệu nhấn mạnh vào chữ “tôi” quá dễ nhận ra đến gần như hơi phô trương.

“Tôi từ bên cảnh sát.” Anh định lục trong túi áo choàng tìm thẻ cảnh sát, nhưng cô đã xua tay đi.

“Vâng, à, tôi muốn được nói chuyện với cha cô.”

Harry bức tức nhận thấy âm điệu của mình vô tình trở nên trịnh trọng hơn mọi lần.

“Tại sao thế?”

“Chúng tôi đang tìm một người. Và tôi hy vọng cha cô có thể giúp.”

“Các anh đang muốn tìm ai?”

“Tôi e rằng mình không thể nói.”

“Được.” Cô gật đầu như thể đó là một bài kiểm tra Harry vừa vượt qua. “Nhưng nếu cô nói tôi là ông ấy không sống ở đây..!” Harry nói, che mắt. Cô có đôi bàn tay mảnh mai. *Những bài học dương cầm*, Harry nghĩ. *Cô ấy còn có những vết nhăn quanh mắt khi cười. Có lẽ rốt cuộc cô phải hơn ba mươi?*

“Bố tôi không có nhà!” cô nói. “Bố tôi đã chuyển đến Majorstuen rồi. Phố Vibes 18. Anh sẽ tìm thấy bố tôi ở đó hoặc ở thư viện đại học, tôi nghĩ vậy.”

Thư viện đại học. Cô phát âm rõ ràng đến mức không bỏ mất một âm tiết nào cả.

“Phố Vibes 18. Tôi hiểu rồi.”

“Tốt.”

Harry gật đầu. Rồi cứ gật. Như một chú chó. Cô mỉm cười với đôi môi mím chặt, nhưng cả hai lông mày như thể muốn nói rằng thế là xong, nếu không còn câu hỏi nào nữa thì buổi họp dời sang một ngày khác.

“Tôi hiểu!” Harry lặp lại.

Cô có cặp lông mày đen và đều. *Có thể là do tia*, Harry nghĩ. Cho dù tia nhẹ, khó nhận ra.

“Giờ tôi phải đi rồi,” cô nói. “Chuyến xe điện của tôi...”

“Tôi hiểu,” Harry nói câu này đến lần thứ ba nhưng vẫn không nhúc nhích.

“Tôi hy vọng anh tìm được ông ấy. Bố tôi.”

“Chúng tôi sẽ tìm được.”

“Tạm biệt.” sỏi kêu lạo xạo dưới gót giày khi cô cất bước đi.

“À... Tôi có một rắc rối nhỏ...” Harry nói.

• • •

“Cảm ơn cô đã giúp.”

“Có gì đâu,” cô đáp. “Anh chắc là đi đường vòng không quá xa cho anh chứ?”

“Chắc chắn là không. Cũng cùng đường mà.” Harry đáp, liếc trộm đôi găng tay da thanh tú, khỏi cần hỏi cũng biết là đất cắt cỏ kia, giờ đây xám xịt bụi đất vì giúp anh đẩy chiếc Escort.

“Câu hỏi là liệu cái xe này có chịu nổi quãng đường không,” anh nói. “Dường như nó đã có một quá khứ huy hoàng,” cô nói, chỉ tay vào một lỗ hồng trên bảng đồng hồ, một đám dây lộn xộn màu vàng, màu đỏ thò ra ở nơi từng là chiếc radio.

“Trộm!” Harry đáp. “Đó là lý do tại sao cánh cửa không khóa được.

Chúng phá cả cái đó.”

“VẬY thì tất cả mọi người sẽ được thả cửa rồi?”

“Phải, khi cô đủ già rồi thì sẽ là thế đấy!”

Cô bật cười. “Thế sao?”

Anh liếc xéo cô thật nhanh. Có lẽ cô là típ người có vẻ ngoài không thay đổi theo tuổi tác, từ hai mươi đến năm mươi tuổi cũng trông như ba mươi. Anh thích nét mặt nhìn nghiêng của cô, những đường nét mềm mại. Vào tháng Hai, làn da cô vẫn sáng tự nhiên, ấm áp chứ không khô, mờ xỉn như làn da của những phụ nữ ưa phơi nắng khác cùng tuổi với cô. Cô cài kín áo khoác nên anh chỉ còn trông thấy cái cổ dài, thanh mảnh. Anh trông thấy đôi bàn tay cô để nhẹ trong lòng.

“Đèn đỏ,” cô bình tĩnh nói.

Harry động chân phanh.

“Xin lỗi,” anh đáp.

Anh đang làm gì thế nhỉ? Nhìn đôi tay cô để xem có đeo nhẫn cưới không à? Lạy Chúa.

Anh nhìn quanh và bất chợt nhận ra họ đang ở đâu. “Có chuyện gì không ổn à?,” cô hỏi. “Không, không”. Đèn chuyển màu xanh. “Tôi có những kí ức tồi tệ về nơi này.”

“Tôi cũng vậy!” cô nói. “Vài năm trước tôi đã đi qua đây trên tàu điện, ngay sau khi một chiếc xe cảnh sát băng qua đường ray, đâm ngay vào bức tường đằng kia kia.” Cô đưa tay chỉ. “Đau lòng lắm. Một cảnh sát vẫn treo trên cột hàng rào kia, trông cứ như bị đóng đinh trên thập giá ấy. Tôi đã không ngủ được suốt mấy đêm liền sau đó. Người ta nói rằng tay cảnh sát đó lái xe khi đang say rượu.”

“Ai nói vậy?”

“Một người bạn học của tôi. Từ học viện cảnh sát.”

Họ đi qua Froen. Vinderen đã ở sau lưng họ. *Một chặng đường dài*, Harry nghĩ.

“Vậy là cô đã theo học ở học viện cảnh sát?” anh hỏi.

“Không, anh mất trí à?” Cô lại cười. Harry thích âm thanh đó. “Tôi học luật ở trường đại học.”

“Tôi cũng thế,” anh đáp. “Cô theo học khi nào?”

Láu cá đây, Hole. “Tôi tốt nghiệp năm 1992.”

Harry nhắm tít. Thế thì ít nhất cũng ba mươi rồi.

“Còn anh?”

“Năm 1990,” Harry đáp.

“Anh còn nhớ buổi trình diễn âm nhạc có ban nhạc Rock Raga Rockers trong Liên hoan khoa Luật năm 1988 không?”

“Dĩ nhiên là có. Tôi có đi xem mà. Ở trong vườn.”

“Tôi cũng thế! Nó không tuyệt hay sao!” Cô nhìn anh, đôi mắt cô lấp lánh.

Ở đâu? anh nghĩ. Cô đã ở đâu thế?

“Đúng vậy, nó thật tuyệt vời.” Harry không còn nhớ nhiều về buổi hòa nhạc đó. Nhưng nó bất ngờ gợi anh nhớ đến tất cả những phụ nữ tuyệt vời vẫn thường xuất hiện mỗi khi Raga trình diễn.

“Nếu chúng ta học cùng thời điểm đó, chắc chúng ta có nhiều người quen chung lắm,” cô nói.

“Tôi nghi ngờ điều đó. Lúc ấy tôi là cảnh sát và thật ra thì không giao du với sinh viên.”

Họ băng qua Industrigata không nói gì.

“Anh cứ cho tôi xuống đây!” cô nói.

“Đây có phải là nơi cô muốn đến không?”

“Vâng, vậy được rồi.”

Anh cho xe vào lề đường và cô quay về phía anh. Một lọn tóc xòa xuống trước mặt cô. Ánh mắt cô vừa dịu dàng vừa can đảm. Đôi mắt nâu. Một suy nghĩ tức thì nhưng hoàn toàn bất ngờ chọt đến với anh: anh muốn hôn cô.

“Cảm ơn anh!” cô nói và mỉm cười

Cô kéo tay nắm cửa xuống. Chẳng có chuyện gì xảy ra.

“Xin lỗi,” Harry nói, cúi người qua hít lấy mùi hương của cô. “Cái khóa...” Anh đánh thật mạnh vào cánh cửa, nó bật mở. Anh cảm thấy như thể mình đang chết đuối. “Có lẽ chúng ta sẽ gặp lại nhỉ?”

“Có lẽ.”

Anh cảm thấy cái thôi thúc muốn hỏi cô rằng cô sẽ đi đâu, cô làm việc ở đâu, cô có yêu thích công việc của mình không, cô còn thích điều gì nữa, cô đã có người yêu chưa, liệu cô có muốn đi xem hòa nhạc dù cho đó không phải là Raga. Tuy nhiên, may mắn làm sao, đã quá muộn. Cô đã bước những bước ba lê dọc vỉa hè trên đường Sporveisgata.

Harry thở dài. Anh gặp cô nửa tiếng rồi mà thậm chí còn chẳng biết tên cô. Chắc anh đang trải qua quá trình mãn dục sớm.

Rồi anh nhìn mình trong gương và ngoặt xe theo hình chữ u rất thất thường. Phố Vibes đã ở rất gần.

Phố Vibes, Majorstuen.

Ngày 3 tháng Ba năm 2000.

Một người đàn ông đứng ở cửa, nở nụ cười tươi rói khi Harry lên đến tầng ba, thở hắt hên.

“Rất tiếc về chuyện cầu thang,” người đàn ông nói, chìa tay ra. “Sindre Fauke.”

Đôi mắt ông ta vẫn tinh anh nhưng khuôn mặt ông ta trông như thể đã trải qua hai cuộc thế chiến. Ít nhất là thế. Chỗ tóc bạc còn lại chải ra sau. Ông ta đang mặc áo sơ mi ca rô đỏ của thợ rừng bên dưới chiếc áo len đan Na Uy không cài nút. Cái bắt tay của ông ta ấm áp và rắn chắc.

“Tôi vừa mới pha cà phê,” ông ta nói. “Và tôi biết cậu đến về việc gì.”

Họ bước vào phòng khách được chuyển đổi thành thư phòng có một bàn giấy và một máy tính để bàn. Giấy tờ vung vãi khắp nơi, những chồng sách và tạp chí chất đầy bàn và sàn nhà dọc mấy bức tường.

“Tôi vẫn chưa sắp đặt mọi thứ được,” ông giải thích, dọn chỗ cho Harry trên sofa.

Harry xem xét căn phòng. Trên tường chẳng có bức ảnh nào, chỉ có một tờ lịch siêu thị với mấy bức ảnh Nordmarka.

“Tôi đang làm một dự án lớn mà tôi hy vọng sẽ thành sách. Một cuốn sách về chiến tranh.”

“Chẳng phải đã có người viết rồi sao?”

Fauke cười lớn. “Nhất định cậu có thể nói thế. Họ chỉ là chưa viết được

hoàn toàn đúng thôi. Và đây là về cuộc chiến của tôi.”

“À há. Tại sao ông lại làm thế?”

Fauke nhún vai. “Nghe thì có vẻ tự phụ - nhưng những người đã từng tham chiến chúng tôi có phận sự phải ghi lại những gì mình trải qua cho hậu thế, trước khi già từ cuộc đời này. Bất luận thế nào thì đó cũng là cách tôi nhìn nhận.”

Fauke đi vào bếp, gọi vọng vào phòng khách.

“Chính Even Juul đã gọi đến bảo tôi rằng tôi sắp có khách. Khiến tôi hiểu đó là POT.”

“Vâng, nhưng Juul đã bảo tôi rằng ông sống ở Holmenkollen.”

“Even và tôi không liên lạc với nhau nhiều. Tôi giữ số điện thoại vì dọn đi chỉ là tạm thời thôi. Cho đến khi hoàn thành cuốn sách này.”

“Được rồi. Tôi đã tới đó và gặp con gái ông, cô ấy đã cho tôi địa chỉ này.”

“Con bé ở nhà à? Chắc nó đang nghỉ phép.”

Việc gì? Harry vừa định hỏi nhưng lại thôi, thấy như vậy quá lộ liễu.

Fauke quay lại với một bình cà phê lớn nghi ngút khói và hai cái cốc. “Đen chứ?” Ông đặt một cốc trước mặt Harry.

“Tuyệt.”

“Tốt. Vì cậu không còn lựa chọn nào đâu.” Fauke phá lên cười, suýt làm đổ cà phê ra ngoài khi rót ra cốc.

Harry thấy thật đáng chú ý là Fauke hầu như chẳng có điểm gì nhắc anh nhớ đến cô con gái. Ông ta không có được cách ăn nói, hay cách kiểm soát bản thân có học thức như cô, cũng không vẻ mặt hoặc nước da ngăm như cô. Chỉ có vàng trán là giống nhau. Đều cao có đường gân màu xanh dày chạy ngang qua. “Nhà ông trên đó to thật đấy!” anh nói.

“Bảo dưỡng và cạo tuyết liên tục đấy,” Fauke đáp, nhấp thử cà phê và chép miệng hài lòng. “Tối tăm, u ám và quá xa mọi thứ. Tôi không thể chịu nổi Holmenkollen. Thêm nữa là chỉ rặt một lũ trưởng giả học làm sang sống ở đó. Chẳng có gì cho một lão Gudbrandsdalen di cư như tôi.”

“Thế sao ông không bán nhà đi?”

“Tôi cho rằng con gái tôi thích nó. Con bé lớn lên ở đó, dĩ nhiên rồi. Tôi hiểu là cậu muốn nói về chuyện ở Sermheim, tôi hiểu mà.”

“Con gái ông sống ở đây một mình à?”

Harry nên cẩn lười mình. Fauke tợp một ngụm cà phê trong cốc. Ông cứ đảo ngụm cà phê trong miệng. Một hồi lâu. “Con bé sống cùng một thằng. Oleg.”

Đôi mắt ông ta trống rỗng, và không cười nữa.

Harry rút ra vài kết luận thật nhanh. Có lẽ là quá nhanh nhưng nếu anh đúng thì Oleg chắc phải là một trong những lý do khiến Sindre Fauke đang sống tại Majorstuen. Dù sao thì cũng là vậy đấy. Cô ấy đang sống cùng một người khác, có nghĩ về chuyện này nữa cũng vô ích. Mà dù sao điều đó cũng tốt.

“Tôi không thể nói với ông quá nhiều được, ông Fauke. Vì tôi chắc chắn rằng ông hiểu, chúng tôi đang làm...”

“Tôi hiểu.”

“Tốt. Tôi muốn được nghe những gì ông biết về những người Na Uy ở Sennheim.”

“Ồ. Chúng tôi đông lắm đấy, cậu biết mà.”

“Những người còn sống đến giờ thôi.”

Fauke phá lên cười.

“Tôi không có ý độc địa, nhưng làm thế dễ hơn nhiều đấy. Đàn ông chết như rạ ngoài mặt trận. Binh quân 60% đồng đội của tôi chết mỗi năm.”

“À tôi không bao giờ nghĩ vậy. Tỷ lệ chim chích bờ giậu chết là... ờ.”

“Hả?”

“Xin lỗi. Xin ông cứ tiếp tục.”

Harry ngượng ngùng, nhìn chằm chằm xuống cốc cà phê.

“Vấn đề đó là trong chiến tranh người ta học hỏi được rất nhanh,” Fauke nói. “Trong trường hợp anh sống sót được sáu tháng đầu, cơ hội sinh tồn sẽ

lớn gấp nhiều lần. Anh không giẫm lên mìn, anh luôn cúi thấp đầu dưới chiến hào, anh tỉnh dậy ngay khi nghe thấy tiếng lên đạn của một khẩu súng trường Mosin- Nagant. Và anh biết rằng chẳng có chỗ cho những người hùng, và rằng nỗi sợ hãi là người bạn thân nhất của anh. Do đó sau sáu tháng tôi đã nằm trong nhóm ít người Na Uy nhận ra rằng chúng tôi có thể sống sót qua cuộc chiến này. Và hầu hết chúng tôi đã đến Sennheim. Dần dà khi chiến tranh tiếp diễn, họ đã chuyển trại huấn luyện đến những nơi khác, nằm sâu hơn trong lòng nước Đức. Hoặc những người tình nguyện đến thẳng từ Na Uy. Những người đã đến mà không được huấn luyện...” Fauke lắc đầu.

“Họ chết?” Harry hỏi.

“Chúng tôi thậm chí còn chẳng buồn biết tên họ khi họ đến. Để làm gì chứ? Rất khó hiểu, nhưng đến tận năm 1944 mà người tình nguyện vẫn tuôn ào ạt ra Mặt trận phía Đông, rất lâu sau khi những người chúng tôi ở đó biết chiến tranh sẽ đi theo hướng nào. Họ nghĩ rằng họ sẽ cứu Na Uy, của đảng tôi.”

“Tôi hiểu ông không còn ở đó vào năm 1944?”

“Đúng thế. Tôi đã đào ngũ. Vào đêm Giao thừa năm 1942. Tôi đã phản bội lại đất nước của mình hai lần.” Fauke mỉm cười. “Và cuối cùng lại vào nhầm trại hai lần.”

“Ông đã chiến đấu cho người Nga.”

“Theo một cách nào đó. Tôi là tù binh. Chúng tôi đang chết đói. Một buổi sáng họ hỏi bằng tiếng Đức rằng có ai biết gì về viễn thông không. Tôi có biết sơ sơ nên liền giơ tay. Hóa ra tất cả những người lính thông tin liên lạc của một trung đoàn đã chết cả. Từng người một! Ngày mai lại là tôi điều khiển một điện thoại dã chiến khi chúng tôi tấn công những đồng chí cũ ở Estonia. Nơi ấy gần Narva...”

Fauke nâng cao cốc cà phê, cả hai tay bao quanh cốc.

“Tôi nằm trên một ngọn đồi nhỏ nhìn quân Nga tấn công chốt súng máy của Đức. Họ vừa bị quân Đức tàn sát chết như rạ. Một trăm hai mươi người

và bốn con ngựa nằm phơi xác thành đồng trước khi cuối cùng khẩu súng máy nóng rực. Rồi những người Nga còn lại giết chết quân Đức bằng lưỡi lê để tiết kiệm đạn. Từ khi mở đợt tấn công đến khi kết thúc tối đa là nửa tiếng. Một trăm hai mươi người chết. Rồi lại đến chốt súng máy tiếp theo. Cái quy trình ấy lặp lại.”

Harry còn thấy cốc cà phê rung nhẹ.

“Tôi biết mình sắp chết rồi. Và vì một sự nghiệp tôi không tin vào. Tôi không tin cả Stalin lẫn Hitler.”

“Tại sao ông lại ra Mặt trận phía Đông nếu ông không tin vào sự nghiệp ấy?”

“Tôi mới mười tám tuổi. Tôi lớn lên ở một trang trại tận trên Gudbrandsdalen. Nơi ấy thường chúng tôi chẳng thấy ai ngoài hàng xóm gần nhất. Chúng tôi không đọc báo, chẳng có cuốn sách nào - tôi chẳng biết gì cả. Tất cả những gì tôi biết về chính trị là do cha tôi kể. Chúng tôi là những người duy nhất còn lại trong gia đình; những người khác đã di cư sang Mỹ vào những năm hai mươi. Bố mẹ tôi và các trang trại liền kề ở cả hai bên đều thề ủng hộ Quisling và các thành viên của chủ nghĩa Quốc xã. Tôi có hai anh trai, những người anh mà tôi luôn ngưỡng mộ trên mọi phương diện. Họ là một phần của Hirden, những người hoạt động chính trị mặc quân phục, nhiệm vụ của họ ở quê nhà là chiêu mộ thanh niên vào đảng, bằng không họ cũng sẽ phải tình nguyện ra mặt trận. Ít nhất đó là những gì họ nói với tôi. Sau này tôi mới vỡ lẽ việc của họ là tuyển mộ những kẻ chỉ điểm. Nhưng đã quá muộn, tôi đã lên đường ra mặt trận rồi.”

“Vậy là ông thay đổi chính kiến ngoài mặt trận à?”

“Tôi sẽ không gọi như thế là thay đổi chính kiến. Hầu hết những người tình nguyện chỉ nghĩ đến Na Uy, ít nghĩ đến các hoạt động chính trị. Bước ngoặt đến với tôi khi tôi nhận ra mình đang chiến đấu một cuộc chiến của nước khác. Thực ra, chỉ đơn giản vậy thôi. Và thực ra thì chiến đấu cho người Nga cũng chẳng tốt đẹp hơn là mấy. Vào tháng Sáu năm 1944, tôi đã

trút bỏ nghĩa vụ tại bến tàu ở Tallinn, ở đó tôi trốn được lên tàu của Hội Chữ thập đỏ Thụy Điển. Tôi vui mình trong gian chứa than cốc, trốn ở đó suốt ba ngày. Tôi bị nhiễm độc khí CO nhưng hồi phục được ở Stockholm. Từ đó tôi đã đến biên giới Na Uy rồi một mình băng qua biên giới. Đến lúc đó là tháng Tám rồi.”

“Tại sao ông lại đi một mình?”

“Vài người tôi đã liên hệ ở Thụy Điển không tin tôi; câu chuyện của tôi hơi quá kỳ quái. Mà cũng tốt thôi. Tôi cũng chẳng tin tưởng ai cả.”

Ông ta lại phá lên cười.

“Thế nên tôi ăn mình và đương đầu theo cách riêng của tôi. Riêng chuyện vượt biên là trò trẻ con. Tin tôi đi, đi từ Thụy Điển sang Na Uy còn ít nguy hiểm hơn là nhật khẩu phần thức ăn ở Leningrad nhiều. Dùng thêm cà phê nhé?”

“Vâng, xin cho một chút ạ. Tại sao ông không ở lại Thụy Điển?”

“Câu hỏi hay. Và là một câu tôi luôn tự hỏi mình bao nhiêu lần rồi.”

Ông ta lùa bàn tay qua mái tóc bạc thưa.

“Tôi bị ám ảnh ý nghĩ trả thù, cậu biết đấy. Tôi còn trẻ, và khi cậu còn trẻ cậu thường dễ có ảo tưởng về những lý tưởng công lý, cậu nghĩ rằng đó là điều con người ta sinh ra đã có. Khi tôi ở Mặt trận phía Đông thì tôi là một thanh niên với những xung đột nội tâm, và tôi đã cư xử không ra gì với rất nhiều đồng chí của tôi. Đã đành là vậy, hoặc chính xác là vì vậy, tôi thề sẽ báo thù cho tất cả những ai đã hiến dâng đời mình cho những lời dối trá bị mớm cho ở quê nhà. Và tôi sẽ báo thù cho cuộc đời bị hủy hoại của chính tôi, mà tôi nghĩ sẽ không bao giờ lành lặn lại nữa. Tất cả những gì tôi muốn là trả thù tất cả những kẻ đã thực sự phản bội đất nước chúng ta. Ngày nay các nhà tâm lý học có thể sẽ gọi nó là chứng rối loạn tâm thần vì chiến tranh, và sẽ cho nhốt tôi lại ngay lập tức. Nhưng hồi đó tôi đã đến Oslo, chẳng quen biết ai mà cũng chẳng có chỗ nào ở lại, mang theo những giấy tờ có thể sẽ khiến tôi bị bắn chết tại chỗ như một kẻ đào ngũ. Cái ngày tôi đến Oslo bằng

xe tải tôi đã lên Nordmarka. Tôi ngủ dưới những cành cây vân sam, và chẳng ăn gì ngoài quả mọng trong ba ngày trước khi họ tìm thấy tôi.”

“Người của Kháng chiến?”

“Tôi hiểu từ Even Juul rằng ông ta đã kể cho cậu nghe phần còn lại.”

“Vâng.” Harry táy máy cốc cà phê. Giết chóc. Đó là một hành động không thể giải thích nổi, mà cuộc gặp gỡ với người đàn ông này cũng chẳng khiến nó dễ hiểu hơn. Lúc nào cậu hỏi cũng ở đó, ngay trước não bộ của anh, kể từ lúc Harry trông thấy Fauke đứng đó mỉm cười trên ngưỡng cửa rồi bắt tay anh. Người đàn ông này đã hành quyết bố mẹ và hai anh trai của ông ta.

“Tôi biết cậu đang nghĩ gì,” Fauke nói. “Nhưng tôi là một người lính được lệnh phải giết người. Nếu tôi không được giao các mệnh lệnh đó, hẳn tôi sẽ không làm thế. Nhưng tôi biết một điều: gia đình tôi nằm trong số những người đã lừa dối đất nước chúng ta.”

Fauke nhìn thẳng vào Harry. Hai tay ông ta bao quanh cốc cà phê không còn run nữa.

“Cậu đang thắc mắc tại sao tôi giết cả gia đình mình khi được lệnh chỉ giết một người,” ông ta nói. “Vấn đề là họ chẳng nêu đích danh người nào. Họ bỏ mặc quyền phán xét sống chết cho tôi. Và tôi không thể làm điều đó. Thế nên tôi đã giết hết. Ngoài mặt trận có một gã chúng tôi gọi là cổ đỏ. Như con chim ấy vậy, chim cổ đỏ. Gã đã dạy tôi rằng giết người bằng lưỡi lê là phương pháp giết người nhân đạo nhất. Động mạch cảnh chạy từ tim đến não và khi ta cắt đứt liên kết đó, não sẽ không nhận được ôxy và nạn nhân ngay lập tức bị chết não. Trái tim bơm ba lần, có thể là bốn lần, nhưng rồi nó ngừng đập. Vấn đề là chuyện đó rất khó khăn. Gudbrand - tên gã - là bậc thầy nghệ thuật đó, nhưng tôi đã vật lộn với mẹ tôi lâu dường như vô tận mà cũng chỉ gây ra vết thương trên da thịt của bà. Đến cuối cùng tôi phải bắn chết bà.”

Miệng Harry khô khốc. “Tôi hiểu!” anh đáp.

Những từ ngữ vô nghĩa lơ lửng trong không khí. Harry đẩy cốc cà phê

qua bàn, rút ra một cuốn sổ tay từ trong túi áo khoác da.

“Có lẽ chúng ta có thể nói những người đã ở cùng ông ở Sennheim?”

Sindre Fauke ngay lập tức đứng dậy.

“Tôi xin lỗi, thanh tra. Tôi không có ý định trình bày nó một cách lạnh lùng và tàn bạo như thế. Hãy để tôi giải thích với cậu trước khi chúng ta tiếp tục: tôi không phải là một người tàn bạo. Đây chỉ là cách xử lý mọi chuyện của tôi. Tôi lẽ ra không cần phải nói với cậu về chuyện đó, nhưng tôi làm thế vì tôi không thể chịu đựng được việc im nó đi. Đó cũng là lý do tại sao tôi đang viết cuốn sách này. Tôi phải trải qua nó mỗi lần vấn đề này được nêu ra, công khai hay ngụ ý. Để hoàn toàn chắc chắn rằng tôi không trốn tránh nó. Cái ngày tôi trốn, nỗi sợ hãi sẽ chiến thắng tôi ngay ở trận đầu tiên. Tôi không biết tại sao lại thành ra thế này. Một nhà tâm lý học có thể giải thích được nó.”

Ông thở dài.

“Nhưng giờ tôi đã nói tất cả những gì tôi định nói về vấn đề này. Mà có thể đã nói quá nhiều. Dừng thêm cả phê không?”

“Không, cảm ơn ông,” Harry đáp.

Fauke lại ngồi xuống. Ông ta tựa cằm lên hai bàn tay nắm chặt.

“Được rồi, Sennheim. Đội nòng cốt người Na Uy. Thực ra, chỉ vòn vẹn có năm người thôi, kể cả tôi. Và một trong số họ, Daniel Gudeson, đã chết vào đúng cái đêm tôi đào ngũ. Vậy là còn bốn người: Edvard Mosken, Hallgrim Dale, Gudbrand Johansen và tôi. Người duy nhất tôi gặp kể từ thời chiến tranh là Edvard Mosken, tiểu đội trưởng của chúng tôi. Đó là vào mùa hè năm 1945. Anh ta bị tuyên án ba năm vì tội phản quốc. Thậm chí tôi còn không biết liệu những người khác còn sống không. Nhưng để tôi nói cho cậu nghe điều tôi biết về họ.”

Harry lật sang một trang mới trong sổ tay.

POT.

Ngày 3 tháng Ba năm 2000.

G-u-d-b-r-a-n-d J-o-h-a-n-s-e-n. Harry đánh máy các chữ cái bằng hai ngón trỏ. Một anh chàng nhà quê. Theo lời Fauke, một nhân cách tốt, có phần hơi mong manh, có thần tượng và kiên người ông ta coi như anh cả là Daniel Gudeson đã bị bắn chết trong đêm gác. Harry nhấn phím ENTER, chương trình đầu chạy.

Anh chú mục về hướng bức tường. Nhìn bức tường. Nhìn một bức hình nhỏ của Sis. Con bé đang xịu mặt; con bé luôn làm thế khi được chụp ảnh. Một kỳ nghỉ hè nhiều năm trước. Bóng của người chụp ảnh vẫn còn in trên chiếc áo thun trắng của con bé. Là mẹ.

Một tiếng bíp nhỏ từ máy tính báo hiệu cuộc tìm kiếm đã xong, anh lại tập trung nhìn màn hình máy tính.

Cơ quan đăng ký quốc gia có lưu hai tên Gudbrand, nhưng ngày tháng năm sinh cho biết họ đều dưới sáu mươi tuổi. Sindre Fauke đã đánh vắn những cái tên này cho anh, vậy thì không thể nào anh nghe sai. Thế thì chỉ có khả năng Johansen đã thay tên đổi họ, sống ở nước ngoài hoặc đã chết. Harry thử người tiếp theo. Tiểu đội trưởng người vùng Mj o ndalen. Người có con nhỏ ở nhà. E-d-v-a-r-d M-o-s-k-e-n. Bị gia đình từ mặt vì ra mặt trận. Nhấp đúp chuột vào chữ

SEARCH.

Mấy ngọn đèn trần chột sáng lên. Harry quay lại.

“Đã làm việc muộn thế này, cậu nên bật đèn lên chứ.” Kurt Meirik đứng bên ngưỡng cửa, ngón tay vẫn để trên công tắc đèn. Ông ta bước vào, ngồi vắt vẻo bên mép bàn.

“Cậu đã tìm được gì rồi?”

“Rằng chúng ta đang tìm một người trên bảy mươi tuổi. Người có lẽ đã chiến đấu ngoài mặt trận.”

“Ý tôi là bọn Quốc xã mới này và ngày Quốc khánh ấy”

“À.” Có một tiếng bíp nữa từ máy tính. “Tôi vẫn chưa kịp tìm hiểu mấy thứ đó, Meirik.”

Có đến hai Edvard Mosken trên màn hình. Một người sinh năm 1942, người kia sinh năm 1921.

“Thứ Bảy tuần sau chúng ta sẽ có bữa tiệc phòng ban đấy,” Meirik nói.

“Tôi nhận được giấy mời trong ngăn kéo rồi.” Harry nhấp đúp chuột vào người sinh năm 1921 và địa chỉ của Mosken lớn tuổi hơn hiện lên. Ông ta sống tại Drammen.

“Phòng nhân sự nói rằng cậu vẫn chưa trả lời. Tôi chỉ muốn chắc chắn rằng cậu sẽ đến.”

“Tại sao thế?”

Harry gõ số căn cước của Edvard Mosken vào Lý lịch Tư pháp. “Chúng tôi muốn mọi người quen biết nhau vượt qua các ranh giới phòng ban. Tôi chưa một lần nào thấy cậu ở căng tin đâu đấy.”

“Tôi khá hạnh phúc trong văn phòng này.”

Không có kết quả. Anh tìm kiếm trong dữ liệu của Cơ quan Đăng ký Quốc gia Trung ương tất cả những ai có liên hệ chính thức với cảnh sát, vì bất kỳ lý do gì. Không nhất thiết là bị truy tố - chẳng hạn họ có thể đã bị bắt, bị tố giác hoặc chính họ là nạn nhân của một tội ác.

“Thấy cậu mãi mê với những vụ án là điều tốt, nhưng đừng tự nhốt mình trong này, Harry. Liệu tôi có được thấy mặt cậu ở bữa tiệc không, Harry?”

Phím ENTER.

“Để tôi xem. Tôi có một cuộc hẹn khác đã thu xếp từ lâu rồi,” Harry nói dối.

Vẫn không có kết quả. Trong khi vẫn đang ở trang của Cơ quan Đăng ký Quốc gia Trung ương, có khi anh cũng nên nhập vào cái tên thứ ba Fauke đã cho anh xem sao. H-a-l-l-g- r-i-m D-a-l-e. Theo quan điểm của Fauke, gã là một tay cơ hội. Tin tưởng vào chuyện Hitler sẽ thắng cuộc chiến này, và trọng thưởng cho ai chọn đúng phe. Từng hối tiếc khi đến Sennheim nhưng đã quá trễ để quay đầu lại. Harry đã nghĩ rằng có điều gì đó quen quen khi Fauke nói ra cái tên này, và bây giờ cảm giác ấy lại xuất hiện.

“Để tôi diễn đạt mạnh chút nữa!” Meirik nói. “Tôi đang chỉ thị cho cậu đến.”

Harry ngược nhìn lên. Meirik mỉm cười.

“Đùa thôi,” ông ta nói. “Nhưng sẽ thật tốt nếu thấy cậu ở đó. Chúc buổi tối vui vẻ.”

“Tạm biệt!” Harry lảm bảm, quay lại màn hình. Có một Hallgrim Dale. Sinh năm 1922. ENTER.

Màn hình chứa đầy văn bản. Một trang nữa. Rồi một trang nữa.

Vậy là sau chiến tranh không phải họ đều khảm khá, Harry nghĩ. Hallgrim Dale - nơi thường trú: công Schweigaards, Oslo - chỗ mà báo chí thích mô tả là “cảnh sát chẳng lạ gì.” Harry đưa mắt chạy dọc danh sách. Lang thang, say sưa, quấy nhiễu hàng xóm, ăn cắp vặt và ẩu đả. Nhiều, nhưng không gây ra hậu quả thực sự nào. Điều ấn tượng nhất đó là ông ta vẫn còn sống, Harry nghĩ và ghi lại vào sổ rằng ông ta đã được đưa đi cai rượu gần đây thôi, vào cuối tháng Tám. Anh tìm thấy cuốn danh bạ điện thoại Oslo, tra số của Dale và gọi. Trong khi đang đợi trả lời, anh tìm kiếm trong sổ đăng ký thì thấy một Edvard Mosken khác, sinh năm 1942. Ông ta cũng có địa chỉ tại Drammen. Anh ghi lại số căn cước rồi quay lại với lý lịch Tư pháp.

“Đây là tin nhắn từ Telenor. Số điện thoại quý khách gọi đến hiện không

còn sử dụng. Đây là tin..”.

Harry không ngạc nhiên. Anh bỏ điện thoại xuống.

Edvard Mosken con đã bị án tù. Một bản án dài; ông ta vẫn còn trong tù. Vì tội gì nhỉ? Ma túy, Harry đoán, nhấn ENTER. Một phần ba số tù nhân bị cáo buộc tội danh liên quan đến ma túy. Đây rồi. Đúng luôn. Buôn lậu cần sa. Bốn cân. Bốn năm, bản án dứt khoát.

Harry ngáp và vươn vai. Anh có đến được đâu không hay chỉ ngồi đây phí thời gian, vì nơi duy nhất khác anh muốn đến là quán Schroder? Và anh không thấy thích ngồi đó uống cà phê? Đúng là một ngày chết tiệt. Anh tổng kết lại: Gudbrand Johansen không tồn tại, ít nhất là ở Na Uy; Edvard Mosken sống tại Drammen và có một con trai bị buộc tội buôn ma túy; và Hallgrim Dale là một kẻ nghiện rượu, chẳng thể nào là tí người có đến nửa triệu krone để mà hoang phí.

Harry dụi mắt.

Anh có nên tra số của Fauke trong danh bạ điện thoại để xem liệu có số gọi đến Holmenkollveien không? Anh lau bàu.

Cô ấy có người yêu rồi. Và cô ấy có tiền. Và có đẳng cấp. Nói ngắn gọn: có mọi thứ mà mày không có.

Anh nhập số căn cước của Hallgrim. Nhấn ENTER. Máy kêu ro ro và khẽ rung lên.

Một danh sách dài. Cũng giống nhau cả. Lão già tội nghiệp nghiện rượu.

Cả hai đều học luật. Và cô ấy cũng thích Raga Rockers.

Đợi đã. Trên hồ sơ cuối cùng, Dale được đánh ký hiệu là “nạn nhân”. Phải chăng ông ta bị hành hung? Nhấn ENTER.

Quên cô ấy đi. Thế đấy, bây giờ cô ấy đã bị lãng quên. Anh có nên gọi cho Ellen và hỏi cô ấy có muốn đi xem phim không. Hãy để cô ấy tự chọn phim. Không, tốt hơn anh nên đến Focus. Tập cho vãi cả mồ hôi ra.

Màn hình lóe sáng trước mặt anh.

HALLGRIM DALE. 151199. ÁN MẠNG.

Harry hít một hơi sâu. Anh ngạc nhiên, nhưng sao anh không ngạc nhiên hơn? Anh nhấp đúp chuột vào các chi tiết. Màn hình máy tính kêu o o và khẽ rung. Nhưng một lần này thôi những nếp gấp trong não của anh còn nhanh hơn cả máy tính, và đến khi bức ảnh hiện lên thì anh đã kịp nhớ ra tên của nó.

*Phòng tập gym Focus.**Ngày 3 tháng Ba năm 2000.*

“Ellen nghe.”

“Chào, tôi đây.”

“Ai cơ?”

“Harry đây. Và đừng có giả vờ có mấy thằng khác gọi cho cô mà nói ‘tôi đây’ nhá.”

“Quý tha ma bắt anh đi. Đang ở đâu đấy? Tiếng nhạc khủng khiếp gì đây?”

“Tôi đang ở Focus.”

“Cái gì?”

“Đang đạp xe. Chốc nữa là được tám cây số.”

“Để tôi nói thẳng toẹt ra luôn nhé, Harry: anh đang vừa ngồi trên xe ở Focus vừa nói chuyện trên di động à?” Cô nhấn mạnh vào mấy từ “Focus” và “di động.”

“Làm thế có gì không ổn sao?”

“Nói thật đi, Harry.”

“Tôi đã cố liên lạc với cô suốt cả buổi tối. Cô còn nhớ vụ giết người mà cô và Tom Waaler phụ trách vào tháng Mười một không, có cái tên Hallgrim Dale ấy?”

“Đương nhiên. Vụ đó Kripos gần như tiếp quản ngay mà. Tại sao thế?”

“Vẫn chưa chắc chắn. Có thể vụ đó có liên quan đến tay cừu chiến binh

mà tôi đang tìm. Cô có cho tôi biết được gì không?”

“Đây là công việc, Harry. Thứ Hai gọi cho tôi ở văn phòng đi.”

“Chỉ một chút thôi, Ellen. Đi mà.”

“Một đầu bếp tại quán pizza Herbert tìm thấy Dale ở hẻm sau. Ông ta nằm giữa mấy thùng rác to, bị cứa cổ. Người bên điều tra hiện trường không tìm được gì. Nói thêm là bác sĩ khám nghiệm tử thi cho rằng vết cắt quanh cổ này đúng là thần sầu. Chính xác như phẫu thuật, ông ta nói vậy.”

“Thế cô nghĩ là ai đã làm?”

“Không biết. Dĩ nhiên có thể là một tên Quốc xã mới nhưng tôi không nghĩ vậy.”

“Tại sao không?”

“Nếu anh giết người ngay trên ngưỡng cửa nhà mình thì hoặc anh là thằng điên hoặc đơn giản anh là thằng ngu. Nhưng mọi thứ về vụ án mạng này dường như rất gọn gàng, được cân nhắc rất kỹ lưỡng. Không có dấu hiệu nào của sự giằng co, không có đầu mối, không nhân chứng. Mọi thứ cho thấy rằng kẻ sát nhân biết chính xác hắn đang làm gì.”

“Động cơ?”

“Khó nói lắm. Dale chắc chắn có nợ nần, nhưng hầu như không có khoản nào đáng để moi ông ta. Theo như chúng tôi biết, ông ta không chơi ma túy. Chúng tôi đã khám xét căn hộ của ông ta - chẳng có gì cả, ngoài mấy cái chai rỗng. Chúng tôi đã nói chuyện với vài bạn nhậu của ông ta. Vì lý do này hay lý do khác, ông ta làm quen với mấy quý bà nát rượu.”

“Quý bà nát rượu á?”

“Phải, những người bám lấy mấy lão nghiện rượu. Anh đã gặp họ rồi, anh hiểu ý tôi mà.”

“Thực sự hiểu, nhưng... quý bà nát rượu à.”

“Anh lúc nào cũng mê tí mấy chuyện điên rồ nhất mà, Harry, và điều đó cũng rất bực mình đấy. Anh có biết không hả? Có lẽ anh nên..”

“Xin lỗi, Ellen. Cô luôn luôn đúng và tôi sẽ cố gắng hết sức để cải thiện.

Cô đang nói tới chỗ?”

“Trong giới nghiện rượu có rất nhiều vụ trao đổi bạn tình, nên không thể loại trừ khả năng giết do ghen tuông. Nhân tiện, anh có biết chúng tôi có ai để thăm vấn không? Anh bạn cũ Sverre Olsen của anh đấy. Tay đầu bếp đã nhìn thấy hắn ta tại quán pizza Herbert vào khoảng thời gian xảy ra án mạng.”

“Và?”

“Chúng có ngoại phạm. Hắn ta đã ngồi đó cả ngày hôm ấy, chỉ vừa ra ngoài mười phút để mua gì đó. Người phụ trách quán đã xác nhận.”

“Hắn có thể đã..!”

“Phải, anh hẳn sẽ thích chính là hắn ta, nhưng Harry này...”

“Dale có thể có thứ gì đó khác ngoài tiền bạc.”

“Harry...”

“Hắn có thể có được thông tin. Về ai đó.”

“Anh thích mang mấy cái thuyết âm mưu lên tầng sáu lắm hả? Nhưng ta giải quyết vụ này vào thứ Hai không được sao, Harry?”

“Kể từ khi nào cô lại cụ thể về giờ làm việc vậy?”

“Tôi đang trên giường mà.”

“Vào lúc mười rưỡi à?”

“Mà cũng không phải giường của tôi.”

Harry ngừng chân đạp. Mãi đến phút này anh mới chợt nghĩ rằng mọi người xung quanh có thể đang lắng nghe cuộc đối thoại này. Anh quay ngoắt lại. Thật may mắn là chỉ có vài ba người đang tập vào giờ muộn thế này.

“Có phải anh chàng nghệ sĩ ở Terst không?” anh thì thầm.

“Ừ hử.”

“Hai người làm bạn trên giường bao lâu rồi thế?”

“Một thời gian rồi.”

“Sao cô không cho tôi biết?”

“Anh có hỏi đâu!”

“Có phải giờ hấn đang nằm kế bên cô không đây?”

“Ừ hử.”

“Hấn có tốt không?”

“Ừ hử.”

“Hấn đã nói là hấn yêu cô chưa?”

“Ừ hử.”

Tạm dừng.

“Cô có nghĩ đến Freddie Mercury không khi cô...”

“Chúc ngủ ngon, Harry.”

Văn phòng Harry.

Ngày 4 tháng Ba năm 2000.

Đồng hồ ở khu vực tiếp tân chỉ 8 giờ 30 phút khi Harry đến sở làm. Nói là khu tiếp tân cũng không hẳn, nó giống một công vào có chức năng như cái phễu hơn. Sếp của cái phễu đó là Linda, chị ta ngược mắt lên khỏi màn hình máy tính và vui vẻ chào anh, “Chào buổi sáng.” Linda làm việc ở POT lâu hơn bất kỳ ai và, nói cho đúng ra, là người duy nhất trong bộ phận an ninh mà Harry cần liên hệ để thực hiện công việc thường ngày. Ngoài việc làm “sếp của phễu,” người đàn bà năm mươi tuổi, nhỏ nhắn, nói nhanh này còn làm thư ký chung, nhân viên lễ tân và đủ thứ việc vặt vãnh. Đôi lần Harry chợt nghĩ nếu anh làm gián điệp cho một cường quốc nước ngoài, và phải móc nối ai đó trong POT để moi thông tin, anh sẽ chọn Linda. Hơn nữa, ngoài Kuri Meirik ra thì chị ta là người duy nhất trong POT biết anh đang ở đây làm gì. Anh không biết những người khác nghĩ gì. Trong những lần cực hiếm hoi anh đến căng tin mua một hộp sữa chua hay bao thuốc (mà hóa ra ở đây không bán), anh thường bắt gặp những cái nhìn từ các bàn. Nhưng anh không cố giải nghĩa chúng; chỉ lủi nhanh về văn phòng của mình.

“Có người vừa gọi tìm cậu đấy!” Linda nói. “Nói tiếng Anh. Tôi chỉ vừa kịp nhìn...”

Chị ta gỡ một tờ giấy nhớ vàng nơi màn hình máy tính.

“Hochner.”

“Hochner à?” Harry thốt lên.

Linda nhìn vào mảnh giấy, không chắc. “Đúng, cô ta nói như thế?”

“Cô ta? Ý chị nói không phải là đàn ông à?”

“Không, là phụ nữ mà. Cô ta nói cô ta sẽ gọi lại...” Linda quay lại nhìn cái đồng hồ sau lưng, “... bây giờ. Cô ta dường như khá nôn nóng muốn được gặp cậu. Sẵn cậu có ở đây, Harry - cậu đã làm một vòng tự giới thiệu mình chưa?”

“Tôi không có thời gian. Tuần sau nhé, chị Linda.”

“Cậu đã đến làm đây cả tháng rồi mà. Hôm qua Steffensen hỏi tôi cái anh chàng cao, tóc vàng cậu ta gặp trong phòng vệ sinh là ai.”

“Thật không? Chị nói với cậu ta những gì rồi?”

“Tôi bảo đây là trên cơ sở cần-phải-biết” Chị ta phá lên cười. “Và cậu phải đến bữa tiệc phòng ban vào thứ Bảy đây.”

“Tôi hiểu vậy,” anh lẩm bẩm, lấy ra hai tờ giấy từ trong ngăn kéo bàn mình. Một tờ là lời nhắc về buổi tiệc, tờ kia là một thông báo nội bộ về sự thu xếp mới cho các đại diện. Anh quăng luôn cả hai vào sọt rác ngay sau khi đóng cửa văn phòng.

Rồi anh ngồi xuống ghế, nhấn vào nút REC và PAUSE trên máy trả lời tự động và chờ đợi. Sau khoảng ba mươi giây, điện thoại reo. Harry nhắc máy, tưởng Hochner.

“Harry Hole nghe.”

“Harry á? Nghe á?” Giọng Ellen.

“Xin lỗi. Tôi tưởng là người khác.”

“Hắn là đồ súc vật.” Cô lên tiếng khi anh chưa kịp nói thêm. “Hắn ấy, khôn nạn không tin nổi.”

“Nếu cô đang nói chuyện mà tôi nghĩ rằng cô đang nói thì dừng ngay ở đó đi, Ellen.”

“Chết nhát. À mà anh đang đợi nói chuyện với ai đấy?”

“Một phụ nữ.”

“Cuối cùng thì cũng đã có!”

“Quên đi. Có khả năng là người quen hay vợ của một tên tôi vừa thăm vấn.”

Cô thở dài. “Khi nào thì anh mới đi gặp một người hả, Harry?”

“Giờ cô đang yêu đây à?”

“Đoán giỏi thế. Anh thì không à?”

“Tôi á?”

Tiếng rít vui sướng của Ellen reo lên xé màng nhĩ của anh. “Anh không phủ nhận luôn à! Thế là tôi bắt quả tang rồi nhé, Harry Hole! Ai thế, ai, ai?”

“Thôi đi, Ellen.”

“Vậy thì nói với tôi là tôi đúng đi.”

“Tôi không gặp ai cả, Ellen.”

“Đừng nói dối với mẹ chứ.”

Harry phá lên cười. “Kể thêm cho tôi về Hallgrim Dale đi. Cuộc điều tra đến đâu rồi?”

“Không biết. Đi mà hỏi Kripos ấy.”

“Tôi sẽ hỏi, nhưng trực giác mách bảo cho cô điều gì về kẻ sát nhân?”

“Rằng hắn là dân chuyên nghiệp. Đó không phải là kiểu giết người trong cơn giận dữ. Dù tôi đã nói án mạng có vẻ gọn gàng và ngăn nắp, tôi không tin rằng vụ này được lên kế hoạch cẩn thận từ trước.”

“Không à?”

“Vụ giết người rất khéo léo, không để lại manh mối gì, nhưng hiện trường tội ác lại là một lựa chọn tồi. Hắn có thể dễ dàng bị trông thấy từ ngoài phố, hoặc trong hẻm sau đó.”

“Đường dây kia đang kêu bíp. Tôi sẽ gọi lại cho cô sau!”

Harry nhấn nút tạm dừng trên máy trả lời tự động, kiểm tra xem băng ghi âm có đang chạy không trước khi chuyển sang đường dây khác.

“Harry nghe.”

“Xin chào, tên tôi là Constance Hochner.”

“Xin chào cô Hochner!”

“Tôi là em gái của Andreas Hochner.”

“Tôi hiểu.”

Ngay cả với đường dây tời anh cũng nghe được là cô ta đang căng thẳng. Tuy nhiên, cô ta vào thẳng vấn đề.

“Ông đã có thỏa thuận với anh trai tôi, ông Hole. Và ông không giữ được phần thỏa thuận của ông.”

Cô ta nói với một giọng lạ, tương tự như Andreas Hochner. Harry tự động cố hình dung ra cô ta, một thói quen anh đã dùng từ sớm khi làm điều tra viên.

“Cô Hochner, tôi không thể làm gì cho anh trai cô, trước khi xác minh được thông tin anh ta cung cấp cho chúng tôi. Tạm thời lúc này chúng tôi vẫn chưa tìm được gì để chứng thực lời anh ta nói.”

“Nhưng tại sao anh ấy phải nói dối, ông Hole? Một người đã lâm vào tình thế khó khăn?”

“Chính xác đó là lý do đấy, cô Hochner. Nếu anh ta không biết chút gì thì anh ta có thể tuyệt vọng đến mức giả vờ rằng anh ta biết.”

Có khoảng lặng trên đường dây lạo xạo từ... đâu nhỉ? Johannesburg à? Constance Hochner lại lên tiếng. “Andreas đã dặn trước tôi rằng ông có thể nói gì đó như thế. Đó là lý do tôi đang gọi cho ông, để nói với ông tôi có thêm thông tin từ anh trai tôi mà ông có thể quan tâm!”

“VẬY SAO?”

“Nhưng ông không thể có được thông tin này, trừ phi chính phủ làm gì đó trước với vụ của anh trai tôi.”

“Chúng tôi sẽ làm những gì có thể.”

“Tôi sẽ liên hệ lại với ông khi có bằng chứng rằng ông đang giúp chúng tôi.”

“Như cô biết đấy, cô Hochner, mọi việc không diễn ra như thế. Trước tiên, chúng tôi phải xem kết quả của thông tin mình nhận được. Rồi chúng tôi có thể giúp anh ta.”

“Phải có những sự bảo đảm cho anh tôi. Các phiên tòa luận tội anh ấy sẽ bắt đầu trong hai tuần nữa.”

Giữa chừng cô ta như lạc giọng, Harry biết cô ta sắp khóc.

“Điều duy nhất tôi có thể cho cô là lời hứa của tôi, rằng tôi sẽ làm hết sức mình.”

“Tôi không quen biết ông. Ông không hiểu. Họ có ý định kết án tử hình Andreas. Họ...”

“Tuy nhiên, đó là tất cả những gì tôi có thể làm cho cô.”

Cô ta bật khóc. Harry chờ. Sau một lúc cô ta im lặng.

“Cô có con không, cô Hochner?”

“Có,” cô ta thút thít.

“Và cô biết anh trai cô bị buộc tội gì không?”

“Đương nhiên rồi.”

“Vậy cô cũng biết rằng anh ta sẽ cần nhiều lời xá tội lắm đấy. Khi thông qua cô, anh ta có thể giúp chúng tôi ngăn chặn kẻ sát nhân, anh ta hẳn sẽ làm được điều tốt. Và cô cũng sẽ làm được điều tốt, cô Hochner.”

Cô ta đang thở nặng nề trên điện thoại. Harry nghĩ rằng cô ta lại sắp khóc.

“Ông có hứa với tôi làm hết sức mình không, ông Hole? Anh trai tôi không làm hết những gì người ta buộc tội anh ấy làm.”

Harry nghe thấy giọng của chính mình. Bình tĩnh và chắc nịch. Trong khi ép mạnh ống nghe.

“Được rồi,” Constance Hochner nói nhỏ nhẹ. “Andreas nói rằng người nhận vũ khí và thanh toán tại bến cảng đêm đó không phải là người đặt hàng món vũ khí đó. Người đặt hàng là một khách hàng khá quen thuộc, một người còn trẻ. Hẳn ta nói tiếng Anh rất tốt và có giọng vùng Scandinavia. Và hẳn ta cứ khăng khăng đòi Andreas gọi hẳn theo mật danh ‘Hoàng Tử’. Andreas nói rằng ông nên bắt đầu bằng cách tập trung vào các băng nhóm thích dùng súng.”

“Còn gì nữa không?”

“Andreas chưa từng gặp hắn, nhưng anh ấy nói anh ấy sẽ nhận ra giọng nói của hắn ngay lập tức nếu ông gửi cuộn băng cho anh ấy.”

“Tuyệt hảo!” Harry nói, hy vọng rằng cô ta không nghe thấy anh tuyệt vọng thế nào. Theo bản năng anh thẳng vai lên như thể để chuẩn bị tinh thần trước khi tung ra lời nói dối.

“Nếu tôi phát hiện được bất kỳ điều gì, tôi sẽ bắt đầu giật dây ở đây.”

Lời đó như chất xút cay rát trong miệng anh.

“Cảm ơn ông, ông Hole.”

“Tôi đã làm được gì đâu mà cảm ơn, cô Hochner.”

Anh lặp lại một mình câu cuối cùng một vài lần, sau khi bỏ ống nghe xuống.

• • •

“Thật quá thể,” Ellen nói khi nghe chuyện về gia đình Hochner.

“Xem bộ não của cô có thể tạm quên rằng mình đang yêu một lúc không, và chơi vài trò chơi không nào,” Harry nói. “Bây giờ ít nhất cô đã có đầu mối rồi!”

“Nhập lậu vũ khí, khách hàng quen, Hoàng Tử, những kẻ cuồng vũ khí. Mới có bốn gợi ý thôi.”

“Tôi chỉ có thể thôi.”

“Sao tôi lại phải đồng ý chuyện này?”

“Bởi vì tôi yêu cô. Bây giờ tôi phải đi đây.”

“Chờ đã. Cho tôi biết người phụ nữ mà anh...”

“Hy vọng trực giác của cô tốt hơn khi phá án, Ellen. Bảo trọng nhé!”

Harry gọi số thuộc khu Drammen mà tổng đài đã cho anh.

“Mosken đây!” một giọng tự tin vang lên.

“Ông Edvard Mosken ạ?”

“Vâng. Tôi đang nói chuyện với ai đây?”

“Thanh tra Hole, từ POT. Tôi có một vài câu hỏi.”

Harry chợt nhận thấy đây là lần đầu tiên anh tự giới thiệu là thanh tra. Vì lý do nào đó anh cảm thấy như mình nói dối.

“Có chuyện gì xảy ra với con trai tôi à?”

“Không. Liệu có tiện không nếu tôi đến thăm ông vào trưa ngày mai, ông Mosken?”

“Tôi về hưu rồi. Độc thân nữa. Nên chẳng có lúc nào mà không tiện cả, thanh tra ạ.”

Harry gọi cho Even Juul và thuật lại cho ông ta nghe chuyện đã xảy ra.

Harry đang cân nhắc những gì Ellen vừa nói về vụ sát hại Hallgrim Dale khi bước xuống căng tin mua một hộp sữa chua. Anh sẽ gọi cho Kripos để tìm hiểu thêm về vụ này, cho dù anh có linh cảm mạnh mẽ rằng Ellen đã nói cho anh nghe mọi điều cần biết. Tuy nhiên. Xác suất bị giết ở Na Uy theo thống kê là khoảng một phần mười ngàn. Khi một người ta đang tìm hóa ra đã chết trong một vụ án mạng bốn tháng trước, khó mà tin rằng đó chỉ là sự trùng hợp tình cờ. Liệu vụ án mạng này có liên quan gì đến việc mua khẩu súng trường Marklin không? Chỉ mới 9 giờ sáng mà Harry đã thấy đau đầu. Anh hy vọng Ellen có thể tìm ra được điều gì đó về Hoàng Tử. Bất kỳ điều gì. Nếu không có gì hơn thì nó cũng sẽ là một nơi để xuất phát.

Sogn.

Ngày 6 tháng Ba năm 2000.

Sau giờ làm việc Harry lái xe lên trại bảo trợ trẻ em ở Sogn. Sis đang chờ anh. Năm ngoái con bé đã lên cân một chút, nhưng bạn trai của nó là Henrik, sống phía cuối hành lang, lại thích con bé như thế, con bé quả quyết.

“Nhưng Henrik bị khùng mà.”

Con bé hay nói thế khi phải giải thích những cái kỳ cục nho nhỏ của Henrik. Về phần mình, con bé không phải bị khùng. Rõ ràng có một sự phân biệt không thấy được dù rõ nét ở đâu đó. Và Sis thích giải thích cho Harry nghe những người nào trong trại thì không khùng, và những ai chỉ gần như thế.

Con bé kể cho Harry những chuyện như mọi lần: những gì Henrik đã nói tuần trước (mà trong dịp đó lại rất đáng chú ý), chương trình gì chúng đã xem trên ti-vi, những món chúng đã ăn và nơi chúng đã lên kế hoạch đi nghỉ. Chúng luôn lên kế hoạch đi nghỉ. Lần này sẽ là Hawaii và Harry chỉ có thể mỉm cười với ý nghĩ rằng Sis và Henrik mặc những chiếc áo thun Hawaii tại sân bay ở Honolulu.

Anh hỏi con bé đã nói chuyện với bố chưa, nó nói ông có đến thăm nó hai hôm trước.

“Thế là tốt rồi,” Harry nói.

“Em nghĩ giờ bố đã quên được mẹ rồi!” Sis nói. “Thế là tốt.”

Harry vẫn ngồi yên trên ghế một lúc, suy nghĩ về điều con bé vừa nói.

Thế rồi Henrik gõ cửa, nói rằng *Hotel Ceasar*, một phim truyền hình, ba phút nữa sẽ phát trên kênh VT2, nên Harry mặc áo choàng vào và hứa sẽ gọi điện sớm.

Xe cô chạy ngang mấy ngọn đèn ở sân vận động Ulleva 1 vẫn uể oải như thường lệ, anh nhận ra đã quá muộn không thể rẽ phải ở đường đi vòng do các công trình cầu đường. Anh suy nghĩ về những gì Constance Hochner nói với anh. Uriah đã dùng một kẻ trung gian, có khả năng là một người Na Uy. Có nghĩa là có ai đó ngoài kia biết Uriah là ai. Anh nhờ Linda xem qua các hồ sơ lưu bảo mật tìm kiếm người có biệt danh “Hoàng Tử,” nhưng anh khá chắc chắn cô sẽ không tìm ra. Anh có cảm giác nhất định rằng kẻ này thông minh hơn tội phạm bình thường. Nếu những gì Andreas Hochner nói là đúng - rằng Hoàng Tử là một khách quen - thì có nghĩa là hẳn ta đã xây dựng được mạng lưới khách hàng riêng mà POT hoặc bất kỳ ai khác đều không thể tìm ra. Điều tương tự thế này sẽ cần thời gian, sự cẩn thận, ranh ma và kỹ thuật - không thứ nào là đặc điểm ở những tên côn đồ mà Harry biết. Dĩ nhiên, có thể hẳn đã gặp may quá mức, bởi hẳn vẫn chưa bị bắt. Hoặc hẳn ngồi ở địa vị che chở cho hẳn. Constance Hochner đã nói rằng hẳn nói tốt tiếng Anh. Chẳng hạn hẳn có thể là một nhà ngoại giao - người có thể vào ra đất nước mình mà không bị hải quan chặn.

Harry thoát khỏi đường đi vòng tại Slemdalsveien rồi chạy lên phía Holmenkollen.

Anh có nên hỏi Meirik xem có tạm thời chuyển Ellen sang POT được không nhỉ? Dường như Meirik muốn anh đếm bộn Quốc xã mới và tham gia các sự kiện xã hội hơn là theo đuổi những bóng ma thời chiến.

Harry đã lái xe lên thẳng nhà cô rồi mới nhận ra mình đang ở đâu. Anh dừng xe và nhìn chằm chằm giữa những cái cây. Từ đường chính đến nhà cô là khoảng năm mươi mét. Có ánh đèn hắt ra từ các ô cửa sổ tầng trệt.

“Ngu thật!” anh nói to, giật mình vì giọng chính mình. Anh vừa định lái đi thì thấy cửa ra vào mở, ánh đèn đổ xuống những bậc thềm. Ý nghĩ cô có

thể thấy và nhận ra xe của mình khiến anh hốt hoảng. Anh lùi xe lại để có thể lặng lẽ, kín đáo quay lên đồi và khuất tầm nhìn. Nhưng anh nhấn chân ga không đủ mạnh, động cơ tắt âm. Anh nghe thấy những giọng nói. Một người đàn ông cao mặc áo choàng dài, sẫm màu đang bước ra mấy bậc thềm. Ông ta đang nói chuyện, nhưng người ông ta đang nói chuyện cũng khuất sau cửa. Rồi ông ta cúi người về cánh cửa đang mở, Harry không thấy họ được nữa.

Họ đang hôn nhau, anh nghĩ. Mình lái xe đến Holmenkoilen chỉ để theo dõi một người phụ nữ mà mình chỉ mới nói chuyện mười lăm phút, hôn hít bạn trai.

Rồi cánh cửa đóng lại, người đàn ông bước vào chiếc Audi và lái qua xe anh, xuống đường chính.

Trên đường về nhà, Harry tự hỏi anh nên trừng phạt mình thế nào. Phải là cái gì đó khắt khe, có tác dụng răn đe trong tương lai. Một lớp aerobics tại Focus.

*Drammen.**Ngày 7 tháng Ba năm 2000.*

Harry chưa từng hiểu chính xác tại sao Drammen lại hứng nhiều chỉ trích đến thế. Thành phố này không đẹp nhưng nó cũng có xấu xí hơn những ngôi làng đông đúc ở Na Uy nhiều lắm đâu? Anh cân nhắc chuyện dừng lại uống tách cà phê tại Borsen, nhưng liếc nhanh đồng hồ đeo tay thì anh thấy mình không còn đủ thời gian.

Edvard Mosken sống trong một căn nhà gỗ đỏ có tầm nhìn ra đường đua ngựa. Chiếc Mercedes Estate cũ rích đỗ phía ngoài ga ra. Còn Mosken thì đang đứng ở cửa trước. Ông ta kiểm tra cẩn thận căn cước của Harry trước khi nói câu gì.

“Sinh năm 1965 à? Cậu trông già hơn thế đấy, thanh tra Hole.”

“Gien xấu mà.”

“Không may cho cậu.”

“À, ngày tôi mười bốn tuổi họ đã cho tôi xem phim 18+ rồi mà.”

Không thể biết được liệu Edvard Mosken có đánh giá cao câu đùa này không. Ông ra hiệu cho Harry vào nhà.

“Ông sống một mình à?” Harry hỏi khi Mosken dẫn anh vào phòng khách. Căn hộ sạch sẽ và được chăm chút kỹ lưỡng; vài đồ trang trí cá nhân, được sắp xếp ngăn nắp thái quá như kiểu một số người thích được như vậy khi họ được phép chọn lựa cho mình. Nó nhắc Harry nhớ đến căn hộ của chính anh.

“Vâng. Vợ tôi đã bỏ tôi sau chiến tranh.”

“Bỏ đi ư?”

“Dọn đồ đi. Biển. Đi đường riêng.”

“Tôi hiểu. Con cái?”

“Tôi đã có một thằng con trai.”

“Đã có?”

Edvard Mosken dừng chân, quay người lại.

“Chẳng nhẽ tôi diễn đạt còn chưa rõ sao, thanh tra Hole?”

Một bên lông mày bạc nhướng lên, tạo một góc sắc nhọn trên vầng trán cao, rộng.

“Không, là tôi!” Harry đáp. “Tôi cần phải biết thật nhiều thông tin.”

“Được rồi. Tôi có một thằng con trai.”

“Cảm ơn ông. Vậy trước khi nghỉ hưu ông đã làm gì?”

“Tôi sở hữu mấy cái xe tải. Công ty Vận tải Mosken. Tôi bán cơ sở làm ăn bảy năm trước rồi.”

“Công ty làm ăn khá không?”

“Cũng tốt. Những người mua vẫn nhớ cái tên đấy.”

Họ ngồi xuống ghế, ở hai bên bàn cà phê. Harry biết rằng sẽ không có chuyện cà phê cà pháo. Edvard ngồi trên ghế sofa, chồm người tới trước, hai cánh tay khoanh trước ngực như thể muốn nói: Ta làm cho xong phút chuyện này đi.

“Vào đêm ngày 21 tháng Mười hai ông đã ở đâu?”

Trên đường tới đây Harry đã quyết định sẽ bắt đầu bằng câu hỏi này. Bằng cách chơi lá bài duy nhất trong tay trước khi Mosken kịp dò được địa thế và suy luận ra là họ chẳng có gì, Harry hy vọng ít nhất cũng sẽ khơi gợi được một phản ứng có thể cho anh biết điều gì đó. Ấy là nếu Mosken có điều gì giấu giếm.

“Tôi có bị tình nghi về cái gì đấy không?” Mosken hỏi. Khuôn mặt ông ta không để lộ điều gì ngoài chút ngạc nhiên.

“Ông chỉ cần trả lời câu hỏi thôi thì tốt hơn, ông Mosken.”

“Nếu cậu muốn. Tôi ở đây.”

“Khá nhanh đấy.”

“Ý cậu là sao?”

“Thực sự ông vừa nói thế mà không cần nghĩ ngợi.”

Mosken nhăn mặt. Kiêu nhăn mặt bắt chước một nụ cười trong khi đôi mắt tuyệt vọng nhìn ta.

“Khi mà cậu già cả như tôi, cậu sẽ chỉ còn nhớ được những buổi tối cậu không ngồi một mình.”

“Sindre Fauke đã cho tôi một danh sách những người Na Uy tập trung tại trại huấn luyện ở Sennheim. Gudbrand Johansen, Hallgrim Dale, ông và Fauke.”

“Cậu quên Daniel Gudeson đấy.”

“Tôi quên ư? Chẳng phải ông ta chết trước khi chiến tranh kết thúc sao?”

“Đúng vậy, cậu ta chết rồi.”

“Vậy sao ông còn nhắc đến tên ông ấy?”

“Vì cậu ta ở cùng chúng tôi tại Sennheim.”

“Theo như tôi hiểu từ Fauke thì nhiều người Na Uy đã trải qua Sennheim, nhưng chỉ duy nhất bốn người các ông sống sót!”

“Đúng vậy.”

“Thế sao ông lại đặc biệt nhắc đến Gudeson?”

Edvard Mosken nhìn Hary chăm chăm. Rồi ông hướng ánh nhìn vào khoảng không. “Vì cậu ta đã ở cùng chúng tôi một thời gian dài. Chúng tôi đã nghĩ cậu ta sẽ sống sót. Chúng tôi gần như tin rằng Daniel Gudeson là người không thể bị hủy diệt. Cậu ta không phải người bình thường.”

“Ông có biết rằng Hallgrim Dale đã chết rồi không?”

Mosken lắc đầu.

“Dường như ông không ngạc nhiên lắm.”

“Sao tôi phải thế? Ngày nay tôi còn ngạc nhiên hơn nếu nghe thấy ai còn

sống.”

“Vậy nếu tôi bảo ông rằng ông ta bị giết thì sao?”

“À, chuyện đó thì khác. Tại sao cậu nói tôi nghe điều đó?”

“Ông biết gì về Hallgrim Dale?”

“Chẳng biết gì cả. Lần cuối cùng tôi thấy gã là ở Leningrad. Gã bị sóc đạn pháo.”

“Mọi người không quay về cùng nhau à?”

“Dale và mấy người kia về thế nào thì tôi không biết. Tôi đã bị thương vào mùa đông năm 1944 do một quả lựu đạn ném xuống chiến hào từ chiến đấu cơ của Nga.”

“Một chiến đấu cơ? Ném từ máy bay xuống à?”

Mosken nhoẻn cười và gật đầu. “Khi tôi tỉnh lại trong bệnh viện dã chiến, cuộc rút lui đang ở giai đoạn cao trào, về sau cũng mùa hè đó tôi lại nằm trong bệnh viện dã chiến ở trường Sinsen, Oslo. Sau đó thì đầu hàng.”

“Vậy là sau khi bị thương ông không gặp bất kỳ ai trong số họ?”

“Chỉ gặp Sindre thôi. Ba năm sau chiến tranh.”

“Sau thời gian ông chấp hành án tù?”

“Đúng. Chúng tôi tình cờ gặp nhau ở một nhà hàng.”

“Ông nghĩ gì về chuyện ông ta đào ngũ?”

Mosken nhún vai. “Chắc chắn hẳn phải có lý do riêng. Dù sao thì hẳn cũng đã chọn phe vào thời điểm chẳng ai biết chiến tranh sẽ kết thúc thế nào. Còn hơn cả những gì cậu nói về hầu hết những người Na Uy.”

“Ý ông là sao?”

“Trong chiến tranh có một câu thể này: Kẻ ra quyết định chậm luôn là kẻ có quyết định đúng. Giáng sinh năm 1943, chúng tôi có thể thấy rằng mặt trận của chúng tôi đang di chuyển về phía sau, nhưng chúng tôi thực sự không biết nó tụt đến mức nào. Dù sao thì chẳng ai có thể buộc tội Sindre khi hẳn đổi phe xoành xoạch như chong chóng gió. Không giống những kẻ ngồi nhà suốt cuộc chiến, rồi tự đứng trong những tháng cuối cùng lại đổ xô tham

gia Kháng chiến. Chúng tôi thường gọi bọn họ là ‘những vị thánh ngày nay’. Ngày nay một vài kẻ trong số họ làm phình to thêm hàng ngũ những kẻ tuyên bố công khai về những nỗ lực hào hùng của người Na Uy khi biết chọn đúng phe.”

“Ông có nghĩ đến riêng một người nào không?”

“Dĩ nhiên cậu luôn nghĩ về một người lẻ loi được đối xử như một anh hùng lỗi lạc sau đó. Dù điều đó cũng chẳng quan trọng lắm.”

“Còn Gudbrand Johansen thì sao? Ông còn nhớ ông ấy không?”

“Dĩ nhiên. Lúc cuối anh ta đã cứu mạng tôi ở đó. Anh ta...”

Mosken cắn môi dưới. Harry thắc mắc, như thể ông ta đã nói quá nhiều.

“Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy?”

“Gudbrand ấy hả? Chết tiệt, giá mà tôi biết được. Trái lựu đạn... Gudbrand, Hallgrim Dale và tôi cùng ở trong chiến hào khi nó nẩy trên lớp băng, văng trúng mũ cối của Dale. Tôi chỉ nhớ được rằng khi nó phát nổ thì Gudbrand đang ở gần trái lựu đạn nhất. Sau này tôi thoát khỏi trạng thái hôn mê thì không ai có thể nói cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra với Gudbrand hoặc Dale.

“Ông nói vậy là sao? Họ đã biến mất à?”

Đôi mắt Mosken tìm về ô cửa sổ.

“Chuyện này xảy ra cùng ngày quân Nga mở đợt tấn công toàn diện. Nói nhẹ thì đó là tình trạng hỗn loạn. Khi tôi tỉnh lại thì các chiến hào của chúng tôi đã lọt vào tay quân Nga từ lâu rồi và trung đoàn đã được thuyên chuyển. Nếu Gudbrand còn sống, có lẽ cuối cùng anh ta đã được đưa tới bệnh viện dã chiến của trung đoàn Nordland, ở Quân khu Bắc. Dale cũng vậy nếu cậu ta bị thương. Tôi cho rằng hẳn mình cũng phải ở đó, nhưng khi tỉnh lại thì tôi thấy mình ở một nơi khác.”

“Tên của Gudbrand Johansen không nằm trong Đăng ký Hộ tịch.”

Mosken nhún vai. “Vậy thì chắc anh ta ra đi do quả lựu đạn rồi. Tôi đã cho là thế mà.”

“Và ông chưa bao giờ cố gắng tìm kiếm ông ấy?”

Mosken lắc đầu.

Harry nhìn quanh tìm cái gì đó, bất kỳ cái gì, có thể gợi ý cho thấy Mosken có cà phê trong nhà - một ấm cà phê, một cốc cà phê. Có bức ảnh chụp một phụ nữ đóng khung vàng trên lò sưởi.

“Ông có thấy cay đắng vì chuyện đã xảy ra sau chiến tranh cho ông và những người lính Mặt trận phía Đông kia không?”

“Liên quan đến chuyện bị trừng phạt thì không. Tôi là một người thực tế. Người ta phải bị đưa ra trước công lý vì đó là sự cần thiết về mặt chính trị. Tôi đã thua một cuộc chiến. Tôi chẳng phàn nàn gì.”

Edvard Mosken bắt thần phá lên cười - nghe như tiếng khanh khách của chim ác là. Harry không hiểu tại sao ông ta lại cười. Sau đó Mosken nghiêm trang trở lại.

“Cái làm nhức nhối là bị gắn nhãn kẻ phản bội. Nhưng tôi tự an ủi mình bằng sự thật rằng chúng tôi biết chúng tôi đã bảo vệ tổ quốc bằng chính mạng sống của mình.”

“Các quan điểm chính trị của ông thời điểm đó...”

“Đến giờ có còn giữ nguyên không?” Harry gật đầu, Mosken nói với một nụ cười lạnh nhạt, “Đó là một câu hỏi dễ dàng trả lời, thanh tra. Không. Tôi đã sai rồi. Đơn giản thế thôi.”

“Ông không giữ liên hệ nào với bọn Quốc xã mới kể từ hồi đó?”

“Lạy Chúa - không! Vài năm trước có một cuộc họp mặt tại Hokksund, và một trong những thằng ngu đấy gọi điện cho tôi hỏi xem tôi có đến và nói chuyện về chiến tranh không. Tôi nghĩ chúng tự xưng là ‘Máu và Danh dự’. Đại loại như vậy.”

Mosken vươn người qua bàn cà phê. Trên một góc bàn có một chồng tạp chí xếp ngăn nắp, thẳng hàng với mép bàn.

“Thực ra thì POT đang tìm cái gì thế? Cậu đang cố gắng theo dõi bọn Quốc xã mới à? Nếu vậy, cậu đã đến nhầm chỗ rồi.

Harry phân vân không biết đến thời điểm này thì nên nói với ông ta chừng nào. Nhưng câu trả lời của ông ta đủ thành thật.

“Tôi không hẳn biết chúng tôi đang tìm cái gì.”

“Nghe giống POT mà tôi biết đấy.”

Ông ta lại phá lên cười kiểu cười chim ác là ấy. Một âm thanh the thé, nghe khó chịu.

Về sau Harry kết luận chắc sự kết hợp của tiếng cười khinh miệt và chuyện anh không được mời một tách cà phê nào đã khiến anh hỏi câu hỏi tiếp theo kiểu như vậy.

“Ông nghĩ con trai ông lớn lên với một kẻ cựa Quốc xã như cha nó thì hẳn phải thế nào? Ông có nghĩ đó là lý do Edvard Mosken con ngồi tù vì phạm tội ma túy không?”

Harry thấy hơi hận đúng vào phút giây anh nhìn thấy cơn giận dữ và nỗi đau trong đôi mắt ông già. Anh biết rằng lẽ ra anh có thể tìm hiểu ông ta muốn gì, hơn là chơi xấu ông ta thế.

“Phiên tòa đó là một trò hề,” Mosken rít lên. “Tên luật sư biện hộ chúng chỉ định cho con trai tôi là cháu nội thẳng cha đã tuyên án tôi sau chiến tranh. Chúng trừng phạt con tôi để che giấu nỗi nhục nhã của chính chúng vì việc chúng đã làm trong chiến tranh. Tôi...”

Ông ta đột ngột dừng lại. Harry chờ ông ta tiếp tục, nhưng không thấy gì. Không báo trước, anh bất thần cảm thấy trong lỗm dạ dày anh một đàn chó săn đang giật mạnh sợi xích. Đã lâu lắm rồi chúng không khuấy động như thế. Chúng cần được uống.

“Một trong số ‘những vị thánh ngày nay’ à?” Harry hỏi.

Mosken nhún vai. Harry biết vấn đề này tạm thời khép lại. Mosken lén nhìn đồng hồ.

“Có kế hoạch đi đâu à?” Harry hỏi.

“Đi dạo đến nhà gỗ của tôi.”

“Vây à? Có xa không?”

“Grenland. Tôi cần khởi hành kéo trời tối.”

Harry đứng lên. Trong hành lang họ đang tìm những lời chia tay thích hợp thì Harry chợt nhớ ra một chuyện.

“Ông nói ông đã bị thương tại Leningrad trong mùa đông năm 1944, và hè năm đó được chuyển đến trường Sinsen. Vậy trong quãng thời gian ở giữa hai mốc ấy ông đã làm gì?”

“Ý cậu là gì?”

“Tôi bắt đầu đọc một cuốn sách của Even Juul. Ông ấy là một sử gia về chiến tranh.”

“Tôi biết khá rõ Even Juul là ai,” Mosken nói kèm một nụ cười bí hiểm.

“Ông ta viết rằng trung đoàn Norge bị giải thể tại Krasnoje Selo vào tháng Ba năm 1944. Ông đã ở đâu trong khoảng thời gian từ tháng Ba cho tới khi ông tới trường Sinsen?”

Mosken nhìn thẳng vào mắt Harry một lúc lâu. Rồi ông ta mở cửa trước, lộ nhìn ra ngoài.

“Gần xuống không độ rồi,” ông ta nói. “Cậu sẽ phải lái xe cẩn thận đấy.”

Harry gật đầu. Mosken thẳng người lên, đưa tay che và nheo mắt liếc theo hướng sân đua ngựa trống không, ở đó đường đua xám, hình ô van và rải sỏi nổi bật lên trên lớp tuyết bản.

“Tôi đã ở những nơi đã từng có tên!” Mosken đáp, “nhưng chúng đã đổi thay đến mức không ai nhận ra được nữa. Các bản đồ của chúng tôi chỉ cho thấy những lối đi, sông hồ và những bãi mìn, chẳng có tên gọi. Nếu tôi có bảo cậu tôi đã ở Pamu bên Estonia, điều đó cũng có thể đúng. Tôi không biết và cũng chẳng ai khác biết. Suốt mùa xuân và mùa hè năm 1944, tôi nằm trên cáng, lắng nghe tiếng súng máy và nghĩ đến cái chết. Chứ không phải nghĩ về chuyện tôi đang ở đâu.”

• • •

Harry chậm rãi lái xe dọc con sông và dừng lại khi có đèn đỏ phía trước cây cầu thành phố. Cầu kia bắc qua đường cao tốc E18 chạy dài như một cái niềng răng suốt vùng nông thôn, cản tầm nhìn ra con vịnh hẹp Drammen. Được rồi, có lẽ không phải mọi thứ ở Drammen đều là một thành công. Harry quả đã quyết định sẽ dừng lại uống cà phê ở Borsen trên đường về, nhưng rồi anh đổi ý. Anh nhớ họ còn phục vụ cả bia nữa.

Đèn giao thông chuyển màu xanh. Harry tăng tốc.

Edvard Mosken đã phản ứng giận dữ với câu hỏi về con trai mình. Harry đã quyết chí tìm hiểu xem người từng làm thẩm phán trong phiên tòa xử Mosken là ai. Anh nhìn Drammen một lần cuối trong gương. Dĩ nhiên, có những thành phố còn tệ hơn.

Văn phòng Ellen.

Ngày 7 tháng Ba năm 2000.

Ellen vẫn chưa tìm ra được gì.

Harry đã tha thân xuống văn phòng cô, ngồi vào cái ghế văn phòng già nua, kêu cọt két của cô. Họ đã tuyển mộ người mới, một cảnh sát viên trẻ tuổi từ đồn cảnh sát tại Steinkier, và một tháng nữa cậu ta sẽ đến đây.

“Tôi không phải người có thần nhãn!” cô nói khi nhìn thấy bộ mặt thất vọng của Harry. “Và tôi đã kiểm tra với những người khác trong buổi họp sáng nay, nhưng không có ai từng nghe nói về cái tên Hoàng Tử.”

“Vậy còn Cơ quan Đăng ký Vũ khí thì sao? Họ phải biết gì đó về những kẻ buôn lậu súng chứ?”

“Harry!”

“Gì?”

“Tôi không còn làm việc cho anh nữa rồi.”

“Cho tôi á?”

“Vậy thì với anh. Chỉ là tôi cảm thấy như mình đang làm việc cho anh. Kẻ bắt nạt!” Harry đưa chân tự đẩy mình ra rồi xoay mòng mòng trên ghế xoay. Trọn bốn vòng. Chưa bao giờ anh quay được nhiều hơn. Ellen trọn tròn mắt.

“Được rồi, nên tôi còn gọi cho Cơ quan Đăng ký Vũ khí nữa,” cô nói. “Họ cũng không nghe nói đến cái tên Hoàng Tử. Tại sao trên POT họ không cho anh một trợ lý nhỉ?”

“Vụ này không có mức ưu tiên cao mà. Meirik để tôi theo vụ này nhưng thực ra ông ta muốn tôi phát hiện xem bọn Quốc xã mới tính làm gì vào ngày Quốc khánh.”

“Một trong số những đầu mối là ‘những kẻ cuồng vũ khí’. Tôi khó mà hình dung ra được bọn cuồng vũ khí nào ghê gớm hơn mấy bọn Quốc xã mới ấy. Sao anh không bắt đầu từ đó, mũi tên bắn chết hai con chim?”

“Tôi cũng đang tự hỏi chính mình câu đó đấy.”

*Quán cà phê Ryktet, Grensen.**Ngày 7 tháng Ba năm 2000.*

Even Juul đang đứng trên mấy bậc thềm thì xe Harry đến trước cửa.

Burre đang đứng cạnh ông ta, giật giật sợi dây ông ta cầm.

“Nhanh đây!” Juul nói.

“Tôi vào xe ngay sau khi gác máy mà,” Harry đáp. “Burre cũng đi cùng à?”

“Tôi chỉ vừa đưa nó đi dạo chút thôi trong khi chờ. Vào trong đi, Burre.”
Con chó ngược nhìn lên Juul, ánh mắt van lơn. “Vào ngay!”

Burre nhảy dựng về phía sau, nhón nháo chạy vào nhà. Harry cũng rụt người lại trước mệnh lệnh bất ngờ này.

“Đi thôi,” Juul nói.

Harry thoáng thấy một gương mặt phía sau tấm rèm cửa bếp trước khi lái xe đi.

“Trời đang ngày một sáng hơn rồi,” Harry nói.

“VẬY SAO?”

“Ý tôi là ban ngày. Ngày đang dài hơn rồi.”

Juul chỉ gật đầu mà không đáp.

“Có một chuyện tôi vẫn đang băn khoăn một chút,” Harry nói. “Gia đình của Sindre Fauke, họ chết như thế nào?”

“Tôi đã nói với cậu rồi thôi. Anh ta đã giết họ mà.”

“Vâng, nhưng như thế nào?”

Even Juul nhìn Harry trừng trừng rồi mới đáp. “Họ bị bắn chết. Xuyên qua đầu!”

“Cả bốn người à?”

“Phải.”

Cuối cùng họ tìm thấy một chỗ đỗ xe tại Grensen, từ đây họ đi bộ đến nơi Juul nhất định đòi cho Harry xem khi nói chuyện qua điện thoại.

“VẬY ra đây là Ryktet,” Harry nói khi bước vào trong quán cà phê sáng lờ mờ, gần như không có ai ngoài vài người đang ngồi quanh những chiếc bàn nhựa đã khá cũ mòn. Harry và Juul tự đi lấy cà phê rồi ngồi tại một bàn bên cửa sổ. Hai ông già ngồi phía xa hơn trong phòng ngừng nói chuyện, cau có nhìn về phía họ.

“Làm tôi nhớ đến một quán cà phê tôi vẫn thi thoảng đến,” Harry nói, hất đầu về phía hai ông già kia.

“Mấy lão già hết thuốc chữa!” Juul đáp. “Đám Quốc xã cũ và phường Mặt trận phía Đông vẫn nghĩ mình đúng. Họ ngồi đây để trút bầu tâm sự cay đắng về sự phản bội ghê gớm, về chính phủ của Nygaardsvold và tình hình chung của thế giới. Ít nhất thì cũng những lão vẫn còn hơi thở. Tôi thấy là hàng ngũ bọn họ đang ngày càng thưa thớt.”

“Vẫn còn cam kết chính trị à?”

“À phải, bọn họ vẫn còn giận dữ về chuyện viện trợ cho thế giới thứ ba, những khoản cắt giảm trong ngân sách quốc phòng, những mục sư là phụ nữ, hôn nhân cho người đồng giới, những đồng hương mới của chúng ta, tất cả những chuyện cậu đoán sẽ khiến mấy lão già này khó chịu. Trong ruột bọn họ vẫn là quân phát xít.”

“Và ông nghĩ rằng Uriah có thể lai vãng chỗ này?”

“Nếu Uriah đang tiến hành một kiểu chiến dịch báo thù nào đó chống lại xã hội, nhất định hẳn sẽ tìm được những kẻ cùng chí hướng ở đây. Hiển nhiên là còn những nơi gặp gỡ khác cho các cựu chiến hữu Mặt trận phía Đông, những cuộc họp mặt hằng năm tại Oslo này chẳng hạn, dành cho

chiến hữu và những người khác đến từ mọi miền đất nước. Nhưng các cuộc họp đó có trật tự hoàn toàn khác với những cuộc họp tại quán này - chúng chỉ đơn thuần là các sự kiện xã hội để tưởng nhớ những người đã chết, và có lệnh cấm nói chuyện chính trị. Không, nếu tôi đang muốn truy tìm một người ở Mặt trận phía Đông toan tính báo thù thì đây sẽ là nơi tôi bắt đầu.”

“Vợ ông đã từng tham gia nhóm nào thế này, mà ông gọi là gì nhỉ... những cuộc tụ tập của chiến hữu à?”

Juul nhìn Hary chăm chăm ngạc nhiên, rồi chậm rãi lắc đầu.

“Chỉ nghĩ vậy thôi!” Harry nói. “Tôi chỉ tự hỏi liệu bà ấy có gì cho tôi biết không?”

“Không có đâu!” Juul đáp cộc lốc.

“Tốt. Có mối liên hệ nào giữa những người ông gọi là ‘mấy lão già hết thuốc chữa’ với những đám Quốc xã mới không?”

“Sao cậu lại hỏi vậy?”

“Tôi có mật báo gợi ý cho thấy rằng Uriah đã dùng một kẻ trung gian để kiếm khẩu súng trường Marklin, ai đó giao du trong giới thích sử dụng vũ khí.”

Juul lắc đầu.

“Hầu hết những cựu chiến binh Mặt trận phía Đông sẽ bực khi nghe cậu cho họ vào một rọ như thế. Cho dù bọn Quốc xã mới nói chung rất kính trọng họ. Đối với họ, chiến đấu ngoài mặt trận là một giấc mơ cao tột bậc - bảo vệ đất nước mình, giống nòi của mình bằng vũ khí trong tay.”

“Vậy nếu một trong những cựu chiến binh này muốn có một thứ vũ khí, hẳn ta có thể trông cậy vào sự hỗ trợ từ những kẻ Quốc xã mới à?”

“Hẳn có thể sẽ gặp được sự thiện chí, đúng vậy. Nhưng hẳn sẽ phải biết tiếp cận ai. Không phải ai cũng có thể cung cấp cho hẳn thứ vũ khí tân tiến như cái cậu đang theo đuổi. Có một gợi ý khá rõ ràng cho cậu rằng cảnh sát tại Honefoss, trong một cuộc bố ráp ga ra của một tên Quốc xã mới, đã tìm thấy một chiếc Datsim cũ chất đầy dùi cui tự chế, thanh giáo gỗ và ít cây riu

cùn. Hầu hết những kẻ này nói theo đúng nghĩa đen là hạng thời kỳ đồ đá.”

“Thế tôi nên bắt đầu từ đâu để tìm một người trong giới này có những mối liên hệ với bọn buôn bán vũ khí quốc tế?”

“Vấn đề không phải là giới này đặc biệt lớn. Thực ra, Fritt Ord, tờ báo của những kẻ theo chủ nghĩa Dân tộc, quả quyết rằng ở Na Uy có khoảng 1.500 tên theo chủ nghĩa Quốc xã và Dân chủ Quốc gia, nhưng nếu cậu gọi cho Monitor, một tổ chức tình nguyện giám sát những hang ổ phát xít, họ sẽ cho cậu biết rằng có nhiều nhất là năm mươi thành viên tích cực thôi. Không, vấn đề là những kẻ ủng hộ giàu có thực sự căm cương thì vô hình. Chúng không đi ủng hoặc xăm hình chữ thập ngoặc trên cánh tay, ta hãy nói thế đi. Chúng có thể có một vai vế trong xã hội để có thể khai thác mà phụng sự cho sự nghiệp, nhưng để làm điều đó chúng phải ẩn mình.”

Một giọng trầm gầm lên sau lưng họ: “Làm sao ông dám đến đây, hả Even Juul.”

*Rạp chiếu phim Gimle, Bygdoy Allé.**Ngày 7 tháng Ba năm 2000.*

“Vậy tôi còn biết làm gì nữa?” Harry hỏi Ellen, đưa cùi chỏ thúc cô lên phía trước trong hàng người. “Tôi chỉ đang ngồi đó tự hỏi có nên đi hỏi một trong mấy lão già kêu ca xem họ có biết ai đang ấp ủ các kế hoạch ám sát và đã mua một khẩu súng trường với cái giá vượt chuẩn cho dịp đặc biệt này. Và đúng lúc đó thì một gã bước tới bàn chúng tôi và nói với cái giọng như đưa đám: “Làm sao mà ông dám đến đây, hả Even?”

“Thế anh đã làm gì?” Ellen hỏi.

“Chẳng làm gì cả. Tôi chỉ ngồi đó và thấy mặt Even Juul thuôn ra. Trông ông ấy như thể vừa thấy ma vậy. Rõ ràng hai người bọn họ biết nhau. À mà đó là người thứ hai tôi gặp hôm nay quen biết Juul. Edvard Mosken cũng nói rằng biết ông ấy.”

“Chuyện đó lạ lắm sao? Juul viết bài cho báo, ông ấy lên ti-vi, ông ấy có tiếng!”

“Có thể là cô đúng. Dù sao đi nữa, Juul đứng lên và cứ vậy bỏ ra ngoài. Tôi phải chạy đuổi theo ông ấy. Mặt Juul xám ngoét khi tôi bắt kịp ông ấy trên phố. Nhưng khi tôi hỏi ông ấy đã xảy ra chuyện gì, ông ấy quả quyết rằng ông ấy không biết người đàn ông kia. Sau đó tôi lái xe đưa ông ấy về nhà, ông ấy chỉ nói được mỗi lời từ biệt rồi đi. Trông ông ấy hoàn toàn choáng váng. Hàng ghê thứ mười được không?”

Harry cúi khom người xuống ô cửa quầy bán vé, mua hai vé.

“Tôi thấy nghi ngờ với cái phim này lắm,” anh nói.

“Tại sao?” Ellen hỏi. “Vì là phim tôi chọn à?”

“Tôi có nghe lỏm một cô bé nhai kẹo cao su trên xe buýt nói với bạn rằng cái phim *Todo sobre mi madre*(*) này hay. Như trong từ *naaiice* ấy.”

“Nói thế nghĩa là gì?”

“Khi mấy cô bé nói một bộ phim là hay thì tôi lại có cái cảm giác rất kiểu Cà chua xanh chiên(*) này. Khi con gái các cô được phục vụ một phim ủy mị sụt mướt nào đó, còn ít nội dung hơn cả *Chương trình Oprah Winfrey* thì các cô luôn nghĩ mình vừa xem một phim nồng nhiệt và thông minh. Bắp rang bơ không?”

Anh đưa cùi chỏ huých cô lên trước trong hàng người mua bắp rang bơ.

“Anh đúng là một người bị hư hại rồi, Harry ạ. Một người bị hư hại rồi. À mà anh biết gì không? Kim phát ghen lên khi tôi bảo sẽ đi xem phim với một đồng nghiệp ở chỗ làm đấy.”

“Chúc mừng cô.”

“Nói kéo quên!” cô nói. “Tôi đã tìm thấy tên luật sư biện hộ cho Edvard Mosken con mà anh hỏi. Và ông nội của hắn ta đã làm việc trong các phiên tòa sau chiến tranh.”

“Rồi sao?”

Ellen mỉm cười.

“Johan Krohn và Kristian Krohn.”

“Tuyệt.”

“Tôi đã nói chuyện với tay ủy viên công tố trong phiên tòa xử Mosken con. Mosken bố đã tức giận điên cuồng khi tòa phán quyết con trai ông ta có tội, và ông ta đã tấn công Krohn. Ông ta gào lên rằng Krohn và ông nội gã đang có âm mưu hại gia đình Mosken.”

“Thú vị đấy.”

“Tôi xứng đáng được một túi bắp rang bơ thật to, đúng không?”

Todo sobre mi madre hay hơn nhiều chứ không như Harry đã e sợ. Nhưng

vào giữa cảnh Rosa được chôn, anh vẫn phải quấy rầy một Ellen đang giàn giụa nước mắt, để hỏi Grenland là ở đâu. Cô trả lời đó là vùng nằm quanh Porsgrunn và Skien rồi mới được yên tĩnh xem một mạch đến hết phim.

Oslo.

Ngày 11 tháng Ba năm 2000.

Harry cảm thấy bộ com lê quá nhỏ. Anh thấy vậy, nhưng không hiểu được. Từ mười tám tuổi đến giờ anh không hề tăng một cân nào, bộ com lê này đã vừa in khi anh mua tại Dressmann để dự các lễ kỷ niệm sau kỳ thi năm 1990. Tuy nhiên, đứng trước gương trong thang máy, anh thấy rõ đôi tất giữa quần âu và đôi giày Dr Martens. Chỉ là một trong những bí ẩn không giải thích được.

Cánh cửa thang máy vừa mở ra hai bên thì Harry đã nghe tiếng nhạc, đàn ông chuyện phiếm ồn ào và phụ nữ nói ríu rít tràn ra từ những cánh cửa mở rộng trong căng tin. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Đã 8 giờ 15. Đến 11 giờ là xong và anh có thể về nhà.

Anh hít một hơi thật sâu, bước vào trong căng tin và quét mắt khắp phòng. Nhà ăn có thiết kế theo kiểu Na Uy truyền thống - một phòng vuông có quây bằng kính, ở một đầu quây bạn có thể gọi đồ ăn, bàn ghế sáng màu mua tại một con vịnh hẹp nào đó ở Sunnmore và một biển cấm hút thuốc. Ban tổ chức buổi tiệc đã cố gắng hết sức nguy trang cho cái phong hăng ngày bằng bóng bay và khăn trải bàn màu đỏ. Cho dù nam giới vẫn chiếm số đông, sự xen kẽ nam nữ được phân chia còn đều hơn cả khi Đội Hình sự tổ chức tiệc. Hầu hết mọi người dường như đã ngấm chút rượu. Linda từng nói về nhiều người uống ngà ngà trước tiệc khác nhau. Harry thấy mừng khi chẳng ai mời anh.

“Cậu mặc com lê trông đẹp lắm đấy, Harry.”

Đó là Linda. Anh hầu như không nhận ra người phụ nữ trong bộ váy bó sát, không chỉ nhấn mạnh phần cân thừa của chị ta, mà cả đôi dàu nữ tính. Chị ta cầm một khay các thức uống có màu cam, giơ lên trước mặt anh.

“Ôi... không, cảm ơn nhiều, chị Linda.”

“Đừng có chán thế, Harry. Đây là tiệc mà!”

• • •

Prince lại đang gào thét trong stereo gắn trên xe.

Ellen cúi người tới trong ghế tài xế, vặn nhỏ âm lượng xuống. Tom Waaler liếc xéo sang cô.

“Hơi to quá,” cô nói, nghĩ rằng chỉ ba tuần nữa thôi cảnh sát viên từ Steinkjer sẽ đến, và cô sẽ không phải làm việc cùng Waaler nữa.

Vấn đề không phải là nhạc. Anh ta không làm phiền cô về chuyện đó. Và anh ta nhất định không phải là một cảnh sát tồi.

Vấn đề chính là những cuộc gọi. Không phải Ellen Gjeltten không có chút thông cảm nào với kiểu đời sống tình dục ít nhiều buông thả, nhưng hết nửa thời gian anh ta nói chuyện di động cô chỉ nghe thấy toàn các màn đối thoại rằng một cô nàng đã, đang hoặc sắp bị đá. Những màn đối thoại với những cô sắp bị đá là khó chịu nhất. Họ là những người phụ nữ anh ta hắt hủi, và khi nói chuyện với họ, anh ta giở cái giọng khiến Ellen chỉ muốn thét lên thật to: *Đừng làm thế! Hấn sẽ chẳng mang lại cái quái gì tốt lành đâu! Chạy mà giữ mạng đi!* Ellen Gjeltten là một người độ lượng dễ dàng tha thứ cho nhược điểm của con người. Cô chưa phát hiện được nhiều khuyết điểm ở Tom Waaler, nhưng cũng chẳng thấy nhiều nhân tính. Nói toạc ra, cô không thích anh ta.

Họ đã lái xe qua công viên Toyen. Waaler nhận được mật báo rằng có người đã thấy Ayub, tên cầm đầu băng nhóm người Pakistan họ đã truy đuổi

sau vụ tấn công tại Vườn thượng uyển vào tháng Mười hai, tại Aladdin, một nhà hàng Pakistan ở phố Hausmanns. Ellen biết họ đã đến quá muộn; sẽ chỉ có thể hỏi thăm mọi người có biết Ayub ở đâu không. Họ sẽ không nhận được câu trả lời nhưng ít nhất họ cũng đến cho có mặt, cho thấy rằng họ sẽ không để hấn được yên.

“Đợi trong xe, tôi sẽ đi kiểm tra xem!” Waaler nói.

“Được.

Waaler kéo dây khóa áo khoác da xuống.

Để khoe cơ bắp anh ta có được do tập tạ ở phòng gym tại Sở Cảnh sát đây mà, Ellen nghĩ. Hoặc lộ ra vừa đủ bao súng ngắn đeo dưới vai để họ biết rằng anh ta có mang vũ khí. Các cảnh sát trong Đội Hình sự luôn có quyền mang theo vũ khí, nhưng cô biết Waaler còn mang nhiều hơn một khẩu súng lục công vụ. Một khẩu nòng to; mà cô cũng chẳng buồn hỏi. Ngay sau xe cô, chủ đề trò chuyện ưa thích của Waaler là súng lục, và cô ưa xe cô hơn. Bản thân cô không mang theo vũ khí. Không mang theo trừ phi là bắt buộc, như trong chuyến viếng thăm của tổng thống vào mùa thu.

Trong vô thức cô có gì đó xao động. Nhưng nó bị cắt ngang ngay bởi tiếng nhạc chuông kỹ thuật số “Napoleon with his Army.” Đó là di động của Waaler. Ellen mở cửa xe để gọi với theo anh ta, nhưng anh ta đã trên đường vào nhà hàng.

Đúng là một tuần chán nản. Ellen không nhớ nổi đã từng có tuần nào chán nản như thế chưa kể từ khi vào lực lượng cảnh sát. Cô lo sợ chuyện này có liên quan đến việc cuối cùng cô cũng có được cuộc sống riêng tư. Đột nhiên, việc phải về nhà trước khi quá muộn trở thành vấn đề, và những ca làm việc ngày thứ Bảy như tối nay trở thành một sự hy sinh. Chiếc di động vẫn đồ bản nhạc “Napoleon...” đến lần thứ tư.

Một trong những cô ả bị đá à? Hoặc là người sắp bị thê? Nếu bây giờ Kim bỏ cô... nhưng anh sẽ chẳng làm thế. Cô chỉ biết thế thôi.

Bản “Napoleon with his Army” vang lên lần thứ năm.

Vài tiếng nữa sẽ hết ca làm việc và cô về nhà, đi tắm rồi chạy ngay đến nhà Kim ở phố Helgesens, năm phút trong trạng thái tình dục hưng phấn. Cô cười khúc khích.

Sáu lần! Cô chớp lấy cái điện thoại dưới phanh tay.

“Đây là máy trả lời của Tom Waaler. Rất tiếc ông Waaler không có ở đây. Vui lòng để lại tin nhắn.”

Cô cố ý biến nó thành một trò đùa. Thực ra sau đó cô muốn nói rằng cô là ai, nhưng vì lý do nào đó cô chỉ ngồi đấy lắng nghe hơi thở nặng nề ở đầu dây bên kia. Có lẽ để có cảm giác mạo hiểm, có lẽ cô chỉ tò mò. Dù sao đi nữa, cô chợt hiểu rằng người ở đầu dây bên kia nghĩ rằng hẳn ta đã gọi vào máy trả lời tự động và đang đợi tiếng bíp! Cô bèn nhấn một phím. Bíp.

“Xin chào, Sverre Olsen đây.”

• • •

“Chào Harry, đây là...”

Harry quay người lại, nhưng phần câu còn lại của Kurt Meirik bị chìm trong tiếng bass, khi tay DJ tự phong tăng âm lượng nhạc đang âm ỉ phát ra từ cái loa ngay sau lưng Harry.

That don't impress me much...

Harry tới bữa tiệc mới được hai mươi phút, đã xem đồng hồ đeo tay hai lần và xoay xở cố tự hỏi mình những câu sau đây đến bốn lần: *Vụ thanh toán Dale có liên quan gì đến vụ mua khẩu súng trường Marklin không? Kẻ nào có khả năng cắt cổ người khác, nhanh và khéo léo đến mức hẳn dám làm vậy ngay giữa ban ngày trong hẻm ở trung tâm Oslo? Hoàng Tử là ai? Liệu việc kết án con trai của Mosken có liên quan gì đến vụ này? Chuyện gì đã xảy ra đối với người lính Na Uy thứ năm ở mặt trận, Gudbrand Johansen? Và tại sao sau chiến tranh Mosken lại không cố gắng tìm kiếm ông ta, nếu đúng như ông ta khẳng định, Johansen đã cứu mạng mình?*

Lúc này anh đang đứng trong góc bên cạnh một chiếc loa, với một bia Munkholm - đựng trong cốc nhằm tránh những câu hỏi sao anh lại uống bia không cồn - trong khi xem một cặp nhân viên POT trẻ nhất khiêu vũ.

“Xin lỗi, tôi không nghe kịp,” Harry nói.

Kurt Meirik đang xoay xoay chân ly đồ uống giữa mấy ngón tay. Ông ta đứng thẳng hơn bao giờ hết, trong bộ com lê sọc xanh. Hết sức vừa vặn, theo như Harry thấy. Harry kéo tay áo vest xuống, biết rằng áo sơ mi của anh đang lòi ra quá mẫn sét. Meirik cúi đến gần hơn.

“Tôi đang cố nói với cậu rằng đây là người đứng đầu phòng đối ngoại của chúng ta đây, thanh tra...”

Harry nhận thấy người phụ nữ bên cạnh ông ta. Dáng người mảnh mai. Váy màu đỏ trơn. Anh có một dự cảm mơ hồ.

Vậy là cô có nhan sắc, nhưng liệu cô có phong cách không?

Đôi mắt nâu. Gò má cao. Nước da sạm màu. Mái tóc đen ngắn ôm lấy một khuôn mặt nhỏ. Nụ cười của cô đã hiện lên trong ánh mắt. Anh vẫn nhớ cô trông ưa nhìn, nhưng không... mê hồn đến thế. Đó là từ duy nhất anh nghĩ ra được mà bao hàm ý nghĩa: mê hồn. Anh biết thực tế rằng giờ cô đang đứng đối diện anh hẳn đã khiến anh sửng sờ không nói nên lời. Nhưng không hiểu sao có một logic nào đó trong chuyện này, một điều làm thâm tâm anh thừa nhận toàn bộ tình huống với một cái gật đầu.

“... Rakel Fauke!” Meirik nói.

“Chúng tôi đã gặp nhau rồi!” Harry đáp.

“Ồ?” Kurt Meirik thốt lên ngạc nhiên.

Rakel và Harry nhìn nhau.

“Chúng tôi gặp nhau rồi,” cô nói, “nhưng tôi không nghĩ chúng tôi đi xa đến mức giới thiệu tên với nhau.”

Cô chìa ra bàn tay với cổ tay hơi góc cạnh, một lần nữa khiến anh nghĩ đến dương cầm và những bài học ba lê.

“Harry Hole,” anh nói.

“A.” cô đáp. “Dĩ nhiên là vậy rồi. Bên Đội Hình sự, đúng không?”

Đúng.”

“Khi chúng ta gặp nhau tôi đã không nhận ra anh là thanh tra mới của POT. Giá mà anh nói thế thì...”

“Thì sao?” Harry hỏi.

Cô nghiêng đầu sang một bên. “Phải rồi, thì sao?” Cô bật cười. Tiếng cười của cô một lần nữa khiến cái từ ngu ngốc ấy hiện lên trong đầu Harry: *mê hồn*.

“Thì ít nhất tôi sẽ nói với anh rằng chúng ta làm chung một chỗ,” cô nói. “Thường tôi không nói cho người ta biết tôi làm gì để kiếm sống. Ta sẽ gặp quá nhiều những câu hỏi lạ lùng. Tôi chắc chắn với anh cũng thế.”

“Vâng, dĩ nhiên.”

Cô lại cười. Harry tự hỏi phải làm gì để khiến cô cứ cười mãi như thế này.

“Làm sao mà trước kia tôi chưa từng thấy anh ở POT nhỉ?” cô hỏi.

“Văn phòng của Harry tận cuối hành lang cơ,” Kurt Meirik đáp.

“À.” Cô gật đầu như thể đã hiểu, vẫn với nụ cười lung linh trong mắt.

“Văn phòng ngay phía cuối hành lang, thật sao?”

Harry nghiêng đầu ử rử.

“Được rồi,” Meirik nói. “Vậy là hai người đã xong phần giới thiệu. Chúng tôi đang tới quầy bar, Harry.”

Harry đợi một lời mời. Nhưng không thấy.

“Nói chuyện với cậu sau nhé!” Meirik nói.

Dễ hiểu thôi, Harry nghĩ. Người đứng đầu POT và thanh tra có thể có rất nhiều cái vổ vai với nhau đêm nay, theo kiểu cấp trên-cấp dưới trong tập đoàn. Anh dựa người vào chiếc loa, nhưng lén nhìn theo họ. Cô đã nhận ra anh. Cô đã nhớ họ chưa hề nói tên cho nhau. Anh uống một hơi cạn cốc bia. Nó chẳng có vị gì cả.

Waalder đóng sầm cửa lại.

“Chẳng ma nào nhìn thấy, nói chuyện hoặc từng nghe nói đến Ayub,” anh ta nói. “Lái xe đi.”

“Được,” Ellen đáp, kiểm trong gương rồi vòng xe rời khỏi lề đường.

“Cô cũng bắt đầu thích nghe Prince rồi, tôi nghe thấy rồi đây.”

“Tôi ư?”

“Cô đã vặn to âm lượng lên khi tôi đi khỏi.”

“À.” *Cô phải gọi cho Harry.*

“Có vấn đề gì quan trọng không?”

Ellen nhìn trân trân trước mặt, vào mặt đường màu đen ướt đẫm lấp lánh trong ánh đèn đường.

“Vấn đề? Có thể là vấn đề gì chứ?”

“Tôi không biết. Trông cô cứ như vừa xảy ra chuyện gì.”

“Chẳng có chuyện gì đâu Tom.”

“Có ai gọi điện à? Này!” Tom ngồi cứng người lại trên ghế, úp cả hai lòng bàn tay lên bảng đồng hồ. “Cô không thấy cái xe kia hay sao vậy?”

“Xin lỗi.”

“Tôi tiếp tục được không?”

“Lái xe á? Tại sao?”

“Vì cô lái xe cứ như một...”

“Như một cái gì?”

“Thôi quên đi. Tôi hỏi là có ai gọi điện không.”

“Chẳng ai gọi cả, Tom. Nếu ai gọi, tôi hẳn đã nói rồi, đúng chưa?”

Cô phải gọi cho Harry. Thật nhanh.

“Tại sao cô lại tắt di động của tôi?”

“Cái gì cơ?” Ellen nhìn anh ta thất kinh.

“Đề mắt nhìn đường đi, Gjelten. Tôi hỏi: tại sao...”

“Có ai gọi đâu. Chắc tự anh tắt điện thoại đấy thôi.” Vô tình cô cao giọng. Cô nghe thấy nó rít lên trong tai mình.

“Được rồi, Gjelten,” anh ta nói. “Bình tĩnh đi, tôi chỉ thắc mắc thôi mà.”

Ellen cố gắng làm như anh ta hướng dẫn. Thở đều và tập trung vào xe cô trước mặt. Cô rẽ trái rời khỏi bùng binh xuống phố Vahls. Buổi tối thứ Bảy nhưng các con phố ở vùng này trong thành phố gần như vắng vẻ. Đèn xanh. Rẽ phải dọc theo phố Jens Bjelkes. Bên trái, xuống Toyengata. Đi vào trong bãi đỗ xe của Sở Cảnh sát. Cô có thể cảm thấy ánh mắt Tom dò xét cô suốt quãng đường.

• • •

Harry không nhìn đồng hồ đeo tay phút nào kể từ khi gặp Raket Fauke. Anh thậm chí còn đi cùng Linda làm một vòng giới thiệu với vài đồng nghiệp. Cuộc đối thoại gượng gạo. Họ hỏi chức vụ của anh là gì, và khi anh trả lời xong thì cuộc trò chuyện yếu dần. Có thể có quy luật bất thành văn trong POT là ta không được hỏi quá nhiều. Hoặc họ cũng chẳng buồn để ý. Thế cũng tốt, anh cũng chẳng quan tâm đặc biệt gì đến họ. Anh về lại chỗ cũ bên cái loa. Anh có thoáng thấy bộ váy đỏ của cô một đôi lần. Theo như anh nhận định, cô đang đi quanh và không đứng lại lâu với bất kỳ ai. Cô không khiêu vũ, anh hoàn toàn chắc chắn về điều đó.

Chúa ơi, mình đang hành xử như một thằng nhóc tuổi teen, anh nghĩ.

Rồi anh nhìn đồng hồ đeo tay: 9 giờ 30. Anh có thể đến chỗ cô, nói một vài lời xem chuyện gì xảy ra. Và nếu không xảy ra chuyện gì, anh có thể lĩnh đi, dẹp chuyện khiêu vũ với Linda như đã hứa đi rồi về nhà. Chẳng xảy ra chuyện gì ư? Cái kiểu tự dối mình gì thế này? Một thanh tra khác, đang chung sống với một anh bồ. Anh cần uống một ly. Không. Anh liếc nhanh đồng hồ lần nữa. Anh rùng mình trước ý nghĩ về chầu khiêu vũ đã hứa. Quay về căn hộ thôi. Hầu hết mọi người hiện đang vui vẻ say sưa. Ngay cả trong tình trạng tỉnh táo hơn chắc họ cũng chẳng để ý đến việc tay thanh tra mới biến mất xuôi hành lang. Anh có thể cứ vậy bước ra cửa và đi thang máy

xuống. Bên ngoài chiếc Ford Escort đang trung thành đợi chờ anh. Trông Linda như thể bà chị đang vui vẻ trên sàn nhảy, ôm chặt một chàng cảnh sát đang dẫn chị ta xoay vòng với nụ cười đắm mê hôi trên môi.

“Buổi trình diễn của Raga trong buổi Liên hoan khoa Luật sôi động hơn chút, anh không nghĩ vậy sao?”

Anh cảm thấy tim mình đập dồn khi nghe thấy giọng nói bí ẩn của cô bên cạnh.

• • •

Tom đứng cạnh ghế của Ellen trong văn phòng cô.

“Xin lỗi nếu tôi có thô lỗ trong xe lúc ở ngoài phố.”

Cô không nghe thấy tiếng anh ta đến nên giật mình. Tay cô đang cầm ống nghe, nhưng vẫn chưa quay số gọi.

“Yên tâm,” cô nói. “Chính là tôi có hơi... anh biết đấy.”

“Tiền mãi kinh à?”

Cô ngược mắt lên nhìn anh ta thì biết rằng đó không phải là nói đùa. Anh ta đang thực sự muốn cố gắng thông cảm.

“Có thể!” cô đáp. Tại sao bây giờ anh ta lại đang ở trong văn phòng cô, nơi mà anh ta chưa bao giờ đến?

“Hết ca rồi, Gjelten.” Anh ta hát đầu về phía đồng hồ trên tường. Đã 10 giờ rồi. “Tôi có xe đây. Để tôi đưa cô về nhà.”

“Cảm ơn nhiều, nhưng tôi phải gọi điện đã. Anh cứ về trước đi.”

“Cuộc gọi riêng tư à?”

“Không, chỉ là...”

“Thế tôi sẽ ngồi đây đợi.”

Waalder ngồi xuống chiếc ghế văn phòng cũ của Harry, nó kêu lên cọt két. Bốn mắt họ chạm nhau. Khốn thật! Tại sao cô lại không nói đó là cuộc gọi riêng tư chứ? Giờ đã quá muộn. Phải chăng anh ta biết rằng cô đã bắt gặp

thứ gì đó? Cô cố gắng đọc ra nét mặt anh ta, nhưng dường như cô đã mất khả năng này vì nỗi hốt hoảng đang tóm lấy cô. Hốt hoảng ư? Bây giờ cô đã hiểu tại sao mình không bao giờ thấy thoải mái với Tom Waaler. Không phải vì sự lạnh lùng của anh ta, quan điểm của anh ta về phụ nữ, người da đen, bọn thích khoe chỗ kín và những kẻ đồng tính hay xu hướng của anh ta lợi dụng bất kỳ cơ hội hợp pháp nào để sử dụng bạo lực. Không cần nghĩ nhiều cô cũng liệt kê được mười cái tên cảnh sát khác có thể xếp hàng ngay sau Waaler về những điểm này, nhưng dù thế cô cũng vẫn tìm được vài điểm tích cực nào đó cho phép cô hòa hợp với họ. Nhưng riêng với Tom Waaler, có một điều khác nữa và bây giờ cô biết là gì: cô sợ anh ta.

“Thôi được,” cô nói. “Chuyện đó để đến thứ Hai cũng được.”

“Tốt.” Anh ta lại đứng lên. “Ta đi thôi.”

Waaler có chiếc xe thể thao Nhật mà Ellen nghĩ trông như đồ nhái rẻ tiền của Ferrari. Xe có những kiểu ghế cố định ép vai ta lại và những cái loa như chiếm hết nửa xe. Động cơ kêu ro ro triu mến, ánh sáng từ những ngọn đèn đường quét qua ngăn xe khi họ lái xe lên Trondheimsveien. Một giọng gió cô đang dần quen rụt rè phát ra loa.

Prince. Hoàng Tử.

“Tôi xuống ở đây được rồi,” Ellen nói, cố sao cho giọng nghe có vẻ tự nhiên.

“Không có chuyện đó đâu!” Waaler nói, nhìn vào gương. “Dịch vụ giao hàng tận nơi. Chúng ta sẽ đi đâu đây?”

Cô cố gắng cưỡng lại cái thôi thúc mở toang cửa mà nhảy ra ngoài.

“Rẽ trái ở đây,” Ellen nói, đưa tay chỉ.

Về nhà đi, Harry.

“Phố Jens Bjelkes,” Waaler đọc to bảng chỉ đường trên tường rồi rẽ ngoặt.

Đèn đóm tại đây rất tiết kiệm, những vĩa hè vắng ngắt. Từ khước mắt Ellen trông thấy những ô ánh sáng nhỏ chiếu qua mặt anh ta. Anh ta biết là cô đã

phát hiện ra rồi chẳng? Và anh ta có thấy được cô đang ngồi đây một tay thọc vào túi xách không? Anh ta có nhận ra cô đang nắm chặt bình xịt hơi cay màu đen cô đã mua tại Đức không? Cô đã đưa nó cho anh ta xem hồi mùa thu, khi anh ta khăng khăng cô đang đặt bản thân lẫn đồng đội trong tình trạng nguy hiểm vì từ chối mang theo vũ khí. Chẳng phải anh ta đã kín đáo cho biết rằng mình có thể có một khẩu súng nhỏ bé gọn gàng, giấu đâu trong người cũng được? Nó không được đăng ký và do đó không thể truy ngược về phía cô, trong trường hợp có “rủi ro”. Lúc đó cô đã không xem những lời nói của anh là nghiêm túc; cô nghĩ đó chỉ là một trong những trò đùa có phần kinh dị của đàn ông và cười xòa cho qua.

“Dừng cạnh chiếc xe màu đỏ đằng kia đi.”

“Nhưng số 4 ở khu nhà tiếp theo cơ mà,” anh ta nói.

Cô đã nói với anh ta cô sống ở nhà số 4 à? Có lẽ. Có thể cô đã quên. Cô cảm thấy mình trong suốt, như con sứa, như thể anh ta có thể thấy tim cô đang đập loạn xạ.

Động cơ kêu rừ rừ ở số không. Anh ta đã dừng xe. Cô luống cuống tìm tay nắm cửa. Máy gã người Nhật chết tiệt! Tại sao họ không thể thiết kế một tay nắm cửa giản dị, dễ nhận ra chứ?

“Hẹn gặp cô vào thứ Hai,” cô nghe giọng nói của Waaler sau lưng khi tìm được tay nắm cửa, bước nhào ra và hít vào bầu không khí Oslo tháng Ba độc hại, như thể vừa trời lên sau khi ở dưới mặt nước quá lâu. Khi đóng sầm lại cánh cửa trước nặng nề, cô vẫn còn nghe thấy tiếng động cơ êm ru, tra dầu mỡ kỹ càng của Waaler chạy không bên ngoài.

Cô lao lên cầu thang, đôi ủng giậm mạnh xuống từng bậc cầu thang, giờ chùm chìa khóa trước mặt như que dò mạch. Thế rồi cô đã vào căn hộ của mình. Khi quay số gọi cho Harry, cô hình dung lại tin nhắn của Sverre Olsen từng chữ một.

Sverre Olsen đây. Em vẫn đang đợi mười nghìn tiền hoa hồng mua súng cho lão già. Về nhà thì gọi cho em.

Rồi hấn cúp máy.

Chỉ cần một phần tí giây là cô đã hiểu ra mối liên hệ. Đầu mỗi thứ năm cho câu đố về chuyện ai là kẻ trung gian trong thương vụ Marklin. Một cảnh sát viên. Tom Waaler. Dĩ nhiên rồi. Mười nghìn tiền hoa hồng cho một kẻ vô danh tiểu tốt như Olsen - hẳn nhiên là một vụ lớn. Lão già. Những kẻ mê vũ khí, ủng hộ phe cực hữu. Hoàng Tử không bao lâu nữa sẽ trở thành chánh thanh tra. Điều đó rõ ràng như ban ngày, hiển nhiên đến mức trong một lúc cô đã sốc vì cô, với khả năng nhận biết những âm thầm không ai nghe được, thế mà lại không nhận ra ngay từ đầu. Cô biết mình đã mắc chứng hoang tưởng được một thời gian rồi, nhưng dẫu vậy cô vẫn không nhận được mà nghĩ đến tận cùng suy nghĩ đó khi đợi Tom Waaler từ nhà hàng đi ra: Tom Waaler có mọi khả năng trèo lên cao hơn, giật dây từ những vị trí còn quan trọng hơn nhiều, ẩn nấp bên dưới những đôi cánh quyền lực. Ai mà biết được hẳn ta đã liên kết với những đồng minh nào và với ai tại trụ sở cảnh sát. Nếu cô chịu nghĩ kỹ, dĩ nhiên sẽ có vài người mà cô không bao giờ tưởng tượng được họ có liên quan. Nhưng người duy nhất cô có thể tin tưởng 100 - một trăm - phần trăm là Harry.

Nói máy rồi. Máy không bận. Điện thoại của anh ở căn hộ chẳng bao giờ bận. Thôi nào, Harry!

Cô còn biết rằng sớm muộn gì rồi Waaler cũng nói chuyện với Olsen và biết được đã xảy ra chuyện gì. Và cô không nghi ngờ một giây nào rằng kể từ lúc đó mạng sống của cô sẽ như chỉ mảnh treo chuông. Cô sẽ phải hành động thật nhanh, nhưng cô cũng không thể cho phép mình mắc bất kỳ sai lầm nào. Một giọng nói cất lên cắt đứt dòng suy luận của cô.

“Hole đây. Xin nói đi.”

“Quý tha ma bắt anh đi, Harry! Ellen đây. Giờ ta đã tìm được hẳn rồi. Tôi sẽ gọi cho anh trên di động.”

Cô kẹp chặt ống nghe giữa vai và cảm khi lật lật qua danh mục số điện thoại có vần H, đánh rơi cuốn sổ xuống sàn đánh rầm, cô chửi thề và cuối

cùng cũng tìm được số điện thoại di động của Harry. Thật may là anh luôn mang theo di động bên mình.

Ellen Gjelten sống trên tầng hai khu căn hộ mới được sửa sang cùng một con chim sẻ ngô thuần lớn có tên là Helge. Bốn bức tường căn hộ dày nửa mét, các cửa sổ được tráng hai lớp. Tuy nhiên, cô dám cam đoan rằng mình nghe thấy tiếng rừ rừ của chiếc xe đang chạy số không kia.

• • •

Rakel Fauke bật cười.

“Nếu anh đã hứa khiêu vũ với chị Linda, anh sẽ không lướt qua sàn một cái mà được đâu.”

“Ừm. Lựa chọn khác là chạy mà giữ mạng.”

Theo sau đó là một khoảng lặng, và Harry hiểu ra rằng những gì anh vừa nói rất dễ bị hiểu sai. Anh vội lấp đầy khoảng trống bằng một câu hỏi.

“Cô đã bắt đầu tại POT như thế nào?”

“Thông qua người Nga!” cô đáp. “Tôi tham gia khóa đào tạo của Bộ Quốc phòng Nga rồi làm thông dịch viên tại Moscow được hai năm. Kurt Meirik hỏi ấy tuyển mộ tôi tại đó. Sau khi có bằng luật tôi được thăng lên ngay bậc lương cho nhân viên có ba mươi năm năm kinh nghiệm. Tôi nghĩ mình đã bắt được con ngỗng đẻ trứng vàng.”

“Không phải vậy sao?”

“Anh đùa đấy à? Ngày nay các bạn học cùng tôi kiếm được bằng ba lần tôi ấy.”

“Cô có thể dừng lại, và làm những gì họ làm.”

Cô khom vai về phía trước. “Tôi thích việc tôi đang làm. Không phải ai trong số họ cũng nói được như vậy đâu.”

“Một ý hay.”

Im lặng.

Một ý hay. Có thật là anh chỉ thốt ra được thế thôi?

“Còn anh thì sao Harry? Anh có thích việc mình đang làm không?”

Họ đang đứng nhìn về sàn nhảy, nhưng Harry cảm thấy được đôi mắt cô đang dò xét anh, đánh giá anh. Đủ kiểu suy nghĩ lộn xộn lướt qua đầu óc anh. Cô có những vết chân chim nhỏ trên khóe mắt. Căn nhà gỗ của Mosken không xa nơi họ tìm thấy những vỏ đạn rỗng từ khẩu súng trường Marklin. Theo Dagb 1 adet, có 40% phụ nữ sống ở thành phố không chung thủy. Anh nên hỏi vợ của Even Juul xem bà ấy có còn nhớ ba người lính Na Uy của trung đoàn Norge bị thương, hoặc tử trận do một trái lựu đạn ném từ phi cơ xuống, và lẽ ra anh nên đi mua đồ nam Dressman bán hạ giá nhân dịp năm mới quảng cáo trên đài TV3. Nhưng anh có thích việc mình đang làm không ư?

“Có những ngày thì tôi thích,” anh đáp.

“Anh thích ở điểm gì?”

“Tôi không biết. Nghe có ngớ ngẩn không?”

“Tôi không biết.”

“Tôi không nói thế vì tôi chưa nghĩ đến việc tại sao tôi lại làm cảnh sát. Tôi đã nghĩ. Và tôi không biết. Có lẽ tôi chỉ thích bắt mấy cậu nhóc, cô nhóc hư hỏng thôi.”

“Vậy thì anh làm gì những khi không truy bắt mấy cậu nhóc, cô nhóc hư hỏng?” cô hỏi.

“Xem chương trình Cuộc thám hiểm Robinson.”

Cô lại bật cười. Và Harry biết anh sẽ sẵn sàng nói những lời ngu ngốc nhất nếu có dịp để khiến cô cười như thế lần nữa. Anh trấn tĩnh lại rồi nói chuyện khá nghiêm túc về tình hình hiện thời của mình, nhưng vì anh cẩn thận không đề cập đến những khía cạnh khó chịu trong cuộc đời mình, nên cũng chẳng có gì nhiều để kể. Khi dường như cô vẫn hứng thú, anh tiếp tục kể sang bố và Sis. Tại sao lúc nào cuối cùng anh cũng kể về Sis khi người ta đề nghị anh nói về chính mình nhỉ?

“Có vẻ là một cô bé ngoan?” cô nói.

“Ng ngoan nhất đấy,” Harry đáp. “Và can đảm nhất nữa. Chẳng bao giờ sợ hãi nhưng gì mới mẻ. Người luôn luôn thích thử nghiệm cuộc sống.”

Harry kể cho cô nghe về thời gian Sis ngẫu hứng gửi đề nghị mua một căn hộ tại phố Jacob Aalls - vì giấy dán tường trong bức ảnh con bé xem trên trang bất động sản Aftenposten nhắc con bé nhớ đến căn phòng thời thơ ấu ở oppsal - và được biết mức giá chào hàng là hai triệu krone, mức giá mét vuông sàn kỷ lục cho Oslo mùa hè năm đó.

Rakel Fauke cười đến nỗi làm bắn cả rượu Tequilla lên áo vest của Harry.

“Điều hay nhất ở con bé chính là sau mỗi lần vấp ngã, con bé đều tự đứng dậy, tự phủi bụi bẩn trên quần áo rồi lại sẵn sàng cho phi vụ cảm tử tiếp theo.”

Cô lấy khăn tay lau khô ve áo cho anh. “Thế còn anh, Harry, khi anh vấp ngã thì anh làm gì?”

“Tôi à? Có lẽ tôi vẫn nằm yên đó một lúc. Và sau đó tôi sẽ đứng dậy vì chẳng còn lựa chọn nào khác, đúng không nhỉ?”

“Một cái hay.”

Anh liếc nhanh lên xem cô có nhạo anh không. Sự thích thú đang lung linh trong mắt cô. Cô toát ra sự mạnh mẽ, nhưng anh không tin cô đã từng trải qua nhiều vấp ngã.

“Đến lượt cô kể đôi chút về chính mình rồi đấy.”

Rakel không có em gái để cầu cứu, cô là con một. Nên thay vào đó cô kể về công việc.

“Nhưng chúng tôi hiếm khi bắt được ai,” cô nói. “Hầu hết các vụ đều được giải quyết hữu nghị bằng một cuộc gọi, hoặc bằng một bữa tiệc cocktail tại đại sứ quán.”

Harry mỉm cười mỉa mai.

“Thế còn vấn đề tên mật vụ bị tôi bắn được giải quyết êm xuôi thế nào?” anh hỏi. “Cuộc gọi hay bữa tiệc cocktail?”

Cô trầm ngâm dò xét anh trong khi thò tay vào cốc rượu lấy ra một viên đá. Cô cầm lên giữa hai ngón tay. Một giọt nước đá tan ra thông thả chảy xuống cườm tay cô, dưới chiếc lắc tay bằng vàng mỏng manh, về phía khuỷu tay.

“Khiêu vũ không, Harry?”

“Theo như tôi nhớ thì tôi vừa mất ít nhất mười phút giải thích mình ghét khiêu vũ đến thế nào!”

Cô lại nghiêng đầu.

“Ý tôi là - anh sẽ khiêu vũ với tôi chứ?”

“Theo nhạc này à?”

Bản nhạc “Let It Be” chơi bằng sáo ống chậm chạp chảy ra từ loa như một thứ xi rô đặc sệt.

“Không chết đâu mà sợ. Cứ xem như đây là kiểu khởi động trước bài kiểm tra lớn của Linda.”

Cô nhẹ nhàng đặt bàn tay lên vai anh.

“Có phải chúng ta đang tán tỉnh nhau không?” Harry hỏi.

“Anh nói gì vậy, thanh tra?”

“Xin lỗi. Nhưng tôi đoán hiểu các tín hiệu ngầm dở đến mức phải hỏi có phải chúng ta đang tán tỉnh nhau không.”

“Khả năng cao là không phải đâu.”

Anh đặt tay mình quanh eo cô, e dè bước một bước nhảy.

“Chuyện này khiến tôi cảm thấy như đang mất tâm vậy!” anh nói. “Mà có lẽ cũng chẳng tránh được - không sớm thì muộn đàn ông Na Uy ai ai cũng phải trải qua chuyện thế này.”

“Anh đang nói cái gì thế?” cô phá lên cười.

“Khiêu vũ với một đồng nghiệp tại buổi tiệc văn phòng.”

“Tôi có ép anh đâu.”

Anh mỉm cười. Nó có thể là ở bất kỳ đâu, họ có thể đang chơi ngược bản nhạc “The Birdie Song” bằng đàn ghi ta Hawaii cũng chẳng sao - vì vũ điệu

này anh có thể chết.

“Chờ đã - anh có cái gì đấy thế?” cô hỏi.

“À, không phải là súng ngắn đâu và tôi thật mừng được gặp cô, nhưng...”

Harry tháo chiếc di động khỏi thắt lưng và buông tay khỏi eo cô, đến chỗ chiếc loa để đặt cái di động lên. Hai cánh tay cô vẫn giơ về phía anh khi anh quay lại.

“Hy vọng ở đây chúng ta không có trộm!” anh nói. Đó là một câu đùa cũ rích tại Sở Cảnh sát, chắc cô đã phải nghe nó đến hàng trăm lần rồi, nhưng dù sao cô vẫn cười thật êm dịu vào tai anh.

• • •

Ellen để chuông điện thoại reo cho đến khi nó dừng rồi mới bỏ ống nghe xuống. Rồi cô thử lại. Cô đứng bên cửa sổ, nhìn xuống con phố. Không có xe ô tô. Dĩ nhiên là không rồi. Cô đã quá căng thẳng. Có lẽ giờ này Tom đang trên đường về nhà lên giường. Hoặc lên giường của ai đó.

Sau ba lần gọi cho Harry rồi bỏ cuộc, cô bèn gọi cho Kim. Nghe giọng anh có vẻ mệt mỏi.

“Anh bắt taxi quay về lúc bảy giờ tối nay!” anh nói. “Hôm nay anh chạy xe suốt hai mươi giờ.”

“Em sẽ đi tắm,” cô đáp. “Chỉ muốn biết xem anh có ở nhà không.”

“Nghe giọng em có vẻ căng thẳng.”

“Chẳng có gì đâu. Bốn mươi lăm phút nữa em sẽ tới chỗ anh. Mà em sẽ phải dùng điện thoại của anh đấy. Và sẽ ở đó qua đêm.”

“Tuyệt. Nếu không phiền em có thể ghé vào siêu thị 7-Eleven ở Markveien mua ít thuốc lá không?”

“Được. Em sẽ bắt taxi.”

“Tại sao?”

“Giải thích với anh sau nhé.”

“Em có biết hôm nay là tối thứ Bảy không? Em sẽ không bao giờ gọi được Taxi Oslo. Còn em chạy lên đây mất bốn phút.”

Cô phân vân.

“Kim này?” cô nói.

“Gì?”

“Anh có yêu em không?”

Cô nghe thấy tiếng anh khẽ cười tùm tùm, hình dung được đôi mắt buồn ngủ, nửa nhắm nửa mở của anh và tấm thân gầy còm, gầy như gầy rộc của anh dưới chiếc chăn lông vũ, trong căn hộ khôn khổ ở phố Helgesens. Căn hộ của anh có tầm nhìn ra sông Akerselva. Anh có mọi thứ mà cô muốn. Và trong chốc lát cô gần như quên Tom Waaler. Gần như thế.

• • •

“Sverre!”

Mẹ của Sverre Olsen đứng dưới cầu thang, đang quát muốn xé phổi như bà vẫn hay làm thế theo như hấn nhớ được.

“Sverre! Có điện thoại!”

Bà quát lên như thể bà cần ai giúp, sắp chết đuối hay cái gì đó đại loại thế.

“Con sẽ nhận cuộc gọi trên này, mẹ ạ.”

Hấn vung hai chân xuống giường, lấy chiếc điện thoại trên mặt bàn và đợi nghe tiếng cạch cho thấy mẹ hấn đã bỏ ống nghe xuống.

“A lô?”

“Tao đây.” Đằng sau có tiếng nhạc của Prince. Luôn là Prince.

“Em cũng đoán là thế,” Sverre đáp.

“Sao thế?”

Câu hỏi chọt đến nhanh như chớp. Nhanh đến mức Sverre ngay lập tức rơi vào thế phòng thủ, như thể chính hấn là người nợ tiền chứ không phải

ngược lại.

“Có thể sếp gọi vì sếp nhận được tin nhắn của em?” Sverre nói.

“Tao gọi vì tao đang nhìn vào danh bạ các cuộc gọi tao nhận được trên di động. Tao thấy mày đã nói chuyện với ai đó vào lúc 20 giờ 32 tối nay. Mày đã lái nhái gì thế?”

“Về vụ tiền mặt. Em đang túng quá, còn sếp thì đã hứa...”

“Mày đã nói chuyện với ai?”

“Hả? Quý cô trên máy trả lời tự động, em nghĩ vậy. Khá rõ ràng rành mạch đấy. Có phải là người mới của...”

Không trả lời. Chỉ có nhạc của Prince ở âm lượng thấp. Nhạc phẩm *You sexy mothereyucker*... Tiếng nhạc đột ngột tắt ngấm.

“Nói cho tao biết chính xác mày đã nói gì.”

“Em chỉ nói rằng...”

“Không! Chính xác. Từng chữ một.”

Sverre cố hết sức lặp lại thật chính xác.

“Tao cũng đoán vậy mà,” Hoàng Tử nói. “Mày vừa đi tiết lộ cả chiến dịch của tao và mày cho người ngoài đây, Olsen. Nếu tao và mày không bịt ngay cái lỗ rò này, sẽ khôn ngay đấy. Mày có hiểu không hả?”

Sverre Olsen chẳng hiểu gì cả.

Hoàng Tử cực kỳ bình tĩnh khi giải thích rằng điện thoại di động của hắn đã rơi vào tay nhầm người.

“Cái mày nghe không phải máy trả lời tự động đâu, Olsen.”

“Thế thì là ai?”

“Chỉ cần biết là kẻ thù.”

“Monitor. Có kẻ đang dò la à?”

“Kẻ mà tao với mày đang nói đến vừa trên đường đi gặp cảnh sát. Nhiệm vụ của mày là chặn cô ta lại.”

“Em à? Em chỉ muốn tiền của em và...”

“Câm mồm mày lại, Olsen.”

Olsen làm theo.

“Đây là vì Sự nghiệp. Màỵ là một người lính giỏi, đúng không?”

“Vâng, nhưng...”

“Và một người lính giỏi thì sau đó luôn dọn dẹp sạch sẽ, đúng không?”

“Em chỉ đang đưa tin giữa sếp với lão già lắm cảm đó. Sếp là người mà...”

“Đặc biệt khi người lính đang có cáo buộc ba năm lơ lửng trên đầu, nói đúng theo thuật ngữ chuyên môn là có điều kiện đấy.”

Sverre nghe chính mình nuốt khan.

“Làm sao sếp biết điều đó?” hấn hỏi.

“Màỵ không cần bận tâm chuyện đó. Tao chỉ muốn màỵ nhận ra rằng màỵ cũng như băng đảng của màỵ có nhiều thứ để mất vì chuyện này đây.”

Sverre không đáp. Hấn không cần phải đáp.

“Hãy nhìn vào khía cạnh tươi sáng đi, Olsen. Đây là cuộc chiến. Không có chỗ cho những kẻ hèn nhát và phản bội. Ngoài ra, băng đảng sẽ ban thưởng cho lính của mình. Ngoài khoản mười nghìn, màỵ sẽ nhận thêm bốn mươi nghìn nữa khi xong việc.”

Sverre suy đi tính lại khoản tiền này. Nghĩ đi nghĩ lại hấn nên mặc quần áo gì.

“Ở đâu?” hấn hỏi.

“Quảng trường Schous hai mươi phút nữa. Mang theo bất kỳ thứ gì màỵ cần.”

• • •

“Anh không uống à?” Rakel hỏi.

Harry nhìn xung quanh. Vũ điệu cuối cùng của họ căng thẳng tới mức có thể khiến người xem phải nhướng mày lên. Lúc này họ rút lui vào một bàn phía sau căng tin.

“Tôi bỏ rồi!” Harry đáp.

Cô gật đầu.

“Chuyện dài lắm,” anh nói thêm.

“Tôi có nhiều thời gian mà.”

“Tôi nay tôi chỉ thấy muốn nghe chuyện vui,” anh mỉm cười. “Thay vào đó ta nói về chuyện của cô đi. Cô có loại chuyện tuổi thơ nào để kể không?”

Harry gần như tưởng cô sẽ phá lên cười, nhưng anh chỉ nhận được nụ cười mệt mỏi.

“Mẹ tôi mất khi tôi mới mười lăm tuổi. Ngoài chuyện này ra, tôi có thể nói với anh hết những chuyện còn lại.”

“Tôi rất tiếc khi nghe điều đó.”

“Có gì để tiếc đâu. Bà là một người phụ nữ khác thường, nhưng những câu chuyện vui mới là kế hoạch của tôi nay...”

“Cô có anh chị em nào không?”

“Không, chỉ có bố con tôi thôi.”

“Vậy chắc cô phải một mình chăm sóc ông ấy?”

Cô ngạc nhiên dò xét anh.

“Tôi biết chuyện đó thế nào mà,” anh nói. “Tôi cũng mất mẹ. Bố tôi ngồi trên ghế nhìn đăm đăm vào tường suốt nhiều năm. Tôi phải bón thức ăn cho ông ấy, đúng nghĩa đen đấy.”

“Bố tôi điều hành một dây chuyền vật liệu xây dựng lớn mà ông khởi nghiệp từ tay trắng, và tôi tin rằng đó là cả cuộc đời ông ấy. Nhưng khi mẹ tôi qua đời, trong một sớm một chiều ông đã mất hết hứng thú. Ông đã bán hết đi trước khi nó tiêu tan. Và ông xua đuổi tất cả những ai ông quen biết. Kể cả tôi. Ông biến thành một ông già cay đắng, cô độc.”

Cô chìa tay ra.

“Tôi còn phải sống đời của riêng mình. Tôi đã gặp một người đàn ông tại Moscow, và bố tôi cảm thấy mình bị phản bội khi biết tôi muốn lấy một người Nga. Khi tôi đưa Oleg quay về Na Uy, mối quan hệ giữa tôi và bố tôi

trở nên rất khó khăn.”

Harry đứng dậy rồi quay lại với một ly margarita cho cô, và một coca cho mình.

“Thật tiếc là chúng ta không hề gặp nhau ở trường luật, Harry.”

“Hồi ấy tôi là một con rối,” Harry nói. “Rất hay gây hấn với bất kỳ ai không thích những đĩa nhạc hay bộ phim giống như tôi. Chẳng ai ưa tôi cả. Ngay cả tôi.”

“Giờ thì tôi không tin điều đó.”

“Câu ấy tôi lấy cắp trong một bộ phim. Anh chàng đã nói câu đó lúc đang chuyện trò với Mia Farrow. Tức là ở trong phim thôi. Tôi chưa từng thử điều đó ngoài đời thực.”

“Được,” cô nói, thận trọng ném thử rượu margarita. “Tôi nghĩ rằng đó là một khởi đầu tốt. Nhưng anh có chắc mình không ăn cắp luôn cả phần vé ăn cắp nữa đấy chứ?”

Họ phá lên cười và cùng thảo luận những bộ phim hay và dở, những buổi trình diễn ca nhạc hay và dở mà họ đã từng đi xem, và một lúc sau Harry nhận thức được mình sẽ phải điều chỉnh lại các ấn tượng ban đầu về cô. Chẳng hạn, cô đã du lịch vòng quanh thế giới một mình khi mới hai mươi tuổi, ở độ tuổi mà nói về những trải nghiệm trưởng thành thì tất cả những gì Harry có để khoe chỉ là một chuyến đi bằng Inter-Rail(*)

Cô xem đồng hồ đeo tay.

“Mười một giờ rồi. Tôi đang có người đợi.”

Harry cảm thấy tim mình thất lại. “Tôi cũng thế,” anh nói, đứng lên.

“Ồ?”

“Chỉ là một con quỷ tôi giấu dưới gầm giường thôi. Để tôi lái xe đưa cô về nhà.”

Cô mỉm cười. “Không cần thiết đâu.”

“Gần như là cùng đường mà.”

“Anh cũng sống tại Holmenkollen à?”

“Gần đó thôi. Hoặc khá gần. Bislett.”

Cô bật cười.

“Thế thì là bên kia thành phố rồi. Tôi biết mục đích của anh là gì mà.”

Harry mỉm cười ngô nghê. Cô đặt một bàn tay lên cánh tay anh. “Anh cần một người đẩy xe cho anh, đúng không nào?”

• • •

“Có vẻ như anh ấy đi rồi, Helge.”

Cô đứng cạnh cửa sổ mà vẫn mặc áo khoác, hé nhìn ra giữa những bức rèm. Con phố dưới kia trống trải; chiếc taxi đang đợi ở đó đã khởi hành cùng với ba cô gái vui vẻ đi dự tiệc. Helge không đáp lại. Con chim một cánh chóp chóp mắt, gãi gãi bụng bằng một chân.

Cô cố gọi vào số di động của Harry một lần nữa, nhưng vẫn là giọng người phụ nữ lặp lại rằng điện thoại đang tắt máy hoặc đang nằm ngoài vùng phủ sóng.

Ellen bèn chụp một tấm vải lên trên cái lồng, nói chúc ngủ ngon với Helge rồi tắt đèn và rời phòng. Phó Jens Bjelkes vẫn vắng vẻ khi cô đi vội đến phố Thorvald Meyers mà cô biết vào giờ này tối thứ Bảy sẽ đông người. Bên ngoài nhà hàng Fru Hagen, cô gật đầu chào vài người mà hẳn cô đã trao đổi vài lời với họ vào một buổi tối ẩm ướt, trên những con phố đèn đuốc sáng trưng ở Grunerlokka này. Cô chợt nhớ mình đã hứa mua cho Kim ít thuốc lá nên cô quay lại đi xuống siêu thị 7-Eleven tại Markveien. Cô trông thấy một gương mặt mới mà cô bỗng lờ mờ nhận ra và bất giác mỉm cười khi thấy hắn ta nhìn cô.

Trong siêu thị 7-Eleven, cô ngập ngừng cố nhớ lại Kim hút Camel hay là Camel Lights, nhận ra họ đã dành cho nhau ít thời gian ra sao. Và vẫn còn quá nhiều điều họ phải biết về nhau thế nào. Và rằng đây là lần đầu tiên trong cuộc đời cô điều đó không làm cô khiếp sợ, mà là một điều cô hằng

mong đợi. Cô thấy vô cùng hạnh phúc. Ý nghĩ về anh đang nằm trần truồng trên giường cách chỗ cô đang đứng ba khối nhà lấp đầy trong cô những khao khát uể oải nhưng ngọt ngào. Cô chọn bao Camel, sốt ruột chờ đến lượt được phục vụ. Ra ngoài đường, cô đã chọn lối tắt dọc theo sông Akerselva.

Cô chợt nhận ra trong một thành phố lớn khoảng cách giữa đông nghẹt người và hoàn toàn cô lập mới ngắn làm sao. Bất thần tất cả những gì cô nghe thấy là tiếng con sông chảy róc rách và tiếng tuyết lạo xạo dưới ủng. Đã quá muộn để hối tiếc vì mình chọn đường tắt khi giờ đây cô mới nhận ra rằng cô không chỉ nghe thấy tiếng bước chân mình. Bây giờ cô còn nghe được hơi thở, nặng nề và hỗn hển. Khiếp sợ và giận dữ, Ellen nghĩ, không, cô biết rằng vào lúc đó mạng sống của cô đang gặp nguy hiểm. Cô không quay người lại, chỉ co giò chạy. Những bước chân sau lưng cô ngay lập tức cũng bắt nhịp. Cô cố gắng chạy bình tĩnh, cố gắng không hốt hoảng hoặc không chạy vung chân tay. *Đừng chạy như một bà già*, cô nghĩ, bàn tay cô tìm kiếm bình xịt hơi cay trong túi áo khoác, nhưng những bước chân đằng sau cô vẫn không dừng lại, đang tiến đến mỗi lúc một gần. Cô nghĩ rằng nếu cô đến được quảng sáng hình nón duy nhất trên lối đi, cô sẽ được cứu. Cô biết điều đó không đúng. Cô vừa đứng được dưới ánh đèn thì cú đánh đầu tiên nhằm xuống vai cô đã hất văng cô qua đồng tuyết. Cú đánh thứ hai làm tê liệt cánh tay cô, bình xịt hơi cay lăn khỏi bàn tay không còn cảm giác. Cú đánh thứ ba đập nát xương bánh chè bên trái; cơn đau đớn làm nghẹn tắc tiếng thét trong cổ họng cô, khiến các mạch máu phồng lên trên làn da cổ nhợt nhạt vì mùa đông. Cô thấy hấn giơ lên cây gậy đánh bóng chày bằng gỗ trong ánh đèn đường vàng vọt. Giờ thì cô nhận ra hấn rồi, chính là người đàn ông cô đã thấy quay người lại bên ngoài Fru Hagen. Người cảnh sát trong cô nhận thấy hấn đang mặc một áo khoác màu xanh ngấn, đi ủng đen và đội mũ lính đen. Cú đánh đầu tiên vào đầu hủy hoại dây thần kinh thị giác, và bây giờ tất cả những gì cô thấy chỉ là một màn đêm đen kịt.

40% chim chích bở giậu sống sót, cô nghĩ. Mình sẽ sống qua được mùa

đông này.

Những ngón tay của cô mò mẫm trong tuyết tìm thứ gì đó để bám víu. Cú đánh thứ hai đánh vào sau đầu cô.

Không còn phải đi xa nữa rồi, cô nghĩ. Mình sẽ sống qua được mùa đông này.

• • •

Harry dừng xe cạnh đường xe vào nhà của Rakel Fauke tại Holmenkollveien. Ánh trắng bạc khoác lên làn da cô một ánh lấp lánh nhàn nhạt, như không có thực. Và ngay cả từ cảnh tranh tối tranh sáng trong xe anh vẫn thấy được từ đôi mắt cô rằng cô đã rất mệt.

“VẬY LÀ XONG NHI,” Fauke nói.

“Ừ XONG RỒI,” Harry đáp.

“Tôi rất muốn mời anh lên nhà, nhưng...”

Harry cười. “Tôi cho rằng Oleg sẽ không thích chuyện đó đâu.”

“Oleg ngủ ngon rồi, nhưng tôi đang nghĩ đến bảo mẫu của nó cơ.”

“Bảo mẫu?”

“Bảo mẫu của Oleg là con gái của một người nào đó ở POT. Xin đừng hiểu nhầm tôi, nhưng tôi không muốn có bất kỳ đồn đại nào ở cơ quan.”

Harry nhìn chăm chăm vào các thứ trên bảng đồng hồ. Lốp kính trên công tơ mét đã rạn vỡ, anh nghĩ rằng cầu chì cho đèn báo mức dầu đã hỏng.

“Oleg là con trai cô?”

“Đúng. Anh nghĩ gì vậy?”

“À, hình như tôi đã tưởng cô nói về người yêu.”

“Người yêu nào?”

Bộ sạc điện 12V trên xe chắc là bị vứt đi hoặc bị chôm mất cùng bộ radio rồi.

“Tôi sinh Oleg khi tôi còn ở Moscow,” cô nói. “Bố nó và tôi đã chung

sống với nhau được hai năm.”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

Cô nhún vai.

“Chẳng có chuyện gì cả. Chỉ là chúng tôi không yêu nhau nữa. Rồi tôi quay về Oslo.”

“Vậy cô là...”

“Một người mẹ đơn thân. Còn anh thì sao?”

“Độc thân. Chỉ độc thân thôi.”

“Trước khi anh bắt đầu làm với chúng tôi, có người đã nói điều gì đó về anh và cô bé chung văn phòng với anh ở Đội Hình sự.”

“Ellen à? Không. Chúng tôi chỉ là hợp nhau thôi. Hợp nhau. Cô ấy thì thoảng vẫn còn giúp tôi.”

“Trong việc gì?”

“Vụ án tôi đang theo.”

“Ồ tôi hiểu rồi, vụ án.”

Cô lại nhìn đồng hồ đeo tay. “Tôi giúp cô mở cửa nhé?” Harry hỏi.

Cô mỉm cười, lắc đầu và đưa vai xô mạnh. Cánh cửa kêu rít nơi mấy bản lề khi bật tung ra.

Những con dóc Holmenkollen rất yên tĩnh, ngoại trừ tiếng xào xạc dịu dàng của những cây linh sam. Cô đặt một chân lên lớp tuyết bên ngoài.

“Chúc ngủ ngon, Harry.”

“Một câu nữa thôi.”

“Vâng?”

“Khi tôi đến đây lần trước, tại sao cô không hỏi tôi muốn biết điều gì ở cha cô?”

“Thói quen nghề nghiệp thôi. Tôi không hỏi về những vụ án tôi không tham gia.”

“Mà cô cũng không tò mò ư?”

“Tôi luôn luôn tò mò. Chỉ là tôi không hỏi. Về chuyện gì thế?”

“Tôi đang tìm kiếm một cựu chiến binh mà có thể cha cô biết tại Mặt trận phía Đông. Người đàn ông đặc biệt này đã mua một khẩu súng trường Marklin. À này, cha cô chẳng có vẻ gì cay đắng cả khi tôi nói chuyện với ông ấy.”

“Dự án viết sách dường như khiến ông ấy thích thú. Đến chính tôi cũng ngạc nhiên.”

“Có lẽ một ngày nào đó hai người sẽ lại gần gũi nhau.”

“Có lẽ,” cô đáp.

Bốn mắt họ giao nhau, gần như níu giữ lấy nhau và không buông ra được. “Bây giờ chúng ta đang tán tỉnh à?” cô hỏi. “Khả năng cao là không phải đâu.”

Anh vẫn thấy đôi mắt tươi cười của cô thật lâu sau khi đỗ xe trái phép tại Bislett, đuổi con quỷ xuống gầm giường lại, ngủ thiếp đi mà không nhận thấy ánh đèn đỏ nhỏ nhấp nháy trên máy trả lời tự động.

• • •

Sverre Olsen khẽ đóng cửa lại sau lưng, cởi giày và rón rén lên cầu thang. Hắn bỏ cách cái bậc mà hắn biết sẽ tạo nên tiếng cọt két, nhưng hắn cũng hiểu làm thế cũng chỉ phí công.

“Sverre?”

Tiếng quát vọng đến từ cánh cửa vào phòng ngủ để mở. “Gì thế mẹ?”

“Mày đã đi đâu thế?”

“Ra ngoài thôi mà mẹ. Giờ con đi ngủ đây.”

Hắn bịt chặt hai tai để khỏi nghe những lời nói của bà; không ít thì nhiều hắn biết bà sẽ nói gì. Chúng rơi xuống như một trận mưa bùn tuyết rồi tan biến ngay khi chạm đất. Rồi hắn đóng cửa phòng lại và được một mình. Hắn nằm xuống giường, nhìn chằm chằm lên trần nhà và ngẫm lại chuyện đã xảy ra. Giống như một cuộn phim. Hắn nhắm nghiền mắt, cố chặn nó lại bên

ngoài, nhưng cuốn phim vẫn chạy.

Hắn không biết cô ta là ai. Theo sắp xếp, Hoàng Tử đã gặp hắn tại quảng trường Schous và chúng đã lái xe đến con phố nơi cô ta sống. Chúng đỗ sao để từ căn hộ của cô ta nhìn ra không thấy, nhưng chúng vẫn có khả năng nhìn thấy cô ta nếu cô ta rời khỏi tòa nhà. Hoàng Tử đã nói chuyện này có thể mất cả đêm, bảo hắn thư giãn đi, bật cái thứ nhạc của tên da đen chết tiệt kia lên và hạ lưng ghé xuống. Nhưng chỉ mới được nửa tiếng thì cửa trước bật mở và Hoàng Tử nói, “Cô ta đấy.”

Sverre đã phóng như bay đuổi theo cô ta, nhưng hắn không bắt kịp cho đến khi họ đi vào con phố tối và xung quanh họ có quá nhiều người. Bất chợt cô ta quay lại và nhìn thẳng vào mặt hắn. Trong một lúc hắn chắc chắn mình đã bị nghi ngờ, rằng cô ta đã thấy cái gậy bóng chày trong tay áo hắn thò ra ngoài cổ áo khoác. Hắn đã khiếp đảm tới mức không thể kiểm soát được những cơn co giật trên mặt, nhưng sau đó khi cô ta chạy ra khỏi siêu thị 7-Eleven, nỗi khiếp sợ đã biến thành cơn phẫn nộ. Hắn còn nhớ, vậy mà cũng không còn nhớ các chi tiết từ khi họ đứng dưới ánh đèn trên lối đi. Hắn biết đã xảy ra chuyện gì nhưng cứ như thể các mảnh ghép đã bị lấy đi hết, như một trò đồ vui trên ti-vi, ta được cho các mảnh ghép của bức tranh và phải đoán đó là tranh gì.

Hắn lại mở mắt ra. Nhìn trùng trùng tấm thạch cao lồi lên trên trần nhà. Khi nào hắn có tiền, hắn sẽ thuê một thợ xây sửa sang lại chỗ dột mà mẹ hắn đã ca cẩm với hắn từ lâu rồi. Hắn cố suy nghĩ về chuyện sửa mái nhà, nhưng hắn biết đó là vì hắn đang cố gắng xua đi những ý nghĩ khác. Hắn biết có chuyện không ổn. Lần này thì khác rồi. Không giống với thằng mất một mí trong quán Dennis Kebab. Cô gái này là phụ nữ Na Uy bình thường. Mái tóc ngắn màu nâu, đôi mắt xanh. Cô ta cũng có thể như em gái hắn. Hắn cố gắng nhủ đi nhủ lại với mình điều Hoàng Tử đã khắc sâu vào đầu hắn: hắn là một quân nhân, đó là vì Sự nghiệp.

Hắn nhìn bức ảnh hắn đã ghim lên tường dưới ngọn cờ trên có dấu thập

ngoặc. Tấm ảnh của Chỉ huy trưởng Lực lượng SS kiêm Giám đốc Cảnh sát Đức Hienrich Himmler đang nói chuyện trên bục khi ông ta đến Oslo vào năm 1941. Ông ta đang nói chuyện với những người tình nguyện Na Uy tuyên thệ cho Lực lượng Vũ trang ss. Bộ quân phục màu xanh lá. Hai chữ SS in trên cổ áo. Vidkun Quisling đứng ở hậu trường. Himmler. Một cái chết xứng đáng, ngày 23 tháng Năm năm 1945. Tụ sát.

“Chó chết!”

Sverre đặt chân xuống sàn nhà, đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại không ngừng.

Hắn dừng lại trước một tấm gương cạnh cửa ra vào. Ôm đầu. Rồi hắn lục soát các túi áo khoác. Mẹ kiếp, xảy ra chuyện gì với cái mũ lính rồi? Trong một lúc, cơn hoảng hốt xâm chiếm hắn khi tự hỏi có phải hắn đã bỏ quên nó cạnh cô ta trong tuyết không, nhưng rồi hắn nhớ lại mình đã đội nó khi quay lại xe của Hoàng Tử. Hắn thở phò.

Hắn đã vứt bỏ cây gậy đánh bóng chày như Hoàng Tử đã dặn. Lau sạch sẽ các dấu vân tay và ném nó xuống sông Akerselva. Bây giờ chỉ là vấn đề nấu mình và đợi xem chuyện gì sẽ diễn ra. Hoàng Tử đã nói hắn sẽ giải quyết mọi thứ, như hắn ta đã làm trước kia. Sverre không biết Hoàng Tử làm việc ở đâu, nhưng rõ ràng hắn ta có các mối liên hệ tốt với cảnh sát. Hắn cởi quần áo trước gương. Những hình xăm của hắn có màu xám dưới ánh trắng khi trăng chiếu xuyên qua các bức rèm. Hắn sờ huân chương chữ thập sắt đeo quanh cổ.

“Con điếm,” hắn lầm bầm. “Con điếm chó chết!”

Khi cuối cùng hắn cũng ngủ thiếp đi, ở phía Đông mây đã bắt đầu kéo về.

*Hamburg.**Ngày 30 tháng Sáu năm 1944.*

“Helena yêu dấu nhất đời của anh,

Anh yêu em nhiều hơn cả chính bản thân mình. Giờ em biết điều đó rồi. Cho dù chúng ta chỉ có một khoảng thời gian ngắn ngủi bên nhau, và em còn cả một cuộc đời dài và hạnh phúc ở trước mắt (anh biết em sẽ cố!), anh hy vọng em sẽ không bao giờ hoàn toàn quên anh. Ở đây đang là buổi tối. Anh đang ngồi ở nơi đóng quân say ngủ bên một bến cảng ở Hamburg, và bom đang rơi xuống ở ngoài kia. Anh chỉ có một mình. Những người khác đang trú trong các boong ke và hầm. Chẳng có điện, tuy nhiên hỏa lực đang bắn dữ dội ở ngoài kia cho anh quá đủ ánh sáng để viết thư.

Bọn anh phải xuống tàu trước khi đến. Hamburg vì các đường sắt đêm trước đã bị đánh bom, họ chất bọn anh lên hết các xe tải và đưa đến thành phố. Chào đón bọn anh là một quang cảnh khủng khiếp. Cứ hai ngôi nhà lại có một nhà dường như biến thành đồng gạch vụn, những con chó lượn lờ dọc theo đồng rác rưởi đang bốc khói, đâu đâu anh cũng trông thấy những đứa trẻ hốc hác, gầy gò xương áo quần rách rưới nhìn chăm chặp các xe tải, những đôi mắt mở to trống rỗng. Anh đã đi qua Hamburg trên đường đến Sennheim chỉ mới hai năm trước, nhưng giờ đây nơi này hầu như không thể nhận ra được nữa. Lúc đó anh đã nghĩ Elbe là dòng sông đẹp nhất anh từng thấy, nhưng bây giờ những mảnh ván và vật trôi nổi lênh bênh từ con tàu bị đắm trôi qua trong dòng nước màu nâu bần thiu, và anh nghe có người nói

nước sông đã bị nhiễm độc bởi bao xác chết lênh bênh trong đó. Người ta cũng đang nói về chuyện có thêm nhiều trận đánh bom về đêm nữa và đang chạy khỏi thành phố bằng mọi cách có thể. Anh dự định bắt tàu hỏa đến Copenhagen vào đêm nay, nhưng các tuyến đường sắt về phía Bắc cũng đã bị đánh bom.

Anh xin lỗi em vì thứ tiếng Đức khủng khiếp của mình. Như em có thể thấy, tay anh cũng hơi không vững, nhưng đó là vì những trái bom đang khiến toàn bộ ngôi nhà này rung chuyển. Và không phải bởi vì anh sợ. Anh phải sợ cái gì chứ? Từ chỗ đang ngồi anh chứng kiến một hiện tượng anh đã được nghe nói đến, nhưng anh chưa bao giờ thấy - một trận bão lửa. Những ngọn lửa bên kia bên cảng dường như hút hết mọi thứ. Anh có thể thấy thanh gỗ rời và cả mái lợp tấm chì bị bốc đi, bay vào trong những ngọn lửa. Và mặt biển - nó đang sôi! Hơi nước đang bốc lên từ bên dưới những cây cầu đằng kia. Nếu một kẻ tội nghiệp nào đó đang cố gắng nhảy xuống nước để tránh bom, họ cũng sẽ bị chiên sống. Anh mở cửa sổ và cảm thấy như thể không khí đã bị rút cạn ôxy. Và rồi anh nghe thấy tiếng gầm rú - như thể ai đó đang đứng trong những ngọn lửa gào lên. “Cháy nữa đi, nữa đi, nữa đi.” Thật phi thường và kinh hoàng, đúng vậy, nhưng cũng hấp dẫn đến lạ lùng.

Trái tim anh ngập tràn tình yêu đến mức anh cảm thấy mình không dễ bị tổn thương - nhờ có em đây, Helena. Nếu một ngày nào đó em có con cái (anh biết em muốn có con và anh muốn em sinh con), anh muốn em kể cho chúng nghe những câu chuyện về anh. Hãy kể những câu chuyện ấy như chuyện thần tiên, vì chúng là như vậy - những chuyện thần tiên có thực. Anh đã quyết định đêm nay sẽ ra ngoài để xem anh sẽ tìm thấy gì, anh sẽ gặp gỡ ai. Anh sẽ để lại lá thư trong bi đông nước bằng kim loại của anh ở trên bàn. Anh đã khắc nguệch ngoạc tên em và địa chỉ lên bi đông bằng lưỡi lê của anh, như thế những ai tìm thấy nó sẽ biết phải làm gì.

Uriah yêu dấu của em.

PHẦN 5
BẢY NGÀY

Phó Jens Bjelkes.

Ngày 12 tháng 3 năm 2000

“Chào, đây là máy trả lời tự động của Ellen và Helge. Vui lòng để lại lời nhắn!”

“Chào Ellen, Harry đây. Như cô có thể nghe thấy, tôi vừa uống rượu và tôi xin lỗi. Thật đấy. Nhưng nếu tôi có tỉnh táo, có lẽ bây giờ tôi sẽ không gọi cho cô thế này đâu. Cô biết mà, tôi chắc chắn. Hôm nay tôi đã đến hiện trường vụ án. Cô đang nằm ngửa trong tuyết cạnh một lối đi dọc theo Akerselva. Một cặp tình nhân trẻ đang trên đường đến dự buổi khiêu vũ tại Bla ngay sau nửa đêm đã phát hiện ra cô. Nguyên nhân tử vong: những tổn thương nặng ở phần phía trước não do những cú đánh mạnh bằng một dụng cụ tù. Cô cũng bị đánh vào phía sau đầu và sọ có ba chỗ bị nứt, cũng như xương bánh chè bên trái bị giập nát và có những dấu hiệu bị đánh bên vai phải. Chúng tôi cho rằng cùng một thứ công cụ đã gây ra tất cả những tổn thương này. Bác sĩ Blix ước đoán thời gian chết vào khoảng từ mười một giờ đến mười hai giờ đêm. Dường như cô... Tôi... Đợi chút đã.

“Xin lỗi. Đúng. Đơn vị Điều tra Hiện trường đã tìm thấy khoảng hai mươi dấu ingerprint khác nhau trong tuyết trên lối đi, và hai dấu trong tuyết bên cạnh cô, nhưng hai dấu vết này đã bị đá tung đi, khả năng là có chủ ý xóa dấu vết. Đến giờ này vẫn chưa có nhân chứng nào ra khai báo, nhưng như thường lệ chúng tôi đã làm vài vòng hỏi thăm hàng xóm. Một vài ngôi nhà nhìn thẳng ra lối đi này, nên Kripós nghĩ có khả năng ai đó đã thấy cái gì đó. Riêng tôi

thì nghĩ những cơ hội này là bằng không. Cô thấy đấy, có phần chiếu lại *Cuộc thám hiểm Robinson* trên truyền hình Thụy Điển từ 11 giờ 15 đến 12 giờ 15. Đùa thôi. Tôi đang cố tỏ ra hài hước, cô có nghe thấy không? À phải rồi, chúng tôi tìm thấy một chiếc mũ đen cách chỗ cô đang nằm vài mét. Trên mũ còn vương những vệt máu. Nếu đó là máu của cô thì cái mũ này có thể là của kẻ sát nhân. Chúng tôi đã gửi mẫu máu này đi phân tích, và chiếc mũ đang nằm ở phòng giám định pháp y để họ kiểm tra mẫu tóc và các mẫu da. Nếu thằng cha này chưa bị hỏi thì tôi hy vọng đầu hắn có gàu. Ha, ha. Cô vẫn chưa quên Ekmen và Friesen, đúng không? Tôi vẫn chưa tìm thêm được đầu mối nào cho cô, nhưng nếu cô tìm được bất kỳ cái gì nhớ cho tôi biết nhé. Còn gì khác nữa không? Đúng rồi, có. Helge đã tìm được mái ấm mới cùng tôi. Tôi biết đây là sự thay đổi theo chiều hướng tồi hơn, nhưng với tất cả chúng tôi đều vậy, Ellen. Cô thì là ngoại lệ, có lẽ. Giờ tôi sẽ uống tiếp và ngẫm nghĩ về chính điều đó.”

Phố Jens Bjelkes.

Ngày 13 tháng 3 năm 2000

“Chào, đây là máy trả lời tự động của Ellen và Helge. Vui lòng để lại lời nhắn.”

“Chào, lại là Harry đây. Hôm nay tôi không đi làm nhưng vẫn gọi cho bác sĩ Blitz. Tôi rất vui sướng khi có thể nói với cô rằng cô không bị tấn công tình dục, và theo như chúng tôi có thể khẳng định, tất cả đồ dùng gián dị của cô đều không bị động đến. Như thế nghĩa là chúng tôi không nắm được động cơ, cho dù có thể có những lý do để hấn không hoàn thành được những gì hấn đã vạch ra. Hoặc tại sao hấn không thể buộc mình làm điều đó. Hôm nay hai nhân chứng thuật lại đã nhìn thấy cô bên ngoài Fru Hagen. Một khoản thanh toán từ thẻ của cô ghi lúc 22 giờ 55 tại siêu thị 7-Eleven ở Markveien. Chàng Kim của cô đã có mặt ở đồn để thẩm vấn cả ngày. Anh ta nói rằng cô đang trên đường đến nhà anh ta và anh ta đã nhờ cô mua thuốc lá. Một nhân viên của Kripos bám vào chi tiết cô đã mua một nhãn hiệu khác với loại bạn trai cô hút. Ngoài ra, anh chàng của cô không có bằng chứng ngoại phạm. Tôi xin lỗi, Ellen, nhưng vào lúc này anh ta là nghi phạm chính của họ.

“À mà tôi vừa có khách đến thăm. Cô ấy tên là Rakel và làm việc cho POT. Cô ấy ghé qua để xem tôi thế nào, cô ấy nói vậy. Cô ấy đã ngồi đây một lúc, cho dù chúng tôi chẳng nói gì nhiều. Rồi cô ấy ra về. Tôi không nghĩ mọi chuyện tiến triển tốt.

“Helge gửi lời chào nhé.”

Phố Jens Bjelkes.

Ngày 14 tháng 3 năm 2000

“Chào, đây là máy trả lời tự động của Ellen và Helge. Vui lòng để lại lời nhắn.”

“Giờ là tháng Ba lạnh lẽo nhất trong ký ức của người còn sống. Nhiệt kế chỉ mười tám độ âm và các cửa sổ trong khu nhà đều từ cuối thế kỷ trước. Quan niệm phổ biến cho rằng ta không đóng băng khi say rượu là ý kiến sai lầm hoàn toàn. Ali, hàng xóm của tôi, đã gõ cửa phòng tôi sáng nay. Hóa ra hôm qua khi về nhà tôi đã ngã cầu thang thật kinh khủng, và anh ta đã đỡ tôi lên giường.

“Chắc khi tôi đi làm thì đã quá giờ ăn trưa vì khi tôi xuống căng tin làm cốc cà phê sáng thì thấy ở đó đã đầy người. Tôi có cảm tưởng họ đang nhìn tôi chằm chằm, nhưng có lẽ tôi chỉ tưởng tượng ra thế. Tôi nhớ cô kinh khủng, Ellen ạ.

“Tôi đã kiểm tra hồ sơ của bạn cô. Tôi thấy anh ta đã phải nhận một án nhẹ vì tội sở hữu nhựa cần sa. Kripos vẫn nghĩ rằng anh ta là hung thủ. Tôi chưa hề gặp anh ta, có Chúa chứng giám, tôi không phán xét người qua tính cách, nhưng qua những gì cô kể cho tôi nghe về anh ta thì tôi không nghĩ anh ta là người như thế. Cô có đồng ý không? Tôi đã gọi cho Phòng Giám định Pháp y và họ nói rằng họ không tìm thấy sợi tóc nào bám trên mũ, chỉ có mấy mẩu da thôi. Họ đang gửi chúng đi xét nghiệm ADN và sẽ có kết quả trong vòng bốn tuần. Cô có biết một người trưởng thành rụng mấy sợi tóc

mỗi ngày không? Tôi kiểm tra rồi. Gần 150 sợi. Vậy mà trên cái mũ đó chẳng có sợi tóc nào. Sau đó, tôi xuống chỗ Maller và đề nghị ông kiểm một danh sách phác thảo tất cả đàn ông đã bị tuyên án về tội gây đau đớn trầm trọng về thể xác (GBH) trong bốn năm qua và hiện đã cạo trọc đầu.

“Rakel có đến chỗ văn phòng tôi mang theo cuốn sách *Những chú chim nhỏ của chúng ta*. Một cuốn sách lạ lùng. Cô có nghĩ Helge thích hạt kê không? Bảo trọng nhé!”

Phố Jens Bjelkes.

Ngày 15 tháng 3 năm 2000

“Chào, đây là máy trả lời tự động của Ellen và Helge. Vui lòng để lại lời nhắn.”

“Hôm nay họ đã chôn cất cô. Tôi không có mặt ở đó. Bố mẹ cô xứng đáng được nhận một nghi lễ tưởng niệm cao quý mà hôm nay tôi lại không được chinh tề cho lắm, nên thay vì vậy tôi nghĩ về cô ở quán Schrader. Lúc tám giờ tối qua tôi lên xe và lái đến Holmenkollveien. Đó không phải là một ý hay. Rakel lúc đó đang có khách, cũng là gã tôi đã thấy đến đây hôm trước. Gã tự giới thiệu là gì đó bên Bộ Ngoại giao và tạo ấn tượng rằng gã đang có công việc ở đó. Tôi nghĩ tên gã là Brandhaug. Rakel dường như không vui lắm khi có gã đến thăm, nhưng có lẽ một lần nữa tất cả chỉ tại tôi. Nên tôi rút lui thật nhanh trước khi chuyện trở nên quá ngượng nghịu. Rakel cứ nài nỉ tôi bắt taxi. Nhưng lúc này nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi có thể thấy chiếc Escort đỗ trên đường, nên hẳn là tôi đã không làm theo lời khuyên của cô ấy.

“Như cô biết đấy, mọi thứ ngay lúc này đây hơi hỗn loạn một chút. Nhưng ít ra tôi cũng đã đến cửa hàng thú cưng và mua một ít hạt cho chim. Cô gái đứng sau quầy thanh toán khuyên tôi nên dùng thử thức ăn cho chim của Trill, nên tôi mua loại đó luôn.”

Phố Jens Bjelkes.

Ngày 16 tháng 3 năm 2000

“Chào, đây là máy trả lời tự động của Ellen và Helge. Vui lòng để lại lời nhắn!”

“Hôm nay tôi đã đi bộ đến quán Ryktet. Nó cũng gần giống quán Schreder. Ít nhất họ cũng không nhìn ta với ánh mắt buồn cười khi ta gọi một bia Pils cho bữa sáng. Tôi ngồi ở bàn cùng một lão già và sau một hồi cố gắng chúng tôi cũng đã bắt đầu trò chuyện. Tôi hỏi lão ta rằng lão ta hận Even Juul về chuyện gì. Lão ta ném sang tôi một cái nhìn thật lâu và dò xét; rõ ràng lão không nhận ra tôi từ lần trước tôi đến đây. Nhưng sau khi mua cho lão một cốc bia, tôi đã biết được toàn bộ câu chuyện. Lão già này đã chiến đấu tại Mặt trận phía Đông - tôi đã đoán ra điều này rồi - và lão ta quen biết vợ của Juul, là Signe, từ khi bà ấy là y tá ở đó. Bà ấy tình nguyện làm y tá vì bà ấy đã đính hôn với một người lính của trung đoàn Norge. Juul để ý đến bà ấy khi bà ấy bị buộc tội phản quốc vào năm 1945. Bà ấy phải nhận án hai năm nhưng bố của Juul lúc đó nắm chức vụ cao trong đảng Xã hội, đã dàn xếp để bà được thả chỉ sau có vài tháng. Khi tôi hỏi lão già ấy tại sao chuyện đó lại làm lão phiền lòng đến thế, lão ta lẩm bẩm rằng Juul không phải là vị thánh như vẻ bề ngoài. Đó chính xác là từ lão ta dùng - “vị thánh”. Lão ta nói rằng Juul giống như tất cả các sử gia khác - ông ấy đã viết những chuyện bịa đặt về Na Uy trong chiến tranh theo cách những kẻ chiến thắng muốn chúng được trình bày. Lão ta không thể nhớ tên vị hôn phu đầu

tiên của bà ấy, chỉ biết rằng anh ta cũng là một kiểu anh hùng đối với những người khác trong trung đoàn.

“Sau đó tôi đã đến sở làm. Kurt Meirik ghé qua gặp tôi. Ông ta chẳng nói gì cả. Tôi đã gọi cho Bjame Moller và ông ấy thông báo rằng có ba mươi bốn cái tên trong danh sách tôi đã yêu cầu. Tôi tự hỏi, có phải đàn ông không có tóc để có xu hướng bạo lực hơn không? Mà dù sao thì Moller cũng đã cử một sĩ quan đang làm nhiệm vụ đi gọi một vòng, kiểm tra các chứng cứ ngoại phạm để giảm con số này xuống. Từ báo cáo sơ bộ tôi có thể thấy rằng Tom Waaler đã chở cô về nhà và khi hấn thả cô xuống vào lúc 22 giờ 15 thì cô có tâm trạng bình tĩnh. Hấn cũng chứng thực rằng cô đã nói về những chuyện linh tinh. Tuy nhiên, khi cô gửi tin nhắn cho tôi vào lúc 22 giờ 16 phút căn cứ theo công ty viễn thông Telenor - nói cách khác là ngay sau khi cô vào nhà - rõ ràng cô đã khá háo hức muốn cho tôi biết cô đang lần ra cái gì đó. Tôi nghĩ rằng điều đó thật lạ lùng. Bjame Moller không nghĩ vậy. Có lẽ chỉ tôi nghĩ thế thôi..

“Liên lạc với tôi sớm nhé, Ellen.”

Phố Jens Bjelkes.

Ngày 17 tháng 3 năm 2000

“Chào, đây là máy trả lời tự động của Ellen và Helge. Vui lòng để lại lời nhắn.”

“Hôm nay tôi không đi làm. Ngoài trời là mười hai độ âm, trong căn hộ cũng chẳng ấm hơn là bao. Điện thoại reo cả ngày và khi cuối cùng tôi cũng quyết định nhấc máy thì đó là bác sĩ Aune. Aune là một người đàn ông tốt, so với một nhà tâm lý học; ít nhất thì ông không cư xử như thể mình ít bồi rối hơn tất cả chúng ta, ta. Luận điểm cũ rích của Aune rằng cơn ác mộng của mỗi kẻ nghiện rượu bắt đầu ở nơi mà tiệc rượu kết thúc là một cảnh báo quan trọng, dù không nhất thiết là đúng. Ông ta thấy ngạc nhiên khi lần này tôi không ít thì nhiều cũng tỉnh táo. Mọi thứ đều tương đối. Aune còn nói về một nhà tâm lý học Mỹ đã phát hiện ra cuộc sống mà chúng ta đang trải qua mang tính di truyền ở một mức độ nhất định. Khi chúng ta đảm nhận vai trò của bố mẹ chúng ta, cuộc sống của chúng ta sẽ bắt đầu tương tự với cuộc sống của họ. Bố tôi đã lui về ẩn dật sau khi mẹ tôi mất, và bây giờ Aune thấy sợ rằng tôi cũng sẽ như thế vì vài trải nghiệm khó khăn tôi đã trải qua - sự cố bắn người tại Virtderen, cô biết rồi. Rồi ở Sydney nữa. Và bây giờ là vụ này. Đúng. Tôi vừa kể cô nghe về sự việc mỗi ngày của mình, nhưng tôi cũng phải bật cười khi bác sĩ Aune bảo với tôi rằng Helge, cái con sẻ ngô lớn ấy, đang giúp tôi không ruồng bỏ đời mình. Như tôi đã nói, Aune là một người tốt, nhưng lẽ ra ông ta nên giảm bớt mấy chuyện tâm thần ấy đi.

“Tôi đã gọi cho Rakel và mời cô ấy đi chơi. Cô ấy nói rằng sẽ suy nghĩ rồi gọi lại cho tôi. Tôi không biết tại sao tôi lại làm vậy với mình.”

Phố Jens Bjelkes.

Ngày 18 tháng 3 năm 2000

“... là thông báo của Telenor. Số điện thoại quý khách vừa gọi không còn tồn tại. Đây là thông báo của Telenor. Số điện thoại...”

PHẦN 6
BATHSHEBA(*)

Văn phòng Moller.

Ngày 25 tháng Tư năm 2000.

Đợt tấn công đầu tiên của mùa xuân đến muộn. Mãi đến cuối tháng Ba các máng nước mới bắt đầu chảy ùng ục và tràn trề. Đến tháng Tư thì toàn bộ tuyết đã tan hết cho đến tận Sognsvann. Nhưng rồi mùa xuân lại phải rút lui. Tuyết xoay xoay rơi xuống rồi nằm thành từng đụn lớn, thậm chí giữa trung tâm thành phố, rồi hàng tuần trôi qua mặt trời mới làm chúng tan ra trở lại. Phân chó và rác thải từ năm ngoái bốc mùi đầy trên phố; gió tăng tốc thổi vù vù qua những quãng rộng trên đường Gronlandsleriet và Galleri Oslo, cuốn tung cát khiến khách bộ hành đi qua phải dụi mắt và khạc nhổ. Chủ đề bàn tán trong thành phố là về người mẹ đơn thân có thể trở thành hoàng hậu một ngày nào đó(*), giải vô địch bóng đá châu Âu và thời tiết trái mùa. Tại Sở Cảnh sát, chủ đề là người ta sẽ làm gì vào ngày Lễ Phục sinh, lương tăng không đáng kể và họ vẫn cứ tiếp tục như thể mọi thứ vẫn thế.

Mọi thứ không còn như xưa nữa.

Harry ngồi trong văn phòng, hai chân gác lên bàn, nhìn ra một ngày không mây, các bà về hưu đội những chiếc mũ xấu xí ra đường vào buổi sáng chiếm trọn vỉa hè, những xe tải giao hàng chạy vượt đèn vàng, tất cả những chi tiết nhỏ ấy phủ lên thành phố cái vỏ bình thường giả tạo. Anh tự hỏi về điều đó đã một thời gian rồi - liệu anh có phải là người duy nhất không cho phép mình bị lừa bịp không. Ellen được chôn cất đến nay đã sáu tuần rồi, nhưng khi nhìn ra ngoài trời, anh không nhận thấy có sự thay đổi

nào.

Có tiếng gõ cửa. Harry không đáp, nhưng vẫn ra mở cửa. Đó là sếp Đội Hình sự, Bjame Moller.

“Tôi nghe nói cậu đã trở lại.”

Harry nhìn một xe buýt màu đỏ lướt vào trong bến đỗ. Quảng cáo bên thân xe là cho Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Storebrand.

“Sếp, nói tôi nghe xem,” anh hỏi, “tại sao họ lại gọi là bảo hiểm nhân thọ khi rõ ràng họ bảo hiểm cái chết?”

Moller thở dài và ghé ngồi bên mép bàn. “Tại sao cậu không kiếm thêm một cái ghế trong đây, Harry?”

“Nếu người ta không ngồi xuống, người ta sẽ vào vấn đề nhanh hơn.” Anh vẫn đang nhìn chăm chăm ra cửa sổ.

“Chúng tôi không thấy cậu có mặt ở đám tang, Harry.”

“Tôi cũng đã thay đồ rồi!” Harry nói, với chính anh hơn là với Meller. “Tôi chắc chắn mình cũng đang trên đường đến rồi. Khi tôi ngược nhìn lên và bắt gặp quang cảnh tụ tập u sầu vây quanh tôi, tôi thậm chí còn suy nghĩ trong giây lát là tôi đã tới đó. Cho đến khi tôi thấy Maja đang đứng đó mặc tạp dề và chờ tôi gọi món.”

“Tôi cũng đoán chừng như thế.”

Một con chó lang thang qua bãi cỏ úa nâu, mũi gi sát đất đuôi vênh lên. Ít ra thì cũng có ai đó biết thưởng thức mùa xuân ở Oslo.

“Rồi chuyện gì xảy ra?” Meller hỏi. “Chúng tôi không gặp cậu cũng đã một thời gian rồi.”

Harry nhún vai.

“Tôi bận mà. Tôi có một khách trọ mới - một con chim sẻ ngô lớn còn một cánh. Và tôi đang ngồi nghe những tin nhắn cũ trên máy trả lời tự động. Hóa ra toàn bộ tin nhắn tôi đã không đọc suốt hai năm qua vừa một cuộn băng ba mươi phút. Và tất cả đều là của Ellen. Buồn thật, đúng không? Phải, có thể không buồn đến vậy. Điều đáng buồn duy nhất là tôi đã không có ở

nhà khi cô ấy gọi cho tôi lần cuối cùng. Sếp có biết rằng Ellen đã tìm ra hắn rồi không?”

Lần đầu tiên kể từ khi Moller bước vào Harry mới quay lại nhìn ông.

“Ông nhớ Ellen, đúng không?”

Moller thở dài.

“Tất cả chúng ta đều nhớ Ellen, Harry ạ. Và tôi còn nhớ tin nhắn cô ấy để lại trên máy trả lời tự động của cậu, và cậu đang nói với Kripos cậu nghĩ rằng chuyện này ám chỉ kẻ trung gian trong thương vụ buôn bán vũ khí. Chúng ta vẫn chưa tóm cổ được kẻ sát nhân không có nghĩa là chúng ta đã quên cô ấy, Harry. Kripos và Đội Hình sự đã triển khai được mấy tuần rồi, chúng tôi hầu như không hề ngủ. Nếu cậu đến làm việc, có lẽ cậu đã thấy chúng tôi làm việc vất vả thế nào.”

Moller ngay lập tức hồi hận vì những gì vừa nói. “Tôi không có ý...”

“Phải, sếp có đấy. Và dĩ nhiên, sếp nói đúng.”

Harry đưa hai tay lên vuốt mặt. “Đêm qua tôi đã lắng nghe một trong những tin nhắn của cô ấy. Tôi không hiểu tại sao cô ấy gọi tôi. Tin nhắn bao gồm đầy đủ lời khuyên về những gì cô ấy nghĩ tôi nên ăn, cuối cùng là nhắc nhở tôi cho những con chim nhỏ ăn uống, làm mấy bài tập vươn vai sau khi luyện tập và nhớ đến Ekman và Friesen. Sếp có biết Ekman và Friesen là ai không?”

Moller vẫn lắc đầu. “Họ là hai tay bác sĩ tâm lý đã phát hiện rằng khi ta mỉm cười, các cơ mặt của ta khởi động một số phản ứng hóa học trong não, tạo cho ta một thái độ tích cực hơn đối với thế giới xung quanh, khiến ta hài lòng hơn với sự tồn tại của mình. Điều họ đã làm là chứng minh một câu châm ngôn cũ rằng nếu ta mỉm cười với thế giới, cả thế giới sẽ mỉm cười lại với ta. Có một thời gian cô ấy đã khiến tôi tin vào điều đó.”

Anh nhìn lên Moller. “Buồn hay sao vậy?”

“Rất buồn.”

Họ cùng nhoẻn cười và ngồi mà không nói gì.

“Nhìn mặt sếp tôi thấy rằng sếp đến có chuyện muốn nói, sếp ạ. Chuyện gì thế?”

Moller nhảy xuống khỏi bàn, bắt đầu đi tới đi lui quanh phòng. “Danh sách ba mươi tư nghi phạm đầu trọc đã giảm xuống còn mười hai sau khi chúng tôi kiểm tra chứng cứ ngoại phạm. OK chưa?”

“OK rồi.”

“Chúng ta có thể xác định nhóm máu chủ sở hữu chiếc mũ từ các xét nghiệm ADN trên các mẫu da chúng ta tìm thấy. Bốn trong số mười hai kẻ đó có cùng nhóm máu. Chúng tôi đã lấy các mẫu máu từ bốn người này rồi gửi đi xét nghiệm ADN. Kết quả đã có vào ngày hôm nay.”

“Và?”

Văn phòng im bật. Tất cả những gì nghe được chỉ là tiếng đế giày cao su của Moller tạo nên tiếng rít khe khẽ mỗi khi ông quay người lại.

“Và Kripos đã bác bỏ giả thiết rằng bạn trai của Ellen làm điều đó?” Harry hỏi.

“Chúng tôi cũng kiểm tra ADN của cậu ấy rồi.”

“Thế nên chúng ta trở lại điểm xuất phát à?”

“Phải, không ít thì nhiều.”

Harry lại nhìn ra cửa sổ. Một đàn chim két cất cánh từ một cây du sum suê và bay về phía Tây, hướng đến khách sạn Plaza.

“Có lẽ cái mũ là cách đánh lạc hướng chúng ta,” Harry nói. “Tôi thấy vô lý khi một kẻ chẳng để lại dấu vết nào, biết cách xóa hết dấu ủng lại vụng về đến mức đánh rơi mũ, chỉ cách chỗ nạn nhân nằm có vài mét.”

“Có thể. Nhưng máu vương trên mũ là máu của Ellen. Chúng tôi đã khẳng định được chừng ấy.”

Harry chú ý vì con chó quay lại, nó lại hít ngửi theo đúng lối cũ. Nó dừng lại khoảng giữa đám cỏ, đứng đấy một lúc, mũi cắm xuống đất, ngáp ngừng, trước khi quyết định rẽ sang bên trái và mất hút.

“Chúng ta phải lần theo cái mũ.” Harry nói. “Và cả những lời kết tội,

kiểm tra xem bất kỳ ai đã bị đưa ra tòa hoặc bị buộc tội GBH t rong mười năm qua. Kể cả Akershus. Và chắc chắn rằng..!”

“Harry...”

“Chuyện gì?”

“Bạn không còn làm việc cho Đội Hình sự nữa rồi. Và thêm nữa, Kripos hiện đang làm cuộc điều tra này. Cậu đang đề nghị tôi giẫm lên chân họ đấy.”

Harry không nói câu nào. Chỉ chậm rãi gật đầu. Ánh mắt anh nhìn tập trung vào đầu đó tại Ekeberg.

“Harry?”

“Sếp có nghĩ sếp nên ở nơi nào khác không, sếp? Ý tôi là cứ nhìn cái mùa xuân chết tiệt này đi.”

Moller dừng chân bước và mỉm cười. “Vì cậu đã hỏi, tôi luôn nghĩ rằng Bergen có thể là một thành phố tuyệt vời để sống. Cho bọn trẻ và nhiều thứ nữa, cậu biết đấy.”

“Nhưng sếp vẫn là một cảnh sát chứ?”

“Dĩ nhiên.”

“Bởi vì những người như chúng ta chẳng giỏi làm việc gì khác, đúng không?”

Moller bẻ vai ra sau.

“Có lẽ là vậy.”

“Nhưng Ellen còn giỏi nhiều thứ khác nữa. Tôi thường nghĩ rằng thật phí phạm nguồn nhân lực khi để cô ấy làm công việc của cảnh sát. Đi bắt những thằng nhóc, con nhóc hư đốn. Việc ấy những kẻ như chúng ta làm là đủ, nhưng với cô ấy thì không. Sếp hiểu ý tôi không?”

Moller bước đến bên cửa sổ và đứng cạnh Harry. “Đến tháng Năm thời tiết sẽ tốt hơn nhiều,” ông nói.

“Ừ hử,” Harry đáp.

Đồng hồ trên tháp chuông nhà thờ Gremland điểm hai giờ.

“Tôi sẽ xem xem có cho Halvorsen biết về vụ này không,” Moller đáp.

*Bộ Ngoại giao.**Ngày 27 tháng Tư năm 2000.*

Kinh nghiệm lâu dài và đa dạng của Bernt Brandhaug với phụ nữ dạy ông rằng, trong những dịp hiếm hoi ông quyết định là có một phụ nữ ông không chỉ muốn, mà còn phải cố thì đó là vì một trong bốn lý do sau: cô ấy xinh đẹp hơn tất cả những người khác; cô ấy làm ông thỏa mãn về mặt tình dục hơn bất kỳ ai khác; cô ấy khiến ông cảm thấy mình là đàn ông hơn bất kỳ người nào khác; hoặc, căn bản hơn, cô ấy muốn một người khác.

Brandhaug nhận ra rằng Rakel Fauke chính là kiểu phụ nữ đó.

Ông đã gọi cho cô vào một ngày tháng Một viện có cần đánh giá về tùy viên quân sự mới của đại sứ quán Nga ở Oslo.

Cô bảo ông rằng cô có thể gửi bản ghi nhớ, nhưng ông cứ khăng khăng đòi báo cáo trực tiếp. Vì hôm đó là chiều thứ Sáu, ông đề nghị một cuộc gặp gỡ uống cốc bia tại quán bar trong khách sạn Continental. Nhờ vậy ông phát hiện ra cô là một người mẹ đơn thân. Thực ra cô đã từ chối lời mời, nói rằng cô phải đón con trai ở nhà trẻ, và ông vui vẻ hỏi, “Tôi cho rằng một phụ nữ ở thế hệ của cô phải có người đàn ông chăm lo những việc ấy chứ?”

Cho dù cô không đưa ra câu trả lời trực tiếp ông cũng đánh hơi được từ phản ứng của cô rằng không có mặt người đàn ông nào.

Khi gác máy, nói chung ông hài lòng với thành quả của mình, cho dù ông có hơi bực vì đã nói thế hệ của cô, và do đó nhấn mạnh sự khác biệt tuổi tác giữa họ.

Điều tiếp theo ông làm là gọi cho Kurt Meirik, kín đáo khai thác thông tin về cô Fauke. Chuyện ông cũng chẳng kín đáo cho lắm và Meirik nghi ngờ có âm mưu không hề làm ông bận lòng.

Meirik vẫn như thường lệ, biết nhiều thông tin. Rakel đã làm thông dịch viên thuộc phòng ban của Brandhaug trong hai năm tại đại sứ quán Na Uy ở Moscow. Cô đã kết hôn với một người Nga là giáo sư trẻ về công nghệ gen, anh này đã tấn công cô ở ạt và ngay lập tức biến lý thuyết thành thực hành khi làm cô mang thai. Tuy nhiên, chàng giáo sư này bẩm sinh đã mang một gen khiến anh ta mắc chứng nghiện rượu, kết hợp với tính ưa bằng tay chân, thế nên hạnh phúc vợ chồng của họ rất ngắn ngủi. Rakel Fauke đã không lặp lại sai lầm của nhiều chị em phụ nữ. Cô không đợi chờ, không tha thứ hay cố gắng hiểu; cô ẵm Oleg trên tay bước ra khỏi nhà ngay khi đòn đầu tiên giáng xuống. Chồng và gia đình chồng tương đối có thể lực kháng cáo đòi quyền nuôi dưỡng Oleg, mà nếu không nhờ quyền miễn trừ ngoại giao, hẳn cô đã không thể rời Nga cùng con trai.

Khi Meirik nói với ông rằng người chồng đã kiện cô ấy ra tòa, Brandhaug mơ hồ nhớ lại trát hậu tòa do một tòa án ở Nga tổng đạt đã đi qua khay đựng hồ sơ đến của ông. Nhưng vào thời điểm đó cô mới chỉ là một thông dịch viên, nên ông đã ủy thác toàn bộ chuyện này, chẳng buồn ghi nhớ tên cô vào đầu. Khi Meirik đề cập đến chuyện vụ kiện đòi quyền nuôi con vẫn đang dang dở giữa giới chức Nga và Na Uy, Brandhaug đột ngột kết thúc cuộc trò chuyện, gọi đến phòng pháp lý.

Cuộc gọi tiếp theo cho Rakel là lời mời đi ăn tối, lần này thì không cần viện cớ nữa. Trước lời từ chối lịch sự nhưng cương quyết của cô, ông bèn đọc cho đánh máy một lá thư gửi đến cô, có chữ ký của trưởng phòng pháp lý. Lá thư, viết vắn tắt, cho cô biết là Bộ Ngoại giao, do vụ việc này đã kéo dài quá lâu, giờ đang cố gắng đạt được một giải pháp mang tính thỏa hiệp với giới chức Nga về quyền nuôi dưỡng “vì sự chiếu cố nhân đạo đối với gia đình Nga của Oleg.” Vì điều này mà Rakel và Oleg buộc phải trình diện

trước tòa án Nga và tuân thủ theo phán quyết của tòa án.

Bốn ngày sau, Raket gọi điện cho Brandhaug xin được gặp ông vì chuyện riêng tư. Ông trả lời rằng mình bận, điều này thì đúng, và hỏi cô xem có thể hoãn gặp gỡ vài tuần được không. Khi mà, với một chút âm điệu the thé đằng sau giọng nói nghề nghiệp lịch sự, cô cầu xin ông cho gặp càng sớm càng tốt, và sau một hồi suy nghĩ lâu la, ông phát hiện ra ngày thứ Sáu lúc sáu giờ tại quầy bar khách sạn Continental là lựa chọn duy nhất. Khi đến đó, ông gọi một ly rượu gin pha tonic, trong khi cô giải thích vấn đề của mình với vẻ mà ông chỉ có thể cho là sự liều lĩnh cương quyết vốn có của người mẹ. Ông gật đầu trang trọng, cố gắng hết sức bày tỏ sự đồng cảm bằng ánh mắt, và cuối cùng bạo gan đặt bàn tay che chở như cha lên bàn tay cô. Cô đành lại, nhưng ông vẫn tiếp tục như chẳng có chuyện gì xảy ra, bảo cô rằng không may là ông không có tư cách bác bỏ các quyết định của trưởng phòng. Nhưng tất nhiên ông sẽ làm mọi thứ trong khả năng để cô không phải trình diện trước tòa án Nga. Ông cũng nhấn mạnh rằng, không quên thế lực chính trị của gia đình chồng cũ của cô, ông hoàn toàn chia sẻ với cô mối lo lắng rằng phán quyết của tòa án Nga có thể bất lợi cho cô. Ông ngồi đó, nhìn chằm chằm như thôi miên vào đôi mắt nâu đậm lệ của cô, và ông thấy dường như mình chưa bao giờ gặp bất kỳ cái gì vượt qua được sắc đẹp của cô. Tuy nhiên, khi ông đề nghị kéo dài buổi tối mà bao gồm cả bữa ăn trong nhà hàng, cô đã cảm ơn ông và chối từ. Phần còn lại của buổi tối, làm bạn với một ly whisky và truyền hình cáp, là một sự thất vọng.

Sáng hôm sau Brandhaug gọi cho đại sứ Nga giải thích rằng Bộ Ngoại giao Na Uy đã có cuộc thảo luận nội bộ về vụ giành quyền nuôi dưỡng Oleg Fauke-Gosev. Ông hỏi tay đại sứ có thể gửi cho ông bản cập nhật về mong muốn của giới chức Nga về vấn đề này? Đại sứ chưa từng nghe nói về vụ này, nhưng đã hứa đồng ý đề nghị của người đứng đầu Văn phòng Đối ngoại và còn gửi lá thư theo hình thức trát hầu tòa khẩn cấp. Một tuần sau lá thư trong đó người Nga đề nghị Raket và Oleg phải trình diện trước tòa án Nga

đến. Brandhaug ngay lập tức gửi một bản sao cho trưởng phòng pháp lý và một bản cho Rakel Fauke. Lần này cuộc điện thoại của cô đến một ngày sau đó. Sau khi lắng nghe cô, Brandhaug nói rằng cố gắng gây ảnh hưởng đến vấn đề này sẽ là trái với quy tắc xử sự ngoại giao của ông, và dù sao đi nữa thì họ thảo luận chuyện này qua điện thoại là đại đột.

“Như cô biết đấy, tôi không có con cái gì cả,” ông nói. “Nhưng theo những gì cô miêu tả về Oleg, có vẻ thằng bé là một đứa trẻ tuyệt vời.”

“Nếu ông mà gặp cháu, ông sẽ...” cô cất tiếng.

“Việc đó không nên biến thành rắc rối. Tình cờ tôi thấy trong thư từ liên lạc rằng cô sống tại Holmenkollveien, chỉ cách Nordberg có một đoạn thôi.”

Ông nhận thấy sự ngập ngừng ở đầu dây im lặng bên kia, nhưng ông cảm thấy thủy triều đang ở phía mình.

“Chín giờ tối mai thế nào?”

Một khoảng lặng thật lâu theo sau trước khi cô đáp. “Không có đứa trẻ lên sáu nào còn thức lúc chín giờ cả.”

Nên họ đồng ý thay vào đó là sáu giờ. Oleg có đôi mắt nâu giống hệt mẹ, là một thằng bé ngoan ngoãn. Tuy nhiên, Brandhaug thấy bực mình là mẹ nó không buông tha chủ đề trát hầu tòa cũng như không cho Oleg đi ngủ. Phải, ta có thể gần như nghi ngờ rằng cô đang giữ thằng bé ngồi trên sofa làm con tin. Và ông cũng không thích cách thằng bé nhìn ông chăm chặp. Về cơ bản, Brandhaug biết rằng thành Rome không được xây trong một ngày, nhưng ông vẫn cố gắng khi đứng trên bậc thềm để ra về. Ông nhìn thẳng vào đôi mắt cô và nói, “Em không chỉ là người phụ nữ xinh đẹp, Rakel ạ, mà còn là người rất dũng cảm nữa. Tôi rất muốn cho em biết rằng tôi vô cùng tôn trọng em.”

Ông không chắc chắn phải hiểu nét mặt của cô ra sao, nhưng dù sao ông vẫn quyết định mạo hiểm cúi người tới hôn lên má cô. Phản ứng của cô mâu thuẫn. Miệng mỉm cười và cảm ơn ông đã khen ngợi, nhưng đôi mắt lạnh như băng khi nói thêm, “Tôi xin lỗi đã giữ ông ở lại đây lâu như vậy, ông

Brandhaug. Chắc hẳn vợ ông đang đợi đấy.”

Lời gạ gẫm của ông rõ ràng đến mức ông quyết định cho cô một vài ngày suy nghĩ, nhưng ông không nhận được cuộc gọi nào của Rakel Fauke nữa. Mặt khác, thật bất ngờ, một lá thư từ đại sứ quán Nga lại đến, đề nghị câu trả lời, và Brandhaug nhận ra rằng câu hỏi của ông đã thổi một làn gió mới vào vụ Oleg Fauke-Gosev. Rất đáng tiếc, nhưng giờ đây tình cờ ông thấy không lý gì lại không tận dụng cơ hội. Ngay lập tức ông gọi cho Rakel tại POT và báo cho cô những diễn biến mới nhất của vụ án.

Vài tuần sau ông một lần nữa thấy mình trong căn nhà gỗ tại Holmenkollveien, còn lớn hơn và u tối hơn ngôi nhà của chính ông. Của chính họ. Lần này là sau giờ đi ngủ. Dường như lần này cô thoải mái khi ngồi với ông hơn trước nhiều. Hơn nữa ông đã khéo léo lái cuộc đối thoại sang hướng riêng tư hơn, có nghĩa là nó không có vẻ hoàn toàn quá phiến hà khi ông đề cập mối quan hệ giữa vợ chồng ông đã trở nên thuần khiết lý tưởng như thế nào, và điều quan trọng là đôi khi phải quên lý trí đi, lắng nghe theo trái tim và thể xác ta. Rồi chuông cửa reo, đem lại một sự cắt ngang không mong đợi. Rakel ra mở cửa rồi quay lại với một gã cao dong dỏng, tóc húi sát và đôi mắt đỏ ngầu. Cô giới thiệu hẳn ta là đồng nghiệp trong POT. Nhất định là Brandhaug đã nghe cái tên này, nhưng không thể nhớ nổi khi nào và trong bối cảnh nào. Lập tức ông căm ghét mọi thứ ở hẳn ta. Ông không thích chuyện hẳn ta quấy rầy ông, chuyện hẳn ta đã say mèm, chuyện hẳn ta ngồi trên sofa nhìn ông trừng trừng, như Oleg, mà chẳng nói câu nào. Nhưng điều ông căm ghét nhất là sự thay đổi ở Rakel, cô chột phẫn chấn lên, chạy đi pha cà phê và cười ồ phóng túng với những câu trả lời nhát gừng khó hiểu của người này, như thể chúng chứa những tia dí dỏm thông minh nào đó. Và rồi giọng cô có sự quan tâm chân thành khi cô không chịu để hẳn ta tự lái xe về nhà. Điểm đèn bù duy nhất mà Brandhaug nhận ra được ở người đàn ông này, đó là hẳn ta bất thần bỏ đi, ngay sau đó họ nghe thấy tiếng xe của hẳn ta khởi động, tất nhiên điều đó có nghĩa là hẳn có đủ

liêm sĩ để có thể tự sát. Tuy nhiên, thiệt hại do hấn ta gây ra cho bầu không khí là không thể bù đắp, nên không lâu sau thì Brandhaug cũng ngồi trong xe mình mà về nhà. Đó chính là lúc cái giả thiết của ông quay trở lại với ông - có bốn nguyên nhân khả dĩ để đàn ông quyết định rằng họ phải sở hữu một người phụ nữ. Và nguyên nhân căn bản nhất đó là ta biết cô ấy khao khát một người khác.

Khi ông gọi cho Kurt Meirik ngày hôm sau để hỏi tay cảnh sát tóc vàng hoe, dong dỏng cao ấy là ai, ban đầu ông rất ngạc nhiên, sau đó thì phá lên cười. Vì đó chính là người ông đề bạt và bố trí vào POT. Đương nhiên đó là sự mỉa mai của số phận, nhưng trong dịp này số phận còn chịu sự chỉ bảo của Bộ Ngoại giao Hoàng gia Na Uy. Khi bỏ điện thoại xuống, Brandhaug đã thấy tinh thần thoải mái hơn, ông sai bước qua các hành lang đến dự cuộc họp tiếp theo, vừa đi vừa huýt sáo và đến phòng họp trong chưa đầy bảy mươi giây.

Ngày 27 tháng Tư năm 2000.

Sở Cảnh sát.

Harry đứng ở ngưỡng cửa văn phòng cũ, nhìn chàng thanh niên tóc vàng đang ngồi trong ghế của Ellen. Anh ta nhìn màn hình máy tính chăm chú đến mức không nhận thấy Harry, cho đến khi anh cất tiếng ho.

“VẬY RA CẬU LÀ HALVORSEN ĐÚNG KHÔNG?”

“Vâng,” chàng thanh niên nói với nét dò hỏi trên gương mặt.

“TỪ ĐỒN CẢNH SÁT Ở STEINKIMER À?”

“CHÍNH XÁC.”

“HARRY HOLE. TÔI THƯỜNG NGỒI CHỖ CẬU ĐANG NGỒI BÂY GIỜ, NHƯNG TRONG GHẾ KIA.”

“NÓ YẾU LẮM RỒI.”

Harry mỉm cười. “NÓ LÚC NÀO CHẢ YẾU. BJAME MOLLER ĐÃ ĐỀ NGHỊ CẬU KIỂM TRA VÀI CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN VỤ ELLEN GJELTEN CHƯA?”

“VÀI CHI TIẾT SAO?” HALVORSEN THÓT LÊN PHẢN ĐỐI. “TÔI LÀM VIỆC KHÔNG NGHỈ SUỐT BA NGÀY NAY RỒI.”

Harry ngồi xuống chiếc ghế cũ của mình, đã được chuyển sang bàn của Ellen. Đó là lần đầu tiên anh trông thấy văn phòng mình như thế nào, từ vị trí của cô.

“CẬU ĐÃ TÌM ĐƯỢC GÌ RỒI, HALVORSEN?”

Halvorsen nhú mày.

“YÊN TÂM ĐI,” HARRY NÓI. “CHÍNH TÔI LÀ NGƯỜI XIN THÔNG TIN ĐÓ. CỨ KIỂM

tra lại với Moller nếu cậu muốn!”

Khuôn mặt Halvorsen bắt chợt sáng lên.

“Dĩ nhiên! Anh là Hole bên POT! Xin lỗi, tôi hơi chậm hiểu.” Một nụ cười toe toét trên gương mặt trẻ thơ của cậu ta. “Tôi còn nhớ vụ ở Úc. Đã bao lâu rồi ấy nhỉ?”

“Một thời gian rồi. Như tôi đã nói...”

“À phải rồi, danh sách!” Khớp ngón tay cậu ta gõ gõ lên một xấp bản in ra từ máy tính. “Đây là tất cả những thằng cha đã bị đưa ra tòa, bị buộc tội hoặc bị tuyên án GBH trong mười năm qua. Có đến hơn một nghìn cái tên. Phần đó thì dễ; vấn đề là tìm ra những thằng đầu trọc. Thông tin chẳng cho biết điều đó. Có thể phải mất vài tuần...”

Harry ngả người tựa vào lưng ghế. “Tôi biết. Nhưng các hồ sơ tội phạm đều có mã số cho các loại vũ khí được sử dụng. Tiến hành tìm kiếm các mã số về vũ khí xem cậu còn lại bao nhiêu người!”

“Thực ra tôi đã định đề nghị điều đó với Moller khi tôi thấy có quá nhiều cái tên. Hầu hết bọn chúng đều dùng dao găm, súng ngắn hoặc tay không. Vài giờ nữa tôi phải sẵn sàng một danh sách mới!”

Harry đứng dậy.

“Tốt,” anh nói. “Tôi không nhớ số nội bộ của tôi, nhưng cậu sẽ tìm thấy nó trong danh bạ. Và lần tới nếu có đề nghị nào tốt thì đừng ngần ngại mà làm đi. Ở dưới Oslo này chúng tôi không thông minh thế đâu!”

Halvorsen, hơi thiếu tự tin về bản thân, tủm tỉm cười.

*POT.**Ngày 2 tháng Năm năm 2000.*

Cơn mưa quất xuống rào rào cả buổi sáng trước khi mặt trời bất ngờ, xác xược xuất hiện, và chỉ trong chớp mắt đã thiêu cháy hết toàn bộ mây trên trời. Harry đang ngồi gác chân lên bàn, hai tay xếp sau gáy, tự gạt mình rằng anh đang nghĩ đến khẩu súng trường Marklin. Nhưng những suy nghĩ của anh lang thang bên ngoài ô cửa sổ, dọc theo những con phố mới tắm gội giờ đây tỏa lên mùi ẩm áp, dọc theo lớp nhựa đường mới và những đường xe điện lên đến tận đầu Holmenkollen, đến những lối tuyết mờ mờ màu xám vẫn đang nằm dưới bóng rùng cây vân sam, nơi Rakel, Oleg và anh đã nhảy lò cò trên các lối đi đầy bùn nhằm tránh các vũng nước sâu nhất. Harry có hồi ức mơ hồ về những lần đi dạo ngày Chủ nhật ấy khi anh ở tầm tuổi của Oleg. Nếu đó là những cuộc đi bộ dài, và anh cùng Sis tụt lại sau, bố anh thường để mấy miếng sô cô la trên các cành cây thấp nhất. Sis vẫn còn tin rằng các thanh sô cô la Kvikklunsi mọc ở trên cây.

Oleg không nói chuyện nhiều với Harry trong hai lần đầu anh đến thăm. Nhưng thế cũng tốt. Harry cũng chẳng biết phải nói gì với Oleg. Sự lúng túng của họ đã thoải mái hơn chút khi Harry phát hiện ra thằng bé chơi trò Tetris trên máy GameBoy. Không một chút nhân nhượng hay xấu hổ, Harry chơi hết sức mình và thắng thằng bé sáu tuổi đến hơn 40.000 điểm. Sau đó Oleg bắt đầu hỏi Harry về các vụ án, rằng tại sao tuyết lại có màu trắng rồi bao thứ khác nữa đủ khiến đàn ông phải nhăn trán, tập trung hết sức quên cả

xấu hổ. Chủ nhật tuần trước khi Oleg thấy một con thỏ rừng khoác bộ lông mùa đông, nó liền chạy lên trước, bỏ lại Harry nắm tay Rakel. Bên ngoài trời rất lạnh, trong nhà thì ấm áp. Cô ngoảnh đầu lại mỉm cười với Harry mà cô vung vẩy hai tay, như thể muốn nói: *Chúng ta đang chơi trò chơi, đây không phải là thật.* Anh đã nhận thấy cô đâm căng thẳng khi mọi người đến gần và anh phải buông tay cô. Sau đó họ uống ca cao trên các con dốc Frogner, Oleg đã hỏi tại sao trời lại sang xuân.

Anh đã mời Rakel ra ngoài dùng bữa. Đây là lần thứ hai. Lần đầu tiên cô nói sẽ suy nghĩ rồi gọi lại và từ chối. Lần này cô cũng nói sẽ suy nghĩ, nhưng ít nhất cô đã không từ chối. Chưa từ chối.

Điện thoại reo. Đó là Halvorsen. Giọng cậu ta có vẻ ngái ngủ.

“Tôi đã kiểm tra 70 trong số 110 nghi phạm sử dụng vũ khí trong các vụ tấn công GBH,” cậu ta nói. “Đến giờ này, tôi đã tìm được tám kẻ đầu trọc.”

“Làm sao cậu tìm ra được?”

“Tôi đã gọi cho chúng. Thật kinh ngạc làm sao khi nhiều tên trong bọn ở nhà lúc bốn giờ sáng.”

Halvorsen phá lên cười hơi hoang mang khi đầu dây bên kia Harry im bật.

“Cậu gọi cho từng người một à?” Harry hỏi.

“Tất nhiên,” Halvorsen nói. “Hoặc gọi vào di động của chúng. Thật kinh ngạc khi nhiều tên trong bọn...”

Harry ngắt lời.

“Và cậu đã hỏi những tên tội phạm tàn bạo này, rằng chúng có phiền không khi tự cung cấp một bản mô tả chi tiết cho cảnh sát à?”

“Không hẳn thế. Tôi đã nói chúng ta đang tìm một nghi phạm tóc đỏ dài, và hỏi chúng gần đây chúng có nhuộm tóc không,” Halvorsen đáp.

“Tôi không hiểu ý cậu.”

“Nếu anh cạo trọc đầu rồi, anh sẽ trả lời thế nào?”

“Hừm,” Harry nói. “Rõ ràng là ở trên Steinkjer có vài kẻ khôn ngoan.”

Vẫn là tiếng cười căng thẳng ấy.

“Fax danh sách lên cho tôi nhé,” Harry nói.

“Anh sẽ có được nó ngay khi tôi quay về.”

“Quay về?”

“Khi tôi vào thì có một cảnh sát dưới này đang đợi tôi. Cần được xem những ghi chép vụ án mà tôi đang xử lý. Hẳn là khẩn cấp.”

“Tôi tưởng giờ Kripos đang giải quyết vụ Gjelten cơ mà,” Harry đáp.

“Rõ ràng là không phải.”

“Là ai thế?”

“Tôi nghĩ anh ta tên là Vole, hay đại loại thế,” Halvorsen đáp.

“Chẳng có Vole nào ở Đội Hình sự đâu. Ý cậu có phải Waaler không?”

“Đúng rồi!” Halvorsen nói, và hơi xấu hổ nói thêm, “ngay bây giờ có nhiều cái tên mới quá...”

Harry cảm thấy muốn quở mắng thậm tệ tay cảnh sát trẻ này một trận vì tội trao hồ sơ vụ án cho người cậu ta còn chẳng hề biết, nhưng đây không phải là lúc để gay gắt với cậu ta. Cậu này đã thức suốt ba đêm liền rồi, và có lẽ sắp gục đến nơi.

“Làm giỏi lắm!” Harry nói, và vừa định gác máy.

“Đợi đã! Số fax của anh?”

Harry nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ. Những đám mây lại bắt đầu tụ trên ngọn Ekeberg.

“Cậu sẽ tìm thấy nó trong danh bạ,” anh đáp.

• • •

Điện thoại reo ngay khi anh vừa bỏ xuống. Là Meirik, ông ta đề nghị anh đến văn phòng ông ta ngay lập tức.

“Cái báo cáo về đám Quốc xã mới sao rồi?” ông hỏi ngay khi thấy Harry bên ngưỡng cửa.

“Tệ lắm!” Harry đáp, ngồi thụp xuống ghế. Trong bức tranh trên đầu

Meirik, nhà vua và hoàng hậu Na Uy đang nhìn thẳng xuống anh. “Phím E trên bàn phím của tôi bị kẹt.”

Meirik gượng một nụ cười, gần giống người đàn ông trong bức tranh, và đề nghị Harry tạm thời quên báo cáo ấy đi.

“Tôi cần cậu làm một việc khác. Chánh phòng Thông tin từ các công đoàn vừa mới gọi. Hôm nay phân nửa lãnh đạo công đoàn vừa nhận được các bản fax có lời dọa giết. Ký tên là 88, một dạng viết tắt của Heil Hitler(*). Đây không phải là lần đầu tiên, nhưng lần này nó rò rỉ ra truyền thông. Họ đã bắt đầu réo chúng ta rồi. Chúng ta đã xoay sở lần theo dấu những lời dọa giết đến một máy fax công cộng tại Klippan. Đó là lý do chúng ta phải xem lời đe dọa này là nghiêm trọng.”

“Klippan à?”

“Một nơi nhỏ bé nằm cách Helsingborg ba dặm về phía Đông. Mười sáu nghìn dân và là cái ổ Quốc xã tồi tệ nhất Thụy Điển. Cậu sẽ thấy ở đó những gia đình đã từng là Quốc xã đời này sang đời khác từ những năm ba mươi. Một số kẻ Quốc xã mới Na Uy đã đi hành hương đến đó để xem và học hỏi. Tôi muốn cậu gói ghém một cái túi lớn đi, Harry.”

Harry có một linh cảm khó chịu.

“Chúng tôi cử cậu đến đó làm công tác ngầm, Harry. Cậu phải thâm nhập vào mạng lưới địa phương. Công việc, nhân thân và các chi tiết khác chúng tôi sẽ giải quyết cho cậu từng thứ một. Hãy chuẩn bị tinh thần ở lại đó một thời gian dài đi. Các đồng nghiệp Thụy Điển của chúng ta đã lo tìm chỗ đâu đó để cậu ở rồi.”

“Công tác ngầm,” Harry lặp lại. Anh gần như không tin nổi vào tai mình. “Tôi có biết đéch gì về việc làm gián điệp đâu, Meirik. Tôi là một điều tra viên. Hay ông đã quên rồi?”

Nụ cười của Meirik biến thành một đường mỏng dính nguy hiểm.

“Cậu sẽ học nhanh thôi, Harry. Không thành vấn đề đâu. Hãy xem đó như một trải nghiệm thú vị, hữu ích.”

“Hừm. Trong bao lâu?”

“Vài tháng. Tối đa là sáu.”

“Sáu?” Harry thét lên.

“Tích cực đi, Harry. Cậu chẳng có ràng buộc gia đình nào hết, chẳng có...”

“Còn ai trong nhóm nữa?”

Meirik lắc đầu.

“Không có nhóm nào hết. Cậu làm việc một mình. Dường như theo cách đó đáng tin cậy hơn. Và cậu báo cáo trực tiếp cho tôi.”

Harry đưa tay xoa cằm.

“Sao lại là tôi, Meirik? Ông có cả một phòng ban ở đây toàn các chuyên gia về thâm nhập và cực hữu cơ mà.”

“Bao giờ cũng có lần đầu tiên.”

“Vậy còn vụ súng trường Marklin thì sao? Chúng tôi đã truy dấu nó đến một tên Quốc xã cũ, và giờ là những lời dọa giết ký tên Heil Hitler. Chẳng phải tốt hơn là tôi tiếp tục công việc ở đây...”

“Tôi đã quyết định rồi, Harry.” Meirik không buồn mỉm cười nữa.

Thứ gì đó ám muội. Harry đánh hơi thấy từ xa, nhưng anh không biết đó là gì hay từ đâu. Anh đứng lên, Meirik cũng làm theo ngay.

“Sau cuối tuần này cậu đi nhé,” Meirik nói, chìa tay ra.

Harry chợt nhận thấy làm vậy thật kỳ quặc, và dường như đúng lúc đó ý nghĩ ấy cũng thoáng qua tâm trí Meirik - có sự e dè trên vẻ mặt ông ta. Nhưng giờ đã quá muộn. Bàn tay lửng lơ giữa khoảng không, vô dụng, mấy ngón tay xò ra, Harry liền áp bàn tay vào, để chóng kết thúc tình huống ngượng ngập này.

• • •

Khi Harry đi ngang Linda ở quầy tiếp tân, chị ta kêu lên với anh rằng có một

bản fax để trong hộp tủ cho anh, nên Harry tiện thể lấy luôn. Là danh sách của Halvorsen. Mắt anh lướt qua những cái tên trong khi nặng nề lê bước lên hành lang, cố gắng hiểu ra phần nào của anh sẽ hưởng lợi từ việc giao du với bọn Quốc xã mới trong cái hang ổ nào đó ở miền Nam Thụy Điển. Không phải phần trong anh đang cố tình táo. Không phải phần trong anh đang đợi câu trả lời của Rakel về lời mời ăn tối của anh. Và nhất định không phải phần đang cố gắng tìm ra kẻ giết Ellen. Đang đi anh bỗng dừng lại.

Cái tên cuối cùng...

Chẳng có lý do để anh thấy ngạc nhiên khi những cái tên cũ xuất hiện trong danh sách, nhưng cái tên này hoàn toàn khác. Anh đã nghe thấy âm thanh này khi tháo khẩu Smith & Wesson ra lau chùi rồi ráp lại. Cái tiếng cạch êm ru cho anh biết mọi thứ được lắp vào đúng chỗ.

Trong mấy giây anh đã vào tới văn phòng và gọi cho Halvorsen. Cậu ta ghi lại những câu hỏi của anh và hứa sẽ gọi lại ngay khi biết được tin gì.

Harry ngả người ra lưng ghế. Anh còn nghe tiếng tim mình đang đập. Thường thì ráp nối những thông tin nhỏ nhặt dường như chẳng có điểm chung nào không phải là sở trường của anh. Hẳn đó phải là một khoảnh khắc gọi cảm hứng. Khi Halvorsen gọi lại mười lăm phút sau đó, Harry có cảm giác anh đã đợi chờ suốt mấy tiếng rồi.

“Đúng đấy!” Halvorsen nói. “Một trong các dấu ủng mà Đơn vị Điều tra Hiện trường phát hiện trên lối đi là của giày dã chiến, cỡ 45. Họ có thể xác định nhãn hiệu vì dấu vết từ chiếc ủng hầu như chưa mòn.”

“Vậy cậu có biết ai đi giày dã chiến không?”

“Có, chúng được NATO chứng nhận mà. Chỉ có một vài người đặt hàng thôi, nhất là tại Steinkjer. Tôi đã thấy một số tên hooligan bóng đá Anh cũng đi chúng.”

“Đúng rồi. Bọn đầu trọc. Những thằng đi ủng. Bọn Quốc xã mới. Cậu có tìm thấy bức ảnh nào không?”

“Bốn bức. Hai trong số này từ Xưởng Cộng đồng Aker, hai bức chụp biểu

tình ngoài Blitz, trung tâm thanh niên, vào năm 1992.”

“Trong số này có tấm nào hẳn đội mũ không?”

“Có, trong mấy tấm chụp ở Aker.”

“Mũ lính à?”

“Để tôi xem đã.”

Harry còn nghe thấy tiếng thở của Halvorsen lạo xạo qua màng micro. Harry thâm cầu nguyện.

“Trông như mũ bê rê,” Halvorsen nói. “Cậu có chắc không?” Harry hỏi, không cố gắng che giấu sự thất vọng.

Halvorsen khá chắc chắn, Harry chửi thề rõ to.

“Có lẽ đôi ủng giúp được?” Halvorsen thận trọng gợi ý.

“Kẻ giết người hẳn đã ném đôi giày đi rồi, trừ phi hẳn là thằng ngu. Và chi tiết hẳn lấp dấu vết trên tuyết đi chứng tỏ hẳn khôn đấy.”

Harry vẫn chưa quyết được. Một lần nữa anh lại có cảm giác này, sự chắc chắn bất ngờ rằng anh đã biết kẻ sát nhân là ai, và anh biết hẳn nguy hiểm. Nguy hiểm vì nó khiến ta bác bỏ những nghi ngờ đeo đẳng, những giọng nói nhỏ thì thậm chí ngược lại, nói với ta rằng bất chấp mọi thứ thì toàn cảnh vẫn chưa hoàn hảo. Những nghi ngờ giống như nước lạnh, và ta không muốn ngấm nước lạnh khi ta gần tóm được kẻ sát nhân. Phải, Harry đã từng chắc chắn như thế một lần. Và rồi sai lầm.

Halvorsen lên tiếng.

“Cảnh sát ở Steinkjer mua ủng đã chiến trực tiếp từ Mỹ nên không thể có nhiều nơi bán chúng được. Và nếu đôi giày này còn gần như mới...”

Harry ngay lập tức đi theo dòng tư duy của cậu ta.

“Tốt, Halvorsen! Tìm xem ai còn trữ chúng. Bắt đầu từ những nơi có đồ dùng thừa của quân đội. Sau đó mang ảnh theo đi hỏi xem có ai nhớ đã bán cho hẳn một đôi giày không.”

“Harry... Ồ...”

“Phải. Tôi biết. Tôi sẽ thông qua Moller trước đã.”

Harry biết rằng khả năng tìm thấy người bán hàng nhớ tất cả khách hàng mua giày của mình là rất nhỏ. Dĩ nhiên, cơ hội sẽ nhiều hơn chút nếu khách hàng có hình xăm Sieg Heil trên cổ, nhưng dù sao - ắt Halvorsen cũng biết rằng 90% các cuộc điều tra án mạng là phí sức vì tìm không đúng chỗ. Harry quay số gọi cho Moller. Sếp Đội Hình sự lắng nghe tất cả những lập luận của anh, và khi anh nói xong, ông ta hắng giọng.

“Thật vui khi biết cậu và Waaler cuối cùng cũng đồng tình về cái gì đó”, ông nói. “Nửa giờ trước cậu ta gọi cho tôi và nói gần giống hệt như những gì cậu vừa nói. Tôi cho phép cậu ta gọi Sverre Olsen vào thẩm vấn rồi.”

“Nhất định rồi.”

Harry không chắc mình nên làm gì. Nên khi Moller hỏi anh còn muốn nói gì nữa không, Harry chỉ lẩm bầm một từ “Tạm biệt” rồi bỏ ống nghe xuống. Anh nhìn chăm chăm ra cửa sổ. Giờ cao điểm đang bắt đầu sôi động lên tại phố Schweigaards. Anh nhìn ra được một người đàn ông mặc áo khoác xám và đội chiếc mũ kiểu cổ, nhìn ông ta chậm rãi bước qua cho đến khi khuất bóng. Harry cảm thấy mạch đập của mình gần như bình thường trở lại. Klippan. Anh suýt quên mất, nhưng giờ đây nó quay lại như sự vắng vật thình thịch. Anh tự hỏi có nên gọi vào số nội bộ của Rakel không, nhưng bỏ ý đó ngay lập tức.

Rồi một điều kỳ quặc xảy ra.

Ngay bên lề trường nhìn của anh, bên ngoài cửa sổ, một lay động khiến anh chú ý. Ban đầu anh không thể nhận ra nó là gì; mà chỉ có thể thấy nó đang đến rất nhanh. Anh há miệng, nhưng từ ngữ, tiếng thét hay bất kỳ cái gì nào bộ của anh đang cố gắng thành hình, không bao giờ thoát ra khỏi miệng anh. Có một tiếng thịch nhẹ, lớp kính cửa sổ rung khẽ và anh ngồi đó nhìn chăm chăm khoảnh đất nhỏ ẩm ướt còn vương lại một cọng lông xám, rung rinh trong cơn gió xuân. Anh đứng bất động. Rồi chộp lấy chiếc áo khoác, lao về phía thang máy.

Kroklivien, Bjerke.

Ngày 2 tháng 5 năm 2000

Sverre Olsen vặn to radio. Hắn thông thả lật qua mấy trang cuốn tạp chí phụ nữ mới nhất của mẹ hắn trong khi lắng nghe phát thanh viên nói về những lá thư đe dọa gửi đến các lãnh đạo công đoàn. Máng nước ngay phía trên cửa sổ phòng khách vẫn đang nhỏ tong tong. Hắn bật cười. Những lời đe dọa nghe như của một đứa trong bọn Roy Kvinset. Hy vọng lần này sẽ không có nhiều lỗi chính tả đến thế.

Hắn liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Chiều nay các bàn tại quán Herbert sẽ ồn ào. Hắn sạch túi rồi nhưng hắn đã sửa chiếc máy hút bụi Wilfa trong tuần này, nên có lẽ mẹ hắn sẽ không phiền cho hắn mượn một trăm. Thằng Hoàng Tử chó chết! Giờ đã hai tuần rồi kể từ lần cuối hắn ta hứa rằng Sverre sẽ nhận được tiền của hắn ta “trong vài ngày nữa.” Trong khi đó, vài thằng hắn nợ tiền đang bắt đầu giở giọng đe dọa không mấy dễ nghe. Và tệ hơn cả, bàn hắn hay ngồi tại quán pizza Herbert đã có người khác trưng dụng. Chẳng mấy chốc vụ tấn công ở Dennis Kebab sẽ thành dĩ vãng.

Lần trước ở quán Herbert hắn đã cảm thấy không cưỡng lại được cái ý muốn đứng lên, hét lên rằng hắn chính là kẻ giết chết con khốn cảnh sát tại Gr u nerlokka. Máu phọt ra như dòng suối nước nóng sau đòn tấn công cuối cùng của hắn. Cô ta chết trong tiếng gào thét. Hắn thấy không cần thiết phải nói thêm rằng hắn không hề biết cô ta là cảnh sát. Hoặ cảnh tượng máu me ấy suýt làm hắn phải nôn ọe.

Mẹ kiếp thằng Hoàng Tử! Hắn ta đã biết từ đời tám hoánh rằng cô ta là cảnh sát.

Sverre đã kiếm được chỗ tiền đó. Chẳng ai có thể bảo hắn khác đi được, nhưng hắn còn làm được gì? Sau khi xảy ra chuyện, Hoàng Tử đã cấm hắn gọi điện. Như một sự đề phòng, cho đến khi qua lúc căng nhất trong tình hình náo động.

Các bản lề cổng ngoài rít lên. Sverre đứng lên, tắt radio và vội đi vào hành lang. Trên đường lên cầu thang, hắn nghe thấy tiếng bước chân của mẹ hắn trên lối đi rải sỏi. Rồi hắn vào phòng mình và nghe tiếng chùm chìa khóa của bà kêu lách cách trong ổ khóa. Khi bà lục lọi dưới nhà, hắn đứng giữa phòng ngắm nghía mình trong gương. Hắn đưa tay xoa da đầu nhẵn thín, cảm thấy những sợi tóc cứng mới nhú cạ lên ngón tay như bàn chải. Hắn đã hạ quyết tâm. Ngay cả khi có được bốn mươi nghìn thì hắn cũng sẽ kiếm cho mình một việc làm. Hắn đã phát ngán ở nhà, và nói thật, hắn cũng ngấy đến tận cổ các “chiến hữu” tại quán Herbert rồi. Phát ốm việc lẻo đẹo theo những kẻ chẳng đi tới đâu hết. Hắn đã theo học một khóa về Điện Công nghiệp tại trường cao đẳng kỹ thuật, và rất giỏi sửa chữa đồ điện. Rất nhiều thợ điện cần có thợ học việc và trợ lý. Vài tuần nữa tóc hắn sẽ mọc che đi hình xăm Sieg Heil sau đầu.

Tóc hắn, phải rồi. Hắn chợt nhớ ra cuộc điện thoại hắn nhận được trong đêm, tay cảnh sát có giọng vùng Trondheim đã hỏi hắn về tóc đỏ! Khi sáng ra Sverre thức dậy hắn đã tưởng đó là mơ, cho đến khi ăn sáng mẹ hắn hỏi hắn loại người gì lại gọi điện vào lúc bốn giờ sáng.

Sverre chuyển sự chú ý từ tấm gương sang mấy bức tường. Bức hình Quốc trưởng, những tấm áp phích các buổi trình diễn âm nhạc Burzum, lá cờ có in dấu thập ngoặc, huân chương Chữ thập Sắt và tấm áp phích Máu và Danh dự là một bản sao áp phích tuyên truyền cũ của Joseph Goebbel. Lần đầu tiên hắn chợt thấy phòng mình giống phòng một thằng choai choai. Nếu ta thay tấm băng rôn Kháng chiến Người Aryan Da Trắng Thụy Điển bằng

chiếc khăn choàng của Manchester United, bức ảnh Heinrich Himmler bằng một hình David Beckham, hẳn ta sẽ nghĩ đây là phòng một đứa trẻ vị thành niên.

“Sverre!” Là mẹ hẳn.

Hắn nhắm mắt lại.

“Sverre!”

Nó sẽ không biến đi. Sẽ chẳng bao giờ biến đi.

“Vâng!” hẳn gào lên to đến mức tiếng thét lùng bùng trong đầu.

“Ở đây có người muốn nói chuyện với mày này.”

Ở đây? Với hẳn ư? Sverre lại mở mắt phân vân nhìn mình trong gương. Chẳng ai tới đây cả. Theo như hẳn biết, thậm chí còn chẳng ai biết hẳn sống ở đây. Tim hẳn bắt đầu đập nhanh hơn. Có lẽ nào lại là tay cảnh sát nói giọng vùng Trondheim?

Hắn đang bước về phía cửa phòng ngủ thì nó bật mở.

“Chào, Olsen.”

Vì mặt trời mùa xuân đã lặn xuống thấp, chiếu thẳng qua cửa sổ trên chiếu nghỉ nên hẳn chỉ có thể thấy một bóng hình đang đứng ngay ngưỡng cửa. Nhưng hẳn biết rõ rằng giọng nói ấy là của ai.

“Không vui khi thấy tao à?” Hoàng Tử nói, đóng cửa lại sau lưng.

Hắn ta tò mò đảo mắt qua các bức tường. “Mày sống ở một nơi yên tĩnh thật.”

“Tại sao bà ấy lại cho...”

“Tao cho mẹ mày xem cái này.” Hoàng Tử ve vẩy một tấm thẻ có hình quốc huy Na Uy màu vàng kim trên nền màu xanh nhạt. Mặt kia có ghi chữ CẢNH SÁT.

“Ôi mẹ kiếp!” Sverre nói, nuốt ực. “Là thật à?”

“Ai biết. Bình tĩnh đi, Olsen. Ngồi xuống đi.”

Hoàng Tử chỉ tay vào cái giường rồi ngồi ngược trên chiếc ghế xoay.

“Sếp làm gì ở đây thế?” Sverre hỏi.

“Mày nghĩ sao?” Gã lóe một nụ cười rộng ngoác với Sverre, vẫn đang ngồi sát mép giường. “Ngày tính sổ.”

“Ngày tính sổ?”

Sverre vẫn chưa hoàn toàn trấn tĩnh được. Làm sao Hoàng Tử biết được hắn sống ở đây? Và chiếc thẻ cảnh sát nữa. Giờ nhìn gã Sverre mới chợt nghĩ Hoàng Tử rất dễ là một cảnh sát - mái tóc chải cẩn thận, đôi mắt lạnh lẽo, khuôn mặt nâu rám nắng và phần thân trên săn chắc do tập luyện kỹ lưỡng, áo khoác ngắn bằng da đen mềm mại và quần jean xanh. Điều lạ lùng là sao hắn chưa từng nhận ra.

“Phải!” Hoàng Tử đáp, miệng vẫn mỉm cười. “Ngày tính sổ đã đến.” Gã rút ra một phong bì từ túi áo trong và đưa cho Sverre.

“Cũng đã đến lúc rồi,” Sverre nói, nhoen một nụ cười căng thẳng, thò tay vào trong phong bì. “Cái gì đây?” hắn hỏi, lôi ra một tờ A4 đã gấp.

“Là danh sách tám kẻ mà Đội Hình sự sẽ sớm ghé thăm, và gần như chắc chắn sẽ lấy mẫu máu để gửi đi làm xét nghiệm ADN tìm mẫu khớp với các mẫu da họ tìm thấy trên mũ của mày, tại hiện trường tội ác.”

“Mũ của em? Sếp đã nói sếp tìm thấy nó trong xe và đốt đi rồi cơ mà?”

Sverre kinh hoàng nhìn chằm chằm Hoàng Tử lắc đầu tiếc rẻ.

“Hình như tao đã quay lại hiện trường tội ác. Một cặp tình nhân trẻ đang đợi cảnh sát, sợ khiếp vía. Chắc tao đã ‘đánh rơi’ mũ trong tuyệt cách cái xác vài mét.”

Sverre mấy lần đưa cả hai tay quẹt ngang đầu.

“Mày có vẻ bối rối nhỉ, Olsen?”

Sverre gật đầu và cố cười, nhưng hai khóe miệng hắn dường như không tuân theo.

“Mày muốn tao giải thích không?”

Sverre lại gật đầu.

“Khi một cảnh sát bị sát hại, vụ án sẽ có mức ưu tiên cao nhất cho đến khi kẻ sát nhân bị bắt, dù có mất bao lâu. Điều này không được viết trong bất kỳ

cuốn hướng dẫn nào, nhưng khi nạn nhân là một trong số chúng tao, thì đừng bao giờ thắc mắc về nhân lực và tài lực. Đó là vấn đề khi giết cảnh sát - đơn giản là các điều tra viên sẽ không bỏ cuộc cho đến khi họ..." gã chỉ Sverre, "... tìm thấy kẻ phạm tội. Đó chỉ là vấn đề thời gian – nên tao đã tự tiện giúp các điều tra viên một tay để thời gian chờ sẽ không lâu quá."

"Nhưng..."

"Có thể mày đang tự hỏi tại sao tao giúp cảnh sát tìm mày, khi có khả năng mày sẽ tố cáo tao để được giảm án phải không?"

Sverre nuốt khan. Hắn cố suy nghĩ nhưng không nghĩ nổi và mọi thứ bế tắc.

"Tao có thể hiểu với mày chuyện này khó hiểu lắm," Hoàng Tử nói, ngón tay gã lần theo hình mô phỏng huân chương Chữ thập Sắt leo lên cái đỉnh trên tường. "Dĩ nhiên, tao có thể bắn chết mày ngay sau khi mày giết người. Nhưng rồi cảnh sát hẳn sẽ biết rằng mày có liên minh với ai đó đang cố gắng xóa dấu vết, và hẳn sẽ tiếp tục truy lùng."

Gã tháo sợi dây khỏi cái đỉnh và trông vào cổ mình, ngoài chiếc áo khoác da.

"Một lựa chọn khác là tự tao 'phá' án, bắn chết mày trong khi đi bắt mày và làm như thể mày đã chống lại lệnh bắt. Vấn đề với chuyện đó là một người một mình phá án thành công thì có vẻ thông minh đáng ngờ quá. Người ta có thể bắt đầu nghĩ ngợi, nhất là vì tao là người cuối cùng gặp Ellen Gjelten còn sống."

Gã ngừng một chốc rồi cười. "Đừng tỏ vẻ hoảng thế, Olsen! Tao đang nói với mày rằng tao đã hủy bỏ những lựa chọn này. Việc tao đã làm là ngồi ngoài cuộc chơi, theo dõi tiến độ và xem chúng siết chặt vòng vây mày thế nào. Kế hoạch vẫn luôn là nhảy vào đúng lúc chúng đến gần, chụp lấy tín gậy và tự mình chạy nốt vòng đua cuối. À một thằng nghiện rượu khó chịu đang làm tại POT đã tra ra mày đấy."

"Anh... là cảnh sát à?"

“Tao đeo có hợp không?” Hoàng Tử chỉ huân chương Chữ thập Sắt. “Không, quên mẹ cái đó đi. Tao cũng là một người lính như mày, Olsen. Một con thuyền phải có những vách ngăn kín nước, nếu không chỉ một vết rò rỉ bé tí thôi cũng đủ khiến nó chìm ngấm. Mày có biết nếu tao tiết lộ danh tính với mày thì nghĩa là thế nào không?”

Miệng và cổ họng Sverre khô khốc đến mức không nuốt khan được nữa. Hấn sợ. Hấn sợ cho cái mạng của hắn.

“Nghĩa là tao sẽ không để mày sống sót rời khỏi căn phòng này. Mày hiểu không?”

“Hiểu.” Giọng Sverre khô khốc, “Tiền của t-ôi...”

Hoàng Tử thò tay vào túi áo khoác, rút ra một khẩu súng ngắn.

“Ngồi yên đây.”

Gã bước đến bên giường, ngồi xuống cạnh Sverre, cầm khẩu súng ngắn bằng cả hai tay, chĩa súng về phía cửa ra vào.

“Đây là một khẩu Glock, loại súng ngắn đáng tin cậy nhất thế giới. Hôm qua tao nhận được nó từ Đức. Số của nhà sản xuất đã bị xóa. Giá chợ đen của nó là khoảng tám nghìn krone. Hãy xem nó như khoản trả góp đầu tiên nhé.”

Sverre nhảy dựng lên khi nó phát ra một tiếng đoành. Hắn nhìn trừng trừng, hai mắt thô lỗ, vào cái lỗ tròn bé tí phía trên cùng cửa ra vào. Bụi lấp lánh trong vệt ánh mặt trời chiếu như một chùm tia lazer từ cái lỗ qua khắp phòng.

“Ờ nó đi,” Hoàng Tử nói, để lại khẩu súng vào trong lòng. Rồi gã đứng dậy đi tới cửa. “Cầm nó thật chặt vào. Cân bằng tuyệt hảo, đúng không?”

Những ngón tay của Sverre miễn cưỡng cong lại quanh báng súng. Hắn còn cảm thấy mồ hôi đang chảy bên trong chiếc áo thun. Có một lỗ thủng trên trần nhà. Đó là tất cả những gì hắn có thể nghĩ đến. Và rằng viên đạn đã tạo ra một cái lỗ mới, và mẹ con hắn vẫn chưa kiếm được thợ xây. Thế rồi điều hắn dự kiến đã xảy ra. Hắn nhắm mắt lại.

“Sverre!”

Bà ta gào như thể bà ta đang chết đuối. Hấn nắm chặt khẩu súng. Bà ta luôn có cái giọng như kiểu sắp chết đuối đến nơi. Rồi hấn lại mở mắt ra, thấy Hoàng Tử quay người lại cạnh cánh cửa, chuyển động chậm. Hấn ta vung hai cánh tay lên; cả hai bàn tay đang nắm quanh một khẩu súng lục ổ quay Smith & Wesson đen bóng.

“Sverre!”

Một ngọn lửa vàng phụt ra ở họng súng. Hấn còn thấy bà ta đang đứng ở dưới chân cầu thang. Thế rồi viên đạn bay trúng hấn, xuyên qua phía trên trán hấn, bay ra sau đầu, lấy đi miếng thịt in chữ Heil của hình xăm Sieg Heil, bay vào rồi xuyên qua phần gỗ ráp đóng đinh trên tường, xuyên qua tiếp lớp cách điện trước khi dừng lại phía sau tấm ốp tường Etemit trên bức tường bên ngoài. Nhưng đến lúc đó thì Sverre Olsen đã chết rồi.

*Kroklivien, Bjerke.**Ngày 2 tháng 5 năm 2000*

Harry cuồn luôn cà phê của ai đó trong Đơn vị Điều tra Hiện trường cùng chiếc phích. Anh đang đứng trước mặt căn nhà nhỏ xấu xí tại Krokliveien ở Bjerke, nhìn một cảnh sát trẻ trên thang đánh dấu cái lỗ trên mái nơi viên đạn đi qua. Những người tò mò đứng xem đã bắt đầu tụ tập, vì lý do an ninh cảnh sát đã dựng hàng rào cách ly quanh khu nhà bằng dải băng vàng. Người đứng trên thang tắm trong nắng chiều, nhưng ngôi nhà lại nằm trong vùng trũng trên mặt đất nên nơi Harry đứng đây đã cảm thấy lạnh.

“Vậy là cậu đến ngay sau khi xảy ra chuyện à?” Harry nghe thấy giọng sau lưng mình hỏi. Anh quay người lại, thì ra là Bjame Moller. Càng ngày càng hiếm thấy ông xuất hiện tại hiện trường vụ án, nhưng Harry đã nghe nhiều người nói rằng ông là một điều tra viên giỏi. Vài người thậm chí còn cho rằng lẽ ra ông ta nên được phép tiếp tục làm điều tra viên. Harry mời ông một tách cà phê, nhưng Moller lắc đầu.

“Vâng, chắc tôi đã đến ngay sau đó khoảng bốn, năm phút,” Harry nói. “Ai nói với sếp vậy?”

“Tổng đài trung tâm. Họ nói rằng cậu đã gọi cho họ xin tăng viện sau khi Waaler báo về vụ nổ súng.”

Harry hát hàm về phía chiếc xe thể thao màu đỏ trước cổng.

“Khi tôi đến đã thấy chiếc Jap của Waaler rồi. Tôi biết anh ta đang đến đó, nên chuyện đó thì được rồi. Nhưng khi xuống xe tôi nghe thấy một tiếng

rú khủng khiếp. Ban đầu tôi tưởng có con chó nào ở đâu đó trong nhà hàng xóm. Nhưng khi tôi bước lên lối đi rải sỏi, tôi biết nó xuất phát từ trong nhà và rằng đó không phải là tiếng chó. Mà là tiếng người. Tôi không liêu lao vào mà gọi cảnh sát khu vực Okem hỗ trợ.”

“Là bà mẹ à?”

Harry gật đầu. “Bà ta hoảng loạn hoàn toàn. Họ phải mất đến gần nửa tiếng mới khiến bà ta bình tĩnh lại để nói được điều gì dễ hiểu. Weber vẫn đang lấy khẩu cung của bà ta, trong phòng khách.”

“Ông bạn già Weber nhạy cảm đó hả?”

“Weber thì ổn rồi. Trong công việc ông ấy là kiểu ông già gắt gỏng tí thôi. Nhưng ông ấy lại rất tốt với những người đang ở trong hoàn cảnh thế này.”

“Tôi biết. Chỉ đùa thôi mà. Waaler hiểu vụ này thế nào?”

Harry nhún vai.

“Tôi biết!” Moller nói. “Cậu ta là một gã lạnh lùng. Dễ hiểu thôi. Chúng ta cùng vào trong xem qua chứ?”

“Tôi vào rồi.”

“Thế thì hướng dẫn cho tôi xem một vòng nhé.”

Họ đi lên tầng một khi Moller lăm bằm chào những đồng nghiệp ông không gặp đã lâu.

Phòng ngủ đông nghẹt các chuyên gia từ Đơn vị Điều tra Hiện trường, các máy chụp ảnh đang chớp sáng. Miếng nhựa đen vẽ đường nét xác chết bên trên phủ hết mặt giường.

Moller đưa mắt nhìn quanh các bức tường. “Lạy Chúa tôi,” ông lăm bằm.

“Sverre Olsen không bầu cho những người đảng Xã hội đâu,” Harry nói. “Đừng chạm vào cái gì đấy, Bjame,” một thanh tra quát lên, Harry nhận ra người đó bên Pháp y. “Lần trước anh biết xảy ra chuyện gì rồi đấy.”

Rõ ràng Medler còn nhớ; dù sao đi nữa ông vẫn phá lên cười hiền lành.

“Khi Waaler bước vào thì Sverre Olsen đang ngồi trên giường!” Harry

nói. “Theo lời Waaler, anh ta đang đứng bên ngưỡng cửa và hỏi Olsen về đêm Ellen bị giết. Olsen giả vờ hấn không thể nhớ được ngày tháng, Waaler hỏi thêm vài câu nữa và dần dần rõ ràng là Olsen không có chứng cứ ngoại phạm.

Theo lời Waaler thì Waaler đã đề nghị Olsen theo mình về đồn để lấy lời khai, thì lúc ấy Olsen bất ngờ chụp lấy khẩu súng lục ổ quay mà chắc hấn giấu dưới gối. Hấn nỏ súng, viên đạn đi qua bên trên vai anh ta và xuyên qua cửa - lỗ đạn ở đây - rồi xuyên qua trần trong hành lang. Như Waaler nói thì anh ta rút ngay khẩu súng ổ quay công vụ ra, bắn chết Olsen không cho hấn kịp bắn thêm phát nào nữa.”

“Phản ứng nhanh. Bắn cũng tốt nữa, tôi nghe vậy.”

“Ngay trán!” Harry nói.

“Có lẽ không lạ lắm. Waaler đã đạt kết quả cao nhất trong kỳ kiểm tra bắn mùa thu năm ngoái.”

“Sếp quên kết quả của tôi đấy,” Harry lạnh nhạt nói.

“Thế nào rồi, Ronald?” Moller kêu to, quay sang viên thanh tra mặc đồ trắng.

“Suôn sẻ, tôi nghĩ vậy.” Viên thanh tra đứng dậy, duỗi thẳng lưng mà rên. “Chúng tôi tìm thấy viên đạn giết chết Olsen phía sau tấm ốp tường Etemit đằng kia. Viên đạn xuyên qua cánh cửa đã đi tiếp xuyên qua trần nhà. Chúng tôi còn phải xem liệu có tìm thấy viên đạn đó hay không để mai mấy anh chàng bên đạn đạo có thứ mà chơi. Mà các góc cũng phù hợp nữa.”

“Hừm. Cảm ơn.”

“Không dám. Mà vợ ông thế nào rồi.”

Moller kể cho anh ta nghe tình hình vợ mình, mà quên mất không hỏi vợ tay thanh tra kia thế nào rồi, nhưng theo những gì Harry biết thì anh ta chẳng có ai. Năm ngoái bốn anh chàng bên Phòng Giám định Pháp y đã ly thân với vợ trong cùng một tháng. Họ đã đùa với nhau trong căng tin rằng chắc là do mùi xác chết.

Họ thấy Weber bên ngoài nhà. Ông ta đang đứng một mình với tách cà phê trong tay, đang xem người đứng trên thang.

“Mọi việc ổn chứ, Weber?” Moller hỏi.

Weber nheo mắt nhìn hai người như thể cân nhắc xem mình có buồn trả lời hay không đã.

“Bà ta sẽ không thành vấn đề nữa đâu!” ông ta nói, lại liếc nhìn người đang đứng trên thang. “Dĩ nhiên bà ta nói rằng bà ta không hiểu được, vì con trai bà ta vốn sợ nhìn thấy máu vân vân và vân vân. Nhưng chúng tôi cứ theo thực tế những gì xảy ra ở đây mà xét thôi.”

“Hừm.” Moller chạm sau khuỷu tay Harry. “Ta đi dạo chút đi.”

Họ cùng đi xuống đường. Đây là một khu vực có những ngôi nhà nhỏ, mảnh vườn nhỏ và cuối cùng là những khối căn hộ. Những đứa trẻ khuôn mặt đỏ hồng vì gắng sức, guồng chân đạp ngang qua họ đến chỗ mấy chiếc xe cảnh sát đang nhấp nháy đèn xanh. Moller chờ cho đến khi họ ra khỏi tầm nghe của mọi người.

“Cậu có vẻ không thực sự vui khi ta đã bắt được kẻ giết Ellen,” ông nói.

“Còn phụ thuộc vào việc sếp định nghĩa vui là gì. Trước hết chúng ta vẫn chưa biết liệu đó có phải là Sverre Olsen thật không. Các xét nghiệm ADN...”

“Các xét nghiệm ADN sẽ cho biết đó là hấn. Chuyện gì vậy, Harry?”

“Không có gì đâu sếp!”

Moller dừng lại. “Thật không?”

Ông hát đầu về phía ngôi nhà. “Có phải vì cậu nghĩ Olsen đã thoát tội quá nhẹ nhàng bằng một viên đạn bắn nhanh không?”

“Tôi nói với sếp rồi, chẳng có gì mà!” Harry nói với sự dữ dội bất ngờ.

“Phun hết ra đi!” Moller quát lên.

“Tôi chỉ nghĩ buồn cười bỏ mẹ.”

Moller nhíu mày. “Cái gì buồn cười?”

“Một cảnh sát lành nghề như Waaler...” Harry thấp giọng. Anh nói chậm,

nhấn mạnh từng chữ một. "... lại quyết định đi một mình đến nói chuyện và có khả năng là để bắt một nghi phạm. Nó phá vỡ tất cả các quy định thành văn và bất thành văn."

"Vậy điều cậu đang nói là gì? Rằng Tom Waaler đã khiêu khích à? Cậu nghĩ rằng cậu ta khiến Olsen chụp súng để cậu ta được báo thù chuyện Ellen bị giết phải không? Phải thế không? Vì vậy mà cậu đứng đó luôn miệng nói theo lời Waaler thế này, theo lời Waaler thế kia, chính xác như thể chúng ta cùng là cảnh sát mà không biết tin lời của đồng nghiệp ấy? Trong khi phân nửa Đơn vị Điều tra Hiện trường họ đang lắng nghe?"

Họ trừng mắt nhìn nhau. Moller cũng cao gầy bằng Harry.

"Tôi chỉ đang nói nó thật buồn cười chết được thôi," Harry nói, quay mặt đi. "Thế thôi."

"Đủ rồi đấy, Harry! Tôi không biết lý do tại sao cậu lại đến đây sau Waaler, hoặc có phải cậu nghi ngờ rằng có chuyện gì sắp xảy ra không. Nhưng tôi biết mình không muốn nghe bất cứ điều gì về chuyện này nữa. Tôi không muốn nghe một từ chết tiệt nào ám chỉ về bất kỳ điều gì. Hiểu chưa?"

Mắt Harry còn nấn ná lại ngôi nhà sơn vàng của gia đình Olsen. Nó nhỏ hơn các ngôi nhà khác. Hàng rào xung quanh cũng không cao như các nhà còn lại trên con phố buổi chiều yên tĩnh này. Các hàng rào khác khiến căn nhà ộp Etemit xấu xí này có vẻ cô thế. Các nhà hàng xóm dường như đang thờ ơ với nó. Có mùi chua chua của mây đám lửa đốt rác. Tiếng lách tách xa xa của bình luận viên từ đường đua ngựa Bjerke văng đến rồi bay theo gió.

Harry nhún vai. "Xin lỗi. Tôi... sắp biết đây!"

Moller đặt tay lên vai anh.

"Cô ấy là người giỏi nhất. Tôi biết điều đó mà, Harry."

Lão già đang đọc tờ Aftenposten. Lão hoàn toàn chăm chú vào tờ báo, nghiên cứu hình thức các cuộc đua ngựa kéo thì cô phục vụ đến bên cạnh nhắc lão chú ý.

“Xin chào,” cô nói, đặt một cốc to trước mặt lão.

Như thường lệ, lão không đáp, chỉ quan sát khi cô trả lại tiền lẻ cho lão. Khó xác định được tuổi của cô, nhưng lão đoán từ ba mươi năm đến bốn mươi. Trông cô như thể thời gian đã quá nghiệt ngã với cô cũng như với khách khứa cô đã phục vụ. Nhưng cô có nụ cười thật đẹp. Có thể uống một hai ly. Cô bỏ đi và lão nốc ngụm bia đầu, đảo mắt khắp phòng.

Lão xem đồng hồ đeo tay. Đứng dậy bước đến dãy điện thoại trả tiền xu phía cuối phòng, lão bỏ vào đấy ba đồng xu một krone, bấm số và chờ đợi. Sau ba hồi chuông đã có người nhắc máy.

“Juul nghe.”

“Signe đấy à?”

“Vâng.”

Từ giọng nói của bà, lão biết bà đã khiếp sợ, bà biết ai đang gọi đến. Đây là lần thứ sáu rồi nên có lẽ bà đã nắm được phương thức và biết ngày hôm nay lão sẽ gọi.

“Daniel đây,” lão nói.

“Ai thế? Ông muốn gì?” Hơi thở của bà trở nên nhanh, dồn dập.

“Anh vừa nói đấy, anh là Daniel đây. Anh chỉ muốn em lặp lại điều em đã nói nhiều năm trước. Em còn nhớ không?”

“Xin ông thôi đi. Daniel chết rồi.”

“Chỉ có cái chết mới chia lìa đôi ta, Signe. Chỉ có cái chết mới chia lìa đôi ta.”

“Tôi sẽ báo cảnh sát đây.”

Lão bỏ ống nghe xuống. Lão đội mũ lên đầu, khoác áo lên người rồi chậm rãi bước ra ánh mặt trời. Trong công viên Sankthanshaugen, những chồi non đầu tiên đã bắt đầu nhú. Sẽ chẳng còn lâu nữa đâu.

*Bữa ăn tối.**Ngày 5 tháng Năm năm 2000.*

Tiếng cười của Rakel xuyên qua những tiếng nói chuyện rì rầm không ngừng, tiếng muống nĩa và bồi bàn tíu tít trong nhà hàng chật ních người.

“... anh gần như sợ khi thấy có tin nhắn trên máy trả lời tự động,” Harry nói. “Em có biết cái con mắt nháy nháy nhỏ tí đó không. Và sau đó là giọng nói quyền uy của em đấy.”

Anh hạ thấp giọng xuống thành một âm trầm.

“Tôi là Rakel đây. Bữa tối lúc tám giờ vào thứ Sáu. Không được quên, com lê tử tế và mang theo ví. Helge cũng sợ đến phát khiếp. Anh phải cho nó hai lổi kê nó mới bình tĩnh lại được đấy.”

“Em không nói thế mà!” cô phản đối giữa những tràng cười. “Cũng như nhau thôi.”

“Không phải mà! Vì đấy là lỗi của anh. Vì tin nhắn anh có sẵn trên máy trả lời tự động.”

Cô cố gắng nhại lại cái giọng trầm tương tự: “*Hole đây. Xin cứ nói.* Nghe nó rất... rất..!”

“Rất Harry?”

“Chính xác!”

Bữa ăn tối thật hoàn hảo, buổi tối thật hoàn hảo, và giờ là lúc làm hỏng nó, Harry nghĩ.

“Meirik đã ra lệnh cho anh. Anh phải đi Thụy Điển làm một nhiệm vụ

ngầm,” anh nói, tẩy tẩy máy ly nước khoáng Farris. “Sáu tháng. Sau cuối tuần này anh sẽ đi.”

“Ồ.”

Anh ngạc nhiên khi không nhìn thấy một phản ứng nào in trên nét mặt cô.

“Anh đã gọi cho Sis và bố cho họ biết sớm ngày hôm nay rồi!” anh nói tiếp. “Bố anh đã nghe máy. Ông còn chúc anh may mắn nữa chứ.”

“Tốt rồi.” Cô tặng anh một nụ cười thoáng qua, rồi loay hoay với thực đơn món tráng miệng.

“Oleg sẽ nhớ anh đấy!” cô nói thấp giọng.

Anh nhìn cô, nhưng không bắt được ánh mắt cô.

“Vậy còn em thì sao?” anh hỏi.

Một nụ cười gượng gạo lướt qua mặt cô.

“Họ có món kem chuối kiểu Tứ Xuyên này,” cô nói.

“Gọi hai phần đi.”

“Em cũng sẽ nhớ anh,” cô nói, đôi mắt cô nhìn sang trang tiếp theo trong thực đơn.

“Đến mức nào?”

Cô nhún vai.

Anh lặp lại câu hỏi. Và ngắm nhìn cô hít một hơi. Cô đã sẵn sàng để nói, nhưng chỉ có làn hơi bật ra. Cô bắt đầu lại. Và rồi nó đã đến.

“Xin lỗi, Harry. Nhưng ngay lúc này chỉ có chỗ cho một người đàn ông trong cuộc đời em thôi. Người đàn ông bé bỏng sáu tuổi.”

Anh cảm thấy như cả một xô nước đá lạnh buốt dội xuống đầu.

“Thôi nào,” Harry nói. “Anh không thể sai đến thế.”

Cô ngược mắt lên khỏi cuốn thực đơn với nét dò hỏi trên mặt.

“Em và anh!” Harry nói, rướn người qua bàn. “Ở đây, tối nay. Chúng ta đang tán tỉnh nhau. Chúng ta đang vui vẻ. Nhưng chúng ta muốn nhiều hơn thế. Em muốn nhiều hơn thế.”

“Có lẽ thế.”

“Không phải là có lẽ. Mà là tuyệt đối chắc chắn. Em muốn mọi thứ.”

“Vậy thì sao?”

“Vậy thì sao? Em phải nói anh nghe, đó là thì sao đấy, Raket. Vài hôm nữa là anh sẽ đến một bãi rác nào đó bên Thụy Điển. Anh không phải là một kẻ hư hỏng. Anh chỉ muốn biết anh có gì chờ đợi để mùa thu này còn về hay không.”

Bốn mắt họ giao nhau và lần này anh nhìn vào mắt cô. Một lúc lâu. Cuối cùng cô bỏ thực đơn xuống.

“Em xin lỗi. Thật lòng em không muốn mọi chuyện lại thế này. Em biết thế này nghe sẽ thật lạ lùng, nhưng... lựa chọn khác sẽ không có kết quả đâu!”

“Lựa chọn gì?”

“Làm những gì em thấy muốn làm. Đưa anh về nhà, cởi hết quần áo và làm tình cả đêm.”

Cô thì thầm đoạn cuối thật nhanh và dịu dàng. Như thể cô muốn đợi đến tận phút cuối cùng để nói điều này. Nhưng khi thốt ra, nó phải được nói chính xác như thế. Thẳng băng và không hoa mỹ.

“Vậy một đêm nữa thì sao?” Harry nói. “Vậy vài đêm thì sao? Vậy thì đêm mai, đêm mốt, rồi tuần tới rồi...”

“Thôi đi!” Trên sống mũi cô có nét giận dữ. “Anh phải hiểu, Harry. Sẽ chẳng được gì đâu.”

“Đúng vậy.” Harry rút ra một điều thuốc rồi châm lửa. Anh để cô vuốt ve cằm anh, vuốt ve môi anh. Sự đụng chạm nhẹ nhàng ấy chạy suốt các dây thần kinh của anh như cú sốc điện, để lại một nỗi đau âm ỉ.

“Không phải tại anh, Harry. Một thời gian em đã nghĩ mình có thể làm lại chuyện đó. Em đã trải qua rất nhiều cuộc tranh cãi. Hai người lớn. Không còn liên quan đến ai khác nữa. Không cam kết và đơn giản. Và một người đàn ông em có cảm tình hơn hẳn bất kỳ ai khác kể từ... kể từ cha của Oleg. Đó là lý do nó sẽ không dừng lại với chỉ một lần. Và điều đó... điều đó

không tốt.”

Cô chìm trong im lặng.

“Có phải vì cha của Oleg là một kẻ nghiện rượu không?”

“Tại sao anh lại hỏi vậy?”

“Anh không biết. Việc đó có thể giải thích lý do tại sao em không muốn có liên quan gì đến anh. Không phải là em cần ở với một thằng nghiện rồi mới biết rằng anh không phải người xứng hợp, nhưng...”

Bàn tay cô đặt lên bàn tay anh.

“Anh là người hấp dẫn mà, Harry. Không phải thế đâu.”

“Vậy thì đó là gì?”

“Đây là lần cuối cùng. Vì chuyện này đây. Chúng ta sẽ không gặp lại nhau nữa.”

Đôi mắt cô nhìn anh chăm chú. Và bây giờ anh đã trông thấy nó. Không còn là những giọt lệ vì cười sáng lấp lánh trong khóe mắt cô.

“Và phần còn lại của câu chuyện?” anh hỏi, gượng một nụ cười. “Có phải giống như mọi điều khác ở POT, đều dựa trên cơ sở cần-phải-biết không?”

Cô gật đầu.

Phục vụ đến bàn của họ, nhưng chắc anh ta cảm nhận được giờ không phải lúc nên lại thôi.

Cô mở miệng ra định nói gì đó. Harry có thể thấy rằng cô sắp khóc. Cô cắn môi dưới. Rồi cô bỏ khăn ăn xuống khăn trải bàn, xô ghế về phía sau, đứng dậy không nói lời nào và quay gót. Harry vẫn ngồi yên, nhìn chăm chăm chiếc khăn ăn. Anh nghĩ chắc cô đã nắm nó trong tay một lúc rồi, bởi chiếc khăn vo tròn lại. Anh nhìn nó từ từ nở bung ra như một bông hoa giấy trắng muốt.

*Căn hộ của Halvorsen.**Ngày 6 tháng Năm năm 2000.*

Khi Halvorsen thức giấc vì tiếng chuông điện thoại, những con số dạ quang trên đồng hồ báo thức kỹ thuật số chỉ 1 giờ 30 sáng.

“Là Hole đây. Cậu ngủ rồi à?”

“Không,” Halvorsen đáp, chẳng hiểu tại sao mình phải nói dối.

“Tôi vừa nghĩ ra hai chuyện về Sverre Olsen.”

Từ tiếng thở và tiếng xe cộ đằng sau thì nghe như Harry đang ra ngoài đi dạo.

“Tôi biết anh muốn biết điều gì,” Halvorsen đáp. “Sverre Olsen đã mua một đôi ủng dã chiến tại cửa hàng Top Secret ở phố Henrik Ibsens. Họ đã nhận ra hấn từ tấm ảnh và họ còn cho chúng tôi cả ngày tháng nữa. Anh biết đấy, Kripos đã tới đó kiểm tra chứng cứ ngoại phạm của hấn có liên quan đến vụ Hallgrim Dale trước Giáng sinh. Nhưng tôi đã fax tất cả các thông tin này đến văn phòng của anh sớm ngày hôm nay rồi.”

“Tôi biết. Bây giờ tôi vừa từ đó về mà.”

“Bây giờ à? Tôi tưởng hôm nay anh ra ngoài ăn tối?”

“À chúng tôi ăn xong sớm mà.”

“Và anh quay lại làm việc luôn à?” Halvorsen hỏi, không tin.

“Phải, tôi cho rằng nên làm thế. Chính bản fax của cậu đã khiến tôi suy nghĩ. Tôi đang tự hỏi liệu mai cậu có thể kiểm tra vài thứ khác giúp tôi không.”

Halvorsen lâu bầu. Trước hết, Moller đã chỉ thị cho cậu ta theo cách không chấp nhận bất kỳ sự hiểu lầm nào: Harry không còn liên quan gì đến vụ Ellen Gjelten nữa. Và thứ hai: mai là thứ Bảy.

“Còn đó không, Halvorsen?”

“Còn.”

“Tôi có thể hình dung được Moller đã nói gì. Đừng để ý. Bây giờ cậu có cơ hội học hỏi thêm một chút về công việc điều tra đấy.

“Vấn đề là, Harry...”

“Im mà nghe đi, Halvorsen.”

Halvorsen tự nguyện rửa chính mình. Và lắng nghe.

*Phố Vibes.**Ngày 8 tháng Năm năm 2000.*

Mùi cà phê mới pha nhẹ phả vào trong hành lang, nơi Harry đang móc áo khoác lên giá treo đã chật ních.

“Cảm ơn đã chịu gặp tôi dù được báo trước gấp gáp thế này, ông Fauke.”

“Có gì đâu!” Fauke lẩm bẩm từ trong bếp. “Một lão già như tôi hạnh phúc được giúp còn chưa hết. Nếu tôi có thể giúp.”

Ông rót cà phê vào hai tách to và đặt lên mặt bàn bếp. Harry lần mấy đầu ngón tay theo bề mặt gỗ ghè của chiếc bàn gỗ sồi nặng nề thẫm màu.

“Từ Provence đấy,” Fauke nói không cần đợi nhắc. “Vợ tôi thích đồ nội thất nông thôn Pháp.”

“Chiếc bàn đẹp tuyệt. Vợ ông có khiếu thẩm mỹ đấy.”

Fauke mỉm cười.

“Cậu đã có vợ chưa? Chưa à? Chưa từng kết hôn? Cậu biết đấy, không nên để quá lâu đâu. Lúc nào cũng sống một mình rồi ta sẽ đâm ra khó tính.”

Anh bật cười.

“Tôi biết mình đang nói về cái gì. Khi kết hôn tôi đã quá ba mươi. Ở tuổi đó hồi ấy là muộn lắm rồi. Tháng Năm năm 1955.”

Anh chỉ tay vào một tấm ảnh treo trên tường, phía trên bàn bếp.

“Có thật kia là vợ ông không?” Harry hỏi. “Tôi tưởng đó là Rakel chứ?”

“À phải, tất nhiên rồi,” ông đáp sau khi mới đầu ngạc nhiên nhìn Harry, “Tôi quên mất rằng cậu và Rakel biết nhau từ bên POT.”

Họ cùng bước vào phòng khách nơi các xấp giấy đã dày lên kể từ lần trước anh đến thăm, chiếm hết các ghế ngoại trừ một chiếc cạnh bàn. Fauke thu xếp một chỗ cho họ ngồi cạnh chiếc bàn cà phê đầy tràn.

“Cậu có tìm được gì về những cái tên tôi cho cậu chưa?” ông hỏi.

Harry tóm tắt những gì anh đã phát hiện được.

“Tuy nhiên, có một vài nhân tố mới,” anh nói. “Một nữ cảnh sát đã bị giết.”

“Tôi có đọc về thông tin này trên báo.”

“Vụ này được giải quyết xong rồi. Chúng tôi đang chờ các kết quả xét nghiệm ADN. Ông có tin vào những sự trùng hợp không, Fauke?”

“Không hẳn.”

“Tôi cũng thế. Đó là lý do tôi luôn tự hỏi mình tại sao cũng những người đó luôn xuất hiện trong các vụ án rõ ràng không liên quan đến họ. Cũng vào buổi tối Ellen Gjeltén bị giết, cô ấy để lại một in nhắn trên máy trả lời tự động của tôi nói rằng “Bây giờ chúng ta tìm được hử rồi. Cô ấy đang giúp tôi tìm kiếm một kẻ đã đặt hàng khẩu súng Mårklin từ Johannesburg. Dĩ nhiên, không cần phải có mối liên hệ nào giữa người này với kẻ sát nhân, nhưng đó là những suy nghĩ đi liền với nhau. Đặc biệt vì cô ấy rõ ràng rất quan tâm đến chuyện liên lạc với tôi. Tôi đã theo đuổi vụ này suốt mấy tuần rồi, nhưng cô ấy vẫn cố gắng liên hệ với tôi vài lần vào tối hôm đó. Và nghe giọng cô ấy dường như rất kích động. Việc đó có thể cho thấy rằng cô ấy cảm thấy bị đe dọa.”

Harry để ngón trỏ lên bàn cà phê.

“Một người trong danh sách của ông, Hallgrim Dale, đã bị giết vào mùa thu năm ngoái. Trong con ngõ người ta phát hiện ra ông ta, ngoài vài thứ khác, còn chỗ nôn ọe. Mối liên kết chưa tìm ra được ngay vì nhóm máu không phù hợp với nhóm máu của nạn nhân. Hình ảnh một kẻ sát nhân chuyên nghiệp cực kỳ máu lạnh không thích hợp với một kẻ nôn mửa tại hiện trường vụ án. Tuy nhiên, Kripós không loại trừ khả năng rằng chỗ nôn

mửa thuộc về kẻ sát nhân nên gửi mẫu nước bọt đi xét nghiệm ADN. Sớm ngày hôm nay, một đồng nghiệp của tôi đã so sánh các kết quả này với các xét nghiệm được tiến hành trên chiếc mũ tìm thấy cạnh nữ cảnh sát bị sát hại. Chúng giống nhau.”

Harry dừng lại nhìn người đàn ông kia.

“Tôi hiểu,” Fauke đáp. “Bạn nghĩ hung thủ chỉ có thể là một kẻ đó mà thôi.”

“Không, tôi không nghĩ vậy. Tôi chỉ nghĩ rằng có thể có một liên kết giữa những kẻ sát nhân. Không đời nào cả hai lần Sverre Olsen đều ở quanh đó.”

“Tại sao hẳn lại không thể giết cả hai người?”

“Dĩ nhiên có thể hẳn đã làm thế, nhưng có một sự khác biệt căn bản giữa kiểu bạo lực Sverre Olsen đã dùng với vụ sát hại Hallgrim Dale. Ông đã từng thấy tổn thương về thể chất mà một chiếc gậy đánh bóng chày có thể gây ra chưa? Phần gỗ mềm làm giập nát xương, làm vỡ hết các cơ quan nội tạng như thận và gan. Ngoài da thường không bị tổn thương và nạn nhân thường tử vong do xuất huyết trong. Trong trường hợp của Hallgrim Dale, động mạch cảnh bị đứt. Chính vì cách giết người này, máu tuôn ra xối xả. Ông hiểu không?”

“Có, nhưng tôi không hiểu cậu đang muốn đến đâu.”

“Mẹ của Sverre Olsen có nói với một cảnh sát rằng Sverre không chịu được khi nhìn thấy máu.”

Tách cà phê của Fauke đang đưa lên miệng ngừng lại giữa chừng. Ông lại đặt tách xuống.

“Phải, nhưng...”

“Tôi biết ông đang nghĩ gì - rằng hẳn vẫn có thể làm được điều đó. Chuyện hẳn không chịu được khi nhìn thấy máu có thể giải thích tại sao hẳn nôn mửa. Nhưng vấn đề là kẻ sát nhân không phải lần đầu sử dụng dao. Theo báo cáo của nhà nghiên cứu bệnh học, đó là nhát cắt hoàn hảo như phẫu thuật. Chỉ ai biết rõ mình đang làm gì mới có thể làm được điều đó.”

Fauke chậm rãi gật đầu.

“Tôi hiểu ý cậu muốn nói gì,” ông đáp.

“Trông ông có vẻ trầm ngâm!” Harry nói.

“Tôi nghĩ tôi biết lý do tại sao cậu tới đây. Cậu đang tự hỏi liệu có ai trong số những người lính ở Sennheim có khả năng giết người kiểu này.”

“Đúng. Liệu có người nào không?”

“Có đấy.” Fauke nắm chặt tách cà phê bằng cả hai tay, đôi mắt ông lan man vào khoảng không. “Người mà cậu đã không tìm được. Gudbrand Johansen – Tôi đã nói với cậu, chúng tôi gọi anh ta là chim cổ đỏ, đúng không nhỉ?”

“Ông có thể kể cho tôi nghe thêm về ông ấy không?”

“Được, nhưng chúng ta phải pha thêm cà phê đã.”

“Ai đây?” Một tiếng quát phát ra từ sau cánh cửa. Giọng nhỏ và khiếp sợ. Harry có thể thấy bóng dáng bà qua lớp kính đóng tuyết.

“Harry Hole. Chúng ta đã nói chuyện qua điện thoại.”

Cánh cửa e dè mở ra một khe hở nhỏ.

“Xin lỗi, tôi...”

“Không sao mà.”

Signe Juul mở rộng cửa, Harry bước vào trong hành lang.

“Even ra ngoài rồi,” bà nói với một nụ cười hồi lỗi.

“Vâng, bà đã nói qua điện thoại rồi!” Harry đáp. “Thực ra thì tôi muốn nói chuyện với bà.”

“Với tôi?”

“Có tiện không, bà Juul?”

Người đàn bà lớn tuổi dẫn đường vào nhà. Mái tóc của bà, dày và xám bạc vẫn thành búi và cài cây trâm kiểu xưa. Cơ thể tròn trĩnh, lắc lư của bà luôn khiến bạn nghĩ đến một vòng tay ôm mềm mại và thức ăn ngon lành.

Burre ngóc đầu lên khi họ bước vào phòng khách.

“VẬY là chồng bà ra ngoài đi dạo một mình?” Harry hỏi.

“Vâng, ông ấy không thể mang theo Burre vào quán cà phê,” bà đáp. “Xin mời ngồi.”

“Quán cà phê ư?”

“Một việc dạo gần đây ông ấy mới bắt đầu làm,” bà mỉm cười. “Đến ngồi đọc báo. Ông ấy bảo mình sẽ suy nghĩ tốt hơn khi không ngồi ở nhà.”

“Có lẽ có gì trong đó.”

“Chắc chắn. Và cậu cũng có thể mơ mộng nữa đấy, tôi cho là vậy.”

“Bà nghĩ đó là mơ mộng kiểu gì?”

“À tôi không biết. Có lẽ cậu có thể hình dung cậu như đang trẻ lại, ngồi uống cà phê bên vỉa hè ở Paris hoặc Vienna.” Một lần nữa nụ cười nhanh, hời hợt ấy lại nở. “Nói thế đủ rồi. Cà phê không?”

“Vâng, xin bà.”

Harry xem xét các bức tường trong khi Signe Juul đi vào trong bếp. Phía trên lò sưởi là bức chân dung một thanh niên mặc chiếc áo choàng đen. Mấy lần trước đến đây Harry không để ý đến bức tranh này. Người đàn ông mặc áo choàng đen đang đứng trong tư thế gây ấn tượng mạnh. Rõ ràng ông ta đang quét mắt về phía chân trời xa ngoài tầm nhìn của người họa sĩ. Harry bước đến chỗ bức tranh. Một tấm đồng nhỏ viền khung trên có ghi dòng chữ: *Overlege Kornelius Juul, 1885-1969. Cố vấn y tế.*

“Đó là ông nội của Even,” Signe Juul nói, bước vào mang theo khay cà phê.

“Phải. Ở đây bà còn giữ được nhiều chân dung quá.”

“Vâng,” bà nói, để khay xuống. “Bức tranh bên cạnh là ông ngoại của Even, bác sĩ Wemer Schumann. Ông ấy là một trong những nhà sáng lập bệnh viện Ullev a l năm 1885.”

“Còn bức này?”

“Jonas Schumann. Cố vấn của bệnh viện Rikshospital.”

“Còn họ hàng của bà?”

Bà nhìn anh ngơ ngác. “Ý anh là gì?”

“Họ hàng của bà đâu?”

“Họ... đang ở nơi khác. Cho kem vào cà phê nhé?”

“Dạ không, cảm ơn.”

Harry ngồi xuống. “Tôi muốn nói chuyện với bà về chiến tranh!” anh nói.

“Ôi, không,” bà thốt lên.

“Tôi hiểu, nhưng chuyện này rất quan trọng. Tôi hỏi thế này không sao chứ?”

“Chúng ta sẽ xem,” bà nói, rút cho mình một tách cà phê.

“Trong chiến tranh bà là một y tá...”

“Tại Mặt trận phía Đông, phải. Một kẻ phản bội.”

Harry ngược mắt lên. Đôi mắt bà bình thản nhìn anh.

“Chúng tôi có khoảng bốn trăm người. Sau đó tất cả chúng tôi đều bị kết án tù. Bất chấp thực tế là Hội Chữ thập đỏ Quốc tế đã gửi đơn kháng cáo lên giới chức Na Uy đề nghị chấm dứt tất cả các tố tụng hình sự. Mãi đến năm 1990 Hội Chữ thập đỏ Na Uy mới xin lỗi chúng tôi. Cha của Even, trong bức tranh đằng kia, có quan hệ rộng nên cố xoay xở giảm án cho tôi... phần vì tôi đã giúp hai người lính Kháng chiến bị thương, vào mùa xuân năm 1945. Và vì tôi chưa bao giờ là thành viên của Dân tộc Thống nhất. Còn điều gì khác cậu muốn biết nữa không?”

Harry nhìn chăm chăm tách cà phê. Giờ đây anh chợt nhận thấy trong một số khu dân cư tốt hơn của Oslo, không khí có thể tĩnh lặng đến thế nào.

“Tôi không theo đuổi quá khứ của bà, bà Juul. Bà có nhớ một người lính Na Uy ở mặt trận có tên là Gudbrand Johansen không?”

Signe Juul nao núng, và Harry biết anh đã vấp phải cái gì đó.

“Chính xác thì cậu muốn biết chuyện gì?” bà hỏi, nét mặt căng thẳng.

“Chồng bà không kể với bà sao?”

“Even chẳng bao giờ kể gì cho tôi nghe hết.”

“Được. Tôi đang cố gắng xác định danh tính những người lính Na Uy đã đi qua Sennheim trên đường ra mặt trận.”

“Sennheim,” bà dịu dàng lặp lại. “Daniel đã đến đó.”

“Vâng, tôi biết bà đã đính hôn với Daniel Gudeson. Sindre Fauke có nói tôi nghe chuyện đó.”

“Ông ta là ai?”

“Một cựu chiến binh từ mặt trận và lực lượng Kháng chiến mà chồng bà có quen. Chính Fauke đã đề nghị tôi đến nói chuyện với bà về Gudbrand Johansen. Fauke đã đào ngũ nên ông ta không biết đã xảy ra chuyện gì với Gudbrand Johansen sau đó. Nhưng một người lính khác từ mặt trận, Edvard

Mosken, nói với tôi về một vụ nổ thủ pháo trong các chiến hào. Mosken không thể giải thích hết tất cả các sự kiện sau vụ nổ đó. Nhưng nếu Johansen còn sống thì sẽ là tự nhiên khi cho rằng ông ấy cuối cùng sẽ đến một bệnh viện dã chiến.”

Signe Juul bật ra một tiếng từ môi. Burre thong thả bước đến bên cạnh, bà vùi những ngón tay vào lớp lông dày, từng sợi của con chó.

“Phải, tôi nhớ được Gudbrand Johansen!” bà đáp. “Daniel thi thoảng lại viết về anh ta trong các lá thư từ Sennheim và trong những thư anh ấy gửi tôi từ bệnh viện dã chiến. Chúng rất khác nhau. Tôi nghĩ Gudbrand Johansen đã thành như em trai của anh ấy vậy.” Bà mỉm cười. “Hầu hết mọi người thường xử sự như những người em trai mỗi khi có mặt Daniel.”

“Bà có biết đã xảy ra chuyện gì với Gudbrand không?”

“Anh ta cuối cùng đã đến một bệnh viện của chúng tôi, như cậu nói. Đó là vào thời điểm phần mặt trận của chúng tôi rơi vào tay quân Nga, và có đợt rút lui toàn diện. Chúng tôi không thể đưa thuốc thang gì ra mặt trận vì mọi ngã đường đều bị nghẽn do dòng xe cộ kéo về từ hướng ngược lại. Johansen bị thương rất nặng, ngoài những thứ khác ra thì còn có một mảnh đạn pháo găm vào đùi anh ta, ngay phía trên đầu gối. Chân anh ta đang bị hoại thư lan ra nên có nguy cơ chúng tôi sẽ phải cắt bỏ. Nên thay vì nằm đợi thuốc mà chắc sẽ không đến, anh ta được gửi theo dòng xe cộ về phía Tây. Lần cuối tôi thấy anh ta là một khuôn mặt râu ria lộ ra từ dưới tấm chăn phía sau một xe tải. Bùn mùa xuân dâng lên đến nửa bánh xe, họ phải mất một tiếng mới di chuyển được ở khúc quanh đầu tiên rồi khuất tầm mắt.”

Con chó tựa đầu lên lòng chủ, ngược lên nhìn bà với đôi mắt u buồn.

“Và đó là lần cuối cùng bà nhìn thấy hoặc nghe nói về ông ấy?”

Bà chậm rãi đưa tách sứ thanh nhã lên miệng, nhấp một ngụm nhỏ rồi đặt xuống. Bàn tay bà không run rẩy nhiều, nhưng nó vẫn đang run.

“Ít tháng sau thì tôi có nhận được một tấm thiệp của anh ta,” bà đáp. “Anh ta viết rằng mình đang giữ một số đồ tùy thân của Daniel, chiếc mũ của Nga

mà tôi hiểu là một kiểu chiến lợi phẩm nào đó. Chữ viết thì khá lộn xộn, nhưng điều đó với các thương binh thì chẳng có gì bất thường cả.”

“Tám thiệp ấy bà còn...”

Bà lắc đầu.

“Bà còn nhớ nó được gửi từ đâu không?”

“Không. Tôi chỉ nhớ được rằng cái tên khiến tôi cho rằng nó được gửi từ nơi có màu xanh cây cối, vùng nông thôn và rằng anh ta khỏe.”

Harry đứng lên.

“Làm sao mà ông Fauke này lại biết về tôi?” bà hỏi.

“À...” Harry không biết phải ăn nói thế nào, nhưng bà đã chen vào.

“Tất cả những người lính tại mặt trận đều nghe nói đến tôi,” bà nói, miệng bà mỉm cười. “Mụ đàn bà đã bán linh hồn cho quỷ để nhận một bản án thấp hơn. Có phải họ nghĩ thế không?”

“Tôi không biết,” Harry nói. Anh biết mình phải ra ngoài. Họ chỉ cách con đường bao quanh Oslo có hai khối nhà, nhưng nơi này tĩnh lặng đến mức họ như đang ở cạnh một cái hồ trên núi.

“Cậu biết là tôi không bao giờ gặp lại anh ấy nữa mà,” bà nói. “Daniel. Sau khi họ bảo tôi rằng anh ấy đã chết.”

Bà đã chăm chú vào một điểm tưởng tượng trước mặt.

“Tôi có nhận được lời chúc mừng năm mới của anh ấy thông qua một người lính liên lạc. Rồi ba hôm sau tôi thấy tên của Daniel trong danh sách chiến sĩ tử trận. Tôi đã không tin đó là sự thật. Tôi bảo với họ tôi sẽ không tin cho đến khi nào họ cho tôi xem xác anh ấy. Nên họ đưa tôi đến hố chôn tập thể tại Quân khu Bắc, nơi họ đang thiêu các xác chết. Tôi đi xuống cái hố đó, giẫm đạp lên các xác chết để tìm kiếm, đi từ cái xác cháy khô này sang cái xác cháy khô khác, nhìn trừng trừng vào những hốc mắt trống hoác, đen ngòm. Nhưng không ai trong số này là Daniel. Họ nói rằng tôi sẽ không thể nào nhận ra anh ấy, nhưng tôi nói rằng họ đã sai. Rồi họ bảo tôi anh ấy có thể được chôn trong các hố khác đã bị lấp rồi. Tôi không biết, nhưng tôi

không bao giờ còn gặp lại anh ấy nữa.”

Bà giật mình khi Harry hắng giọng.

“Cảm ơn vì tách cà phê, bà Juul.”

Bà theo anh ra đến hành lang. Khi đứng cạnh tủ quần áo cài cúc áo khoác, anh không thể ngăn mình tìm kiếm những đường nét của bà trong các khuôn mặt đang nhìn từ các bức ảnh đóng khung treo trên tường. Nhưng vô ích.

“Chúng ta có phải nói gì với Even về những chuyện này không?” bà hỏi, mở cửa cho anh.

Harry nhìn bà ngạc nhiên.

“Ý tôi là ông ấy có phải biết rằng chúng ta đã nói về chuyện này không?” bà vội nói thêm. “Về chiến tranh và... Daniel?”

“À, dĩ nhiên nếu bà không muốn thì thôi.”

“Ông ấy sẽ biết rằng cậu đã đến đây. Nhưng chúng ta không thể nói rằng cậu đã đợi ông ấy, nhưng phải đến một cuộc hẹn khác hay sao?”

Đôi mắt bà van lơn, nhưng còn ẩn chứa một điều gì khác nữa.

Harry không thể hiểu nổi nó là gì cho đến khi đang ở Ringveien, mở cửa xe chào đón tiếng còi xe gầm rú đến điếc tai, thổi bay sự tĩnh lặng ra khỏi đầu óc anh. *Đó là sự khiếp đảm. Signe Juul sợ hãi một điều gì đó.*

Nhà Brandhaug. Nordberg.
Ngày 8 tháng Năm năm 2000.

Bernt Brandhaug gõ gõ con dao lên miệng ly pha lê, xô ghế về phía sau và dùng khăn ăn lau miệng trong khi nhẹ nhàng hắng giọng. Một nụ cười tươi hiện trên môi ông. Như thể ông vui sướng trước những vấn đề sắp đưa ra trong bài diễn văn gửi đến các vị khách: cảnh sát trưởng Storksen cùng chồng và Kurt Meirik cùng vợ.

“Hỡi các bạn bè và đồng nghiệp kính mến,”

Bằng khước mắt ông có thể thấy vợ ông đang gượng cười với những người khác, như thể muốn nói: Xin lỗi vì chúng ta phải trải qua chuyện này, nhưng tôi hết cách rồi.

Tối nay Brandhaug đã nói về tình bạn và sự bình đẳng trong mối quan hệ giữa đồng nghiệp, về tầm quan trọng của lòng trung thành và tập trung năng lượng tích cực, như một thứ để phòng vệ trước phạm vi mà nền dân chủ luôn dành cho sự tâm thương, việc rũ bỏ trách nhiệm và thiếu khả năng ở cấp lãnh đạo. Dĩ nhiên ta không thể kỳ vọng những bà nội trợ, những người nông dân được bầu lên chỉ vì lý do chính trị, để tạo cảm giác xã hội có vẻ công bằng, hiểu được tính phức tạp trong các lĩnh vực trách nhiệm mình được giao phó quản lý.

“Nền dân chủ tự thân nó đã là phần thưởng.” Brandhaug nói, một câu phát biểu ông đã vay mượn rồi biến nó thành của mình. “Nhưng điều đó không có nghĩa nền dân chủ tự nhiên đến mà không có cái giá phải trả. Khi

chúng ta biến một công nhân sản xuất thép lá thành bộ trưởng tài chính...”

Cứ chốc chốc ông lại kiểm cho chắc rằng cảnh sát trưởng đang lắng nghe, chêm vào câu nhận xét dí dỏm về quá trình dân chủ hóa trong nhiều thuộc địa cũ ở châu Phi, nơi chính ông đã từng làm đại sứ. Nhưng tối nay, bài diễn văn mà ông đã từng đọc vài lần trước các diễn đàn khác, không phải là nguồn cảm hứng cho ông. Tâm trí ông đang lang thang ở nơi mà nó đã ở trong vài tuần qua: với Rakel Fauke.

Cô đã trở thành nỗi ám ảnh đối với ông, đã có lần ông cân nhắc việc quên cô đi. Ông đã cố gắng đến quá mệt mỏi để có được cô.

Ông nghĩ về những việc làm thao túng gần đây của mình. Nếu không phải là Kurt Meirik đang làm sếp POT thì việc chẳng bao giờ thành công. Điều đầu tiên ông phải làm là cho gã Harry Hole này biến đi, tránh đường, ra khỏi thành phố này, đến một nơi nào đó mà Rakel hay bất kỳ ai khác cũng không thể liên hệ được.

Brandhaug gọi cho Kurt nói rằng nguồn tin của ông tại Dagbladet cho ông biết rằng có những lời đồn thổi đang lan trong giới báo chí về “điều gì đó” diễn ra trong chuyến thăm của tổng thống hồi mùa thu. Họ phải hành động ngay trước khi quá muộn, giấu Harry ở nơi nào đó báo chí không thể tìm ra được. Kurt không nghĩ thế sao?

Kurt hết ậm ừ rồi lại cười ha ha. Ít nhất cũng cho đến khi tất cả chuyện này qua đi, Brandhaug cứ khăng khăng. Nói thật, Brandhaug không tin rằng Meirik tin tưởng vào điều ông nói một phút nào. Không phải là ông lo lắng quá đáng. Vài ngày sau Kurt gọi cho ông nói rằng Harry Hole đã được cử ra tiền tuyến, đến một nơi khi ho cò gáy nào đó tận Thụy Điển. Brandhaug đúng là đã xoa tay hoan hỉ. Giờ thì chẳng còn gì có thể ngáng trở các kế hoạch ông đã đặt ra cho mình và Rakel nữa.

“Nền dân chủ của chúng ta như một cô con gái xinh xắn, tươi cười nhưng hơi ngây thơ. Chuyện các lực lượng vì cái thiện trong xã hội này liên kết với nhau chẳng có liên quan gì đến việc phát triển tầng lớp ưu tú hay những trò

chơi quyền lực; chúng ta chỉ có thể đảm bảo duy nhất một việc là cô con gái của chúng ta, Dân Chủ, sẽ không bị xâm phạm, và rằng chính quyền sẽ không bị bất kỳ thế lực không mong muốn nào tiếp quản. Do đó, lòng trung thành, cái phẩm chất gần như bị lãng quên này, giữa những người như chúng ta không chỉ là đáng mong muốn mà còn tuyệt đối quan trọng. Phải, đó là một bồn phận mà..!”

• • •

Họ chuyển chỗ ngồi sang những chiếc ghế bành sâu trong phòng khách. Brandhaug chuyển một vòng hộp xì gà Cuba - một món quà từ lãnh sự quán Na Uy tại Havana.

“Được vắn giữa những cặp đùi phụ nữ Cuba!” ông thì thầm vào tai chồng của Anne Storcken và nháy mắt, nhưng anh ta có vẻ không hiểu ý. Anh ta tạo một ấn tượng khô khan, cứng nhắc, người chồng này của cô ta, tên anh ta là gì nhỉ? Một cái tên có hai chữ - Chúa ơi, ông quên rồi sao? Tor Erik đúng không nhỉ! Đúng rồi, Tor Erik.

“Uống thêm Cognac không, Tor Erik?”

Tor Erik nở nụ cười mỉm, cam chịu và lắc đầu. Có lẽ là kiểu người khó hạnh đi bộ năm mươi cây số mỗi tuần, Brandhaug nghĩ. Mọi thứ ở anh ta đều mỏng - cơ thể, khuôn mặt, mái tóc. Ông đã bắt gặp ánh mắt hai vợ chồng trao nhau trong khi đọc bài diễn văn, như thể nhắc cho cô ta về một trò đùa riêng tư. Nó chẳng nhất thiết có liên quan đến bài diễn văn.

“Nhạy cảm đấy,” Brandhaug chua chát nói. “Cẩn tắc vô ưu, đúng không?”

Elsa xuất hiện bên cửa ra vào phòng khách.

“Bernt, anh có điện thoại.”

“Chúng ta đang có khách, Elsa.”

“Có người gọi đến từ Dagbladet.”

“Anh sẽ nghe trong văn phòng.”

Cô ta gọi từ phòng biên tập, một phụ nữ nào đó ông chẳng biết tên. Nghe giọng cô ta còn trẻ và ông cố gắng hình dung cô ta. Cuộc gọi là về vụ biểu tình tối hôm đó bên ngoài đại sứ quán Áo tại phố Thomas Heftyes, phản đối Jorg Haider và đảng Tự do cực hữu. Ông ta được bầu để giúp thành lập chính phủ. Cô ta chỉ muốn một vài nhận xét ngắn cho tờ báo buổi sáng.

“Ông có cho rằng đây sẽ là thời điểm thích hợp để xem xét lại các liên kết ngoại giao của Na Uy với Áo không, thưa ông Brandhaug?”

Ông nhắm mắt lại. Họ đang thả mồi câu, như thi thoảng họ vẫn có thói quen làm thế. Nhưng cả ông và họ đều biết rằng họ sẽ chẳng được xơ múi gì; ông quá thừa kinh nghiệm. Ông cảm thấy như mình đang say rượu; đầu ông nhẹ bẫng, đôi mắt nhảy múa sau mí mắt, nhưng không thành vấn đề.

“Đó là một phán quyết chính trị, các viên chức trong Văn phòng Đối ngoại không có quyền quyết định,” ông đáp.

Có một quãng ngừng. Ông thích giọng của cô ta. Cô ta có mái tóc vàng, ông có thể cảm nhận điều đó.

“Tôi tự hỏi với kinh nghiệm phong phú về hoạt động ngoại giao của mình, ông có thể dự đoán chính phủ Na Uy sẽ làm gì không?”

Ông biết mình nên trả lời như thế nào. Rất đơn giản.

Tôi không đưa ra dự đoán về những chuyện kiểu như vậy.

Không hơn, không kém. Ta không cần phải làm việc như ông đã làm trong thời gian rất dài mới cảm thấy rằng ta đã trả lời hết tất cả các câu hỏi hiện có. Nhìn chung các phóng viên trẻ luôn nghĩ mình là người đầu tiên hỏi ông đúng những câu họ hỏi, vì họ đã thức tới gần nửa đêm mới nghĩ ra. Và tất cả bọn họ đều bị ấn tượng, khi dường như ông dừng vài phút suy nghĩ trước khi trả lời một câu hỏi có lẽ ông đã trả lời hàng tá lần trước đó.

Tôi không đưa ra dự đoán về những chuyện kiểu như vậy.

Ông ngạc nhiên là mình vẫn chưa nói lời này với cô ta, mà có gì đó nơi giọng nói của cô ta, cái gì đó khiến ông cảm thấy sốt sáng hơn một chút.

Kinh nghiệm phong phú của ông, cô ta đã nói vậy. Ông thấy muốn hỏi cô ta xem cô ta có ý muốn gọi riêng ông, Bernt Brandhaug không.

“Là một viên chức thâm niên lâu nhất trong Bộ Ngoại giao, tôi bảo đảm rằng các quan hệ ngoại giao bình thường của chúng tôi với Áo vẫn được duy trì!” ông nói. “Điều đó là rõ ràng - dĩ nhiên chúng tôi nhận thức được các nước khác trên thế giới đang phản ứng trước những gì đang diễn ra ở Áo hiện nay. Tuy nhiên, việc có các quan hệ ngoại giao với một quốc gia không có nghĩa chúng tôi thích những gì đang diễn ra tại đất nước đó.”

“Vâng, chúng ta đã có những mối liên kết ngoại giao với vài chế độ quân sự,” giọng ở đầu dây bên kia trả lời. “Vậy ông nghĩ vì sao lại có những phản ứng dữ dội đến thế với đúng chính phủ này?”

“Tôi cho rằng việc này phải dựa trên lịch sử nước Áo gần đây.” Lẽ ra ông nên dừng lại ở đó. Lẽ ra ông nên dừng lại. “Những liên kết với chủ nghĩa Quốc xã vẫn còn đó. Suy cho cùng, hầu hết các sử gia đều đồng ý rằng trong suốt Thế chiến II, Áo thực tế là một đồng minh với nước Đức của Hitler.”

“Chẳng phải Áo cũng bị xâm lược sao, như Na Uy?”

Ông kinh ngạc thấy mình chẳng biết ngày nay họ được học những gì ở trường về Thế chiến II. Rõ ràng là rất ít.

“Cô vừa nói tên cô là gì nhỉ?” ông hỏi. Có lẽ ông đã hơi quá chén. Cô ta nói tên mình cho ông

“À Natasja này, để tôi giúp cô một chút trước khi cô lại gọi người khác nhé. Cô đã nghe nói đến Anschluss chưa? Có nghĩa là Áo không bị xâm lược theo hiểu biết thông thường về từ này. Quân Đức hành quân đến Áo vào tháng Ba năm 1938. Hầu như không hề gặp phải kháng cự, tình hình này được giữ nguyên cho đến hết thời gian còn lại của cuộc chiến.”

“Vậy là giống Na Uy à?”

Brandhaug kinh hoàng. Cô ta nói câu đó một cách chắc nịch, chẳng có tí xấu hổ nào vì sự ngu dốt của mình.

“Không,” ông chậm rãi đáp, như thể đang nói chuyện với một con nhóc

chậm hiểu. “Không giống Na Uy. Ở Na Uy chúng ta đã tự vệ, chúng ta đã có vua và chính phủ Na Uy tại London sẵn sàng và đợi chờ, phát đi những chương trình truyền thanh và... khích lệ, động viên nhân dân ở quê nhà.”

Ông có thể thấy cách ăn nói của mình hơi không thích hợp, bèn nói thêm, “Ở Na Uy, toàn dân đã đứng lên sát vai nhau chống lại những lực lượng chiếm đóng. Một số kẻ phản bội người Na Uy khoác lên người những bộ quân phục Lực lượng Vũ trang ss, chiến đấu cho quân Đức, nhưng chúng là cặn bã của xã hội, mà cô phải chấp nhận ở quốc gia nào cũng có. Nhưng ở Na Uy này sức mạnh của cái thiện phát huy, những cá nhân mạnh mẽ dẫn dắt phong trào Kháng chiến chính là nhân tố lát đường cho nền dân chủ. Những con người này trung thành với nhau và xét cho cùng chính họ đã cứu Na Uy. Nền dân chủ tự nó đã là một phần thưởng. Bỏ phần nói về đức vua của tôi đi nhé, Natasja.”

“Vậy ông nghĩ rằng tất cả những ai chiến đấu cùng quân Quốc xã đều là cặn bã hết à?”

Thực ra cô ta tìm kiếm điều gì? Brandhaug quyết định kết thúc cuộc đối thoại này.

“Tôi chỉ muốn nói rằng những kẻ phản bội trong cuộc chiến nên lấy làm hạnh phúc khi chúng được tha bổng bằng án tù nhẹ. Tôi đã từng làm đại sứ tại các quốc gia nơi từng tên đều bị xử bắn, và tôi cũng không chắc rằng việc đó có được xem là nên làm ở Na Uy không. Nhưng quay trở lại với lời nhận xét cô mong muốn, Natasja. Bộ Ngoại giao không có bình luận gì về vụ biểu tình hoặc về các thành viên mới của nghị viện Áo. Hôm nay tôi đang có khách ở đây, vậy nếu cô không phiền cho tôi xin phép, Natasja...”

Natasja xin lỗi, ông bèn cúp máy.

Trong phòng khách mọi người đang chuẩn bị ra về. “Đã xong rồi à?” ông nói với nụ cười rộng ngoác, nhưng chỉ giới hạn sự không bằng lòng của mình đến chừng đó. Ông cũng mệt rồi.

Ông tiễn các vị khách ra đến cửa. Ông đặc biệt bắt chặt tay cảnh sát

trưởng. Ông nói rằng cô đừng ngần ngại hỏi ông bất kỳ chuyện gì nếu ông giúp được. Tất cả đều đang diễn ra rất suôn sẻ qua các kênh công việc nhưng...

Điều cuối cùng ông nghĩ đến trước khi ngủ thiếp là Rakel. Và gã cảnh sát của cô ta mà ông đã gạt khỏi sân khấu. Ông đi vào giấc ngủ với một nụ cười, nhưng thức giấc với cơn đau đầu như búa bổ.

*Fredrikstad đến Halden.**Ngày 9 tháng Năm năm 2000.*

Chuyến tàu hỏa chỉ mới kín chưa đầy nửa số ghế nên Harry tìm được một chỗ ngồi gần cửa sổ.

Cô bé ngồi ngay sau lưng anh tháo tai nghe khỏi chiếc Walkman, nên anh nhận ra giọng ca sĩ nhưng không nghe thấy tiếng nhạc cụ nào. Chuyên gia vô tuyến điện mà họ sử dụng tại Sydney đã giải thích cho Harry rằng ở những âm lượng thấp tai người sẽ khuếch đại các tần số của giọng người.

Harry nghĩ cũng có đôi chút an ủi khi mà điều cuối cùng ta nghe thấy trước khi mọi thứ rơi vào thinh lặng lại chính là tiếng nói con người.

Những vệt mưa run rẩy len lỏi qua các ô cửa sổ toa tàu. Harry nhìn chăm chú ra những cánh đồng bằng phẳng, ướt đẫm, những sợi dây cáp điện trời lên trũng xuống giữa các cột điện dọc đường đi.

Trên sân ga tại Fredrikstad, một ban nhạc Janizary đang chơi. Người soát vé trên tàu giải thích với anh rằng họ đang tập luyện cho ngày Quốc khánh 17 tháng Năm.

“Thứ Ba nào cũng thế, cứ vào dịp này trong năm!” ông ta nói. “Trưởng ban nhạc nghĩ rằng các buổi trình diễn thử sẽ thực tế hơn nhiều, nếu có nhiều người xem xung quanh.”

Harry đã ném ít quần áo vào một túi xách. Căn hộ tại Klippan đáng lẽ phải đơn sơ nhưng lại được bày biện đầy đủ. Có một máy vô tuyến, máy stereo, thậm chí cả vài cuốn sách.

“Có cuốn *Mein Kampf*(*) và mấy cuốn kiêu ấy,” Meiriek đã nói vậy, kèm nụ cười toe toét. Anh vẫn chưa gọi cho Rakel. Cho dù anh cần được nghe giọng nói của cô. Giọng người cuối cùng.

“Ga kế tiếp là Halden,” tiếng lạo xạo giọng mũi vẳng đến từ chiếc loa, bị ngắt quãng bởi âm thanh lạc điệu, inh ỏi của phanh tàu.

Ngón tay Harry quẹt ngang cửa sổ khi anh tung tủy câu nói này trong đầu. *Một âm thanh lạc điệu, inh ỏi. Một âm thanh lạc điệu, inh ỏi. Một âm thanh lạc điệu...*

Một âm thanh không thể lạc điệu được, anh nghĩ. Một âm thanh chỉ lạc điệu khi nào được đặt bên cạnh những âm thanh khác. Ngay cả Ellen, người sành nhạc nhất mà anh biết, cũng cần vài phút, một vài âm thanh, để nghe ra tiếng nhạc. Ngay cả cô ấy cũng không thể chắc chắn tuyệt đối mà nói rằng một âm thanh nào đó mà cô tóm được vào một thời điểm riêng lẻ cụ thể là lạc điệu. Đó là một sai lầm, một lời dối trá.

Nhưng âm thanh này vẫn vang trong tai anh, ở âm vực cao và lạc điệu đến ghê người. Anh đang đến Klippan để khoan vùng kẻ có khả năng gửi bản fax chỉ mới khuấy lên vài tírt báo. Anh đã đọc khắp các tờ báo ngày hôm nay, nhưng rõ ràng họ đã quên câu chuyện về những lá thư đe dọa họ làm rùm beng chỉ mới bốn ngày trước. Thay vào đó, tờ Dagbladet viết về chuyện vận động viên trượt tuyết Lasse Kjus căm ghét Na Uy, và chuyện Bernt Brandhaug, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, nếu câu trích dẫn là chính xác, đã nói rằng những kẻ phản bội nên bị tuyên án tử hình.

Còn một âm thanh lạc điệu khác nữa. Nhưng có lẽ vì anh muốn như thế. Khi Rakel rời khỏi nhà hàng, biểu hiện trong ánh mắt cô ấy, gần như là một sự bày tỏ tình yêu trước khi cô cắt ngang, bỏ mặc anh rơi tự do với một hóa đơn tám trăm krone mà cô đã huênh hoang là mình sẽ trả. Chẳng có ý nghĩa gì cả. Hay là có nhỉ? Rakel đã đến căn hộ của Harry. Thấy anh uống rượu, nghe anh nói chuyện với cô trong nước mắt về người đồng nghiệp đã chết anh quen mới gần hai năm như thể cô là người duy nhất có quan hệ thân thiết

với anh. Đáng thương. Con người nên được tránh bị lột trần ra trước mắt nhau như thế. Vậy tại sao ngay lúc đó cô không bỏ về? Tại sao cô không tự nhủ rằng người này rắc rối quá sức cô liệu nổi?

Như thường lệ, anh lại tìm nơi trốn tránh trong công việc khi cuộc sống riêng tư biến thành một gánh nặng quá lớn. Anh đã đọc đâu đó rằng chuyện ấy là điển hình đối với một kiều đàn ông nhất định. Có lẽ đây là lý do tại sao anh dùng ngày nghỉ cuối tuần nấu như các kiều âm mưu và kịch bản kết hợp tất cả các yếu tố - khẩu súng trường Mārkin, vụ sát hại Ellen, vụ án mạng Hallgrim Dale - vào một nồi để rồi khuấy lên thành một bát canh bốc mùi. Chuyện này cũng đáng thương hại.

Một mắt anh lướt qua trang báo trải rộng trước mặt trên chiếc bàn gấp, chú mục vào bức ảnh người đứng đầu Văn phòng Đối ngoại. Gương mặt đó có gì quen quen.

Anh đưa tay lên xoa cằm. Bằng kinh nghiệm, anh biết não bộ thường đưa ra những liên tưởng riêng, khi cuộc điều tra sa vào lối mòn. Và cuộc điều tra về khẩu súng trường là một chương đã khép lại. Meirik đã nói rõ ràng - ông ta không xem đó là một vụ án. Meirik muốn anh viết báo cáo về bọn Quốc xã mới, làm công tác ngầm trà trộn vào đám thanh niên lang thang, lêu lổng ở Thụy Điển. Mẹ kiếp ông ta!

“... sân ga nằm bên tay phải!”

Nếu anh cứ xuống tàu thì sao nhỉ? Điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là gì? Chừng nào Bộ Ngoại giao và POT còn thấy sợ vụ nổ súng tại buồng soát vé bị rò rỉ thì chừng đó Meirik không thể đá đít anh. Và liên quan đến Rakel thì... liên quan đến Rakel thì, anh không biết nữa.

Đoàn tàu dừng lại với một tiếng rên rỉ cuối cùng, toa tàu rơi vào im lặng. Bên ngoài hành lang, những cánh cửa đóng sầm lại. Harry vẫn ngồi tại chỗ. Anh nghe được bài hát từ chiếc Walkman rõ ràng hơn. Đó là một ca khúc anh đã nghe nhiều lần rồi, anh chỉ không nhớ được là nghe ở đâu.

*Nordberg và khách sạn Continental.**Ngày 9 tháng Năm năm 2000.*

Nó tấn công lão già hoàn toàn không kịp phòng bị: những cơn đau nhói khiến lão nghẹt thở. Lão gập đôi người lại trên mặt đất lão đang nằm, nhét nắm tay vào miệng ngăn mình không hét lên. Lão cứ nằm như thế, cố gắng giữ mình tỉnh táo khi những đợt sóng hết sáng lại tối tràn qua người. Đôi mắt lão hết nhắm lại mở. Bầu trời đổ dồn đến trên đầu lão. Như thể thời gian đang tăng tốc: những đám mây vùn vụt phóng qua bầu trời, những vì sao tỏa sáng qua vòm trời xanh ngắt. Ngày biến thành đêm, đêm lại biến thành ngày, rồi lại ngày thành đêm, đêm thành ngày, rồi thành đêm lại. Thế rồi tất cả chấm dứt, lão ngửi thấy hương thơm của đất ẩm dưới người mình và lão biết rằng mình còn sống.

Lão vẫn giữ nguyên tư thế cho đến khi thở lại được. Mồ hôi khiến áo sơ mi của lão dính bết vào người. Lão lật sấp người lại, một lần nữa nhìn xuống ngôi nhà.

Đó là một căn nhà gỗ to thâm màu. Lão vẫn đang nằm đây suốt từ sáng, và lão biết chỉ có một mình người vợ ở nhà. Tuy nhiên, toàn bộ các cửa sổ dưới tầng trệt và trên tầng một đều sáng đèn. Lão đã thấy chị ta đi khắp nơi bật hết toàn bộ đèn ngay sau khi trời vừa buông tối, theo đó lão suy ra rằng chị ta khiếp sợ bóng tối.

Dù vậy, lão khiếp sợ chính bản thân mình - chứ không sợ bóng tối, lão chưa từng sợ bóng tối. Lão khiếp sợ thời gian đang tăng tốc. Và cơn đau. Đó

là một trải nghiệm mới mà lão vẫn chưa học được cách kiểm soát. Cũng như lão không rõ mình có kiểm soát được không. Còn thời gian? Lão cố gắng hết sức không nghĩ đến những tế bào đang phân chia, phân chia và cứ phân chia mãi.

Một vầng trăng nhợt nhạt mọc trên bầu trời. Lão xem đồng hồ đeo tay: 7 giờ 30. Chẳng bao lâu trời sẽ tối hẳn, và lão sẽ phải chờ cho đến sáng. Trong trường hợp đó, lão sẽ phải bỏ cả đêm nằm trong lán. Lão nhìn công trình mình đã dựng lên. Bao gồm hai cành cây chữ Y cắm sâu xuống đất, chừa lại nửa mét bên trên mặt đất. Giữa hai cành chữ Y này, ở chỗ chạc cây là một cành cây thông trụi lá. Sau đó lão cắt ba cành cây dài đặt xuống đất, tựa vào cành cây thông. Phía trên cùng lão phủ một lớp những cành cây vân sam dày. Thế là đã hoàn tất một kiểu mái che chỡ cho lão khỏi mưa, giữ lại chút hơi ấm và ngụy trang sự hiện diện của lão trước khách bộ hành nếu họ có lạc đường. Chưa mất đến nửa tiếng, lão đã tạo xong một cái mái che mưa che gió.

Lão đã tính toán rằng cái nguy cơ bị ai đó nhìn thấy từ ngoài đường, hoặc bị bất kỳ ai trong các ngôi nhà gần đó phát hiện, là không đáng kể. Phải là người có con mắt tinh tường khác thường mới nhận ra được lán trại ngoài trời giữa những thân cây to, trong khu rừng vân sam rậm rạp, từ khoảng cách gần ba trăm mét. Vì lý do an toàn, lão phủ gần như toàn bộ khe hở bằng cành cây vân sam và quấn giẻ quanh nòng khẩu súng trường để ánh mặt trời buổi chiều hạ thấp sẽ không phản chiếu ánh thép.

Lão lại xem đồng hồ đeo tay. Hắn đang ở chỗ quái nào vậy?

• • •

Bernt Brandhaug xoay chiếc cốc trong tay và lại nhìn đồng hồ đeo tay. Cô ta ở chỗ quái nào rồi?

Họ đã dàn xếp gặp nhau lúc 7 giờ 30 và bây giờ đã sắp 7 giờ 45 rồi. Ông

uống cạn phần rượu còn lại, tự rót cho mình một cốc khác từ chai whisky phục vụ phòng mang lên: tên là Jameson. Thứ tốt đẹp duy nhất từng vượt khỏi biên giới Ai Len. Ông rót thêm cốc nữa. Hôm nay là một ngày chết tiệt. Các đầu mục trên tờ Dagbladet đồng nghĩa với việc chuông điện thoại không ngừng reo. Tuy nhận được sự ủng hộ khá lớn nhưng cuối cùng ông gọi lại cho tổng biên tập của Dagbladet, đồng thời là bạn cũ từ thời đại học, nói rõ lời của ông đã bị trích dẫn sai. Đổi lại ông hứa cung cấp cho họ thông tin nội bộ về sai lầm ngớ ngẩn nghiêm trọng của Bộ trưởng Ngoại giao tại cuộc họp ủy ban Tài chính châu Âu. Tổng biên tập xin thêm thời gian suy nghĩ. Nửa tiếng sau ông ta gọi lại. Có vẻ cô nàng Natasja này mới đến làm cho tờ báo, cô ta thừa nhận mình có thể đã hiểu lầm Brandhaug. Họ sẽ không đăng tin đính chính, nhưng cũng sẽ không theo đuổi vấn đề này nữa. Thực hành hạn chế thiệt hại đã thành công.

Brandhaug tợp một ngụm lớn, đảo whisky trong miệng và nếm hương thơm nồng nhưng êm ngọt xuống tận sâu trong mũi. Ông nhìn xung quanh. Ông đã ngủ ở nơi này bao nhiêu đêm rồi? Đã bao nhiêu lần ông tỉnh giấc trên chiếc giường cỡ lớn hơi mềm mại này, thấy hơi nhức đầu sau khi đã nốc quá nhiều? Đã bao nhiêu lần ông đề nghị người phụ nữ nằm cạnh mình - nếu như cô ta vẫn còn nằm ở đó - đi thang máy xuống phòng ăn sáng dưới tầng một, rồi đi xuống cầu thang tới khu tiếp tân, để trông như thể cô ta đang bước ra từ cuộc gặp gỡ bên bàn ăn sáng, chứ không phải từ các phòng ngủ. Chỉ là cẩn thận thôi.

Ông tự rót cho mình cốc nữa.

Với Rakel thì sẽ khác. Ông sẽ không đuổi cô xuống phòng ăn sáng.

Có tiếng gõ nhẹ lên cửa. Ông đứng dậy, nhìn lại lần cuối tấm trải giường dành riêng có màu vàng và vàng nhũ, cảm thấy hơi trào dâng nỗi sợ hãi. Nhưng ông nhanh chóng gạt sang bên, bước bốn sải chân tới cửa. Ông kiểm tra lại mình trước gương, đẩy lưỡi qua hàm răng trắng bóc. Ông thấm nước bọt lên ngón tay rà dọc theo hai lông mày rồi mở cửa.

Cô đang tựa người vào tường, chiếc áo khoác không cài cúc. Bên trong áo khoác cô đang mặc chiếc váy len màu đỏ. Ông đã đề nghị cô mặc cái gì đó màu đỏ. Mí mắt cô nặng nề và cô ném sang ông một nụ cười gượng. Brandhaug ngạc nhiên - ông chưa từng thấy dung mạo của cô như thế này. Chắc hẳn cô đã uống rượu hoặc dùng loại thuốc nào đó rồi - đôi mắt cô dò xét ông một cách lãnh đạm. Ông không thể nhận ra giọng cô khi cô lẩm bẩm rời rạc điều gì đó về việc không tìm ra chỗ này. Ông nắm lấy cánh tay cô nhưng cô vùng ra. Ông bèn dẫn cô vào phòng, đặt nhẹ tay lên eo lưng cô. Rakel ngồi phịch xuống sofa.

“Uống gì nhé?” Ông hỏi.

“Vâng, làm ơn,” cô nói, giọng nói của cô líu nhíu. “Hay ông muốn tôi thoát y ngay bây giờ hơn?”

Brandhaug rút cho cô một ly mà không trả lời. Ông biết cô đang chơi trò gì. Nhưng nếu cô nghĩ mình có thể làm hỏng khoái cảm của ông bằng cách biến mình thành món hàng như nhuốc thì cô đã nhầm. Được thôi, có thể ông sẽ thích hơn nếu cô chọn vai diễn là mục tiêu trong các cuộc chinh phục của ông ở Bộ Ngoại giao - cô gái ngây thơ ngã gục trước sự quyến rũ không thể cưỡng lại, vẻ gợi tình nam tính đầy tự tin của sếp.

Nhưng điều quan trọng nhất đó là cô quy hàng trước những khao khát của ông. Ông đã quá già không còn tin vào những động cơ lãng mạn của con người. Điều duy nhất ngăn cách họ đó là thứ cả hai cùng theo đuổi: quyền lực, sự nghiệp hoặc quyền nuôi dưỡng con trai.

Ông chẳng bao giờ lấy làm phiền khi phụ nữ bị lóa mắt trước vị thế người đứng đầu của ông. Suy cho cùng, đến chính ông cũng thế. Ông là Bernt Brandhaug, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao. Vì Chúa, ông đã dành cả cuộc đời mình để lên được chức Thứ trưởng. Nếu Rakel muốn tự làm cho mình mù mẫn và dâng hiến mình như một con điếm, điều đó cũng không thay đổi được những sự thật đó.

“Tôi xin lỗi, nhưng tôi phải có được em,” ông nói, thả hai viên đá vào ly

của cô. “Khi em dần biết tôi, em sẽ hiểu tất cả những chuyện này hơn. Nhưng dù sao hãy cho phép tôi tặng em bài học đầu tiên, một ý tưởng về điều kích thích tôi!”

Ông trao ly rượu cho cô.

“Một số kẻ luôn cúi bò qua cuộc sống này, mũi họ cắm xuống đất, và tự hài lòng với những mảnh vụn. Phần còn lại chúng ta đứng thẳng trên hai chân, bước đến bên bàn và đoạt lấy những vị trí xứng đáng thuộc về mình. Chúng ta thuộc về thiểu số vì lối sống của chúng ta đòi hỏi chúng ta đôi khi phải tàn nhẫn, và sự tàn nhẫn này đòi hỏi phải có sức mạnh. Chúng ta phải tự giải thoát mình khỏi môi trường giáo dục theo chủ nghĩa bình quân, dân chủ xã hội của mình. Nếu phải lựa chọn giữa việc đứng thẳng và luôn cúi, tôi thà chọn cách cắt đứt với lối răn dạy đạo đức thiên cận không đủ sức đặt những hành động của cá nhân trong bối cảnh. Và trong thâm tâm, tôi tin tưởng rằng rồi em sẽ tôn trọng tôi về điều đó.”

Cô không đáp; chỉ uống rượu.

“Hole không hề gây cho ông bất kỳ đe dọa nào!” cô nói.

“Anh ấy và tôi chỉ là bạn bè tốt.”

“Tôi nghĩ em đang nói dối!” ông nói, miễn cưỡng rút đầy chiếc ly cô đưa ra. “Và tôi phải có được em cho chính mình. Đừng hiểu nhầm tôi. Khi tôi ra điều kiện rằng em phải cắt đứt ngay lập tức tất cả liên hệ với Hole, nó chẳng liên quan gì đến sự ghen tuông mà liên quan nhiều hơn đến nguyên tắc về sự thuần khiết. Tuy nhiên, một vài tuần ở Thụy Điển, hoặc bất kỳ đâu Meirik cử hấn ta đến, sẽ chẳng có hại gì cho hấn đâu.”

Brandhaug cười lặng lẽ.

“Tại sao em lại nhìn tôi như thế, Rakel? Chẳng phải tôi như vua David còn Hole... nhắc lại xem tên hấn ta là gì ấy nhỉ, cái tên mà vua David sai các tướng của mình tổng hấn ra tiền tuyến ấy?”

“Uriah,” cô lẩm bẩm.

“Chính xác. Hấn chết, đúng không?”

“Nếu không thì đã chẳng thành chuyện!” cô nói trong ly rượu của mình.

“Tốt. Nhưng sẽ chẳng ai chết ở đây hết. Và nếu tôi không nhớ nhầm nhiều, vua David và Bathsheba đã sống khá hạnh phúc trọn đời, phải không?”

Brandhaug đến ngồi kế bên cô trên sofa, ngón tay ông nâng cằm cô lên.

“Nói cho tôi nghe, Rakel, làm sao mà em biết được nhiều truyện trong Kinh Thánh thế?”

“Được nuôi dạy tốt mà,” cô đáp, giằng đi rồi kéo váy qua đầu.

Ông nuốt khan khi nhìn cô chằm chằm. Cô thật hấp dẫn. Cô đang mặc đồ lót màu trắng. Ông đã yêu cầu cụ thể cô phải mặc đồ lót màu trắng. Nó làm tỏa sáng sắc vàng trên làn da cô. Nhìn cô không ai có thể nói rằng cô đã sinh con. Nhưng sự thật cô đã sinh con, sự thật cô có khả năng sinh sản rõ ràng, và sự thật là cô nuôi dưỡng một đứa trẻ bằng bầu sữa của mình, khiến cô còn hấp dẫn hơn nữa trong mắt Bernt Brandhaug. Cô thật hoàn hảo.

“Chúng ta không việc gì phải vội!” ông nói, đặt một bàn tay lên đầu gối cô. Khuôn mặt cô không để lộ bất kỳ cảm xúc nào, nhưng ông cảm thấy cô nao núng.

“Cứ việc làm gì ông thích!” cô nói, nhún vai.

“Em có muốn xem lá thư trước không?”

Ông hát đầu về phía chiếc phong bì màu nâu được rập nổi con dấu của đại sứ quán Nga, ở giữa bàn. Lá thư ngắn của đại sứ Vladimir Aleksandrov gửi cho Rakel Fauke thông báo rằng giới chức Nga đề nghị cô không cần phải để ý tới những lệnh triệu tập đến phiên tòa xử quyền nuôi con trước đó. Toàn bộ vấn đề sẽ được trì hoãn vô thời hạn do còn quá nhiều vụ án đang bị tồn đọng của các tòa án. Làm được việc này chẳng dễ dàng gì. Brandhaug đã buộc phải nhắc nhở đại sứ Nga về vài ân huệ mà ông ta còn nợ ông. Đó là chưa kể còn ngỏ lời có thêm bao nhiêu ân huệ nữa. Hai ân huệ này chạm gần sát những giới hạn được phép đối với người đứng đầu Bộ Ngoại giao Na Uy.

“Tôi tin ông,” cô đáp. “Chúng ta có thể làm cho xong chuyện này được

không?”

Cô gằn như không chớp mắt khi lòng bàn tay ông chạm vào má cô. Nhưng đầu cô lắc lư như thể gắn vào một con búp bê bằng giẻ.

Brandhaug xoa nhẹ bàn tay trên má cô, trong khi trầm ngâm chiêm ngưỡng cô.

“Em không hề ngu đâu, Rakel,” ông nói. “Thế nên tôi cho rằng em biết đây chỉ là sự dàn xếp tạm thời. Phải đợi sáu tháng rồi vụ án mới hết hiệu lực pháp lý. Một lệnh triệu tập mới có thể sẽ đến vào bất kỳ lúc nào; chỉ cần một cuộc điện thoại của tôi thôi.”

Cô nhìn ông trừng trừng, cuối cùng ông đã nhận thấy dấu hiệu. Sự sống hồi sinh trong con mắt đã chết của cô.

“Tôi nghĩ một lời xin lỗi sẽ không phải là không đúng chỗ đâu,” ông nói. Ngực cô phập phồng, cánh mũi cô run run. Đôi mắt cô từ từ đầy nước mắt.

“Thế nào?” ông hỏi.

“Xin lỗi.” Giọng cô gằn như không thể nghe thấy.

“Em sẽ phải nói lớn lên.”

Brandhaug cười tươi.

“Kìa, kìa, Rakel.” Ông lau khô giọt nước mắt trên má cô.

“Chuyện này sẽ ổn thôi mà. Em chỉ cần tìm hiểu tôi thôi. Tôi muốn chúng ta là bạn. Em hiểu không, Rakel?”

Cô gật đầu.

“Chắc không?”

Cô sục sục rồi lại gật đầu.

“Tuyệt hảo.”

Ông đứng dậy, cởi khóa thắt lưng.

• • •

Đêm nay là một đêm lạnh bất thường, lão già đã phải chui vào trong túi ngủ.

Dù lão đang nằm trên lớp cành cây vân sam dày, cái lạnh từ dưới đất vẫn thấm vào cơ thể lão. Hai chân lão trở nên cứng ngắc, cứ chốc chốc lão lại phải trở mình sang hai bên để phân thân trên khỏi rơi vào tình trạng mất cảm giác.

Các cửa sổ trong nhà vẫn sáng đèn. Nhưng giờ đây bên ngoài tối đến mức lão không còn thấy gì nhiều qua ống ngắm súng trường. Tuy nhiên, tình hình này vẫn chưa phải vô vọng. Nếu người đàn ông trở về nhà tối nay, ngọn đèn bên ngoài trên lối vào ga ra, nhìn thẳng ra rừng, sẽ bật sáng. Lão già nhìn qua ống ngắm. Dù đèn không tỏa ra nhiều ánh sáng, sắc màu trên cánh cửa ga ra vẫn đủ rực rỡ để hấn ta in hình rõ lên đó.

Lão già chuyển sang nằm ngửa. Ở đây yên tĩnh thật; lão sẽ nghe được tiếng xe đang đến. Miễn là lão không ngủ quên. Từng cơn đau dạ dày đã khiến lão kiệt sức, nhưng lão không thể ngủ. Trước kia lão chưa bao giờ ngủ khi làm nhiệm vụ. Chưa bao giờ. Lão có thể cảm thấy sự hận thù và cố gắng dùng nó làm ấm người. Sự hận thù này khác. Nó không giống sự hận thù đã cháy thành ngọn lửa nhỏ, bèn bị suốt nhiều năm, thiêu rụi và phát quang vùng cây tầng thấp những suy nghĩ tũn mủn, tạo ra một góc nhìn cho phép lão nhìn nhận mọi thứ rõ hơn. Sự hận thù mới này bùng cháy dữ dội đến mức lão không rõ lão đang kiểm soát nó, hay nó đang chế ngự lão. Lão biết mình không được phép để bản thân bị kéo theo nó; lão phải giữ được bình tĩnh.

Lão ngược nhìn lên bầu trời đầy sao giữa đám cây vân sam trên đầu. Tĩnh lặng quá. Tĩnh lặng và giá lạnh. Lão sắp chết rồi. Tất cả bọn chúng cũng sắp chết rồi. Đó là một ý nghĩ tốt; lão cố gắng lưu giữ nó trong tâm trí. Rồi lão nhắm mắt lại.

• • •

Brandhaug nhìn chăm chăm ngọn chùy đài trên trần nhà. Một vệt sáng xanh từ chiếc biển quảng cáo Blaupunkt bên ngoài phản chiếu trong những hình

lặng trụ. Tĩnh lặng quá. Giá lạnh quá.

“Giờ em về được rồi,” ông nói.

Ông không nhìn cô, mà chỉ nghe tiếng chăn lông vũ gập lại, cảm thấy giường nhún lên. Tiếp theo là tiếng quần áo mặc lên người. Cô chẳng nói lời nào. Chẳng nói gì khi ông chạm vào cô, chẳng nói gì khi ông ra lệnh cho cô phải vuốt ve ông. Cô nằm đó, với đôi mắt đen to, mở lớn. Đen ngòm vì khiếp sợ. Hoặc căm thù. Chính đó là thứ khiến ông khó chịu đến nỗi đã không...

Ban đầu ông đã tặng lờ nó đi. Ông đã đợi chờ cảm xúc. Nghĩ về những người phụ nữ khác đã chăn gối cùng ông, lúc nào chuyện đó cũng hiệu quả. Nhưng rồi cảm xúc không đến và một lúc sau ông đề nghị cô đừng chạm vào ông nữa. Cô không được phép làm nhục ông như thế vì bất kỳ lý do gì.

Cô tuân lệnh như một con robot. Lo sao tuân thủ thỏa thuận phần mình, không hơn, không kém. Còn những sáu tháng nữa vụ giành quyền nuôi dưỡng Oleg mới hết hiệu lực pháp lý. Ông còn khối thời gian. Chẳng việc gì phải thúc ép cô quá; sẽ còn những ngày khác, vẫn còn những đêm khác.

Ông đã quay về điểm khởi đầu, nhưng rõ ràng lẽ ra ông không nên uống rượu. Rượu làm ông tê liệt, khiến ông không đáp lại những âu yếm của cô và của chính ông.

Ông ra lệnh cho cô vào bồn tắm rồi đi lấy rượu cho cả hai. Nước nóng, xà phòng. Ông đọc những đoạn độc thoại dài dằng dặc rằng cô xinh đẹp như thế nào. Cô chẳng nói gì cả. Quá câm lặng. Quá lạnh lùng. Đến cuối cùng nước đã lạnh ngắt, ông lau khô người cho cô và dìu cô vào giường lại. Làn da cô sau đó trở nên giòn và khô. Cô bắt đầu run rẩy và ông cảm thấy cô đang bắt đầu có phản ứng. Cuối cùng cũng đến. Bàn tay ông di chuyển xuống dưới, xuống dưới nữa. Rồi ông lại nhìn thấy đôi mắt cô. To, đen ngòm, như chết. Ánh mắt cô chú mục vào một điểm trên trần nhà. Điều kỳ diệu một lần nữa tan biến. Ông thấy muốn đánh đập cô, vã sự sống vào đôi mắt vô hồn kia. Muốn đánh bằng bàn tay ông, muốn nhìn thấy làn da ấy sáng bừng lên, trở nên nóng giãy và đỏ rực.

Ông nghe thấy tiếng cô lấy lá thư trên bàn, mở khóa túi xách.

“Lần tới chúng ta sẽ phải uống ít rượu thôi,” ông nói. “Cả em cũng phải vậy.”

Cô không đáp.

“Tuần sau nhé, Rakel. Cũng chỗ này, cũng giờ này. Em sẽ không quên, đúng không?”

“Sao tôi quên được?” cô đáp. Cánh cửa khép lại, cô đã đi rồi.

Ông ngồi dậy, tự làm cho mình đồ uống khác. Jameson pha nước, thứ tốt đẹp duy nhất... Ông chậm rãi uống, ngả mình xuống giường.

Chẳng bao lâu đã nửa đêm. Ông nhắm mắt lại, nhưng giấc ngủ không đến. Từ căn phòng bên cạnh ông nghe thấy ai đó bật truyền hình trả tiền. Nếu đó là truyền hình trả tiền, thì chính là nó. Những tiếng rên rĩ nghe khá giống thật. Một tiếng còi hụ của xe cảnh sát xé tan màn đêm. Chó chết! Ông hét quay bên này lại quay bên kia. Cái giường mềm mại này lúc nào cũng khiến lưng ông ê ẩm. Ông luôn thấy khó khăn khi ngủ ở đây, không chỉ vì cái giường. Căn phòng màu vàng đã và sẽ luôn luôn là một phòng khách sạn, một nơi chốn xa lạ.

Một cuộc họp tại Larvik, ông bảo với vợ mình thế. Và như thường lệ, khi bà hỏi thì ông chẳng thể nhớ được tên khách sạn họ đang ở lúc này. Có phải Rica không nhỉ? Nếu cuộc họp kết thúc muộn, ông sẽ gọi điện về, ông bảo thế. Nhưng em nên biết những bữa ăn khuya này là thế nào mà, em yêu.

Mà bà ấy có gì để phàn nàn. Ông đã mang lại cho bà một cuộc sống hơn tất cả những gì bà từng mong so với gia cảnh của bà. Nhờ có ông, bà được đi du lịch vòng quanh thế giới, sống trong những căn nhà riêng của đại sứ quán xa hoa, lộng lẫy đủ kẻ hầu người hạ ở một số thành phố đẹp nhất thế giới, học ngoại ngữ và gặp gỡ những người thú vị. Cả đời bà chưa từng phải động tay vào một việc gì. Bà sẽ làm gì nếu bị bỏ lại một mình, khi mà chưa bao giờ đi làm? Ông chính là cơ sở cho sự tồn tại của bà, gia đình của bà, nói ngắn gọn là của mọi thứ bà có. Không, ông chẳng buồn bận tâm đến việc

Elsa có thể hoặc không thể nghĩ gì.

Tuy nhiên, trong lúc này ông lại đang nghĩ đến bà. Lẽ ra ông nên có mặt ở đó, cùng bà. Một tấm thân quen thuộc, nóng ấm áp vào lưng ông, đôi cánh tay quàng quanh người ông. Phải, một sự ấm áp nhỏ bé sau tất cả những băng giá này.

Ông lại nhìn đồng hồ đeo tay. Ông có thể nói rằng bữa tối đã kết thúc sớm và ông quyết định lái xe về nhà. Không chỉ vậy, bà sẽ thấy hạnh phúc. Chắc chắn bà ghét phải ở một mình cả buổi tối trong căn nhà rộng lớn ấy.

Ông nằm đó, lắng nghe những âm thanh vọng sang từ căn phòng bên cạnh.

Rồi ông ngồi dậy, nhanh chóng mặc lại quần áo.

• • •

Lão già không còn già nữa. Và lão đang khiêu vũ. Đó là một điệu valse chậm, má cô gần kề bên cổ lão. Họ đã khiêu vũ được rất lâu rồi, mình họ đầm mồ hôi và làn da cô nóng bỏng đến mức bốc cháy trên làn da lão. Lão có thể cảm thấy cô mỉm cười. Lão muốn tiếp tục khiêu vũ như thế này. Lão muốn cứ tiếp tục ôm cô cho đến khi cả tòa nhà này cháy rụi, cho đến khi thời gian ngừng trôi, cho đến khi họ mở mắt và thấy họ đã cùng nhau đến một nơi khác.

Cô thì thầm điều gì đó, nhưng tiếng nhạc quá âm ỉ.

“Cái gì?” lão hỏi, cúi đầu xuống. Đôi môi cô kề sát tai lão.

“Anh phải thức dậy đi,” cô đáp.

Lão mở choàng mắt. Mắt lão chớp chớp trong bóng tối trước khi thấy hơi thở của lão đông cứng và trắng xóa chờn vờn trước mặt. Lão trở người, thốt tiếng rên rỉ khẽ và cố gắng rút hai cánh tay dưới người ra. Chính tiếng động ở cửa ga ra đã đánh thức lão. Lão nghe thấy tiếng xe rô máy, vừa kịp thấy chiếc Volvo màu xanh đang bị cái ga ra tối om kia nuốt chửng. Cánh tay

phải của lão đã tê dại rồi. Trong vài giây nữa, người đàn ông này sẽ lại xuất hiện, đứng dưới ánh đèn, đóng cửa ga ra và rời... như thế sẽ là quá muộn.

Lão già tuyệt vọng loay loay mở khóa kéo trên chiếc túi ngủ, rút được cánh tay trái ra ngoài. Adrenalin đang chạy giần giật qua các mạch máu của lão, nhưng giấc ngủ vẫn không chịu buông tha. Nó giống như một lớp vải len đang làm nghẹt hết tất cả các âm thanh và không cho lão nhìn được rõ ràng nữa. Lão nghe thấy tiếng cánh cửa xe đang đóng lại.

Bây giờ cả hai cánh tay lão đã thò ra khỏi túi ngủ, thật may mắn bầu trời đầy sao cho lão đủ ánh sáng để định vị súng trường, đưa súng vào vị trí. Nhanh lên, nhanh lên nào! Lão tì má vào báng súng trường lạnh ngắt. Lão nheo mắt nhìn qua kính ngắm. Chớp mắt, chẳng nhìn thấy gì hết cả. Ngón tay lão run run lấy đi mảnh vải lão đã quấn quanh kính ngắm để sương giá khỏi bám vào. Rồi đấy! Tì má vào báng súng lần nữa. Giờ thì sao? Ga ra khuất tầm nhìn rồi, hẳn lão đã bỏ ống ngắm cự li ra. Lão nghe thấy tiếng cửa ga ra đóng sầm lại. Lão vặn ống ngắm cự li và người đàn ông dưới kia lọt vào tầm ngắm. Hẳn ta có dáng người cao, đôi vai rộng, đang mặc chiếc áo khoác len và đứng quay lưng lại phía lão. Lão già chớp chớp mắt. Giấc mơ vẫn lơ lửng như lớp sương mù mỏng tang trước mắt lão.

Lão muốn chờ đến khi người đàn ông quay lưng lại, cho đến khi lão có thể khẳng định chắc chắn mình chọn đúng người. Ngón tay lão co quanh cò súng, thận trọng nhấn xuống. Dùng thứ vũ khí lão đã tập luyện suốt mấy năm trời hẳn dễ dàng hơn nhiều, khi áp lực cò súng đã nằm trong máu của lão, mọi cử động đều tự động. Lão tập trung vào thở. Giết một ai đó không khó. Không hề khó nếu bạn đã tập làm thế. Khi mở đầu Chiến tranh Gettysburg năm 1863, hai nhóm trung đội mới tuyển mộ đã đứng cách nhau năm mươi mét, nổ súng bắn vào nhau hết loạt này đến loạt khác mà chẳng ai trúng đạn - không phải vì họ là những tay súng quá tồi mà vì họ đều nhắm lên trên đầu đối phương. Đơn giản là họ không dám vượt qua cái ngưỡng giết chết một người khác. Nhưng chỉ cần ta đã làm thế một lần...

Người đàn ông đứng trước ga ra quay người lại. Dường như hắn ta đang nhìn thẳng về phía lão già. Chính là hắn, không còn nghi ngờ gì nữa. Phần thân trên của hắn gần như lấp kín cả kính ngắm súng trường. Lớp sương mù trong đầu lão già đang bắt đầu tan đi. Lão nín thở, chậm rãi và bình tĩnh tăng áp lực lên cò súng. Phát súng đầu tiên phải trúng đích vì ngoài vòng ánh sáng cạnh ga ra, xung quanh chìm trong màn đêm tối như mực. Thời gian đông cứng. Bernt Brandhaug là một người đã chết. Não bộ lão già giờ đã hoàn toàn minh mẫn.

Đó là lý do tại sao cái cảm giác lão đã làm điều gì sai đến một phần nghìn giây trước khi lão biết nó là gì. Cò súng không nhúc nhích. Lão già nhấn mạnh hơn, nhưng cò súng vẫn không nhúc nhích. *Chốt an toàn*. Lão già biết là đã quá muộn. Lão đưa ngón cái tìm thấy chốt an toàn, bật mở nó. Rồi lão nhìn chằm chằm qua ống ngắm vào vùng ánh sáng hình nón trống trải.

Brandhaug đã biến mất, hắn ta đang bước về phía cửa trước ở phía bên kia ngôi nhà, nhìn thẳng ra con đường.

Lão già chớp mắt. Trái tim lão đang đập bên trong lồng ngực như tiếng búa. Lão để không khí thoát ra khỏi hai lá phổi đang nhúc nhích. Lão đã ngủ thiếp đi. Lão lại chớp mắt. Giờ đây mọi thứ xung quanh lão như đang bơi trong một làn sương mù.

Lão đã thất bại. Tay nắm chặt, lão đâm thành thịch xuống mặt đất. Phải đến khi giọt lệ nóng hổi đầu tiên rớt xuống mu bàn tay, lão mới biết mình đang khóc.

*Klippan Thụy Điển.**Ngày 10 tháng 5 năm 2000*

Harry thức giấc.

Phải mất một lúc anh mới biết mình đang ở đâu. Sau khi tự vào căn hộ, điều đầu tiên anh chợt nghĩ đó là mình sẽ không thể ngủ được. Chỉ có một bức tường mỏng dính và một tấm kính duy nhất ngăn cách phòng ngủ với con phố ồn ã ngoài kia. Nhưng ngay sau khi siêu thị bên kia đường đóng cửa nghỉ đêm, nơi này có vẻ calm lặng như chết. Chẳng có lấy một chiếc xe chạy qua. Cư dân địa phương dường như đã bị nuốt chửng.

Ở siêu thị, Harry đã mua một bánh pizza cỡ lớn về hâm nóng trong lò. Anh nghĩ thật lạ làm sao khi anh đang ngồi ở Thụy Điển, ăn món Ý làm ở Na Uy. Sau đó, anh bật chiếc ti-vi phủ đầy bụi đặt trên một thùng bia trong góc phòng. Rõ ràng có chuyện gì đó không ổn với chiếc ti-vi, vì gương mặt của ai cũng đều phủ một lớp mờ mờ màu xanh lả lẫm. Anh ngồi đó xem một bộ phim tài liệu. Một cô gái kể lại chuyện về anh trai, anh này đã đi du lịch vòng quanh thế giới vào những năm 1970 và gửi thư về cho cô, trong suốt quãng đời thơ ấu của cô. Từ cảnh vô gia cư tại Paris đến khu định cư ở Israel, từ một chuyến đi bằng xe lửa qua Ấn Độ đến lúc đứng trên bờ vực tuyệt vọng tại Copenhagen. Phim được làm rất đơn giản. Một vài đoạn clip, nhưng hầu hết là những bức ảnh tĩnh, một giọng thuyết minh và một câu chuyện buồn bã, u sầu đến lạ lùng. Chắc anh đã nằm mơ thấy nó, vì khi anh thức giấc, những nhân vật và nơi chốn ấy vẫn đang chiếu trên võng mạc của

anh.

Âm thanh đánh thức anh phát ra từ chiếc áo khoác anh vắt trên ghế trong bếp. Những tiếng bíp bíp chói tai vang dội khắp các bức tường của căn phòng trống trải. Anh đã bật hết cỡ lò sưởi điện dạng bảng, nhưng dưới chiếc chăn lông vũ mỏng anh vẫn lạnh thấu xương. Đặt chân xuống lớp vải sơn lót sàn nhà lạnh ngắt, anh lấy chiếc điện thoại di động nơi túi áo trong ra.

“A lô?”

Không trả lời.

“A lô?”

Anh chỉ nghe thấy tiếng đầu dây bên kia đang thở. “Phải em không, Sis?” Con bé là người duy nhất anh có thể ngay lập tức nghĩ đến có số của anh và là người có thể gọi cho anh vào giữa đêm thế này.

“Có chuyện gì sao? Helge bị làm sao hả?”

Anh đã nghi ngờ khi giao con chim cho Sis, nhưng con bé dường như thấy hạnh phúc và đã hứa sẽ chăm sóc nó cẩn thận. Nhưng đây không phải là Sis. Con bé không thở kiểu này. Và con bé hẳn đã trả lời anh.

“Ai đấy?”

Vẫn không trả lời.

Anh vừa định gác máy thì chợt nghe thấy tiếng thút thít. Hơi thở bắt đầu run run; nghe như thể người ở đầu dây bên kia sắp khóc. Harry ngồi xuống giường sofa. Qua khoảng hở giữa các bức rèm xanh mỏng, anh có thể thấy biển hiệu đèn nê ông của siêu thị ICA.

Harry rút một điều thuốc lá ra khỏi bao trên chiếc bàn cà phê cạnh sofa, châm lửa rồi ngả người ra. Anh hít một hơi thật sâu khi nghe hơi thở run run chuyển thành tiếng nức nở khẽ.

“Đừng khóc mà,” anh nói.

Ngoài kia một chiếc xe chạy qua. Hẳn phải là một chiếc Volvo, Harry nghĩ. Anh kéo chăn lên phủ hai chân. Rồi anh kể câu chuyện về cô gái và anh trai cô ta, ít nhiều theo những gì anh còn nhớ được. Khi anh kể xong cô

không khóc nữa, và anh vừa nói tạm biệt xong, đường dây liền tắt.

Khi chiếc di động lại reo, lúc ấy đã quá 8 giờ và ngoài kia trời đã sáng. Harry tìm thấy nó dưới tấm chăn, giữa hai chân anh. Đó là Meirik. Giọng ông nghe căng thẳng.

“Quay về Oslo ngay lập tức,” ông nói. “Có vẻ như khẩu súng trường Marklin của cậu đã khai hỏa rồi.”

PHẦN 7
ÁO CHOÀNG ĐEN

*Bệnh viện Rikshospital.**Ngày 10 tháng Năm năm 2000.*

Harry nhận ra Bernt Brandhaug ngay tắp lự. Ông ta có nụ cười rộng ngoác trên mặt, nhìn Harry trừng trừng bằng đôi mắt trợn ngược.

“Tại sao ông ta cười thế?” Harry hỏi.

“Đừng hỏi tôi,” Klemetsen đáp. “Các cơ mặt cứng queo rồi thì người ta có đủ các kiểu vẻ mặt. Đôi khi chúng tôi phải thấy những ông bố bà mẹ còn không nhận ra được con mình, vì chúng đã thay đổi quá nhiều.”

Chiếc bàn khám nghiệm tử thi nằm ngay giữa phòng. Klemetsen cất tấm vải che đi để họ thấy phần còn lại của thi thể. Halvorsen ngay lập tức quay phắt lại. Cậu ta đã không chịu nghe theo lời khuyên của Harry mà thoa kem tinh dầu bạc hà trước khi bước vào đây. Vì nhiệt độ phòng trong Phòng Khám nghiệm tử thi số 4 của khoa Pháp y, bệnh viện Rikshospital là mười hai độ, cái mùi không phải là thứ tồi tệ nhất. Halvorsen không thể ngăn được mình nôn ọe.

“Công nhận,” Knut Klemetsen nói. “Trông ông ta chẳng đẹp đẽ gì.”

Harry gật đầu. Klemetsen là một nhà bệnh lý học giỏi, và là người chu đáo. Ông biết được rằng Halvorsen là người mới, ông không muốn làm cậu ta ngược. Brandhaug trông cũng không tệ hơn hầu hết các xác chết khác. Nói cách khác, ông ta vẫn còn đỡ hơn cặp song sinh năm ngâm trong nước suốt một tuần, mười tám tuổi, bị đụng xe ở tốc độ 200 km/giờ do chạy trốn cảnh sát. Hoặc cô nàng nghiện ma túy tự đâm xăng lên người rồi đốt, ngồi

một chỗ hoàn toàn trần truồng trừ chiếc áo ngoài có mũ trùm đầu vải chần. Harry đã từng nhìn thấy hầu như mọi thứ và trong top mười thứ gây khó chịu nhất cho anh thì Bernt Brandhaug rõ ràng không nằm trong số đó. Duy chỉ có một điều rõ ràng: với chỉ một viên đạn xuyên qua lưng thì trông Bernt Brandhaug như vậy là khủng khiếp. Vết thương đầu ra toang hoác trên ngực ông ta to đến nỗi năm đấm của Harry ấn vào cũng lọt.

“Vậy là viên đạn xuyên qua lưng ông ta?” Harry nói.

“Ngay giữa hai xương bả vai, đi nghiêng xuống dưới. Viên đạn làm giập nát xương sống khi đi vào, khi bay ra làm dập nát xương ức. Như anh có thể thấy, xương ức bị thiếu mất nhiều phần. Họ tìm thấy vài dấu vết của nó trên ghế ngồi trong xe.”

“Trên ghế ngồi trong xe.”

“Phải, ông ta vừa mới mở cửa ga ra, có lẽ là đang trên đường đi làm thì viên đạn đi xuyên người ông ta ở một góc nghiêng. Nó xuyên qua các kính chắn gió trước và sau rồi găm vào bức tường phía sau ga ra, không hơn không kém.”

“Nó có thể là loại đạn kiểu gì nhỉ?” Halvorsen hỏi, có vẻ cậu ta đã trấn tĩnh lại được.

“Các chuyên gia đạn đạo sẽ phải trả lời câu hỏi đó!” Klemetsen đáp. “Nhưng tính năng của nó giống như một sự giao thoa giữa đạn *đum đum*(*) và một máy khoan đường hầm. Nơi duy nhất tôi từng thấy một thứ giống thế này là khi tôi làm công tác của Liên Hiệp Quốc ở Croatia năm 1991.”

“Một loại đạn của Singapore,” Harry nói. “Họ đã tìm thấy các phần còn lại in vào tường khoảng nửa phân, vỏ đạn họ tìm thấy trong cây cối gần đó giống loại tôi tìm được tại Siljan mùa đông năm ngoái. Đó là lý do tại sao họ liên hệ với tôi ngay. Anh còn cho chúng tôi biết được gì nữa không, Knut?”

Cũng chẳng còn nhiều. Ông nói rằng đã tiến hành khám nghiệm tử thi, với sự có mặt của Kripos theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân tử vong thì rõ ràng rồi, ngoài ra chỉ có hai vấn đề ông xem là đáng chú ý - có dấu vết

của rượu trong máu của Brandhaug và dịch âm đạo được tìm thấy dưới móng tay trên ngón giữa bàn tay phải của ông ta.

“Của vợ ông ta à?” Halvorsen hỏi.

“Kết quả giám định sẽ cho biết điều đó,” Klemetsen đáp, nhìn chàng cảnh sát trẻ qua cặp kính. “Nếu họ nghĩ là cần thiết. Có thể bây giờ chẳng cần hỏi han bà ấy về những chuyện thế này, trừ phi cậu cho rằng nó liên quan đến cuộc điều tra.”

Harry lắc đầu.

Họ lái xe lên Sognsveien sau đó là đường Peder Ankers trước khi đến nhà Brandhaug.

“Ngôi nhà xấu tệ,” Halvorsen nói.

Họ bấm chuông cửa, đợi mất một lúc rồi một phụ nữ trang điểm nặng nề tầm ngoài năm mươi ra mở cửa.

“Bà là Elsa Brandhaug?”

“Tôi là chị gái. Có chuyện gì thế?”

Harry trình thẻ.

“Lại hỏi thêm à?” bà chị gái hỏi với nỗi tức giận dồn nén trong giọng nói. Harry gật đầu và biết ít nhiều chuyện sắp đến.

“Nói thật nhé! Nó mệt mỏi lắm rồi, có làm thế cũng chẳng làm chồng nó sống lại được, tất cả các...”

“Tôi xin lỗi, nhưng chúng tôi không nghĩ đến chồng bà ấy,” Harry lịch sự ngắt lời. “Ông ấy chết rồi. Chúng tôi đang nghĩ đến nạn nhân tiếp theo. Chúng tôi hy vọng sẽ không còn ai phải trải qua những gì bà ấy đang trải qua bây giờ.”

Bà chị gái đứng đó với cái miệng há hốc, không biết phải nói tiếp ra sao. Harry giúp bà thoát khỏi tình trạng lúng túng bằng cách hỏi bọn họ có phải cởi giày trước khi vào không.

Bà Brandhaug không có vẻ quá mệt mỏi như bà chị gái đã muốn họ tin như thế. Bà ta đang ngồi trên sofa nhìn chăm chăm vào khoảng không.

Nhưng Harry nhận thấy đồ đan len đang thò ra dưới cái gối. Không phải là có gì đó không ổn với việc ngồi đan len khi chồng mới vừa bị sát hại. Ngẫm nghĩ thì Harry cho rằng điều này là hoàn toàn tự nhiên. Bám víu vào cái gì đó quen thuộc khi phần còn lại của thế giới đang sụp đổ bên tai ta.

“Tôi nay tôi sẽ đi,” bà nói. “Đến nhà chị gái tôi.”

“Tôi hiểu là cảnh sát sẽ đến đây đứng canh gác cho đến khi có thông báo thêm!” Harry đáp. “Phòng trường hợp...”

“Phòng trường hợp họ cũng sẽ săn đuổi cả tôi nữa,” bà nói kèm một cái gật đầu.

“Bà nghĩ vậy sao?” Halvorsen hỏi. “Và nếu vậy, *họ* là ai?”

Bà nhún vai. Ánh mắt bà nhìn chăm chăm ánh sáng ban ngày nhợt nhạt ngoài cửa sổ đang tràn vào phòng.

“Tôi biết Kripos đã đến đây hỏi bà về chuyện này,” Harry nói. “Nhưng tôi đang tự hỏi bà có biết chồng bà có nhận được thư đe dọa nào không sau bài báo đăng trên Dagbladet ngày hôm qua?”

“Không ai gọi đến đây cả,” bà đáp. “Nhưng trái lại các anh chỉ có thể tìm thấy tên tôi trong danh bạ. Bernt đã muốn như thế. Các anh sẽ phải hỏi Văn phòng Đối ngoại xem có ai gọi đến không.”

“Chúng tôi đã làm rồi,” Halvorsen đáp, liếc nhìn Harry thật nhanh. “Chúng tôi đang cố gắng tra dấu các cuộc gọi mà văn phòng ông ta nhận được hôm qua.”

Halvorsen hỏi thêm vài câu nữa về bất kỳ kẻ thù nào chồng bà ta có thể có, nhưng bà ta cũng chẳng giúp họ được nhiều.

Harry ngồi xuống lắng nghe một lúc, cho đến khi bất chợt nảy ra một ý. Anh hỏi, “Chắc chắn ngày hôm qua không có ai gọi đến chứ?”

“Có, có lẽ là có,” bà đáp. “Dù sao thì cũng có vài cuộc.”

“Ai gọi thế?”

“Chi gái tôi. Bernt. Và một số ý kiến thăm dò dư luận nọ kia, nếu tôi không nhớ nhầm.”

“Họ đã hỏi về chuyện gì?”

“Tôi không biết. Họ xin được nói chuyện với Bernt. Họ có mấy danh sách những cái tên, phải không nhỉ. Rồi là tuổi tác và giới tính...”

“Họ đã xin được nói chuyện với Bernt Brandhaug đúng không?”

“Vâng..”

“Đối với các ý kiến thăm dò dư luận họ không dùng tên đầu. Bà có nghe bất kỳ tiếng ồn gì đằng sau không?”

“Ý anh là sao?”

“Họ thường làm việc trong những văn phòng không có vách ngăn, với rất nhiều người...”

“Có cái gì đó!” bà nói, “nhưng...”

“Nhưng?”

“Không phải kiểu tiếng ồn anh đang nghĩ đâu. Mà nó... khác.”

“Bà nhận được cuộc gọi này lúc nào?”

“Khoảng giữa trưa, tôi nghĩ vậy. Tôi đã nói chiều ông ấy mới về. Tôi đã quên rằng Bernt phải đi Lavrik dùng bữa với Hội đồng Xuất khẩu.”

“Vì cái tên Bernt không nằm trong danh bạ điện thoại, vậy bà có chợt nghĩ rằng có thể ai đó đang kêu gọi mọi người gọi cho Brandhaug, để tìm hiểu xem Bernt sống ở đâu? Và biết xem khi nào thì ông ấy về nhà?”

“Tôi không hiểu ý anh...”

“Những người lấy ý kiến thăm dò sẽ không gọi đến nhà một người ở tuổi lao động, vào lúc giữa ngày làm việc như thế.”

Harry quay sang Halvorsen.

“Kiểm với Telenor xem cậu có thể lấy được số điện thoại gọi đến không.”

“Xin lỗi, bà Brandhaug,” Halvorsen nói. “Tôi để ý thấy bà có chiếc điện thoại Ascom ISDN mới ngoài tiền sảnh. Chính tôi cũng lắp đặt một cái cho mình. Mười cuộc gọi trước đó sẽ được ghi lại trong bộ nhớ cùng số gọi và giờ gọi. Liệu tôi có thể...”

Harry ném sang Halvorsen cái nhìn đồng tình trước khi cậu ta đứng dậy.

Chị gái của bà Brandhaug đi cùng cậu vào tiền sảnh.

“Bernt là người cổ hủ về một số mặt!” bà Brandhaug nói với Harry bằng một nụ cười méo xệch. “Nhưng ông ấy lại thích mua đồ đặc hiện đại khi chúng xuất hiện. Điện thoại rồi những thứ kiểu vậy.”

“Về lòng chung thủy thì ông ấy cổ hủ thế nào, bà Brandhaug?”

Bà ta ngẩng phắt đầu lên.

“Tôi nghĩ chúng ta nên giải quyết chuyện này khi đang có một mình,” Harry nói. “Kripos đã kiểm tra những gì bà đã nói với họ ngày hôm qua. Chồng bà không dự bất kỳ buổi họp nào với Hội đồng Xuất khẩu tại Lavrik hôm đó. Bà có biết rằng Văn phòng Đối ngoại có một phòng tại khách sạn Continental để tùy ý sử dụng không?”

“Không.”

“Sếp của tôi ở Mật vụ vừa cung cấp cho tôi tin tức này sáng nay. Hóa ra chồng bà đã lấy phòng ở đó chiều hôm qua. Ông ta có ở đó một mình hay không thì chúng tôi không biết. Nhưng dĩ nhiên bà đã bắt đầu có những ý kiến nhất định, khi một người chồng nói dối vợ mình và đến khách sạn!”

Harry dò xét khuôn mặt bà ta khi nó trải qua một sự biến đổi, từ tức giận đến tuyệt vọng đến nhẫn nhục rồi... bật cười. Nghe như một tiếng thút thít khe khẽ.

“Thực ra thì tôi không nên ngạc nhiên,” bà nói. “Nếu anh một mực muốn biết, ông ấy... cũng rất hiện đại trong cả lĩnh vực ấy nữa. Dù tôi không hiểu điều này có liên quan gì đến vụ án không!”

“Việc này có thể tạo cho một người chồng ghen tuông động cơ để giết ông ấy,” Harry nói.

“Thì nó cũng tạo cho tôi động cơ vậy, anh Hole. Anh đã cân nhắc chuyện đó chưa? Hồi chúng tôi sống ở Nigeria, một hợp đồng giết mướn chỉ tốn có hai trăm krone Na Uy.” Bà vẫn cười nụ cười đón đầu ấy. “Tôi tưởng anh nói động cơ là lời tuyên bố đăng trên tờ Dagbladet.”

“Chúng tôi đang tính đến tất cả các khả năng.”

“Thông thường thì họ là những phụ nữ ông ấy gặp gỡ qua công việc!” bà nói. “Dĩ nhiên, tôi không biết mọi thứ đã diễn ra, nhưng có lần tôi bắt quả tang ông ấy. Và rồi tôi nhận ra mẫu biểu chung và cách ông ấy thực hiện nó. Nhưng giết người ư?” Bà lắc đầu. “Ngày nay cậu không bắn chết ai chỉ vì mấy chuyện như thế, đúng không?”

Bà nhìn Harry, anh đang không biết trả lời thế nào. Qua cánh cửa kính mở ra sảnh vào, anh nghe thấy giọng nói trầm của Halvorsen. Harry hắng giọng:

“Bà có biết gần đây ông ấy đang có quan hệ với riêng một người đàn bà nào không?”

Bà lắc đầu. “Hãy đi hỏi quanh trong Văn phòng Đối ngoại ấy. Đó là một môi trường kỳ lạ, anh biết đấy. Ở đó tất phải có một ai đó cực kỳ sốt sắng mách nước cho anh!”

Bà ta nói câu này không hề có ý cay đắng, chỉ đơn thuần là vấn đề thông tin.

Cả hai cùng ngược mắt lên khi Halvorsen bước vào phòng.

“Lạ quá,” cậu ta nói. “Bà đã nhận một cuộc gọi vào lúc 12 giờ 24 phút, bà Brandhaug, nhưng không phải vào ngày hôm qua. Mà là hôm kia.”

“Ôi trời, có lẽ tôi đã nhớ nhầm ngày,” bà nói. “Phải rồi, vậy thì nó chẳng có liên quan gì đến vụ án cả.”

“Có thể là không,” Halvorsen nói. “Dù sao tôi cũng đã kiểm tra số này với bên tổng đài. Cuộc gọi đến từ máy điện thoại trả tiền. Tại quán cà phê Schroder.”

“Quán cà phê à?” bà nói. “Đúng, vậy có lẽ điều này giải thích được những tiếng ồn ở sau. Anh có nghĩ...?”

“Chuyện này không nhất thiết liên quan đến kẻ giết chồng bà,” Harry đáp, đứng lên. “Ở quán của Schroder có nhiều người kỳ quặc lắm.”

Bà tiễn họ ra mấy bậc thềm trước nhà. Bên ngoài, buổi chiều xám xịt, những đám mây bay thấp đang quét qua ngọn đồi sau lưng họ.

Bà Brandhaug đứng đó hai tay khoanh trước ngực, như thể bà đang thấy

buốt lạnh.

“Ở đây trời tối quá,” bà nói. “Các anh có thấy thế không?”

Đơn vị Điều tra Hiện trường vẫn đang bận rộn rà soát khu vực xung quanh lán trại mà họ tìm thấy vỏ đạn thì Harry và Halvorsen từ bên kia vùng đất hoang đi lại.

“Này, hai cậu kia!” họ nghe thấy tiếng quát lớn khi cúi xuống chui qua dải băng vàng.

“Cảnh sát đây,” Harry trả lời.

“Như nhau cả thôi!” cũng giọng nói đó quát lại. “Các cậu sẽ phải đợi cho đến khi chúng tôi xong việc.”

Đó là Weber. Ông ta đang đi đôi ủng cao su cao và khoác áo mưa màu vàng trông rất tức cười. Harry và Halvorsen lại phải chui ra ngoài.

“Này, Weber,” Harry nói to.

“Không có thời gian,” ông trả lời, xua tay đi.

“Chỉ mất một phút thôi mà.”

Weber đến gần hơn bằng những sải chân dài, nét giận dữ hiện rõ trên mặt.

“Thế cậu muốn cái gì?” ông hét lên từ khoảng cách hai mươi mét.

“Hắn đã phải đợi bao lâu rồi thế?”

“Thằng cha đằng này hả? Không biết.”

“Thôi nào, Weber. Ước chừng đi.”

“Ai đang phụ trách vụ này? Kripos hay cậu hả?”

“Cả hai. Chúng tôi vẫn chưa phối hợp với nhau.”

“Và cậu đang cố lừa tôi rằng hai bên sẽ hợp tác chứ gì?”

Harry mỉm cười, rút ra điều thuốc.

“Trước đây ông từng đưa ra những suy đoán chính xác lắm mà, Weber.”

“Đẹp ngay cái trò nịnh nọt của cậu đi, Hole. Thằng nhóc nào đây?”

“Halvorsen,” Harry lên tiếng trước khi Halvorsen kịp giới thiệu.

“Nghe ta này, Halvorsen,” Weber nói, chăm chú nhìn Harry với sự khinh miệt không buồn giấu giếm. “Hút thuốc là một thói quen đáng ghê tởm, là

một bằng chứng tốt bậc cho thấy rằng con người sống trên trái đất này chỉ vì một điều thôi - hưởng thụ. Thằng cha đã ở đây bỏ lại tám mẫu thuốc lá thừa trong chai nhựa lưng một nửa. Thuốc lá hiệu Teddy, không đầu lọc. Và những kẻ hút Teddy thường không chỉ bằng lòng với hai điếu một ngày, nên theo tính toán của ta, trừ phi hấn hết thuốc, bằng không hấn đã ở đây nhiều nhất là hai mươi tư tiếng. Hấn đã chặt mấy nhánh vân sam từ các cành cây thấp nhất không bị dính nước mưa. Nhưng có vài giọt mưa trên cây vân sam che phủ lán. Lần cuối cùng trời mưa ở đây là ba giờ chiều ngày hôm qua.”

“Vậy là hấn đã nằm ở đây trong khoảng thời gian từ tám giờ sáng đến ba giờ chiều ngày hôm qua?” Halvorsen hỏi.

“Tôi nghĩ Halvorsen có thể tiến xa đấy!” Weber nói ngắn gọn, đôi mắt ông vẫn nhìn Harry chăm chăm. “Đặc biệt khi xét đến sự cạnh tranh cậu ta sẽ phải đối mặt trong lực lượng. Nó đang ngày càng thảm khốc hơn. Các cậu đã thấy giờ họ đang tuyển sinh cái gì vào Học viện Cảnh sát chưa? Ngay cả giáo viên giảng dạy cũng phải ngày càng thiên tài, nếu so sánh với đám rác rưởi chúng ta có.”

Bỗng đâu dường như rớt cuộc Weber chẳng vội vàng gì cả. Ông ta bắt đầu một cuộc chỉ trích kịch liệt về những triển vọng ảm đạm trong lực lượng cảnh sát.

“Có ai sống gần đây thấy được gì không?” Harry lệ làng hỏi khi Weber dừng lại thở lấy hơi.

“Chúng tôi đã cử bốn người đi hỏi từng nhà rồi, nhưng hầu hết thiên hạ phải đến cuối giờ chiều mới về. Họ sẽ chẳng thu thập được gì đâu.”

“Tại sao không?”

“Tôi không nghĩ hấn chường mặt ra quanh đây. Sớm ngày hôm nay chúng tôi đã xua chó đi lần theo dấu chân hấn khoảng một cây số vào rừng, đến một trong mấy con đường mòn. Nhưng tới đấy thì chúng tôi mất dấu hấn. Tôi thì đoán hấn đến đây rồi quay về chỉ một đường thôi, đi theo một mạng lưới đường mòn giữa Sognsvann và hồ Maridal. Có thể hấn đã dừng xe tại ít

nhất một trong mười hai điếm đỗ xe dành cho khách bộ hành trong khu này. Mỗi ngày có đến hàng ngàn người trong số này đi trên các lối mòn đó, ít nhất một nửa trong số họ mang ba lô. Cậu hiểu không?”

“Chúng tôi hiểu!”

“Và giờ chắc cậu sắp hỏi tôi có dấu vân tay nào không đúng chưa?”

“À thì...”

“Thôi nào.”

“Vậy còn cái chai nhựa thì sao?”

Weber lắc đầu.

“Không có vân tay. Chẳng có gì hết. Xét theo chuyện hấn đã ở đây lâu đến thế, thật ngạc nhiên khi hấn để lại thật ít dấu vết. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm, nhưng tôi khá chắc chắn rằng chúng tôi chỉ tìm được có dấu giày và mảnh xơ quần áo của hấn thôi.”

“Cộng thêm vỏ đạn nữa.”

“Hấn bỏ lại cái đó là cố tình đấy. Chứ mọi thứ khác đã được dọn dẹp quá sạch sẽ rồi.”

“Hừm. Có lẽ là muốn cảnh cáo đấy. Ông nghĩ sao?”

“Tôi nghĩ sao à? Tôi thì nghĩ chỉ những thằng nhóc thanh niên như các cậu mới được trời phú cho năng lực tư duy như thế. Ngày nay đó là những ấn tượng họ đang cố gắng khuyến khích trong lực lượng đấy.”

“Được. Cảm ơn đã giúp đỡ nhé, Weber.”

“Mang luôn bao thuốc của cậu đi, Hole.”

• • •

“Lão già này hơi khát khe đấy!” Halvorsen nói trong xe trên đường xuống trung tâm thành phố.

“Đôi lúc cũng khó chịu nôi Weber,” Harry thừa nhận. “Nhưng ông ấy biết việc.”

Halvorsen đánh nhịp trên bảng đồng hồ theo một nhạc khúc không lời.
“Giờ sao đây?” cậu ta hỏi.

“Continental!”

• • •

Kripos gọi điện đến khách sạn Continental mười lăm phút sau khi họ đã giặt và thay đồ trải giường trong phòng của Brandhaug. Không ai để ý đến việc Brandhaug có khách đến thăm, ngoài việc ông ta trả phòng vào khoảng nửa đêm.

Harry đứng ở quầy tiếp tân, rút ra điều thuốc lá cuối cùng trong khi trưởng bộ phận tiếp tân trực đêm qua đang siết hai tay vào nhau, trông không vui.

“Mãi đến sáng chúng tôi mới biết ông Brandhaug bị bắn chết,” anh ta nói.
“Bằng không chúng tôi đã không động đến phòng của ông ấy.”

Harry ra dấu hiệu đã hiểu và rít một hơi thuốc. Phòng khách sạn thì không phải là hiện trường của tội ác nào; chỉ là sẽ thật thú vị nếu biết có sợi tóc vàng nào trên gối không rồi liên hệ với kẻ có thể là người sau cùng nói chuyện với Brandhaug, cho dù kẻ ấy có là ai đi nữa.

“À nếu không còn gì để hỏi nữa!” anh ta nói mà mỉm cười và có vẻ như sắp khóc đến nơi.

Harry không đáp. Anh nhận thấy anh và Halvorsen càng nói ít bao nhiêu, người trưởng tiếp tân lại càng căng thẳng bấy nhiêu. Thế nên anh chẳng nói gì; và chờ đợi, ngắm nhìn đốm lửa đầu điều thuốc.

“À...,” anh chàng tiếp tân nói, một bàn tay miết dọc theo ve áo vest.

Harry vẫn đợi. Halvorsen thì nhìn xuống sàn nhà. Anh chàng tiếp tân kiên cường thêm được gần mười lăm giây nữa, rồi đầu hàng.

“Dĩ nhiên, đôi khi ông ta cũng có khách lên đây!” anh ta nói.

“Ai?” Harry hỏi, mắt vẫn nhìn đầu điều thuốc đang cháy.

“Nam và nữ...”

“Ai?”

“Nói thật thì tôi không biết. Tìm hiểu xem ông Thứ trưởng ngoại giao muốn qua đêm với ai không phải việc của chúng tôi.”

“Thật sao?”

Im lặng.

“Dĩ nhiên nếu một phụ nữ đến đây rõ ràng không phải là khách, chúng tôi có ghi lại xem cô ấy đi thang máy lên tầng nào.”

“Cậu sẽ nhận ra cô ta chứ?”

“Vâng.” Câu trả lời đến ngay như một phát súng, không chần chừ. “Cô ấy rất hấp dẫn. Mà còn say mèm nữa.”

“Gái điếm à?”

“Nếu vậy thì là gái điếm hạng sang rồi. Thường thì họ tinh táo. À, không phải là tôi biết nhiều về họ đâu. Khách sạn này không...”

“Cảm ơn,” Harry nói.

• • •

Một cơn gió Nam thổi đến mang theo thời tiết ấm khi Harry rời Sở Cảnh sát sau cuộc họp với Meirik và cảnh sát trưởng, theo bản năng anh biết điều gì đó đã kết thúc. Một mùa mới sắp đến.

Cả cảnh sát trưởng lẫn Meirik đều quen biết Brandhaug. Chỉ trong công việc, cả hai đều thấy cần thiết phải nhấn mạnh điều đó. Rõ ràng cả hai đã thảo luận riêng với nhau. Mở đầu cuộc họp, Meirik đã rạch ròi dứt điếm vụ công tác ngầm tại Klippan. Harry nhận thấy ông ta có vẻ gần như thấy nhẹ nhõm. Sau đó cảnh sát trưởng đưa ra đề xuất của mình. Harry nhận thấy những kỳ công chớp nhoáng của mình tại Sydney và Bangkok thậm chí đã để lại dấu ấn cả với những cấp cao hơn trong lực lượng cảnh sát.

“Một cỗ máy truy quét điển hình!” cảnh sát trưởng đã gọi Harry như thế.

Và sau đó cô giải thích vai trò họ đang muốn đặt anh vào.

Một mùa mới. Con gió âm áp khiến Harry cảm thấy thư thái đầu óc, anh tự cho phép mình đi taxi vì vẫn đang phải kéo lê theo một cái túi nặng trĩu. Việc trước tiên anh làm khi bước vào căn hộ của mình tại phố Sofies là kiểm tra máy trả lời tự động. Đèn đỏ bật sáng. Không nhấp nháy. Không có tin nhắn.

Anh đã yêu cầu Linda gửi cho anh một bản sao hồ sơ vụ án, dành buổi tối còn lại xem lại tất cả những gì họ có về các vụ án mạng Hallgrim Dale và Ellen Gjelten. Không phải anh nghĩ sẽ tìm thấy điều gì mới, mà là nó có thể kích thích trí tưởng tượng của anh. Chốc chốc anh lại liếc máy trả lời tự động, tự hỏi mình chờ được bao lâu nữa thì gọi cho cô. Vụ Brandhaug là mục chính trên bản tin truyền hình. Đến nửa đêm anh đi ngủ. Vào lúc một giờ, anh tỉnh dậy, rút giắc cắm điện thoại ra và bỏ điện thoại vào tủ lạnh. Đến ba giờ thì anh ngủ thiếp đi.

Văn phòng Moller.

Ngày 11 tháng 5 năm 2000

“Thế nào?” Maller hỏi, sau khi Harry với Halvorsen nhấp xong ngụm cà phê đầu tiên. Gương mặt nhăn nhó, Harry nói cho ông nghe điều anh suy nghĩ.

“Tôi nghĩ mối liên kết giữa bài viết trên báo và vụ giết người là bằng âm.”

“Tại sao?” Moller ngồi ngả người ra lưng ghế.

“Theo ý kiến của Weber, kẻ sát nhân đã nấp trong khu rừng kể từ sáng sớm hôm đó, tối đa là vài tiếng sau khi tờ Dagbladet ra sạp. Đây không phải hành động bộc phát; mà là một cuộc tấn công được lên kế hoạch kỹ càng. Kẻ sát nhân biết mình sẽ bắn chết Brandhaug đã được vài ngày. Hắn đã ra ngoài trinh sát khu vực đó; hắn biết về giờ giấc đi về của Brandhaug; hắn đã tìm ra nơi tốt nhất để bắn mà rủi ro bị phát hiện thấp nhất; hắn biết ông ta sẽ đi vào và đi ra như thế nào, hàng trăm chi tiết nhỏ nhặt.”

“Vậy cậu nghĩ vụ giết người này chính là lý do hắn mua khẩu súng trường M a rclin?”

“Có thể có. Có thể không.”

“Cảm ơn đây. Điều đó giúp ta đi được một chặng đường dài quá đấy nhỉ!”
Moller chua chát nói.

“Tôi chỉ muốn nói rằng đó là một khả năng. Mặt khác, tất cả những điều đó hoàn toàn không cân xứng. Hơi thái quá khi tuồn vào khẩu súng trường ám sát nổi tiếng nhất thế giới để giết một quan chức tuy là cấp cao, nhưng không mấy nổi tiếng, chẳng có vệ sĩ hay nhân viên an ninh nào. Nói thẳng ra

là bất kỳ sát thủ nào cũng có thể đến rung chuông cửa, bắn chết ông ta bằng khẩu súng cầm tay ở cự li gần. Vụ này hơi giống... giống..!”

Hai bàn tay Harry khua vòng vòng.

“Giết gà dùng tới dao mổ trâu!” Halvorsen nói.

“Chính xác!” Harry nói.

“Hừm.” Moller nhắm mắt lại. “Và cậu thấy mình đóng vai trò gì trong việc tiếp tục cuộc điều tra, Harry?”

“Như một kiểu máy truy quét?” Harry mỉm cười. “Tôi là thằng cha từ POT lo làm việc của mình, nhưng có thể yêu cầu hỗ trợ từ tất cả các phòng ban khác bất kỳ lúc nào cần thiết. Là người báo cáo với Meirik, nhưng có quyền tiếp cận toàn bộ các tài liệu trong vụ án. Là người đặt các câu hỏi, nhưng không bao giờ bị hỏi. Đại loại thế.”

“Thế còn quyền được giết người chứ?” Moller nói. “Và một chiếc xe chạy thật nhanh?”

“Thực ra, đó không phải là ý của tôi!” Harry đáp. “Meirik vừa nói chuyện với cảnh sát trưởng rồi.”

“Cảnh sát trưởng à?”

“Phải. Tôi cho rằng sếp sẽ nhận được một thư điện tử về chuyện này nội trong ngày hôm nay đây. Vụ Brandhaug có mức ưu tiên hàng đầu từ phút này, và cảnh sát trưởng muốn lật tung tất cả lên. Đây là một trong số những thỏa thuận FBI mà trong chừng mực nào đó các nhóm điều tra có những nhiệm vụ trùng lặp, nhằm tránh chuẩn hóa những ý tưởng anh nhận được về các vụ lớn. Chắc sếp đã đọc về chuyện này rồi.”

“Chưa.”

“Vấn đề đó là dù cho anh bị trùng lặp ở trong một vài công việc, và dù cho cũng công việc điều tra đó các nhóm điều tra khác nhau làm đi làm lại đến vài lần, điều đó vẫn được bù lại bằng các lợi thế là phương thức tiếp cận khác nhau và các hướng điều tra khác nhau!”

“Cảm ơn,” Moller nói. “Vậy thì tôi có liên quan gì? Mà sao giờ cậu vẫn

còn ngồi ở đây?”

“Vì như tôi đã nói, tôi có thể yêu cầu hỗ trợ từ tất cả các...”

“... phòng ban khác nhau khi cần thiết, nghe rồi. Nói thẳng ra đi, Harry.” Harry hất đầu sang phía Halvorsen, cậu ta đang mỉm cười có phần nào bẽn lễn với Moller. Ông rên lên.

“Xin cậu đây, Harry! Cậu thừa biết trong Đội Hình sự chúng tôi chỉ còn trơ xương thôi.”

“Tôi hứa sếp sẽ nhận lại cậu ta nguyên vẹn.”

“Tôi đã nói là không!”

Harry không nói gì. Anh chờ đợi, đan các ngón tay vào nhau, nhìn chăm chú bức tranh chép rở tiền Lâu đài Soria Maria của Kittelsen treo trên tường, phía trên giá sách.

“Khi nào thì tôi có lại cậu ta?” Moller hỏi.

“Ngay sau khi vụ này kết thúc.”

“Ngay sau khi... Đó là cách người đứng đầu bộ phận trả lời một thanh tra đây, Harry. Không phải là ngược lại.”

Harry nhún vai.

“Xin lỗi sếp.”

Irisveien.

Ngày 11 tháng 5 năm 2000

Trái tim bà đã đập như một chiếc máy khâu điên loạn khi bà nhắc ông nghe lên.

“Chào Signe,” giọng nói cất lên. “Là anh đây!”

Bà cảm thấy nước mắt dâng lên ngay lập tức.

“Dừng chuyện này lại đi,” bà thì thầm. “Xin anh.”

“Chỉ có cái chết mới chia lìa đôi ta. Chính em đã nói câu đó, Signe.”

“Tôi đi gọi chồng tôi đây.”

Giọng nói cười khúc khích. “Nhưng hử không ở đó, đúng không?”

Bà siết chặt điện thoại đến mức bàn tay bà đau nhức. Làm sao hử biết Even không có nhà? Và làm sao hử chỉ gọi đến mỗi khi Even ra ngoài?

Ý nghĩ tiếp theo khiến cổ họng bà thắt lại; bà không còn thở được nữa và bắt đầu cảm thấy chóng mặt. Phải chăng hử đang gọi từ một nơi hử có thể quan sát được cả ngôi nhà, nơi hử có thể thấy khi nào Even ra ngoài? Không, không, không. Bằng một nỗ lực ý chí, bà trấn tĩnh lại và tập trung vào thở. Những hơi thở sâu, không quá gấp gáp. *Bình tĩnh*, bà tự nhủ, như bà đã nói với những thương binh được mang đến chỗ họ từ các chiến hào; khóc lóc, kêu la, hốt hoảng và thở hổn hển. Bà đã kiểm soát được cơn khiếp sợ của mình. Bà có thể nghe thấy những âm thanh nền và biết hử đang gọi từ nơi nào đó rất đông người. Nhà của bà nằm trong khu dân cư.

“Trong bộ đồng phục y tá, trông em xinh lắm, Signe,” giọng nói lên tiếng.

“Trắng sáng rực rỡ và tinh khiết. Trắng giống hệt như Olaf Lindvig trong bộ quân phục bằng da màu trắng của hắn ta. Em còn nhớ hắn ta không? Em tinh khiết đến mức anh đã nghĩ em không bao giờ có thể phản bội cả hai ta, rằng em không cam tâm làm vậy. Anh đã nghĩ em giống như Olaf Lindvig. Anh đã thấy em chạm vào người hắn ta, tóc hắn ta, Signe. Vào một đêm sáng trắng. Em và hắn ta, hai người trông như thiên thần vậy, như thể hai người được trời phái xuống. Nhưng anh sai rồi. Sẵn nói luôn, cũng có những thiên thần không từ thiên đường bay xuống, Signe. Em có biết điều đó không?”

Bà không đáp. Những suy nghĩ quay cuồng trong đầu bà trong một cơn lốc xoáy. Điều gì đó hắn vừa nói đã khởi động chúng. Giọng nói. Giờ bà nghe ra rồi. Hắn đang làm giọng nói khác đi.

“Không,” bà ép mình phải trả lời.

“Không à? Em nên biết vậy đi. Em là một thiên thần như thế.”

“Daniel chết rồi,” bà nói.

Đầu dây bên kia rơi vào im lặng. Chỉ có hơi thở của hắn lạo xạo vào màng ống nghe. Rồi giọng nói ấy lại cất lên.

“Anh đến để đưa ra lời phán xét. Cho người đang sống và kẻ đã chết.”

Nói xong hắn cúp máy.

Signe nhắm nghiền mắt lại. Bà đứng dậy đi vào phòng ngủ. Bà đứng đằng sau những tấm rèm buồng kín, thấy hình ảnh chính mình phản chiếu trong cửa sổ. Bà đang run rẩy như thể bị sốt cao.

*Văn phòng cũ của Harry.
Ngày 11 tháng 5 năm 2000.*

Harry phải mất hai mươi phút để dọn về lại văn phòng cũ. Một thứ anh cần nhét vừa cái túi mua hàng của siêu thị 7-Eleven. Việc đầu tiên anh làm là cắt một tấm ảnh Bernt Brandhaug trên tờ Dagbladet, rồi ghim lên bảng thông báo, bên cạnh các bức ảnh lưu trữ của Eilen, Sverre Olsen và Hailgrim Dale. Bốn đầu mối. Anh đã sai Halvorsen lên Bộ Ngoại giao hỏi han, xem cậu ta có thể tìm hiểu được người đàn bà tại khách sạn Continental là ai không. Bốn ngư ời. Bốn mạng sống. Bốn câu chuyện. Anh ngồi xuống cái ghế kêu cọt két và nghiên cứu chúng, nhưng chúng chỉ nhìn lại anh trừng trừng. Vô hồn.

Anh gọi điện cho Sis. Con bé thực sự muốn giữ lại Helge, ít nhất một thời gian. Hai bên đã trở thành những người bạn tốt, con bé nói. Harry bảo rằng thế cũng tốt, miễn sao con bé còn nhớ cho chú ta ăn.

“Là cô bé cơ mà,” Sis nói.

“À phải. Làm sao em biết được?”

“Henrik và em đã kiểm tra rồi.”

Anh vừa định hỏi hai đứa đã kiểm tra thế nào thì quyết định anh không thích biết hơn.

“Em đã nói chuyện với bố chưa?”

Con bé nói với bố rồi. Và hỏi Harry xem anh có gặp lại cô gái đó nữa không.

“Cô gái nào?”

“Cô gái anh đã nói anh đi dạo cùng ấy, em nghĩ vậy. Cô gái có cậu bé con.”

“À, là cô ấy. Không, anh không nghĩ vậy.”

“Rất ngốc.”

“Ngốc à? Em chưa từng gặp cô ấy cơ mà, Sis.”

“Em nghĩ vậy là ngốc bởi vì anh đang yêu cô ấy.”

Thi thoảng Sis đủ sức nói những câu mà Harry không biết phải trả lời thế nào. Hai anh em đồng ý hôm nào đó sẽ đi xem phim. Harry tự hỏi không biết như vậy thì có nghĩa Henrik sẽ đi cùng không. Sis bảo là có. Khi bạn có bạn thì sẽ là thế đấy.

Hai anh em cúp máy rồi Harry ngồi chìm trong suy tư. Anh và Rakel chưa bao giờ gặp nhau tại các hành lang, nhưng anh biết văn phòng của cô ở đâu. Anh quyết ý rồi đứng lên - bây giờ anh phải nói chuyện với cô, anh không thể chờ thêm được nữa.

Mọi Linda nhoẻn cười với anh khi anh bước vào cửa POT. “Đã quay lại rồi à, anh chàng đẹp giai?”

“Tôi chỉ định lên vào gặp Rakel thôi.”

“Chỉ thế thôi à, Harry? Tôi đã thấy hai người tại buổi tiệc ở văn phòng, cậu biết đấy.”

Harry bực khi cảm thấy nụ cười tinh quái của chị ta khiến đôi tai anh nóng bừng lên, nghe thấy nỗ lực nở nụ cười tinh khô của mình không thành.

“Nhưng cậu có thể tiết kiệm bước chân rồi, Harry. Hôm nay Rakel ở nhà rồi. Nghỉ ốm. Chờ chút nhé, Harry...” Chị ta nhắc điện thoại lên. “POT nghe. Tôi có thể giúp gì?”

Harry đang quay ra cửa thì Linda gọi với theo.

“Của cậu này. Có muốn nhận nó ở đây không?” Chị ta trao điện thoại cho anh.

“Có phải Harry Hole đấy không?” Giọng một phụ nữ. Giọng bà nghe như

hết hơi. Hoặc là khiếp đảm.

“Là tôi đây.”

“Tôi là Signe Juul đây. Anh phải giúp tôi, thanh tra Hole. Hắn sắp giết chết tôi.”

Harry nghe thấy tiếng chó sủa đằng sau.

“Ai sắp giết bà vậy, bà Juul?”

“Giờ hắn đang trên đường tới đây. Tôi biết đó là hắn. Hắn... hắn...”

“Cố gắng bình tĩnh lại, bà Juul Bà đang nói về chuyện gì thế?”

“Hắn đã cố tình làm lệch giọng nói, nhưng lần này tôi đã nhận ra. Hắn biết rằng tôi đã vượt tót Olaf Lindvig tại bệnh viện dã chiến. Đó là khi tôi nhận ra. Lạy Chúa tôi, tôi sẽ phải làm gì bây giờ?”

“Bà ở một mình à?”

“Vâng,” bà đáp. “Tôi ở một mình. Tôi hoàn toàn, hoàn toàn một mình. Anh có hiểu không?”

Tiếng sủa đằng sau lúc này đã trở nên cuồng loạn.

“Bà có thể chạy sang nhà hàng xóm và chờ chúng tôi ở đây được không, bà Juul?”

“Hắn sẽ tìm ra tôi! Hắn tìm ra tôi ở khắp mọi nơi.”

Bà bị kích động rồi. Harry đặt bàn tay lên ống nghe và đề nghị Linda gọi tổng đài trung tâm, bảo họ gửi xe tuần tra gần nhất hiện có đến chỗ bà Juul, tại Irisveien ở Berg. Anh lại nói tiếp với bà Juul, hy vọng bà sẽ không nhận ra tâm trạng bối rối của chính anh.

“Nếu bà không đi ra ngoài thì ít nhất hãy khóa hết cửa nẻo lại, bà Juul. Ai...”

“Anh không hiểu,” bà nói. “Hắn... hắn...” Bíp. Tín hiệu bận. Đường dây đã bị ngắt.

“Mẹ kiếp! Xin lỗi, chị Linda. Bảo với họ là khẩn cấp phái xe đến. Và họ phải thận trọng đấy. Có thể có một kẻ đột nhập có vũ trang.”

Harry gọi đến tổng đài điện thoại xin được số nhà bà Juul, liền bấm số

gọi. Vẫn báo bận. Harry ném trả điện thoại cho Linda.

“Nếu Meirik có tìm tôi, nói với ông ấy tôi đang trên đường đến nhà bà Even Juul.”

Irisvien.

Ngày 11 tháng 5 năm 2000

Khi Harry phóng đến Irisveien, anh thấy ngay chiếc xe cảnh sát đậu ngoài nhà bà Juul. Con phố tĩnh lặng với những ngôi nhà gỗ, từng vũng nước do tuyết tan, ánh đèn màu xanh lặng lẽ xoay tròn, hai đứa trẻ con tò mò trên hai chiếc xe đạp - giống như sự tái diễn cảnh tượng ngoài nhà của Sverre Olsen. Harry cầu nguyện những điều tương tự sẽ không lặp lại nữa.

Anh dừng xe, xuống chiếc Escort, chậm rãi bước về phía ngôi nhà. Khi khép cửa lại sau lưng, anh nghe thấy tiếng ai đó vọng lại từ trên cầu thang.

“Weber,” Harry ngạc nhiên nói. “Ta lại đụng nhau nữa rồi.”

“Quả là vậy.”

“Tôi không biết hôm nay ông cũng đi tuần đây!”

“Cậu biết thừa rằng tôi có đi đêch đâu. Nhưng Brandhaug sống gần đây, chúng tôi vừa mới vào xe thì nhận được tin nhắn qua radio.”

“Xảy ra chuyện gì rồi?”

“Phán đoán của cậu cũng tốt như tôi. Chẳng có ai ở nhà hết. Nhưng cửa thì mở toang.”

“Ông đã đi xem xét xung quanh chưa?”

“Từ tầng hầm lên gác xép.”

“Lạ thật. Con chó cũng không có ở đây, theo như tôi thấy!”

Cả chó lẫn người đều biến mất. Nhưng trông như thể ai đó đã ở trong tầng hầm, vì cửa sổ trên cửa ra vào nơi đó bị đập vỡ.”

“Được,” Harry đáp, nhìn quanh Irisveien. Anh thoáng thấy sân tennis giữa các ngôi nhà.

“Bà ấy có thể đã sang nhà hàng xóm!” Harry nói. “Tôi đã bảo bà ấy làm thế.”

Weber đi theo Harry vào trong hành lang có một sĩ quan trẻ đang đứng nhìn vào gương trên bàn đặt điện thoại.

“Moen, cậu có thấy được bất kỳ dấu hiệu sự sống thông minh nào không?” Weber hỏi chậm biếm.

Moen quay lại, gật đầu nhanh với Harry.

“À,” Moen đáp. “Tôi không biết cái này là thông minh hay chỉ là kỳ quặc nữa.” Anh chỉ tay vào gương. Hai người kia đến gần hơn.

“Chà, tôi sẽ choáng mắt!” Weber nói.

Những chữ cái to đỏ rực có vẻ như được viết bằng sơn môi.

CHÚA TRỜI LÀ NGƯỜI PHÁN XÉT TA.

Harry cảm thấy miệng mình như vừa cắn phải vỏ cam.

Tấm kính trên cửa ra vào trước nhà rung lên bần bật khi cửa mở tung.

“Các người đang làm gì ở đây thế?” bóng người đang đứng trước mặt họ quay lưng lại với nguồn sáng cất tiếng hỏi.

“Burre đâu rồi?”

Đó là Even Juul.

• • •

Harry ngồi tại bàn bếp cùng một Even Juul rõ ràng rất lo lắng.

Moen đã làm một vòng qua các nhà hàng xóm, tìm kiếm Signe Juul và hỏi xem có ai thấy gì không. Weber có những việc khẩn cấp phải làm trong vụ Brandhaug nên lái xe tuần tra đi trước.

Harry hứa cho Moen đi nhờ.

“Mỗi khi ra ngoài đi đâu đó, bà ấy vẫn từng báo với tôi!”

Even Juul nói. “Ý tôi là nói với tôi.”

“Chữ viết trên mặt gương trong hành lang có phải của bà ấy không?”

“Không,” ông đáp. “Dù sao thì tôi không nghĩ thế.”

“Có phải son môi của bà ấy không?”

Juul chỉ nhìn Harry mà không đáp.

“Khi nói chuyện với tôi qua điện thoại, bà ấy khiếp đảm lắm!” Harry nói.

“Bà ấy cứ luôn miệng nói rằng có ai đó đang cố giết bà ấy. Ông có biết đó có thể là ai không?”

“Giết à?”

“Đó là bà ấy nói vậy.”

“Nhưng chẳng ai muốn giết Signe hết.”

“Không ư?”

“Cậu điên hay sao vậy?”

“Trong trường hợp đó, tôi chắc chắn ông sẽ hiểu nếu tôi phải hỏi có phải vợ ông không được ổn định không. Quá kích động!”

Harry không chắc Juul nghe thấy anh khi ông lắc đầu.

“Thôi được,” Harry nói, đứng dậy. “Ông sẽ phải nghĩ nát xem có điều gì có thể giúp chúng tôi không. Ông cũng nên gọi cho tất cả bạn bè, người thân để xem bà ấy có trốn đến chỗ họ để được bảo vệ không. Tôi đã bắt đầu tìm kiếm rồi - Moen và tôi sẽ kiểm tra vùng lân cận ngay đây. Tạm thời lúc này, đó là tất cả những gì chúng tôi có thể làm.”

Khi Harry đóng cửa lại sau lưng, Moen đang bước về phía anh và lắc đầu.

“Thậm chí chẳng ai trông thấy có xe nào à?” Harry hỏi.

“Vào thời điểm này trong ngày, chỉ toàn ông bà già, phụ nữ và trẻ em ở nhà thôi.”

“Mấy ông bà già giỏi đề ý mọi chuyện lắm đấy!”

“Rõ ràng lần này thì không. Ý tôi là nếu có cái gì đó đáng đề ý ở đằng xa.”

Đáng đề ý. Harry không biết tại sao, nhưng có điều gì đó trong câu nói

của Moen dội lại trong vô thức anh. Lũ trẻ trên mấy chiếc xe đạp đã tản đi hết. Anh thở dài.

“Cùng về thôi.”

*Sở Cảnh sát.**Ngày 11 tháng Năm năm 2000.*

Halvorsen đang gọi điện thoại thì Harry bước vào văn phòng. Cậu ta đặt ngón tay lên môi muốn nói rằng ai đó đang nói chuyện. Harry đoán cậu ta vẫn đang cố gắng lần theo người phụ nữ ở khách sạn Continental, và điều đó chỉ có thể nghĩa là cậu ta đã không gặp chút may mắn nào ở Văn phòng Đối ngoại. Ngoài một chồng giấy ghi chú hồ sơ vụ án trên bàn của Halvorsen, văn phòng không có tờ giấy nào cả. Mọi thứ ngoại trừ giấy tờ về vụ Märklin đều bị dẹp đi hết.

“Không,” Halvorsen nói. “Cho tôi biết ngay nếu anh có thông tin gì, OK?”

Cậu ta gác máy.

“Cậu đã liên lạc được với Aune chưa?” Harry hỏi, buông người xuống ghế.

Halvorsen gật đầu và giơ lên hai ngón tay. Hai giờ. Harry xem đồng hồ. Aune sẽ tới đây trong hai mươi phút nữa.

“Cho tôi một bức ảnh của Edvard Mosken,” Harry nói, nhắc ông nghe lên. Anh bấm số điện thoại của Sindre Fauke, và họ hẹn gặp nhau lúc ba giờ. Sau đó anh nói với Halvorsen chuyện bà Juul mất tích.

“Anh có nghĩ chuyện này liên quan gì đến vụ của Brandhaug không?” Halvorsen hỏi.

“Tôi không biết, nhưng nó khiến việc ta nói chuyện với Aune càng quan

trọng hơn nữa.”

“Tại sao lại như vậy?”

“Vì chuyện này đang bắt đầu càng lúc càng giống công trình của ai đó loạn trí. Thế nên chúng ta cần một chuyên gia.”

• • •

Aune là một người đàn ông to lớn về nhiều mặt. Béo mập, cao gần hai mét, và ông được xem là bác sĩ tâm lý giỏi nhất trong lĩnh vực của mình. Lĩnh vực này không phải tâm lý bất thường, nhưng Aune là người thông minh và đã giúp Harry trong nhiều vụ khác.

Ông có khuôn mặt thân thiện, cởi mở luôn khiến Harry chợt nhận ra quả thực thì ông ta người quá dễ bị tổn thương, *ổn quá* nên không thể hoạt động trên chiến trường tâm lý con người mà không bị tổn thương. Khi Harry hỏi ông về điều này, Aune đã trả lời dĩ nhiên ông có bị ảnh hưởng, nhưng ai mà không bị chứ?

Bây giờ ông đang chăm chú lắng nghe Harry nói về vụ cắt cổ Hallgrim Dale, vụ giết Ellen Gjeltten và vụ ám sát Bernt Brandhaug. Rồi anh kể tiếp về Even Juul, là người nghĩ rằng họ nên tìm một người lính đã chiến đấu trên Mặt trận Nga, một giả thiết hẳn đã được củng cố vì Brandhaug bị giết sau bài viết trên tờ Dagbladet. Cuối cùng, anh kể với ông chuyện Signe Juul mất tích.

Sau đó Aune ngồi chìm sâu trong suy tư. Ông chỉ ậm ừ mỗi lần gật đầu hoặc lắc đầu.

“Rất tiếc phải nói tôi không chắc chắn có thể giúp anh được nhiều!” ông nói. “Điều duy nhất tôi phải suy nghĩ chính là thông điệp trên tấm gương. Nó gợi nhớ đến một tấm danh thiếp, một điều rất bình thường đối với những kẻ sát nhân hàng loạt, nhất là sau một vài vụ giết người, khi chúng bắt đầu cảm thấy đủ an toàn và muốn tăng mức độ bằng cách thách thức cảnh sát.”

“Hắn có phải kẻ bệnh hoạn không, Aune?”

“Bệnh hoạn là một khái niệm tương đối. Tất cả chúng ta đều bệnh hoạn. Câu hỏi đặt ra là chúng ta ở mức nào so với cái quy chuẩn mà xã hội đặt ra. Không hành động nào tự thân nó là triệu chứng bệnh hoạn. Anh phải nhìn vào bối cảnh theo đó các hành động này được thực hiện. Ví dụ hầu hết mọi người đều được trang bị một cơ chế kiểm soát cơn bốc đồng trong não giữa, cố gắng ngăn chặn chúng ta không giết hại đồng loại. Đây chỉ là một trong số những phẩm chất tiến hóa chúng ta được trang bị để bảo vệ giống loài của chính chúng ta. Nhưng nếu anh rèn luyện đủ lâu để khắc phục những ức chế này, ức chế sẽ trở nên suy yếu. Lấy ví dụ như những người lính. Nếu anh hoặc tôi bất ngờ bắt đầu giết chóc, rất có khả năng chúng ta sẽ trở nên bệnh hoạn. Nhưng điều này không nhất thiết quan trọng nếu anh là một kẻ giết mướn, hay là một... cảnh sát cũng vậy.”

“Vậy nếu chúng ta đang nói về một người lính - một người đã chiến đấu cho cả hai bên trong một cuộc chiến - vậy thì phải chăng cái ngưỡng ngăn người ta khỏi giết người ở người lính sẽ thấp hơn nhiều so với một người khác, giả dụ cả hai đều có đầu óc minh mẫn?”

“Vừa đúng vừa sai. Một người lính được huấn luyện để giết người trong một hoàn cảnh chiến tranh. Để làm sao cho những ức chế ấy không tác động, hẳn ta phải cảm thấy rằng hành động giết người đang diễn ra trong cùng một bối cảnh.”

“Nghĩa là phải cảm thấy hẳn ta vẫn đang chiến đấu trong một cuộc chiến?”

“Nói đơn giản thì là vậy. Nhưng giả sử tình huống đúng là như vậy, thì hẳn ta vẫn có thể tiếp tục giết người mà không bệnh hoạn về mặt y học. Dù có thể nào thì hẳn cũng không bệnh hoạn hơn bất kỳ người lính bình thường nào. Vậy thì đó chỉ còn là vấn đề nhận thức lệch lạc về thực tại, và giờ thì chúng ta đang trượt trên lớp băng mỏng.”

“Tại sao thế?” Halvorsen hỏi.

“Ai có quyền nói cái gì là đúng hay cái gì là thực, cái gì là đạo đức hay trái đạo đức? Các nhà tâm lý học? Tòa án? Hay các chính trị gia?”

“Đúng,” Harry đáp. “Nhưng có những người làm việc đó.”

“Chính xác!” Aune nói. “Nhưng nếu anh cảm thấy rằng những người được trao quyền mà phán xét anh một cách hống hách hoặc bất công thì trong mắt anh, họ đã mất đi uy quyền tinh thần rồi. Chẳng hạn, nếu ai đó bị cầm tù vì là thành viên của một đảng phái hoàn toàn hợp pháp, anh sẽ đi tìm một thẩm phán khác. Anh kháng cáo bản án đó lên cấp có thẩm quyền cao hơn, ấy là nói vậy.”

“Chúa Trời là người phán xét ta’,” Harry nói.

Aune gật đầu. “Ông nghĩ câu nói này nghĩa là gì, Aune?”

“Có thể nó mang nghĩa là hấn muốn giải thích các hành động của mình. Đã đành mọi chuyện như vậy nhưng hấn cảm thấy có nhu cầu muốn được thấu hiểu. Hầu hết người ta đều làm thế mà, anh biết đấy.”

• • •

Harry ghé qua quán Schroder trên đường đi gặp Fauke. Sáng nay không đông khách nên Maja đang ngồi tại bàn bên dưới chiếc ti-vi, với một điếu thuốc và tờ báo. Harry cho cô ta xem ảnh của Edvard Mosken mà Halvorsen đã xoay sở lấy được trong thời gian ngắn thật ấn tượng, có lẽ là thông qua cơ quan đã cấp bằng lái xe quốc tế cho Mosken hai năm trước.

“Vâng, tôi nghĩ mình đã từng thấy khuôn mặt đồ tía này rồi,” cô nói. “Nhưng làm sao tôi nhớ được bao giờ hay ở đâu? Chắc ông ta phải đến đây một vài lần rồi vì tôi nhận ra ông ta. Dù sao ông ta cũng chẳng phải khách quen.”

“Còn ai khác có thể nói chuyện với ông ta không?”

“Giờ anh đang hỏi tôi chuyện phức tạp đấy, Harry.”

“Có ai đó đã gọi từ quầy điện thoại trả tiền ở đây vào lúc 12 giờ 30 thứ

Hai tuần trước. Tôi không mong rằng cô nhớ, nhưng liệu *có thể* là người này không?”

Maja nhún vai.

“Dĩ nhiên là *có thể*. Nhưng cũng *có thể* là ông già Noel. Anh biết nó như thế nào mà, Harry.”

• • •

Trên đường đến phố Vibes, Harry gọi cho Halvorsen bảo cậu ta liên hệ với Edvard Mosken.

“Tôi có nên bắt ông ta không?”

“Không, không. Kiểm tra chứng cứ ngoại phạm của ông ta trong vụ giết Brandhaug và vụ Signe Juul mất tích ngày hôm nay.”

Khuôn mặt của Sindre Fauke tái xanh tái xám khi mở cửa cho Harry.

“Hôm qua một người bạn đến chơi mang theo một chai whisky,” ông giải thích và làm mặt dài thườn thọt. “Cơ thể tôi không còn tải được của ấy nữa rồi. Không, giá mà tôi được trở lại tuổi sáu mươi...”

Ông phá lên cười, đi lấy ấm pha cà phê đang reo trên bếp.

“Tôi có đọc tin về vụ giết người đàn ông ở Văn phòng Đối ngoại này,” ông nói vọng ra từ trong bếp. “Trên tờ báo có nói rằng cảnh sát không loại trừ khả năng liên quan đến lời ông ta nói về những người Na Uy ngoài mặt trận. Tờ Verdens Gang cho rằng bọn Quốc xã mới đứng đằng sau vụ này. Cậu có thực sự tin thế không?”

“VG có thể tin điều đó. Chúng tôi không tin bất kỳ cái gì cũng không loại trừ bất kỳ điều gì. Cuốn sách đến đâu rồi?”

“Lúc này thì nó hơi chậm một chút. Nhưng nếu tôi làm xong, nó sẽ khiến một vài người phải mở mắt ra. Mà dù sao tôi tự nhắc mình điều đó, để động viên mình vào những ngày như hôm nay!”

Fauke đặt ấm cà phê lên chiếc bàn giữa hai người, rồi ngồi lọt thỏm trong

chiếc ghế bành. Ông buộc một mảnh vải mát quanh ấm cà phê - một trò cũ ông học được ở mặt trận, ông giải thích với một nụ cười ranh mãnh. Rõ ràng ông đang hy vọng Harry sẽ hỏi ông trò này hiệu quả thế nào, nhưng Harry không có thời gian.

“Vợ của Even Juul mất tích rồi!” anh nói.

“Lạy Chúa tôi. Bỏ trốn à?”

“Tôi không nghĩ vậy. Ông có biết bà ấy không?”

“Tôi chưa bao giờ gặp bà ấy, nhưng tôi biết rất nhiều về vụ tranh cãi khi Juul sắp kết hôn. Nào là bà ấy là y tá ở chiến trường và vân vân. Đã xảy ra chuyện gì?”

Harry kể cho ông nghe về cuộc gọi và việc bà biến mất. “Chúng tôi không biết gì nhiều hơn thế. Tôi đang hy vọng rằng ông biết bà ấy, và có thể cung cấp cho tôi một manh mối.”

“Xin lỗi, nhưng...” Fauke dừng lại, nhấp một ngụm cà phê. Dường như ông đang suy nghĩ về chuyện gì đó. “Mà cậu nói trên tấm gương ấy đã viết gì nhỉ?”

“Chúa Trời là người phán xét ta’!” Harry đáp.

“Hừm.”

“Ông đang nghĩ gì vậy?”

“Nói thẳng nhé, chính tôi cũng không chắc chắn!” Fauke nói, tay xoa cái cằm chưa cạo.

“Thôi nào, nói ra đi.”

“Cậu đã nói hấn có thể muốn giải thích về mình, để được thấu hiểu à?”

“Vâng?”

Fauke bước đến bên giá sách, rút ra một cuốn sách dày và bắt đầu lật trang.

“Chính xác!” ông nói. “Đúng như tôi nghĩ.”

Ông trao cuốn sách cho Harry. Đó là một cuốn từ điển Kinh Thánh.

“Tìm phần nói về Daniel đi.”

Đôi mắt Harry lướt dọc trang đến khi tìm thấy cái tên. “Daniel. Người Do Thái. Chúa Trời là người phán xét ta.”

Anh ngược mắt lên nhìn Fauke, ông ta nâng ấm lên để rót cà phê.

“Cậu đang đi tìm một bóng ma đấy, thanh tra Hole.”

*Parkvien. Ngày Uranienborg.
Ngày 11 tháng 5 năm 2000*

Johan Krohn tiếp Harry trong văn phòng của gã. Các giá sách sau lưng gã xếp chặt những cuốn ấn phẩm pháp lý bọc da màu nâu. Chúng tương phản đến lạ kỳ với khuôn mặt trẻ con của tay luật sư.

“Chúng ta lại gặp nhau rồi,” Krohn nói, chỉ ghé mời Harry ngồi.

“Anh có trí nhớ tốt đấy,” Harry nói.

“Trí nhớ của tôi có làm sao đâu. Sverre Olsen. Anh đã có một vụ rất dễ thắng tại đó. Thật xấu hổ cho tòa án khi đã không tuân thủ sách luật.”

“Đó không phải là lý do tôi đến đây,” Harry nói. “Mà là tôi có chuyện muốn hỏi.”

“Hỏi thì chả mất gì cả!” Krohn nói, chụm mấy đầu ngón tay vào nhau. Gã nhắc Harry nhớ đến một đứa trẻ đang đóng vai người lớn.

“Tôi đang tìm một loại vũ khí được nhập lậu, và tôi có lý do để tin rằng Sverre Olsen có thể dính líu với một tư cách nào đó. Vì thân chủ của anh đã chết, anh không còn bị quy tắc giữ bí mật cho thân chủ cản trở, nên có thể cung cấp cho chúng tôi thông tin. Điều đó có thể giúp chúng tôi làm sáng tỏ vụ giết hại Bernt Brandhaug, người mà chúng tôi khá chắc chắn đã bị bắn chết bằng chính thứ vũ khí này.”

Krohn mím một nụ cười chua chát.

“Tôi thì thích anh để tôi tự quyết định những ranh giới về giữ bí mật cho thân chủ, anh cảnh sát ạ. Chẳng có giả định tự động nào rằng nó sẽ chấm dứt

sau khi chết. Và rõ ràng anh không cần nhắc thực tế rằng, tôi có thể xem việc anh đến đây hỏi thông tin có phần nào đó vô liêm sỉ, anh quên rằng cảnh sát bắn chết thân chủ của tôi đấy à?”

“Tôi đang cố gắng dẹp tình cảm sang một bên, và hành xử chuyên nghiệp đây!” Harry đáp.

“Vậy thì cố gắng thêm chút nữa đi, anh cảnh sát”. Krohn chỉ càng the thé thêm khi gã cao giọng. “Chuyện này không chuyên nghiệp lắm. Tương tự như vậy, giết một người trong chính nhà anh ta thì không chuyên nghiệp lắm đâu!”

“Đó là tự vệ,” Harry nói.

“Thuật ngữ chuyên môn thôi,” Krohn nói, “hắn là một cảnh sát có kinh nghiệm. Lẽ ra hắn nên biết rằng Olsen đang không ổn định, hắn không nên xông vào như đã làm, tay cảnh sát đó rõ ràng nên bị truy tố mới phải!”

Harry không chịu buông tha.

“Tôi đồng ý với anh rằng, xét theo thuật ngữ chuyên môn, khi một tên tội phạm lọt lưới thì bao giờ cũng rất đáng buồn” Krohn chớp mắt hai lần rồi mới hiểu ý Harry.

“Các thuật ngữ pháp lý rắc rối khác, cảnh sát ạ!” gã đáp. “Tuyên thệ trước tòa án dường như có thể là một tiểu tiết, nhưng nếu không có những sự bảo vệ về pháp lý..”

“Cấp bậc của tôi là thanh tra đấy.”

Harry tập trung vào việc ăn nói mềm mỏng, chậm rãi.

“Sự bảo vệ pháp lý anh đang nói đến khiến một đồng nghiệp của tôi, Ellen Gjeltén, phải mất mạng đấy. Hãy nhớ cái tên ấy trong trí nhớ chết tiệt mà anh tự hào đi. Ellen Gjeltén. Hai mươi tám tuổi. Tài năng điều tra xuất sắc nhất trong lực lượng cảnh sát Oslo. Sợ bị giập nát. Một cái chết đẫm máu.”

Harry đứng lên, chồm người sang bàn của Krohn, với toàn bộ chiều cao 1m90 của mình. Anh còn thấy yết hầu trên cái cổ kèn kèn, xương xẩu của

Krohn chạy lên chạy xuống. Và trong hai giây Harry tự cho phép mình cái xa xỉ được khoái trá thấy nỗi khiếp đảm trong mắt tay luật sư trẻ tuổi. Sau đó Harry rút danh thiếp xuống bàn.

“Gọi cho tôi khi anh quyết định xong mức độ giữ bí mật cho thân chủ!” anh nói.

Harry đi được nửa đường ra đến cửa thì giọng nói của Krohn khiến anh khựng lại.

“Hắn đã gọi cho tôi ngay trước khi chết.”

Harry quay lại. Krohn thở dài.

“Hắn khiếp sợ một người nào đó. Sverre Olsen lúc nào cũng khiếp sợ. Cô độc và khiếp sợ.”

“Ai mà không sợ chứ?” Harry lầm bầm. Rồi tiếp, “Hắn có nói hắn khiếp sợ ai không?”

“Hoàng Tử. Hắn gọi người đó như thế. Hoàng Tử.”

“Olsen có nói tại sao hắn lại khiếp sợ không?”

“Không, hắn chỉ nói rằng tên Hoàng Tử này là một kiểu như cấp trên và đã ra lệnh cho hắn phạm một tội ác. Thế nên hắn muốn biết làm theo lệnh tới mức nào là phạm tội bị trừng phạt. Thằng ngu tội nghiệp!”

“Những mệnh lệnh kiểu gì?”

“Hắn không nói.”

“Hắn còn nói thêm gì khác nữa không?”

Krohn lắc đầu

“Gọi cho tôi bất kỳ lúc nào nếu anh nghĩ ra được gì.”

“Một điều nữa, thanh tra. Nếu anh tin rằng tôi sẽ mất ngủ chỉ vì để kẻ giết đồng nghiệp của anh được tha bổng thì anh nhầm đấy.”

Nhưng Harry đã đi mất rồi.

*Tiệm pizza Herbert.**Ngày 11 tháng Năm năm 2000.*

Harry gọi cho Halvorsen và bảo cậu đến tiệm pizza Herbert. Họ gần như được một mình một cõi nên chọn một bàn bên cửa sổ. Ngay trong góc có một người đàn ông mặc áo choàng dài, với hàng ria mép kiểu Adofl Hitler đã lồi mốt, hai chân đi ủng đang gác lên mặt ghế. Trông hẳn ta như thể đang cố đạt kỷ lục thế giới về buồn chán.

Halvorsen đã liên hệ được với Edvard Mosken, nhưng không phải ở Drammen.

“Ông ta không trả lời khi tôi cố gọi về nhà ông ta, nên tôi lấy được số di động của ông ta trong danh bạ điện thoại. Hóa ra ông ta đang ở Oslo này. Ông ta có căn hộ ở Tromsogata tại Roddelekka để ở lại mỗi khi đến Bjerke.”

“Bjerke?”

“Đường đua ngựa. Chắc ông ta phải đến đó vào thứ Sáu và thứ Bảy. Ông ta bảo là cá cược vài trận và có được niềm vui. Ông ta sở hữu một phần tư con ngựa. Tôi đã gặp ông ta trong các chuồng ngựa phía sau đường đua.”

“Ông ta còn nói gì nữa không?”

“Thì thoảng ông ta cũng ghé vào quán Schroder vào buổi sáng khi ông ta đến Oslo. Ông ta chẳng biết Bernt Brandhaug là ai nên nhất định sẽ chẳng bao giờ gọi đến nhà ông ấy. Ông ta biết Signe Juul - ông ta nhớ bà ấy từng đến Mặt trận phía Đông.”

“Chúng cứ ngoại phạm của ông ta thì sao?”

Halvorsen gọi một pizza Hawaiian Tropic có tiêu và dứa.

“Mosken ở một mình trong căn hộ của ông ta tại Tromsogata cả tuần, ngoài những chuyến đi lên Bjerke, ông ta nói vậy. Vào buổi sáng khi Brandhaug bị giết, ông ta đã có mặt ở đó. Và cả sáng nay nữa!”

“Được rồi. Cậu nghĩ ông ta trả lời những câu hỏi của cậu thế nào?”

“Ý anh là sao?”

“Cậu có tin ông ta khi ở bên ông ta không?”

“Có, không, à, tin, hừm...”

“Nghe theo trực giác của cậu đi, Halvorsen, đừng có lo. Rồi nói ra những gì cậu cảm thấy. Tôi sẽ không dùng nó gây bất lợi cho cậu đâu.”

Halvorsen nhìn xuống bàn và tẩy máy cái thực đơn.

“Nếu Mosken nói dối thì ông ta chắc chắn là một kẻ khá lạnh lùng. Tôi chỉ có thể nói vậy thôi.”

Harry thở dài.

“Cậu lo xin người để giám sát Mosken nhé? Tôi muốn có hai người bên ngoài căn hộ của ông ta cả ngày lẫn đêm!”

Halvorsen gật đầu và nhấn một số trên di động. Harry nghe được giọng nói của Moller khi liếc trộm tên Quốc xã mới trong góc. Hoặc bất cứ cái tên gì chúng tự xưng. Chủ nghĩa Phát xít. Những kẻ Dân chủ Quốc gia. Anh nhận được một bản sao bài luận văn xã hội học của một trường đại học kết luận rằng có đến năm mươi bảy tên Quốc xã mới ở Na Uy.

Bánh pizza được dọn lên, Halvorsen ném sang Harry cái nhìn dò hỏi.

“Ăn đi,” Harry nói. “Pizza không phải món tôi thích đâu.”

Áo choàng trong góc phòng đón tiếp thêm một áo khoác dã chiến xanh. Họ ngồi chụm đầu vào nhau, nhìn sang hai cảnh sát.

“Một điều nữa nhé,” Harry nói. “Chị Linda ở POT nói với tôi rằng có một hồ sơ lưu SS tại Cologne, đã bị hủy hoại một phần do vụ cháy vào những năm bảy mươi, nhưng người ta đã nhặt nhạnh được trong đó một số thông tin về người Na Uy tham chiến với quân Đức. Các vị tư lệnh, những tướng

thường của quân đội, rồi cấp bậc, các thông tin kiểu đó. Tôi muốn cậu gọi điện cho họ xem cậu có tìm được gì về Daniel Gudeson. Và Gudbrand Johansen.”

“Rõ, thưa sếp,” Halvorsen đáp khi miệng nhồm nhoàm pizza. “Khi tôi chén xong món pizza này đã.”

“Trong lúc đó tôi sẽ ra nói chuyện với mấy anh bạn trẻ của chúng ta,” Harry nói và đứng lên.

Trong môi trường công việc, Harry luôn để ý không lợi dụng thân hình to lớn của mình mà giành lợi thế tâm lý. Nhưng cho dù tên Ria Múp Hitler kia có rướn cổ cổ ngược lên nhìn Harry, anh vẫn biết rằng ánh mắt lạnh lẽo ẩn giấu chính nỗi sợ hãi anh đã chứng kiến ở Krohn. Chỉ có điều thằng cha này đã luyện che giấu nó nhiều hơn. Harry giật cái ghế mà Ria Múp Hitler đang gác chân mang ủng nên hai chân hắn rớt xuống sàn nhà đánh rầm một cái, trước khi hắn kịp phản ứng.

“Xin lỗi!” Harry nói. “Tôi tưởng ghế này không có ai ngồi.”

“Đồ rác rưởi chó chết!” Ria Múp Hitler nói. Cái sọ nhẵn thín nhô lên từ Áo khoác Dã chiến quay ngoắt lại.

“Đúng đấy!” Harry nói. “Hay còn gọi là cảnh sát. Hay cớm. Hay công an. Không, như thế có lẽ dễ chịu quá. Hay *les flics*(*)? Đủ tầm quốc tế chưa?”

“Bọn này quấy rầy ông hay sao hả?” Áo choàng hỏi.

“Có, bọn bây đang quấy rầy tao!” Harry đáp. “Bọn bây quấy rầy tao một thời gian dài rồi đấy. Gửi lời chào đến Hoàng Tử, nói với hắn là Harry Hole sẽ quấy rối ngược lại hắn. Lời chào của Hole dành cho Hoàng Tử đấy. Nghe rõ chưa?”

Áo khoác Dã chiến chớp chớp mắt, nhìn ngậy miệng há hốc. Thế rồi Áo choàng há miệng phô ra hàm răng tả xung hữu đột, phá lên cười bắn cả nước bọt ra ngoài.

“Ông đang nói về hoàng tử Haakon Magnus(*) đấy à?” hắn hỏi, và khi Áo khoác Dã chiến cuối cùng cũng hiểu câu đùa, nhe răng cười theo Áo

choàng.

“À,” Harry nói. “Dĩ nhiên nếu bọn bây chỉ là lính quèn thì sẽ chẳng biết được Hoàng Tử là ai. Thế nên bọn bây phải chuyển lại tin nhắn cho kẻ tiếp theo trong hàng ngũ. Thưởng thức pizza đi mấy ông bạn.”

Anh bước lại phía Halvorsen, cảm thấy ánh mắt chúng trên lưng mình.

“Cứ ăn hết đi,” anh nói với Halvorsen đang mãi cắn miếng pizza to che gần nửa mặt. “Chúng ta phải ra khỏi đây trước khi lý lịch của tôi nhận thêm vết đen nữa.”

*Holmenkollen.**Ngày 11 tháng 5 năm 2000*

Hôm ấy là buổi tối mùa xuân ấm áp nhất cho đến giờ. Harry đang lái xe, cửa xe mở, làn gió mát nhẹ mơn man khuôn mặt, mái tóc anh. Từ trên đầu đường Holmenkollen, anh có thể thấy vịnh hẹp Oslo và những hòn đảo rải rác xung quanh. Trông chúng như những vỏ sò màu nâu hơi lục. Những cánh buồm trắng đầu tiên của mùa mới đang tiến về phía đất liền để nghỉ đêm. Một vài học sinh mũ đỏ vừa rời ghế nhà trường đang đứng tiểu bên vệ đường, cạnh một chiếc xe buýt màu đỏ với đôi loa gắn trên mái. Tiếng nhạc phát ra âm âm: *Won't - you - be my lover...*

Một phụ nữ cao tuổi mặc quần ống túm đi bộ đường dài, chiếc áo ngoài có mũ trùm đầu buộc quanh hông, nét mặt tuy mệt mỏi nhưng sung sướng, đang thong thả xuôi đường.

Harry dừng xe quá ngôi nhà một đoạn. Anh không muốn chạy lên hết đường xe vào nhà, mà anh cũng hoàn toàn không hiểu tại sao mình làm thế - anh nghĩ có lẽ vì đồ như thế xem ra đỡ mang tính xâm phạm hơn. Dĩ nhiên là lỗi bịch, vì anh đến thăm hoàn toàn không báo trước, không được mời.

Đang đi nửa đường lên lối xe vào nhà, di động của anh kêu bíp bíp. Halvorsen gọi từ phòng lưu trữ Hồ sơ những kẻ phản bội.

“Chẳng có gì hết,” cậu ta nói. “Nếu Daniel Gudeson thực sự còn sống, nhất định ông ta đã không bị buộc tội sau chiến tranh.”

“Thế còn Signe Juul?”

“Bà ấy bị tuyên án một năm.”

“Nhưng không bao giờ phải ngồi tù. Còn gì đáng chú ý nữa không?”

“Hết rồi. Bây giờ họ đang sẵn sàng đuổi cô tôi ra ngoài để đóng cửa đây.”

“Về nhà ngủ đi - có lẽ ngày mai chúng ta sẽ nghĩ ra cái gì đó.”

Harry đã đến dưới bậc thềm, đang chuẩn bị nhảy phóc lên một lượt thì cửa bật mở. Anh đứng im tại chỗ. Raket mặc chiếc áo chui đầu và quần jean xanh; tóc cô rối bù và mặt cô nhợt nhạt hơn thường lệ. Anh tìm kiếm trong đôi mắt cô bất kỳ dấu hiệu nào rằng cô hạnh phúc khi gặp lại anh, nhưng chẳng thấy gì. Tuy nhiên cái cử chỉ lịch sự lưng chừng mà anh khiếp hãi nhất cũng thiếu vắng. Đôi mắt cô chẳng biểu hiện điều gì.

“Em nghe thấy tiếng người nói chuyện bên ngoài,” cô nói.

“Vào nhà đi.”

Oleg ở trong phòng khách, đang mặc bộ đồ ngủ ngồi xem ti-vi.

“Chào người thua cuộc!” Harry nói “Chẳng phải cháu đang phải luyện thêm trò Tetris à?”

Oleg cười khịt mà mắt không rời ti-vi.

“Anh luôn quên rằng trẻ con không hiểu được lời nói mỉa mai,” Harry nói với Raket.

“Chú đã đi đâu thế?” Oleg hỏi.

“Đã ư?” Harry hơi bối rối trước nét mặt buộc tội của Oleg.

“Ý cháu là sao?”

Oleg bẻ vai.

“Cà phê không?” Raket hỏi. Harry gật. Oleg và Harry ngồi im lặng xem cuộc di cư khó tin của linh dương đầu bò qua sa mạc Kalahari, trong khi Raket dọn dẹp loảng xoảng trong bếp.

Cà phê và cuộc di cư, sẽ mất thời gian, “Năm mươi sáu nghìn điểm!” cuối cùng Oleg nói.

“Làm gì có,” Harry đáp.

“Cháu đứng đầu danh sách điểm cao nhất từ trước đến nay rồi.”

“Cho chú xem nào.”

Oleg đứng dậy bước ra khỏi phòng khách, đúng lúc Rakel mang cà phê vào phòng. Cô ngồi đối diện Harry. Anh lấy điều khiển từ xa vặn nhỏ tiếng móng gõ rầm rập. Cuối cùng chính Rakel phá tan sự im lặng.

“Vậy ngày 17 tháng Năm năm nay anh có làm gì không?”

“Làm việc thôi. Nhưng nếu em định có lời mời làm gì đó, anh sẽ xoay vần cả trời đất...”

Cô bật cười, tay xua xua ý kiến của anh.

“Xin lỗi, em chỉ muốn nói cho có chuyện. Nói chuyện khác đi.”

“Em đã bị ốm à?” Harry hỏi.

“Chuyện dài lắm.”

“Em có lắm chuyện đấy nhỉ!”

“Tại sao anh bỏ Thụy Điển về?” cô hỏi.

“Là Brandhaug. Cực kỳ lạ lùng, anh đã ngồi đúng chỗ này với ông ta.”

“Phải, cuộc sống phô bày những sự trùng hợp lạ lùng,” Rakel nói.

“Dù sao thì cũng lạ lùng đến mức em sẽ không thể cùng nó trốn vào tưởng tượng.”

“Anh không hiểu tí gì chuyện này đâu, Harry.”

“Ý em là sao?”

Cô thở dài, khuấy tách trà.

“Chuyện gì thế?” Harry hỏi. “Sao tối nay cả nhà dùng thông điệp mã hóa không vậy?”

Cô cố bật cười, nhưng rồi chỉ sụt sịt. Cảm lạnh mùa xuân, Harry nghĩ.

“Em... nó...”

Cô cố gắng mở đầu câu thêm mấy lần nữa, nhưng không nói được gì rành mạch. Thìa uống trà trong chén của cô đảo vòng vòng. Qua vai cô, Harry còn thấy một con linh dương đang bị cá sấu lôi xuống sông, chậm rãi và không thương tiếc.

“Em đã trải qua một quãng thời gian khủng khiếp,” cô nói. “Và em đã

mòn mỗi đợi chờ anh.”

Cô quay về phía Harry, phải đến lúc này anh mới thấy rằng cô đang khóc. Những giọt nước mắt lăn dài trên má và đọng lại dưới cằm. Cô không cố kìm nén.

“VẬY...” Harry mở miệng, và anh chỉ có thể nói được thế trước khi họ lao vào vòng tay nhau. Hai người dính chặt vào nhau như bám vào một chiếc phao. Harry đang run rẩy. Chỉ thế này thôi, Harry nghĩ. Chỉ thế này là đủ. Chỉ cần ôm cô ấy thế này thôi.

“Mẹ!” Tiếng kêu từ trên tầng một vọng xuống. “Máy GameBoy của con đâu?”

“Trong một ngăn kéo ở bàn trang điểm ấy,” Raket kêu đáp lại bằng giọng run rẩy. “Tìm từ ngăn kéo trên cùng.”

“Hôn em đi,” cô thì thầm với Harry.

“Nhưng Oleg có thể...”

“Cái máy không có ở bàn trang điểm.”

• • •

Khi Oleg xuống nhà với máy GameBoy cuối cùng nó cũng tìm thấy trong thùng đồ chơi, ban đầu thằng bé không nhận thấy bầu không khí trong phòng khách và cười nhạo Harry vì anh đang âm ỉ tỏ vẻ quan tâm khi nhìn điếm số mới. Nhưng ngay sau khi Harry bắt đầu lập kỷ lục mới thì nghe Oleg nói, “Có gì trên mặt hai người thế kia?”

Harry nhìn Raket, cô vừa kịp giữ vẻ mặt trang nghiêm trở lại.

“Đó là vì mẹ và chú quý nhau nhiều lắm!” Harry đáp, thay ba hàng bằng một hàng dài về bên phải. “VẬY là kỷ lục của cháu đang lung lay rồi đấy, người thua cuộc!”

Oleg phá lên cười, vỗ mạnh vào vai Harry.

“Không có cơ hội đâu. Chú mới là người thua cuộc.”

*Căn hộ của Harry.**Ngày 11 tháng 5 năm 2000*

Harry không còn cảm thấy mình như kẻ thua cuộc khi trước nửa đêm một chút, anh mở khóa căn hộ của mình và thấy con mắt đỏ trên máy trả lời tự động nhấp nháy. Anh đã bế Oleg vào giường ngủ và uống trà, Rakel đã nói rằng một ngày nào đó cô sẽ kể anh nghe toàn bộ câu chuyện dài. Khi cô không còn kiệt sức như vậy. Harry trả lời cô cần một kỳ nghỉ, và cô đồng ý.

“Chúng ta có thể đi cùng nhau, cả ba chúng ta,” anh đã nói thế, “khi xong vụ này.”

Cô vuốt tóc anh.

“Đây không phải là chuyện để tỏ ra khiếm nhã được đâu, Harry Hole.”

“Ai đang tỏ ra khiếm nhã đây?”

“Bây giờ em không thể nói về chuyện này được, về nhà đi, Harry Hole.”

Ngoài tiền sảnh họ đã hôn nhau thêm chút nữa. Harry vẫn còn cảm thấy vị ngọt bờ môi cô trên môi mình.

Không cần bật đèn, anh rón rén hai chân đi vớ dài vào phòng khách, nhấn nút PLAY trên máy trả lời tự động. Giọng của Sindre Fauke lấp đầy bóng tối:

“Fauke đây. Tôi đã suy nghĩ. Nếu Daniel Gudeson còn hơn cả một hồn ma, vậy thì chỉ có một người duy nhất trên trái đất giải được bí ẩn này. Và đó là người đã trực phiên gác vào đêm Giao thừa khi Daniel Gudeson rõ ràng đã bị bắn chết: Gudbrand Johansen. Cậu phải tìm được Gudbrand Johansen,

thanh tra Hole.”

Sau đó là tiếng ống nghe được thay thế, một tiếng bíp, khi Harry chờ nghe tiếng cạch, thì lại nghe một tin nhắn khác.

“Halvorsen đây. Đã 11 giờ 30 rồi. Tôi vừa nhận được cuộc gọi của một cảnh sát gác ngoài căn hộ của Mosken. Họ vẫn đang đợi, nhưng ông ta chưa quay về nhà. Nên họ đã cố gọi vào số điện thoại ở Drammen, chỉ để xem ông ta có trả lời điện thoại không. Nhưng ông ta không trả lời. Một trong số những người này đã lái xe đến Bjerke, nhưng tất cả đã khóa kín, đèn đóm thì tắt ngóm. Tôi đã đề nghị họ bám trụ ở đó một lúc nữa và thông báo tìm xe của Mosken trên radio cảnh sát. Chỉ báo anh biết vậy thôi. Hẹn mai gặp lại anh.”

Một tiếng bíp nữa. Tin nhắn mới. Bản ghi âm mới trên máy trả lời tự động của Harry.

“Lại tôi Halvorsen đây. Tôi sắp già lão tới nơi rồi. Quên biển luôn còn một chuyện cần nói. Như thể cuối cùng chúng ta đã gặp chút may mắn. Hồ sơ lưu SS tại Cologne không có bất kỳ thông tin cá nhân nào về Gudeson hay Johansen. Họ bảo tôi gọi điện đến phòng lưu trữ trung ương hồ sơ của Lực lượng Vệ quốc tại Berlin. Tại đó tôi đã nói chuyện với một lão già cau có tốt bụng nói rằng chỉ có số ít người Na Uy từng tham gia vào quân đội Đức chính quy. Nhưng khi tôi giải thích vấn đề với ông ấy, ông ấy nói rằng dù sao ông ấy cũng sẽ kiểm tra. Một lúc sau ông ấy gọi lại và nói rằng, đúng như dự đoán, ông ấy không tìm được điều gì về Daniel Gudeson. Tuy nhiên, ông ấy lại tìm thấy các bản sao một số giấy tờ liên quan đến một Gudbrand Johansen, cũng là người Na Uy. Theo các giấy tờ này thì có vẻ như ông ta đã được chuyển từ Lực lượng Vũ trang SS sang Lực lượng Vệ quốc vào năm 1944. Một ghi chú trên các bản sao cho thấy rằng các giấy tờ gốc đã được gửi đến Oslo vào mùa hè năm 1944, căn cứ theo người của chúng ta tại Berlin, điều đó chỉ có nghĩa là Johansen đã được chuyển tới đó. Ông ấy còn tìm được một số thư từ với một người bác sĩ đã ký tên trên các giấy chứng

nhận y tế của Johansen. Tại Vienna.”

Harry ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng.

“Tên bác sĩ này là Christopher Brockhard, tại bệnh viện Rudolf II. Tôi đã kiểm tra với cảnh sát Vienna rồi, hóa ra cái bệnh viện này vẫn đang hoạt động đầy đủ. Họ thậm chí còn cung cấp cho tôi cả tên và số điện thoại của hơn hai mươi người từng làm việc tại đó trong chiến tranh, và vẫn còn sống.”

Người Đức đúng là biết lưu trữ hồ sơ thật, Harry nghĩ.

“Thế nên tôi bắt đầu gọi một vòng. Tôi nói tiếng Đức thật tệ.”

Tiếng cười của Halvorsen vang lên lạo xạo trong loa.

“Tôi đã gọi cho tám người rồi mới gặp được một nữ y tá có thể nhớ Gudbrand Johansen. Cô ta giờ là một bà già bảy mươi năm tuổi. Bà ấy nói bà nhớ ông ta rất rõ ràng. Anh sẽ có được số điện thoại và địa chỉ của bà ấy vào sáng mai. À mà quên nữa, tên bà ấy là Mayer. Helena Mayer.”

Một khoảng im lặng lạo xạo tiếp theo là một tiếng bíp, và tiếng cạch báo hiệu băng ghi âm đã ngừng.

• • •

Harry nằm mơ về Rakel, mơ về khuôn mặt cô đang vùi vào cổ anh, đôi bàn tay mạnh mẽ của cô, và những khối xếp hình Tetris cứ rơi mãi, rơi mãi. Nhưng chính giọng của Sindre Fauke làm anh bừng tỉnh vào nửa đêm và khiến anh nhìn trừng trừng bóng dáng một người trong bóng tối.

“Cậu phải tìm được Gudbrand Johansen.”

*Pháo đài Akershus.**Ngày 12 tháng Năm năm 2000.*

Đã 2 giờ 30 sáng, lão già dừng xe cạnh một nhà kho thấp trên phố Akershusstranda. Nhiều năm trước con phố này là phố lớn chính tại Oslo. Nhưng sau khi đường hầm Fjellinje được mở thì Akershusstranda bị đóng lại một đầu và chỉ được công nhân làm việc tại các vũng tàu đậu sử dụng vào ban ngày. Cộng thêm là các khách làng chơi muốn một nơi khá yên để “đi dạo”. Giữa con phố và mặt nước có một vài nhà kho, phía bên kia là mặt phía Tây của pháo đài Akershus. Đương nhiên nếu ai chiếm được một vị trí tại Aker Brygge và sở hữu một ống ngắm súng trường xịn, chắc chắn sẽ thấy được những gì lão già thấy: cái lưng áo khoác màu xám giật mạnh lên mỗi khi người đàn ông mặc nó đẩy hông về phía trước và khuôn mặt ả đàn bà trang điểm rất đậm, say khướt đang bị thúc mạnh vào bức tường phía Tây của pháo đài, ngay dưới những khẩu đại bác. Hai chiếc đèn pha đứng hai bên cặp tình nhân đang giao phối, rọi sáng bề mặt đá và bức tường phía trên đầu họ.

Akershus, nhà tù của Lực lượng Vệ quốc trong Thế chiến II. Bên trong của pháo đài đóng cửa về đêm. Cho dù lão có khả năng tìm được đường vào, nguy cơ bị phát hiện tại nơi hành hình có thật này vẫn là quá lớn. Không ai thực sự biết bao nhiêu người đã bị bắn chết tại đây trong thời chiến, nhưng vẫn có tấm bảng tưởng niệm các chiến sĩ Kháng chiến Na Uy đã ngã xuống. Lão già biết rằng ít nhất một người trong số này là tội phạm và xứng đáng bị

trùng phạt, bất kể ta nhìn nhận theo cách nào. Và chính tại đó họ đã bắn chết Vidkun Quisling cùng những người khác bị xử do phạm tội ác chiến tranh và bị kết án tử hình. Quisling đã bị cầm tù trong tháp Powder. Ông già tự hỏi phải chăng tháp Powder đã gợi cảm hứng cho cuốn sách của Jens Bjomeboe. Trong đó tác giả mô tả ngôn ngôn chi tiết bao nhiêu phương thức hành quyết suốt nhiều thế kỷ. Phải chăng cảnh hành hình của đội xử bắn thực sự là hình ảnh cuộc hành hình Vidkun Quisling, vào một ngày tháng Mười năm 1945, khi họ dẫn kẻ phản bội ra quảng trường và băm nát cơ thể hắn ta bằng những phát đạn? Hay phải chăng như tác giả đã viết, họ đội lên đầu hắn cái mũ trùm, cột một vuông vải trắng bên trên trái tim hắn để đánh dấu? Phải chăng họ đã ra lệnh bắn bốn, năm lần rồi súng mới nổ? Và phải chăng những tay thiện xạ được huấn luyện bắn tòi đến mức ông bác sĩ đeo ông nghe buộc phải nói cần hành hình lại kẻ tử tù kia - cho đến khi họ bắn thêm bốn, năm lượt nữa, và cái chết diễn ra vì mất máu do nhiều vết thương trên bề mặt?

Lão già đã cắt phần mô tả ấy ra khỏi cuốn sách.

Áo khoác xám đã xong việc, đang trên đường xuống dốc về xe của mình. À điếm vẫn đứng tựa vào tường; kéo váy xuống như cũ, hút điều thuốc thấp sáng màn đêm mỗi khi ả rít một hơi. Lão già chờ đợi. ả dụi tắt điều thuốc dưới giày cao gót, cất bước xuống lối đi đầy bùn quanh pháo đài về *văn phòng* của ả trên các con phố quanh ngân hàng Norges.

Lão quay lại ghé sau nơi một phụ nữ miệng bị nhét giẻ, đang nhìn lão trùng trùng giống hệt ánh mắt khiếp sợ lão đã thấy khi bà chột tỉnh lại sau khi bị lão chụp thuốc mê. Lão thấy miệng bà đang mấp máy sau miếng giẻ.

“Đừng khiếp sợ thế, Signe!” lão nói, vươn người tới gắn cái gì đó lên áo khoác của bà. Bà cố gắng cúi đầu xuống để xem nó là cái gì, nhưng lão ép bà ngẩng đầu lên.

“Cùng đi dạo thôi nào!” lão nói. “Như chúng ta vẫn từng đi.”

Lão xuống xe, mở cửa sau, lôi bà ra ngoài đẩy bà đi trước mặt. Bà bị vấp và ngã trên sỏi trên mặt cỏ bên cạnh lối đi nhưng lão giật mạnh sợi dây

thường trói hai tay bà sau lưng, kéo bà đứng dậy. Lão để bà đứng ngay trước một trong những ngọn đèn pha, ánh đèn chiếu sáng đôi mắt bà.

“Đứng yên đó. Anh quên mất rượu rồi!” lão nói. “Rượu vang đỏ Ribeiro. Em vẫn nhớ được mà, đúng không? Đứng yên đấy, bằng không anh...”

Bà bị ánh sáng làm lóa mắt, lão phải dứ dứ lưỡi dao trước mặt bà cho bà thấy. Bất chấp ánh sáng chói chang, cặp đồng tử to đến mức đôi mắt bà trông như thể chỉ còn màu đen. Lão về xe và do thám xung quanh. Chẳng thấy ai hết cả. Lão lắng nghe nhưng chỉ nghe thấy âm thanh đều đều của thành phố. Rồi lão mở cốp xe. Đẩy cái túi rác to màu đen sang một bên, lão có thể cảm thấy xác con chó bên trong bắt đầu co cứng.

Lớp thép của khẩu súng trường Márklin ánh lên sắc ảm đạm.

Lão lấy khẩu súng ra và ngồi ở ghế trước. Hạ cửa kính xe xuống một nửa, lão kê khẩu súng trường lên đó. Khi ngược mắt lên, lão nhìn thấy cái bóng to của bà đang nhảy múa trên bức tường màu nâu hơi vàng thế kỷ mười sáu. Từ Nesodden cũng có thể thấy hình bóng suốt qua vịnh. Tuyệt đẹp.

Lão khởi động xe bằng tay phải, nổ máy. Lão nhìn lại xung quanh lần cuối rồi nhòm qua ống ngắm. Khoảng cách chưa đến năm mươi mét, chiếc áo khoác của bà lấp kín cả đường tròn kính ngắm. Lão chỉnh đích ngắm sang bên phải một chút, tâm ngắm đen cho lão thấy điều mình đang tìm - mảnh giấy trắng.

Lão thở ra một hơi từ trong phổi, ngón tay lão cong lại quanh cò súng.

“Chào mừng trở lại,” lão thì thầm.

PHẦN 8
KHẢI HUYỀN

Vienna.

Ngày 4 tháng 5 năm 2000

Harry tự cho phép mình tận hưởng cảm giác lớp da mát lạnh sau gáy và bên hai cánh tay trên ghế ngồi chiếc máy bay hãng hàng không Tyrolean Air trong ba giây. Rồi quay lại với những suy nghĩ.

Dưới cánh máy bay, vùng thôn quê nằm đó như một miếng vải chắp vá liền mạch có hai màu vàng xanh, với con sông Danube lấp lánh ánh mặt trời như một vết thương màu nâu đang rỉ nước. Cô chiêu đãi viên hàng không vừa thông báo rằng họ chuẩn bị hạ cánh xuống Schwechat, nên Harry chuẩn bị tâm lý.

Harry chưa bao giờ sung sướng khi đi máy bay, nhưng mấy năm gần đây anh bắt đầu thấy khiếp đảm thật sự. Ellen có lần đã hỏi anh đang sợ hãi cái gì. “Roi máy bay và chết, còn cái quái gì nữa?” anh đáp. Cô đã bảo anh rằng xác suất chết trong máy bay khi thỉnh thoảng mới bay là 1/30.000.000. Anh cảm ơn cô về thông tin này và nói anh không còn sợ hãi nữa.

Harry hít sâu rồi thở ra khi lắng nghe những âm thanh thay đổi của động cơ. Tại sao khi bạn già đi, nỗi sợ chết lại càng tồi tệ hơn? Sao không thể là ngược lại? Signe Juul đã bảy mươi chín tuổi rồi. Có lẽ bà ấy đã sợ chết khiếp. Một người bảo vệ tại pháo đài Akershus đã tìm thấy bà ấy. Trong phiên gác của mình, họ nhận được cuộc điện thoại của một triệu phú nổi tiếng mất ngủ tại Aker Brygge, thông báo rằng một trong số các đèn pha trên bức tường phía Nam bị tắt. Viên sĩ quan trực cử một bảo vệ ra ngoài xem

xét. Hai tiếng sau đó Harry đã thẳm vắn cậu ta. Cậu ta khai rằng khi đến gần đèn pha, cậu ta đã thấy một người phụ nữ không còn sự sống nằm vắt ngang, che hết ánh sáng. Ban đầu cậu ta tưởng bà ấy say rượu, nhưng khi đến gần hơn và thấy trang phục kiểu cổ điển và mái tóc bạc, cậu ta nhận ra bà ấy là một phụ nữ lớn tuổi. Ý nghĩ tiếp theo của cậu ta là bà ấy ngã bệnh, nhưng rồi cậu phát hiện ra hai bàn tay bà ấy bị trói quặt sau lưng. Chỉ đến khi đến gần, cậu ta mới thấy cái lỗ toang hoác trên áo khoác bà ấy.

“Tôi thấy xương sống của bà ấy bị giập nát!” cậu ta nói với Harry. “Chết tiệt, tôi nhìn thấy cột sống của bà ấy.”

Rồi cậu ta bảo với anh mình đã chống tay vào tường đá mà nôn thốc nôn tháo ra. Chỉ về sau khi cảnh sát tới mang thi thể đi, nhờ ánh đèn lại chiếu sáng bức tường, cậu ta mới nhận ra cái vật nhóp nhóp trên bàn tay mình là gì. Cậu ta xòe tay ra cho Harry xem, như thể điều đó quan trọng lắm.

Đơn vị Điều tra Hiện trường đã đến, Weber bước qua chỗ Harry trong khi quan sát Signe Juul bằng đôi mắt ngái ngủ.

Ông nói rằng Chúa Trời không phải là vị quan tòa khát máu, mà chính là thằng cha ở bên dưới mặt đất này.

Nhân chứng duy nhất là một người bảo vệ làm ca đêm chịu trách nhiệm giám sát các nhà kho. Anh ta đã thấy một chiếc xe đi xuống đường Akershusstranda trên đường đi về hướng Đông vào lúc 2 giờ 45 phút. Nhưng vì đèn của tài xế bật sáng hết công suất, nên anh ta bị lóa mắt không nhìn rõ được hình dáng hay màu của xe.

Cảm giác như thể viên phi công đang tăng tốc. Harry hình dung họ đang cố gắng tăng độ cao vì cơ trưởng bất chợt nhìn thấy dãy Alp ngay phía trước buồng lái. Rồi anh lại cảm thấy như không khí dưới cánh chiếc Tyrolean Air đã biến mất, Harry thấy ruột gan như lộn lên. Phút tiếp theo anh rên rỉ thành tiếng khi các hành khách nảy tung tung như quả bóng cao su. Viên cơ trưởng kết nối hệ thống liên lạc và nói về sự nhiễu loạn bằng tiếng Anh và tiếng Đức.

Aune đã nói rõ rằng nếu ai đó không có khả năng cảm thấy sợ hãi thì họ sẽ không sống sót nổi lấy một ngày. Harry nắm chặt tay ghế và cố gắng tìm kiếm niềm an ủi trong suy nghĩ đó.

Thực ra chính Aune là người đem lại động lực cho Harry bắt ngay chuyến bay đầu tiên có được đến Vienna. Một khi ông ta đã có các dữ kiện bày ra trước mặt, ông ta đã nói ngay rằng thời gian là điều quan trọng bậc nhất.

“Nếu chúng ta đang phải đối phó với một kẻ sát nhân hàng loạt, thì hẳn đang ở ngưỡng mắt kiểm soát!” Aune nói. “Không giống như kẻ sát nhân hàng loạt cổ điển, tìm kiếm sự giải tỏa tình dục nhưng lần nào cũng thất vọng nên tăng tần suất giết chóc chỉ vì thất vọng, kẻ sát nhân này rõ ràng không có động cơ về tình dục. Hẳn có một kế hoạch bệnh hoạn nào đó phải hoàn thành, và tính cho đến giờ hẳn rất cẩn trọng và hành động rất sáng suốt. Thực tế rằng các vụ giết người rất gần nhau, và hẳn đã cố công nhấn mạnh tính biểu tượng trong các hành động của mình - như với vụ hành hình tại pháo đài Akershus - cho thấy rằng hoặc hẳn cảm thấy mình không thể bị đánh bại, hoặc hẳn đang mắt kiểm soát, có thể đang hình thành chứng rối loạn tâm thần.”

“Hoặc có lẽ hẳn vẫn đang hoàn toàn nắm quyền kiểm soát!” Halvorsen nói. “Hẳn chưa hề mắc sai lầm. Chúng ta vẫn không có được đầu mối nào cả.”

Chết tiệt, Halvorsen hoàn toàn đúng. Chẳng có đầu mối nào cả.

Mosken đã giải thích được hành tung của ông ta. Ông ta nhận điện thoại tại Drammen khi Halvorsen gọi đến vào buổi sáng để kiểm tra, vì mấy cảnh sát theo dõi không bắt được tăm hơi nào của ông ta tại Oslo. Dĩ nhiên họ không thể biết liệu những gì ông ta nói có đúng không: rằng ông ta đã chạy xe đến Drammen sau khi sân vận động Bjerke đóng cửa vào lúc mười rưỡi, và đến nơi lúc mười một rưỡi. Hoặc liệu ông ta có tới nơi lúc hai rưỡi sáng, và do vậy ở cái thể có thể bắn chết Signe Juul hay không.

Không còn nhiều hy vọng, Harry yêu cầu Halvorsen gọi cho các nhà hàng

xóm hỏi xem họ có nghe hoặc nhìn thấy Mosken đến không. Anh còn yêu cầu Moller nói chuyện với ủy viên công tố xem họ có kiếm được lệnh khám xét cả hai căn hộ của Mosken. Harry biết rằng những lập luận của họ rất yếu. Y như rằng, ủy viên công tố trả lời ông ta ít nhất cũng muốn thấy có gì tương đồng với chứng cứ gián tiếp không, trước khi cho phép.

Không có đầu mối. Đến lúc bắt đầu hoảng loạn rồi.

Harry nhắm mắt lại. Khuôn mặt của Even Juul vẫn còn in đậm trong võng mạc của anh. Xám ngoét, khép kín. Ông ta ngồi lọt thỏm trong ghế bành tại Irisveien, tay cầm sợi dây dắt chó.

Thế rồi các bánh xe chạm đất, Harry có thể khẳng định được rằng mình nằm trong số ba mươi triệu người may mắn.

• • •

Tay cảnh sát được sắp cảnh sát tại Vienna tử tế để anh tùy nghi sử dụng làm tài xế, hướng dẫn viên du lịch và phiên dịch, đang đứng ở sảnh khách đến. Anh ta mặc bộ com lê tối màu, đeo kính râm, cổ bò mộng, tay giơ cao tờ giấy A4 trên viết chữ MR. HOLE bằng bút dạ.

Cổ bò mộng tự giới thiệu mình là Fritz (*Phải có ai đó tên là Fritz chứ, Harry nghĩ*) dẫn anh đến chiếc BMW màu xanh nước biển, một lúc sau đã lao nhanh trên xa lộ tiến về thành phố theo hướng Tây Bắc. Xe phóng qua các ống khói nhà máy đang phun khói trắng, qua những người lái xe mô tô hành xử lịch sự dạt sang bên phải khi Fritz tăng tốc.

“Anh sẽ ở trong khách sạn gián điệp!” Fritz nói.

“Khách sạn gián điệp?”

“Khách sạn Imperial cổ xưa đáng kính. Đó là nơi các điệp viên Nga và phương Tây đào ngũ trong suốt Chiến tranh Lạnh. Sếp của anh chắc đang sống trên đồng tiền.”

Họ đến bùng binh Karntner, Fritz đưa tay chỉ.

“Kia là chóp Stephansdom, anh có thể thấy qua các mái nhà về bên phải!” anh ta nói. “Đẹp, đúng không? Đây là khách sạn. Tôi sẽ chờ anh vào làm thủ tục nhận phòng!”

Nhân viên lễ tân tại khách sạn Imperial mỉm cười khi thấy Harry ngắm nghía khu tiếp tân với sự ngưỡng mộ.

“Chúng tôi đã tân trang nó tốn mất bốn mươi triệu si linh, để nó trông giống hệt như thời trước chiến tranh. Trận đánh bom năm 1944 gần như đã phá hủy nó hoàn toàn. Vài năm trước nơi này cũng khá xập xệ.”

Khi Harry rời thang máy lên tầng hai, anh cảm thấy như thể đang bước trên lớp than bùn xốp, các tấm thảm đều dày và mềm. Căn phòng không đặc biệt lớn, nhưng có một chiếc giường bốn cọc rộng trông như thể ít nhất nó đã một trăm tuổi. Mở cửa sổ, anh có thể ngửi thấy mùi hương bánh ngọt từ tiệm bánh bên kia phố.

“Helena Mayer sống tại Lazarettgasse,” Fritz thông báo cho Harry khi anh vào lại trong xe. Anh ta la ó một chiếc xe chuyển làn mà không ra hiệu.

“Bà ấy là một góa phụ có hai đứa con đã trưởng thành. Làm giáo viên sau chiến tranh cho đến khi về hưu.”

“Anh đã nói chuyện với bà ấy chưa?”

“Chưa, nhưng tôi có đọc hồ sơ của bà ấy.”

Địa chỉ tại Lazarettgasse là một cơ ngơi chắc hẳn đã có thời rất trang nhã. Nhưng giờ đây lớp sơn đang bị bong tróc trên các bức tường trong lồng cầu thang rộng. Những tiếng vọng từ bước chân của họ hòa nhịp với tiếng nước nhỏ giọt.

Helena Mayer đứng tươi cười bên cửa vào căn hộ của bà trên tầng ba. Bà có đôi mắt nâu rất có hồn, bà lên tiếng xin lỗi về cái cầu thang.

Căn hộ bố trí hơi quá nhiều đồ nội thất, chứa đầy những món đồ lặt vặt người ta nhặt nhạnh được suốt cả quãng đời họ.

“Xin mời ngồi,” bà nói. “Tôi chỉ biết nói tiếng Đức, nhưng anh có thể nói với tôi bằng tiếng Anh. Tôi hiểu được khá tốt!” bà nói, quay sang Harry.

Bà mang vào một khay đựng cà phê và bánh ngọt. “Bánh strudel,” bà giải thích, chỉ tay vào đĩa bánh.

“Ngon tuyệt,” Fritz nói và tự phục vụ.

“Vậy là bà quen biết Gudbrand Johansen,” Harry nói.

“Vâng, tôi có biết. Chúng tôi gọi anh ta là Uriah. Anh ta cứ nhất định bắt gọi như thế. Ban đầu chúng tôi tưởng anh ta không hoàn toàn tỉnh táo. Vì những chấn thương của anh ta.”

“Những chấn thương thế nào?”

“Chấn thương đầu. Và chân nữa, tất nhiên. Bác sĩ Brockhard tính của chân anh ta.”

“Nhưng ông ta đã bình phục, và được chuyển đến Oslo vào mùa hè năm 1944, đúng không?”

“Phải, ý định là vậy.”

“Ý bà nói vậy là sao?”

“À anh ta đã biến mất, chẳng phải vậy sao? Và tôi không cho rằng anh ta đến Oslo, phải không nhỉ?”

“Theo những gì tôi biết thì không. Hãy nói tôi nghe, bà biết rõ Gudbrand Johansen đến mức độ nào?”

“Biết rất rõ. Anh ta là người có tính hướng ngoại, và là một người kể chuyện rất hay. Tôi nghĩ tất cả các y tá, hết người này đến người kia, đều đem lòng yêu anh ta.”

“Bà cũng vậy chứ?”

Bà bật cười, nụ cười rạng rỡ và có âm rung. “Tôi cũng thế. Nhưng anh ta không muốn tôi!”

“Không ư?”

“Trông tôi hỏi ấy dễ coi lắm, tôi có thể nói cho anh biết như thế không phải vì lý do nhan sắc của tôi đâu. Uriah muốn một người khác cơ!”

“Thật sao?”

“Phải, tên cô ấy cũng là Helena.”

“Là Helena nào vậy?” Bà già nhíu mày.

“Helena Lang, chắc vậy. Tình yêu của họ dành cho nhau chính là nguyên nhân của thảm kịch.”

“Thảm kịch gì?”

Bà ngạc nhiên ngậy nhìn Harry và Fritz, rồi lại nhìn Harry. “Chẳng phải đó là lý do hai người đến đây sao?” bà nói. “Vì vụ giết người?”

*Vườn thượng uyển.**Ngày 14 tháng 5 năm 2000*

Hôm nay là Chủ nhật, mọi người chân bước chậm hơn thường lệ, lão già đã bắt kịp họ khi lão bước qua Vườn thượng uyển. Lão dừng lại ở chót canh gác. Những cây cỏ màu xanh nhạt, sắc màu lão yêu nhất trong tất cả. Tức là tất cả ngoại trừ một cây. Cái cây sồi cao đứng giữa khu vườn sẽ không bao giờ xanh hơn lúc này. Có thể bạn đã thấy sự khác biệt. Sau khi bừng tỉnh giấc ngủ đông, nhựa cây truyền sức sống bắt đầu luân lưu truyền chất độc khắp mạng lưới những mạch máu. Giờ đây nó đã lan đến từng chiếc lá thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng trưởng sum suê, mà chỉ trong một hoặc hai tuần nữa là khiến các lá cây khô héo, ngả màu nâu rồi rụng. Cuối cùng cây sẽ chết.

Nhưng họ vẫn chưa biết điều đó. Rõ ràng họ chẳng biết gì cả. Bernt Brandhaug vốn không nằm trong kế hoạch ban đầu, lão già đã nhận ra rằng vụ giết người này đã làm cảnh sát bối rối. Những lời bình luận của Brandhaug trên tờ *Dagbladet* chỉ là một trong những sự trùng hợp lạ lùng. Khi đọc lão đã phá lên cười thành tiếng. Lạy Chúa, lão thậm chí còn đồng tình với Brandhaug. Kẻ chiến bại phải bị treo cổ, đó là quy Luật chiến tranh.

Nhưng còn các đầu mối khác lão đã cung cấp cho họ thì sao? Họ còn chưa thể kết nối được vụ phản bội lớn với vụ hành hình tại pháo đài Akershus. Có lẽ lần tới họ sẽ sáng mắt ra, khi những khẩu đại bác khai hỏa trên tường thành.

Lão nhìn quanh tìm băng ghế dài. Lúc này những con đẩu đang rủ nhau

tới ngày càng liên tục hơn, Lão không cần gõ cửa phòng mạch của Buer mới biết ung thư đang lan rộng ra toàn bộ cơ thể mình; điều đó lão tự biết được. Sẽ không còn lâu nữa đâu.

Lão tựa người vào một thân cây. Một cây bu lô hoàng gia, biểu tượng đất nước Na Uy bị chiếm đóng. Nhà vua cùng nội các đã bỏ trốn sang Anh. Những trái bom Đức trên đầu, một dòng trong một bài thơ của Nordahl Grieg, khiến lão cảm thấy buồn nôn. Nó trình bày sự phản bội của nhà vua như một sự rút lui trong danh dự, như thể việc bỏ rơi thần dân của mình vào đúng lúc họ cần mình nhất là một hành động đạo đức. Và trong sự an toàn tại London, nhà vua là một thành viên nữa trong số những ông vua, bà hoàng bị lưu đày đọc những bài diễn văn cảm động cho những người phụ nữ thượng lưu đồng cảm, tại những bữa tối chiêu đãi khi họ sống bám vào hy vọng rằng một ngày kia vương quốc nhỏ bé của họ sẽ muốn họ quay về. Và khi mọi chuyện đã qua, lại có cuộc đón tiếp khi chiếc thuyền chở hoàng thái tử buông neo tại bến cảng cùng tất cả những kẻ hóa ra đã hò hét đến khản cả tiếng để át đi nỗi nhục nhã của chính họ lẫn của nhà vua. Lão già quay mặt về hướng mặt trời, nhắm mắt lại.

Những tiếng hô mệnh lệnh, ừng và súng AG3 rầm rập trên lớp sỏi. Giao ca. Đổi gác.

Vienna.

Ngày 14 tháng 5 năm 2000

“Vậy là anh không biết?” Helena Mayer hỏi.

Bà lắc đầu và Fritz đã gọi điện thoại nhờ ai đó tìm kiếm các án mạng cũ đã lưu hồ sơ.

“Tôi chắc chắn chúng tôi sẽ tìm được nó!” anh ta nói nhỏ. Về điều này thì Harry không nghi ngờ gì.

“Vậy là cảnh sát hoàn toàn tin rằng Gudbrand Johansen đã giết chết chính bác sĩ của mình?” Harry hỏi, quay về phía bà chủ nhà.

“Phải, đúng vậy. Christopher Brockhard sống một mình trong căn hộ tại bệnh viện. Cảnh sát nói rằng Johansen đã đập vỡ kính trên cửa ra vào phía ngoài, giết chết anh ấy khi đang ngủ ngay trên giường mình.”

“Làm thế nào..?”

Bà Mayer vung ngón tay thật ấn tượng ngang qua cổ.

“Sau đó chính mắt tôi đã thấy anh ấy!” bà đáp. “Anh cũng có thể muốn tin rằng tự tay bác sĩ đã làm thế với mình. Vết cắt rất ngọt.”

“Hừm. Vậy tại sao cảnh sát lại chắc chắn đó là Johansen?”

Bà cười.

“Phải, tôi có thể nói điều đó với anh - vì Johansen đã hỏi người bảo vệ xem Brockhard sống ở căn hộ nào, ông ta đã thấy anh ta đỗ xe ở bên ngoài và vào qua cổng chính. Sau đó anh ta chạy ra ngoài, khởi động xe và lái đi hết tốc lực về phía Vienna. Ngày hôm sau anh ta biến mất và không ai biết

anh ta ở đâu. Chỉ căn cứ theo lệnh thì anh ta phải có mặt ở Oslo ba ngày sau đó. Cảnh sát Na Uy đã đợi anh ta nhưng anh ta không bao giờ xuất hiện.”

“Ngoài lời khai của người bảo vệ, bà có nhớ được cảnh sát có thêm bằng chứng nào khác không?”

“Tôi có nhớ được không ư? Chúng tôi đã nói về vụ án mạng này suốt mấy năm! Vết máu trên cửa kính khớp với nhóm máu của anh ta. Cảnh sát còn tìm thấy dấu vân tay trong phòng ngủ của Brockhard giống dấu vân tay trên chiếc bàn cạnh giường ngủ của Uriah và giường bệnh trong bệnh viện. Ngoài ra, anh ta còn có động cơ...”

“Thật không?”

“Phải, Gudbrand và Helena, hai người đem lòng yêu thương nhau. Nhưng cô ấy sẽ thuộc về Christopher.”

“Họ đính hôn rồi à?”

“Chưa, chưa. Nhưng Christopher si mê Helena đến điên cuồng. Ai cũng biết điều đó. Helena xuất thân từ gia đình giàu có nhưng đã lụn bại sau khi cha cô ấy ngồi tù, và một cuộc hôn nhân với gia đình Brockhard chính là cách giúp mẹ con cô ấy tự lực. Và anh biết nó thế nào rồi đấy - một phụ nữ trẻ với những nghĩa vụ nhất định với gia đình mình. Dù sao vào thời điểm đó, cô ấy đã làm thế.”

“Bà có biết hiện nay Helena Lang sống ở đâu không?”

“Nhưng anh vẫn chưa dùng bánh strudel kia, anh bạn!” bà góa phụ thốt lên.

Harry ngoạm một miếng lớn, nhai rồi gật đầu tán thưởng với bà Mayer.

“Không,” bà đáp. “Điều đó thì tôi không biết. Khi chuyện vỡ lở ra rằng cô ấy đã ở bên cạnh Johansen vào đêm xảy ra vụ giết người, cô ấy bị điều tra, nhưng người ta không phát hiện được gì. Cô ấy đã thôi làm việc tại bệnh viện Rudolf II và dọn đến Vienna sống. Đúng, cô ấy là người phụ nữ mạnh mẽ, táo bạo. Thi thoảng tôi gặp cô ấy đi dạo trên những con phố ở đây. Nhưng vào giữa những năm năm mươi cô ấy đã bán nhà, sau đó tôi không

còn nghe tin gì về cô ấy nữa. Có người nói rằng cô ấy đã đi nước ngoài. Nhưng tôi biết anh có thể hỏi ai - nếu cô ấy còn sống, nhớ kỹ cho. Beatrice Hoffmann, bà ấy làm người giúp việc cho gia đình Lang. Sau vụ án mạng, gia đình không còn đủ sức trả tiền công cho bà ấy nữa, nên có thời gian bà ấy vào làm việc tại bệnh viện Rudolf II.”

Fritz lại nói chuyện điện thoại.

Một con ruồi vo ve tuyệt vọng quanh cửa sổ. Nó đang bay theo logic vì mô của riêng nó, liên tục lao đầu vào cửa kính mà hoàn toàn chẳng hiểu vì sao. Harry đứng lên.

“Bánh strudel...?”

“Đề lần sau, bà Mayer. Ngay bây giờ chúng tôi không có thời gian!”

“Tại sao thế?” bà hỏi. “Chuyện này đã xảy ra hơn nửa thế kỷ trước rồi. Nó có chạy đi đâu đâu mà.”

“À...” Harry nói, mắt nhìn con ruồi đen dưới những tấm rèm dang ten trong ánh mặt trời.

• • •

Fritz nhận được cuộc gọi vào máy di động trên đường đến đồn cảnh sát. Lập tức anh ta làm một vòng quay đầu xe hoàn toàn bất ngờ, khiến những người lái xe đằng sau họ giật mình bầm còi.

“Beatrice Hoffman còn sống,” anh ta nói, tăng tốc qua những ánh đèn. “Bà ta ở một khu điều dưỡng cho người già trên đường Mauerbach. Chỗ đó là trên phía rừng Vienna.”

Tuốc bin chiếc BMW rít lên vui sướng. Những khối căn hộ nhường chỗ cho các ngôi nhà nửa bọc gỗ, các vườn nho và cuối cùng là rừng thưa rụng lá xanh ngắt. Nắng chiều đang nhảy nhót trên lá cây tạo một bầu không khí kỳ ảo khi họ tăng tốc dọc các đại lộ hai bên có hàng cây sồi và hạt dẻ.

Một y tá dẫn họ vào ra khu vườn lớn.

Beatrice đang ngồi trên chiếc ghế dài dưới bóng râm một cây sồi to, sần sùi. Một chiếc mũ rom che kín khuôn mặt nhỏ, nhăn nheo. Fritz nói chuyện với bà bằng tiếng Đức, giải thích lý do họ đến đây. Bà già nghiêng đầu nở một nụ cười.

“Tôi chín mươi tuổi rồi,” bà nói bằng giọng run run. “Tôi vẫn còn muốn rơi nước mắt khi nghĩ đến cô Helena.”

“Bà ấy có còn sống không?” Harry hỏi bằng thứ tiếng Đức của cậu học trò. “Cụ có biết bà ấy đang ở đâu không?”

“Anh ta nói gì thế?” bà hỏi, bàn tay đưa lên sau vành tai. Fritz giải thích.

“Có!” bà đáp. “Phải, tôi biết Helena sống ở đâu. Cô ấy đang ngồi trên kia kia.” Bà chỉ tay lên những ngọn cây.

Thế đấy, Harry nghĩ. *Lão suy*. Nhưng bà già này vẫn chưa nói xong.

“Cùng với Thánh Peter. Gia đình Lang là những tín đồ Thiên Chúa giáo ngoan đạo nhưng Helena là thiên thần trong gia đình ấy. Như tôi đã nói, lúc nào tôi cũng khóc khi nghĩ về chuyện đó.”

“Bà còn nhớ Gudbrand Johansen không?” Harry hỏi.

“Uriah,” Beatrice đáp. “Tôi chỉ gặp anh ta một lần. Một thanh niên đẹp trai, quyến rũ, nhưng không may lại ốm yếu. Ai tin được rằng một chàng trai tốt bụng, lịch thiệp như thế lại có khả năng giết người cơ chứ? Những cảm xúc của họ đã vượt tầm kiểm soát, phải, với Helena cũng vậy. Cô ấy không bao giờ đến được với anh ta, tội nghiệp. Cảnh sát không bao giờ tìm được anh ta, và cho dù Helena không bao giờ bị buộc tội gì, André Brockhard cũng chăm chăm sao để cô ấy bị ném khỏi bệnh viện.

“Cô ấy đã chuyển vào thành phố và làm việc thiện nguyện cho tổng giám mục, cho đến khi gia đình rơi vào túng thiếu trầm trọng, đến mức cô ấy phải tìm công việc được trả lương. Nên cô ấy bắt đầu nghề may vá. Trong vòng hai năm cô ấy tuyển dụng được mười bốn phụ nữ làm may vá trọn thời gian.

“Cha cô ấy được ra tù nhưng không thể tìm việc làm sau vụ bê bối ngân hàng Do Thái. Bà Lang chịu đựng sự sa sút của gia đình kém nhất. Bà ấy

mất sau một trận ốm dài vào năm 1953, và ông Lang cũng ra đi mùa thu đó trong một tai nạn xe. Helena bán hết sản nghiệp vào năm 1955 rồi bỏ xứ mà đi, không giải thích bất kỳ điều gì với ai. Tôi còn nhớ được cái ngày ấy. Ngày 15 tháng Năm. Ngày nước Áo được giải phóng.”

Fritz nhận thấy nét mặt dò hỏi của Harry, bèn giải thích.

“Áo có hơi khác thường một chút. Ở đây chúng tôi không kỷ niệm ngày Hitler đầu hàng, mà là ngày quân Đồng minh rời khỏi đất nước.”

Beatrice nói về cách bà nhận được tin tức về cái chết của Helena.

“Chúng tôi không nhận được tin tức gì của cô ấy suốt hơn hai mươi năm. Bỗng một ngày tôi nhận được lá thư có đóng dấu bưu điện Paris. Cô ấy viết rằng mình đang đi nghỉ tại đó cùng chồng và con gái. Tôi nhận ra đó là một dạng như chuyên đi cuối cùng. Cô ấy không nói mình định cư ở đâu, đã kết hôn với ai hay mắc bệnh gì. Chỉ nói rằng cô ấy không còn sống được bao lâu nữa, và cô ấy nhờ tôi thắp cho cô ấy một ngọn nến tại Stephansdom. Helena đúng là một phụ nữ phi thường. Hỏi cô ấy mới lên bảy, có lần cô ấy đã ra chỗ tôi trong bếp, và nhìn tôi với đôi mắt u sầu ấy. ‘Chúa đã tạo ra con người để yêu thương nhau’, cô ấy đã nói vậy.”

Một giọt nước mắt chảy xuống bên má nhăn nheo của bà già.

“Tôi sẽ không bao giờ quên điều đó. Bảy tuổi. Tôi nghĩ vào đúng lúc đó Helena đã quyết định sẽ sống cuộc đời mình như thế nào. Và cho dù cuộc sống đó nhất định không như cô ấy hình dung, và những thử thách của cô ấy thì nhiều và đau đớn, nhưng tôi tin chắc chắn rằng tận trong sâu thẳm trái tim mình, trong suốt cuộc đời mình - cô ấy vẫn tin rằng Chúa đã tạo ra con người để yêu thương nhau. Đó là con người cô ấy.”

“Cụ còn giữ lại lá thư đó không?” Harry hỏi,

Bà lau đi dòng nước mắt và gật đầu.

“Lá thư ấy tôi để trong phòng tôi. Cho phép tôi ngồi đây và hồi tưởng một chút. Sau đó chúng ta hãy đến đó. À mà đêm nay sẽ là đêm nóng bức đầu tiên trong năm.”

Họ ngồi đó im lặng, lắng nghe tiếng những cành cây rì rào, tiếng những con chim nhỏ hót líu lo khi mặt trời lặn xuống sau khách sạn Sophienalpe, mỗi người nghĩ về những gì đã trải qua trước kia. Côn trùng vụt ra nhảy múa trong những cột ánh sáng dưới những cái cây. Harry nghĩ đến Ellen. Anh nhận ra một con chim mà anh có thể đoán chắc nó là chim ruồi anh đã trông thấy ảnh trong cuốn sách về các loài chim.

“Đi thôi!” Beatrice nói.

Căn phòng của bà nhỏ và giản dị, nhưng sáng và ấm cúng. Một chiếc giường kê sát bức tường sau, phủ đầy hình ảnh đủ mọi kích cỡ. Beatrice lục lại mớ giấy tờ trong một ngăn kéo cái bàn trang điểm to.

“Tôi lưu giữ có hệ thống, nên tôi sẽ tìm thấy nó,” bà nói.

Tự nhiên thôi, Harry nghĩ.

Đúng lúc đó mắt anh chợt nhìn thấy một tấm ảnh lồng khung bạc.

“Lá thư đây rồi,” Beatrice nói.

Harry không đáp. Anh nhìn chăm chăm vào bức ảnh, không phản ứng cho đến khi nghe thấy giọng nói của bà vang lên ngay sau lưng.

“Tấm ảnh này được chụp khi Helena đang làm việc tại bệnh viện. Cô ấy thật xinh đẹp, đúng không?”

“Vâng, đúng vậy!” Harry đáp. “Có điều gì đó quen thuộc đến lạ lùng ở bà ấy.”

“Chẳng có gì lạ lùng về cô ấy đâu!” Beatrice đáp. “Họ đã vẽ hình cô ấy trên các ảnh thánh gần hai nghìn năm rồi.”

• • •

Đêm nay *đúng* là nóng bức. Nóng và ngọt ngào. Harry lăn qua trở lại trên chiếc giường bốn cọc, ném chăn xuống sàn, kéo hết ga giường xuống đất khi anh cố gắng xua đi hết những ý nghĩ và cố ngủ. Trong một lúc anh đã nghĩ đến minibar, nhưng lại nhớ mình đã tháo chìa khóa minibar khỏi chùm chìa

khóa và để lại ở quây tiếp tân. Anh nghe thấy những tiếng nói trong hành lang bên ngoài. Ai đó giật tay nắm cửa, anh ngồi bật dậy trên giường nhưng không ai bước vào. Tiếp theo là những giọng nói bên trong, hơi thở nóng hổi phả vào làn da anh, âm thanh xoàn xoạt của quần áo bị xé rách. Nhưng khi mở mắt ra, anh thấy những vệt sáng và biết trời đang có chớp.

Một tiếng sấm âm âm nghe như những tiếng nổ xa xa, trước tiên vọng đến từ một phần thành phố, sau đó lại một nơi khác. Anh đi ngủ lại và hôn cô, cởi bộ váy ngủ màu trắng của cô. Làn da cô trắng nõn, mát lạnh và không mịn màng do đổ mồ hôi, do khiếp sợ; anh ôm cô trong tay một lúc lâu, thật lâu cho đến khi cơ thể cô ấm lại. Ôm đến khi cô hồi sinh trong vòng tay anh, như một bông hoa được quay phim trong cả một mùa xuân, rồi chiếu lại ở tốc độ chóng mặt.

Anh tiếp tục hôn cô, lên cổ, mặt trong hai cánh tay, lên bụng, không đòi hỏi, hay thậm chí trêu ghẹo, mà là nửa muốn làm cô cảm thấy dễ chịu, nửa như đang mê man, như thể anh sẽ biến mất bất kỳ lúc nào. Và khi cô làm theo, ngập ngừng, vì cô nghĩ nơi họ sắp tới sẽ an toàn, anh tiếp tục dẫn cô cho đến khi họ tới một khung cảnh đến anh cũng không nhận ra. Anh quay lại nhưng đã quá muộn. Cô ném mình vào vòng tay anh, nguyên rửa anh, cầu xin anh và cào cấu anh bằng hai bàn tay mạnh mẽ, cho đến khi làn da anh bật máu.

Anh bị đánh thức bởi tiếng thở hổn hển của chính mình, phải quay người lại trên giường để chắc chắn anh vẫn ở một mình. Sau đó mọi thứ hòa vào trong cơn hỗn loạn của tiếng sấm, giấc ngủ và những cơn mộng mị. Anh thức giấc giữa đêm vì tiếng mưa rơi. Bước đến bên cửa sổ, anh nhìn chằm chằm xuống con phố dưới kia. Nước đang tràn ra trên các mép vỉa hè một chiếc mũ vô chủ trôi bồng bềnh theo dòng nước.

Khi Harry thức dậy nhờ tiếng chuông báo thức buổi sáng sớm, bên ngoài trời đã sáng và đường phố đã khô ráo.

Anh nhìn đồng hồ đeo tay trên chiếc bàn cạnh giường ngủ. Chuyển bay

của anh về Oslo còn hai tiếng nữa.

*Phố Thereses.**Ngày 15 tháng 5 năm 2000*

Văn phòng của Stale Aune sơn màu vàng, các bức tường phủ những giá sách chật kín sách chuyên ngành, các bức vẽ những nhân vật hoạt hình của Kjell Aukrust.

“Ngồi đi, Harry,” bác sĩ Aune nói. “Ngồi ghế hay đi văng?”

Đấy là lời mào đầu chuẩn của ông ta, Harry đáp lại bằng cách nhếch khóe môi trái thành cái nụ cười chuẩn vui-đấy- nhưng-chúng-ta-đã-nghe-rồi-mà. Khi Harry gọi điện từ sân bay Gardermoen, Aune đã nói rằng Harry có thể đến. Nhưng ông không có nhiều thời gian vì còn phải dự một hội thảo tại Hamar mà ông sẽ đọc bài diễn văn khai mạc.

“Nó có tựa đề là ‘Những vấn đề liên quan đến chẩn đoán chứng nghiện rượu’!” Aune nói. “Sẽ không nhắc đến tên anh đâu.”

“Có phải vì thế nên ông ăn diện thế này không?”

“Trang phục là những tín hiệu mạnh mẽ nhất chúng ta truyền đi,” Aune nói, một bàn tay miết dọc theo ve áo. “Đồ vải tuýt ra hiệu nam tính và tự tin!”

“Còn nơ con bướm?” Harry hỏi, rút ra cuốn sổ tay và cây bút.

“Sự kiêu căng và phù phiếm trí tuệ, vẽ nghiêm trang với một chút tự châm biếm, nếu anh thích. Có vẻ quá đủ để gây ấn tượng với những đồng nghiệp cấp dưới.”

Aune ngả người ra sau, tự hài lòng với mình, xếp hai bàn tay trước cái

bụng bự.

“Kể cho tôi nghe về chứng đa nhân cách!” Harry nói. “Hay là bệnh tâm thần phân liệt.”

“Trong năm phút à?” Aune làu bàu.

“Vậy thì tóm tắt cho tôi.”

“Trước hết, anh nói đến đa nhân cách và tâm thần phân liệt liền một hơi, và đó là một trong những sự hiểu lầm, mà vì lý do nào đó để thu hút sự tưởng tượng của công chúng. Tâm thần phân liệt là một thuật ngữ chỉ cả một nhóm những rối loạn tâm thần khác nhau rất rộng, nó chẳng có liên quan gì đến đa nhân cách cả. Đúng là schizo trong tiếng Hy Lạp nghĩa là phân chia, nhưng ý của bác sĩ Eugen Bleuler là các chức năng tâm lý trong não bộ của kẻ tâm thần phân liệt bị phân chia. Và nếu...”

Harry chỉ tay vào đồng hồ đeo tay.

“Được rồi!” Aune đáp. “Đa nhân cách mà anh nói đến được gọi là MPD, một chứng rối loạn đa nhân cách, được định nghĩa là sự tồn tại của hai hoặc nhiều nhân cách trong một cá nhân thay phiên nhau là đối tác vượt trội. Như với *bác sĩ Jekyll và ông Hyde*.”

“Vậy là nó tồn tại à?”

“Đúng. Nhưng nó hiếm lắm, hiếm hơn một số phim Hollywood muốn khiến chúng ta tin nhiều. Trong hai mươi năm năm làm bác sĩ tâm lý, tôi chưa bao giờ có may mắn quan sát được trường hợp người mắc MPD nào. Nhưng dẫu sao tôi cũng biết một chuyện về nó.”

“Lấy ví dụ?”

“Lấy ví dụ, nó gần như luôn có liên quan đến chứng mất trí nhớ. Nói cách khác, người mắc chứng MPD có thể tỉnh dậy với một cảm giác vụng vạt mà không nhận ra rằng nhân cách kia của họ là một kẻ nghiện rượu. Thực ra thì một nhân cách có thể là kẻ nghiện rượu, và nhân cách kia là người ghét uống rượu.”

“Không phải ông đang nói theo nghĩa đen đấy chứ, theo tôi hiểu?”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Nhưng chứng nghiện rượu cũng là sự suy yếu thể chất.”

“Đúng, và điều đó khiến các bệnh nhân MPD trở nên hấp dẫn. Tôi có một báo cáo về một trường hợp MPD, trong khi nhân cách này là một kẻ nghiện thuốc lá nặng thì nhân cách kia chưa bao giờ sờ đến thuốc. Và khi anh đo huyết áp của người hút thuốc, nó cao hơn 20%. Những phụ nữ mắc chứng MPD đã báo cáo rằng họ thấy kinh vài lần một tháng, vì mỗi nhân cách có chu kỳ của riêng mình.”

“Vậy những người này có thể thay đổi thể chất của chính mình?”

“Đúng, ở một mức độ nhất định nào đó. Câu chuyện về *bác sĩ Jekyll và ông Hyde* thực ra không quá cách xa sự thật như người ta có thể nghĩ. Trong một vụ nổi tiếng được bác sĩ Osherson mô tả, một nhân cách có sở thích giao hợp với người khác giới, trong khi nhân cách kia lại thích tình dục đồng giới.”

“Các nhân cách có thể có những giọng nói riêng không?”

“Có. Thực ra giọng nói là một trong những cách dễ nhất để quan sát sự biến đổi giữa các nhân cách.”

“Khác đến mức ngay cả ai đó biết một người này rất rõ, cũng sẽ không nhận ra được một trong số những giọng kia. Chẳng hạn như qua điện thoại?”

“Nếu cá nhân có liên quan không biết gì về nhân cách kia thì đúng là vậy. Với những người chỉ có một kiến thức nông cạn về bệnh nhân MPD, sự thay đổi trong các cử chỉ, ngôn ngữ cơ thể có thể đã đủ để họ cùng ngồi trong một phòng mà không nhận ra người kia.”

“Liệu người mắc chứng MPD có thể che giấu nó với những người thân cận nhất của họ không?”

“Có, điều đó là khả thi. Tần suất các nhân cách kia xuất hiện nhiều bao nhiêu là chuyện cá nhân, và chính bệnh nhân ở một mức độ nào đó cũng có thể tự kiểm soát những sự thay đổi đó.”

“Nhưng rồi các nhân cách sẽ phải biết về nhau chứ?”

“Thực sự là vậy, nhưng điều đó cũng không bất thường. Và như trong cuốn tiểu thuyết về *bác sĩ Jekyll và ông Hyde*, có thể có những sự xung đột quyết liệt giữa các nhân cách, vì họ có những mục đích khác nhau, quan niệm về đạo đức khác nhau, những đồng cảm và ác cảm khác nhau, liên quan đến những người xung quanh họ và vân vân.”

“Thế còn chữ viết tay thì sao? Họ cũng có thể dùng nó mà quậy phá không?”

“Đây không phải là quậy phá, Harry. Cả anh cũng không phải lúc nào cũng như lúc nào. Khi anh đi làm về, một loạt những thay đổi không thể nhận thấy cũng diễn ra trong anh: giọng nói của anh, ngôn ngữ cơ thể của anh vân vân. Thật lạ lùng khi anh nói đến chữ viết tay vì tôi có một cuốn sách ở đâu đây, trong đó có tấm ảnh một lá thư do một bệnh nhân mắc chứng MPD viết, với mười bảy kiểu chữ viết hoàn toàn khác nhau và hoàn toàn nhất quán. Tôi sẽ xem có tìm được nó không khi có thêm thời gian.”

Harry ghi lại vài điều cho nhớ trong sổ tay.

“Những chu kỳ kinh nguyệt khác nhau, kiểu chữ viết khác nhau; thật đúng là điên rồ,” anh lầm bầm.

“Xem anh nói kìa, Harry. Tôi hy vọng đã giúp được anh vì tôi phải đi rồi.”

Aune gọi một chiếc taxi và họ cùng nhau ra ngoài phố. Khi đứng trên vỉa hè, Aune hỏi Harry anh có kế hoạch gì cho ngày Quốc khánh 17 tháng Năm chưa. “Vợ chồng tôi sẽ có mấy người bạn đến dùng cơm. Anh rất được chào đón đấy!”

“Ông thật tử tế. Nhưng bọn Quốc xã mới định xử những người theo đạo Hồi kỷ niệm lễ Eid vào ngày mười bảy. Tôi đã được chỉ thị phối hợp giám sát quanh thánh đường Hồi giáo tại Grenland,” Harry đáp, vừa hạnh phúc xen lẫn ngỡ ngàng trước lời mời bất ngờ. “Họ luôn luôn bắt những kẻ độc thân chúng tôi làm việc vào những ngày lễ của gia đình, ông biết đấy.”

“Anh không thể chỉ ghé qua một lúc được sao? Hầu hết những người đến

cũng đều có việc riêng phải làm sau đó mà.”

“Cảm ơn nhiều. Để xem sẽ xảy ra chuyện gì rồi tôi sẽ gọi điện cho ông. À mà những người bạn của ông họ thế nào?”

Aune kiểm lại nơ con bướm cho chắc là đã thẳng thớm.

“Họ giống anh thôi!” ông nói. “Nhưng vợ tôi có quen biết một số nhân vật đáng kính.”

Đúng lúc đó chiếc taxi tấp vào lề đường. Harry giữ cửa xe mở trong khi Aune vào trong, nhưng khi vừa định đóng cửa, anh chợt nhớ ra một chuyện.

“Các chứng MPD do cái gì gây ra?”

Aune cúi người trên ghế ngồi, ngược nhìn Harry. “Thực sự anh muốn hỏi chuyện gì, Harry?”

“Tôi không chắc lắm, nhưng nó có thể quan trọng.”

“Được rồi. Các trường hợp MPD thường đã bị lạm dụng ở tuổi ấu thơ. Nhưng một chứng rối loạn cũng có nguyên nhân là những trải nghiệm cực kỳ đau buồn về sau trong đời. Một nhân cách khác được tạo ra để chạy trốn những rắc rối đó.”

“Những loại trải nghiệm đau buồn ấy có thể là gì nếu chúng ta nói về một nam giới đã trưởng thành?”

“Anh phải vận dụng trí tưởng tượng của mình thôi, Harry. Anh ta có thể đã trải qua một thiên tai, mất đi một người anh ta yêu thương, là nạn nhân của bạo lực hoặc đã phải sống trong sợ hãi trong một khoảng thời gian kéo dài.”

“Ví dụ như một người lính trong chiến tranh.”

“Chiến tranh có thể là một cái gây nên, đúng rồi.”

“Hoặc là chiến tranh du kích.”

Harry tự nói câu sau cùng với chính mình, khi chiếc taxi chở Aune đã lên đường xuống cổng Thereses.

• • •

“Quán Scotsman,” Halvorsen nói.

“Cậu định trải qua ngày 17 tháng Năm ở quán rượu Scotsman đấy à?” Harry nhăn nhó, đặt cái túi của anh phía sau giá treo mũ.

Halvorsen nhún vai. “Có đề nghị nào khác hơn không?”

“Nếu cậu phải đến một quán rượu, ít nhất hãy tìm một quán nào đó hơi có phong cách hơn Scotsman đi. Hay tốt hơn hết là cậu đổi phiên gác cho một trong những ông bố ở đây, thực hiện vài phiên gác trong lúc có đoàn diễu hành của trẻ em. Được trả gấp đôi và không bị văng vát vì say.”

“Tôi sẽ suy nghĩ về chuyện này.”

Harry ngồ ngu lợm trong ghê.

“Anh có định đem sữa nó sớm không? Nghe nó dừt khoát là ốm yếu.”

“Không sữa được đâu,” Harry ảm đạm nói.

“Xin lỗi. Anh có tìm được gì tại Viên không?”

“Tôi đang nói đến chuyện đó đây. Cậu nói trước đi.”

“Tôi đã cố gắng tìm kiếm bằng chứng ngoại phạm của Even Juul vào ngày vợ ông ta mất tích. Ông ta nói rằng mình đi dạo quanh trung tâm thành phố, ghé vào quán Kaffebrenneri tại Ullevalsveien, nhưng ông ta chẳng gặp được ai có thể làm chứng cho câu chuyện của mình. Nhân viên làm việc tại quán Kaffebrenneri nói rằng họ quá bận, nên không thể chứng thực cũng như phản đối bất kỳ điều gì.”

“Kaffebrenneri ngay đối diện quán Schroder bên kia đường,” Harry nói.

“Thì sao?”

“Tôi chỉ đang nêu ra một thực tế thôi. Weber nói thế nào?”

“Họ chẳng tìm được gì cả. Weber bảo rằng nếu Signe Juul bị mang đến pháo đài trong chiếc xe mà người gác đêm đã nhìn thấy, chắc hẳn họ đã tìm thấy cái gì đó nơi quần áo của bà ấy, những sợi xơ từ ghế sau, đất hoặc dầu từ ngăn để hành lý, một cái gì đó.”

“Hắn đã trải túi đựng rác trong xe,” Harry nói.

“Weber cũng bảo thế.”

“Bạn có kiểm tra loại cỏ khô họ tìm thấy trên áo khoác không?”

“Rồi. Nó có thể là từ chuồng ngựa của Mosken. Cộng thêm một triệu nơi khác nữa.”

“Cỏ khô. Không phải là rom đâu.”

“Chẳng có gì đặc biệt ở cỏ khô cả, Harry, chỉ là... cỏ khô thôi.”

“Chết tiệt.” Harry nhìn quanh một cách gắt gỏng.

“Thế còn Vienna thì sao?”

“Nhiều cỏ khô hơn. Bạn có biết gì về cà phê không, Halvorsen?”

“Hả?”

“Ellen đã từng pha cà phê tử tế. Cô ấy đã mua nó tại một cửa hàng nào đó ở Gr onl and này. Có thể...”

“Không!” Halvorsen đáp. “Tôi không pha cà phê cho anh đâu.”

“Hứa với tôi là cậu sẽ thử,” Harry nói, lại đứng lên. “Tôi sẽ ra ngoài trong vòng hai giờ.”

“Đó là tất cả những gì anh phải nói về Vienna đấy à? Cỏ khô à? Thậm chí cả một cọng rom trong gió cũng không có?”

Harry lắc đầu. “Xin lỗi. Cũng là ngô cụt thôi. Cậu rồi sẽ quen với chuyện đó.”

• • •

Đã xảy ra chuyện gì đó. Harry đi lên đầu đường Gronlandsleiret mà cố gắng nghĩ cho ra đó là cái gì. Có điều gì đó ở những người trên phố xá, đã xảy ra chuyện gì đó với họ trong khi anh ở Vienna. Anh phải mất một chặng đường dài lên phố Karl Johans rồi mới hiểu nó là cái gì. Mùa hè đã đến. Lần đầu tiên trong bao nhiêu năm, Harry cảm nhận được mùi nhựa đường, mùi của những người đi ngang qua anh, mùi của cửa hàng hoa tại Grensen. Khi đi bộ qua Vườn thượng uyển, mùi cỏ mới cắt nồng đến mức anh phải mỉm cười. Một người đàn ông và một phụ nữ mặc bộ quần áo bảo hộ lao động của

Hoàng cung đang đứng nhìn lên một ngọn cây, thảo luận điều gì đó rồi cùng lắc đầu. Người phụ nữ cởi khuy áo bộ đồ bảo hộ, buộc quanh eo lưng. Harry nhận thấy điều đó khi cô ta ngược nhìn lên những ngọn cây và đưa tay chỉ, đồng nghiệp của cô ta ngằm liếc trộm chiếc áo thun bó sát của cô ta.

Tại Hedgehaugsveien, các cửa hiệu thời trang hợp thời và không hợp thời cho lắm đang trải qua những khâu cuối cùng trong việc bán các bộ cánh cho mọi người vào dịp Quốc khánh. Nhiều cửa hiệu bán ruy băng và cờ, phía xa xa anh còn nghe vọng lại tiếng ban nhạc đang dạo những nốt cuối cùng của một khúc quân hành truyền thống. Theo dự báo có mưa rào, nhưng trời sẽ ấm.

Harry toát cả mồ hôi khi anh bấm chuông cửa nhà Sindre Fauke.

Fauke không đặc biệt mong đợi ngày lễ Quốc khánh này.

“Quá om sòm. Quá nhiều cờ quạt. Thảo nào Hitler lại cảm thấy gấn bó với người Na Uy thế. Người Na Uy cực kỳ có tinh thần dân tộc. Chúng ta chỉ không dám thừa nhận điều đó.”

Ông rót cà phê ra tách.

“Gudbrand Johansen cuối cùng đã được đưa vào điều trị tại một bệnh viện quân y ở Vienna,” Harry nói. “Cái đêm trước khi ông ta phải về Na Uy, ông ta đã giết một bác sĩ. Kể từ đó không ai thấy ông ta nữa.”

“Tôi cũng không thấy nữa,” Fauke nói, uống xì xụp tách cà phê nóng phồng miệng. “Tôi biết có điều gì đó không ổn với thằng đó.”

“Ông có thể nói cho tôi nghe đôi điều về Even Juul không?”

“Rất nhiều đấy. Nếu tôi phải nói.”

“Vâng, ông phải nói đấy.”

Fauke nhướn một bên lông mày rậm rì.

“Cậu có chắc giờ cậu không tìm nhầm người không đấy, Hole?”

“Tôi chẳng chắc chắn một điều gì hết.”

Fauke trầm ngâm thổi tách cà phê.

“Được rồi. Nếu điều đó là hoàn toàn cần thiết. Juul và tôi có mối quan hệ

như kiểu quan hệ giữa Gudbrand Johansen và Daniel Gudeson theo nhiều cách. Tôi như một người cha thứ hai đối với Even. Điều này có thể liên quan gì đó đến thực tế rằng anh ta không có cha mẹ.”

Tách cà phê Harry đang đưa lên miệng thì khựng lại giữa chừng.

“Không nhiều người biết điều đó vì Even cứ đi đến đâu là dựng chuyện lên đến đó. Tuổi thơ do anh ta tự dựng lên bao gồm nhiều người, nhiều chi tiết, nơi chốn và ngày tháng hơn tất cả mọi người khi nhớ về tuổi thơ mình. Câu chuyện kể chính thức đó là anh ta đã lớn lên cùng gia đình Juul tại một trang trại ở Grini, nhưng sự thật là anh ta đã lớn lên với rất nhiều cha mẹ nuôi tại rất nhiều cơ sở khắp Na Uy, trước khi cuối cùng anh ta cập bến gia đình Juul không có con cái lúc mười hai tuổi”

“Làm sao ông biết ông ta nói dối về chuyện đó?”

“Chuyện này cũng khá lạ lùng. Nhưng một đêm khi Even và tôi ra canh gác ngoài lán trại chúng tôi dựng lên trong rừng, phía Bắc Harestua, thì một điều lạ lùng đã xảy ra với anh ta. Even và tôi vào thời điểm đó không mấy thân thiết với nhau. Tôi đã cực kỳ kinh ngạc khi anh ta bắt đầu kể với tôi rằng khi còn bé anh ta từng bị lạm dụng ra sao, rằng chẳng ai muốn có anh ta như thế nào. Anh ta kể với tôi một số chi tiết cực kỳ riêng tư về cuộc đời mình, một số chi tiết trong đó nghe rất đau xót. Một số người lớn trong các gia đình anh ta được thu xếp cho sống chung hẳn đã...” Fauke nhún vai

“Cùng đi dạo đi,” ông nói, “Nghe nói tiết trời bên ngoài đẹp lắm.”

Họ cùng đi bộ lên phố Vibes đến Stenspark, nơi những bộ bikini đầu tiên đang được trưng bày. Và một người hít phải chất độc của keo dán đi tha thân khỏi nơi trú ẩn của mình trên đỉnh đồi, như thể anh ta vừa khám phá ra hành tinh Trái Đất.

“Tôi không biết nguyên nhân vì sao, nhưng đêm ấy anh ta như thể là người khác!” Fauke nói. “Rất lạ kỳ, nhưng điều lạ lùng nhất đó là hôm sau anh ta lại hành xử như thể đã quên hết cuộc đối thoại chúng tôi đã có.”

“Ông nói rằng hai người không thân thiết lắm, nhưng ông đã kể cho ông

ta nghe một số trải nghiệm của mình trên Mặt trận phía Đông?”

“Vâng, dĩ nhiên. Trong rừng không còn nhiều thứ gì khác xảy ra. Chủ yếu chúng tôi chỉ đi quanh và để mắt tới quân Đức. Nên trong khi chúng tôi chờ đợi thì có khá nhiều câu chuyện dài.”

“Ông có nói nhiều về Daniel Gudeson không?”

Fauke chăm chăm nhìn Harry.

“VẬY CẬU ĐÃ BIẾT RẰNG EVEN JUUL BỊ ÁM ẢNH VỀ DANIEL GUDESON À?”

“Vào lúc này tôi chỉ đang suy đoán thôi!” Harry đáp.

“Phải, tôi đã nói rất nhiều về Daniel,” Fauke nói. “Daniel Gudeson, cậu ta giống như một huyền thoại vậy. Rất hiếm gặp được một tâm hồn tự do, mạnh mẽ và vui vẻ như cậu ta. Và Even rất thích thú những câu chuyện đó. Tôi đã phải kể đi kể lại, đặc biệt là câu chuyện về tên người Nga mà cậu ta đã vào vùng trung lập để chôn cất.”

“Ông ta có biết rằng trong chiến tranh Daniel đã đến Sennheim không?”

“Dĩ nhiên. Even nhớ được tất cả các chi tiết về Daniel mà tôi đang bắt đầu quên, và anh ta đã nhắc tôi nhớ. Vì lý do nào đó, anh ta dường như đã đồng cảm hoàn toàn với Daniel, cho dù tôi khó mà hình dung ra được hai người nào khác nhau hơn. Một khi Even uống say, anh ta đề nghị tôi gọi anh ta là Uriah, giống hệt như Daniel đã làm. Và nếu cậu hỏi tôi, không phải là tình cờ khi vào cuối cuộc chiến anh ta chỉ để mắt đến nàng Signe Alsaker trẻ trung.”

“Ồ?”

“Khi anh ta phát hiện ra vụ án của vị hôn thê của Daniel Gudeson sẽ được đưa ra xử, anh ta đã đến tòa án ngồi đó cả ngày chỉ để nhìn cô ấy. Như thể anh ta đã quyết định từ trước rằng mình sẽ phải có được cô ấy.”

“Chỉ vì cô ta là người yêu của Daniel?”

“Cậu có chắc rằng điều này là quan trọng không?” Fauke hỏi, chân bước trên lối đi lên đồi nhanh đến mức Harry phải rảo chân nhanh hơn mới theo kịp.

“Chắc chắn.”

“Tôi không chắc liệu có nên nói điều này không, nhưng cá nhân tôi tin Even Juul yêu thích huyền thoại về Daniel Gudeson hơn là anh ta có bao giờ yêu Signe Juul. Tôi chắc chắn rằng sự ngưỡng mộ của anh ta đối với Gudeson là nhân tố góp phần mạnh mẽ vào việc anh ta không tiếp tục học y khoa sau chiến tranh, mà thay vào đó là học sử. Cũng tự nhiên thôi, anh ta học chuyên sâu về lịch sử Na Uy bị chiếm đóng và những người lính Na Uy tại Mặt trận phía Đông.”

Họ đã lên đến đỉnh đồi, Harry lau giọt mồ hôi trên trán. Fauke gần như hết hơi.

“Một trong những lý do Even Juul tự khẳng định mình như một sử gia nhanh chóng như thế, đó là vì với tư cách một cựu chiến binh Kháng chiến, anh ta là một công cụ viết sử hoàn hảo mà các nhà chức trách cảm thấy Na Uy hậu chiến xứng đáng có được. Bằng cách giữ kín chuyện hợp tác rộng rãi với quân Đức mà tập trung vào một ít kháng cự đã có. Chẳng hạn, Juul dành đến năm trang giấy mô tả vụ chìm tàu Blucher vào đêm dẫn đến ngày 9 tháng Tư trong sách sử của mình(*), nhưng anh ta âm thầm làm ngơ thực tế là những vụ truy tố gần 100.000 người Na Uy đang được xem xét tại các phiên tòa. Và chuyện đó đã thành công. Những chuyện bịa đặt về dân chúng Na Uy cùng nhau sát cánh chiến đấu chống chủ nghĩa Phát xít vẫn tồn tại đến ngày nay.”

“Có phải đó là những gì ông sẽ viết trong cuốn sách của mình không, Fauke?”

“Tôi chỉ đang cố gắng kể sự thật thôi. Even biết rằng những gì anh ta viết, nếu không phải nói dối thì cũng là xuyên tạc sự thật. Có lần chúng tôi đã nói về chuyện này. Anh ta tự bào chữa mà nói rằng điều đó phục vụ mục đích đưa mọi người xích lại gần nhau. Điều duy nhất anh ta chẳng buồn đưa vào ánh sáng hào hùng đáng thêm muốn là việc nhà vua bỏ trốn tìm tự do. Anh ta không phải là người duy nhất trong lực lượng Kháng chiến cảm thấy bị bỏ

roi vào năm 1940, nhưng tôi chưa từng gặp bất kỳ ai kết tội một chiều như Even, ngay cả những người lính trên mặt trận. Hãy nhớ rằng trong suốt cuộc đời mình, anh ta luôn bị những người mình tin tưởng và yêu thương bỏ rơi. Tôi nghĩ anh ta căm thù từng người một trong số những kẻ đã bỏ sang London, đến tận xương tủy. Thật đấy.”

Họ ngồi xuống một chiếc ghế dài, nhìn xuống nhà thờ Fagerborg, các mái nhà của Pilestredet dẫn xuống thành phố, và con vịnh hẹp Oslo màu xanh đang lấp lánh đằng xa.

“Tuyệt đẹp,” Fauke nói. “Đẹp đến mức đôi khi có thể xứng đáng để chết vì nó.”

Harry cố gắng thu nhận hết tất cả, để sắp xếp lại cho thích hợp. Nhưng vẫn còn thiếu một chi tiết nhỏ.

“Even đã bắt đầu học y khoa ở Đức trước chiến tranh. Ông có biết là tại đâu ở Đức không?”

“Không,” Fauke đáp.

“Ông có biết ông ta có ý định theo chuyên môn nào không?”

“Có, anh ta có nói với tôi rằng mình mơ ước theo bước chân người cha nuôi nổi tiếng của anh ta và cha của ông ta.”

“Và họ có nổi tiếng vậy không?”

“Cậu không biết về các thầy thuốc họ Juul sao? Họ là những bác sĩ phẫu thuật.”

*Gronlandsleiret.**Ngày 16 tháng Năm năm 2000.*

Djame Moller, Halvorsen và Hany đi bên nhau xuống phố Motzfeldts. Họ đang ở tận trong lòng Tiểu Karachi(*) và những mùi hương, quần áo và con người xung quanh họ nhắc họ nhớ về Na Uy cũng ít như mấy que thịt nướng kebab họ đang nhai ít nhắc họ nhớ đến xúc xích nướng của Na Uy. Một thằng bé ăn mặc đẹp đón lễ hội theo phong cách Pakistan, nhưng với một dải ruy băng ngày 17 tháng Năm trên các ve áo khoác viền vàng đang nhảy chân sáo dọc vỉa hè về phía họ. Thằng bé có cái mũi héch lạ lùng, tay đang cầm một lá cờ Na Uy. Harry đã đọc trên báo rằng các bậc phụ huynh theo đạo Hồi đang thu xếp một tiệc 17 tháng Năm cho con cái họ vào hôm nay, để có thể tập trung làm lễ Eid vào ngày mai.

“Hurrah!”

Thằng bé nhoẻn nụ cười răng trắng bóc khi chạy ngang qua.

“Even Juul không phải thường đâu!” Moller nói. “Ông ta có lẽ là người có uy tín nhất về lịch sử chiến tranh. Nếu điều này là đúng, sẽ có om sòm chết tiệt trên báo chí. Thật không thể chịu đựng nổi khi nghĩ đến chuyện đó nếu chúng ta phạm sai lầm. Nếu cậu phạm sai lầm, Harry.”

“Tất cả những gì tôi đang yêu cầu là đưa ông ta đến thăm vấn, với sự có mặt của một bác sĩ tâm lý. Và một lệnh khám nhà ông ta.”

“Và tất cả những gì tôi đang yêu cầu là ít nhất cũng một mảnh bằng chứng, và một nhân chứng” Moller nói, vung tay múa chân. “Juul thì nổi

tiếng quá rồi, và chẳng ai thấy ông ấy ở bất kỳ đâu gần các hiện trường tội ác. Không một lần nào.”

“Chẳng hạn, cuộc gọi vợ Brandhaug nhận được từ quán rượu trong vùng của cậu thì sao?”

“Tôi cho cô làm tại quán Schroder xem ảnh Even Juul rồi,” Halvorsen đáp.

“Tên là Maja,” Harry nhanh chóng nói thêm.

“Cô ta không thể nhớ được là đã nhìn thấy ông ta,” Halvorsen nói.

“Đó chính xác là điều tôi đang nói!” Moller lau bàu, lau nước xốt trên môi.

“Vâng, nhưng tôi cũng đưa bức ảnh cho vài người đang ngồi tại đó xem!” Halvorsen nói, liếc nhanh sang Harry. “Có một ông già mặc áo choàng gập đầu và nói rằng chúng ta nên bắt giữ người này.”

“Áo choàng,” Harry lặp lại. “Đó là một người Mohican, tên là Konrad Asnes, thủy thủ trong thời chiến. Ông ta đúng là người có cá tính, nhưng mà không còn là một nhân chứng đáng tin cậy nữa, tôi e là vậy. Mà Juul đã nói với chúng tôi rằng ông ta đã ở quán Kaffebränneri bên kia đường. Ở đó không có điện thoại trả tiền. Nên nếu cần gọi điện, lẽ tự nhiên là ông ta sẽ đi sang quán Schroder.”

Moller làm mặt nhăn nhó và hoài nghi nhìn xiên thịt nướng của mình. Ông ta chỉ đi theo, phần nào miễn cưỡng, để thử món *burek*(*) mà Harry đã ca ngợi là ‘Vừa Thổ Nhĩ Kỳ vừa Bosnia vừa Pakistan vừa Gronlandsleiret.’

“Và cậu có thực sự tin hết mấy cái chuyện đa nhân cách này không thế, Harry?”

“Tôi nghĩ với tôi nó nghe cũng khó tin như với sếp thôi, sếp ạ. Nhưng Aune đã xem nó như một khả năng. Và ông ấy đang sẵn sàng giúp đỡ chúng ta.”

“Vậy là cậu cho rằng Aune có thể thôi miên Juul, dù dĩ tên Daniel Gudeson trong người ông ta ra mà lấy lời thú tội à?”

“Vẫn chưa rõ ràng liệu Even Juul có biết tí gì những việc Daniel Gudeson đã làm không. Thế nên điều tuyệt đối cần thiết là chúng ta phải nói chuyện với ông ấy,” Harry nói.

“Theo Aune, những người mắc chứng MPD rất nhạy cảm với sự thôi miên, vì đó là việc họ đang làm với chính mình mỗi ngày - tự thôi miên.”

“Tuyệt,” Moller nói, tròn tròn mắt. “Vậy còn cái ý tưởng khám nhà thì sao?”

“Như chính sếp vừa nói, chúng ta không có bằng chứng, không có nhân chứng và ta biết mình không thể trông cậy tòa tin vào chuyện tâm thần, nên nếu chúng ta tìm thấy khẩu súng trường Marklin, mọi chuyện sẽ xuôi chèo mát mái. Chẳng cần quan tâm đến những thứ còn lại nữa.”

“Hừm,” Moller dưng chân trên vỉa hè. “Còn động cơ?”

Harry dò xét gương mặt Moller.

“Kinh nghiệm của tôi đó là ngay cả những người hoang mang cũng có một động cơ trong sự điên rồ của họ. Mà tôi không thấy được động cơ của Juul.”

“Không phải động cơ của Juul, sếp ạ,” Harry nói. “Mà là động cơ của Daniel Gudeson. Kiểu sang bên địch của Signe Juul có thể đã tạo cho Gudeson động cơ báo thù. Câu ông ta viết trên tấm gương - Chúa Trời là người phán xét ta - có thể cho thấy rằng ông ta xem các vụ giết người như một kiểu thập tự chinh của một người, rằng cuộc thập tự chinh của ông ta là chính nghĩa, bất kể lời phê phán của người khác.”

“Thế còn những vụ giết người khác? Vụ Bernt Brandhaug và - nếu cậu nói đúng là do cùng một kẻ giết - vụ Hallgrim Dale nữa?”

“Tôi không biết các động cơ đó là gì, nhưng chúng ta biết rằng Bernt Brandhaug bị bắn bằng khẩu súng trường Marklin. Và Dale biết Daniel Gudeson. Căn cứ theo báo cáo khám nghiệm tử thi, vết cắt trên cổ Dale trông như thể là do một bác sĩ phẫu thuật thực hiện. OK, Juul đã bắt đầu học y khoa và mơ trở thành bác sĩ phẫu thuật. Có lẽ Dale phải chết vì ông ta đã

khám phá ra Juul đang hành động giống hệt Daniel Gudeson.”

Halvorsen háng giọng.

“Cái gì?” Harry chua chát hỏi. Anh đã quen biết Halvorsen đủ lâu để dự đoán một lời phản đối sắp thốt ra. Và rất có khả năng đó là một lời phản đối có cơ sở tốt.

“Từ những gì anh vừa nói với chúng tôi về các chứng MPD, hẳn Even Juul là người đã giết chết Hallgrim Dale. Daniel Gudeson không phải là bác sĩ phẫu thuật.”

Harry nuốt miếng burek cuối cùng, lau miệng bằng khăn ăn, nhìn quanh tìm thùng rác.

“OK,” anh đáp. “Tôi có thể nói rằng chúng ta nên đợi cho đến khi có được câu trả lời cho tất cả các câu hỏi, trước khi chúng ta làm bất kỳ điều gì. Và tôi nhận thức được rằng ủy viên công tố sẽ cho là bằng chứng này khá yếu. Nhưng không ai trong chúng ta có thể nghi ngờ thực tế rằng chúng ta có một nghi phạm có thể lại tiếp tục giết người. Sếp à, sếp sợ hãi giới truyền thông nếu chúng ta buộc tội Even Juul, nhưng hãy tưởng tượng chuyện sẽ ồn ào ra sao nếu ông ta phạm thêm bất kỳ vụ án mạng nào nữa. Và rồi lại lộ ra là chúng ta đã nghi ngờ ông ta từ lâu, vậy mà chẳng làm gì để ngăn chặn ông ta...”

“Rồi, rồi, rồi, tôi hiểu tất cả những chuyện đó,” Moller nói. “Thế cậu cho rằng ông ta sẽ lại giết người à?”

“Có rất nhiều điều trong vụ án này mà tôi chưa chắc chắn!” Harry nói. “Nhưng nếu có một chuyện tôi tuyệt đối chắc chắn, thì đó là ông ta vẫn chưa hoàn tất kế hoạch của mình.”

“Điều gì khiến cậu chắc chắn như thế?”

Harry vỗ vỗ vào bụng, nở một nụ cười toét chế giễu.

“Trong này có một người đang gửi mã moóc cho tôi, sếp à. Có lý do tại sao ông ta mua một khẩu súng trường ám sát đắt tiền nhất và tốt nhất thế giới. Một trong những lý do Daniel Gudeson trở thành huyền thoại đó là ông

ta là một tay thiện xạ tuyệt vời. Điều gì đó dưới này đang mách bảo tôi rằng ông ta đã quyết định đưa cuộc thập tự chinh đến một cái kết có logic. Đó sẽ là một vinh quang hoàn hảo, một thứ sẽ khiến huyền thoại Daniel Gudeson trở thành bất tử.”

Hơi nóng mùa hè đã biến mất trong giây lát khi cơn gió mạnh cuối cùng của mùa đông quét qua Moztfeldtsgate, cuốn theo bụi và rác rưởi. Moller nhắm mắt lại, kéo áo choàng chặt hơn quanh người và rùng mình. Bergen, ông nghĩ. Bergen.

“Tôi sẽ xem mình xoay xử được gì,” ông nói. “Phải chắc chắn là các cậu đã sẵn sàng đấy!”

Karachi là thành phố cảng ở Pakistan.

một loại bánh nhân thịt có nhiều lớp.

*Sở Cảnh sát.**Ngày 16 tháng Năm năm 2000.*

Harry và Halvorsen đã sẵn sàng, sẵn sàng đến mức khi nghe điện thoại của Hole reo chuông, cả hai đều nhảy dựng lên. Harry chụp lấy ống nghe: “Hole nghe!”

“Anh không cần phải quát lên như thế,” Rakel nói. “Đó là lý do tại sao người ta phát minh ra điện thoại. Hôm nọ anh đã nói với em về ngày 17 thế nào ấy nhỉ?”

“Cái gì cơ?” Phải mất vài giây Harry mới liên tưởng được hai sự việc với nhau. “Rằng anh trực á?”

“Chuyện khác cơ,” Rakel nói. “Rằng anh sẽ vằn xoay cả trời cả đất...”

“Ý em là thế à?” Harry cảm thấy một cảm xúc lạ lùng, ấm áp trong lòng. “Em muốn ở bên anh nếu anh nhờ được ai đó làm thay ca cho anh?”

Rakel phá lên cười.

“Giờ thì nghe giọng anh tốt rồi đấy. Lẽ ra em nên nói rõ rằng anh không phải là lựa chọn đầu tiên của em. Nhưng vì bố nói rằng năm nay bố muốn ở một mình, nên câu trả lời là vâng, mẹ con em muốn được ở bên anh.”

“Thế Oleg nói thế nào?”

“Đó là đề nghị của nó mà.”

“Thế sao? Oleg đúng là một thằng nhóc thông minh.”

Harry thấy hạnh phúc. Hạnh phúc đến nỗi mà anh không thể ăn nói bằng giọng bình thường. Anh cũng cóc cần biết Halvorsen đang ngồi đối diện bên

kia bàn, nở nụ cười toét đến tận mang tai.

“Thỏa thuận rồi đấy nhá?” Giọng Rakel làm tai anh nhồn nhột.

“Ừ nếu anh thu xếp được. Anh sẽ gọi cho em sau!”

“OK, hoặc anh có thể đến ăn cái gì đó vào tối nay. Tất nhiên nếu anh có thời gian. Hoặc nếu anh thích.”

Những từ ngữ nghe có vẻ ứng khẩu thái quá đến nỗi Harry biết cô đã phải luyện tập trước khi gọi cho anh. Tiếng cười của anh đang sôi sùng sục trong anh, đầu anh nhẹ bẫng như thể anh đã dùng một chất gây nghiện. Anh vừa định nói đồng ý thì chợt nhớ một câu cô đã nói trong nhà hàng: *Em biết nó sẽ không chỉ dừng lại ở một lần.* Cái cô muốn dành cho anh không phải là thứ gì đó để ăn.

Tất nhiên là nếu anh có thời gian. Hoặc nếu anh thích.

Nếu anh sắp cảm thấy hốt hoảng, thì bây giờ đúng là lúc.

Những suy nghĩ của anh bị cắt ngang khi điện thoại nhấp nháy.

“Anh có cuộc điện thoại ở đầu dây bên kia phải nghe. Rakel này, chờ anh một giây được không?”

“Dĩ nhiên.”

Harry nhấn một phím hình vuông. Đó là Moller.

“Lệnh bắt sẵn sàng rồi. Lệnh khám nhà sắp được cấp. Tom Waaler đã chuẩn bị xong tất cả với hai xe cảnh sát và bốn lính có vũ trang. Tôi cầu Chúa rằng cái thằng cha gửi mã moóc trong bụng cậu hẳn không bấm nhầm chữ, Harry.”

“Hắn chỉ gõ được các chữ rời rạc thôi, chứ chẳng bao giờ gõ được toàn bộ thông điệp đâu,” Harry nói, ra hiệu cho Halvorsen nên mặc áo khoác vào. “Gặp lại sắp sau.” Harry dập mạnh điện thoại xuống.

Họ đang đứng trong thang máy đi xuống thì Harry mới chợt nhớ Rakel vẫn đang ở đường dây bên kia, đợi câu trả lời. Anh không còn đủ trí lực để nghĩ xem nó nghĩa là gì.

• • •

Ngày hè đầu tiên trong năm đã bắt đầu mát mẻ khi chiếc xe cảnh sát lăn bánh vào khu dân cư yên tĩnh với những ngôi nhà riêng rẽ. Harry vẫn thấy khó chịu. Không chỉ vì anh đang đổ mồ hôi bên dưới áo gi lê chống đạn, mà vì nó *quá* yên tĩnh. Anh nhìn chăm chăm những rèm cửa phía sau từng bờ giậu được cắt tỉa kỹ càng, nhưng chẳng có thứ gì xao động. Cảm thấy như đang ở miền Viễn Tây và anh đang bước vào một cuộc mai phục.

Ban đầu, Harry đã từ chối mặc áo gi lê chống đạn, nhưng Tom Waaler, người phụ trách chiến dịch này, đã ban cho anh một tối hậu thư đơn giản: hoặc mặc áo, hoặc ở nhà. Tranh luận rằng một viên đạn khẩu súng trường Märklin sẽ cắt xuyên qua áo gi lê như câu ngạn ngữ dao cắt bơ chỉ xui nên cái nhún vai chán nản của Waaler.

Họ vào trong hai xe cảnh sát. Chiếc xe thứ hai có Waaler ngồi đã lên Sognsveien, vào Ulleval Hageby, để vào Irisveien theo hướng ngược lại từ phía Tây. Anh có thể nghe thấy giọng của Waaler vang lên lạo xạo trong máy bộ đàm. Bình tĩnh và tự tin. Hỏi han về vị trí, duyệt lại quy trình một lần nữa, hỏi lại về quy trình khẩn cấp, đề nghị từng cảnh sát lặp lại nhiệm vụ của mình.

“Nếu hấn là dân chuyên nghiệp, có thể hấn đã nổi chuông báo động với công, nên chúng ta sẽ đi bên trên, không phải qua.”

Hấn hiệu quả thật, ngay cả Harry cũng phải thừa nhận điều đó, rõ ràng những người khác trong xe đều tôn trọng Waaler.

Harry chỉ tay vào căn nhà gỗ màu đỏ.

“Đằng kia kia!”

“Đội Alpha!” nữ cảnh sát ngồi ghế trước nói vào bộ đàm. “Chúng tôi không thấy được các anh.”

“Chúng tôi ở ngay góc đường. Tránh xa tầm nhìn từ ngôi nhà cho đến khi mọi người thấy chúng tôi, Hết.”

“Quá trễ rồi, chúng tôi đã ở đó, Hết,”

“Đọc rồi, nhưng ở yên trong xe cho đến khi chúng tôi tới. Hết.”

Liền đó họ đã thấy mũi chiếc xe cảnh sát thứ hai vòng quanh góc. Họ đi thêm năm mươi mét cuối cùng đến chỗ ngôi nhà, dừng xe chặn lối ra từ gara. Chiếc xe thứ hai dừng phía trước cổng vườn.

Khi họ xuống xe, Harry nghe thấy tiếng vọng trầm đục của một quả bóng tennis bị đánh bằng cây vợt không quá căng. Mặt trời đang dịch về phía Ulle rna sen, anh chợt ngửi thấy mùi sườn lợn đang rán tỏa ra từ một cửa sổ.

Rồi sô diễn bắt đầu. Hai cảnh sát nhảy qua hàng rào cùng các khẩu súng máy MP5 ở tư thế sẵn sàng, nhanh chóng tỏa ra quanh nhà. Một người sang bên phải, một người sang bên trái.

Nữ cảnh sát trong xe của Harry vẫn ngồi yên; công việc của cô ta là duy trì liên lạc với tổng đài trung tâm và xua hết những kẻ hiếu kỳ. Waaler và tay cảnh sát còn lại chờ đến khi hai người kia vào vị trí, cài chặt bộ đàm vào túi áo ngực rồi nhảy qua cổng với các khẩu súng ngắn công vụ giơ sẵn. Harry và Halvorsen đứng đằng sau xe cảnh sát, xem toàn bộ sô diễn.

“Thuốc lá không?” Harry hỏi nữ cảnh sát.

“Không, cảm ơn,” cô ta mỉm cười.

“Tôi đang thắc mắc liệu cô có điều nào không.”

Cô ta ngừng cười. Một người không biết hút thuốc điện hình, Harry nghĩ.

Waaler và tay cảnh sát đã lên đến bậc thềm, đứng vào vị trí ở hai bên cửa ra vào thì di động của Harry reo chuông.

Harry thấy mắt nàng cảnh sát trợn tròn lên. Nghiệp dư điện hình, có thể cô ta đang nghĩ thế.

Harry vừa định tắt di động - anh chỉ kiểm số trên màn hình không phải của Rakel. Số gọi đến tuy quen nhưng không phải số của Rakel. Waaler đã đưa tay lên ra hiệu thì Harry nhận ra người đang gọi là ai. Anh cầm lấy máy bộ đàm từ cô nàng cảnh sát miệng đang há hốc.

“Alpha! Dừng lại. Nghi phạm ngay lúc này đang gọi cho tôi. Có nghe

thấy tôi không?”

Harry nhìn về bậc thềm thấy Waaler đang gật đầu. Anh nhún nút nghe trên di động, áp máy lên tai.

“Hole đang nghe.”

“Xin chào.” Harry thật ngạc nhiên vì đó không phải giọng của Even Juul. “Sindre Fauke đây. Rất xin lỗi đã quấy rầy cậu nhưng tôi đang đứng trong nhà Even Juul, và tôi nghĩ cậu nên đến đây.”

“Tại sao? Và ông đang làm gì trong đó?”

“Tôi nghĩ có lẽ mình đã làm một điều ngu ngốc. Anh ta gọi cho tôi một tiếng trước và bảo tôi đến với anh ta ngay lập tức, mạng sống của anh ta đang gặp nguy hiểm. Tôi lái xe đến và thấy cửa ra vào mở, nhưng không thấy Even đâu. Và bây giờ tôi e rằng anh ta đang tự nhốt mình trong phòng ngủ.”

“Tại sao ông nghĩ vậy?”

“Cửa phòng ngủ bị khóa và khi tôi cố gắng nhìn qua lỗ khóa, chìa khóa vẫn còn nằm bên trong.”

“Được rồi,” Harry nói, đi vòng qua xe cảnh sát và bước qua cổng. “Nghe cho cẩn thận này. Đang ở đâu thì ông cứ ở yên đấy. Nếu ông đang cầm bất kỳ thứ gì trong tay, hãy bỏ nó xuống và để tay ở chỗ chúng tôi có thể nhìn thấy. Chúng tôi sẽ vào đó trong hai giây nữa.”

Harry bước về phía ngưỡng cửa, Waaler và tay cảnh sát đang kính ngạc theo dõi những hành động của anh. Anh kéo tay nắm cửa xuống rồi bước vào.

Fauke đang đứng trong sảnh với ống nghe điện thoại cầm trong tay, há hốc mồm nhìn họ ngạc nhiên.

“Lạy Chúa tôi!” ông ta chỉ nói được thế thì nhận ra Waaler với khẩu súng lục trong tay. “Nhanh quá...”

“Phòng ngủ ở đâu?” Harry hỏi.

Fauke không nói gì, đưa tay chỉ lên gác.

“Dẫn đường đi,” Harry nói.

Fauke dẫn đường cho ba cảnh sát.

“Ở đây.”

Harry sờ cánh cửa; đúng vậy, nó đã bị khóa. Có một chìa khóa trong ổ khóa mà anh thử xoay nhưng nó không nhúc nhích.

“Tôi không kịp nói với cậu. Tôi đã cố mở cửa này bằng một chìa từ phòng ngủ kia!” Fauke nói. “Đôi khi nó cũng khớp.”

Harry rút chìa khóa ra, nhìn vào lỗ khóa. Bên trong anh có thể thấy một chiếc giường và một chiếc bàn cạnh giường ngủ. Có một thứ dường như là cái chao đèn trên giường. Waaler đang thấp giọng nói vào bộ đàm. Harry có thể cảm thấy mồ hôi lại đang bắt đầu nhỏ xuống bên trong áo gi lê. Anh không thích hình ảnh cái chao đèn.

“Tôi tưởng ông nói bên trong cũng có một chìa khóa mà?”

“Đã có,” Fauke đáp. “Cho đến khi tôi đánh bật nó ra khi cố tra cái chìa khóa khác vào.”

“Vậy làm sao chúng ta vào trong được đây?” Harry hỏi.

“Sắp tới rồi!” Waaler nói, và đúng lúc đó họ nghe thấy những tiếng giày thình thịch chạy lên cầu thang. Đó là một trong hai tay cảnh sát đã vào vị trí đằng sau nhà, tay cậu ta cầm một cái xà beng màu đỏ.

“Lối này!” Waaler nói, đưa tay chỉ.

Mảnh vụn gỗ bay tứ tung. Cánh cửa bật ra.

Harry sải bước vào trong, nghe tiếng Waaler bảo Fauke đợi ở bên ngoài.

Điều đầu tiên Harry nhận thấy là sợi dây dắt chó. Even Juul đã tự treo cổ bằng sợi dây đó. Ông ta chết khi mặc trên mình chiếc áo sơ mi trắng, cúc trên cổ không cài, mặc quần dài đen và đôi tất ca rô. Một chiếc ghế đồ nghiêng sau lưng ông ta trước mặt tủ quần áo. Đôi giày xếp gọn gàng dưới ghế. Harry nhìn lên trần nhà. Sợi dây dắt chó được buộc vào một cái móc trên trần. Harry cố gắng kìm lại, nhưng vẫn không thể ngăn mình nhìn kỹ mặt Even Juul. Một mắt nhìn trừng trừng vào trong phòng, trong khi con mắt

kia nhìn chú mục vào Harry.

Riêng biệt. Như một người không lồ hai đầu, mỗi mắt trên một đầu, Harry nghĩ. Anh bước đến bên cửa sổ nhìn ra phía Đông thấy lũ trẻ đang đạp xe đạp dọc theo Irisveien, bị thu hút bởi những lời đồn có xe cảnh sát. Ở những vùng thế này, tin đồn luôn lan nhanh với tốc độ không thể giải thích được.

Harry nhắm mắt lại và suy nghĩ. Ấn tượng đầu tiên là rất quan trọng. Ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong tâm trí ta tại hiện trường thường là chuẩn xác nhất. Ellen đã dạy anh điều đó. Thực tập sinh của riêng anh đã dạy anh cách tập trung vào điều đầu tiên anh cảm thấy khi bước vào hiện trường tội ác. Đó là lý do tại sao Harry không cần quay lại cũng biết chìa khóa đang nằm dưới sàn sau lưng mình. Anh biết rằng họ sẽ chẳng tìm được dấu vân tay nào trong phòng, và chẳng có ma nào đột nhập vào nhà. Đơn giản là vì cả hung thủ lẫn nạn nhân đều đang treo cổ trên trần nhà. Người không lồ hai đầu đã tách đôi.

“Gọi Weber đi,” Harry nói với Halvorsen. Cậu ta vào phòng cùng họ và đứng bên ngưỡng cửa, nhìn chăm chăm vào cái xác đung đưa.

“Có thể ông ta đã lên kế hoạch một khởi đầu khác cho các lễ hội ngày mai, nhưng tự an ủi mình rằng chuyện này không có gì mới mẻ. Even Juul đã phát hiện ra kẻ sát nhân và phải trả giá cho điều đó bằng chính mạng sống của mình.”

“Vậy đó là ai?” Waaler hỏi.

“Đã là ai. Hắn ta cũng chết rồi. Hắn tự gọi mình là Daniel Gudeson và sống trong đầu Juul.”

Trên đường ra ngoài, Harry nói với Halvorsen rằng Weber sẽ gọi cho anh nếu tìm thấy khẩu Marklin.

Harry đứng bên ngưỡng cửa ngoài, nhìn bao quát khu vực. Kinh ngạc làm sao khi các nhà hàng xóm bỗng đâu lại có việc để làm trong vườn. Họ đều đang đứng kiễng chân nhìn qua bờ giậu. Waaler cũng bước ra ngoài, đến đứng cạnh Harry.

“Tôi không hiểu lắm những gì anh nói trong kia!” Waaler nói. “Ý anh là thằng cha này tự sát vì cảm thấy tội lỗi à?”

Harry lắc đầu.

“Không, ý tôi đúng như tôi đã nói. Họ đã giết lẫn nhau. Even giết Daniel để chặn ông ta lại. Và Daniel giết Even để mình không bị vạch mặt. Lần duy nhất những lợi ích của họ trùng hợp nhau!”

Waaler gật đầu, nhưng dường như vẫn không hiểu gì hơn.

“Có điều gì đó rất quen ở ông già kia!” hấn ta nói. “Ý tôi là người còn sống ấy.”

“Đúng. Ông ta là cha của Rakel Fauke, nếu anh...”

“Dĩ nhiên, người đẹp ở POT. Ra là cô ta.”

“Anh có thuốc lá không?” Harry hỏi.

“Không có đâu!” Waaler đáp. “Phần còn lại ở đây là trách nhiệm của anh đây, Hole. Tôi đang tính đi, vậy nếu anh cần tôi giúp gì thì nói luôn.”

Harry lắc đầu, Waaler bước ra phía cổng.

“À mà có,” Harry nói. “Nếu ngày mai anh không có việc gì đặc biệt để tâm, tôi cần một cảnh sát có kinh nghiệm làm thay ca cho tôi.”

Waaler phá lên cười, tiếp tục bước đi.

“Anh chỉ cần tổ chức giám sát trong buổi lễ tại thánh đường Hồi giáo ở Gronland thôi!” Harry nói to lên. “Tôi thấy là anh khá giỏi mấy việc đó. Chúng ta chỉ cần chắc chắn rằng bọn đầu trọc không đánh đập người Hồi giáo vì kỷ niệm lễ Eid.”

Waaler vừa ra đến cổng bỗng khựng lại.

“Mà anh đang phụ trách việc đó à?” hấn ta ngoái qua vai hỏi.

“Cũng chẳng to tát lắm đâu,” Harry nói. “Hai xe, bốn người.”

“Trong bao lâu?”

“Tám giờ sáng đến ba giờ chiều.”

Waaler quay người lại, miệng cười rộng ngoác.

“Anh biết gì không?” hấn ta nói. “Bây giờ nghĩ lại, tôi nợ anh một ân huệ.

Thế thì tuyệt. Tôi sẽ thay ca cho anh.”

Waalder đứng nghiêm chào, vào xe, khởi động rồi phóng đi.

“Nợ mình ân huệ quái gì nhỉ?” Harry ngẫm nghĩ, tai lắng nghe tiếng những cú đánh mạnh nhưng uể oải vào trái bóng vọng đến từ sân quần vợt. Nhưng phút sau anh đã quên hết vì di động lại reo chuông. Và lần này số trên màn hình là của Rakel.

*Holmenkollvien.**Ngày 16 tháng 5 năm 2000*

“Tất cả là cho em à?”

Rakel vỗ tay và đón lấy bó hoa cúc.

“Anh không tới được tiệm hoa, nên đây là hoa trong chính vườn nhà em đây!” Harry đáp, bước vào trong cửa. “ùm, có mùi sữa dừa. Món Thái à?”

“Vâng, và xin chúc mừng bộ đồ mới nhé.”

“Rõ ràng vậy sao?”

Rakel cười, vuốt ve các ve áo.

“Len loại tốt đây!”

“Super 110.”

Harry cũng chẳng biết Super 110 nghĩa là gì. Trong một lúc tiêu hoang, anh đã vào một trong những cửa hàng thời trang tại Hedgehaugsvelen khi họ đang đóng cửa, cố thuyết phục nhân viên bán hàng tìm cho anh bộ com lê duy nhất có thể hợp với dáng người dài của anh. Dĩ nhiên, bảy nghìn krone vượt quá xa số tiền anh định trả. Nhưng chọn lựa khác là trông như diễn viên hài nếu mặc bộ đồ cũ. Nên anh đành nhắm mắt quẹt thẻ máy và cố quên đi.

Họ cùng nhau vào phòng ăn tối đã dọn sẵn một bàn cho hai người.

“Oleg ngủ rồi,” cô nói trước khi Harry kịp hỏi. Một quăng im lặng dài.

“Em không có ý...” cô cất lời.

“Không ư?” Harry hỏi với một nụ cười. Anh chưa từng thấy cô đỏ mặt. Anh kéo cô sát lại gần, hít hà mùi hương trên mái tóc mới gội, cảm thấy cô

khẽ run lên.

“Thức ăn...” cô thì thầm.

Anh buông cô ra để cô biến vào trong bếp. Cửa sổ nhìn ra vườn mở rộng. Những con bướm trắng ngày hôm qua không ở đây bay dập dờn như những bông hoa giấy trong buổi hoàng hôn. Bên trong nhà thoảng mùi xà phòng hữu cơ và sàn gỗ ẩm. Harry nhắm mắt lại. Anh biết rằng anh sẽ cần nhiều ngày như thế này cho đến khi hình ảnh Even Juul treo trên sợi dây dắt chó mất hẳn, nhưng nó đang phai dần. Weber và mấy cậu nhóc của ông ta không tìm thấy khẩu Marklin, nhưng đã tìm thấy con chó Burre. Nó bị cắt cổ và vứt vào túi rác bỏ trong thùng lạnh. Và trong thùng đồ nghề họ tìm thấy ba con dao, tất cả đều dính máu. Harry đoán rằng một số máu trong nhóm này là máu của Hallgrim Dale.

Rakel gọi tên anh từ trong bếp đến giúp cô mang vào một vài thứ. Nó đã phai nhạt đi rồi.

Tiếng quân nhạc Thổ Nhĩ Kỳ vang lên và quyện vào trong gió. Harry mở mắt ra. Mọi thứ đều màu trắng. Ánh mặt trời trắng lóa, nhấp nháy như mã moóc giữa những tấm rèm trắng phân phật, những bức tường trắng, trần nhà trắng và đồ trải giường trắng, mềm mại và mát lạnh trên làn da nóng bỏng. Anh quay người lại. Trên gối vẫn còn vương dấu mái đầu cô, nhưng giường thì trống trải. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Đã tám giờ năm phút. Cô và Oleg đang trên đường đến sân diễu hành ở pháo đài Akershus, nơi cuộc diễu hành của trẻ em sắp sửa bắt đầu. Họ đã sắp xếp gặp nhau phía trước chốt canh gác cạnh Hoàng cung vào lúc mười một giờ.

Anh nhắm mắt lại, hồi tưởng lại đêm qua một lần nữa. Rồi anh ngồi dậy lê bước vào phòng tắm. Ở đó cũng một màu trắng toát: gạch lát trắng, đồ sứ trắng. Anh tắm trong làn nước mát lạnh và chưa kịp nhận ra anh đã hát một ca khúc cũ của nhóm The The.

“... một ngày hoàn hảo!”

Rakei đã để sẵn khăn tắm cho anh, cũng màu trắng, anh lau mình bằng

chiếc khăn vải cotton dệt dày để kích thích tuần hoàn, trong khi nhìn mặt mình trong gương. Bây giờ anh là người hạnh phúc, đúng không nhỉ? Ngay bây giờ. Anh mỉm cười với gương mặt phía trước. Nó cũng mỉm cười lại với anh. Ekman và Friesen. Hãy mỉm cười với thế giới và thế giới...

Anh bật cười thành tiếng, quần khăn tắm quanh eo lưng, hai bàn chân ướt chậm rãi bước ngang qua sảnh vào cửa phòng ngủ. Phải mất một giây anh mới nhận ra đó không phải phòng anh đã ngủ vì mọi thứ cũng đều màu trắng: các bức tường, trần nhà, một bàn trang điểm với các bức ảnh gia đình trên đó. Một chiếc giường đôi gọn gàng với tấm phủ giường đan bằng kim móc đã lỗi mốt.

Anh quay lưng, vừa dậm bước bỏ đi và đã ra đến cửa, nhưng bỗng khựng lại. Anh đông cứng người lại, như thể một phần não anh lệnh đi tiếp và quên đi. Trong khi nửa kia muốn anh quay lại và kiểm xem cái anh vừa thấy có đúng là cái anh nghĩ không. Hoặc, nói cho chính xác hơn, có đúng với những gì anh đã sợ không. Chính xác anh sợ cái gì và tại sao, anh không biết. Anh chỉ biết rằng khi mọi thứ đều hoàn hảo, nó không thể tốt hơn nữa và bạn không muốn thay đổi một thứ gì, không một thứ gì. Nhưng đã quá muộn. Dĩ nhiên đã quá muộn.

Anh hít vào một hơi, quay người lại và đi lui.

Bức ảnh đen trắng được lồng trong khung vàng đơn giản. Người phụ nữ trong ảnh có khuôn mặt nhỏ, đôi gò má cao, dễ thấy với đôi mắt tươi cười và bình thản. Cô đang tập trung nhìn cái gì đó hơi cao hơn máy ảnh một chút, có lẽ là người chụp ảnh. Cô trông mạnh mẽ. Cô mặc một áo cánh giản dị, một dây chuyền thập giá bạc đeo bên ngoài.

Họ đã vẽ hình cô ấy trên các ảnh thánh gần hai nghìn năm rồi.

Đó không phải là lý do tại sao có điều gì đó quen thuộc ở cô, lần đầu tiên anh nhìn thấy ảnh cô.

Không còn nghi ngờ gì nữa. Đó cũng chính là người phụ nữ anh đã thấy trong bức ảnh ở phòng của Beatrice Hoffmann.

PHẦN 9
NGÀY PHÁN QUYẾT

Olso.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Tôi đang viết cuốn sách này để bất kỳ ai tìm thấy nó sẽ hiểu chút ít lý do tại sao tôi đã đưa ra những quyết định của mình. Những quyết định trong cuộc đời tôi thường xuyên nằm giữa hai hoặc nhiều hơn những điều xấu xa, nên tôi sẽ phải bị phán xét trên cơ sở đó. Nhưng tôi cũng phải bị phán xét trên thực tế rằng, tôi không bao giờ chạy trốn những quyết định ấy; tôi không bao giờ lảng tránh những nghĩa vụ đạo đức của mình. Tôi thà mạo hiểm đưa ra những quyết định sai lầm hơn là sống như một kẻ hèn nhát, như một phần trong đám đông câm lặng này. Như ai đó tìm kiếm sự an toàn trong đám đông, như ai đó cho phép những kẻ khác quyết định thay cho mình. Tôi đã chọn quyết định cuối cùng này để tôi sẽ sẵn sàng khi được gặp Chúa Trời và Helena của tôi.

“Mẹ kiếp!”

Harry đạp mạnh các chân phanh, khi đám đông mặc com lê và trang phục truyền thống tràn ra khu vực dành cho khách bộ hành trên ngã tư đường ở Majorstuen. Cả thành phố dường như đã di chuyển rồi. Cảm tưởng như đèn giao thông sẽ không bao giờ chuyển sang màu xanh nữa. Cuối cùng anh cũng đã có thể nhả khớp ly hợp và tăng tốc. Anh đỗ xe song song một xe khác tại phố Vibes, tìm chuông của nhà Fauke rồi nhấn mạnh. Một đứa bé chập chững biết đi chạy qua trên hai đế giày bằng da kêu chút chút âm ỉ, tiếng còi inh tai nhức óc từ món đồ chơi của thằng bé khiến Harry giật thót.

Fauke không trả lời. Harry quay lại xe lấy cái xà beng anh luôn cất trong xe hơn là để trong ngăn hành lý, vì khóa ngăn để hành lý không đáng tin. Anh quay lại rồi để cả hai cánh tay ngang qua hai hàng chuông cửa. Sau vài giây có đủ giọng náo nhiệt vang lên. Có thể là của những người đang ủa xuống mở cửa, với bàn là nóng hoặc xi đánh giày trong tay. Anh nói anh là cảnh sát và ai đó chắc đã tin tưởng anh, vì có tiếng rừ rừ giận dữ và anh đẩy mở được cửa. Anh lao lên gác, bốn bậc một. Sau đó anh có mặt trên tầng ba. Trái tim anh giờ đang đập còn nhanh hơn kể từ khi trông thấy bức ảnh mười lăm phút trước.

Nhiệm vụ tôi tự đặt ra cho mình đã cướp đi mạng sống của vài người vô tội, và dĩ nhiên nó có nguy cơ đòi hỏi nhiều hơn thế. Với chiến tranh thì sẽ luôn luôn là như vậy. Vậy hãy phán xét tôi như một người lính không còn quá nhiều sự lựa chọn. Đó là ước nguyện của tôi. Nhưng nếu bạn phải phán xét tôi một cách nghiêm ngặt, xin hãy biết rằng bạn cũng là người quá dễ mắc sai lầm, và nó sẽ luôn luôn như thế, đối với cả bạn và tôi. Đến cuối cùng chỉ có một quan tòa duy nhất: Chúa Trời. Đây là hồi ký của tôi.

Harry đấm lên cửa nhà Fauke hai lần, hét gọi tên ông. Không nghe thấy gì, anh nhét xà beng vào dưới ổ khóa và dùng sức bình sinh đẩy vào. Thử đến lần thứ ba thì cánh cửa mới bật tung với một tiếng rầm. Harry bước qua ngưỡng cửa. Trong căn hộ tối om, tĩnh lặng và theo một cách lạ lùng, nó nhắc anh nhớ đến căn phòng ngủ mình vừa rời khỏi. Có điều gì đó trống rỗng và hoang lạnh đến cùng cực ở đây. Khi vào phòng khách thì anh đã hiểu lý do tại sao. Nó đã bị bỏ hoang. Giấy tờ vút bừa bãi trên sàn, sách vở trên những giá sách đổ nghiêng, và những cốc cà phê lung lủng đã biến mất. Bàn ghế bị đẩy hết vào một góc và phủ những tấm drap giường màu trắng. Một vệt nắng xuyên qua cửa sổ đổ trên một chõng giấy buộc dây, nằm ngay giữa sàn phòng khách trống trơn.

Khi bạn đọc những dòng này, tôi hy vọng tôi đã chết rồi. Tôi hy vọng tất cả chúng tôi đã chết.

Harry khom xuống cạnh chồng giấy.

Trên tờ giấy trên cùng là dòng chữ đánh máy *Sự phản bội lớn nhất: hồi ký của một người lính.*

Harry tháo dây buộc.

Trang tiếp theo: *Tôi đang viết cuốn sách này để bất kỳ ai tìm thấy nó sẽ hiểu chút ít lý do tại sao tôi đã đưa ra những quyết định của mình.* Harry lật qua chồng giấy. Chắc phải đến vài trăm trang giấy viết kín đặc. Anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay: 8 giờ 30. Anh tìm được số của Fritz trong sổ tay bèn rút di động gọi cho tay người Áo. Anh ta đang trên đường về nhà sau ca trực đêm. Sau khi nói chuyện với Fritz một phút, Harry gọi tổng đài để được biết số điện thoại và nối máy với người cần gọi.

“Weber đây.”

“Hole đây. Quốc khánh vui vẻ. Đây không phải những gì chúng ta nên nói với nhau sao?”

“Quên mẹ nó đi. Cậu muốn gì?”

“À, có thể ông có những kế hoạch cho ngày hôm nay...”

“Phải, tôi đang lên kế hoạch khóa kín cửa ra vào, đóng hết cửa sổ và đọc tài liệu. Nói mẹ ra đi.”

“Tôi cần phải lấy một vài dấu vân tay!”

“Tuyệt. Khi nào?”

“Ngay bây giờ. Ông sẽ phải mang theo va li đấy, để chúng ta gửi chúng từ đây. Và tôi sẽ cần một khẩu Smith & Wesson.”

Harry cung cấp cho ông địa chỉ. Sau đó anh mang theo xấp giấy đến một trong những chiếc ghế có phủ tấm drap giường, ngồi xuống và bắt đầu đọc.

Olso.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Leningrad.

Ngày 12 tháng Mười hai năm 1942.

Những quả pháo sáng thấp sáng bầu trời đêm xám xịt, trông như một tấm vải mui bắn thiu, phủ lên khung cảnh buồn tẻ, hoang lạnh đang bao quanh chúng tôi ở mọi phía. Có lẽ quân Nga đã mở đợt tấn công, có lẽ là một đòn nghi binh, chúng tôi chẳng biết được cho đến sau đó. Daniel một lần nữa lại chứng tỏ mình là một tay thiện xạ tuyệt vời. Nếu trước đây cậu ấy không phải là một huyền thoại thì ngày hôm nay chính cậu ấy đã tự khẳng định sự bất tử. Cậu ấy đã bắn chết một tên lính Nga từ cự li nửa cây số. Sau đó cậu ấy một mình đi vào vùng trung lập, dành tặng cho tên lính kia lễ chôn cất theo đạo Thiên Chúa. Tôi chưa từng nghe bất kỳ ai từng làm điều tương tự như thế. Cậu ấy mang theo mũ của tên lính Nga ấy quay về như một chiến lợi phẩm. Sau đó cậu ấy vui vẻ phấn chấn như thường lệ, hát hò và mua vui cho mọi người (trừ một vài kẻ phá đám ghen tị). Tôi vô cùng tự hào khi có được một người cương quyết, quả cảm như thế là bạn. Cho dù có những ngày như thế cuộc chiến này sẽ chẳng bao giờ chấm dứt, và những hy sinh cho quê hương của chúng tôi là quá lớn, một người như Daniel Gudeson sẽ cho tất cả chúng tôi niềm hy vọng rằng chúng tôi sẽ ngăn chặn bọn bọn sẽ vịch và trở về với một Na Uy an toàn và tự do.

Harry xem đồng hồ đeo tay rồi đọc tiếp.

Leningrad.

Đêm Giao thừa năm 1942.

... khi tôi trông thấy nỗi khiếp hãi trong đôi mắt Sindre Fauke, tôi đã phải nói vài lời trấn an hắn để hắn lơ lửng cảnh giác. Chỉ có hai chúng tôi ngoài đó tại chốt súng máy, những người khác đã vào giường ngủ. Xác Daniel nằm cứng ngắc ngay phía trên các thùng đạn. Sau đó tôi còn cạy đi nhiều máu nữa của Daniel dính trên băng đạn. Mặt trăng chiếu sáng và tuyết đang rơi. Một đêm phi thường. Tôi đã nghĩ bây giờ mình sẽ nhặt nhanh những gì còn lại của Daniel rồi xếp lại với nhau. Để cậu ấy được toàn vẹn, để cậu ấy có thể lại đứng dậy và dẫn dắt chúng tôi. Sindre Fauke đã không hiểu điều này. Hắn là một kẻ theo đóm ăn tàn, một kẻ cơ hội và là một kẻ chỉ điểm, chỉ theo ai mà hắn nghĩ sẽ chiến thắng. Và khi đến cái ngày mọi thứ trở nên đen tối nhất đối với tôi, đối với chúng tôi, đối với Daniel, thì hắn sẽ phản bội chúng tôi. Tôi lùi nhanh một bước ra sau lưng hắn. Tôi ghì chặt trán hắn và vung lưỡi lê lên. Ta phải cực kỳ khéo léo mới tạo được một nhát cắt sâu và sạch sẽ. Tôi buông tay ngay sau khi cắt cổ hắn vì tôi biết việc đã xong. Hắn từ từ quay người lại, nhìn tôi trừng trừng bằng đôi mắt lợn ti hí. Dường như hắn muốn thét lên nhưng lưỡi lê đã cắt ngọt khí quản của hắn. Nên từ vết thương toang hoác chỉ vọng ra một tiếng vo vo. Và máu. Hắn bịt chặt cổ họng bằng cả hai tay ngăn sự sống của hắn chảy đi. Nhưng hắn làm thế chỉ khiến máu phun ra thành từng tia qua kẽ tay. Tôi ngã xuống và phải bò lồm cồm lùi lại đằng sau để máu không dây vào đồng phục. Những vết máu tươi trông sẽ không ỏn lỉnh nếu họ quyết định điều tra việc “đào ngũ” của Sindre Fauke.

Khi hắn không cử động được nữa, tôi lật sấp hắn lại và kéo lê hắn lên các thùng đạn nơi Daniel đang nằm. May mắn làm sao họ có cùng khổ người. Tôi tìm thấy giấy tờ tùy thân của Sindre Fauke. (Chúng tôi luôn luôn mang

chúng theo bên người, cả ngày lẫn đêm. Bởi nếu chúng tôi bị chặn lại mà không có giấy tờ chứng thực chúng tôi là ai và mệnh lệnh là gì (pháo binh, Mặt trận phía Bắc, ngày tháng, con dấu và vân vân), chúng tôi sẽ có nguy cơ bị bắn chết ngay tại chỗ như những kẻ đào ngũ). Tôi cuộn hết giấy tờ của Sindre lại nhét vào trong bi đồng gắn vào băng đạn của tôi. Sau đó tôi tháo tấm vải băng đầu Daniel đem qua băng đầu Sindre. Tiếp theo tôi vác Daniel lên lưng mang cậu ấy vào vùng trung lập. Tại đó tôi chôn cậu ấy trong tuyết, như Daniel đã chôn Uriah, tên lính Nga. Tôi giữ lại chiếc mũ Nga của Daniel. Tôi đã hát một bài thánh ca. “Một pháo đài uy nghi là Chúa Trời của chúng ta”. Và bài “Hồi chiến hữu quây quần bên đồng lửa”.

Leningrad.

Ngày 3 tháng Một năm 1943.

Một mùa đông ôn hòa. Mọi thứ diễn ra theo đúng kế hoạch. Sáng sớm ngày 1 tháng Một, những người mang xác đã đến và mang đi thi thể trên các thùng đạn như họ được hướng dẫn. Tất nhiên họ tin cái xác họ đang kéo lê trên xe trượt tuyết đến Phân khu Bắc đó là Daniel Gudeson. Bây giờ cứ mỗi khi nghĩ về chuyện đó tôi cũng phải bật cười. Tôi không biết họ có tháo băng quấn đầu ra không trước khi quăng hẳn xuống hố chôn tập thể; mà dù sao chuyện đó cũng không làm tôi bận tâm bởi những người mang xác chẳng biết cả Daniel Gudeson lẫn Sindre Fauke.

Điều duy nhất làm phiền tôi đó là Edvard Mosken dường như nghi ngờ Fauke không đào ngũ, rằng tôi đã giết hẳn. Nhưng anh ta cũng chẳng làm được gì nhiều. Thi thể của Sindre Fauke đang nằm cạnh hàng trăm thi thể khác, bị thiêu cháy (cầu cho linh hồn hẳn bị thiêu cháy mãi mãi) và không thể nhận ra được.

Nhưng đêm qua khi đến phiên tôi gác, tôi đã phải làm một chuyện liều lĩnh nhất cho đến giờ. Dần dần tôi nhận ra mình không thể nào bỏ mặc xác

Daniel chôn trong tuyết. Với kiểu mùa đông ôn hòa thế này, có nhiều khả năng vào bất kỳ lúc nào xác cũng sẽ bị phơi ra cho thấy sự đánh tráo. Khi hằng đêm tôi bắt đầu nằm mơ thấy lũ cáo và chồn hôi sẽ làm gì với xác Daniel khi tuyết đã tan chảy vào mùa xuân, tôi quyết định phải đào xác lên và đặt nó xuống hố chôn tập thể - suy cho cùng, đó là vùng đất thiêng.

Dĩ nhiên, tôi khiếp sợ các chốt canh của chính chúng tôi còn hơn là sợ quân Nga, nhưng may mắn là Hallgrim Dale, đồng chí chậm hiểu của Fauke, đang ngồi trong ụ súng máy. Hơn nữa đó là một đêm nhiều mây, và còn quan trọng hơn nữa, tôi cảm thấy Daniel ở bên tôi, phải, cậu ấy đang ở trong tôi. Và khi cuối cùng tôi cũng bê được cái xác lên trên mây thùng đạn và vừa định buộc tấm vải quanh đầu cậu ấy, cậu ấy mỉm cười. Tôi biết rằng thiếu ngủ và đói khát có thể khiến ta bị ảo giác nhưng tôi thật sự đã trông thấy nét thay đổi của bức tượng sáp cứng đờ ấy ngay trước mắt tôi. Cái điều phi thường là thay vì làm tôi khiếp đảm, chuyện đó lại khiến tôi cảm thấy an tâm và hạnh phúc. Thế rồi tôi lén vào trong boong ke, đánh một giấc như một đứa trẻ.

Khi Edvard Mosken đánh thức tôi dậy một tiếng sau đó, như thể tôi vẫn đang mơ về tất cả mọi chuyện, và tôi nghĩ mình đã cố gắng ra vẻ ngạc nhiên thật tình khi thấy xác Daniel xuất hiện trở lại. Nhưng thế là không đủ để thuyết phục Edvard Mosken. Anh ta chắc chắn rằng đây là xác của Fauke, chắc chắn rằng tôi đã giết hắn và để xác hắn nằm trên đó hy vọng rằng những người mang xác sẽ nghĩ họ đã để quên xác hắn từ đầu và sẽ mang xác đi theo. Dale tháo dải băng quấn đầu thì Mosken thấy rằng đó là Daniel. Cả hai cùng thở hổn hển, mồm há hốc. Tôi phải cố gắng kiềm chế tiếng cười trong bụng khỏi bật ra mà tố cáo chúng tôi - Daniel và tôi.

Bệnh viện dã chiến Quân khu Bắc, Leningrad.

Ngày 17 tháng Một năm 1944.

Trái lựu đạn cầm tay ném xuống từ máy bay của Nga rơi trúng mũ sắt của Dole. Nó xoay tròn trên lớp băng khi chúng tôi cố tránh ra xa. Tôi ở gần nhất và tôi chắc chắn rằng cả ba chúng tôi sẽ chết: Mosken, Dale và tôi. Thật lạ lùng, nhưng ý nghĩ cuối cùng của tôi đó là số phận thật mỉa mai làm sao. Tôi vừa mới cứu Edvard Mosken khỏi ăn đạn từ súng của Dale, kẻ tội nghiệp, và thành tích duy nhất của tôi là kéo dài mạng sống tiểu đội trưởng của chúng tôi thêm được đúng hai phút. Tuy nhiên, may mắn là quân Nga làm ra những quả lựu đạn cầm tay quá tồi nên tất cả chúng tôi đều sống sót, còn toàn mạng. Riêng phần tôi thì bị thương một bàn chân cùng một mảnh đạn xuyên qua mũ sắt cắm vào trán.

Nhờ một sự trùng hợp lạ thường, tôi lại vào nằm trong phòng bệnh nơi hôn thê của Daniel, xơ Signe Alsaker làm việc. Ban đầu cô ta không nhận ra tôi, nhưng đến chiều cô ta đã đến bên tôi và nói chuyện với tôi bằng tiếng Na Uy. Cô ta rất xinh đẹp và tôi biết là mình muốn đính hôn với cô ta.

Olay Lindvig cũng nằm trong phòng bệnh này. Bộ quân phục da màu trắng của ông treo trên cái móc cạnh giường bệnh. Tôi không biết tại sao - có lẽ vì để ông có thể bước ngay ra ngoài và quay lại với những nhiệm vụ đang chờ ông, ngay sau khi các vết thương của ông lành hẳn. Giờ đây họ đang rất cần những người có phẩm chất như ông; tôi có thể nghe thấy tiếng pháo binh Nga đang bắn ở gần đây. Một đêm ông gặp những cơn ác mộng, tôi nghĩ vậy vì ông la hét và xơ Signe bước vào. Cô ta tiêm cho ông thuốc gì đó, có thể là moócphin. Khi ông ngủ lại được, tôi thấy cô ta vuốt tóc ông. Cô ta xinh đẹp đến mức tôi thấy muốn gọi cô ta đến bên giường tôi và nói cho cô ta biết tôi là ai. Nhưng tôi không muốn làm cô khiếp sợ.

Hôm nay họ nói rằng tôi sẽ được gửi sang phía Tây vì thuốc thang không đưa sang đây được nữa. Không ai nói gì hết, nhưng bàn chân của tôi đau lắm. Quân Nga đang kéo đến ngày càng gần hơn. Tôi biết đây là cơ hội sống sót duy nhất của tôi.

Người phụ nữ xinh đẹp nhất và thông minh nhất tôi từng gặp trong đời.

Bạn có thể yêu hai người phụ nữ một lúc không? Có, chắc chắn bạn có thể.

Gudbrand đã thay đổi. Đó là lý do tại sao tôi sử dụng biệt danh của Daniel là Uriah. Helena thích cái tên đó. Gudbrand đúng là một cái tên kỳ cục, cô ấy nghĩ vậy.

Tôi sáng tác thơ khi những người khác đi ngủ, nhưng tôi không phải là một nhà thơ. Trái tim tôi đập loạn xạ khi cô ấy xuất hiện bên ngưỡng cửa. Nhưng Daniel nói rằng cậu phải bình tĩnh, gần như là lạnh lùng, nếu cậu muốn chinh phục trái tim phụ nữ. Giống như kiểu cậu bắt ruồi: cậu phải ngồi thật yên, tốt nhất là nhìn đi hướng khác. Và rồi khi con ruồi bắt đầu tin tưởng cậu - khi nó đáp xuống cái bàn trước mặt cậu, đến gần hơn và gần như van xin cậu cố gắng bắt nó - thì cậu hăng ra tay nhanh như chớp, kiên quyết và chắc chắn trong niềm tin vững chắc của cậu. Phần sau này là quan trọng nhất. Không phải tốc độ mà chính là niềm tin vững chắc khiến cậu bắt được ruồi. Cậu chỉ có một cơ hội, và cậu phải sẵn sàng cho nó, Daniel nói vậy.

Vietttta.

Ngày 29 tháng Sáu năm 1944.

... dứt mình khỏi vòng tay Helena yêu dấu của tôi. Ngoài kia trận không kích đã kết thúc lâu rồi nhưng đang là giữa đêm, các con phố vẫn vắng tanh. Tôi tìm thấy chiếc xe ở nơi chúng tôi đã bỏ lại, bên cạnh nhà hàng Husaren. Cửa kính xe phía sau bị đập vỡ, viên gạch tạo một chỗ khuyết to trên mái, nhưng thật may, nó không hề hấn gì. Tôi lái xe nhanh hết sức có thể về phía bệnh viện.

Tôi biết đã quá muộn để làm được điều gì đó cho Helena và tôi. Chúng tôi chỉ là hai con người bị mắc kẹt trong vòng xoáy những sự kiện mà chúng tôi không đủ sức để chống đỡ. Những nỗi lo sợ của cô ấy dành cho ba mẹ khiến cô ấy phải chịu kết hôn với tên bác sĩ này, Christopher Brockhard, một kẻ thô nát với sự ích kỷ đến vô hạn của hắn (thứ mà hắn gọi là tình yêu!). Đó

là sự si nhục đối với cốt tủy sâu xa nhất của tình yêu. Chẳng lẽ hẳn không thấy rằng thứ tình yêu dẫn dắt hẳn hoàn toàn trái ngược với tình yêu dẫn dắt cô ấy hay sao? Giờ đây tôi phải hy sinh giấc mơ chia sẻ một cuộc sống cùng Helena để trao cho cô ấy một cuộc sống, đâu không phải một cuộc sống hạnh phúc, thì chí ít cũng sẽ là một cuộc sống đúng đắn, không có sự suy đồi mà Brockhard muốn ép cô ấy bước vào.

Những ý nghĩ dồn dập qua tâm trí tôi khi tôi phóng nhanh dọc những con đường cũng khúc khuỷu như chính cuộc đời. Nhưng Daniel đang điều khiển đôi tay, đôi chân tôi.

... phát hiện ra tôi đang ngồi trên mép giường hẳn, hẳn nhìn tôi ngờ vực.

“Anh đang làm gì ở đây?” hẳn hỏi.

“Christopher Brockhard, mày là một thằng phản bội” tôi nói nhỏ. “Và tao tuyên án mày tội chết. Mày sẵn sàng chưa?”

Tôi không nghĩ hẳn đã sẵn sàng. Người ta chẳng bao giờ sẵn sàng chết cả; họ đều nghĩ rằng mình sẽ sống mãi. Tôi hy vọng hẳn được thấy dòng máu đang bắn lên tận trần nhà. Tôi hy vọng hẳn phải nghe thấy máu bắn tung tóe lên tấm trải giường khi rớt lại xuống nệm. Nhưng trên hết tôi hy vọng hẳn nhận ra rằng mình sắp chết.

Trong tủ quần áo tôi tìm thấy một bộ com lê, một đôi giày và một chiếc áo sơ mi. Tôi nhanh chóng cuộn lại cặp sách. Sau đó tôi chạy ra xe, nổ máy...

... vẫn còn đang ngủ. Cả người tôi ướt sũng và lạnh run vì cơn mưa bất ngờ, tôi bò vào dưới tấm trải giường về phía cô ấy. Người cô ấy ấm áp như cái lò sưởi, cô ấy rên rỉ trong giấc ngủ khi tấm thân tôi áp vào người cô ấy. Tôi cố gắng lấp kín từng xăng ti mét làn da cô ấy bằng làn da tôi. Tôi cố gắng tự dối mình bằng suy nghĩ rằng giây phút này sẽ kéo dài mãi mãi, cố gắng tránh nhìn vào đồng hồ. Chỉ còn hai tiếng nữa chuyến tàu của tôi sẽ đi. Và cũng chỉ còn hai tiếng nữa tôi sẽ trở thành kẻ sát nhân bị truy nã trên

khắp nước Áo. Họ không biết khi nào tôi sẽ đi hay tôi sẽ chọn tuyến đường nào. Nhưng họ biết nơi tôi sẽ tới - và họ sẽ sẵn sàng đón khi tôi đến Oslo. Tôi cố gắng ôm cô ấy thật chặt để đủ cho tôi sống một đời.

Harry nghe thấy tiếng chuông cửa. Lúc này nó reo không nhỉ? Anh tìm thấy điện thoại nội bộ và bấm rừ rừ cho Weber vào.

“Ngay sau chương trình thể thao trên truyền hình thì đây là thứ tôi căm ghét nhất!” Weber nói khi ông giậm chân tức tối, quăng cái thùng đồ nghề to bằng cái va li đánh rầm xuống đất.

“Ngày Quốc khánh, cả nước mất tai trước sự hân hoan ca hát của cả dân tộc, mọi ngã đường đều bị chặn. Nên nếu muốn đi đâu cậu sẽ phải đi cả một chặng vòng qua trung tâm. Lạy Chúa tôi! Tôi sẽ bắt đầu từ đâu đây?”

“Chắc chắn sẽ có những dấu vân tay rõ nét trên ấm cà phê trong bếp,” Harry nói. “Tôi đã nói chuyện với một đồng nghiệp tại Vienna, anh ta đang bận rộn tìm kiếm một bộ các dấu vân tay từ năm 1944. Ông có mang theo máy quét và máy tính đây chứ?”

Weber vỗ vỗ vào thùng đồ nghề.

“Tuyệt. Khi ông quét xong các dấu vân tay, ông có thể nói di động của tôi với máy tính rồi gửi chúng vào địa chỉ email đã liệt kê ở mục ‘Fritz, Vienna’. Anh ta đang ngồi đó sẵn sàng so sánh chúng với một bộ các dấu vân tay của anh ta và cho chúng ta biết kết quả ngay lập tức. Đại để về cơ bản là thế. Tôi chỉ còn phải đọc qua vài trang trong phòng khách.”

“Cái gì...”

“Của POT,” Harry đáp. “Chỉ là cơ sở những-điều-cần-biết thôi mà.”

“Vậy thôi à?” Weber cắn môi, ném sang Harry cái nhìn dò hỏi. Harry nhìn vào mắt ông chờ đợi.

“Cậu biết gì không, Hole?” cuối cùng ông nói. “Thật tốt khi còn có người trong đất nước này vẫn hành xử một cách chuyên nghiệp.”

Olso.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Hamburg.

Ngày 30 tháng Sáu năm 1944.

Sau khi viết thư cho Helena, tôi mở bi đông đồ cuộn giấy tờ tùy thân của Sindre Fauke ra, và thay vào đó bằng lá thư này. Tiếp theo tôi dùng lưỡi lê khắc tên cô ấy và địa chỉ lên rồi bước vào màn đêm. Ngay khi bước ra ngoài cửa tôi có thể cảm thấy hơi nóng. Gió giật đồng phục của tôi, bầu trời trên đầu tôi hình mái vòm vàng ệch. Âm thanh duy nhất vọng đến tai tôi át tiếng lửa réo xa xa là tiếng kính vỡ, tiếng la hét của những người không biết chạy đi đâu. Dù ít hay nhiều tôi mừng tượng địa ngục cũng sẽ như thế này. Bom đã ngừng rơi. Tôi đi dọc theo một con phố mà nó không còn là con phố nữa, chỉ là một dải nhựa đường chạy xuyên qua một vùng trống hoác với hàng đông đồ nát. Thứ duy nhất vẫn còn đứng vững trên “con phố” là một cái cây đen trĩu chĩa thẳng lên trời những ngón tay phù thủy. Và một ngôi nhà đang cháy phùng phùng. Đó là nơi vọng ra những tiếng thét. Khi đến gần tới mức hai lá phổi của tôi cháy sém theo từng hơi thở; tôi quay lại và cất bước về phía bên cạnh. Con bé đang ở đó. Một bé gái có đôi mắt đen thẫm vì quá khiếp đảm. Con bé giật giật áo khoác của tôi, gào thét đến lạc cả giọng khi tôi đi ngang qua.

“Meine Mutter! Meine Mutter!()”*

Tôi cứ đi tiếp đường mình, chẳng làm gì được nữa. Tôi thấy một bộ xương

người đang đứng trong ánh lửa sáng rực trên tầng thượng. Hai chân bị mắc kẹt vào hai bên bậu cửa sổ. Nhưng con bé tiếp tục đi theo tôi, gào thét những lời van xin tuyệt vọng để tôi giúp mẹ nó. Tôi cố gắng bước nhanh hơn, nhưng vòng tay bé bỏng của con bé giữ chặt lấy tôi, không chịu buông ra nên tôi kéo lê theo con bé đến biển lửa không lồ dưới chân chúng tôi. Chúng tôi tiếp tục đi, một đám rước lạ lùng, hai con người ràng buộc với nhau trên con đường cùng đến sự tuyệt diệt.

Tôi đã nức nở, phải, tôi đã nức nở; nhưng những giọt lệ cũng bốc hơi ngay khi xuất hiện. Tôi không biết ai trong hai chúng tôi là người dừng lại, nhưng tôi đã bế con bé lên. Và tôi quay lại mang theo con bé đến một khu nhà ở tập thể, quàng tấm chăn của tôi quanh người nó.

Sau đó tôi lấy hết đệm từ các giường khác, rồi nằm xuống bên cạnh con bé trên sàn nhà.

Tôi không bao giờ biết con bé tên gì, hay chuyện gì đã xảy ra cho nó, vì con bé đã biến mất trong đêm. Nhưng tôi biết con bé đã cứu mạng tôi. Tôi quyết định mình phải hy vọng.

Tôi thức dậy thì thấy một thành phố đang hấp hối. Vài đồng lửa vẫn còn cháy. Những tòa nhà ở bên cảng bị san bằng. Những con tàu đã đến mang theo đồ tiếp tế hoặc để sơ tán người bị thương nằm ngoài quận Aufienalster, không vào được vũng tàu đậu.

Trời tối rồi thủy thủ đoàn mới dọn được một chỗ để họ có thể bốc dỡ; vậy là tôi nhanh chân nhảy lên tàu. Tôi nhảy từ tàu này sang tàu khác cho đến khi tìm được đúng cái tôi đang tìm - chuyến đi đến Na Uy. Con tàu có tên là Anna và đang chở xi măng đến Trondheim.

Điểm đến này thích hợp với tôi vì tôi không hề hình dung các lệnh bắt đã mò tới được nơi ấy. Trật tự ngày thường của quân Đức đã bị hỗn loạn, một nơi những tuyến chỉ huy nói nhẹ là bị rối loạn. Quân hàm SS trên cổ áo còn trẻ, tôi dường như gây được một ấn tượng nhất định. Tôi chẳng gặp khó khăn gì khi lên tàu. Cả trong việc thuyết phục thuyền trưởng bằng các lệnh

tôi cho ông xem, ngụ ý rằng tôi phải tìm đường đến Oslo theo tuyến đường trực tiếp nhất có thể. Trong hoàn cảnh hiện thời, điều đó nghĩa là đi tàu Anna đến Trondheim sau đó đi xe lửa đến Oslo.

Chuyến đi mất ba ngày. Tôi xuống tàu, trình giấy tờ và được đi tiếp. Sau đó tôi đáp xe lửa đi Oslo. Toàn bộ chuyến đi mất bốn ngày.

Trước khi xuống xe lửa, tôi vào nhà vệ sinh và mặc vào người quần áo tôi đã lấy của Christopher Brockhard. Sau đó tôi đã sẵn sàng cho bài sát hạch đầu tiên. Tôi đi bộ lên phố Karl Johans. Trời ẩm và có mưa phùn. Hai cô gái tiến đến chỗ tôi, tay trong tay, cười khúc khích lớn tiếng khi tôi đi qua họ. Hỏa ngục ở Hamburg dường như đã cách xa bao nhiêu năm ánh sáng. Trái tim tôi rộn lên vui sướng, tôi đã quay về đất nước tôi hằng yêu thương, và tôi được sinh ra lần thứ hai.

Nhân viên lễ tân trong khách sạn Continental chăm chú xem giấy tờ tùy thân của tôi, trước khi nhìn tôi qua cặp kính.

“Chào mừng đến khách sạn Continental, ông Fauke.”

Khi tôi nằm ngửa trên giường trong phòng khách sạn màu vàng, nhìn chằm chằm lên trần nhà lắng nghe những âm thanh của thành phố ngoài kia, tôi tập đọc to cái tên mới trên đầu gối, Sindre Fauke.

Không quen lắm, nhưng tôi nhận ra rằng có lẽ, có thể nó sẽ được việc.

Nordmarka.

Ngày 12 tháng Bảy năm 1944.

... một người đàn ông tên là Even Juul. Ông ta dường như tin toàn bộ câu chuyện của tôi, giống những người ở hậu phương khác. Mà dù sao thì sao họ lại không nên thế nhỉ? Sự thật - rằng tôi đã chiến đấu tại Mặt trận phía Đông và đang bị truy nã vì tội giết người - thậm chí sẽ còn khó chấp nhận hơn nhiều chuyện tôi đào ngũ và quay về Na Uy qua ngã Thụy Điển. Họ đã kiểm tra thông tin với các nguồn tin và được xác nhận rằng một người có tên

là Sindre Fauke được báo cáo mất tích, có khả năng là đào ngũ sang Nga. Hệ thống của người Đức thật là có trật tự.

Tôi nói tiếng Na Uy khá chuẩn, tôi nghĩ đó là kết quả của việc tôi lớn lên tại Mỹ. Không ai nhận thấy rằng khi là Sindre Fauke tôi đã nhanh chóng bỏ được phương ngữ Gudbrandsdal. Tôi xuất thân từ một nơi nhỏ bé ở Na Uy. Nhưng ngay cả nếu có gặp ai đó tôi quen thời còn trẻ (Tuổi trẻ! Chúa tôi, mới chỉ ba năm trước mà tưởng như đã cả một đời rồi) xuất hiện thì tôi cũng chắc chắn rằng họ sẽ không nhận ra tôi. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn khác.

Điều làm tôi sợ hơn nhiều là ai đó có biết Sindre Fauke thật xuất hiện. Thật may mắn, hẳn ta xuất thân từ một nơi còn cách biệt hơn cả tôi, nếu điều đó xảy ra. Nhưng dĩ nhiên hẳn cũng có họ hàng có thể nhận ra hẳn.

Tôi đi quanh mà cứ nghiên ngẫm những điều này. Do vậy tôi vô cùng ngạc nhiên khi hôm nay họ ra lệnh cho tôi xử lý một người anh theo Dân tộc Thống nhất của tôi (của Fauke). Đó là để thử xem tôi thực sự đổi phe hay tôi là kẻ thâm nhập. Daniel và tôi suýt phá lên cười - như thể chính chúng tôi khám phá ra điều này vậy. Họ quả đã yêu cầu tôi loại bỏ những kẻ có thể đi tố tôi! Tôi biết thừa là đám chỉ huy của bọn lính giả hiệu này nghĩ rằng việc gia đình tàn sát nhau là đi hơi quá xa, vì họ ở trong khu rừng an toàn này không quen với sự tàn bạo của chiến tranh. Nhưng tôi đã quyết định làm theo lời họ ngay trước khi họ đổi ý. Ngay sau khi trời tối, tôi sẽ xuống thành phố và lấy khẩu súng giấu cùng bộ quân phục của tôi trong ngăn hành lý cất tại nhà ga, rồi bắt đúng chuyến xe lửa vào cái đêm tôi đã bắt đẽ đến đây. Tôi biết tên của ngôi làng gần nhất đến trang trại của Fauke, thế nên tôi chỉ cần hỏi...

Oslo.

Ngày 13 tháng Năm năm 1945.

Một ngày lạ lùng nữa. Đất nước vẫn đang miên man trong cơn sốt giải

phóng và hôm nay thái tử Olav tới Oslo cùng phái đoàn nội các. Tôi chẳng màng ra bến cảng xem, nhưng nghe nói “phần nửa” Oslo đã tập trung tại đó. Hôm nay tôi mặc quần áo thường dân cuộc bộ lên phố Karl Johans mặc dù những người “chiến hữu” của tôi không hiểu tại sao tôi lại không muốn khệnh khạng trong bộ quân phục Kháng chiến, và được chào đón như anh hùng. Đây được cho là sự hấp dẫn ghê gớm đối với thiếu nữ thời đó. Phụ nữ và quân phục - nếu tôi không nhầm thì hồi năm 1940 họ cũng thường thích chạy theo những bộ quân phục xanh lá như thế.

Tôi tới gần Hoàng cung để xem thái tử có chường mặt ra ban công, nói một vài lời không. Nhiều người nữa cũng đã tụ tập tại đó. Khi tôi xuất hiện, lính gác đang đổi phiên. Một sự phô trương đáng khinh theo các tiêu chuẩn Đức. Nhưng mọi người vẫn đang reo hò.

Tôi có hy vọng rằng thái tử sẽ dội gáo nước lạnh xuống những người Na Uy được gọi là lương thiện này, những kẻ ngồi đó như khán giả thụ động suốt năm năm mà chẳng chịu nhấc một ngón tay cho cả hai bên rồi giờ đây gào thét đòi báo thù những kẻ phản bội. Thực ra thì tôi đã nghĩ thái tử Olav có thể hiểu chúng tôi, vì nếu tin đồn đúng, ông là người duy nhất ngoài nhà vua và chính phủ, bằng cách ngó ý ở lại với người dân Na Uy và cùng chia sẻ số phận của họ, đã cho thấy một chút sự gai góc trong thỏa ước đầu hàng này. Nhưng chính phủ đã can ngăn. Họ biết rất rõ rằng điều này sẽ khiến nhà vua và họ bị nhìn nhận là kỳ lạ, bỏ mặc thái tử ở lại Na Uy trong khi bản thân họ thì trốn chạy.

Phải, tôi có hy vọng rằng thái tử trẻ tuổi (còn biết mặc quân phục, không giống như “những vị thánh ngày nay”) có thể giải thích cho dân tộc những người lính Mặt trận phía Đông đã giành được những gì, nhất là vì chính mắt anh ta đã nhìn thấy mối nguy mà bọn Bôn sẽ vịch ở phía Đông đặt ra (và vẫn còn đặt ra) cho dân tộc chúng ta. Hồi đầu năm 1942, khi chúng tôi đang chuẩn bị ra Mặt trận phía Đông, người ta nói thái tử đã có những cuộc hội đàm với tổng thống Roosevelt bày tỏ mối quan ngại về các kế hoạch của

người Nga đối với Na Uy.

Cũng có vấy cờ, có một vài bài hát và tôi chưa từng thấy cây cối xanh hơn thế. Nhưng hôm nay thái tử đã không bước ra ngoài ban công. Thế nên tôi chỉ còn biết tự nhủ phải kiên nhẫn.

“Họ vừa gọi từ Vienna. Các đầu vôn tay giống nhau!”

Weber đứng bên ngưỡng cửa vào phòng khách.

“Tốt!” Harry nói với cái gật đầu chiếu lệ, vẫn cầm cúi đọc.

“Ai đó đã nôn trong thùng rác!” Weber nói. “Ai đó ốm rất nặng. Có nhiều máu hơn là chất nôn ra.”

Harry liếm ngón cái và lật tiếp sang trang kế. “Được.”

Im lặng.

“Nếu tôi còn có thể giúp gì...”

“Cảm ơn rất nhiều, Weber, nhưng cứ thế đã.”

Weber nghiêng đầu song vẫn không nhúc nhích.

“Cậu không nên mở đài báo động sao?” cuối cùng ông hỏi.

Harry ngẩng đầu lên, ném sang Weber cái nhìn lơ đãng.

“Tại sao?”

“Tôi biết thế chớ nào được,” Weber đáp. “Trên cơ sở không-cần-biết.”

Harry mỉm cười, có lẽ vì câu bình luận của tay cảnh sát già. “Không. Đó chính xác là lý do đây.”

Weber chờ thêm nữa, nhưng không thấy gì.

“Tùy cậu thôi, Hole. Tôi có mang theo khẩu Smith & Wesson. Được nạp đạn đầy đủ và thêm một băng đạn nữa đây. Bắt lấy nè!”

Harry ngược mắt lên đúng lúc chụp kịp bao súng ngắn đen Weber ném cho anh. Anh lấy khẩu súng ngắn ra. Súng đã được tra dầu, có lớp bóng mờ trên thép mới lau chùi sạch tinh. Dĩ nhiên rồi. Là súng của chính Weber.

“Cảm ơn đã giúp đỡ, Weber,” Harry nói.

“Bảo trọng nhé.”

“Tôi sẽ cố. Chúc một ngày tốt... lành nhé!”

Weber khịt mũi trước lời nhắc nhở. Khi ông lê bước ra khỏi căn hộ, Harry đã lại miệt mài trong chồng giấy.

Phản bội - phản bội - phản bội! Choáng váng, tôi ngồi đó, khuất trong hàng ghế cuối khi người phụ nữ của tôi được dẫn vào, ngồi xuống ghế dành cho bị cáo. Cô ta trao hân, Even Juul, nụ cười thoáng qua nhưng rõ ràng. Và chỉ nụ cười thoáng qua ấy cũng đủ cho tôi biết tất cả. Thế nhưng tôi vẫn ngồi đó, đóng đinh trong chiếc ghế dài, chẳng thể làm được gì ngoài nhìn và nghe. Và đau khổ. Tên dối trá đạo đức giả! Even Juul biết rất rõ Signe Aleaker là ai. Tôi chính là người đã nói cho hân nghe về cô ta. Khó mà trách hân. Hân nghĩ rằng Daniel Gudeson đã chết rồi, nhưng còn cô ta, cô ta đã thề thủy chung đến trọn đời. Phải rồi, tôi sẽ nói lại lần nữa: phản bội! Và thái tử đã không nói lời nào. Tại pháo đài Akershus họ đang bắn chết những người đã mạo hiểm mạng sống vì Na Uy. Tiếng vọng những phát súng lo lừng trong không trung phủ xuống thành phố trong một thoáng, rồi biến mất và mọi thứ còn tĩnh lặng hơn trước. Như thế chẳng xảy ra chuyện gì.

Tuần trước người ta bảo tôi rằng vụ án của tôi bị hủy bỏ; bao hành động anh hùng của tôi vượt xa những tội ác tôi đã phạm. Tôi phá lên cười cho đến khi những giọt nước mắt trào ra khi tôi đọc bì thư. Vậy là họ nghĩ vụ hành quyết bốn người nông dân tay không tác sắt tại Gudbrandsdalen là một hành động anh hùng, vượt hơn hân việc tôi phạm tội bảo vệ cho đất nước tôi tại Leningrad! Tôi ném thẳng cái ghế vào tường, bà chủ nhà chạy lên và tôi phải xin lỗi. Chuyện đó đủ làm người ta phát điên.

Ban đêm tôi đã mơ về Helena. Chỉ Helena thôi. Tôi phải cố quên đi. Và thái tử đã không nói một lời nào. Thật không chịu đựng nổi. Tôi nghĩ...

Olso.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Harry xem đồng hồ đeo tay lần nữa. Anh lật thêm vài trang cho đến khi mắt anh chợt dừng lại ở một cái tên quen thuộc.

Quán Schreder.

Ngày 23 tháng Chín năm 1948.

... một công việc kinh doanh có triển vọng tốt. Nhưng hôm nay những gì tôi lo sợ từ lâu đã xảy ra.

Tôi đang đọc báo thì nhận ra ai đó đang đứng ở bàn tôi quan sát tôi. Tôi ngược mắt lên và máu trong huyết quản tôi đông lại thành băng! Ông ta có phần tội tàn, tôi có thể thấy được. Quần áo ông ta sờn cả. Ông ta không còn giữ được dáng thẳng tắp, cứng cỏi như tôi còn nhớ. Một điều gì đó ở ông ta đã không còn. Nhưng tôi ngay lập tức nhận ra người tiểu đội trưởng cũ của chúng tôi, người đàn ông chỉ có một mắt.

“Gudbrand Johansen,” Edvard Mosken nói. “Lẽ ra cậu phải chết rồi chứ. Ở Hamburg người ta đồn thế.”

Tôi không biết phải nói gì hay phải làm gì. Tôi chỉ biết rằng người đàn ông ngồi trước mặt tôi đây có thể tuyên án tôi tội danh phản quốc hoặc tội giết người.

Miệng tôi hoàn toàn khô khốc khi cuối cùng tôi cũng nói được. Tôi đã nói vâng, tôi chắc chắn còn sống và để tranh thủ thời gian tôi đã nói rằng cuối

cùng tôi được đưa vào một bệnh viện quân y ở Vienna, với các chấn thương đầu và bị thương nặng ở chân. Chuyện gì đã xảy đến với ông ta? Ông ta nói rằng mình đã về nước và điều trị tại bệnh viện ở Sinsen, thật khôi hài làm sao khi đó đúng là bệnh viện lẽ ra tôi được gửi đến. Như hầu hết những người khác, ông ta cũng bị tuyên án ba năm, được thả sau khi đã thụ án hai năm rưỡi.

Chúng tôi tám một chút chuyện nọ chuyện kia. Và một lúc sau tôi bắt đầu thấy thoải mái. Tôi gọi cho ông ta một cốc bia và nói về cơ sở vật liệu xây dựng tôi điều hành. Tôi nói với ông ý của mình: đối với những người như chúng ta tốt nhất là tự mình mở cái gì đó, vì hầu hết các công ty đều từ chối tuyên mộ tính từng chiến đấu ở Mặt trận phía Đông (đặc biệt là các công ty có hợp tác làm ăn với người Đức trong chiến tranh).

“Còn anh thì sao?” Ông ta hỏi.

Tôi giải thích rằng việc gia nhập “đúng phe” chẳng giúp tôi được nhiều. Tôi vẫn còn mặc bộ quân phục Đức.

Mosken ngồi đó suốt thời gian vẫn giữ nguyên nụ cười nửa miệng trên môi, và đến cuối cùng ông ta không kèm chế được nữa. Ông ta bảo rằng ông ta đã cố gắng lần theo dấu tôi từ lâu lắm rồi, nhưng toàn bộ các dấu vết đã dừng ở Hamburg. Ông ta suýt bỏ cuộc thì một hôm nhận ra cái tên Sindre Fauke trong một bài báo về những người lính Kháng chiến. Việc đó lại làm ông ta thấy quan tâm; ông ta đã tìm ra nơi Fauke làm việc rồi gọi điện tới. Ai đó mách cho ông ta biết rằng có lẽ tôi đang ở quán Schreder.

Tôi thấy căng thẳng. Nhưng điều ông ta nói cực kỳ khác với những gì tôi đã hình dung.

“Tôi chưa bao giờ cảm ơn anh cho đúng vì đã ngăn Hallgrim Dale bắn chết tôi lần đó. Anh đã cứu mạng tôi, Johansen.”

Tôi nhún vai và há miệng nhìn chằm chằm để chuyện đó bớt trầm trọng. Tôi chỉ có thể làm được chừng ấy.

Mosken nói rằng tôi đã chứng tỏ là người có đạo đức khi cứu mạng ông ta.

Vì tôi có lý do chính đáng để mong cho ông ta chết. Nếu người ta phát hiện ra thi thể của Sindre Fauke, Mosken có thể làm chứng rằng có lẽ tôi là kẻ sát nhân. Tôi chỉ gật đầu. Sau đó ông ta nhìn tôi và hỏi tôi rằng tôi có sợ hãi ông ta không. Tôi nhận ra rằng mình chẳng còn gì để mất, bèn kể ông ta nghe toàn bộ câu chuyện chính xác như nó đã xảy ra.

Mosken lắng nghe, con mắt duy nhất chú mục vào tôi đôi lần để xem tôi có nói dối không, thỉnh thoảng ông ta lắc đầu, nhưng ông ta biết rõ rằng hầu hết câu chuyện là sự thật.

Kể xong, tôi gọi thêm hai cốc bia nữa và ông ta kể cho tôi nghe về mình. Vợ ông ta đã tìm được người đàn ông khác chăm sóc cho mình và đưa con trai khi ông ta ở trong tù. Ông ta hiểu. Có lẽ đó cũng là điều tốt nhất cho cả Edvard Junior nữa, khi không phải lớn lên cùng một kẻ phản bội như cha nó. Mosken dường như cam chịu. Ông ta nói mình muốn làm việc trong ngành vận tải, nhưng ông ta đã nộp đơn mà chẳng nhận được công việc nào dù chỉ là một chân lái xe.

“Tự mua một xe tải riêng đi!” tôi nói. “Anh cũng nên khởi nghiệp riêng đi.”

“Tôi vẫn chưa có đủ tiền làm thế!” ông ta nói, liếc mắt nhanh về phía tôi. Tôi có ý tưởng mơ hồ cuộc đối thoại này sẽ dẫn đến đâu. “Các ngân hàng thì không sốt sắng lắm với những cựu chiến binh từ Mặt trận phía Đông. Họ nghĩ tất cả chúng ta là một lũ lừa gạt.”

“Tôi có dành dụm được chút tiền,” tôi nói. “Anh có thể vay tôi một ít.”

Ông ta từ chối, nhưng tôi nói vấn đề này coi như xong.

“Dĩ nhiên tôi sẽ cộng thêm lãi suất. Điều đó thì hiển nhiên khỏi cần phải nói!” tôi nói và mặt ông ta tươi lên. Nhưng một lúc sau ông ta trở lại nghiêm nghị và nói như vậy thì quãng thời gian trước khi ông ta có thể thực sự ăn nên làm ra lại có thể trở nên tốn kém quá.

Nên tôi cam đoan với ông ta là mức lãi suất sẽ không quá cao, mang ý nghĩa tượng trưng hơn. Sau đó tôi gọi thêm một châu bia nữa và khi uống

xong, chúng tôi cùng ra ngoài và bắt tay nhau. Chúng tôi đã thỏa thuận xong.

Oslo.

Ngày 3 tháng Tám năm 1950.

... một lá thư đóng dấu bưu điện Vienna nằm trong hộp thư. Tôi để lá thư trên bàn bếp trước mặt và nhìn chăm chăm. Tên và địa chỉ của cô ấy được viết trên mặt sau phong bì. Tôi đã gửi một lá thư đến bệnh viện Rudoly II vào tháng Năm, hy vọng ai đó có thể biết Helena đang ở đâu trên thế giới và gửi đến đó. Phòng khi những con mắt tò mò có vô tình mở thư, tôi cũng chẳng viết gì có thể gây nguy hiểm cho cả hai chúng tôi, và dĩ nhiên tôi cũng chẳng viết tên thật của mình. Và dứt khoát là tôi không dám mong nhận được hồi âm. Mà tận trong sâu thẳm, tôi cũng chẳng biết mình muốn nhận được thư trả lời không, không, nếu như câu trả lời như tôi mong đợi. Đã kết hôn và làm mẹ một đứa bé. Không, tôi không muốn biết chuyện đó. Ngay cả cho dù đó là những gì tôi đã cầu chúc cho cô ấy, đó là những gì tôi đã cho phép cô ấy.

Lạy Chúa tôi, chúng tôi còn quá trẻ. Cô ấy chỉ mới mười chín tuổi. Và bây giờ, khi tôi cầm lá thư ấy trong tay, tất cả bỗng đâu như không thật, như thể hàng chữ viết tay nắn nót trên phong bì chẳng thể nào liên quan đến Helena tôi đã mơ tưởng suốt sáu năm trời. Tôi mở thư với những ngón tay run run, ép mình phải mong chờ điều tôi tệ nhất. Đó là một lá thư dài và tôi đọc nó mới có vài tiếng trước mà giờ tôi đã thuộc nằm lòng.

Uriah thân yêu,

Em yêu anh. Thật dễ biết rằng em sẽ yêu anh đến cuối đời. Nhưng điều lạ lùng là có cảm giác như thể em cũng đã yêu anh cả cuộc đời em rồi. Khi em nhận được thư anh, em đã bật khóc vì hạnh phúc. Điều...

Harry đi vào bếp với bản thảo trong tay, tìm được cà phê trong tủ chén

trên bồn rửa. Anh đặt ấm cà phê lên bếp trong khi vẫn đọc. Về cuộc đoàn tụ hạnh phúc, dù cũng thật khó khăn và đau đớn tại một khách sạn ở Paris. Hôm sau họ đã đính hôn.

Từ đoạn này trở đi, Gudbrand viết ngày càng ít hơn về Daniel. Cuối cùng dường như người này đã hoàn toàn biến mất.

Thay vào đó ông ta viết về một cặp tình nhân rất hạnh phúc trong tình yêu mà, vì vụ sát hại Christopher Brockhard, vẫn cảm thấy hơi thở của những kẻ truy đuổi phả sau gáy mình. Hai người có những buổi hẹn hò bí mật ở Copenhagen, Amsterdam và Hamburg. Helena đã biết danh tính mới của Gudbrand. Nhưng liệu cô ấy có biết toàn bộ sự thật về vụ giết người ở Mặt trận phía Đông không, về vụ hành quyết tại trang trại nhà Fauke không? Có lẽ là không.

Họ đã đính hôn sau khi quân Đồng minh rời nước Áo. Đến năm 1955 cô rời khỏi đất nước mà cô tin chắc sẽ lại bị xâm chiếm một lần nữa, “bởi những tội phạm chiến tranh, những kẻ bài Do Thái và những kẻ cuồng tín không học được gì từ sai lầm của chúng.” Hai người định cư tại Oslo, nơi này Gudbrand vẫn sử dụng tên của Sindre Fauke, tiếp tục điều hành cơ sở kinh doanh nhỏ của mình. Cùng năm đó họ nhờ một linh mục Thiên Chúa làm lễ kết hôn cho mình trong một buổi lễ riêng tư, trong khu vườn ở Holmenkollveien. Tại đây họ vừa mua một ngôi nhà to, riêng rẽ bằng tiền Helena kiếm được từ việc bán cơ sở may mặc của cô ở Vienna. Họ sống hạnh phúc, Gudbrand viết như vậy.

Harry nghe thấy tiếng xeo xeo và ngạc nhiên thấy ấm cà phê đã sôi tràn ra ngoài.

Olso.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Bệnh viện Rikshospital.

Năm 1956.

Helena mất nhiều máu đến nỗi đã có lúc mạng sống của cô ấy như chỉ mảnh treo chuông. Thật may họ đã hành động mau lẹ. Chúng tôi đã mất đứa bé. Đương nhiên Helena không nguôi ngoai được dù tôi liên tục lặp đi lặp lại rằng cô ấy hãy còn trẻ, rằng chúng tôi còn nhiều cơ hội nữa. Tuy nhiên, bác sĩ thì không lạc quan như vậy. Ông ấy nói tử cung...

Bệnh viện Rikshospital.

Ngày 12 tháng Ba năm 1967.

Một đứa con gái. Con bé sẽ được đặt tên là Rakel. Tôi đã khóc và khóc mãi, Helena vuốt má tôi và nói Chúa có những phương cách...

Harry quay vào trong phòng khách. Anh đưa tay lên che mắt. Tại sao anh lại không thể lần ra mối liên hệ ngay khi thấy ảnh Helena trong phòng của Beatrice? Mẹ và con gái. Tâm trí anh chắc đang treo ở đâu đó. Có lẽ đúng là thế - tâm trí anh đã ở đâu đó. Anh trông thấy Rakel khắp nơi: trên con phố trong những khuôn mặt phụ nữ đi lướt qua, trên các kênh truyền hình khi anh chuyển kênh, đằng sau quầy trong quán cà phê. Nên sao anh lại phải

chú ý đặc biệt đến khuôn mặt cô trong tấm ảnh một phụ nữ xinh đẹp trên tường?

Anh có nên gọi cho Mosken yêu cầu xác nhận điều Gudbrand Johansen, tức Sindre Fauke, đã viết không? Có cần thiết không? Không phải bây giờ.

Anh lật qua trang bản thảo cho đến khi thấy đề mục ngày 5 tháng Mười năm 1999. Chỉ còn vài trang nữa. Harry cảm thấy hai lòng bàn tay mình rịn mồ hôi. Anh cảm thấy một thoáng điều tương tự cha của Rakel đã mô tả khi nhận được thư của Helena - sự miễn cưỡng khi cuối cùng phải đối mặt điều không thể tránh khỏi.

Oslo.

Ngày 5 tháng Mười năm 1999.

Tôi sắp chết rồi. Sau tất cả những gì tôi đã trải qua, thật kỳ lạ khi biết ra tôi sẽ được ban cho phát súng ân huệ là một căn bệnh thường thấy, như hầu hết mọi người. Tôi sẽ nói với Oleg và Rakel thế nào đây? Tôi đi bộ lên phố Karl Johans và cảm thấy cuộc đời này thân thương biết chừng nào, vậy mà tôi đã trải qua nó như một cuộc đời không đáng sống kể từ khi Helena mất. Không phải vì tôi không mong ngóng gặp lại em, Helena, mà vì tôi đã sao nhãng mục đích mình tồn tại trên Trái Đất quá lâu và bây giờ không còn nhiều thời gian nữa. Tôi bước lên đúng lối đi rải sỏi tôi đã đi ngày 13 tháng Năm năm 1945. Thái tử vẫn không chịu bước ra ngoài ban công mà nói rằng ông ta hiểu, ông ta hiểu tất cả những người khác trong hoạn nạn. Tôi không nghĩ ông ta sẽ đến. Tôi nghĩ ông ta đã phản bội chúng tôi.

Sau đó tôi lại ngủ thiếp đi, tựa vào một thân cây và mơ thấy một giấc mơ dài, lạ lùng như một khái thị. Và khi thức dậy, đồng chí cũ của tôi cũng thức dậy theo. Daniel đã quay lại. Và tôi biết cậu ấy muốn làm gì.

Chiếc Ford Escort rên rỉ khi Harry ép quá mạnh cần số để lùi số, liên tiếp sang số một rồi số hai. Nó gầm lên như một con mãnh thú bị thương khi anh

nhấn mạnh bàn đạp chân ga xuống sàn rồi giữ yên đó. Một người đàn ông mặc trang phục lễ hội Osterdal đang bước tới phần đường cho người đi bộ tại giao lộ giữa phố Vibes và phố Bogstadveien. Anh ta nhảy dựng lên và nhờ vậy vừa kịp tránh đầu lớp cao su mòn vẹt lên giò đi tất dài. Tại Hedgehaugsveien có một hàng xe đang chờ vào trung tâm thành phố, nên Harry chạy bên trái đường tay sẵn sàng bấm còi, hy vọng những chiếc xe đến sau tỉnh táo mà bẻ lái tránh sang bên. Anh vừa điều khiển cho xe vòng quanh lề đường bên ngoài quán cà phê Lorry, thì một bức tường màu xanh nhạt choán cả trường nhìn của anh. Xe điện!

Không kịp dừng lại nữa, Harry bẻ quặt tay lái, siết nhẹ chân phanh để lùi xe cho thẳng, động xóc qua đá cuội cho đến khi đâm sầm vào xe điện, bên trái xe và bên trái tàu đụng nhau. Có một tiếng xoảng khi gương chiếu hậu biến mất, nhưng tiếng tay nắm cửa đang bị kéo lê theo bên hông tàu điện mới dài và đĩnh tai nhưc óc.

“Mẹ kiếp. Mẹ kiếp!”

Rồi anh thoát ra được, bốn bánh xe tự xoay tít rời khỏi đường ray tàu điện, bám vào được mặt đường nhựa, đẩy anh về phía những ánh đèn giao thông kế tiếp.

Xanh, xanh, vàng.

Anh lái xe tăng hết tốc lực, một bàn tay vẫn đề lên chính giữa tay lái, hy vọng hão huyền là tiếng còi xe không đáng kể sẽ thu hút được sự chú ý vào lúc 10 giờ 15 ngày 17 tháng Năm ở trung tâm Oslo. Rồi anh thắng kin kít, nhấn mạnh cả hai chân phanh và, khi chiếc Escort tuyệt vọng cố níu vào đất mẹ thì các hộp băng cassette, bao thuốc lá cùng Harry Hole liệng tới trước. Trán anh đập vào kính chắn gió khi chiếc xe dừng lại. Một bày trẻ em reo hò vây cờ tràn ra lối đi dành cho người đi bộ trước mặt anh. Harry đưa tay quẹt trán. Vườn thượng uyển ngay phía trước mặt, con đường lên Hoàng cung đen đặc người là người. Từ chiếc xe mui trần đứng trong hàng kế bên, anh nghe thấy tiếng radio và đài truyền thanh trực tiếp quen thuộc hằng năm.

“Và bây giờ trên ban công gia đình hoàng tộc đang vẫy tay chào đám rước trẻ em và từng đám đông đã tụ tập tại quảng trường Hoàng cung này. Mọi người đang reo hò, đặc biệt là dành cho thái tử nổi tiếng, vừa từ nước Mỹ trở về. Dĩ nhiên ngài là..!”

Harry nhả khớp ly hợp ra, nhấn ga và thẳng tiến đến lề đường trước mặt lối đi rải sỏi.

Olso.

Ngày 16 tháng 10 năm 1999

Tôi vừa bắt đầu cười lại. Dĩ nhiên là Daniel đang cười. Tôi không nói rằng một trong những việc đầu tiên cậu ấy làm khi thức dậy là gọi cho Signe. Chúng tôi đã dùng điện thoại trả tiền tại quán Schreder. Và chuyện này khôi hài một cách đau đớn đến mức nước mắt lại rơi.

Đêm nay lại lên kế hoạch nữa. Vấn đề vẫn là làm sao để có được loại vũ khí mà tôi cần.

Olso.

Ngày 15 tháng 11 năm 1999

... vấn đề dường như cuối cùng đã được giải quyết. Hấn đã xuất hiện: Hallgrim Dale. Không ngạc nhiên, giờ hấn khánh kiệt rồi. Tôi đã hy vọng ít nhất hấn sẽ không nhận ra tôi. Rõ ràng hấn đã nghe những lời đồn đại rằng tôi chết trong trận đánh bom Hamburg vì hấn nghĩ tôi là ma. Hấn nghi ngờ trò lừa phỉnh của tôi và đòi tiền để làm hấn câm miệng. Nhưng Dale mà tôi biết sẽ chẳng bao giờ biết giữ bí mật dù cho có tất cả tiền trên thế giới này đi nữa. Thế nên tôi lo cho chắc rằng tôi là người cuối cùng nói chuyện với hấn. Tôi cũng chẳng thấy sung sướng gì. Nhưng phải thừa nhận tôi cảm thấy chút hài lòng nhất định khi thấy những kỹ năng cũ của mình vẫn chưa mai một hoàn toàn...”

99

Oslo.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Oslo.

Ngày 8 tháng Hai năm 2000.

Suốt hơn năm mươi năm, Edvard và tôi đã gặp nhau sáu lần mỗi năm tại quán Schroder. Ngày thứ Ba đầu tiên của mỗi tháng thứ Hai, vào buổi sáng. Chúng tôi vẫn gọi đó là buổi họp ban tham mưu, như chúng tôi vẫn thường làm khi quán Schmdler còn ở Youngstorget. Tôi đã tự hỏi điều gì ràng buộc Edvard và tôi với nhau, xét vì chúng tôi khác biệt nhau đến thế. Có lẽ chỉ đơn giản là cùng chia sẻ số phận với nhau, cùng trải qua những sự kiện giống nhau. Cả hai chúng tôi cùng ở trên Mặt trận phía Đông, chúng tôi cũng cùng mất vợ và con cái chúng tôi đã trưởng thành. Tôi không biết nữa. Điều quan trọng nhất đối với tôi đó là tôi đã có được lòng trung thành tuyệt đối của Edvard. Đương nhiên, ông ta không bao giờ quên rằng tôi đã giúp ông ta sau chiến tranh, nhưng tôi còn giúp ông một tay những năm sau đó. Như vào cuối những năm 1960, khi thói nghiện rượu và cá ngựa của ông ta vượt tầm kiểm soát rồi khi ông ta suýt mất hết toàn bộ cơ sở kinh doanh xe tải, nếu không nhờ tôi trả hết các khoản nợ cờ bạc giùm ông ta.

Không, chẳng còn lại gì giống như người lính tuyệt vời tôi còn nhớ ở Leningrad. Tuy nhiên trong những năm gần đây, Edvard ít nhất cũng đã chấp nhận thực tế rằng cuộc sống không hẳn như ông ta nghĩ. Và ông ta đang cố tận dụng nó. Ông ta tập trung vào con ngựa của mình, không uống

rượu hút thuốc nữa; bằng lòng với việc truyền cho tôi những mảnh khoe của trò đua ngựa.

Mà nói về những mảnh khoe, chính ông ta đã mách tôi chuyện Even Juul thắc mắc Daniel còn sống hay đã chết. Cũng tối hôm ấy tôi gọi điện cho Even và hỏi có phải lão già quá đăm lăm cảm rồi không. Nhưng Even bảo tôi rằng vài ngày trước lão nhắc ông nghe chiếc điện thoại thứ hai họ để trong phòng ngủ, và nghe lỏm được một người đàn ông tự xưng Daniel đang dọa vợ lão sợ chết khiếp. Người đàn ông trên điện thoại nói rằng cứ vào những ngày thứ Ba hằng tuần, bà ta đều sẽ nhận được cuộc gọi của hắn. Even đã nhận ra các âm thanh của một quán cà phê. Bây giờ lão quyết định sẽ làm một vòng qua các quán cà phê tại Oslo mỗi thứ Ba cho đến khi tìm ra tên quấy rối qua điện thoại. Lão ta biết cảnh sát sẽ chẳng buồn giải quyết chuyện vặt này, và lão chẳng nói gì với Signe phòng trường hợp bà ta sẽ cản lão. Tôi phải cắn vào mu bàn tay để không phá lên cười khanh khách, và chúc lão ta may mắn, lão già ngu xuẩn.

Sau khi dọn vào căn hộ ở Majorstuen, tôi không còn gặp Rakel nhiều, nhưng chúng tôi đã nói chuyện qua điện thoại. Cả hai chúng tôi dường như đã mệt mỗi khi phải gây chiến với nhau rồi. Tôi đã thôi không giải thích với con bé những gì nó đã làm với tôi và mẹ nó, khi kết hôn với tên người Nga có cả nhà từng là Bôn sẽ vịch cũ.

“Con biết bố nghĩ đó là sự phản bội,” con bé nói. “Nhưng giờ chuyện đó đã lâu quá rồi mà. Chúng ta đừng nói về chuyện đó nữa đi.”

Chuyện đó không phải đã lâu quá rồi đâu. Chẳng thứ gì đã lâu quá rồi.

Oleg đã hỏi thăm sức khỏe và tình hình của tôi. Oleg là thằng bé ngoan. Tôi chỉ hy vọng nó không trở nên bướng bỉnh và ương ngạnh như mẹ nó. Con bé thừa hưởng đức tính đó của Helena. Hai mẹ con giống nhau đến mức khi viết những dòng này nước mắt tôi lại rơi.

Tôi đã mượn căn nhà gỗ của Edvard để dùng tạm vào tuần tới. Lúc đó tôi sẽ thử nghiệm khẩu súng trường. Hắn Daniel sẽ hạnh phúc lắm.

Hai bánh trước của xe Harry đâm lên lề đường, lực tác động truyền qua cả chiếc xe. Chiếc Escort bật tung lên không rất khó coi và bất thần hạ cánh xuống mặt cỏ. Có quá nhiều người trên lối đi, nên Harry đành chạy lên bãi cỏ. Xe anh loạng choạng, ngã nghiêng ở giữa hồ và bốn thanh niên quyết định ăn sáng trên một tấm chăn trong công viên. Trong gương anh nhìn thấy ánh đèn xanh nhấp nháy. Các đám đông đã tụ tập xung quanh phòng bảo vệ nên Harry dừng, xuống xe và chạy về phía dãy hàng rào bảo vệ quanh quảng trường Hoàng cung.

“Cảnh sát đây!” Harry quát lên khi anh chen lấn đi qua các đám đông. Những người ở phía trước đã thức dậy khi bình minh vừa ló dạng để chắc chắn nhìn thấy ban nhạc ở vị trí tốt nhất nên miễn cưỡng không muốn nhúc nhích. Khi anh nhảy phóc qua hàng rào, một nhân viên bảo vệ cố chặn anh lại. Harry sờ tay vào bên sườn khoe nhanh chiếc thẻ cảnh sát rồi loạng choạng tiến vào quảng trường rộng, sỏi dưới chân anh kêu lạo xạo. Anh quay lưng về phía đám rước trẻ em, nhà trẻ Slemdal và ban nhạc thanh niên Valerenga đúng lúc đó đang xếp hàng bên dưới ban công cung điện để biểu diễn bản nhạc ‘Tm Just a Gigolo’ lạc tông khủng khiếp. Trên ban công, gia đình hoàng tộc đang vỗ tay. Anh nhìn chăm chăm vào bức tường những gương mặt sáng bừng, tươi cười và những lá cờ màu trắng, đỏ và xanh. Đôi mắt anh quét qua những hàng người; những người lính lương hưu, các thợ ảnh, những ông bố công kênh các bé chập chững trên vai. Song không thấy Sindre Fauke. Không thấy Gudbrand Johansen. Không thấy Daniel Gudeson.

“Mẹ kiếp! Mẹ kiếp!”

Anh la hét vì hốt hoảng nhiều hơn vì điều gì khác.

Nhưng ngay đó, phía trước những hàng rào chắn, ít nhất anh cũng trông thấy một gương mặt mà anh quen. Đang mặc thường phục mà làm việc, cầm bộ đàm và đeo cặp kính râm phản quang. Vậy là cậu ta đã theo lời khuyên của Harry mà bỏ quán Scotsman để hỗ trợ những ông bố trong lực lượng cảnh sát.

“Halvorsen!”

Olso.

Ngày 16 tháng 5 năm 2000

Signe chết rồi. Ba ngày trước bà ta đã bị hành hình như một kẻ phản bội, với một viên đạn xuyên qua trái tim giả trá. Vì đã ở bên cậu ấy suốt một thời gian dài rồi, tôi ngộp ngừng khi Daniel chia tay tôi sau khi phát súng bắn ra. Cậu ấy bỏ tôi lại trong sự bối rối cô độc. Tôi cho phép những nghi ngờ len lỏi vào và trải qua một đêm khủng khiếp. Căn bệnh cũng không giúp gì được. Tôi uống hết ba viên thuốc bác sĩ Bauer bảo tôi phải uống một viên nhưng cơn đau vẫn không thể chịu đựng nổi. Đến cuối cùng tôi cố gắng ngủ và ngày hôm sau Daniel quay trở lại với thể lực mới mẻ. Đó là giai đoạn áp chót và bây giờ chúng tôi dần dĩ dần bước.

Hồi nam nhi quây quần bên đống lửa, nhìn đuốc vàng sáng rực, giục binh sĩ ngắm bắn cao hơn nữa, nguyện đem thân đứng lên chiến đấu.

Nó đang đến gần, cái ngày Đại Phản Bội sẽ bị báo thù. Tôi không sợ hãi.

Điều cốt yếu là phải làm cho công chúng biết đến Sự Phản Bội. Nếu nhật ký này vào sai tay người, có thể nó sẽ bị thiêu hủy hoặc giữ kín để tránh phản ứng của dư luận. Vì lý do an toàn, tôi cũng đã cung cấp những đầu mối cần thiết cho tay cảnh sát trẻ ở POT. Vẫn chưa chắc cậu ta thông minh đến mức nào, nhưng trực giác mách bảo tôi rằng ít nhất cậu ta là một người liêm chính.

Những ngày cuối cùng thật xúc động.

Nó đã bắt đầu vào ngày tôi quyết định mình sẽ tính sổ với Signe. Tôi vừa

gọi điện đến nói rằng tôi sẽ đến tìm bà ta rồi bước ra khỏi quán Schroder thì thấy mặt của Even Juul qua cửa kính quán cà phê bên kia con phố. Tôi giả vờ không nhìn thấy lão ta, vờ bước tiếp. Nhưng tôi biết lão ta sẽ suy ra được khi đã nghĩ thấu đáo mọi chuyện.

Ngày hôm qua tay cảnh sát gọi cho tôi. Tôi không nghĩ những đầu mối tôi cung cấp cho cậu ta rõ ràng đến mức cậu ta biết cách lắp ráp chúng với nhau ra sao trước khi tôi hoàn thành sứ mệnh. Nhưng hóa ra cậu ta lại lần theo dấu Gudbrand Johansen đến Vienna. Tôi biết mình phải tranh thủ thời gian, ít nhất bốn mươi tám giờ, nên tôi kể cho cậu ta một câu chuyện về Even Juul mà tôi nghĩ ra, phòng trường hợp chuyện sẽ diễn ra chính xác như thế. Tôi bảo cậu ta rằng Even là một linh hồn đau khổ tội nghiệp, rằng Daniel đã trú ngụ trong tâm hồn lão ta. Thứ nhất, câu chuyện sẽ làm như thể Juul đứng đằng sau mọi chuyện. Kế cả vụ giết Signe, Thứ hai, nó sẽ khiến cho vụ tự sát tôi đã lập kế hoạch cho Juul trong lúc này đáng tin cậy hơn.

Khi tay cảnh sát ra về, tôi bắt tay vào việc ngay lập tức. Hôm nay dường như Even Juul không quá ngạc nhiên khi mở cửa và thấy tôi trên bậc thềm ngoài. Tôi không biết liệu lão có phát hiện ra được hoặc chỉ đơn giản là không có khả năng tỏ ra ngạc nhiên nữa. Trông lão ta như chết rồi. Tôi dí dao vào cổ họng lão và cam đoan với lão ta rằng chỉ cần lão đi một bước sai lầm thôi, tôi sẽ cắt cổ lão ta dễ ợt như tôi đã làm với con chó của lão. Để chắc chắn lão ta hiểu ý tôi muốn nói, tôi mở túi rác mang theo và cho lão xem con vật. Chúng tôi lên lầu đến phòng ngủ của lão ta, đến nơi lão ta sẵn sàng cho phép tôi đặt lão ngồi xuống ghế. Lão ta cột sợi dây dắt chó lên cái móc trên trần nhà.

“Tôi không muốn cảnh sát có thêm manh mối nào nữa cho đến khi chuyện này xong xuôi, nên chúng ta phải làm chuyện này trông như một vụ tự sát!” tôi nói. Nhưng lão ta không phản ứng, lão có vẻ thản nhiên. Biết đâu được, có lẽ tôi đang gia ơn cho lão?

Sau đó, tôi lau hết dấu vân tay và bỏ túi rác chứa con chó vào trong thùng

lạnh, mấy con dao cho vào trong hầm rượu. Mọi thứ đều đầu vào đáy và tôi vừa kiểm tra lại phòng ngủ lần cuối thì nghe thấy tiếng sỏi nghiền lạo xạo và thấy một xe cảnh sát trên đường. Nó đang đậu, như thể đang chờ điều gì đó. Tôi biết mình đang ở nơi nguy hiểm.

Dĩ nhiên Gudbrand thấy hốt hoảng, nhưng may mắn là Daniel đã hành động rất nhanh.

Tôi chộp chùm chìa khóa từ hai phòng ngủ khác, một trong số đó khớp với căn phòng nơi Even đang bị treo cổ. Tôi để chìa khóa xuống sàn bên trong cửa, rút chìa khóa ban đầu ra khỏi ổ khóa rồi dùng nó để khóa cửa từ bên ngoài. Sau đó tôi thay nó bằng chìa khóa không khớp và để lại nó trong ổ khóa. Cuối cùng, tôi tra chìa khóa gốc vào cửa phòng ngủ khác. Việc này xong xuôi chỉ mất vài giây. Sau đó tôi thản nhiên đi xuống tầng trệt gọi vào số di động của Harry Hole.

Phút sau thì cậu ta bước vào.

Cho dù tôi cảm thấy tiếng cười đang lục đục trong bụng, tôi nghĩ mình cũng đã làm được vẻ mặt ngạc nhiên, có lẽ vì tôi có ngạc nhiên chút. Thực ra thì tôi đã từng gặp một tay cảnh sát trong số đó rồi. Đêm đó trong Vườn thượng uyển. Nhưng tôi không nghĩ hẳn ta nhận ra tôi. Có lẽ người hôm nay hẳn thấy là Daniel. Và, PHẢI, tôi có nhớ lau sạch dấu vân tay trên mấy chìa khóa.

“Harry! Anh đang làm gì ở đây thế? Có chuyện gì à?”

“Nghe này, dùng bộ đàm của cậu gọi cho...”

“Hả?”

Ban nhạc trống trường BolteLakka đang diễu hành ngang qua.

“Tôi nói là gọi cho...” Harry gào lên.

“Cái gì?” Halvorsen gào lại.

Harry giật chiếc bộ đàm trên tay cậu ta.

“Nghe cho kỹ này, tất cả mọi người ngoài kia. Hãy để mắt tìm một người đàn ông, bảy mươi tuổi, cao 1m75, mắt xanh, tóc bạc. Ông ta có thể có vũ

trang, lặp lại là có vũ trang và cực kỳ nguy hiểm. Có lý do để nghi ngờ một vụ mưu sát nên phải kiểm tra hết các cửa sổ mở và mái nhà trong khu vực. Tôi lặp lại..!”

Harry lặp lại thông điệp trong khi Halvorsen nhìn anh chăm chăm, miệng há hốc. Khi nói xong, Harry ném trả lại bộ đàm cho cậu ta.

“Giờ việc của cậu là cho hủy ngày 17 tháng Năm đi, Halvorsen.”

“Anh vừa nói gì?”

“Cậu đang trực. Còn tôi thì trông giống như... một thằng say ấy. Họ không chịu lắng nghe tôi đâu.”

Halvorsen chú mục vào cái cằm râu ria lởm chởm của Harry, áo sơ mi nhàu nát, hàng cúc xộc xệch và đôi chân không tất trong giày.

“Họ là ai?”

“Vẫn chưa hiểu tôi đang nói chuyện gì hay sao?” Harry gào lên, ngón tay run run chỉ tay lên phía trên.

Olso.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Sáng hôm nay, một cự li bốn trăm mét. Tôi đã từng xoay sở được chuyện đó. Những khu vườn rồi sẽ tươi tắn và xanh ngắt, không còn cái chết. Nhưng tôi đã dọn đường cho viên đạn. Một cái cây chết trụi lá. Viên đạn sẽ từ trên trời rơi xuống. Giống như ngón tay của Chúa – nó sẽ chỉ ra kết cục của kẻ phản bội. Ai ai cũng sẽ thấy điều Người làm đối với những kẻ không có trái tim trong sáng. Kẻ phản bội nói rằng hắn yêu đất nước mình, nhưng hắn đã rời bỏ đất nước. Hắn rời bỏ chúng tôi mà cứu lấy mình trước những kẻ xâm lược từ phía Đông để rồi sau đó hắn lại gán cho chúng tôi là những kẻ phản bội.

Halvorsen chạy về phía lối vào Hoàng cung trong khi Harry vẫn đứng ở quảng trường Lộ thiên, đi vòng vòng như kẻ say. Phải mất một vài phút mới giải tán được ban công hoàng gia. Những người quan trọng hẳn sẽ phải đưa ra quyết định trước và giải thích sau, Ta không thể hủy bỏ ngày 17 tháng Năm, chỉ vì một tay cảnh sát nhà quê đã nói chuyện với một đồng nghiệp đáng ngờ. Ánh mắt anh quét qua đám đông, ngược xuôi, mà không hẳn biết mình đang tìm cái gì.

Nó sẽ từ trên trời xuống.

Anh ngược nhìn lên. Những cái cây xanh ngắt. Không còn cái chết nữa. Chúng thật cao và tán lá rậm đến mức ngay cả với những ống ngắm súng trường tốt cũng không thể ngắm bắn từ các nhà gần kề.

Harry nhắm mắt lại. Đôi môi anh mấp máy. *Giúp tôi với, Ellen.*

Tôi đã dọn đường.

Tại sao hai người thợ làm vườn của Hoàng cung lại ngạc nhiên đến thế khi anh đi qua họ, ngày hôm qua? Cái cây. Nó chẳng có tí lá nào. Anh lại mở mắt ra, nhìn qua những ngọn cây và nó kia rồi: cây sồi màu nâu đã chết. Harry cảm thấy tim mình lại bắt đầu đập thành thịch. Anh quay người lại, suýt va phải đội trưởng đội trồng rồi chạy lên phía Hoàng cung. Khi tới được đường từ ban công đến cái cây, anh dừng lại. Đôi mắt nhìn theo đường thẳng đến cái cây. Phía sau những cành cây trụi lũi sừng sững một hình khối màu xanh khổng lồ đóng băng bằng kính. Khách sạn SAS. Dĩ nhiên rồi. Quá dễ dàng. Một viên đạn. Sẽ chẳng có ma nào để ý mỗi một phát súng bắn vào ngày 17 tháng Năm. Sau đó hấn thản nhiên bước vào trong khu vực tiếp tân bận rộn rồi lại tiến ra những con phố đông đúc và biến mất. Còn sau đó? Chuyện gì xảy ra sau đó?

Giờ không thể suy nghĩ đến chuyện đó được; phải hành động thôi. Phải hành động. Nhưng anh thấm mệt rồi. Thay vì cảm thấy phấn khích Harry lại chợt cảm thấy cái thôi thúc muốn đi khỏi, quay về nhà, đánh một giấc và thức dậy thấy một ngày mới mà tất cả mọi chuyện này chỉ là một giấc mộng. Anh bừng tỉnh vì tiếng còi hụ của một chiếc xe cứu thương đi qua tại Drammensveien. Âm thanh xuyên thủng tiếng ban nhạc kèn đồng.

“Mẹ kiếp. Mẹ kiếp!”

Anh vùng chạy.

Radisson Sas.

Ngày 17 tháng 5 năm 2000

Lão già đang ngồi tựa người vào cửa sổ, hai chân co lên, cầm khẩu súng bằng cả hai tay, tai lắng nghe tiếng còi xe cứu thương chìm dần đằng xa. *Quá muộn rồi, lão nghĩ. Ai cũng sẽ chết.*

Lão lại nôn nữa rồi. Phần nhiều là máu. Con đau đã vắt kiệt sự tỉnh táo của lão và sau đó lão nằm gập người trên sàn, đợi chờ những viên thuốc phát huy tác dụng. Bốn viên cả thảy. Con đau đã dịu đi với một nhát đâm chí mạng cuối cùng nhắc lão nó sẽ sớm quay lại, và phòng tắm đã trở lại với những tỷ lệ bình thường. Một trong hai phòng tắm. Có jacuzzi. Hay nó là phòng tắm hơi nhỉ? Mà dù sao cũng có một ti-vi, lão bật nó lên. Có những bài ca ái quốc, có bài quốc ca, những phóng viên ăn diện sặc sỡ trên kênh nào cũng tường thuật về đoàn diễu hành trẻ em.

Giờ lão đang ngồi trong phòng khách, mặt trời treo trên trời như một quả pháo sáng to đùng, chiếu sáng mọi thứ. Lão biết lão không nên nhìn thẳng vào pháo sáng, vì sẽ bị quáng gà. Bạn sẽ không thể nhìn thấy những tay súng bắn tia Nga đang trườn qua tuyết trong vùng trung lập.

Mình thấy hấn rồi, Daniel thì thầm. Hướng một giờ, trên ban công ngay phía sau cái cây chết.

Cây cối ư? Trong khung cảnh hố bom này chẳng có cái cây nào cả.

Thái tử đã bước ra ngoài ban công, nhưng ông ta chẳng nói gì.

“Hấn sẽ thoát!” Một giọng nói nghe như giọng của Gudbrand quát lên.

Không, hắn sẽ không thoát đâu, Daniel nói. Không một tên Bôn sê vích chết tiệt nào thoát được cả. “Hắn biết ta đã thấy hắn, hắn đang bò xuống chỗ trũng kia.”

Không, không đâu.

Lão già gác khẩu súng lên gờ cửa sổ. Lão đã dùng tua vít thêm khe hở được phép. Cô gái ở quầy tiếp tân đã nói với lão những gì lần đó? Nó nhằm ngăn các vị khách “có những ý tưởng đại dột.” Lão nhìn qua ống ngắm súng trường. Người dưới kia trông bé như con kiến. Lão chỉnh tầm bắn. Bốn trăm mét. Bắn từ trên và bắn ở dưới, ta phải tính đến chi tiết là sức hút tác động lên đạn khác nhau; đường đạn của nó khác với đường đạn khi bắn trên mặt phẳng. Nhưng Daniel biết điều đó, Daniel biết mọi thứ.

Lão nhìn đồng hồ đeo tay: 10 giờ 45 phút. Đến lúc để cho chuyện đó xảy ra rồi. Lão kê má vào báng khẩu súng trường lạnh ngắt, nặng nề. Bàn tay trái của lão đặt trên nòng súng hơi xuôi xuống dưới. Lão nheo mắt trái. Lan can trên ban công lấp đầy kính ngắm. Sau đó là những chiếc áo choàng đen, những chiếc mũ chóp cao. Lão đã thấy gương mặt mình đang tìm kiếm. Chắc chắn có một sự tương đồng rõ rệt. Cũng là gương mặt thanh niên ấy vào năm 1945.

Daniel đã trở nên trầm lặng hơn và ngắm bắn. Gần như không còn làn hơi lạnh nào phả ra từ miệng lão nữa.

Phía trước ban công, ngoài tầm ngắm, cây sồi chết chĩa những ngón tay phù thủy đen đúa lên trời. Một con chim đậu trên cành cây. Ngay trong làn đạn. Lão già căng thẳng nhấp nhôm. Lúc này không thấy nó ở đó. Rồi nó sẽ sớm bay đi thôi.

Lão bỏ súng xuống hít làn không khí trong lành vào hai lá phổi nhúc nhối

• • •

Kịch-Kịch

Harry đánh rầm rầm xuống tay lái, vặn chìa khóa khởi động lại một lần nữa.

Kịch-Kịch

“Khởi động đi, đồ khốn kiếp! Bằng không thì ngày mai tao cho mày ra bãi rác đấy.”

Chiếc Escort khởi động với một tiếng gầm và chồm lên, bắn tung cỏ và đất. Anh ngoặt gấp sang bên phải cạnh hồ.

Đám thanh niên đang nằm dài trên chăn nâng chai bia lên chúc mừng Harry khi xe anh chao đảo tiến về phía khách sạn SAS. Với động cơ đang rít ở số một và tay đặt sẵn trên còi, anh dễ dàng dẹp đường qua đám đông xuống lối đi rải sỏi. Nhưng cạnh một nhà trẻ ở phía cuối, một chiếc xe đẩy trẻ con bất ngờ xuất hiện từ sau một cái cây. Anh lạng xe sang bên trái, bẻ quặt tay lái sang bên phải rồi phanh kít lại chỉ vừa kịp tránh đâm vào hàng rào trước các nhà kính. Chiếc xe trượt sang ngang vào đường Wergelandsveien, trước mặt một chiếc taxi treo lá cờ Na Uy nhỏ và một cành cây trang trí khung lưới bộ tản nhiệt. Tay lái taxi vội nhấn phanh nhưng Harry đã nhấn ga len qua xe cộ đang tới, tiến vào phố Holbergs.

Anh phanh xe lại trước cánh cửa xoay của khách sạn và phóng ra. Khi anh chạy vọt chân lên cở vào khu lễ tân đông nghẹt người, ngay lập tức có một khoảnh khắc im lặng, ai cũng đang tự hỏi có phải họ đang được chứng kiến một trải nghiệm độc đáo không. Nhưng đó chỉ là một gã say mèm vào ngày 17 tháng Năm. Họ đã từng thấy chuyện này và thanh âm rào rào một lần nữa vang lên. Harry phóng qua phòng đến một trong những “đảo” lộ bịch.

“Chào buổi sáng!” một giọng nói cất lên. Cặp lông mày nhướn lên dưới mái tóc vàng quăn giống tóc giả dò xét anh từ đầu tới chân. Harry nhận ra bảng tên của cô ta.

“Betty Andresen, những gì tôi sắp nói với cô bây giờ không phải là đùa không đúng lúc đâu, nên nghe cho kỹ này. Tôi là cảnh sát và cô đang chứa

một sát thủ trong khách sạn.”

Betty Andresen ngắm nghĩa người đàn ông cao lớn, ăn vận xộc xệch với đôi mắt đỏ ngầu mà khá dễ hiểu khi cô cho rằng hoặc hấn say hoặc hấn bị điên, hoặc cả hai. Cô ta xem xét tấm thẻ cảnh sát anh giơ lên trước mặt mình. Cô ta dò xét anh thêm lần nữa. Thật kỹ.

“Tên,” cô ta nói.

“Tên lão ta là Sindre Fauke.”

Những ngón tay cô ta múa trên bàn phím. “Xin lỗi, ở đây không ai có cái tên đó.”

“Mẹ kiếp! Thử Gudbrand Johansen xem.”

“Gudbrand Johansen cũng không có, thanh tra Hole. Có lẽ nhầm khách sạn chẳng?”

“Không! Ông ta ở đây, lúc này ông ta đang ở ngay trong phòng đấy.”

“Vậy anh đã nói chuyện với ông ta rồi chứ?”

“Chưa. Chưa, tôi... giải thích thì mất nhiều thời gian lắm!”

Harry đưa bàn tay lên vuốt mặt. “Xem nào. Tôi phải nghĩ đã. Hấn là ông ta ở trên tầng cao. Trên đó có bao nhiêu tầng?”

“Hai mươi một.”

“Có bao nhiêu phòng trong số đó khách chưa trả chìa?”

“Khá nhiều, tôi e là vậy.”

Harry vung cả hai tay lên, nhìn cô ta chăm chăm. “Dĩ nhiên rồi,” anh lẩm nhẩm. “Đây là việc của Daniel mà.”

“Xin lỗi tôi chưa nghe rõ?”

“Vui lòng kiểm tra Daniel Gudeson.”

• • •

Chuyện gì sẽ xảy ra sau đó? Lão già không biết. Sau đó chẳng có chuyện gì cả. Ít nhất thì cho đến giờ cũng chẳng có chuyện gì. Lão đã để bốn viên đạn

lên bậu cửa sổ. Lớp kim loại mờ mờ màu nâu hoe vàng phản chiếu tia nắng mặt trời.

Lão lại nhìn qua kính ngắm súng trường, Con chim vẫn đậu ở đó. Lão nhận ra nó. Chúng có cùng một tên. Lão hướng kính ngắm về phía những đám đông. Quét qua những hàng người tại các hàng rào chắn. Dừng lại khi lão trông thấy cái gì đó quen thuộc. Có thật đó là...? Lão tập trung kính ngắm. Đúng rồi, không nghi ngờ gì nữa, đó là Rakel. Con bé đang làm cái gì ở quảng trường Hoàng cung thế nhỉ? Còn có cả Oleg nữa. Thằng bé dường như đang chạy ra từ đám rước trẻ em. Rakel nhắc bổng thằng bé qua hàng rào chắn với hai cánh tay vươn dài. Con bé thật mạnh mẽ. Đôi bàn tay mạnh mẽ. Giống hết mẹ nó. Bây giờ hai mẹ con đang bước tới chỗ phòng báo vệ. Rakel nhìn đồng hồ đeo tay. Con bé có vẻ như đang đợi ai đó. Oleg đang mặc chiếc áo lạnh lão đã tặng nó vào dịp Giáng sinh. Rakel đã nói rằng Oleg gọi nó là áo lạnh của ông ngoại. Chiếc áo trông có vẻ đã bắt đầu hơi ngắn đi rồi.

Lão già cười tủm tỉm. Có lẽ lão sẽ phải mua cho nó chiếc khác vào mùa thu.

Những cơn đau lại đến lần này không báo trước, lão thở hên hên tuyệt vọng lấy hơi.

Pháo sáng đang lặn xuống, những cái bóng khom khom của chúng trườn về phía lão dọc theo thành hào.

Mọi thứ trở nên tối đen, nhưng ngay khi lão cảm thấy mình đang trượt về phía bóng đen, những cơn đau lại buông tay. Khẩu súng trượt xuống sàn nhà, mồ hôi làm áo sơ mi của lão dính bết vào người.

Lão ngồi thẳng dậy, đặt lại khẩu súng lên gờ cửa sổ. Con chim đã bay đi. Lão có một đường bắn rõ ràng. Khuôn mặt thanh xuân lại lấp đầy kính ngắm tầm xa. Thái tử đã học hành. Và Oleg cũng nên thế. Đó là điều cuối cùng lão đã nói với Rakel. Đó là điều cuối cùng lão nói với chính mình trước khi bắn chết Brandhaug. Rakel đã không có nhà cái ngày lão ghé qua

Holmenkollveien để lấy vài cuốn sách, nên lão tự vào nhà và tình cờ thấy phong bì nằm trên bàn có tiêu đề đại sứ quán Nga. Lão cầm lên đọc rồi đặt xuống, nhìn chằm chằm ra vườn qua cửa sổ. Lão nhìn những bông tuyết đang nằm đó sau trận mưa rào, những cơn đau dữ dội cuối cùng của mùa đông.

Sau đó lão lục qua các hộp bàn khác cho đến khi tìm thấy những lá thư khác có tiêu đề đại sứ quán Na Uy. Cả các lá thư không có tiêu đề, viết trên khăn ăn và giấy xé ra từ những cuốn sổ tay, có chữ ký của Bernt Brandhaug. Và lão đã nghĩ đến Christopher Brocldiard.

Tối nay không thằng chó Nga nào dám bắn vào phiên gác của bọn mình đâu. Lão già nhả chót an toàn. Lão cảm thấy bình thần đến lạ lùng. Lão vừa nhớ lại mình đã cắt cổ Brockhard dễ dàng đến thế nào. Và bắn chết Bernt Brandhaug. Chiếc áo lạnh của ông ngoại, một chiếc áo lạnh mới của ông ngoại. Lão thở hết ra luồng khí trong phổi, ngón tay lão co lại quanh cò súng.

• • •

Với chiếc thẻ từ mở được mọi phòng trong tay, Harry làm cú tắc bóng trượt tới thang máy, kẹp thò một chân vào giữa hai cánh cửa đang khép. Cửa thang máy lại mở ra. Những khuôn mặt kính ngạc nhìn anh khi anh đứng lên.

“Cảnh sát đây!” Anh hét. “Tất cả ra ngoài!”

Như thể nhà trường rung chuông báo giờ ăn trưa, nhưng một người đàn ông ở độ năm mươi để chòm râu dê đen nhánh, bộ com lê sọc xanh, một dải ruy băng ngày 17 tháng Năm dày gắn trên ngực áo, một lớp gàu mỏng vương trên hai vai áo, vẫn đứng im tại chỗ.

“Chúng tôi là những công dân Na Uy, anh bạn à, và đây không phải nhà nước cảnh sát!”

Harry bước vòng qua người đàn ông vào thang máy, nhấn số tầng 21. Nhưng râu dê vẫn chưa nói xong.

“Cho tôi biết một lý do chính đáng tại sao người trả thuế như tôi lại phải chịu đựng...” Harry rút ra khẩu Smith & Wesson của Weber từ bao súng khoác qua vai. “Tôi có sáu lý do chính đáng trong này đây, người trả thuế. Cút!”

• • •

Thời gian trôi thật nhanh, không lâu nữa sẽ là một ngày mới. Đến khi trời sáng, chúng ta sẽ thấy hẳn rõ hơn, để nhìn xem hẳn là bạn hay thù.

Kẻ thù, kẻ thù. Dù có quá sớm hay không, mình sẽ tóm được hẳn.

Chiếc áo lạnh của ông ngoại

Chết tiệt, sau đó thì sẽ chẳng còn gì nữa.

Khuôn mặt trong ống ngắm trông nghiêm nghị. Mím cười đi, nhóc.

Phản bội, phản bội, phản bội.

Giờ thì cò súng đã được kéo ra sau đến mức không còn lực cản nữa, cái ngưỡng nằm đâu đó trong vùng trung lập. Đừng suy nghĩ về tiếng ồn và cái giạt, chỉ việc siết cò, cứ để nó đi đâu thì đi.

Tiếng nổ lớn khiến lão hoàn toàn bất ngờ. Trong một tích tắc, tất cả hoàn toàn tĩnh lặng. Rồi tiếng vọng vang rền và làn sóng âm thanh phủ xuống thành phố rồi sự tĩnh lặng bất ngờ của hàng nghìn âm thanh mất hẳn vào đúng khoảnh khắc này.

• • •

Harry đang lao qua các hành lang trên tầng hai mươi một thì nghe thấy tiếng nổ.

“Mẹ kiếp!” anh thở phì phì.

Các bức tường tiến về phía anh, chạy qua anh cả hai bên khiến anh có cảm tưởng như mình đang di chuyển trong một cái phễu. Những cánh cửa.

Những tranh ảnh. Những họa tiết hình khối xanh lam. Những sỏi chân của anh gần như không thể nghe thấy trên lớp thảm dày. Tuyệt. Các khách sạn tốt nghĩ đến chuyện giảm tiếng ồn. Còn những cảnh sát giỏi nghĩ đến chuyện mình phải làm gì. Mẹ kiếp, mẹ kiếp, chất axit lactic trong não. Và một máy làm đá. Phòng 2154, phòng 2156. Một tiếng nổ nữa. Phòng Palace Suite.

Nhịp tim anh đập như trống trận vào mạn sườn. Harry đứng cạnh cửa ra vào, tra thẻ từ vào ổ khóa. Có một tiếng rừ rừ lờ mờ. Tiếp đến là một tiếng cạch êm ru và đèn trên ổ khóa chuyển sang màu xanh lá. Harry rón rén ấn tay nắm cửa xuống.

Ngành cảnh sát có những quy trình cố định cho những tình huống như thế này. Harry đã tham gia khóa đào tạo nên biết rõ. Nhưng lúc này anh không muốn tuân thủ một điều nào cả,

Anh mở toang cửa, cầm chắc súng trong cả hai tay đưa ra trước mặt, lao vào phòng và thụp xuống tư thế quỳ ở ngưỡng cửa vào phòng khách. Ánh sáng tràn vào phòng chói lòa mắt anh và làm mắt anh nhức nhối. Một ô cửa sổ mở. Mặt trời đằng sau lớp kính như vàng hào quang trên mái đầu người tóc bạc đang từ từ quay lại.

“Cảnh sát đây! Bỏ súng xuống!” Harry quát lên.

Đồng tử của Harry co lại, từ ánh sáng dần hiện ra hình thù khẩu súng trường đang chĩa vào anh.

“Bỏ súng xuống!” anh nhắc lại. “Ông đã làm xong việc ông đến đây để làm rồi, Fauke. Nhiệm vụ hoàn thành rồi. Kết thúc rồi.”

Thật lạ lùng nhưng ban nhạc kèn đồng vẫn đang chơi ngoài kia, như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Lão già nâng súng lên, áp báng súng vào má. Đôi mắt Harry đã quen với ánh sáng, nhìn chằm chằm xuống nòng thứ vũ khí mà cho đến nay anh chỉ mới thấy trong ảnh.

Fauke lẩm bẩm điều gì đó, nhưng nó bị chìm lấp đi vì một tiếng nổ mới, lần này sắc hơn và rõ hơn.

“À tôi...” Harry thì thầm.

Ngoài kia, sau lưng Fauke, anh trông thấy một đám khói bốc lên không trung như ô hội thoại trắng từ khẩu đại bác trên các tường thành pháo đài Akershus. Những loạt pháo chào mừng ngày 17 tháng Năm. Cái anh vừa nghe là những loạt pháo ngày 17 tháng Năm! Harry nghe thấy tiếng reo hò. Anh hít vào hai cánh mũi. Trong phòng không có mùi khói thuốc súng. Anh nhận ra Fauke đã không nổ súng, vẫn chưa. Anh nắm chặt báng súng ngăn khi thấy khuôn mặt nhăn nheo đang vô hồn nhìn trừng trừng lại anh qua kính ngắm. Đó không chỉ là vấn đề mạng sống của chính anh hay của lão già. Những chỉ dẫn đã rõ ràng.

“Tôi từ phố Vibes đến đây. Tôi đã đọc nhật ký của ông,” Harry nói “Gudbrand Johansen. Hay bây giờ tôi đang nói chuyện với Daniel đây?”

Hàm răng Harry nghiến chặt, ngón tay co lại quanh cò súng.

Lão già lại lẩm bầm.

“Gì thế?”

“*Password*,” lão già đáp. Giọng lão khàn khàn, hoàn toàn không nhận ra được theo giọng anh đã nghe trước kia.

“Đừng làm thế!” Harry nói. “Đừng ép tôi.”

Một giọt mồ hôi chảy trên trán Harry, xuống sống mũi cho đến khi nó lơ lửng ở đầu mũi. Đến đây dường như nó không quyết định được nữa. Harry dịch tay nắm khẩu súng.

“*Password*,” lão già lặp lại.

Harry có thể thấy ngón tay của lão già siết chặt quanh cò súng. Anh có thể cảm thấy nỗi sợ chết bóp nghẹt tim mình.

“Đừng,” Harry nói. “Chưa quá muộn đâu.”

Nhưng anh biết điều đó không đúng. Đã quá muộn rồi. Lão già này đã nằm ngoài lý lẽ, ngoài thế gian này và đời này.

“*Password*?”

Không lâu nữa mọi sự sẽ kết thúc cho cả hai. Chỉ còn lại chút thời gian, khoảng thời gian vào đêm Giáng sinh trước khi...

“Oleg,” Harry đáp.

Khẩu súng đang chĩa thẳng vào đầu anh. Một tiếng còi xe vang lên phía xa. Một cơn đau lướt qua khuôn mặt lão già.

“Mặt khẩu là Oleg!” Harry nói.

Ngón tay trên cò súng ngừng lại.

Lão già há miệng ra định nói gì đó.

Harry nín thở.

“Oleg,” lão già nói. Thốt ra từ đôi môi lão, từ này nghe như một hơi gió.

• • •

Về sau Harry không bao giờ giải thích được chuyện đó, nhưng anh đã thấy nó: lão già đang chết vào đúng khoảnh khắc đó. Và rồi từ bên dưới những nếp nhăn, một khuôn mặt trẻ thơ đang nhìn Harry. Khẩu súng không còn chĩa vào anh nữa, nên anh hạ khẩu súng lục xuống. Rồi anh với tay ra đặt lên vai lão già.

“Cậu có hứa với tôi không?” Giọng lão già chỉ vừa nghe được. “Rằng mẹ con nó sẽ không...”

“Tôi hứa,” Harry đáp. “Đích thân tôi sẽ lo liệu để không một cái tên nào bị công bố ra. Dù là kiểu nào đi nữa Oleg và Rakel sẽ không phải chịu...”

Đôi mắt lão già dừng lại ở Harry một hồi lâu. Khẩu súng trường rơi thịch xuống sàn, rồi lão đổ gục xuống.

Harry tháo ổ đạn khẩu súng trường ra rồi đặt nó lên sofa. Sau đó anh quay số cho quầy tiếp tân bảo Betty gọi xe cứu thương. Tiếp theo anh gọi vào số di động của Halvorsen nói rằng nguy hiểm đã qua. Sau đó anh kéo lão già lên sofa, còn mình ngồi xuống ghé đờ.

“Cuối cùng tôi cũng tóm được cậu ấy,” lão già thều thào. “Cậu ấy định lên đi, cậu biết đấy. Trong đám bùn.”

“Ông tóm được ai?” Harry hỏi, rít một hơi thuốc lá thật dài.

“Daniel chứ còn ai. Cuối cùng thì tôi cũng đã tóm được cậu ấy. Helena nói đúng. Tôi luôn luôn khỏe hơn.”

Harry dụi tắt điều thuốc rồi đến đứng bên cửa sổ.

“Tôi sắp chết rồi,” lão già thì thầm.

“Tôi biết.”

“Nó nằm trên ngực tôi này. Cậu thấy được không?”

“Thấy cái gì?”

“Con chồn hôi.”

Nhưng Harry không thấy con chồn hôi. Anh thấy một đám mây trắng lướt nhanh qua bầu trời như một sự nghi ngờ thoáng qua. Trong ánh mặt trời, anh trông thấy những lá cờ Na Uy đang phấp phới bay trên tất cả các cột cờ trong thành phố. Anh trông thấy một con chim xám bay vụt qua cửa sổ. Nhưng chẳng thấy con chồn hôi nào cả.

PHẦN 10

PHỤC SINH

*Bệnh viện Ulleval.**Ngày 19 tháng 5 năm 2000*

Bjarne Moller tìm thấy Harry trong phòng chờ của khoa ung thư. Sếp Đội Hình sự ngồi xuống cạnh Harry, nháy mắt với một cô gái trẻ nhỏ nhắn. Cô ta nhú mào quay mặt đi.

“Tôi nghe nói chuyện xong xuôi cả rồi,” ông nói.

Harry gật đầu. “Bốn giờ sáng nay. Raket đã ở đây suốt. Giờ Oleg đang ở trong đó. Sếp làm gì ở đây vậy?”

“Chỉ muốn nói chuyện với cậu chút thôi.”

“Tôi cần hút một điếu!” Harry đáp. “Ra ngoài đi.”

Họ tìm được một chiếc ghế dài dưới bóng cây. Những đám mây mỏng đang trôi nhanh qua bầu trời trên đầu họ. Tất cả các dấu hiệu này cho thấy sẽ có một ngày âm áp nữa.

“Vậy là Raket không biết gì à?” Moller hỏi.

“Chẳng biết gì hết!”

“Những người biết chuyện này có tôi, Meirik, Cảnh sát trưởng, Bộ trưởng Tư pháp và Thủ tướng. Cậu nữa, dĩ nhiên rồi.”

“Sếp biết rõ hơn tôi ai biết cái gì mà, sếp.”

“Phải. Dĩ nhiên rồi. Tôi chỉ nghĩ sao nói vậy.”

“Vậy chính xác thì sếp muốn nói gì với tôi?”

“Cậu biết gì không, Harry? Có những hôm tôi ước gì mình làm việc ở nơi khác. Nơi nào đó bớt chính trị đi, nhiều việc cảnh sát hơn. Chẳng hạn như

Bergen. Nhưng rồi khi cậu thức dậy vào những ngày như hôm nay, đứng cạnh cửa sổ phòng ngủ nhìn ra con vịnh hẹp, những hòn đảo trong đó, lắng tai nghe chim hót và... cậu hiểu không?... Thế rồi cậu không còn muốn đi đâu nữa cả.”

Moller nhìn con bọ rùa đang bò lên đùi mình.

“Điều tôi muốn nói đó là chúng ta muốn được giữ nguyên mọi thứ như cũ, Harry.”

“Chúng ta đang nói về những thứ gì đây?”

“Cậu có biết rằng chưa một tổng thống Mỹ nào, trong hai mươi năm qua, trải qua hết nhiệm kỳ mà không có ít nhất mười lần mưu sát được phát hiện chưa? Và rằng tất cả hung thủ đều bị tóm gọn mà không có gì tới tai truyền thông? Chẳng ai được hưởng lợi khi những kế hoạch ám sát nguyên thủ quốc gia được công chúng biết, Harry. Đặc biệt là với những vụ có thể đã thành công, về mặt lý thuyết là vậy.”

“Về mặt lý thuyết hả sếp?”

“Không phải tôi nói. Nhưng tóm lại là chúng ta giữ kín vụ này. Chúng ta không muốn gieo rắc bất ổn. Hoặc phơi bày ra những yếu kém của hệ thống an ninh. Đây cũng không phải tôi nói. Những vụ ám sát dễ lây lan, giống như...”

“Tôi hiểu ý sếp,” Harry đáp, phì khói ra đằng mũi. “Cái chính là chúng ta đang làm việc này cho những kẻ có quyền thế, đúng không? Những người có thể và lẽ ra đã rung chuông cảnh báo từ trước.”

“Như tôi đã nói,” Moller nói. “Có những ngày Bergen có vẻ là một lựa chọn đáng kể.”

Trong vài phút chẳng ai nói gì nữa. Một con chim khệnh khạng trước mặt họ, vẫy đuôi, mổ mổ xuống cỏ với con mắt mở to cảnh giác.

“Chim chìa vôi,” Harry nói. “*Motacilla alba*. Kẻ thận trọng.”

“Cái gì cơ?”

“Những loài chim nhỏ của chúng ta. Thế còn những vụ giết người

Gudbrand Johansen gây ra thì tính sao đây?”

“Chúng ta giải quyết hết các vụ ban đầu cho vừa ý rồi, không phải sao?”

“Ý sếp là sao?”

Meller tỏ ra lúng túng.

“Lúc này mà ta khuấy động mọi thứ lên thì chỉ tổ làm loét thêm miệng vết thương cũ cho những người thân thôi. Chưa kể nguy cơ ai đó sẽ soi mói và đào bới mọi chuyện lên. Mấy vụ án này đã khép lại rồi.”

“Được. Even Juul. Và Sverre Olsen. Thế còn vụ giết Haligrim Dale thì sao?”

“Sẽ chẳng có ma nào làm âm lên vì ông ta đâu. Suy cho cùng, Dale là một à... ờ...”

“Chỉ là một gã già say xỉn chẳng ai thèm quan tâm à?”

“Xin cậu đấy, Harry. Đừng làm chuyện này khó khăn thêm nữa. Cậu biết tôi cũng chẳng vui về gì đâu.”

Harry dụi điều thuốc vào tay ghế đá, bỏ lại đầu thuốc vào gói thuốc.

“Tôi lại phải đi rồi, sếp.”

“Vậy chúng tôi có thể tin rằng cậu sẽ giữ kín chuyện này chứ?”

Harry cười ngoèn. “Những gì tôi nghe nói có đúng không? Về người muốn tiếp quản việc của tôi ở POT?”

“Chắc chắn,” Moller đáp. “Tom Waaler đã nói rằng cậu ta sẽ ứng cử. Meirik muốn toàn bộ mục Quốc xã mới thành một phần trong mô tả công việc, để nó thành bộ phận cho các công việc cấp cao. Sẵn nói luôn, tôi sẽ tiến cử cậu ta. Tôi cho rằng cậu sẽ vui khi cậu ta sắp biến, vì giờ cậu đã quay về Đội Hình sự? Khi mà vị trí thanh tra của cậu ta với chúng tôi sẽ trống.”

“Vậy đó là phần thưởng để tôi cảm ơn chứ gì?”

“Cậu nghĩ cái quái gì đấy hả Harry? Bởi vì cậu là người giỏi nhất. Một lần nữa cậu đã chứng tỏ điều đó, đúng không? Tôi chỉ đang tự hỏi chúng tôi có thể tin cậy cậu được không.”

“Sếp biết tôi muốn giải quyết vụ nào không?”

Moller bẻ vai. “Vụ sát hại Ellen đã giải quyết rồi, Harry.”

“Không hẳn,” anh đáp. “Có vài chi tiết chúng ta vẫn chưa biết. Ngoài những chi tiết khác ra thì còn chuyện gì đã xảy ra với số tiền 200.000 krone Na Uy để mua khẩu súng trường. Có lẽ có một vài kẻ trung gian đấy!”

Moller gật đầu.

“Được. Cậu và Halvorsen có hai tháng. Nếu hai cậu không tìm được gì, vụ này sẽ khép lại.”

“Tôi đồng ý.”

Maller đứng dậy để đi. “Chỉ còn một điều tôi vẫn đang thắc mắc, Harry. Làm sao cậu đoán được mật khẩu là ‘Oleg’?”

“À, Ellen vẫn luôn nói với tôi rằng điều đầu tiên xuất hiện trong tâm trí cô ấy gần như bao giờ cũng đúng.”

“Ấn tượng thật,” Moller gật đầu thán phục. “Vậy điều đầu tiên xuất hiện trong tâm trí cậu là tên của cháu ngoại ông ta?”

“Không phải!”

“Không phải sao?”

“Tôi không phải là Ellen. Tôi phải suy nghĩ một chút chứ.”

Moller ném sang anh cái nhìn sắc lạnh. “Giờ cậu đang trêu tôi đấy hả Hole?”

Harry mỉm cười, hất đầu về phía con chim chìa vôi. “Tôi có đọc trong cuốn sách về chim nói lúc nãy rằng không ai biết tại sao chim chìa vôi lại vẫy đuôi khi chúng đứng yên. Đó là một bí ẩn. Điều duy nhất ta biết đó là chúng không thể ngừng...”

Sở Cảnh sát.

Ngày 19 tháng Năm năm 2000.

Harry vừa gác chân lên bàn và tìm được thế ngồi thoải mái nhất thì chuông điện thoại reo. Để không mất vị trí, anh vươn tay ra trong khi cơ hông giữ thăng bằng trên chiếc ghế văn phòng mới, bánh xe được tra dầu thật nguy hiểm. Mấy đầu ngón tay anh tóm được chiếc điện thoại.

“Hole nghe đây.”

“Harry à? Isaiah Bume gọi từ Johannesburg đây. Anh khỏe không?”

“Isaiah à? Ngạc nhiên đây.”

“Thế à? Tôi gọi để cảm ơn anh thôi, Harry.”

“Cảm ơn tôi vì cái gì?”

“Vì đã không bắt đầu gì cả.”

“Bắt đầu cái gì?”

“Anh hiểu ý tôi mà, Harry. Vì đã không bắt đầu động thái ngoại giao nào để xin ân xá hay bất kỳ cái gì tương tự.”

Harry không đáp. Anh gằn như đợi cuộc gọi này đã một thời gian rồi. Thế ngồi giờ không còn thoải mái nữa. Đôi mắt van xin của Andreas Hochner bắt ngờ hiện về. Và giọng nói khẩn nài của Constance Hochner: ông có hứa mình sẽ làm những gì có thể không, ông Hole?

“Harry?”

“Tôi còn đây.”

“Hôm qua tòa đã tuyên án rồi!”

Harry nhìn bức ảnh Sis trên tường. Năm năm mùa hè ảm áp bất thường, đúng không nhỉ? Hai anh em đã đi bơi ngay cả khi trời đang mưa. Anh thấy choáng ngợp một nỗi buồn khôn tả.

“Án tử hình à?” anh nghe mình hỏi.

“Và không có quyền kháng cáo.”

Quán Schroder.

Ngày 2 tháng 6 năm 2000

“Hè này anh định làm gì, Harry?”

Maja đang đếm tiền để trả lại.

“Tôi cũng chưa biết. Chúng tôi đã bàn chuyện thuê một nhà gỗ đầu đó ở Na Uy này. Dạy cho thằng nhóc tập bơi rồi đủ cả.”

“Tôi không biết là anh có con đấy.”

“Không phải, à chuyện dài lắm.”

“Thật à? Hy vọng ngày nào đó tôi được nghe!”

“Để chúng tôi xem, Maja. Không cần trả lại tiền thừa đâu!”

Maja làm động tác nhún đầu gối thật thấp và cúi chào, rồi quay đi với nụ cười toe toét trên mặt. Quán vắng vẻ so với một chiều thứ Sáu. Có lẽ cái nóng đã khiến mọi người đổ xô lên nhà hàng trên sân thượng ở St Hanshaugen.

“Sao?” Harry nói.

Ông già nhìn chằm chằm xuống cốc của mình mà không trả lời.

“Ông ta chết rồi. Ông không vui à, Asnes?”

Người Mohican ngẩng đầu lên nhìn Harry. “Ai chết cơ?” ông nói. “Chẳng ai chết cả. Chỉ tôi chết thôi. Tôi là người cuối cùng trong những người chết!”

Harry thở dài, nhét tờ báo dưới cánh tay rồi bước ra cái nóng buổi chiều mờ ảo.

• • •

Sieg Heil: Chào mừng Chiến thắng. Khẩu hiệu Sieg Heil cùng với động tác đưa tay thẳng lên phía trước trở thành biểu tượng của chủ nghĩa Phát xít Đức và chủ nghĩa Quốc xã mới ở châu Âu. Nếu hô *Sieg Heil* ở nước Đức ngày nay bạn có thể sẽ nhận án tù vì tội tuyên truyền chủ nghĩa Phát xít.

Chơi chữ “Bat” vừa có nghĩa là “Dơi” (trong Batman - Người dơi) vừa có nghĩa là “gậy bóng chày (trong Baseball bat).

tiếng Đức - xin đừng bắn.

chào buổi tối.

Wehrmacht tên thống nhất của các lực lượng quân đội Đức Quốc xã từ 1935 - 1945. Lực lượng Vũ trang SS (Waffen - SS) cũng là một phần của Lực lượng Vệ quốc này...

Tiếng Đức: như trong Vương quốc Tử thần ấy hả.

Tiếng Đức: Vâng.

Tiếng Đức: Tại sao?.

Tiếng Đức: Tôi không biết.

Nhạc sĩ, ca sĩ da màu người Mỹ.

cạn ly.

huân chương của quân đội Mỹ nhân danh Tổng thống trao tặng cho các binh sĩ thương vong.

Chết rồi.

còn sống.

đám than hồng.

sai, tao bắn.

giọng nói thiên thần.

chào buổi sáng.

đúng vậy.

nhà thờ thánh Stephan.

thưa cô.

thưa ngài.

một loại ván trượt tuyết cải tiến có xuất xứ từ vùng Telemark, Na Uy.

Thủ tướng Thụy Điển bị ám sát tại Stockholm ngày 28 tháng Hai năm 1986.

Tổ chức cực kỳ bảo thủ, bảo vệ người Phi gốc Âu do Carel Boshoff thành lập năm 1984.

Anschluss (sự chiếm đóng và sáp nhập nước Áo, trong đó có Salzburg, vào Đế chế thứ ba) diễn ra vào ngày 12 tháng Ba năm 1938, một ngày trước khi lên kế hoạch trưng cầu dân ý về độc lập của Áo. Quân Đức được chuyển đến thành phố. Đối thủ chính trị, dân Do Thái và dân tộc thiểu số khác sau đó bị bắt và bị trục xuất. Các giáo đường Do Thái bị phá hủy. Một số trại tù binh chiến tranh cho các tù nhân từ Liên Xô và các quốc gia khác đã được lập ra trong khu vực.

trường đua Tây Ban Nha.

chuẩn hạ sĩ.

chó chết.

khốn khiếp.

gà và rượu vang hảo hạng.

Một món ngọt tráng miệng đặc biệt của thành phố Salzburg, Áo.

Tất cả về mẹ tôi – một bộ phim tâm lý-hài Tây ban Nha.

Fried green tomatoes – một bộ phim tâm lý-hài Mỹ.

một loại vé cho phép bạn đi tất cả các chuyến tàu trong khu vực EU trong một thời gian nhất định.

bắt thành cùng chứng nghiệm rượu ngày càng nặng.

Bathsheba vốn là vợ của Uriah, vì có nhan sắc nên bị vua David cướp. Sự Uriah phát hiện, sau khi Bathsheba có thai, vua David hạ chỉ bắt Uriah ra chiến trường rồi lập mưu giết chết. Đứa con trai thứ hai của Bathsheba với vua David chính là Solomon.

ám chỉ Mette-Marit, vợ Thái tử Heakon, người thừa kế ngai vàng của vương quốc Na Uy. Có lẽ một thường dân Na Uy, đồng thời là một người mẹ đơn thân trước khi đính hôn với Thái tử vào năm 2000.

Câu chúc tụng “Hitler Vạn Tuế”. Khi nói câu này lính Đức hay giơ cánh tay lên cao.

Cuốn Cuộc đời tranh đấu của tôi của Adolf Hitler.

Đạn súng, đầu có rãnh khía hoặc khoang rỗng, dễ vỡ hoặc biến dạng khi vào trong cơ thể, làm vết thương nặng hơn. Dum Dum là tên gọi một địa điểm ở ngoại ô thành phố Calcutta, Ấn Độ, nơi chế tạo loại đạn này theo đơn đặt hàng của Anh, sau đó thành tên gọi của cả những đạn súng có đầu nổ được Hội nghị quốc tế lần thứ nhất họp ở La Haye năm 1899 đã tuyên bố cấm sử dụng đum đum, nhưng quân đội Pháp vẫn sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam (1946-1954).

cảnh sát- tiếng Pháp.

thái tử Na Uy.

Năm 1940: Lực lượng Vệ quốc quyết định xâm chiếm Na Uy. Chính tại vịnh hẹp Oslo, Đại tá Eriksen của quân đội Na Uy đã bắn chìm tàu tuần dương Blucher của Đức. Nhờ đó vua và gia đình hoàng tộc, quốc hội, chính phủ và quốc khố đã rời Oslo. Vua Na Uy đã qua Anh, và trở thành đồng minh trong cuộc chiến chống Đức Quốc xã. Đến ngày 9 tháng Tư năm 1940, Lực lượng Vệ quốc xâm lược Na Uy.

chào buổi tối, quý vị.

Mẹ cháu! Mẹ cháu!